

NGUYỄN VĂN KHỎA

ANH HÙNG CA CỦA HÔMERO



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUYỄN VĂN KHỎA

ANH HÙNG CA
CỦA
HÔMERO

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC, 2002

LỜI NÓI ĐẦU

Từ nhiều năm nay, Hô-me-rơ không những là một tác giả trong chương trình văn học của các trường Đại học và Cao đẳng mà còn là một tác giả trong chương trình văn học của hệ giáo dục phổ thông. Vì thế nhu cầu hiểu biết Hô-me-rơ ngày càng phát triển, đặt ra những yêu cầu mới đối với việc giảng dạy và nghiên cứu. Cuốn "Anh hùng ca của Hô-me-rơ" này ra đời nhằm đáp ứng trong một chừng mực nào đó những yêu cầu ấy.

1. Trong cuốn sách, chúng tôi dựa vào bản dịch "I-li-át" và "Ô-đi-xê" ra tiếng Pháp của Leconte de Lisle, là bản dịch phiên âm các tên riêng theo sát với tiếng Hy-lạp cổ, đồng thời có tham khảo bản dịch ra tiếng Nga để sửa lại một vài trường hợp cho đỡ quá xa với âm gốc (như chúng ta đã sửa Si-li: Chi-lê, Ý: I-Ta-li-a, La-mã: Rô-ma...) Thí dụ: "A-sin", tiếng Hy-lạp cổ là "Akhilleus" nay sửa lại là "A-khin"; Xi-clốp", tiếng Hy-lạp cổ là "Kiklôps" nay sửa lại là "Ki-clốp"; "Xiéc-xê", tiếng Hy-lạp cổ là "Kirkê" nay sửa lại là "Kiéc-kê" v.v...

2. Về cách viết, do tác phẩm của Hô-me-rơ chưa được dịch trọn, hơn nữa những cuốn "I-li-át", "Ô-đi-xê" trích dịch của nhà xuất bản "Văn học" in ra từ năm 1966 đến nay chưa tái bản và chúng ta cũng chưa biên soạn được một cuốn văn tuyển về văn học cổ đại Hy-lạp, cho nên học sinh không có tác phẩm để đọc, để tự nghiên cứu, củng cố lại những kiến thức ghi chép được trong khi nghe

giảng; vì thế chúng tôi trong khi viết có trích dẫn hơi nhiều. Cách viết như thế đương nhiên có những nhược điểm của nó song ít ra nó cũng có một mục đích thiết thực, kịp thời, của một cuốn sách dùng trong nhà trường, giảm bớt được phần nào khó khăn cho học sinh.

3. Về phần tài liệu nghiên cứu, ngoài những ý kiến của C. Mác, Ph. En-ghe-n, M. Gor-ki... chúng tôi có sưu tập những ý kiến về loại hình anh hùng ca của ba nhà nghiên cứu - lý luận xô viết: L. I. Ti-mô-phi-ép, G. L. A-bra-mô-vits và A. Ph. Lô-sép, với mục đích giới thiệu rất sơ lược sự phát triển của lý luận về loại hình này. Thật ra những vấn đề lý luận về anh hùng ca như là một thể loại tự sự vẫn đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu-lý luận xô viết. Nhiều công trình nghiên cứu về anh hùng ca và tiểu thuyết-anh hùng ca xuất bản trong những năm gần đây chứng tỏ điều đó. Phạm vi của cuốn sách này không cho phép trích dịch, giới thiệu thêm.

Trong phần tài liệu nghiên cứu, những đoạn trích từ các sách đã xuất bản trong nước, chúng tôi đều ghi rõ. Ngoài những đoạn đó là những đoạn do chúng tôi trích dịch và chú thích.

Những đoạn trích "I-li-át", "Ô-di-xê" chúng tôi ghi số khúc ca bằng chữ số La-mã và số câu thơ bằng chữ số Ả-rập: (XIX, 155-171: khúc ca XIX, câu thơ 155 đến 171). Nếu đoạn trích đó đã được dịch trong cuốn "I-li-át" và "Ô-di-xê" của nhà xuất bản "Văn học" thì chúng tôi chú thích số trang ở dưới.

4. Về phần trích dịch "I-li-át" và "Ô-di-xê": chúng tôi dịch "I-li-át" theo bản dịch của Paul Mazon và "Ô-di-xê" theo bản dịch của Victor Bérard do Société d'édition "Les Belles Lettres", Paris, xuất bản năm 1955. Đó là những bản dịch có dụng văn bản tiếng Hy-lạp cổ kèm bên để

đối chiếu (văn bản, tác phẩm song ngữ). Ở những bản dịch này, người dịch chú trọng dịch sát và dịch đúng, hơn là dịch thoát và dịch hay. Chúng tôi đương nhiên cũng theo cách dịch ấy với ý muốn giới thiệu với người đọc cách tư duy, cách quan niệm của người Hy-lạp cổ. Nhìn qua giữa "Những người Tô-roa luyện chiến mã" với "Những người Tô-roa luyện thuần ngựa cái" thì không có gì đáng phân biệt và cần phải phân biệt, và xét về mặt văn học thuần túy, để cho hay, tất nhiên nên và cần phải dịch là "chiến mã". Song xét về mặt lịch sử - xã hội thì rõ ràng chúng ta thấy sự phân biệt đó phản ánh cách đánh giá của những bộ lạc chăn nuôi thời nguyên thủy. Cũng như giữa "ăn uống đến no nê trái tim" với "ăn uống no say", "đồ có trái tim đầy vô liêm sỉ" với "đồ mặt dày mày dạn", giữa "cuộc chiến tranh làm lạnh buốt trái tim" với "cuộc chiến tranh làm đau lòng người" không phải là sự khác nhau về trình độ dịch, về cách dịch mà là sự khác nhau về cách tư duy, về quan niệm. Chúng ta có thể thấy điều này ở cách nói của đồng bào các dân tộc ở Tây Bắc, Tây Nguyên... khi một người dân miền núi nói: "đi chừng một quãng dao nữa" hay "đi chừng mỗi một vai nỏ nữa" thì cũng giống như Uy-li-xơ tính toán "còn cách bờ khoảng chừng một tiếng hú nữa"... Chính vì lẽ đó cho nên ở nhiều nước trên thế giới đối với những tác phẩm cổ, người ta đều có những bản dịch thoát nhằm mục đích phổ biến trong công chúng và có những bản dịch sát và đúng, hoặc những bản dịch song ngữ để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập ở các khoa Ngữ-văn.

Chúng tôi đã cố gắng trong khi dịch song chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được sự chỉ dẫn của các bạn đọc.

5. Về bản đồ "Hành trình của Uy-li-xơ" do Victor

Bérard nghiên cứu và dựng lại mà chúng tôi sao lại, in trong sách này, chỉ có một ý nghĩa tương đối và hạn chế. Chúng ta không thể coi tác phẩm của Hô-me-rơ như một cuốn sách địa lý "chân xác đến mức kỳ diệu" được! Nếu chúng ta nghiên cứu văn học theo kiểu khảo chứng như thế và tin vào những chi tiết khảo chứng ấy như là tin vào những dữ kiện khoa học thì chúng ta vô hình trung đã rơi vào chủ nghĩa thực chứng, xã hội học - thực chứng luận, là một trong những trào lưu duy tâm chủ nghĩa của triết học tư sản. Và như vậy chúng ta cũng quên mất một điều rất cơ bản là tác phẩm của Hô-me-rơ xây dựng bằng vật liệu thần thoại và truyền thuyết, nó đã trải qua một quá trình tồn tại và phát triển dưới hình thức truyền miệng rất lâu dài trong đời sống nhân dân thời cổ. Có thể tìm ra những chi tiết đúng trong đó, nhưng chắc chắn rằng có không ít những chi tiết sai, hoang đường, chấp vá, lẫn lộn, không chứng thực điều gì hết.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí Đỗ Đức Hiếu, Trần Văn Tấn và ban biên tập nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã đọc và góp ý kiến xây dựng bản thảo của cuốn sách. Chúng tôi mong muốn nhận được ý kiến phê bình của đông đảo bạn đọc.

Ngày 1 tháng 2 năm 1978

NGUYỄN VĂN KHỎA

Dại dột là những ai không thấy hết giá trị của thời cổ đại Hy-lạp đối với chủ nghĩa xã hội vừa chiến thắng trong sự nghiệp xây dựng lại đời sống loài người.

CÁC MÁC

Nếu một vật gì là đẹp thì cần phải giữ gìn lấy nó, lấy nó làm mẫu mực, phòng theo nó dầu nó có cũ đi nữa. Tại sao lại ngoảnh mặt đi không muốn nhìn một vật thật sự là đẹp, tại sao lại không chịu lấy nó làm bước đường phát triển của tương lai?

V. I. LÊ-NIN

Có kẻ rất lố bịch ngại học tập các nhà văn cổ điển e nguy hiểm, e nhà văn cổ điển kia túm lấy chân anh học trò và lôi bừa anh ta xuống suối vàng.

M. GOR-KI

NHỮNG CƠ SỞ LỊCH SỬ -XÃ HỘI CỦA HAI BẢN ANH HÙNG CA CỦA HÔ-ME-RƠ

Trong thế kỷ XVIII và gần suốt thế kỷ XIX các nhà khoa học ở châu Âu không hiểu biết gì nhiều lắm về những cơ sở lịch sử-xã hội của nền văn hoá cổ Hy-lạp cũng như hai bản trường ca của Hô-me-rơ⁽¹⁾. Hầu hết các nhà sử học ở châu Âu đều coi nội dung tác phẩm của Hô-me-rơ là hoang đường, thậm chí phủ nhận cả sự tồn tại của thành Tơ-roa. Ngày nay nhờ có những thành tựu của khoa học khảo cổ nên chúng ta đã có những kết luận tương đối chính xác về nguồn gốc của nền văn minh cổ Hy-lạp trong đó có lịch sử-xã hội thời đại Hô-me-rơ.

Người đầu tiên mở đường cho việc tìm hiểu lịch sử-xã hội thời kỳ tiền sử này là Hen-rich Sli-ê-man (1822-1890), một thương gia người Đức. Đọc thơ ca của Hô-me-rơ, ông tin rằng những điều miêu tả về nền văn hoá vật chất trong đó là có thật, thành Tơ-roa là có thật. năm 1870 ông tổ chức khai quật ở Tây bắc Tiểu Á, trên ngọn đồi Hít-xa-lich thuộc nước Thổ ngày nay, nơi mà ông giả định là thành Tơ-roa xưa kia. Kết

(1). Tiếng Hy-lạp: Hómeros.

quả thật to lớn: Sli-ê-man tìm thấy một Thành Tơ-roa thật với nhiều di vật quý giá. Tiếp, từ năm 1874 đến 1876 ông tổ chức khai quật ở nhiều địa điểm khác trên đất Hy-lạp như: Oóc-cô-men, Mi-ken⁽¹⁾, Ti-ranh-tơ, v.v... Cũng như ở Hít-xa-lich, ở những nơi này ông tìm được những cung điện cùng với nhiều lăng tẩm, đồ vật. Ông gọi nền văn hoá này là nền văn hoá Mi-ken và cho rằng nó thuộc vào thời đại Hô-me-rơ, Hô-me-rơ đã miêu tả nó trong hai bản trường ca.

Trên cơ sở những tài liệu của Sli-ê-man nhà khoa học Vin-hem Đốc-phin, người Đức, (1853-1940) tiếp tục công cuộc nghiên cứu. Ông tổ chức khai quật lại ở Tơ-roa. Ông cho rằng nhận định của Sli-ê-man không đúng. Những di vật tìm được ở Tơ-roa, ở Mi-ken phải thuộc về một thời kỳ cổ hơn mà khoa học chưa xác minh được. Ông nêu ra một giả thuyết: vào thiên niên kỷ III và II trước Công nguyên ở vùng Đông Nam châu Âu đã có một nền văn hoá phát triển cao, trình độ của nó rất gần với trình độ phát triển của nền văn hoá Cận Đông.

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX nhà khảo cổ học người Anh, Ác-tơ I-vân (1851-1941) tổ chức khai quật ở Knốt-xốt đảo Cre-tơ. Ông đã tìm ra được một cung điện khá lớn có tới hàng trăm phòng, có kho ủ rượu, nhà tù, nhà hát năm trăm chỗ ngồi, xưởng thợ, một hệ thống ống dẫn nước đến các phòng tắm, những bức

(1). Trước đây phiên âm là Mi-xen

bích họa và nhiều đồ vật quý giá khác. I-vân còn tìm thấy nhiều tấm bia có chữ và đây là một tài liệu rất quan trọng⁽¹⁾. Công cuộc khai quật khảo cổ học được nhiều nhà nghiên cứu tiếp tục mở rộng đến nhiều địa điểm khác trên đảo Cre-tơ như Pha-i-xtốt, Man-li-a... Những kết quả của khảo cổ học đã đem lại những nguồn thông tin mới cho phép I-vân đính chính lại những kết luận của những nhà nghiên cứu trước. Ông cho rằng Sli-ê-man và Đóc-phin đã không chú ý đến những cái nôi chính, những trung tâm chính của nền văn hóa. Ông gọi nền văn minh phát hiện được là nền văn minh Cre-tơ hay Mi-nốt (tên một vị vua trong truyền thuyết) hoặc Ê-giê. Đó là nền văn minh tiền Hy-lạp (préhellénique) tồn tại từ thiên niên kỷ III cho đến giữa thiên niên kỷ II trước công nguyên. Nền văn minh Mi-ken do Sli-ê-man phát hiện về nhiều mặt chỉ là sự thừa kế và tiếp tục phát triển nền văn minh Cre-tơ vốn phong phú hơn và cổ hơn.

Từ năm 1920 đến năm 1939 các nhà khoa học tiếp tục công cuộc nghiên cứu. Nhiều tài liệu vô cùng quý giá được phát hiện trong các cuộc khai quật khảo cổ học ở Hy-lạp, Tơ-roa, đảo Síp và vùng Cận Đông.

Từ năm 1941 đến năm 1953 các nhà bác học Hơ-rô-dni người Tiệp, Giê-oóc-gi-ép người Bun-ga-ri, Ven-tơ-ri và Tsát-uyt người Anh đã nghiên cứu tìm đọc được loại văn tự cổ gọi là văn tự hình tuyến ký

(1). Văn tự hình tuyến "A"

hiệu "B" tìm được ở Pi-lốt (Hy-lạp)⁽¹⁾. Theo các nhà nghiên cứu thứ văn tự này có trước thứ văn tự trong trường ca của Hô-me-rơ chừng 600 năm.

NỀN VĂN MINH CRE-TƠ

Những tài liệu khảo cổ cho chúng ta biết vào nửa đầu thiên niên kỷ III trước công nguyên, Cre-tơ đã chuyển từ thời đại đồ đá sang thời đại đồ đồng. Trong quãng thời gian từ 2000 đến 1700 trước công nguyên nền văn minh ở đảo Cre-tơ phát triển khá rực rỡ. Những cung điện đầu tiên được xây dựng vào quãng đầu thiên niên kỷ II trước công nguyên ở ba trung tâm chính trên đảo là Knốt-xốt, Pha-i-xtốt và Man-li-a. Ở Knốt-xốt các nhà khoa học tìm được một cung điện với cấu trúc phức tạp.

Cung điện này cũng như một số cung điện khác tìm được ở đảo Cre-tơ đã trải qua nhiều lần xây dựng lại. Những di vật phong phú tìm được trong các cuộc khai quật khảo cổ học cho ta biết về trình độ văn minh khá cao của những người Cre-tơ trong giai đoạn này.

Nền văn minh Cre-tơ phát triển rực rỡ trong nửa đầu thiên niên kỷ II trước công nguyên. Nó có ảnh hưởng lớn khắp vùng bán đảo Ban-căng, đã góp phần xây dựng nền văn minh vùng đồng bằng ven biển ở Hy-lạp. Nền văn minh Cre-tơ còn phát huy ảnh hưởng

(1). Nhà khoa học người Mỹ Blé-gin năm 1939 tìm thấy trong cung điện của Ne-xto ở Pi-lốt.

tới những vùng ven biển Tiểu Á mà ta tìm thấy dấu vết của nó trong nền văn minh Tô-roa. Là một hòn đảo ở phía Nam bán đảo Ban-căng, Cre-tơ như một chiếc cầu nối liền sự giao lưu kinh tế văn hoá giữa khu vực Đông-Nam Địa Trung Hải với vùng Cận Đông, Ai-Cập. Khảo cổ học cho chúng ta biết có một sự giao lưu gần gũi giữa nền văn minh Cre-tơ với nền văn minh Lưỡng-hà.

Nghiên cứu thần thoại Hy-lạp chúng ta có thể tìm thấy ít nhiều dấu vết tương ứng với sự thật lịch sử đã được các nhà khoa học kết luận. Truyền thuyết về nhà vua Mi-nốt ở Cre-tơ xây cung điện La-bi-ranh-tơ lắt léo, phức tạp để nhốt đứa con Mi-nô-to-rơ - nửa người nửa bò của mình... Truyện Mi-nốt bị nhốt trong buồng tắm có ống dẫn nước ở cung điện của Cô-ca-lốt... cho ta biết về trình độ văn minh trong việc xây cung điện. Truyện Đê-đan người A-te-nơ sang Cre-tơ xây cung điện cho vua Mi-nốt, truyện Ăng-đrô-đê, Tê-đê... chứng tỏ giữa Cre-tơ và bán đảo Hy-lạp đã có quan hệ giao lưu ⁽¹⁾.

Cơ sở xã hội đã làm nảy sinh ra nền văn minh Cre-tơ là chế độ chiếm hữu nô lệ - một chế độ chiếm hữu nô lệ theo kiểu các vương triều lớn vùng Cận

(1) Xem "Thần thoại Hy-lạp" - (Truyền thuyết về đảo Cre-tơ) NXB Giáo dục, Hà Nội, 1963.

Đông mà khoa học lịch sử ngày nay gọi là "*Hệ thống cung điện*", "*nền kinh tế cung điện*"⁽¹⁾.

Vào những thế kỷ đầu của nửa sau thiên niên kỷ II trước công nguyên (quãng thế kỷ 15 đến 12) nền văn hóa Cre-tơ kết thúc thời kỳ phát triển. Cho đến cuối thiên niên II hoặc đầu thiên niên I trước công nguyên nền văn hóa Cre-tơ suy tàn hẳn. Nguyên nhân vì sao, khoa học hiện nay chưa có thể đưa ra được lời giải đáp chính xác. Có ý kiến cho rằng do động đất. Có ý kiến cho rằng do một cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Có ý kiến cho rằng do một đợt di cư lớn của những người Đô-riêng vào thế kỷ XI trước công nguyên đã phá huỷ nền văn minh Cre-tơ. Đọc trường ca "Ô-đi-xê" của Hô-me-rơ chúng ta có thể thấy được vài tia hồi quang yếu ớt của cái ánh sáng rực rỡ xưa kia của nền văn minh Cre-tơ qua câu chuyện của Uy-li-xơ kể cho Pê-nê-lốp nghe về quê hương và dòng dõi của mình:

...Giữa biển rộng mênh mông tím ngắt là một mảnh đất đẹp đẽ và phì nhiêu, bốn bề sóng nước: đó là hòn đảo Cre-tơ, dân cư đông đúc, có chín mươi đô thị. Dân ở đây nói những tiếng khác nhau. Ta thấy bên những người A-kê-en là những người Ki-đô-niêng, những người Ê-tê-ô-cre-tơ dũng cảm, ba bộ lạc của người Đô-riêng và những người Pê-la-giơ thần thánh. Trong số những đô thị đó thì Knốt-xốt là đô thị lớn nhất do

(1). Système palatial, économie palatiale.

nhà vua Mi-nốt trị vì - nhà vua này cứ chín năm một lần lại được tiếp xúc với thần Dớt vĩ đại... (Odyssée-XIX, 172-180).

NỀN VĂN MINH MI-KEN

Vào những năm 2000 đến 1900 trước công nguyên, từ phương Bắc một tộc người thuộc hệ Ấn-Âu (Indoeuropéen di cư xuống bán đảo Hy-lạp. Đó là những người Mi-ni-en đóng vai trò mở đầu cho các đợt di cư kế tiếp của các bộ lạc tổ tiên của người Hy-lạp ở những thế kỷ sau. Những người mà trong thơ ca Hô-me-rơ gọi là A-kê-en chính là một trong bốn nhóm bộ lạc sau này định cư ở Hy-lạp, góp phần công sức vào việc xây dựng nền văn minh Mi-ken. Trước khi những người Mi-ni-en, A-kê-en di cư đến Hy-lạp, chủ nhân của mảnh đất này là những người Pê-la-giơ và Lê-le-giơ. Những người này đã đồng hóa với những người di cư đến - những người A-kê-ne và bắt chước tiếng nói của họ, đưa yếu tố "A-kê-nê" vào trong ngôn ngữ của mình. Sau khi định cư ở bán đảo Hy-lạp, những bộ lạc Mi-ni-en, A-kê-en đã toả đi khắp vùng biển Ê-giê, bờ biển Tiểu Á vươn sang phía Tây Địa Trung Hải và ngược lên tận Hắc Hải tạo thành thế giới Hy-lạp cổ với phạm vi rộng lớn hơn ngày nay rất nhiều. Vào quãng thế kỷ 17 trước công nguyên, những người A-kê-en, Mi-ni-en đã ở vào thời kỳ đồ đồng thau. Những bộ lạc này đã tiếp xúc với nền văn minh Cre-tơ

vào thời kỳ rực rỡ nhất (sau 1700 trước công nguyên). Nền văn minh Cre-tơ đã mở ra cho họ một chân trời mới. Một quá trình mô phỏng, "Cre-tơ hoá", đã diễn ra trong đời sống các bộ lạc Hy-lạp. Từ đó hình thành nền văn minh Mi-ken. Qua những di vật khảo cổ học chúng ta được biết vào nửa sau thế kỷ 16 trước công nguyên, xã hội Mi-ken đã có sự phân chia đẳng cấp. Thời kỳ xây dựng những cung điện diễn ra trong quãng thế kỷ 15 đến 13 trước công nguyên. Thế kỷ 14 đã hình thành một nền văn minh cung điện⁽¹⁾ chung giữa Cre-tơ và Mi-ken.

Từ thế kỷ 14 đến 12 trước công nguyên, nền văn minh Mi-ken phát huy ảnh hưởng ra khắp thế giới Hy-lạp. Từ 1450 trước công nguyên những người A-kê-en đã chinh phục Cre-tơ và trở thành chủ nhân của cung điện ở Knôt-xốt. Những người A-kê-en đã đặt chân đến Tơ-roa, đã xuống đảo Síp, đã đến bờ biển Si-ri, đi vào xứ Phê-ni-ki, vào Pa-le-xtin... Ở những khu vực này hình thành một nền văn minh Síp-Mi-ken (Cypro-my-cénienne) mà trong đó những yếu tố Cre-tơ, Mi-ken và châu Á hoà hợp với nhau. Cũng trong thế kỷ 14 đến nửa đầu thế kỷ 13 trước công nguyên, những người A-kê-en đã tiếp xúc với Ai-cập. Ảnh hưởng và phạm vi hoạt động của Cre-tơ dần dần bị thu hẹp và thay thế bằng vai trò của những người A-kê-en.

(1) Civilisation palatiale.

Cơ sở xã hội đã làm nảy sinh ra nền văn minh Mi-ken là chế độ chiếm hữu nô lệ. Mặc dù khoa học ngày nay chưa có khả năng dựng lại một bức tranh về tổ chức xã hội Mi-ken song với những kết quả nghiên cứu hiện có, các nhà khoa học có thể cho chúng ta biết được một số đặc điểm của nhà nước Mi-ken.

Đó là một nhà nước theo kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ quân chủ chuyên chế ở phương Đông⁽¹⁾. Đời sống xã hội gần như xoay quanh cung điện. Nhà vua-anax-là người nắm trong tay mọi quyền hành tôn giáo, quân sự, chính trị, kinh tế, hành chính. Giúp việc nhà vua có một giai cấp chuyên làm công việc điều hành và kiểm sát, giám sát các mặt hoạt động của nhà nước gọi là giai cấp thư lại (scribe). Giai cấp này không phải hình thành trong giới quý tộc người Mi-ken mà là những người Cre-tơ được đưa về phục vụ cho các triều đại nhà vua Mi-ken. Những người này đã biến đổi thứ văn tự hình tuyến "A" vốn dùng ở cung điện Knót-xốt thành văn tự hình tuyến "B" để phù hợp với ngôn ngữ của những người Mi-ken.

Cơ sở xã hội-chính trị của nền văn minh cung điện, chỗ dựa của nhà văn -anax-là một tầng lớp quý tộc quân sự có nhiều đặc quyền, đặc lợi. Sự tồn tại của tầng lớp này cho phép chúng ta rút ra kết luận ở nhà

(1) Phương Đông ở đây chỉ vùng Trung, Cận Đông, Lưỡng hà, Ai-cập.

nước Mi-ken đã có sự phân biệt khá sớm chức năng chiến trận.

Nền kinh tế cung điện là sự kết hợp các công xã làng mạc⁽¹⁾ với một nhà nước trung ương chuyên chế. Các công xã này có một trình độ tự trị, độc lập hơn nhiều so với các công xã của thế giới Cận Đông là nơi ở đó, vốn do nhu cầu của công việc thuỷ lợi nên đã phải gánh vác nhiều nghĩa vụ nặng nề của nhà nước giao cho. Tình hình ấy đương nhiên đòi hỏi phải có một trình độ tập trung cao về kinh tế và hành chính-điều mà nhà nước Cre-tơ và Mi-ken không có.

Cầm đầu các công xã làng mạc ở nhà nước Mi-ken là ba-di-lốt (basileus). Ngoài ra còn có một Hội đồng bộ lão⁽²⁾ (Gerousia). Người dân của công xã (damos) sản xuất trên ruộng đất của công xã, thuộc quyền sở hữu tập thể của công xã. Những người thợ thủ công cũng được công xã dành cho một phần đất. Các thành viên của công xã phải làm những nghĩa vụ của nhà vua và của công xã.

Ngoài hình thức sở hữu tập thể của công xã còn có hình thức sở hữu cá thể nghĩa là quyền tư hữu về ruộng đất. Đặc quyền đặc lợi của giới quý tộc quân sự và các quan chức của cung đình thể hiện ra về mặt kinh tế ở quyền tư hữu ruộng đất.

(1) Communauté villageoise communauté rurale.

(2). Conseil des Anciens.

Vào thế kỷ XII trước công nguyên, những người Mi-ken đã mở một cuộc viễn chinh lớn sang thành Tơ-roa, vây đánh và cướp bóc các vùng lân cận, cuối cùng phá huỷ thành này.

Những tấm bia của nền văn hoá Mi-ken vào thế kỷ XIII-XII trước công nguyên cho chúng ta biết không những về chế độ xã hội mà còn cả về tôn giáo và tín ngưỡng của người Hy-lạp, những vị thần và những anh hùng trong thần thoại, truyền thuyết Hy-lạp như: Dớt, Hê-ra, A-tê-na, Pô-dê-i-đông... Ê-đíp, Tê-đê, A-khin⁽¹⁾, A-ga-men-nông.

Cuối thiên niên kỷ II trước công nguyên, nền văn minh Mi-ken suy tàn. Một cuộc di cư mới, cuộc di cư của những bộ lạc người Đô-riêng, vào quãng năm 1100 trước công nguyên, từ phía Tây-bắc tràn xuống bán đảo Hy-lạp, đã phá huỷ những thành tựu văn hoá của những người A-kê-en. Những người Đô-riêng đã xua đẩy những người A-kê-en ra khỏi vùng đồng bằng Pê-lô-pô-ne-dơ gây một cuộc đảo lộn lớn trong đời sống xã hội. Họ đã kéo lùi xã hội Hy-lạp trở lại thời kỳ công xã thị tộc -vì bản thân những bộ lạc người Đô-riêng mới chỉ tiến hoá đến trình độ đó. Sử học gọi một cách ước lệ giai đoạn này là "thời kỳ trung cổ Hy-lạp"⁽²⁾. Không riêng gì thành Mi-ken bị phá huỷ

(1) Trước đây phiên âm là A-sin.

(2) Khái niệm "trung cổ Hy-lạp" ở đây được dùng với nghĩa bóng chỉ tình trạng thụt lùi, đen tối, trì trệ.

mà nhiều trung tâm khác của nền văn minh Mi-ken cũng lần lượt bị phá huỷ trong những năm cuối của thiên niên kỷ II trước công nguyên.

Từ đây chấm dứt thời đại Mi-ken và mở đầu thời kỳ văn hoá Hy-lạp.

Do mối quan hệ gần gũi giữa hai nền văn hoá Cre-tơ và Mi-ken nên người ta thường gọi chung hai thời kỳ văn hoá này làm một: nền văn hoá Cre-tơ - Mi-ken, để chỉ một giai đoạn phát triển của lịch sử từ năm 3000 đến năm 1100 trước công nguyên, là giai đoạn trước khi ra đời nền văn hoá Hy-lạp cổ đại, thường gọi là tiền Hy-lạp (préhellénique).

THÀNH TƠ-ROA

Sau công cuộc khai quật ở Tơ-roa năm 1870 của Sli-ê-man, vào những năm 90 của thế kỷ thứ XIX, nhà khảo cổ học Đốc-phin tổ chức khai quật lại ở Tơ-roa và từ năm 1932 đến 1938 nhà khảo cổ học Blê-gin người Mỹ tiếp tục công cuộc đó.

Đốc-phin và Blê-gin đã thu thập được nhiều tài liệu cho phép dựng lại một cách khoa học hơn các thời kỳ lịch sử của Tơ-roa.

Cuối thiên niên kỷ thứ IV trước công nguyên trên đất Tơ-roa đã có những bộ lạc thuộc dân cư của các hòn đảo trên biển Ê-giê đến định cư. Trong thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên, Tơ-roa trở thành một trung tâm chính trị và kinh tế quan trọng trên bờ biển

Tây Bắc Tiểu Á. Trong thời gian này nền văn hoá Tơ-roa đã phát triển khá cao: đã sử dụng đồ đồng, đã biết xây nhà bằng gạch thô trên nền đá. Thành Tơ-roa được xây dựng trong thời kỳ này, trên ngọn đồi Hít-xa-lích. Thủ lĩnh các bộ lạc Tơ-roa có quyền lực rất lớn, nắm giữ, thu tóm trong tay nhiều báu vật. "Kho vàng Pri-am" do Sli-ê-man tìm được có tới 800 đồ vật bằng vàng là một dẫn chứng⁽¹⁾. Người ta dự đoán kho vàng này thuộc vào khoảng năm 2300 trước công nguyên. Trong nửa sau của thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên, nghề thủ công ở Tơ-roa phát triển mạnh đã tách ra thành một ngành độc lập. Cuối thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên thành Tơ-roa bị đánh phá, đốt cháy, ký hiệu khảo cổ gọi là Tơ-roa II. Vào khoảng năm 1800-1700 trước công nguyên, Tơ-roa chuyển sang thời kỳ đồng thau. Sản xuất phát triển Chế độ nô lệ dần hình thành. Trong thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên, Tơ-roa là một đô thị chính của vùng ven biển đất Tiểu Á, vương triều tuy không lớn song có một vùng đồng bằng phì nhiêu bao bọc (đồng bằng Tơ-roa-át), khoảng năm 1600 trước công nguyên số dân cư, các bộ lạc quanh Tơ-roa đã tăng lên nhiều. Điều đó cho phép xây dựng lại thành Tơ-roa đã tăng lên nhiều. Điều đó cho phép xây dựng lại thành Tơ-roa

(1) "Kho vàng Pri-am" là một thuật ngữ quen thuộc trong lịch sử khảo cổ học thời kỳ này. Thật ra nó chỉ có tính chất ước lệ. Sli-ê-man đã hiểu sai, gán cho nó của Pri-am.

với một quy mô mới, to lớn hơn, vững chắc hơn. Cung điện của vua ở giữa, xung quanh là nhà ở của quý tộc hợp lại thành một hệ thống sân thượng mặt thành. Những bức tường thành xây cao đến hơn 5 mét có tháp canh và những cổng lớn chắc chắn. Cũng trong thời gian này vương triều Tơ-roa đã mở rộng sự giao lưu, trao đổi với Hy-lạp, đảo Cre-tơ, đảo Síp. Là một thành trì vững mạnh và giàu có trấn giữ bên eo biển Đắc-đa-nen, Tơ-roa có một ý nghĩa kinh tế chính trị lớn đối với thế giới Cận Đông và vùng Đông Nam châu Âu lúc đó. Đương nhiên cũng vì thế mà Tơ-roa thường bị các nước láng giềng dòm ngó. Truyền thuyết về thành Tơ-roa giàu mạnh đã in dấu trong gia tài thần thoại Hy-lạp.

Vào quãng giữa thế kỷ thứ XIV hoặc XIII trước công nguyên, thành Tơ-roa lại bị đốt cháy, tàn phá lần thứ hai, ký hiệu khảo cổ học gọi là thành Tơ-roa VI. Và tiếp vào khoảng năm 1200 trước công nguyên (thế kỷ XII) thành Tơ-roa lại bị tàn phá và đốt cháy lần nữa, ký hiệu khảo cổ gọi là thành Tơ-roa VII A⁽¹⁾. Các nhà nghiên cứu cho rằng thành Tơ-roa A là gần gũi hơn cả với thành Tơ-roa mà Hô-me-rơ đã miêu tả trong hai bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" đồng thời có

(1) Có tài liệu cho rằng cuộc chiến tranh Tơ-roa xảy ra vào quãng giữa những năm 1193-1184 trước công nguyên. Cũng có ý kiến cho rằng chiến tranh Tơ-roa xảy ra vào cuối thế kỷ XIII trước công nguyên (1385-1375).

những nét phù hợp với những di vật của nền văn hoá Mi-ken. Chính những người A-kê-en đã tiến hành cuộc viễn chinh phá huỷ thành này.

THÀNH ĐẠI HÔ-ME-RƠ - NỀN VĂN HOÁ HY-LẠP

Thời đại Hô-me-rơ hay "thời đại anh hùng" là một thuật ngữ ước lệ của sử học chỉ giai đoạn quá độ từ nền văn hoá Mi-ken chuyển sang nền văn hoá Hy-lạp. Đó là giai đoạn từ thế kỷ XI đến thế kỷ thứ VII trước công nguyên⁽¹⁾

Sau cuộc viễn chinh của những người A-kê-en sang thành Tơ-roa vào thế kỷ XII trước công nguyên tiếp đến thế kỷ XI trước công nguyên là cuộc di cư lớn của những bộ lạc người Đô-riêng xuống Hylạp. Trong quá trình di cư, những người Đô-riêng đã phá huỷ nền văn minh Mi-ken, gây ra một sự đảo lộn lớn trong đời sống xã hội. Nền kinh tế cung điện bị phá huỷ hoàn toàn. Thủ công nghiệp trong nền văn minh Mi-ken đã phát triển tới một trình độ khá cao bỗng bị ngưng trệ, thụt lùi lại. Quan hệ giữa Mi-ken với thế giới Cận Đông bị đình đốn trong nhiều năm. Biển Ê-giê trở thành một chướng ngại thiên nhiên ngăn cách người Hy-lạp với thế giới bên ngoài, bao vây, giam hãm họ trên cái bán đảo nhỏ hẹp. Chữ viết bị mai một. (trong nền văn hoá

(1) Có tài liệu cho rằng thời đại anh hùng là từ thế kỷ XII-IX trước công nguyên.

Mi-ken nó chỉ được sử dụng trong phạm vi cung đình, vào công việc lưu trữ và là độc quyền của giới thư lại).

Cuộc di cư của những người Đô-riêng còn đưa đến một sự phân bố lại dân cư. Trên đất Hy-lạp lúc đó có bốn nhóm bộ lạc chính chia nhau định cư theo những khu vực sau:

- Những bộ lạc người Đô-riêng chiếm phần lớn phía Nam Hy-lạp - vùng đồng bằng Pê-lô-pô-ne-dơ - rồi dần dần tràn xuống những hòn đảo phía Nam biển Ê-giê (Cre-tơ) và phát triển sang vùng bờ biển phía Nam đất Tiểu Á.

- Những bộ lạc người A-kê-nen và Ê-ô-liêng ở Bắc và Trung Hy-lạp cộng với một phần phía Nam Hy-lạp (Tây bắc Pê-lô-pô-ne-dơ gồm các vùng A-ca-i, Ê-li-đơ, Ác-ca-đi) rồi phát triển sang các đảo phía Bắc biển Ê-giê và vùng bờ biển phía Tây Bắc đất Tiểu Á (đồng bằng Tơ-roa-át).

- Những bộ lạc người I-ô-niêng ở vùng đồng bằng Át-tích (ven biển miền Trung Hy-lạp), đảo Ô-bê rồi phát triển sang những đảo vùng giữa biển Ê-giê và vùng bờ biển miền Trung đất Tiểu Á.

Tuy có sự khác nhau ít nhiều giữa các bộ lạc nhưng trong quá trình giao lưu đã hình thành một mối liên hệ chung khá mật thiết. Thần thoại Hy-lạp có nói đến mối liên hệ mật thiết đó trong truyền thuyết về thần

Hen-len (Hellen) là vị thần thuỷ tổ của đất nước Hy-lạp (Hellade)⁽¹⁾ và người Hy-lạp (Hellène). Thần Hen-len có ba người con trai là Ê-ô-lơ⁽²⁾, Đô-rốt và Xu-tốt. Con trai của Xu-tốt là I-ông và A-kê-ốt. Con cháu của các vị thần này là những người Đô-riêng, Ê-ô-liêng, I-ô-niêng và A-kê-en.

Cuộc di cư của những người Đô-riêng ngoài mặt tiêu cực cũng đem lại một kết quả tích cực khác. Những bộ lạc người A-kê-en, I-ô-niêng, Ê-ô-liêng trong quá trình di cư đã đưa ánh sáng của nền văn hoá Mi-ken tới những vùng định cư mới. Còn những bộ lạc người Đô-riêng thì sau một thời gian đã buộc phải nâng mình lên trình độ văn minh chung của xã hội, nhất là khi công cụ bằng sắt được sử dụng ở Hy-lạp. En-ghe-n đã tổng kết về hiện tượng đó trong lịch sử nhân loại như sau: *"... Bất cứ sự xâm lược nào của một dân tộc thô bạo hơn, tất cũng đảo lộn sự phát triển kinh tế và tiêu diệt nhiều lực lượng sản xuất. Nhưng trong đại đa số trường hợp xâm lược lâu dài, kẻ xâm lược thô bạo hơn lại bị buộc phải thích ứng với "tình trạng kinh tế" cao hơn do nó đã chiếm được, kẻ xâm lược bị dân*

(1) Tiếng Hy-lạp: Hellás.

(2) Trong thần thoại Hy-lạp có hai vị thần tên là Ê-ô-lơ. Ê-ô-lơ con trai của thần Hen-len và tiên nữ O-rơ-dê-ít (Orseis) là tổ tiên của những người Ê-ô-liêng. Ê-ô-lơ thần gió trong anh hùng ca "Ô-đi-xê".

tộc bị xâm lược đồng hoá đi và phần nhiều là, thậm chí phải nói cả tiếng nói của dân tộc bị xâm lược... (1).

Vì thế sau một thời gian ngừng trệ, đất nước Hy-lạp bắt đầu thoát ra khỏi cái "đêm dài trung cổ". Nền kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, chăn nuôi lại phục hồi và phát triển: Chế độ công xã thị tộc lại bước vào thời kỳ suy yếu. Trong lòng các công xã thị tộc hình thành dần những mầm mống của một xã hội có giai cấp. Những thủ lĩnh quân sự-ba-di-lót-mà ta quen gọi là "vua", vốn là những người đại diện cho thị tộc, được thị tộc trao cho một sự toàn quyền nào đó để quản lý và phân phối công việc, phúc lợi của tập thể thị tộc, biến chất dần thành một đẳng cấp quý tộc lợi dụng quyền hành của mình để được phân phối và hưởng thụ nhiều hơn. Quá trình hình thành đẳng cấp quý tộc quân sự cũng đồng thời là quá trình phát triển của sức sản xuất, của dân số, của sự tăng thêm nhu cầu và việc mở rộng mối liên hệ với bên ngoài trong thương nghiệp, trao đổi và hơn nữa trong chiến tranh và nghề ăn cướp biển. Quá trình đó cũng có thể nói là quá trình phát triển của "nạn ăn cắp của chung làm của riêng"⁽²⁾ và những kết quả của nó "các thành viên thị tộc chia thành kẻ giàu và kẻ nghèo"⁽³⁾ "người

(1) En-ghe-nơ - chống Duy-rinh (chương IV - Lý luận về bạo lực) trang. 297, Nxb. Sự thật, Hà-nội - 1976.

(2) En-ghe-nơ - Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, và của nhà nước, Nxb Sự thật. Hà-nội, 1961, trang.145.

(3) En-ghe-nơ - Nguồn gốc... trang 249.

đẩy tớ ban đầu biến dần thành người chủ"⁽¹⁾. Nói tóm lại là quá trình của chế độ thị tộc biến thành một tổ chức để cướp bóc và áp bức láng giềng, biến thành một tổ chức để áp bức và thống trị các thành viên của mình, là những người đã xây dựng nên tổ chức đó.

Vào thế kỷ thứ IX trước công nguyên khi những nhóm bộ lạc A-kê-en và Ê-ô-liêng di cư đến vùng đảo phía bắc biển Ê-giê và vùng Tây Bắc đất Tiểu Á thì cũng là lúc ở vùng bờ biển miền Trung đất Tiểu Á đã xuất hiện những đô thị mới, nhà nước chiếm hữu nô lệ sơ khai của người I-ô-niêng như Mi-lê,

Ê-phe-dơ, Cô-lô-phông. Những đô thị này trong thế kỷ thứ VIII trước công nguyên đã có một trình độ phát triển cao, đã sử dụng một thứ văn tự mới có 24 chữ cái xây dựng trên cơ sở tiếp thu và cải biên văn tự của người Phê-ni-ki⁽²⁾.

Cũng trong thế kỷ thứ VIII những bộ lạc ở bán đảo Hy-lạp đã ở vào giai đoạn cuối cùng của chế độ thị tộc, tức là giai đoạn cao của thời đại dã man trong khi đó ở Tiểu Á vùng I-ô-ni là nơi mà những bộ lạc Hy-lạp có điều kiện tiếp xúc sớm hơn và trực tiếp với nền văn hoá cổ điển của những nhà nước nô lệ phương

(1) En-ghen - Chống Duy-rinh, tr. 291.

(2) Sau này vào năm 403 trước công nguyên dưới thời cầm quyền của viên ác-công-ta Ô-clip-đơ, thứ văn tự nói trên được Nhà nước Atenơ chính thức công nhận và sử dụng. Bước sang thế kỷ thứ IV trước công nguyên nó trở thành văn tự chung của toàn Hy-lạp.

Đông⁽¹⁾, đã trở thành một khu vực tiến trước hơn cả. Chính ở nơi đây, sau này trong thế kỷ VI trước công nguyên đã là cái nôi nuôi dưỡng nền triết học, khoa học, nghệ thuật đầu tiên của nền văn hoá châu Âu. Một thời đại mới - thời đại văn minh - đang bước vào đời.

Anh hùng ca Hô-me-rơ ra đời trên cơ sở lịch sử - xã hội đó. Đó là thời kỳ quá độ từ nền hoá Mi-ken chuyển sang nền văn hoá cổ điển Hy-lạp, từ dã man chuyển sang văn minh, từ chế độ công xã thị tộc chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ - một chế độ chiếm hữu nô lệ với các thành bang (polis) chứ không phải một chế độ chiếm hữu nô lệ theo kiểu quân chủ chuyên chế phương Đông. Đó cũng là thời kỳ đồng hoá của 4 nhóm bộ lạc Hy-lạp để hình thành dân tộc Hy-lạp, dân tộc trong cái ý nghĩa ban đầu, sơ khai của nó.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ DUY THẦN THOẠI

Trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên và thú dữ để duy trì và phát triển đời sống, những người nguyên thuỷ mặc dù chỉ mới đạt được những thành tựu hết sức nhỏ bé song họ cũng đã mơ hồ hoặc linh cảm thấy thường là dưới hình thức thần bí-sức mạnh của mình. Một trong những biểu hiện của niềm tự hào còn mơ

(1) Phương Đông ở đây chỉ vùng Trung Cận Đông, Lưỡng hà, Ai-cập.

hồ đó là lòng ngưỡng vọng thành kính đối với quá khứ của tổ tiên - cái quá khứ đã in dấu những chiến công mà con người phải đổi bằng biết bao mồ hôi và xương máu mới có. Niềm tự hào đó ngày càng có ý thức hơn, ngày càng biểu hiện mạnh mẽ hơn khi xã hội thị tộc hình thành. Và thị tộc chính là người lưu giữ những truyền thống của quá khứ từ nghìn xưa truyền lại. Các bô lão trong thị tộc thường kể lại cho mọi người nghe về chiến công của những người đã qua đời: những người mà trong những phút giây khó khăn, hiểm nghèo đã bằng sức mạnh của mình, hoặc bằng đầu óc thông minh của mình, bằng đức hy sinh của mình giành được thắng lợi cho thị tộc, cống hiến được nhiều nhất cho thị tộc, giúp đỡ tận tụy bà con, anh em. Thị tộc coi những người đó là anh hùng, ngợi ca chiến công và đạo đức của họ, thờ cúng họ bằng những nghi lễ tôn giáo thiêng liêng nhất, cao cả nhất của thị tộc.

Trong xã hội thị tộc không có, chưa có ý thức, quan niệm về vai trò của cá nhân. Mỗi cá nhân là một thành viên của thị tộc, là một biểu hiện của thị tộc mang trong bản thân mình truyền thống, đặc điểm, sức mạnh của thị tộc bắt nguồn từ người anh hùng đầu tiên của thị tộc. Nhưng một vấn đề đặt ra: người anh hùng đầu tiên của thị tộc nguồn gốc từ đâu? "Chim tìm tổ, người tìm tông" - đó là câu hỏi đặt ra đối với mọi thị tộc. Mác đã chỉ cho chúng ta thấy cái tông tích của người anh hùng đầu tiên đó:

"... Người Hy-lạp đã dùng thần thoại để truy nguyên ra những thị tộc của họ, nhưng những thị tộc đó đã có trước cái mà bản thân các thị tộc đó đã sáng tạo ra với những vị thần và bán thần của thần thoại ấy... (1).

Thị tộc đã sáng tạo ra thần thoại để tìm nguồn gốc của mình và chính các bộ lạc trong thị tộc là người đã sáng tạo ra cái nguồn gốc - thần thoại - đó. Đây không phải là một trò chơi vô ích, luẩn quẩn của tư duy mà là một quy luật tất yếu. Bởi một lẽ đơn giản: tư duy của con người trong thời kỳ thị tộc, con người của ngọn lao đá, lưỡi rìu đồng không thể có được một thứ lý luận nào khác ngoài thần thoại để nhận thức và giải thích thế giới xung quanh.

Ngày nay, thời đại của điện ảnh và vô tuyến truyền hình, thật khó mà chúng ta hình dung ra được những buổi kể chuyện của thị tộc nó thiêng liêng ấm cúng và hấp dẫn đến chừng nào! Là người sống nhiều, hiểu biết nhiều, đã từng trải qua các biến cố, các bộ lạc trong thị tộc thường kể lại cho con cháu và các khách quý nghe cái quá khứ oanh liệt, bi hùng của tổ tiên xưa, kể chuyện kèm theo cả diễn xuất, ký thác niềm hy vọng, lòng tự hào của tập thể thị tộc vào thế hệ trẻ. Trong cái sinh hoạt quá đói nghèo nàn của người nguyên thủy, những buổi kể chuyện của các bộ lạc

(1) Xem En-ghe-nơ - *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 149-150.

quả là một sinh hoạt chính trị - tư tưởng, văn hoá - nghệ thuật rất quan trọng và đầy ý nghĩa. Đúng là một hình thức giáo dục truyền thống, một bài giảng lịch sử của chúng ta ngày nay! Ở đây chúng ta thấy ý nghĩa và tác dụng nhận thức của thần thoại gắn bó mật thiết với ý nghĩa và tác dụng giáo dục.

Nhưng trí tuệ của con người thời nguyên thủy làm sao mà lưu giữ lại được hết và giải thích được đúng mọi biến cố, mọi sự kiện, làm sao tránh khỏi lãng quên, nhầm lẫn. Và thế là trong quá trình kể chuyện truyền miệng từ người này sang người khác, từ đời này sang đời khác, trí tưởng tượng, sự suy luận tưởng tượng của tập thể đã thay thế cho những gì mà trí nhớ của con người bất lực, thay thế cho sự giải thích bằng tư duy duy lý - khoa học lúc đó chưa ra đời - nói như lời En-ghe-nơ là *"cái thực tế đã qua phản ánh vào trong những ảo tưởng thần thoại"*⁽¹⁾. Nhiều sự kiện trong khi kể chuyện được nâng cao lên, thêm thắt vào hoặc chế biến đi một cách không tự giác, do trí tưởng tượng và khả năng nhạy cảm, ứng tác của người kể chuyện. Còn người kể chuyện thì không hề có ý thức là mình nói lên tiếng nói của nhận thức, cảm xúc của cá nhân mình. Trong xã hội thị tộc tất cả là của truyền thống quá khứ, của các vị thần và bán thần, của tập thể thị tộc. Bất cứ thành viên nào của thị tộc khi đứng

(1) En-ghe-nơ - *Nguồn gốc của gia đình...*, tr. 152.

ra kể chuyện dù cho thuật lại một chiến công nào đó của bản thân mình cũng đều quan niệm như vậy, cũng đều tin vào cái "ảo tưởng thần thoại" của truyền thống thị tộc và hơn nữa của chính thành viên đó sáng tạo ra. Đương nhiên một điều chúng ta không thể bỏ qua được là ở đây tuyệt đối không một ai coi hình thức sinh hoạt đó chỉ là trò vui, giải trí.

Cùng với nhu cầu và khát vọng nhận thức, giải thích nguồn gốc của thị tộc, là nhu cầu và khát vọng nhận thức, giải thích các hiện tượng của giới tự nhiên diễn ra xung quanh. Và thế là cũng như việc truy nguyên thị tộc, bản thân các thị tộc lại sáng tạo ra những vị thần và bán thần theo hình dáng và quan hệ của con người - thị tộc, và gán cho những vị thần sức mạnh của tự nhiên mà con người vốn cảm thấy bất lực và sợ hãi trước nó. Đó là quá trình nhân cách hoá, nhân hình hoá giới tự nhiên một cách không tự giác trong những ảo tưởng thần thoại. Mác đã tổng kết quá trình này trong một nhận xét kinh điển: "... *Bất cứ một câu chuyện thần thoại nào cũng đều khắc phục khổng chế và tạo thành các lực lượng của tự nhiên trong tưởng tượng và nhờ trí tưởng tượng; do đó nó sẽ biến mất khi người ta thực sự khổng chế được các lực lượng nay*"⁽¹⁾.

(1) Các-Mác - *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học*, tr. 312-314, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1964.

Sự hình của thần thoại nói tóm lại là sự phản ánh của đời sống con người trong thời kỳ công xã thị tộc, *"...là sự nhận thức thiên nhiên và toàn bộ thế giới như là một cái gì đó phổ biến của công xã thị tộc..."*⁽¹⁾.

Trong quá trình hình thành thần thoại, cũng có nghĩa là trong quá trình kể chuyện, lịch sử, truyền thống, quá khứ, vốn là cơ sở của câu chuyện chỉ còn lại cái hạt nhân của nó, cái ý nghĩa bản chất của nó. Còn tất cả bị chìm đi, bị xáo trộn đi, gây khúc, méo mó đi, trong những ảo tưởng thần thoại. Nhiều khi ngay cả cái hạt nhân lịch sử, và cái ý nghĩa bản chất nhất của nó cũng bị tấm áo ảo tưởng thần thoại che lấp. Vì thế mà nảy sinh tính chất sai trật tự thời gian (anachronisme) và hoang đường trong các câu chuyện thần thoại truyền thuyết. Và đây cũng chính là nguyên nhân của nhiều vấn đề nghiên cứu, tranh luận khá phức tạp trong khoa học nghiên cứu văn học dân gian.

Nhưng, như vậy phải chăng tính chất sai trật tự thời gian và hoang đường là một bằng cứ chứng minh rằng thần thoại, truyền thuyết không xuất phát từ hiện thực khách quan, không phản ánh hiện thực khách quan? rằng tư duy thần thoại là *"tư duy tiền lô gích"* của người nguyên thủy vốn *"hoàn toàn thần*

(1) Lô-xép - Lịch sử mỹ học cổ đại. M. 1963, tr. 127, trích trong cuốn *"Nhất nguyên luận là nguyên tắc của lô gích biện chứng"* của Na-u-men-cô, trang 20, Nxb "Khoa học" Viện Hàn lâm khoa học Ca-dắc, Liên-xô, 1960 (tiếng Nga).

bí" là nguồn gốc của thần thoại? - Và phải chăng "cái bản thân hiện thực mà trong đó những người nguyên thủy hoạt động cũng là thần bí" như quan điểm của nhà xã hội học Pháp Lê-vy Bruyn đã từng khẳng định?⁽¹⁾ "Hiện thực thần bí", "Tư duy thần bí" thật ra chỉ có nghĩa là phủ nhận năng lực nhận thức của con người. Thực chất lý luận của Lê-vy Bruyn là chủ nghĩa duy tâm bất khả tri. Lê-Nin đã phê phán thứ chủ nghĩa duy tâm này và những biến tướng của nó trong tác phẩm triết học nổi tiếng "chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".

Một biểu hiện khác của chủ nghĩa duy tâm là cách giải thích xuyên tạc của những người theo học thuyết Phrôt. Theo họ thì thần thoại của người nguyên thủy không phản ánh gì thế giới khách quan mà chỉ là "tiềm thức" của họ - phản ánh những quan hệ nhục cảm, sinh lý do bản năng tình dục của con người được "tháo cũi sổ lồng". Giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của thần thoại vốn là một hình thái ý thức xã hội như thế thì có khác chi tự nhận rằng học thuyết Phrôt cũng là sự "tháo cũi, sổ lồng" của bản năng nhục cảm và tình dục? Có lẽ đúng hơn phải nói đó là sự "tháo cũi, sổ lồng" của khoa học xã hội tư sản trong thời kỳ suy đồi.

(1) Xem "Sự hình thành của tư duy trừu tượng..." của "A. Spièc-kin, tr. 8-11, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960.

Thần thoại ra đời không phải là kết quả ngẫu nhiên của tư duy. Nó là một hình thái ý thức xã hội tất yếu của chế độ công xã thị tộc và có quan hệ mật thiết với chế độ đó. En-ghe-nơ đã chỉ cho chúng ta thấy mối quan hệ đó như sau:

"... trình độ kinh tế thấp kém của thời kỳ tiền sử thì đẻ ra những nhận định sai lầm về tự nhiên, nhưng những nhận định sai lầm ấy đôi khi cũng là điều kiện và thậm chí cũng là nguyên nhân của trình độ kinh tế thấp kém đó nữa..."⁽¹⁾.

Từ vấn đề cơ bản này En-ghe-nơ đã phát triển sâu rộng thêm trong khi nghiên cứu nhận thức luận duy vật biện chứng.

"...Từ trước tới nay khoa học tự nhiên cũng như triết học đã hoàn toàn coi thường ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tư duy của họ. Hai môn ấy một mặt chỉ biết có tự nhiên, mặt khác chỉ biết có tư tưởng. Nhưng chính việc người ta biến đổi tự nhiên, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên, với tính cách giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên..."⁽²⁾.

(1) Mác-En-ghe-nơ - Về văn học và nghệ thuật, tr. 52, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958.

(2) En-ghe-nơ - Biện chứng của tự nhiên, tr. 357, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971.

Thần thoại là trí tuệ con người thời kỳ công xã thị tộc phát triển song song với trình độ cải biến tự nhiên của xã hội đó. Vì thế không thể coi tư duy của con người nguyên thủy là thần bí, là tiên - lô-gích, mà phải nói tư duy đó nó có cái lô-gích tương ứng với sự phát triển của nó. Sự khác nhau không phải ở danh từ "lô-gích" hay "tiên-lô-gích" mà ở chỗ có thừa nhận chức năng nhận thức của tư duy hay không. En-ghe-nơ đã giải quyết vấn đề này: "... Chúng ta và các loài vật đều có chung tất cả các phương thức hoạt động của lý trí: quy nạp, diễn dịch, và do đó cả trừu tượng hoá nữa... Xét về bản chất thì tất cả những phương pháp ấy - do đó tất cả những phương pháp nghiên cứu khoa học mà lô-gích thông thường thừa nhận - đều hoàn toàn giống nhau ở loài người và ở các loài động vật cao đẳng. Chúng chỉ khác nhau về trình độ (trình độ phát triển của phương pháp trong mỗi trường hợp nói trên)⁽¹⁾..."

Như vậy rõ ràng là trong thần thoại đã chứa đựng phương pháp tư duy lô-gích của người nguyên thủy. Những hình tượng, biểu tượng thần thoại cho chúng ta vô vàn dẫn chứng. Làm sao có thể không thừa nhận được có một phương pháp tư duy lô-gích trong những "Đốt gậy sấm sét", "Đốt đồn mây mù", "Rạng đông ngón tay hồng", "Rạng đông trùm khăn vàng"...? Đúng

(1) Sách đã dẫn tr. 342-343

hơn phải nói lô gích của thần thoại là thứ lô gích dùng tưởng tượng, ảo tưởng của niềm tin thay thế cho vốn kinh nghiệm và trí thức còn quá đói nghèo nàn của con người thời kỳ công xã thị tộc. Sự tưởng tượng của thần thoại chẳng khác chi vị thần Ăng-tê trong khi giao đấu đã bị dũng sĩ Hê-ra-clét nhắc bổng lên, tách ra khỏi người mẹ là nữ thần Đất - Gai-a vĩ đại. Vì thế cho nên sự giải thích thế giới của thần thoại là sai lầm. Sai lầm này không phải chỉ có riêng ở người nguyên thủy. Nó nằm ngay trong tính năng động của tư duy mà Lê-nin đã chỉ rõ trong cuốn "Bút ký triết học":

"...Tính chất hai mặt của nhận thức của con người và tính khả năng của chủ nghĩa duy tâm (=tôn giáo) đã có trong cái trù tượng đầu tiên tối sơ. "Cái nhà" nói chung và những cái nhà cá biệt. Khi trí tuệ (của con người) tiếp xúc với vật thể cá thể từ đó rút ra một hình ảnh (=một khái niệm), đó không phải là một hành vi giản đơn, trực tiếp, chết, không phải là một phản ánh trong một cái gương mà là một hành vi phức tạp có hai mặt khúc khuỷu - một hành vi bao hàm khả năng của ảo tưởng bay ra khỏi cuộc sống: và hơn thế nữa, nó còn bao hàm khả năng của một sự chuyển biến (không thấy được và người ta không có ý thức về nó) của khái niệm trù tượng, của ý niệm thành một ảo tưởng (xét đến cùng = Thần). Bởi vì trong sự khái quát đơn giản nhất, trong ý niệm chung cơ bản nhất

(cái "bàn" nói chung) có một phần nhất định nào đó của ảo tưởng...⁽¹⁾.

Như vậy thì đặc điểm của tư duy lô-gích - ảo tưởng thần thoại là ở chỗ nào?

Theo nhà nghiên cứu tâm lý học xô viết nổi tiếng L. S. Vư-gốt-ski, là ở chỗ "tư duy đó nắm sự vật đồng thời cùng với hoàn cảnh xung quanh sự vật trong một hình tượng - "phức hợp". Đó là "tư duy phức hợp" (complexe). Tư duy này không phải là ảo tưởng thần bí. Nó là hình tượng trực tiếp, không chia cắt được,

(1) V. Lê-nin - *Bút ký triết học* trang 395-396. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963.

Chúng ta có thể so sánh tư duy thần thoại với tư duy của các em nhỏ. Về vấn đề này xin tham khảo bài "Un chercheur infatigable" của Kornei Tchoukovski là một đoạn trích trong tác phẩm "Từ hai đến năm tuổi" đăng trong Oeuvres et Opinions số ra tháng 12-68. Tác giả đã dành suốt cả đời mình đi sưu tập các câu nói của trẻ thơ, nghiên cứu tìm ra qui luật tư duy của các em. Một trong những nhận xét, kết luận của ông là: Các em thường nhầm lẫn là do không hiểu biết nhiều sự việc và những hiện tượng rất đơn giản. Các em tìm cái lô-gích của sự vật, giải thích sự vật bằng những suy diễn ảo tưởng (déductions fantastiques). Xin nêu một vài dẫn chứng:

... Một em nhỏ cưỡi truồng đứng trước gương suy nghĩ:

- Mắt thì để trông... Tai thì để nghe... Mồm thì để nói... Thế còn cái rốn thì để làm gì nhỉ? - Để cho nó đẹp chắc?

Mẹ bảo con: (cháu Lét-xi-a, ba tuổi):

- Xuống đi, đừng đứng ở cửa sổ! Con lại ngã mọc bươn lên bây giờ!

- Thế con lạc đà nó ngã hai lần hờ mẹ?

không phân tích được như bản thân hiện thực vốn không chia cắt được. "... Mỗi sự vật đối với cái ý thức đó (tư duy phức hợp - N.V.K.) có thể biến thành bất cứ một sự vật nào khác, và mỗi sự vật khác lại có thể có thuộc tính và đặc điểm của bất cứ sự vật nào khác nữa. Nói một cách khác sự biến hoá phổ biến chung đó là phương pháp lô gích của loại tư duy này... Dớt là bầu trời, là mặt đất, là không khí, là biển, là thế giới âm phủ, là con bò mộng, con chó sói, con lừa và là người, rồi một lúc nào đó chỉ là con bọ hung hoặc một hình thể hình học nào đó. A-pô-lông cũng thế, là ánh sáng, là bóng tối, là cái sống, là cái chết, là bầu trời, là mặt đất, là con cừu, con chó sói, con chuột và cũng là hàng trăm thứ hiện tượng, sự vật khác nữa. Ở đây cái nguyên lý bao trùm là "tất cả là tất cả" hoặc "tất cả trong tất cả"⁽¹⁾.

Tóm lại cơ sở vật chất - xã hội của tư duy thần thoại là xã hội thị tộc với trình độ thấp kém của nó.

(1). A. Ph. Lô-sép - Thần thoại cổ đại và sự phát triển lịch sử của nó". M. 1957, tr. 12-13, dẫn trong "Nhất nguyên luận là..." tr. 22 (tiếng Nga).

...
Do đặc điểm - tư duy phức hợp - mà Lê-vy Bruyn gọi là tính chất nhị nguyên (hoặc tính lưỡng phân) và sự có mặt ở hai nơi (Dualité et bi-présence). Xem "L'âme primitive" của Lévy Bruhn. Paris, 1927. Chính do đặc điểm tư duy phức hợp này mà nảy sinh ra tính chất hỗn đồng của nghệ thuật nguyên thủy, còn gọi là tính chất "tổng hợp sơ khai", tính chất "đa yếu tố".

Xã hội này phản ánh và giải thích không phải cái thực tế hiện tại mà là phản ánh cái thực tế đã qua, tức là quá khứ. Nhưng nó cũng không phản ánh và giải thích cái thực tế đã qua đó bằng những hình thức đúng đắn của tư duy những mô hình của hiện thực, tức là những khái niệm khoa học; mà bằng ảo tưởng thần thoại. Những ảo tưởng thần thoại này lấy mối quan hệ của tập thể thị tộc, của truyền thống thị tộc làm cơ sở, coi đó là một quan hệ phổ biến có tính chất chung cho nhân loại, thế giới để nhìn nhận giải thích thực tại của mình, và hơn nữa, ngược lại, cũng đồng thời sáng tạo ra cái thực tại của mình.

VAI TRÒ CỦA NHỮNG NGHỆ NHÂN DÂN GIAN A-E-ĐƠ, RAP-XÔ-ĐƠ, HÔ-MÊ-RI-ĐƠ, TRONG SỰ HÌNH THÀNH VÀ LƯU TRUYỀN ANH HÙNG CA

Những kết quả của công việc nghiên cứu nền văn hoá cổ Hy-Lạp cho chúng ta biết thời đại Mi-ken đã đóng một vai trò quyết định trong việc hình thành thần thoại Hy-Lạp.

Diễn biến của những câu chuyện thần thoại quan trọng nhất thường xảy ra ở những địa điểm mà khảo cổ học đã kết luận là những trung tâm, những cái nôi của nền văn hoá Mi-ken. Những trung tâm này trong quá trình phát triển càng có ý nghĩa quan trọng bao nhiêu, càng phát huy ảnh hưởng bao nhiêu thì càng tập trung thu hút vào mình nhiều truyện thần thoại bấy nhiêu, mặc dù sau này khi các trung tâm đó không còn giữ giữ vị trí quan trọng như xưa nữa.

Thời đại Mi-ken như vậy đã là cơ sở lịch sử của những truyện thần thoại và truyền thuyết anh hùng Hy-Lạp. Nhưng nó chỉ cung cấp cho những câu chuyện này cái hạt nhân cơ bản của lịch sử, còn lịch sử theo đúng nghĩa của nó với tư cách là một khoa học trong

giai đoạn này chưa ra đời, lịch sử chỉ mới có thể tồn tại trong truyền thuyết, là lịch sử đã được thần thoại hoá, truyền thuyết hoá. Việc nghiên cứu, so sánh, đối chiếu những tài liệu lịch sử, những di vật khảo cổ học về đất nước Hy-Lạp trong quang thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên với những truyện thần thoại cho chúng ta cái kết luận đó.

Thật ra những câu chuyện thần thoại trước khi có được cái hình thức như ngày nay chúng ta thấy trong thần thoại Hy-Lạp gọi là thần thoại Hy Lạp, đã trải qua rất nhiều thời kỳ. Dấu vết của các thời kỳ đó còn lưu giữ lại ở những nếp chuyện nằm trong gia tài thần thoại Hy-Lạp: Đây câu chuyện về chế độ quần hôn của thời kỳ mẫu hệ xa xưa, kia muện hơn là cuộc chiến chinh của các bộ lạc Hy-Lạp trong thời kỳ xây dựng nền văn minh cung điện... rồi nguồn gốc của thế gian, lai lịch dòng dõi các vị thần... những nghi lễ tang ma, thờ cúng. .. mối thù dòng họ lưu truyền, rồi cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. .. nỗi đau thương của sự tổn thất, chia ly, niềm vui mừng sung sướng của cảnh tái sinh, đoàn tụ... Những cốt truyện thần thoại thường bắt nguồn từ thời kỳ cổ xưa nhưng lại được nhào nặn, thành hình trong những truyền thuyết Hy-Lạp của thời kỳ Mi-ken. Thần thoại Hy-Lạp cũng còn lưu giữ được những nếp chuyện đã mờ phai khá nhiều của nền văn hoá Cre-tơ. Tuy nhiên nhìn chung, thần thoại Hy-Lạp cho chúng ta biết nhiều nhất, sâu rộng nhất về sinh hoạt của các bộ lạc Hy-Lạp ở vào nửa sau thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên với

nhiều chi tiết của nền văn hoá vật chất và tinh thần của thời kỳ đó - thời đại Mi-ken. Thần thoại Hy-Lạp đến thời kỳ này đã khác xa với nội dung cổ xưa của nó, đánh dấu một bước tiến trong quá trình trở thành một hình thái ý thức của thời kỳ công xã nguyên thủy. Bước tiến đó được nhà nghiên cứu xô viết Lô-sép tổng kết như sau: "... Thần thoại phát triển theo quy luật ngày càng tách xa khỏi tính chất sơ khai, rời rạc và hỗn mang, tách xa khỏi cảm xúc bản năng, mơ hồ của quan niệm vạn vật hữu linh. Thần thoại thời kỳ công xã nguyên thủy đầy chính là điển hình sơ khai và trình độ sơ khai của mỹ học cổ đại..."⁽¹⁾.

Nhận xét này giúp chúng ta hiểu rõ thêm những kết luận kinh điển của Mác về thần thoại Hy-Lạp: "... Ai cũng biết rằng thần thoại Hy-Lạp không những cấu thành kho tàng của nghệ thuật Hy-Lạp mà còn là miếng đất đã nuôi dưỡng nghệ thuật Hy-Lạp. Tiền đề của nghệ thuật Hy-Lạp là thần thoại Hy-Lạp tức là tự nhiên và bản thân các hình thái xã hội được trí tưởng tượng dân gian chế biến đi một cách nghệ thuật - không tự giác..."⁽²⁾

(1) Lê-xép - Lịch sử mỹ học cổ đại Nxb Giáo dục Cao đẳng, 1963, tr. 98 - dẫn trong "Ý thức thẩm mỹ nghệ thuật và tôn giáo", I-va-cô-vlêp, Nxb "Nghệ thuật", M.1969, tr. 103 (tiếng Nga).

(2) Các Mác - Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học, tr. 312 Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, Nghệ thuật - không tự giác: tiếng Nga: bessoznatel'no - khudozhestvennyye, tiếng Pháp: inconsciemment artistique. (Nxb Sự thật dịch: Nghệ thuật và vô ý thức).

A-E-ĐƠ - (tiếng Hy-Lạp cổ là: ca sĩ) - Như vậy thì anh hùng ca Hy-Lạp, những bản trường ca của Hô-me-rơ nói một cách khác cũng là *"tự nhiên và bản thân các hình thái xã hội được trí tưởng tượng dân gian chế biến đi một cách nghệ thuật - không tự giác"*.

Trí tưởng tượng dân gian đó là của tập thể thị tộc và trong quá trình phát triển của lịch sử, trí tưởng tượng dân gian đó được những nghệ nhân dân gian, tên gọi a-e-đơ cũng là *"trí tưởng tượng dân gian"* họ cũng chế biến đi cái vốn quý *"trí tưởng tượng dân gian"* mà họ thu lượm được, một cách *"nghệ thuật không tự giác"*.

Tiền thân của những a-e-đơ là những bô lão kể chuyện trong công xã thị tộc. Chúng ta có thể thấy dấu vết của những nhân vật này trong anh hùng ca của Hô-me-rơ: - ở hình tượng ông già Ne-xto *"lời lẽ dịu dàng, nhà hùng biện có tiếng nói vang vang của đất Pi-lốt"...* *"từ miệng ông lời lẽ bỗng trầm luôn chảy ra dịu ngọt hơn cả mật ong..."*⁽¹⁾ - ở hình tượng nhân vật Uy-li-xơ mà tài năng kể chuyện đã khiến ông già chần lộn Ô-mê phải ngợi khen khi nói với Pê-nê-lốp: *Cách kể chuyện của hấn sẽ làm vui thích lòng nàng..."*, *"ba ngày hấn kể cho ta nghe mà không sao hết được những câu chuyện về nỗi gian truân của hấn..."*⁽²⁾.

Trong trường ca *"I-li-át"* để thuyết phục A-khin

(1) Iliade - Paul Mazon, Les Belles Lettres, Paris - 1955. (I, 249)
(xem I-li-át, tr. 26, Nxb Văn học, Hà Nội, 1966).

(2) Odyssée- (XVII, 514 - 518) - Paul Mazon - Les Belles Lettres
- Paris 1955.

ngươi giận, ông già Phê-ních đã kể một câu chuyện về cơn giận của dũng sĩ Mê-lê-a-gơ. Chuyện kể lại trong cuộc giao tranh giữa những người Ê-tô-liêng với người Cuy-re-tơ ở thành Ca-li-đông (thành của người Ê-tô-liêng và Mê-lê-a-gơ) vì một chuyện phật ý, Mê-lê-a-gơ đã nổi giận bỏ không tham chiến. Nhưng trước những lời thuyết phục cầu van, Mê-lê-a-gơ hồi tỉnh lại, nguôi giận, xông ra chiến trường đánh lui quân địch, cứu nguy cho thành Ca-li-đông và nhân dân. Câu chuyện của ông già Phê-ních nhằm nêu ra một trường hợp tượng tự để giáo dục, thức tỉnh A-khin⁽¹⁾.

Trong trường ca "Ô-đi-xê", nhân vật Uy-li-xơ đã bịa ra một câu chuyện, kể cho ông già chần lộn Ơ-mê nghe để gợi ý khéo ông già cho chàng một tấm áo. Chuyện kể lại hồi chiến tranh Tơ-roa có lần Uy-li-xơ đi mai phục nhưng để quên áo khoác ở chiến thuyền. Đêm đó mưa bão, rét lạnh, chàng không ngủ được và... cuối cùng được một chiến sĩ trao cho một tấm áo⁽²⁾.

Qua những thí dụ trên chúng ta có thể rút ra mấy kết luận:

1. Hình thức kể chuyện trong nhân dân hồi đó đã là một sinh hoạt phổ biến.

(1) Iliade (IX, 527 - 599) Paul Mazon - Les Belles Lettres Paris 1955.

(2) Odyssée (XIV, 462 - 502), Paul Mazon, Les Belles Lettres, Paris, 1955.

2. Những câu chuyện kể về một sự kiện nào đó được truyền miệng trong dân gian dưới hình thức truyền thuyết. Những truyền thuyết này trải qua quá trình kể chuyện đã được chế biến ngày càng có nghệ thuật hơn cả về nội dung lẫn hình thức để trở thành những bài ca, hoặc những bản trường ca. Ở đây ta cần chú ý đến quá trình chế biến, nhào nặn về vần điệu, nhịp điệu của ngôn ngữ do đặc tính của sinh hoạt kể chuyện thời đó quy định, đòi hỏi⁽¹⁾

Những bài ca và những bản trường ca này được nhắc đến nhiều lần trong "I-li-át" và "Ô-di-xê" như: Bài ca về những người thủy thủ Ác-gô-nốt và con thuyền Ác-gô, bài ca về những kỳ công của dũng sĩ Hê-ra-clét,... về số phận khốn khổ của Ê-đíp, về nỗi bất hạnh của nàng Ni-ô-bê, về truyện bảy tướng đánh Te-bơ được sự tham chiến của Ti-đê - người cha của dũng sĩ Đì-ô-mét... v.v... Những bài ca này không phải do Hô-me-rơ vận dụng trí tưởng tượng nghệ thuật sáng tạo ra như một nhà văn, nhà thơ trong thời đại ngày nay sáng tạo, mà là di sản thơ ca từ thời trước lưu truyền lại. Nó đã sống, đã tồn tại và lưu truyền phổ biến trong dân gian ngay trong thời kỳ Hô-me-rơ sống.

(1) Xem bài *Marxisme et Poésie* - George Thomson - Recher - ches internationales no 38. 1963. Trong bài này tác giả cho chúng ta biết lao động tập thể của người nguyên thủy làm xuất hiện ra lời nói thơ ca (parole poétique). Thơ ca cổ Hy-lạp với âm nhạc chỉ là một, thời kỳ này chưa có thứ âm nhạc chỉ tồn tại thuần túy ở nhạc cụ, âm nhạc không lời như sau này. Thơ làm cho nhạc đệm, nhạc biểu diễn với thơ, đệm cho việc đọc thơ.

Chính qua những bài ca này ta có được những tài liệu lịch sử quan trọng về thơ ca trước Hô-me-rơ.

Trong những bài ca đó, những bài ca nào thuật lại về cuộc đời một dũng sĩ anh hùng, cùng với sự nghiệp và chiến công của họ, thường được gọi là sử thi anh hùng, bài ca anh hùng, mà ngày nay chúng ta quen gọi là anh hùng ca, là loại thơ ca ra đời sớm nhất trong lịch sử thơ ca Hy-lạp.

A-e-dơ là những nghệ nhân dân gian đã sống trong cái đại dương thơ ca nhân dân đó. Chính a-e-dơ là những người đã đóng vai trò sáng tác, nâng cao và truyền bá vốn thơ ca dân gian, trong đó có vốn sử thi anh hùng, anh hùng ca.

Ở đây khái niệm "*sáng tác*". "*truyền bá*" cần được hiểu trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của thời kỳ công xã thị tộc. Nó hoàn toàn không có chút gì giống với cách hiểu hiện đại của chúng ta ngày nay.

Vào thời kỳ công xã thị tộc và sau này ở thời kỳ chế độ phong kiến, khi nói đến vai trò sáng tác và truyền bá của nghệ nhân dân gian thì có nghĩa là nói đến một quá trình thống nhất biện chứng, tác động lẫn nhau của những hoạt động thu lượm + ứng tác, biểu diễn trong một con người. Quá trình này đã diễn ra trong một thời gian khá dài của lịch sử văn học các dân tộc khi trình độ văn hoá chung của xã hội còn thấp, chữ viết chưa ra đời hoặc đã ra đời thì cũng chưa phải là tài sản của nhân dân, được nhân dân sử dụng để sáng tác văn học, nghệ thuật. Văn học trong thời kỳ này chỉ có thể tồn tại dưới hình thức truyền

miệng. Còn hoạt động sáng tác là hoạt động: thu lượm + ứng tác, biểu diễn.

A-e-đơ là những nghệ nhân thực hiện cái hoạt động sáng tác này. Chúng ta có thể diễn tả nó bằng công thức:

thu lượm → ứng tác, biểu diễn → THU LƯỢM
ứng tác, biểu diễn → thu lượm → ỨNG TÁC,
BIỂU DIỄN

Là những nghệ nhân dân gian chuyên nghiệp, tổ chức thành từng tập thể, các a-e-đơ đi từ địa phương này đến địa phương khác để thu lượm và biểu diễn. A-e-đơ hát, ca những bài ca sinh hoạt, những sử thi anh hùng của tập thể mình thu lượm được, sáng tác được. Trong khi ca có đệm theo đàn ki-ta-rơ hoặc đàn lia-rơ hay đàn phóc-min-xơ. Nhiều khi a-e-đơ cũng biểu diễn những tác phẩm của những tập thể khác. Hoạt động ứng tác - biểu diễn của a-e-đơ diễn ra trong sự tác động thâm nhập, hoà hợp của mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và tập thể:

tập thể → cá nhân → TẬP THỂ

cá nhân → tập thể → CÁ NHÂN

*

* *

A-e-đơ sáng tác và biểu diễn ca ngợi cái "thực tế đã qua được phản ánh trong những ảo tưởng thần thoại", vì thế lời thơ của a-e-đơ là của quá khứ, của truyền thống thị tộc, của thần thánh xa xưa chứ không phải

của cá nhân người nghệ sĩ a-e-dơ. Thật tốt đẹp biết bao cái tinh thần tập thể của thị tộc, kiến thức tri thức chưa bị biến thành tài sản tư hữu, chưa bị "cá nhân chủ nghĩa hóa" như ở các chế độ tư hữu sau này! Bởi thế chúng ta hiểu được vì sao mở đầu hai bản trường ca của Hô-me-rơ là lời khấn nữ thần thơ ca - nàng Mui-dơ, vì sao nhà thơ Hê-di-ốt trong bản trường ca "*Thần hệ*" (Theogonie) lại nói thơ ca của mình là do các nữ thần Mui-dơ dạy dỗ, ban cho⁽¹⁾.

Như vậy, a-e-dơ sáng tác có nghĩa là hồi tưởng lại quá khứ, song không phải hồi tưởng lại để mà hồi tưởng. Nếu chỉ là thế thì văn học sẽ chẳng có ý nghĩa gì đối với đời sống. A-e-dơ hồi tưởng lại quá khứ là để nói lên một điều gì của hiện tại, của tương lai. Vì thế

(1) Những nàng Mui-dơ đó, một ngày kia, dạy cho Hê-di-ốt một bài ca tuyệt tác trong khi Hê-di-ốt đang chần cừ dưới chân núi Hê-li-công thần thánh, và đây là lời của những nữ thần đó, những nàng Mui-dơ của ngọn núi Ô-lanh-pơ, những người con gái của vị thần Dớt cầm cây vương trượng, nói với ta: "Hỡi những chàng mục đồng, những người đêm đêm ngủ trên cánh đồng... Chúng ta biết kể nhiều chuyện tưởng tượng giống như chân lý nhưng chúng ta cũng biết khi trong lòng vui thích kể những chuyện nói lên sự thật". Đây, những người con gái của thần Dớt vĩ đại nói lên những lời nói chí lý như vậy, rồi các nữ thần ban cho ta một cây vương trượng uy nghiêm cắt ra từ một cây ô-li-vơ cành lá xum xuê và tiếp đó các nữ thần ban cho ta một bài ca kỳ diệu để ta ca ngợi tương lai và quá khứ...

(Hésiode et les poètes élégiaques et moralistes de la Grèce - F. Bergougnan, Classique Garnier - Paris, p. 29-30).

một điều có ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với công việc sáng tác của a-e-dơ là phải phát hiện ra cái nội dung xã hội, cái ý nghĩa tương lai ẩn giấu trong những câu chuyện thần thoại; có nghĩa là từ cái "thực tế đã qua được phản ánh trong những ảo tưởng thần thoại", a-e-dơ phải tìm được một nội dung, một ý nghĩa tượng trưng.

"... Bản chất của thần thoại - và các yếu tố cấu tạo trong đó của bất cứ sự hình thành thần thoại nào từ thời kỳ nguyên thủy - là nằm trong mối liên hệ huyền bí. Mối liên hệ huyền bí này được xác lập giữa đối tượng của thần thoại là quá khứ với tính thời sự có ý nghĩa xã hội trong tương quan của hiện tại với những nguyên mẫu được giả định trong quá khứ..."⁽¹⁾

Cái mối liên hệ giữa "quá khứ với tính thời sự có ý nghĩa xã hội" đã từng được tập thể thị tộc phát hiện ra trong những buổi kể chuyện và a-e-dơ là người tiếp tục truyền thống đó. việc ông già Phê-ních nói trên kể chuyện về cơn giận của Mê-lê-a-gơ để giáo dục A-khin chẳng phải là một dẫn chứng về cái mối liên hệ giữa "quá khứ với tính thời sự có ý nghĩa xã hội" đó sao? - chẳng phải là sự phát hiện cái "tương quan của hiện tại với những nguyên mẫu được giả định trong quá khứ" đó sao?

(1) I.M.Tơ-rôn-xki - *Những vấn đề về anh hùng ca của Hô-me-rơ*. Lời tựa I-li-át, Nxb Việt Hàn lâm khoa học, M.L. 1939, trang. 23 (tiếng Nga).

Tất nhiên sự phát hiện của a-e-đơ còn ở trong trình độ cảm tính, không tự giác. Song một trình độ cảm tính, không tự giác làm cho chúng ta xiết bao kinh ngạc!

Cuộc chiến tranh Tư-roa xảy ra vào thế kỷ XII trước công nguyên. Truyền thuyết về cuộc chiến tranh này được hình thành vào thời kỳ nền văn hoá Mi-ken suy tàn. Thông qua vai trò của những a-e-đơ, truyền thuyết này được kết hợp, đồng hoá với những truyện thần thoại của các thị tộc Hy-lạp càng làm tăng thêm vẻ đẹp đề, hào hùng của sự kiện lịch sử. Hàng loạt những bài ca anh hùng, sử thi anh hùng về cuộc chiến tranh Tư-roa được lưu hành phổ biến trong dân gian làm thành một hệ bài ca, một hệ sử thi mà ngày nay chúng ta không còn lưu giữ được. Cái quá khứ oanh liệt rực rỡ xưa kia của nền văn hoá Mi-ken bị lãng quên đi. Nhưng trong những truyền thuyết hình thành vào giai đoạn cuối của nền văn hoá này đã in dấu bước đường viễn chinh đầy khí phách anh hùng của các bộ lạc Hy-lạp và cũng còn đọng giữ lại cả tiếng khóc than xé ruột não lòng của người dân Tư-roa trước cảnh nhà tan thành mất đau thương. Trường ca của Hô-me-rơ ra đời trên cơ sở những truyền thuyết đó.

A-e-đơ lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cái gia tài sử thi anh hùng đó, lý tưởng hoá cái quá khứ xa xưa, làm ngời sáng lên những chiến công bất

diệt, vinh quang của tổ tiên, tạo ra những bức tranh lý tưởng của thế giới sử thi rộng lớn.

Vào thế kỷ thứ VIII trước công nguyên khi vùng I-ô-ni trở thành một khu vực tiên tiến của thế giới Hy-lạp thì những bài ca anh hùng, những sử thi anh hùng gặp được một miếng đất tốt để phát triển. Một công chúng mới, say mê yêu thích sử thi, ra đời đã góp phần quan trọng vào việc hình thành hai bản trường ca tuyệt tác của Hô-me-rơ.

Những người a-e-đơ trên đất I-ô-ni, trên cơ sở của truyền thống sử thi cũng cùng với những chất liệu thu lượm được, đã sáng tạo ra nhiều tác phẩm sử thi mới làm hình thành một ngôn ngữ sử thi độc đáo. Những công trình nghiên cứu ngữ văn cổ của các nhà bác học cho chúng ta biết thứ ngôn ngữ này hình thành do sự kết hợp của nhiều ngôn ngữ địa phương mà cơ sở là ngôn ngữ địa phương I-ô-ni.

Ngôn ngữ trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ là sự kết hợp nhiều từ cổ ê-ô-liêng (Bắc A-kê-en) với ngôn ngữ địa phương I-ô-ni. Nó là kết quả của một quá trình nhào nặn, hoàn thiện từ những bài ca, sử thi của hàng bao thế hệ trước. Truyền thuyết về việc có bảy đến mười một đô thị trong đó có sáu đô thị trên đất I-ô-ni tranh nhau cái vinh dự là quê hương của Hô-me-rơ cho chúng ta một dẫn chứng về vai trò của vùng I-ô-ni đối với sự phát triển sử thi nói chung và với hai bản trường ca của Hô-me-rơ nói riêng.

RÁP-XÔ-ĐƠ - (Theo tiếng Hy-lạp là "*Những người khêu nối các bài ca*"). - Tiếp sau những a-e-đơ là một loại những nghệ nhân dân gian khác tên gọi là ráp-xô-đơ. Những tài liệu đầu tiên cho ta biết về hoạt động của những nghệ nhân này thuộc vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên; thời kỳ Xô-lông và Pi-dit-tơ-rát cầm quyền, khi mà thành bang A-te-nơ đã tổ chức đều đặn từng định kỳ cho việc biểu diễn trường ca của Hô-me-rơ. Có tài liệu nói rằng chính Pi-dit-tơ-rát là người đã cho lập một uỷ ban đặc biệt chuyên việc ghi chép lại những bản trường ca theo lời kể lại, đọc lại của những ráp-xô-đơ. Pla-tông trong tác phẩm "*I-ông*" đã cho ta biết về hoạt động của những ráp-xô-đơ. Theo tác phẩm thì những ráp-xô-đơ chỉ biểu diễn những bản trường ca đã có sẵn chứ không sáng tác những tác phẩm mới. Họ không hát, ca và đệm đàn như cách biểu diễn của những a-e-đơ mà chỉ kể, đọc những bản trường ca vào những ngày hội lễ long trọng như ngày hội "*Pa-na-tê-en-lôn*" ở A-te-nơ.

Sự ra đời những ráp-xô-đơ đánh dấu cho một giai đoạn mới của sự phát triển thơ ca Hy-lạp khi những sáng tác thơ ca của những người a-e-đơ không còn sức sống nữa và loại hình anh hùng ca không còn giữ vị trí độc tôn như xưa nữa, nghĩa là đến lúc phải nhường bước cho những loại hình thơ ca khác phát triển.

HÔ-ME-RI-ĐƠ - Những nghệ nhân biểu diễn sử thi cổ đại ở đảo Ki-ốt tổ chức thành phường hội lấy tên

là "Hô-mê-ri-đơ" có nghĩa là con cháu của Hô-me-rơ. Các nhà nghiên cứu cho rằng tiền thân của tổ chức Hô-mê-ri-đơ là một thị tộc của những a-e-đơ chuyên nghiệp. Thị tộc này cha truyền con nối nghề thuật biểu diễn sử thi từ đời này qua đời khác - "một trường phái nghệ nhân sử thi". - Những Hô-mê-ri-đơ khi biểu diễn, đọc, kể những bản trường ca thường cầm một chiếc gậy hay một chiếc đĩa đặc biệt, có thể đây là một hình thức thay thế có tính chất tượng trưng nghi lễ cho cây đàn lia-rơ⁽¹⁾. Hô-mê-ri-đơ có thể đã đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành sử thi cổ đại. Sau này danh từ "Hô-mê-ri-đơ" mang một ý nghĩa rộng hơn không những chỉ những người biểu diễn các bản trường ca mà còn chỉ cả những ai sáng tác những tác phẩm anh hùng ca mới theo phong cách Hô-me-rơ.

(1) Một số tài liệu nghiên cứu cho rằng ráp-xô-đơ theo tiếng Hy-lạp là "chiếc gậy và bài ca" và ráp-xô-đơ có nghĩa là những ca sĩ cầm gậy trong tay. Chiếc gậy tượng trưng cho quyền phép ma thuật và quyền lực của tập thể nhân dân.

CHỐNG NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI LẦM VỀ THƠ CA DÂN GIAN VÀ VAI TRÒ CỦA NHỮNG NGHỆ NHÂN DÂN GIAN A-E-ĐƠ

Trường ca của Hô-me-rơ là những tác phẩm được xây dựng trực tiếp từ vốn thơ ca dân gian trong thời kỳ công xã thị tộc. Vì thế khi nghiên cứu nếu tách rời những đặc điểm của thơ ca dân gian và vai trò của những nghệ nhân dân gian, a-e-đơ, ra khỏi những bản trường ca của Hô-me-rơ, chúng ta sẽ không thể có một sự hiểu biết đúng đắn về những bản trường ca đó; hơn nữa lại có thể rơi vào những quan điểm sai lầm mà lịch sử nghiên cứu Hô-me-rơ đã từng phê phán.

Việc nghiên cứu đánh giá những tác phẩm văn học lớn có ý nghĩa thế giới như những bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xê*" của Hô-me-rơ bao giờ cũng gắn bó với một trào lưu tư tưởng của xã hội; bao giờ cũng gắn bó với cuộc đấu tranh tư tưởng của một thời đại lịch sử nhất định. Những quan điểm mỹ học là cơ sở cho việc nghiên cứu đánh giá tác phẩm văn học đương nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của cuộc vận động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và đồng thời là một bộ phận của cuộc vận động đấu tranh đó.

Vào thế kỷ XVIII ở châu Âu khi giai cấp tư sản còn

giữ vai trò cách mạng, khi chủ nghĩa lãng mạn ra đời với tư thế là một trào lưu tư tưởng tiến bộ, các nhà nghiên cứu đều biểu lộ một niềm say mê, một thái độ trân trọng đối với thơ ca dân gian. Trong lãnh vực nghiên cứu khoa học gần như có sự nhất trí cho rằng thơ ca của Hô-me-rơ là *"thơ ca của thời kỳ nguyên thủy"*. thời đại của Hô-me-rơ là thời đại *"ngây thơ trong sáng"* của nhân loại. Từ Giăng Giắc Rút-xô, Phê-nơ-lông ở Pháp cho đến Gơ-tơ, Héc-đe ở Đức, Pu-skin, Gơ-nê-đi-sơ ở Nga đều đánh giá cao vai trò của nhân dân với sáng tác của Hô-me-rơ, coi thơ ca của Hô-me-rơ là thơ ca dân gian. Cho đến giữa thế kỷ XIX những quan điểm tiến bộ đó vẫn giữ vị trí chủ đạo, chính thống.

Nhưng từ cuối thế kỷ XIX và bước sang đầu thế kỷ XX đã xuất hiện những quan điểm trái ngược lại. Nếu như trong thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX các nhà nghiên cứu còn biểu lộ một niềm say mê trân trọng đối với thơ ca dân gian hoặc càng say mê trân trọng hơn nữa đối với môn folklore-học khi môn này ra đời, thì bước sang đầu thế kỷ XX, khi xã hội tư sản phương Tây đi vào một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn của chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh - niềm say mê, trân trọng đó không còn nữa. Trong khoa học nảy sinh một thái độ dè dặt, né tránh, thậm chí thù địch đối với sáng tác dân gian.

Nhà nghiên cứu Mi-sen Brê-an người Pháp trong

những công trình nghiên cứu của mình đã phê phán những quan điểm cũ của thế kỷ XVIII. Ông cho rằng quan điểm coi thơ ca của Hô-me-rơ là thơ ca nguyên thủy là sai lầm. Theo ông, "*Hô-me-rơ thể hiện thơ ca của một thời kỳ trưởng thành chứ không phải của một thời kỳ thơ ấu...*"⁽¹⁾. Quan điểm này của Mi-sen Brê-an được nhiều nhà nghiên cứu tiếp thu và phát triển. Nó cũng đã có ảnh hưởng khá rộng trong hồi đầu thế kỷ XX. Ở Nga trước Cách mạng Tháng Mười 1917 cũng xuất hiện những quan điểm tương tự. Một số nhà triết học, ngữ văn học cho ngôn ngữ trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ là một thứ ngôn ngữ thơ ca thuần túy giả tạo. Tác giả Hô-me-rơ đã có ý thức sử dụng những biện pháp giả tạo, ước lệ để thể hiện tính chất tối cao của một thời đại đã chìm vào quá khứ xa xôi. Và cứ thế, cái quan điểm sai lầm này, coi ngôn ngữ trong thơ ca Hô-me-rơ là ngôn ngữ giả tạo, ước lệ ngày càng được thừa nhận và phát triển. Năm 1921, một nhà nghiên cứu người Đức là Các Mai-xơ viết một công trình nghiên cứu nhan đề là "*Ngôn ngữ giả tạo của Hô-me-rơ*"! Ở Đức trong thời kỳ phát xít Hít-le cầm quyền, một số nhà folklore-học lại đưa ra những quan điểm sai lầm hơn nữa. Theo họ trong lĩnh vực sáng tác nghệ thuật nói chung nhân dân không thể nào và không bao giờ đóng vai trò sáng tạo được. Nhân

(1) Michel Bréal (1832 - 1915) - *Pour mieux connaître Homère* Paris, 1928.

dân chỉ có khả năng mô phỏng mà thôi, còn vai trò sáng tạo, năng lực sáng tạo nghệ thuật chỉ có thể có được ở những người thuộc giai cấp thượng lưu, những người có học thức trong xã hội.

Những quan điểm sai lầm kể trên của khoa nghiên cứu văn học ở phương Tây đã mô-đéc-nít hoá (tân thời hoá) thế giới cổ đại. Nó hoàn toàn đối lập với những quan điểm tiến bộ, cách mạng của những nhà nghiên cứu theo chủ nghĩa lãng mạn hồi cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX vốn là những người có một niềm say mê nhiều khi đến mất tỉnh táo khách quan, trân trọng đến sùng bái, lý tưởng hoá đối với thơ ca dân gian và vai trò của nhân dân trong sáng tác văn học nghệ thuật. Chủ nghĩa mô-đéc-nít trong nghiên cứu văn học đã dẫn đến những kết luận xuyên tạc sự thật lịch sử. Nền nghệ thuật Hy-lạp phong phú và đẹp đẽ trong đó có anh hùng ca của Hô-me-rơ là do giai cấp quý tộc xây dựng; còn nhân dân, vai trò của họ may mắn không được nhắc đến. Và cứ thế trượt dài trên cái dốc mô-đéc-nít hoá những nhà nghiên cứu đã đi đến chỗ coi anh hùng ca cổ đại là loại "thơ ca cung đình" phục vụ cho các nhà vua chứ không phải là thơ ca của nhân dân phục vụ cho nhân dân. Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX việc quy ép cho những bản trường ca của Hô-me-rơ vào cái khuôn mẫu thơ ca cung đình dường như trở thành một sự thật, một vấn đề không cần phải bàn cãi gì nữa trong giới nghiên cứu văn học ở phương Tây; mặc dù thời đại Hô-me-rơ,

thời đại ra đời những bản anh hùng ca không hề có những lâu đài, cung đình kiểu phong kiến, không hề có một giai cấp quý tộc quần tụ xung quanh một vị lãnh chúa.

Nhưng chưa hết. Với một công trình nghiên cứu "tỏ vẻ" khoa học, nhà nghiên cứu người Pháp Sác-lơ Ô-tơ-răng còn cố gắng chứng minh rằng thơ ca của Hô-me-rơ được xây dựng trong môi trường các viên tư tế, những nhà tiên đoán, nghĩa là môi trường của những người làm nghề tôn giáo vốn là tầng lớp trí thức của thời đại⁽¹⁾. Nguồn gốc của anh hùng ca Hô-me-rơ theo Sác-lơ Ô-tơ-răng là từ tôn giáo.

Một tình hình nghiên cứu như vậy đương nhiên không thể không vấp phải một sự phản bác nào. Từ những năm ba mươi của thế kỷ này đã xuất hiện những khuynh hướng chống lại những quan điểm nói trên. Năm 1933 một công trình nghiên cứu lớn của nhà bác học Thuy Điển Mác-tanh Nin-sơn viết bằng tiếng Anh "*Hô-me-rơ và Mi-ken*" ra đời. Bằng nhiều tài liệu, dẫn chứng công phu và khoa học, Mác-tanh Nin-sơn đã bác bỏ những quan điểm sai lầm trên, khẳng định sử thi của người Hy-lạp cổ đại là thơ ca dân gian. Tác giả nhấn mạnh đến sự cần thiết phải chú ý đến bản chất xã hội của chính những người lưu truyền vốn sử thi dân gian - những nghệ nhân dân gian, a-e-đơ. Cống hiến lớn lao của Mác-tanh Nin-sơn

(1) Charles Autran - *Homère et les origines sacerdotales de l'épopée grecque*. Paris. 1928

là đã khôi phục lại vai trò chân chính của nhân dân trong sáng tạo nghệ thuật, phát hiện ra tác dụng xã hội của những nghệ nhân dân gian a-e-đơ.

Tiếp tục hướng nghiên cứu của Nin-son từ đó cho đến nay các nhà nghiên cứu tiến bộ trên thế giới đã có nhiều cống hiến hết sức lớn lao vào việc tìm hiểu xã hội Hô-me-rơ và đấu tranh chống những quan điểm phản lịch sử trong công việc nghiên cứu tác phẩm của Hô-me-rơ và thời đại Hô-me-rơ.

Những công trình của các nhà nghiên cứu Gioóc-dơ Tôm-son (người Anh), Ăng-đrê Bon-na (Thụy Sĩ) Giảng Pie Véc-năng (người Pháp) và rất nhiều các nhà nghiên cứu khác mà chúng ta hiện nay chỉ có khả năng hiểu biết một cách gián tiếp và không đầy đủ, ít nhiều cũng đã chứng minh cho điều đó. Năm 1956 tạp chí "*Tư tưởng*" (La Pensée) ở Pháp tổ chức thảo luận về tác phẩm "*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*" của En-ghe-nơ với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, bác học, giáo sư, đã một lần nữa làm sáng tỏ thêm thời đại Hô-me-rơ, góp phần tích cực vào việc đấu tranh chống những quan điểm xuyên tạc lịch sử của giữa tư sản⁽¹⁾.

Khoa folklore - học xô viết đã có những cống hiến to lớn vào việc tìm ra những quy luật chung của sự hình thành sử thi dân gian, vai trò và sự hoạt động của nghệ nhân dân gian. Nó cũng đồng thời góp phần xứng đáng vào việc khôi phục, bảo vệ và phát triển

(1) *La Pensée*. no-66 Mars-Avril 1956.

những giá trị mỹ học chân chính của folklore. Khoa văn học cổ đại xô viết tiếp thu những thành tựu tiến bộ của nền văn học thế giới cũng đã có những đóng góp tích cực vào việc nghiên cứu thời đại Hô-me-rơ và anh hùng ca Hô-me-rơ. Những công trình nghiên cứu của các nhà bác học xô viết như I.I. Tôn-xtôi, V.Ia. Propp, V.E. Gu-xép, E. M. Mê-ti-lin-xki, I.M. Tơ-rôn-xki, S.I.Rát-si-gơ, A.Ph.Lô-sép và... đã giúp ích cho chúng ta rất nhiều.

Nghiên cứu hai bản trường ca của Hô-me-rơ ngoài những chi tiết hoang đường chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều điều cụ thể về vai trò và địa vị xã hội của những người a-e-đơ.

Trong tác phẩm "Ô-di-xé", nghệ nhân dân gian a-e-đơ được coi như một loại thợ thủ công đặc biệt. Ở khúc ca XVII kể lại đoạn nhân vật Uy-li-xơ sau nhiều năm phiêu bạt, trở về gia đình đang trong cảnh bị bọn cầu hôn quấy nhiễu, Uy-li-xơ phải trá hình làm người hành khất để về nhà. Chàng đến xin ăn trong lúc bọn cầu hôn đang tiệc tùng, chè chén. Thấy vậy Ăng-ti-nô-ốt, một tên cầm đầu bọn cầu hôn, cất lời chửi mắng ông già chăn lợn O-mê về tội đã dẫn một kẻ hành khất vào bàn tiệc. Ông già chăn lợn bèn trả lời lại Ăng-ti-nô-ốt như sau:

"... Này hỡi Ăng-ti-nô-ốt, đối với một người quý tộc mà nói năng như vậy thì quả thật là xấu xa! Thử hỏi những người khách nào được người ta đi tìm đón từ những nơi xa lạ về đây? Phải chăng đó là những người

có thể làm một việc công ích⁽¹⁾, những nhà tiên đoán và những thầy thuốc, thợ dựng nhà hay những a-e-đơ được thánh thần yêu mến, đã làm vui thú lòng người? Đó chính là những người mà người ta đi mới đón từ những nơi xa xôi cùng trời cuối đất về...⁽²⁾

Như vậy dưới con mắt của người cổ đại, a-e-đơ được coi là một loại người làm việc công ích như thầy thuốc thợ dựng nhà. Đó là những người mà tiếng Hy-lạp cổ gọi là "đê-mi-uốc-gơ" tức là những thợ thủ công chuyên nghiệp, làm những việc công ích phục vụ đời sống nhân dân⁽³⁾. A-e-đơ là một loại "đê-mi-uốc-gơ" đặc biệt được "thánh thần mến yêu" vì đã bằng những bài ca của mình làm "vui thú lòng người". A-e-đơ không phải là những nhà thơ cung đình, không phải thuộc tầng lớp quý tộc.

Trong tác phẩm của Hô-me-rơ chỉ có một trường

(1) Bản tiếng Pháp của Victor Bérard (*Les Belles Lettres*) dịch: "Ceux qui peuvent remplir un service public". Bản tiếng Pháp của Leconte de Lisle (*Alphonse Lemerre*) dịch: "ceux qui sont habiles". Bản tiếng Nga dịch "đê-mi-uốc-gơ".

(2) *Odyssée* - Victor Bérard, *Les Belles Lettres* - Paris 1956, XVII, 382-385.

(3) Trong ngôn ngữ của anh hùng ca Hô-me-rơ từ "đê-mi-uốc-gơ" được cấu tạo bằng hai từ: "đê-môx" = nhân dân và "e-rơ-gôn" = lao động. "Đê-mi-uốc-gơ" với ý nghĩa là những người thợ thủ công đã được cố định trong tiếng Hy-lạp cho đến cuối thời cổ đại. Đó là những người làm việc không phải cho bản thân mình mà cho nhân dân. "Đê-môx" trong ngôn ngữ sử thi cổ I-ô-ni Át-tích không chỉ nhân dân nói chung, mà chỉ loại nhân dân có nghề chuyên môn ở nông thôn.

hợp nghệ nhân đồng thời là một quý tộc, một thủ lĩnh quân sự, một ba-di-lót. Đó là trường hợp nhân vật A-khin. Sau khi từ bỏ cuộc chiến đấu, A-khin lui về ở doanh trại của mình. Đoàn sứ giả của A-ga-men-nông phái đến để thuyết phục A-khin xuất trận giúp quân Hy Lạp, gặp chàng đang vừa hát bài ca "*Những chiến công của các anh hùng*" vừa đệm đàn ki-ta-rơ. Trước mặt chàng là người bạn Pa-tơ-rô-clơ đang yên lặng chăm chú lắng nghe⁽¹⁾

Về trường hợp này chúng ta có thể kết luận được rằng, đây là một hiện tượng không phổ biến. A-khin chỉ là một ba-di-lót biết ca hát, biết những truyền thuyết thần thoại, học được, bắt chước được nghệ thuật biểu diễn của a-e-dơ chứ không phải A-khin là một a-e-dơ chuyên nghiệp, một ba-di-lót - a-e-dơ. A-e-dơ với tư cách là một nghệ nhân thuộc hàng ngũ nhân dân trong ý nghĩa phân biệt với giới quý tộc. Họ là những người không có ruộng đất hoặc có ít, những người mà tiếng Hy Lạp gọi là "te-tơ".

Trong xã hội Hô-me-rơ, trồng trọt và chăn nuôi là hai ngành kinh tế chủ yếu. Với trình độ kỹ thuật hết sức thô sơ tất nhiên lao động nông nghiệp trong xã hội Hô-me-rơ là một công việc hết sức vất vả, nặng nhọc, đòi hỏi phải có thể lực và kinh nghiệm. Một ngành kinh tế khác không kém phần quan trọng là thủ công nghiệp. So với nông nghiệp, lao động thủ

(1) *Iliade* - IX, 185-189.

công nghiệp cũng đòi hỏi phải có thể lực song chủ yếu đòi hỏi óc thông minh và sự khéo léo. Từ đó hình thành một sự phân công: những người khoẻ mạnh, quen thuộc đất đai, có kinh nghiệm cày cấy, trồng trọt, làm lao động nông nghiệp những người già yếu, tàn tật, mù lòa làm lao động thủ công nghiệp. A-e-đơ được coi là những thợ thủ công đặc biệt vì nghệ thuật của họ làm vui lòng người, vì họ tàn tật, già yếu, mù loà. Đọc khúc ca VII của "Ô-đi-xê", chúng ta có dịp thấy rõ hình ảnh một a-e-đơ: ông già mù Đê-mô-đô-cốt⁽¹⁾.

Đây là một chi tiết giúp chúng ta hiểu rõ thêm về nghệ nhân dân gian cổ đại, cho nên không phải ngẫu nhiên Hô-me-rơ theo truyền thuyết là một ông già mù được nhân dân hết sức kính trọng. Đê-mô-đô-cốt được nhà vua An-ki-nô-ốt sai người đi đón về dự bữa tiệc chiêu đãi vị khách quý Uy-li-xơ. Nhà vua dành cho ông *"ngồi ở giữa các vị khách, trong một chiếc ghế bành có đính bạc, kê sát vào một chiếc cột cao, và trên tấm đầu ông có một cây đàn ki-ta-rơ vang tiếng..."* Không riêng gì ở cổ đại Hy-lạp mà ở nhiều dân tộc khác, chúng ta cũng thấy hình ảnh nghệ nhân dân gian mù gắn bó với gia tài sử thi dân gian. Trong anh hùng ca Nga miền Nam-Sla-vơ những bài ca "I-u-na-xki" của những ca sĩ dân gian đã từng được gọi là "bài ca của người mù".

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu sâu thêm về hoạt động biểu diễn của nghệ nhân a-e-đơ.

(1) *Odyssée* - VIII, 62-70.

Trong bữa tiệc và cuộc thi đấu thể thao do nhà vua An-ki-nô-ốt tổ chức, nghệ nhân dân gian mù Đê-mô-đô-cốt đã ba lần hát bài khúc ca về ba đề tài khác nhau. Lần đầu là khúc ca thuật lại cuộc tranh cãi giữa Uy-li-xơ và A-khin:

"... Khi mọi người đã ăn uống no say rồi, nữ thần Mui-dơ bèn khơi nguồn cảm hứng cho ông. Ông bèn đứng dậy và chọn một bài ca ca ngợi chiến công của những người trần thế, bài ca mà danh tiếng của nó dội vang đến tận trời cao, bài ca nói về cuộc tranh cãi giữa Uy-li-xơ với A-khin, con trai của Pê-lê. Chuyện xưa kể lại hai người cãi nhau trong một bữa tiệc cỗ bàn đầy ắp của các vị thần. Hai người lời qua tiếng lại, nghĩa tình mất hết, mẫn nhát chẳng còn khiến cho vị thủ lĩnh tối cao của họ là A-ga-men-nông lòng tràn đầy vui sướng. Hai dũng sĩ danh tiếng của người A-kê-en bất hoà, thế là lời sấm truyền của thần Phê-buýt A-pô-lông đã được thực hiện! A-ga-men-nông nhớ lại một ngày nào đó trước đây khi mình đến ngôi đền Pi-tô bước qua ngưỡng cửa đền bằng đá để xin một lời sấm truyền. Đó là lúc thần Dớt vĩ đại quyết định dim nhấi những người Tơ-roa và người Đa-na-en vào những cơn phong ba của nổi bất hạnh..."⁽¹⁾

Đê-mô-đô-cốt hát lên bài ca về cuộc tranh cãi giữa Uy-li-xơ và A-khin. Đây là một đoạn theo truyền

(1) Odyssée - VIII. 73 - 82.

thuyết hai vị tướng Hy-lạp tranh cãi với nhau về cách tiến hành chiến tranh. Uy-li-xơ cho rằng phải dùng mưu, phải dùng thủ đoạn đánh lừa thì mới thắng được quân Tơ-roa. A-khin ngược lại rất bất bình đối với chủ trương đó. Chẳng cho rằng phải tiến hành chiến tranh một cách thật thà, trung thực và chỉ được dùng sức mạnh và lòng dũng cảm mà thôi. Câu chuyện này đã được bản trường ca "*Ki-prít*" thuật lại. Trường ca "*Ki-prít*" không còn nhưng chúng ta biết nội dung của nó nhờ vào những bản tóm tắt của các nhà học giả cổ đại ở các thế kỷ sau này. Như vậy chúng ta thấy trong thời gian "*Ô-đi-xê*" ra đời đã từng tồn tại và phổ biến "những bài ca mà danh tiếng của nó dội vang đến tận trời cao". Và điều này càng cho phép chúng tôi tin chắc rằng chỉ có trên cơ sở của một vốn sử thi dân gian vô cùng phong phú gắn liền với hoạt động biểu diễn của những nghệ nhân dân gian thì mới hình thành nên được hai bản trường ca nổi tiếng của Hô-me-rơ.

Sau khi xem các cuộc thi đấu thể thao, nhà vua An-ki-nô-ốt lại mời a-e-đơ Đê-mô-đô-cốt biểu diễn. Lần này Đê-mô-đô-cốt biểu diễn cùng với một đội đồng ca.

"... An-ki-nô-ốt sánh tựa thần linh, truyền lệnh như vậy. Người truyền lệnh liền đứng dậy và chạy về cung điện tìm cây đàn ki-ta-rơ cong cong xinh đẹp. Người ta chọn trong nhân dân chín viên giám khảo của trường đấu và tức thời những người này rời khỏi chỗ ngồi, sẵn sàng dọn sửa một khu đất giống như họ đã

từng dọn sửa một bãi đẹp cho cuộc đấu võ: đoạn người truyền lệnh đem đến cho a-e-dơ cây đàn ki-ta-rơ tiếng trong thánh thót. Đê-mô-đô-cốt tiến vào giữa vòng tròn. Đứng chung quanh ông là những chàng trai tuấn tú, vô địch trong nghệ thuật nhảy múa. Họ giậm chân theo tiếng nhạc như tiếng đập lúa. Uy-li-xơ say mê theo dõi bước chân của họ, lòng chàng rất đổi ngạc nhiên⁽¹⁾.

Đúng là một cuộc biểu diễn nghệ thuật của nhân dân trong thời kỳ cổ đại. Tính hồn đồng và tính quần chúng - tập thể biểu lộ rất rõ. Ta có thể tìm thấy những dẫn chứng như vậy ở đoạn miêu tả "Cái khiên của A-khin" trong "I-li-át" (khúc ca XVIII) và ở đoạn nói về đám cưới của Mê-ga-păng-tét con trai của Mê-nê-lát trong "Ô-đi-xê" (khúc ca IV).

Lần thứ hai Đê-mô-đô-cốt hát một bài ca nói về chuyện nữ thần Tình yêu và Sắc đẹp A-phrô-đi-tơ ái ân vụng trộm với thần Chiến tranh A-rét, bị chồng là thần thợ rèn Hê-pha-i-xtốt chân thọt, chẳng một tấm lưới sắt chụp xuống bắt được quả tang. Và tiếp... thế là thần Hê-pha-i-xtốt nổi cơn thịnh nộ, găm thét, kêu gào các vị thần khác đến chứng kiến cái chuyện xấu xa ô nhục đó để phân xử cho thần. Thần còn than thở cho số phận bất hạnh của mình bị thọt chân vì thế A-phrô-đi-tơ đã đi yêu A-rét đẹp trai hơn. Kết thúc câu chuyện là thần Đại dương Pô-đê-i-đông phải đứng

(1) *Odyssée* VIII, 256 - 265.

ra bảo đảm với thần Hê-pha-i-xtốt rằng, nếu A-rét không nộp phạt chuộc tội thì mình sẽ nộp thay, khi đó Hê-pha-i-xtốt mới chịu gỡ lưới tha A-rét và A-phrô-di-tơ.

Thật là một bài ca đầy chất hài hước như một truyện cười Việt Nam! Sử thi dân gian thật phong phú! Bên tính chất trang nghiêm vốn là phong cách chủ đạo của anh hùng ca vẫn pha trộn cái phàm tục, cái hài hước của đời sống - một điều mà ta ít thấy có trong văn học cung đình.

Nhưng có lẽ đáng chú ý hơn là lần hát thứ ba của Ê-dê-mô-đô-cốt. Lần này Uy-li-xơ đã trân trọng mời Ê-dê-mô-đô-cốt hát. Mở đầu theo truyền thống, chàng bày tỏ sự kính trọng đối với nghệ nhân dân gian. Chàng *"cắt miếng thịt thần của một con lợn rừng trắng lấy ra một miếng có mỡ béo bọc quanh"* rồi nói với người truyền lệnh:

"... Hỡi viên truyền lệnh, hãy mang phần thịt này dâng mời a-e-đơ! - và nói với người rằng, mặc dù lòng ta đang đau buồn ta vẫn không quên gửi tới a-e-đơ lời chào. Trong những người trần thế ai ai cũng hết sức mến yêu và kính trọng những a-e-đơ, bởi vì chính nữ thần Mui-dơ đã truyền dạy cho các a-e-đơ những bài ca. Và nữ thần vốn rất mến yêu dòng giống những người a-e-đơ..."⁽¹⁾

(1) *Odyssée* VIII, 477 - 482.

Đoạn Uy-li-xơ nói tiếp với Đê-mô-đô-cốt:

"... *Này hỡi Đê-mô-đô-cốt! Chính là Người chứ chẳng phải một ai trong những người trần thế mà ta kính yêu nhất bởi vì nữ thần Mui-dơ con gái của Dớt hay có thể là thần A-pô-lông đã dạy bảo Người. Người đã ca rất hay câu chuyện về số phận những người A-kê-en, những nỗi bất hạnh và chiến công cùng với những gian nan, trắc trở của họ dường như chính mắt Người trông thấy hay nghe một ai kể lại. Xin Người ca tiếp, hãy ca lên câu chuyện về con ngựa gỗ do Ê-pây-ốt sáng tạo với sự giúp đỡ của nữ thần A-tê-na. Và xin hãy kể xem chàng Uy-li-xơ thần thánh đã đưa cái cạm bẫy này vào thành Tơ-roa như thế nào, cái cạm bẫy trong đó chứa đầy những chiến binh sẽ triệt hạ thành I-li-ông! Nếu Người kể lại cho chúng ta nghe trọn vẹn câu chuyện này ta sẽ nói với mọi người rằng có một vị thần đã bảo hộ Người và ban truyền cho Người bài ca thần thánh!...*"⁽¹⁾

Và Đê-mô-đô-cốt theo yêu cầu của Uy-li-xơ đã hát lên bài ca về con ngựa gỗ. Đây là một đoạn trích từ một bản trường ca khác thuật lại sự sụp đổ của thành Tơ-roa nhưng trong trường ca "Ô-đi-xê" chỉ là một mẩu chuyện rất ngắn, kể lướt qua. Trong gia tài sử thi Hy-lạp chúng ta được biết có một bản trường ca tên là "Thánh Tơ-roa thất thủ". Tác phẩm này hiện nay không còn nhưng qua quyển (bài ca) thứ hai trong

(1) *Odyssée*. - VIII, 487-497.

trường ca "*Ê-nê-ít*" của nhà thơ La-mã Viéc-gi-lơ chúng ta có thể đoán chắc rằng Viéc-gi-lơ đã sử dụng tư liệu trong bản trường ca "*Thành Tô-roa thất thủ*" để miêu tả cảnh thành Tô-roa bị đánh chiếm tàn phá.

Những dẫn chứng kể trên cho chúng ta thấy rõ ràng a-e-đơ là nghệ nhân của nhân dân, a-e-đơ ca hát biểu diễn phục vụ cho đông đảo quần chúng nhân dân. Chính vì lẽ đó mà quần chúng nhân dân dành cho người nghệ sĩ của mình những tình cảm hết sức chân thành, nồng hậu. Đây cũng là một phần thưởng cao quý nhất, vinh dự nhất của nhân dân trả cho người nghệ sĩ, đồng thời cũng phản ánh mối quan hệ thống nhất giữa nghệ sĩ và công chúng trong xã hội thị tộc - một xã hội mà nghệ thuật chưa bị biến thành hàng hoá, chưa trở thành một công việc nửa mơ mộng, nửa buôn bán; còn người nghệ sĩ thì "*chưa bị thu nạp vào trong số lao động làm thuê*"⁽¹⁾, chưa trở thành một kiểu nhân vật cá nhân chủ nghĩa, tự do chủ nghĩa đến cô đơn vô nghĩa và luôn luôn cảm thấy "thiếu chân trời" như sau này ở trong chế độ tư bản chủ nghĩa.

A-e-đơ sáng tác "*phản ánh cái thực tế đã qua vào trong những ảo tưởng thần thoại*" dường như chính mắt a-e-đơ trông thấy hay nghe một ai kể lại. Nhưng dù có chính mắt trông thấy hay nghe một ai kể lại thì a-e-đơ vẫn là người có khả năng biểu hiện thực tế, tái hiện thực tế một cách sinh động và hấp dẫn. Và cái

(1) Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

khả năng này chỉ có thể là kết quả của một quá trình lao động nghệ thuật đã được chuyên môn hóa, một quá trình thu lượm, biểu diễn lâu dài, dày công khổ luyện trong đời sống nhân dân cùng với tập thể của mình Hô-me-rơ không phải là người sống trong thời kỳ chiến tranh Tơ-roa và cũng không phải là người cùng với Uy-li-xơ đi phiêu lưu khắp góc biển chân trời, nhưng chính Hô-me-rơ là người đã nghe ai kể lại rồi tái hiện như chính mắt mình trông thấy.

Cái khả năng biểu hiện thực tế, tái hiện thực tế một cách sinh động và hấp dẫn của nghệ nhân dân gian đã được nhà triết học Pla-tông kể lại trong một tác phẩm đối thoại mang tên là "I-ông" (tác phẩm dựng lên một cuộc đối thoại giữa nghệ nhân dân gian ráp-xô-đơ I-ông với nhà triết học Xô-cra-tơ).

"... Chẳng giấu giếm gì - I-ông trả lời Xô-cra-tơ - tôi xin thú thực với ngài rằng khi tôi kể đến một đoạn cảm động thì mắt tôi đầm lệ, khi tôi kể đến một đoạn khủng khiếp ghê rợn thì nổi sợ hãi làm tôi dựng đứng tóc lên, tim đập mạnh..."

... Từ cao trên bục gỗ tôi thấy công chúng cũng giống như tôi khóc sụt sùi hoặc mắt nhìn dờ tợn hay run sợ cùng với câu chuyện kể của tôi..."⁽¹⁾

A-e-đơ biểu diễn là a-e-đơ hồi tưởng. Song a-e-đơ biểu diễn cũng là a-e-đơ sáng tạo. Hoạt động biểu diễn của a-e-đơ không phải thuần túy chỉ là hồi tưởng mặc

(1) Platon - *Oeuvres complètes*, tom. I, p. 459, traduction nouvelle de Emile Chambry. Classique Garnier - Paris. 1947.

dù truyền thống sử thi cổ xưa để lại rất nhiều cốt truyện, rất nhiều khuôn mẫu miêu tả, kiểu loại thuyết lý, đối đáp, rất nhiều định ngữ... Tiếp thu truyền thống đó, a-e-đơ làm phong phú thêm lên, làm giàu ý nghĩa thêm lên, đáp ứng những nhu cầu tư tưởng - nghệ thuật của công chúng bằng năng lực sáng tạo - ứng tác của mình. Thật không đúng nếu chúng ta nghĩ rằng tài năng của a-e-đơ trong khi biểu diễn sử thi anh hùng chỉ là ở chỗ có một trí nhớ phi thường đã thuộc lòng và biểu diễn lại được một cách máy móc những công thức sẵn có của thơ ca cổ truyền đã già nua, cũ kỹ. A-e-đơ biểu diễn là a-e-đơ hồi tưởng song là một sự hồi tưởng để "thời sự hoá" sử thi. A-e-đơ biểu diễn theo cảm hứng của mình, a-e-đơ ứng tác. Nhà folklore - học xô viết V.V. Rát-lốp đã nghiên cứu kỹ hoạt động ứng tác của nghệ nhân dân gian và rút ra được những kết luận vô cùng quý báu. Ông đã hỏi một nghệ nhân dân tộc Kiéc-ghi-dơ về khả năng ứng tác của nghệ nhân và được trả lời:

"... Tôi có thể hát bất cứ một bài ca nào vì thần thánh đã ban cho tôi nghệ thuật ca hát. Thần đặt lời ca vào trong miệng tôi và tôi không phải đi tìm chúng, tôi không phải học một bài ca nào, tất cả đều từ miệng tôi tuôn chảy ra..."⁽¹⁾ Và Rát-lốp kết luận, nghệ nhân ứng tác khi ca hát không hề phải suy nghĩ tìm tòi về

(1) V. V. Rát-lốp - Lời tựa - tr. 17 dẫn ở *Tuyển tập những bài nghiên cứu về folklore* của I. I. Tôn-xtôi, tr.189. Nxb khoa học Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.

hình thức biểu hiện. Lời ca tiếng hát cứ tự nhiên tuôn chảy ra như chúng ta nói, diễn đạt ý nghĩ của chúng ta một cách tự nhiên, bình thường trong đời sống hàng ngày mà không hề phải suy nghĩ về cách phát âm, từ ngữ, âm thanh.

Trong trường ca của Hô-me-rơ những dẫn chứng như: *"... Tôi không có thấy nào dạy cả! Mọi loại thơ ca đều do thần thánh ban truyền cho..."* (lời a-e-đơ Phê-mi-ốt nói với Uy-li-xơ) hoặc *"... chính nữ thần Mui-dơ đã truyền dạy cho các a-e-đơ những bài ca..."* (lời Uy-li-xơ nói với a-e-đơ Đê-mô-đô-cốt) hoặc... chỉ có nghĩa là khả năng ứng tác đã được thần thánh hoá.

Pla-tông cũng đã miêu tả cái khả năng ứng tác được thần thánh hoá này của nghệ nhân dân gian ráp-xô-đơ trong tác phẩm *"I-ông"* qua lời miêu tả của nhân vật Xô-cra-tơ:

"... Không phải bằng nghệ thuật mà các nhà thơ sử thi lớn sáng tạo ra được những bản trường ca tuyệt tác đó đâu, mà là bằng cảm hứng và sự kêu gọi thần thánh; các nhà thơ trữ tình lớn cũng vậy. Giống như những Co-ri-băng-tơ⁽¹⁾ chỉ nhảy múa khi tâm hồn siêu thoát khỏi bản thân (trần tục - N.V.K) của mình, những nhà thơ trữ tình cũng vậy, họ không làm chủ được mình khi họ sáng tác ra những bài ca tuyệt tác

(1) Co-gi-băng-tơ: tên chỉ những viên tư tế trông coi việc thờ phụng nữ thần Ki-be-lơ. Trong những ngày tế nữ thần các Co-ri-băng-tơ nhảy múa cuồng loạn.

mà ai ai cũng biết. Nhưng một khi họ nhập vào sự chuyển động của dòng nhạc và của nhịp điệu thì họ vươn lên bay bổng và điều luyện chẳng khác nào như những thần Bắc-căng-tơ⁽¹⁾ trong niềm vui của sự say đắm đang uống cạn sữa và mật ong trong những dòng sông...⁽²⁾

Vì sao nghệ nhân dân gian lại có được cái khả năng mà ta coi là kỳ diệu như vậy? Đó là vì nghệ thuật sử thi, phong cách sử thi là nghệ thuật tổ chức của những công thức, phong cách, là nghệ thuật tổng hợp của những khuôn mẫu, ước lệ. Đoạn miêu tả sau đây của Rát-lốp về cách sáng tác - ứng tác của nghệ nhân dân gian giải thích cho chúng ta điều đó:

"... Mỗi một ca sĩ (chanteur de ballade_ bao giờ cũng biểu diễn ứng tác. Họ có thể ca (réciter) liền một lúc hai lần cùng một bài hát, cùng một hình thức không kể tài năng như thế nào. Nhưng như vậy không có nghĩa là mỗi lần ứng tác là mỗi lần họ sáng tác một bài ca mới (poème). Cách sáng tác của họ giống như cách sáng tác của người nghệ sĩ dương cầm. Người nghệ sĩ dương cầm tập hợp lại những âm điệu khác nhau mà đối với anh ta vốn rất quen thuộc, thành một hình thái hài hoà với những chuyển đoạn và

(1) Bắc-căng-tơ: tên chỉ những nữ tự tế trông coi việc thờ phụng thần rượu nho Bắc-cuýt (Đi-ô-ni-dốt).

(2) Platon - *Oeuvres complètes*, tom. I, p.457. Classique Garnier, Paris. 1947.

những mô-típ đã được khai thác trong niềm cảm hứng của thời điểm lúc đó; và bằng cái cũ như thế làm thành cái mới. Nhà thơ sử thi cũng sáng tác theo cách ấy. Nhờ vào một quá trình hoạt động thực hành lâu dài, nhà thơ sử thi có trong tay hàng loạt hết thảy những nguyên liệu dùng cho sự sản xuất⁽¹⁾ (thơ ca - N.V.K) nếu có thể gọi như thế được, mà ông ta có thể tập hợp lại thành một hình thái thích hợp theo dòng chảy của câu chuyện kể. Trong hàng loạt nguyên liệu đó có hình ảnh của những biến cố này hoặc của những hoàn cảnh khác như: sự ra đời của một vị anh hùng, cách nuôi dạy vị anh hùng, chiến công của những vũ khí, công việc chuẩn bị cho trận chiến đấu, cảnh giao tranh ác liệt, lời lẽ trao đổi của một dũng sĩ trước trận chiến đấu, chân dung các chiến binh và chiến mã, lời ca ngợi sắc đẹp một cô dâu v.v...

Nghệ thuật của nhà thơ là ở chỗ gắn bó những yếu tố tinh đó lại tùy theo tình thế với những câu thơ mà nhà thơ sáng tạo ra tùy theo hoàn cảnh. Những yếu tố tạo thành hình thức này có thể được sử dụng với những cách rất khác nhau. Nhà thơ biết cách sử dụng vài nét để vẽ nên một bức phác thảo hoặc biết cách miêu tả sâu sắc hơn hay xây dựng mọi chi tiết với tất cả sự hoàn thiện sử thi thích hợp. Và nhà thơ càng có nhiều nguyên liệu trong tay bao nhiêu thì tính đa

(1) des séries entières d'éléments de production.

dạng của sự biểu diễn của nhà thơ càng rộng rãi bấy nhiêu và cái khả năng ca hát không bị gián đoạn, không làm mệt công chúng của nhà thơ càng lớn bấy nhiêu... Nhà thơ có thể ca hát suốt ngày, suốt tuần hay suốt tháng, đúng hơn nhà thơ có thể nói và kể chuyện bất kỳ lúc nào...⁽¹⁾

Chúng ta có thể kết luận được rằng, điều nhà nghiên cứu Rát-lốp miêu tả không phải chỉ có riêng ở những nghệ nhân dân gian dân tộc Kiéc-gi-đơ mà là quy luật chung của nghệ thuật, kỹ thuật ứng tác sử thi. Những công trình nghiên cứu về sử thi dân gian của các dân tộc trên thế giới chứng minh cho kết luận đó. Đọc anh hùng ca của Hô-me-rơ chúng ta thường gặp những định ngữ tĩnh (cố định) những đoạn miêu tả lặp lại, giống nhau, như cảnh giết súc vật tế thần, cảnh yến tiệc, cảnh tiếp đón khách, lai lịch và dòng dõi các dũng sĩ v.v...

Trong quá trình biểu diễn a-e-đơ đã đồng hoá những bài ca, sử thi chuẩn mẫu (canon) với nhau đồng thời a-e-đơ gìn giữ những cốt truyện và những khuôn mẫu kỹ thuật của sử thi⁽²⁾. Còn mỗi lần phải xử lý, giải thích một hình tượng riêng biệt này hay một hoàn cảnh riêng biệt khác thì a-e-đơ với năng lực ứng tác

(1) Xem *Marxisme et Poésie* của George Thomson trong *Recherches Internationales* no38, 1963.

(2) appareillage topique de la poésie épique.

của mình lại sáng tạo thêm. Vì thế phong cách chuẩn mẫu (style canonique) thì không biến đổi nhưng những chi tiết thì biến đổi muôn hình muôn vẻ, vô cùng vô tận⁽¹⁾.

Như vậy chúng ta có thể kết luận rằng a-e-đơ là người đã sáng tạo và lưu truyền vốn anh hùng ca cổ đại. A-e-đơ là những nghệ nhân dân gian thuộc tầng lớp nghèo trong nhân dân lao động thời kỳ xã hội thị

(1) B. Vla-di-mia-tsép trong tác phẩm "*Anh hùng ca Mông cổ - Oi-rát-xki*" (tr.29) đã viết: "Những chi tiết thì tách biệt hẳn ra khác với sự miêu tả cuộc đời của các nhân vật ở hồi này, hồi khác, khác với ngay cả các dũng sĩ. Nhưng sơ đồ của anh hùng ca thì vẫn nguyên vẹn và rất ít có những bản anh hùng ca được chúng ta coi như là bằng chứng của một hiện tượng trái ngược. Do đó anh hùng ca Oi-rát-xki thường được coi như là do đích thực một người sáng tác, dường như với chúng ta không hề có tác phẩm của "nhân dân" mà chỉ có tác phẩm của một cá nhân. Hơn nữa dường như tất cả anh hùng ca Oi-rát-xki Tây bắc Mông cổ đều thoát thai từ một trường phái, từ một nhóm các nhà thơ, từ những tác giả là cá nhân sáng tác nhưng có mối liên hệ thống nhất với phương pháp bố cục những tác phẩm của những nhóm và những cá nhân ấy..."

... M.K. A-đa-đốp-xki trong tác phẩm "*Văn học và folklore*" (tr.203) đã viết. "... Nghiên cứu cuộc đời những văn bản bu-li-na (anh hùng ca Nga) chúng ta phát hiện ra tính biến dị không bình thường và tính năng động của chúng. Chúng ta thấy trong bu-li-na có rất nhiều tầng, nhiều lớp. Như thế không phải chỉ có văn bản của bu-li-na biến đổi trong quá trình truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác mà ngay một tác phẩm bu-li-na cũng bị biến đổi trong quãng thời gian kể chuyện ở miệng một người kể chuyện này hay một người kể chuyện khác.

Trích trong "*Tuyển tập những bài nghiên cứu về folklore*" của I. I. Tôn-xtôi trang 190 - 191 (tiếng Nga).

tộc bắt đầu có sự phân hoá. Họ hoàn toàn không phải là những nghệ nhân cung đình đem nghệ thuật của mình phục vụ riêng cho tầng lớp quý tộc. Nghệ thuật của a-e-dơ phục vụ toàn thể nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình phân hoá của xã hội thị tộc khi đẳng cấp hình thành ta thấy a-e-dơ có xu hướng phục vụ cho tầng lớp quý tộc. Dấu hiệu của xu hướng này ta có thể tìm thấy trong tác phẩm của Hô-me-rơ. Trong trường ca "Ô-đi-xê" có miêu tả tương đối cụ thể về hoạt động của hai a-e-dơ: Phê-mi-ốt và Ê-mô-đô-cốt. Cả hai đều biểu diễn phục vụ cho những bữa tiệc của quý tộc nhưng khác nhau, ở chỗ: một người thì bị ép buộc còn một người thì được tự do, tôn trọng. A-e-dơ Phê-mi-ốt đã phải *"miễn cưỡng cất tiếng hát trước mặt bọn cầu hôn"* để *"tô điểm thêm cho tiệc rượu"*⁽¹⁾. Sau này khi Uy-li-xơ trở về trừng trị ***bọn cầu hôn, trước nguy cơ có thể bị giết, Phê-mi-ốt đã van xin Uy-li-xơ tha chết và thanh minh:*** "Tôi ở đây ca hát cho những bữa tiệc của bọn cầu hôn song không phải tự ý tôi tìm đến với chúng và cũng không phải do lòng tôi muốn thế. Nhưng vì chúng đông người và có thế lực nên đã ép buộc tôi phải đến" và tiếp Phê-mi-ốt hứa với Uy-li-xơ sẽ *"ca hát về ngài (Uy-li-xơ) Như một vị thần"*⁽²⁾.

(1) *Odyssée*, - I, 150 - 154

(2) *Odyssée* - XXII, 344 - 354.

Còn Đê-mô-đô-cốt thì, ngược lại, như chúng ta đã thấy ở những đoạn kể trên, rất được kính trọng. Ông chỉ *"hát khi lòng mình muốn"* ⁽¹⁾.

Vấn đề quả thật khá rõ. Tự do của người nghệ sĩ gắn bó chặt chẽ với điều kiện xã hội. Phê-mi-ốt bị mất tự do vì bọn cầu hôn *"đông người và có thế lực"*. Trong quá trình tan rã của chế độ công xã thị tộc khi đẳng cấp, giai cấp dần dần hình thành, chắc chắn là không phải lúc nào người nghệ sĩ cũng bảo vệ được cái quyền *"chỉ hát khi lòng mình muốn"*. Phê-mi-ốt trong giờ phút bức bách đã sẵn sàng ca hát về Uy-li-xơ như một vị thần để được thoát chết, hẳn rằng sau này khi xã hội có giai cấp ra đời tất có không ít những Phê-mi-ốt buộc phải sẵn sàng ca hát để thoát khỏi cảnh nghèo đói! Ở khúc ca III, *"Ô-đi-xê"*, qua câu chuyện kể lại của ông già Ne-xto với Tê-lê-mác ta còn được biết A-ga-men-nông trước khi lên đường sang Tơ-roa chinh chiến đã giao cho một a-e-đơ nhiệm vụ trông nom vợ mình ⁽²⁾. Ở đây người nghệ sĩ kiêm luôn nhiệm vụ vệ sĩ! Cái quyền *"chỉ hát mỗi khi lòng mình muốn"* của Đê-mô-đô-cốt loài sản phẩm của một chế độ mà con người chưa biết đến cảnh áp bức bóc lột trong đó nghệ sĩ, nhân dân và cuộc sống là một khối thống nhất. Thật khó có thể quan niệm được có một a-e-đơ nào lại sống xa cách với cuộc sống của nhân dân, lại khinh

(1) *Odyssée* - VIII 43 - 45.

(2) *Odyssée* - III, 265-270.

miệt nhân dân là những công chúng của mình, là "biển cả" của mình. Mặc dù trong quá trình tan rã của xã hội thị tộc, ta thấy có những dấu hiệu và sự phụ thuộc của nghệ nhân a-e-đơ vào tầng lớp quý tộc, song chúng ta không nên quên rằng sự tan rã của chế độ công xã thị tộc là một quá trình kéo dài trong nhiều thế kỷ và những truyền thống của nó còn có sức sống khá mạnh mẽ không phải chỉ ở trong thời đại Hô-me-rơ mà còn ở nhiều thế kỷ sau này. Hơn nữa trong giai đoạn đầu của sự hình thành đẳng cấp, giai cấp, tầng lớp quý tộc, chưa phải là một lực lượng thù địch đối với nhân dân mất hết mối liên hệ với nhân dân. Những ba-di-lốt A-khin, A-ga-men-nông, Uy-li-xơ, An-ki-nô-ốt... là những người chỉ huy, lãnh đạo nhân dân tiêu biểu cho ý chí của tập thể nhân dân, được nhân dân bầu ra chứ không phải là nhà vua theo ý nghĩa phong kiến của từ này. Trong trường ca "*I-li-át*", một trong những định ngữ đi kèm theo với A-ga-men-nông là: "*A-ga-men-nông, người che chở nhân dân*", hoặc "*người chặn dất mọi người*" Agamennon, protecteur de son peuple - Agamemnon, pasteur d'hommes). Những quý tộc, ba-di-lốt này trong sự phát triển của lịch sử đương thời đóng một vai trò tiến bộ, thể hiện cái khát vọng của nhân dân công xã thị tộc muốn thoát khỏi cảnh sống dã man để vươn đến một cuộc sống văn minh hơn. Và cái khát vọng này đã được thực hiện bằng những cuộc chiến tranh,

"những cuộc cướp bóc có hệ thống trên đất liền và trên mặt biển để chiếm đoạt gia súc, nô lệ, của cải" Chiến tranh cướp bóc "đã biến thành một cách kiếm lợi thông thường" còn của cải thì "được người ta tán dương và coi trọng như một của báu tối cao"⁽¹⁾. Trong hoàn cảnh xã hội ấy người anh hùng, người dũng sĩ trong chiến trận, trong các cuộc thám hiểm, chinh phục những vùng đất đai mới là con người lý tưởng của thời đại, là hiện thân cho sự thống nhất giữa cá nhân người anh hùng và tập thể nhân dân. Những yếu tố chia rẽ sự thống nhất đó chỉ mới ở trạng thái tiềm tàng.

A-e-dơ là người phát ngôn cho những khát vọng và lý tưởng nói trên của thời đại, là người khẳng định cho tư tưởng mới của thời đại bằng hình thức nghệ thuật sử thi. Trường ca của Hô-me-rơ là kết quả của một quá trình phát triển lâu dài. Chắc chắn trong giai đoạn đầu, những tác phẩm sử thi chưa có thể có một tầm thước lớn như trường ca của Hô-me-rơ. Sau này trình độ công chúng và a-e-dơ ngày càng phát triển, các a-e-dơ tiến đến việc xây dựng được những tác phẩm lớn hơn và biểu diễn được từng phần của những tác phẩm đó. Và như vậy đã chuẩn bị cho việc xây dựng những tác phẩm sử thi có một kết cấu phức tạp hơn và đồ sộ hơn. Trường ca của Hô-me-rơ là sáng tác dân

(1) En-ghen - *Nguồn gốc của gia đình...* trang. 160.

gian, là "nghệ thuật - không tự giác" của nhân dân. Tuy nhiên vì ra đời vào giai đoạn quá độ từ chế độ công xã thị tộc chuyển sang chế độ nô lệ nên nó không còn giữ nguyên vẹn tính "không tự giác" như thơ ca trước đó. Hô-me-rơ là một a-e-đơ hay có thể là tên của một tập thể a-e-đơ nào đó đã sáng tác và biểu diễn hai bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xê*"⁽¹⁾.

(1) George Thomson cho rằng Hô-me-rơ là một nhà thơ của nhân dân thuộc tầng lớp quý tộc nhưng ở vào một thời kỳ mà tình trạng không bình đẳng của việc phân chia giai cấp chưa tạo ra một khoảng cách về văn hoá giữa túp lều và cung điện. (Xem *Marxisme et Poésie* - Recherches internationales no38, 1963).

TRƯỜNG CA CỦA HÔ-ME-RƠ VÀ TRUYỀN THUYẾT VỀ CUỘC CHIẾN TRANH TƠ-ROA

Hai bản trường ca của Hô-me-rơ, "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xé*" là những tác phẩm văn học đầu tiên của nền văn học Hy-lạp. Có thể trước khi hai bản trường ca của Hô-me-rơ ra đời, trên đất nước Hy-lạp đã có nhiều tác phẩm văn học thuộc các thể loại trường ca, thơ trữ tình, kịch. Song đáng tiếc là những tác phẩm văn học đó đã bị mất đi hoặc chỉ còn lại từng đoạn rời rạc. Riêng hai bản trường ca của Hô-me-rơ là còn lưu giữ lại được tương đối hoàn chỉnh.

Những bản trường ca của Hô-me-rơ theo dự đoán của nhiều nhà nghiên cứu ra đời vào khoảng những thế kỷ đầu của thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên (một số nhà nghiên cứu cho rằng từ quãng thế kỷ thứ IX - VIII, một số khác từ VIII - VII) trên đất I-ô-ni (Tiểu Á). Chắc chắn rằng đã có công sức của nhiều nghệ nhân dân gian đóng góp vào việc xây dựng nên hai bản trường ca đó. Tuy nhiên sự thống nhất trong cốt truyện và kết cấu cho phép chúng ta khẳng định rằng phải có vai trò của một cá nhân nghệ sĩ nào đó gia công sáng tạo, chỉnh biên lại thì hai bản trường ca mới có được một cái dạng hoàn chỉnh như vậy. Nghệ

nhân đó như chúng ta đã biết là Hô-me-rơ, người mà theo truyền thuyết, trong ký ức của nhân dân Hy-lạp, là một nghệ nhân mù và thông thái.

Thật ra việc xác nhận hai bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" là của một người tên là Hô-me-rơ, sáng tác không phải là một vấn đề đơn giản. Do chỗ không có tài liệu chính xác về thời gian ra đời của tác phẩm, về tiểu sử của tác giả, hai bản trường ca mặc dù có tính thống nhất hoàn chỉnh song cũng có những thiếu sót nên đã hình thành cái gọi là "Vấn đề Hô-me-rơ" trong lịch sử văn học, một vấn đề đã gây ra nhiều cuộc tranh luận kéo dài trong nhiều thế kỷ cho đến thế kỷ XX.

Hai bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" cũng như một số bản trường ca khác không còn lại, đều được sáng tác trên cơ sở khai thác đề tài và cốt truyện từ "*Truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa*. Vì thế muốn hiểu rõ và xác định được mối quan hệ giữa hai bản trường ca với truyền thuyết, chúng ta trước hết cần tìm hiểu toàn bộ truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa. Tuy nhiên điều đáng tiếc là những bản trường ca khai thác đề tài và cốt truyện từ cuộc chiến tranh Tơ-roa, ra đời trước *I-li-át* và "*Ô-di-xê*" không còn lại. Do đó chúng ta chỉ có thể tìm hiểu được truyền thuyết qua những bản trường ca ra đời muộn hơn, sau này, một bản vào quãng thế kỷ thứ VIII trước công nguyên (*Ki-prit*) và một số bản khác vào quãng thế kỷ thứ VI

trước công nguyên (*Ê-ti-ô-pít, I-li-át-nhỏ, Thành Tơ-roa thất thủ, Trở về*). Những bản trường ca này thật ra chỉ còn lại dưới hình thức những đoạn tóm tắt bằng văn xuôi.

KI-PRÍT⁽¹⁾ - Trường ca "*Ki-prít*" không còn nguyên vẹn, chỉ còn lại những đoạn rời rạc. Trường ca thuật lại cho chúng ta biết nguyên nhân của cuộc chiến tranh Tơ-roa và giai đoạn đầu của cuộc hành quân viễn chinh. Nội dung tóm tắt như sau:

Thần Mẹ - Đất một bữa kia van xin với thần Dớt và các vị thần khác trên thiên đình làm giảm bớt cho cái gánh nặng loài người mà thần vẫn phải cưu mang trên mình quá nhiều, quá nặng. Chấp nhận lời cầu xin đó của Mẹ - Đất, thần Dớt và các vị thần khác bèn quyết định gây ra một cuộc chiến tranh tàn khốc giữa người Hy-lạp và người Tơ-roa. Quyết định này sẽ được thực hiện bằng cách các thần gây ra một mối bất hoà giữa người Hy-lạp và người Tơ-roa: chàng Pa-rít, hoàng tử của thành Tơ-roa sẽ quyến rũ Hê-len, vợ của Mê-nê-lát, một nhà vua ở đất Hy-lạp. Trước khi đi vào sự kiện này, bản trường ca còn cho chúng ta biết nhiều tình tiết phức tạp khác như việc thần Dớt sinh nữ thần Nê-mê-dít và nàng Hê-len như thế nào và... Tuy nhiên câu chuyện về nàng Hê-len bị quyến rũ vẫn là

(1) Tiếng Pháp phiên âm là "*Les Cypriaques*" - bản trường ca về đảo Síp.

dòng chính của truyền thuyết. Câu chuyện bắt đầu từ việc tranh giành vợ trên thiên đình.

Thần Dớt và thần Đại dương Pô-dê-i-đông cả hai đều có ý muốn lấy nữ thần Thê-ti-xơ con của thần bể Nê-rê làm vợ. Hai vị thần tranh giành nhau rất dữ khiến nữ thần Công lý Thê-mít⁽¹⁾ phải can thiệp. Nữ thần Thê-mít tiên đoán cho các vị thần biết đứa con trai do nữ thần Thê-ti-xơ sinh ra sau này lớn lên sẽ mạnh hơn bố nó⁽²⁾. Để trừ khử mối nguy này tất nhiên các vị thần không thể để nữ thần Thê-ti-xơ kết hôn với một vị thần nào được, mà phải đem nàng gả cho một người trần thế. Người đó là Pê-lê, vua xứ Tét-xa-li⁽³⁾.

Đám cưới của đôi Pê-lê - Thê-ti-xơ được cử hành rất trọng thể ở trên thiên đình, trong động của thần Xăng-to Ki-rông⁽⁴⁾. Các vị thần đều được mời tới dự và ai nấy đều mang theo tặng phẩm để mừng đôi vợ chồng mới. Thần Đại dương Pô-dê-i-đông tặng một đàn

(1) Trong thần thoại Hy-lạp có ba vị nữ thần tên gần giống nhau: Thétis, Thémis, Téthys. Để tránh nhầm lẫn chúng tôi phiên âm Thétis, nữ thần bể, là Thê-ti-xơ. Thémis, nữ thần Công lý. Quy luật, Pháp luật là Thê-mít, và Téthys, nữ thần Đại dương, vợ của thần Đại dương, là Tê-tít.

(2) Có dị bản nói là thần Đất tiên đoán.

(3) Có dị bản nói nữ thần Thê-ti-xơ từ chối không kết hôn với Dớt khiến Dớt tức giận đem gả nàng cho một người trần thế.

(4) Xăng to, vị thần nửa người nửa ngựa (nhân mã). Trước đây chúng tôi phiên âm Si-rông không đúng, nay sửa lại là Ki-rông.

ngựa, thần Thợ rèn Hê-pha-i-xốt tặng một bộ áo giáp v.v... Riêng nữ thần của sự Bất hoà, I-rít, không được mời tới dự tiệc cưới. Tức giận về việc này nữ thần I-rít lấy một quả táo vàng khắc vào dòng chữ "Tặng người đẹp nhất" vứt vào bàn tiệc⁽¹⁾. Thế là xảy ra cuộc tranh giành quả táo vàng giữa ba vị nữ thần Hê-ra, A-tê-na và A-phrô-di-tơ. Để phân xử việc này, ai là người đẹp nhất, theo lời chỉ dẫn của thần Dớt, cần phải tìm đến chàng Pa-rít⁽²⁾, một thanh niên khoẻ mạnh và đẹp trai nhất châu Á lúc này đang chăn bò dưới chân núi I-da, con của nhà vua Pri-am ở thành Tơ-roa. Bởi vì, theo Dớt, chỉ có chàng mới đủ tư cách phân xử.

Các vị nữ thần liền tìm đến Pa-rít và mỗi vị đều hứa sẽ đền ơn Pa-rít hậu hĩ nếu chàng xử cho mình được quả táo vàng. Nữ thần A-phrô-di-tơ hứa sẽ giúp cho Pa-rít lấy được nàng Hê-len là người phụ nữ đẹp nhất châu Âu, vợ của Mê-nê-lát, vua xứ Xpác-tơ đất Hy-lạp. Thế là Pa-rít xử luôn cho A-phrô-di-tơ thắng cuộc. Và cũng thế là, từ đó hai nữ thần A-tê-na và Hê-ra đem lòng thù ghét người Tơ-roa. Còn Pa-rít, chàng quyết tâm vượt biển sang đất Hy-lạp, đến xứ Xpác-tơ để tìm người phụ nữ đẹp nhất châu Âu. Được nữ thần A-phrô-di-tơ giúp đỡ, lợi dụng Mê-nê-lát phải

(1) Trong văn học thế giới ngày nay có điển tích "Quả táo của sự bất hoà" (La pomme de discorde) để chỉ một nguyên nhân nào đó gây ra mối bất hoà trong đời sống.

(2) Còn có tên là A-léch-dăng-đơ.

về đảo Cre-tơ lo việc tang ma cho người ông nội, Pa-rit đã quyến rũ Hê-len, đưa nàng về Tơ-roa cùng với nhiều của cải châu báu.

Trở về nhà, biết rõ tình hình, Mê-nê-lát quyết định kéo quân sang đánh thành Tơ-roa để đòi lại Hê-len. Chàng cùng với người anh ruột của mình là A-ga-men-nông, vua xứ Ác-gốt kêu gọi thủ lĩnh các bộ lạc trên đất Hy-lạp liên minh lại sang đánh thành Tơ-roa để bảo vệ danh dự cho người Hy-lạp. Trong số những tướng lĩnh tham dự cuộc viễn chinh có những người như lão tướng Ne-xto trị vì ở đất Pi-lốt, nổi danh vì những lời khuyên nhủ khôn ngoan, như tướng Di-ô-mét và hai chàng A-giắc nổi danh vì lòng dũng cảm kiên cường, tướng Phi-lốc-tét là người giữ cây cung và ống tên của thần Hê-ra-clét. Đáng chú ý hơn có người anh hùng Ô-đi-xê, còn có tên gọi là Uy-li-xơ, trị vì ở hòn đảo I-ta-cơ, nổi danh vì đầu óc tinh khôn mưu trí. Nhưng danh tiếng lẫy lừng hơn cả là người anh hùng A-khin cầm đầu bộ lạc Miéc-mi-đông, con của Pê-lê và nữ thần bể Thê-ti-xơ.

Theo lời tiên đoán của Số mệnh, cuộc đời của A-khin sẽ dài lâu và hạnh phúc nếu chàng không tham dự vào các cuộc chiến chinh; và sẽ rất ngắn nhưng vinh quang đời đời bất diệt nếu chàng hành động ngược lại. Nữ thần bể Thê-ti-xơ chống lại Số mệnh, đem A-khin tơi vào ngọn lửa của nước sông âm phủ Xtic để cho A-khin được trường sinh bất tử. Nhưng Pê-lê không biết đã giăng lại A-khin từ tay vợ, vì thế A-khin

còn một gót chân chưa được tời và chỗ đó là nơi hiểm yếu, đánh trúng là A-khin bị chết. Để cho A-khin có được tinh thần dũng cảm và gan dạ, thần Xăng-to Ki-rông lại còn nuôi A-khin bằng óc gấu và tim sư tử. Khi quân Hy-lạp bắt đầu tập trung, nữ thần Thê-ti-xơ đem giấu A-khin ở hòn đảo Xki-rốt, cải trang chàng thành một thiếu nữ, gửi nhà vua nuôi nấng giúp cùng với các con gái của nhà vua. Nhưng Số mệnh quyết định thành Tơ-roa chỉ bị hạ khi có A-khin tham chiến. Và người anh hùng Uy-li-xơ đã đến đảo Xki-rốt dùng mưu tìm ra được A-khin.

Đoàn quân Hy-lạp theo truyền thuyết có tới 100.000 người và 1186 chiến thuyền tập trung ở cửa biển Ô-lit đất Bê-ô-xi miền trung Hy-lạp. Nữ thần Ác-tê-mít vì một nỗi tức giận xưa kia với dòng họ của A-ga-men-nông, đã không cho nổi gió để chiến thuyền vượt biển ra khơi⁽¹⁾

Theo lời truyền phán của nhà tiên tri Ca-cát, A-ga-men-nông phải giết con gái là I-phi-giê-ni để tạ tội thì đoàn chiến thuyền mới được thuận buồm xuôi gió⁽²⁾. Nhà tiên tri Can-cát còn cho biết cuộc chiến tranh sẽ kéo dài mười năm.

Đoàn chiến thuyền Hy-lạp vượt biển đổ bộ lên đất

(1) Truyền thuyết kể lại xưa kia do A-tơ-rê cha của A-ga-men-nông và Mê-nê-lát đã bội ước với thần Ác-tê-mít, không giết con cừu có bộ lông vàng để hiến dâng thần.

(2) Có dị bản thuật lại I-phi-giê-ni được nữ thần Ác-tê-mít cứu thoát và biến nàng thành một con hươu.

Tiểu Á. Quân Hy-lạp hạ trại gần bờ biển cách thành Tơ-roa không xa, ngày ngày đánh thành Tơ-roa và các bộ lạc láng giềng là bạn liên minh với Tơ-roa. Trải qua nhiều năm chiến tranh kéo dài quân Hy-lạp vẫn không giành được thắng lợi. Ngay đến ý định kết thúc chiến tranh bằng cách hoà giải để lấy lại Hê-len cũng không thành. Thành Tơ-roa vẫn hùng cứ ở một góc trời trấn giữ eo biển Hen-lê-xpông⁽¹⁾ cổ hòng của biển Pông Ô-xin⁽²⁾

Ê-TI-Ô-PÍT - Trường ca thuật lại những diễn biến của cuộc chiến tranh Tơ-roa sau khi Héc-to bị A-khin giết chết. Quân Tơ-roa được đạo quân phụ nữ, những người A-ma-dôn, do nữ hoàng Păng-tê-phi-lê chỉ huy tới chi viện. Sau nhiều trận giao tranh với quân Hy-lạp, lập được nhiều chiến công, cuối cùng Păng-tê-phi-lê bị A-khin giết chết. Tiếp đến đạo quân của những người Ê-ti-ô-pi do Men-nông con trai của thần Ê-ốt chỉ huy tới chi viện cho quân Tơ-roa. Men-nông đã lập được chiến công lớn, giết chết dũng tướng Hy-lạp Ăng-ti-lô-cơ, con trai của lão tướng Ne-xto và là bạn của A-khin song Men-nông cũng không thoát khỏi sự trả thù của A-khin. Trước khi chết Men-nông tiên đoán về số phận bất hạnh sắp tới đang chờ đón A-khin. Và đúng thế, khi A-khin tiến công vào cổng thành Tơ-roa, Pa-rit được thần

(1) Ngày nay là eo biển Đắc-đa-nen.

(2) Ngày nay là Hắc hải.

A-pô-lông giúp đỡ đã bắn một phát tên vào trúng gót chân của A-khin kết liễu cuộc đời một danh tướng Hy-lạp⁽¹⁾.

Thiên trường ca kết thúc bằng cảnh lễ tang A-khin.

I-LI-ÁT NHỎ - Bản trường ca thuật lại cuộc tranh giành bộ áo giáp và vũ khí của A-khin giữa hai viên tướng Hy-lạp là Uy-li-xơ và A-giắc con của Tê-la-mông. A-giắc thua và tự sát. Để hạ được thành Tơ-roa, theo mưu kế của Uy-li-xơ quân Hy-lạp làm một con ngựa gỗ lớn, trong bụng ngựa giấu nữ chiến binh cầm tử rồi bỏ lại ở chân thành Tơ-roa. Còn đại quân Hy-lạp xuống thuyền rút ra đóng ở hòn đảo Tê-nê-đốt gần đó.

THÀNH TƠ-ROA THẤT THỦ - Trường ca thuật lại một số sự kiện liên quan đến việc sụp đổ của thành Tơ-roa như: Quân Hy-lạp theo lời tiên đoán phải cử người đi tìm được tướng Phi-lốc-tét về tham chiến vì Phi-lốc-tét giữ cây cung và ống tên của thần Hê-ra-clét, nếu không, thành Tơ-roa không bị hạ; chuyện Pa-rít bị giết; chuyện tướng Nê-ốp-tô-lem còn có tên gọi là Pia-ruýt, con trai của A-khin tham chiến...

Sự kiện chủ yếu là việc quân Tơ-roa đưa con ngựa gỗ vào thành và thành Tơ-roa bị quân Hy-lạp tàn phá. Mặc dù ông già Lao-cô-ông đã tiên đoán thấy nỗi hiểm nguy và truyền phán cho quân Tơ-roa phải phá hủy con ngựa gỗ nhưng vẫn không cứu vãn được tình thế. Nữ thần A-tê-na sai hai con rắn lớn từ dưới bể trườn

(1) Trong văn học thế giới, điển tích "Gót chân A-khin" chỉ nơi hiểm yếu, "huyệt". (Le talon d'Achille).

lên lao vào quán chết ông già và hai con trai của ông⁽¹⁾. Việc này khiến quân Tơ-roa tưởng rằng Lao-cô-ông đã xúc phạm đến thần thánh và bị trừng phạt. Và thế là con ngựa gỗ được đưa vào thành. Đêm đến, quân cảm tử ở trong bụng ngựa chui ra giết quân canh mở cổng thành, đốt lửa làm ám hiệu cho đại quân Hy-lạp ở ngoài biển đổ bộ lên và tràn vào thành⁽²⁾. Thành Tơ-roa bị chìm ngập trong máu và lửa. Hầu hết dân thành Tơ-roa đều bị giết hoặc bị bắt. Chỉ một số người trốn thoát được, trong đó có người anh hùng Ê-nê con trai của nữ thần A-phrô-di-tơ và lão vương Ăng-ki-dơ.

TRỞ VỀ - Sau trường ca "*Thành Tơ-roa thất thủ*", ra đời một loạt những bản trường ca về hành trình trở về của các anh hùng Hy-lạp và cảnh ngộ của họ khi về gặp lại gia đình. Những bản trường ca này có một cái tên chung là "*Trở về*". Trong những câu chuyện trở về đó có chuyện A-ga-men-nông bị người vợ là Cli-tem-ne-xơ-rơ tư thông với Ê-gi-xơ, giết chết và chuyện O-re-xơ là con trai của A-ga-men-nông,

(1) Có dị bản nói thần Pô-dê-i-đông đã sai hai con rắn ở dưới bể lên trừng phạt Lao-cô-ông.

(2) Trong văn học thế giới, điển tích "Con ngựa thành Tơ-roa" (Le cheval de Troie) ám chỉ một việc làm có nội ứng.

sau này nhón lên lập mưu giết mẹ để trả thù cho bố; chuyện trở về đây may mắn và hạnh phúc của ông già Ne-xto, của tướng Di-ô-mét, Nê-ốp-lô-lem, rồi chuyện về cái chết của chàng A-giắc trẻ, con của Ôi-lê, chuyện về hành trình phiêu bạt sang tận Ai-cập của tướng Mê-nê-lát, chuyện trở về của nhân vật Uy-li-xơ mà chúng ta được biết trong trường ca "*Ô-di-xê*" của Hô-me-rơ. Kết thúc khối trường ca "*Trở về*" là bản trường ca "*Tê-lê-gôn*" thuật lại chuyện Uy-li-xơ bị chết vì chính tay người con trai của mình (tên là Tê-lê-gôn)⁽¹⁾

Trường ca của Hô-me-rơ I-LI-ÁT - "*I-li-át*" là bản trường ca về thành I-li-ông một tên gọi khác của thành Tơ-roa, gồm 15.693 câu thơ chia ra làm 24 khúc ca. Nội dung của bản trường ca thuật lại một giai đoạn ngắn gồm 50 ngày trong năm thứ mười, năm cuối cùng của cuộc chiến tranh Tơ-roa. Những diễn biến xảy ra trước và sau giai đoạn nói trên như nguyên nhân của cuộc chiến tranh, những trận giao chiến cuối cùng

(1) Theo thần thoại, Tê-lê-gôn là con trai của Uy-li-xơ và mẹ phụ thủy Kiéc-kê, kết quả cuộc tình duyên ép buộc và tạm bợ của Uy-li-xơ trên đường đấu tranh trở về quê hương. Tê-lê-gôn lớn lên đi tìm cha. Một cơn bão đưa thuyền của chàng trôi vào bờ biển xứ I-tac. Đói khát, chàng và anh em thủy thủ phải cướp bóc để sống, Uy-li-xơ đem quân đến đánh đuổi và bị Tê-lê-gôn đánh tử thương. Trước khi chết Uy-li-xơ mới nhận ra con và cho biết như vậy lời sấm truyền đã được thực hiện. Có một truyền thuyết nói sau khi đưa thi hài Uy-li-xơ về mai táng ở đảo Ai-ai-e, Tê-lê-gôn lấy Pê-nê-lốp làm vợ. Hai người sinh được một con trai tên là I-ta-luýt. Sau này I-ta-luýt lấy tên mình đặt cho nước Ý (I-ta-li-a).

quyết định số phận thành Tơ-roa, cảnh thành Tơ-roa bị tàn phá... bản trường ca "I-li-át" đều không miêu tả. Một số những tình tiết khác của thần thoại, truyền thuyết, bản trường ca chỉ nói lướt qua. Nội dung cụ thể của bản trường ca được giới thiệu rõ trong những câu thơ mở đầu:

"Hỡi nữ thần Mui-dơ, xin nàng hãy cất tiếng ca về chuyện cơn giận của A-khin, con của Pê-lê, cơn giận xiết bao tai hại đã đem đến cho người A-kê-en⁽¹⁾ muôn vàn nỗi đau thương và ném biết bao linh hồn quả cảm của những người anh hùng làm thức ăn cho thần Ha-đét; còn thi hài của những người anh hùng đó thì làm mồi cho chó cho chim. Chuyện xảy ra như vậy là ý định của thần Dớt đã được thực hiện. Xin nữ thần hãy ca lên từ lúc xảy ra cuộc tranh cãi làm chia rẽ người con trai của A-tơ-rê, người che chở cho nhân dân của mình với A-khin thần thánh...(I, 1-8).

Như vậy, nói một cách khác "I-li-át" là câu chuyện về cơn giận của A-khin và những hậu quả của nó xảy ra trong một quãng thời gian rất ngắn vào năm thứ mười trong cuộc chiến tranh Tơ-roa.

(1) Người A-kê-en sống trên đất Hy-lạp từ thế kỷ XIV trước công nguyên. Từ thế kỷ thứ III trước công nguyên họ mới định cư ở vùng A-ca-i (bắc bán đảo Pê-lô-pô-nê-dơ) và từ đó mới mang tên là người A-ca-i. Theo chúng tôi, bản dịch "I-li-át" của nhà xuất bản Văn học (1963) và bài "I-li-át bài ca hùng tráng, bài ca nhân đạo của người Hy-lạp cổ" đăng trong tạp chí Nghiên cứu văn học số 9 - 1962 phiên âm người A-kê-en là A-cai là không chính xác.

Tóm tắt câu chuyện như sau:

Đã mười năm trời, quân Hy-lạp vây đánh thành Tơ-roa không kết quả. Trong một trận đánh vào đô thị láng giềng của thành Tơ-roa, quân Hy-lạp bắt được một thiếu nữ là Cri-dê-ít con của ông già Cri-dét trông coi việc thờ phụng thần A-pô-lông, đem dâng cho chủ tướng A-ga-men-nông. Ông già đem nhiều của cải đến xin chuộc lại người con gái nhưng không được, lại còn bị A-ga-men-nông lăng nhục. Tức giận ông cầu xin thần A-pô-lông trừng trị quân Hy-lạp. Thần A-pô-lông liền bắn tên xuống quân Hy-lạp gây ra bệnh dịch làm chết nhiều quân sĩ. Để biết rõ nguyên nhân tai hoạ, đến ngày thứ mười, dũng tướng A-khin triệu tập toàn thể ba quân họp. Ông già tiên tri Can-cát đã đứng lên nói rõ nguyên nhân của tai hoạ. Quân Hy-lạp buộc chủ tướng A-ga-men-nông phải trả lại người con gái Cri-dê-ít cho ông già tử tế. Nhưng để bù vào sự thua thiệt đó, A-ga-men-nông lại tước đoạt người thiếu nữ Bri-dê-ít của A-khin, phần thưởng mà quân Hy-lạp đã chia cho chàng. Việc làm bất công của A-ga-men-nông khiến cho A-khin tức giận sôi máu. Để trả thù, A-khin quyết định cùng với quân sĩ Miéc-mi-đông của mình không tham gia chiến đấu cùng với quân Hy-lạp. A-khin lại còn nhờ mẹ là nữ thần Thê-ti-xơ lên thiên đình cầu xin thần Dớt trừng phạt quân Hy-lạp vì tội đã xúc phạm đến chàng, bằng cách giúp cho quân Tơ-roa đánh thắng quân Hy-lạp. Và thần Dớt hứa sẽ thực hiện lời cầu xin của nữ thần Thê-ti-xơ.

Cuộc xung đột giữa quân Hy-lạp và quân Tơ-roa trải qua nhiều diễn biến. Vốn nuôi sẵn mối thù ghét người Tơ-roa nên hai nữ thần A-tê-na và Hê-ra chống lại ý định của hai bên Tơ-roa và Hy-lạp muốn giải quyết chiến tranh một cách chóng vánh và đỡ tổn thất bằng một cuộc đấu tay đôi giữa Pa-rít và Mê-nê-lát để phân thắng bại và quyết định số phận của nàng Hê-len. Hai nữ thần cũng chống lại ý định muốn hoà giải của Dớt và buộc Dớt phải cho phép họ gây lại chiến tranh dữ dội như trước. Nữ thần A-tê-na được Dớt chấp thuận đã thực hiện ý định đó bằng cách trá hình làm một chiến binh đến xúi giục một viên tướng bên quân Tơ-roa tên là Păng-đa-rơ bắn một phát tên vào Mê-nê-lát. Thế là định ước giải quyết chiến tranh bằng đấu tay đôi bị phá hoại. Chiến tranh lại bùng lên ác liệt. Các thần trên thiên đình cũng chia làm hai phe xuống tham chiến với hai bên. Trong giai đoạn này phần thắng nghiêng về quân Hy-lạp. Tướng Di-ô-mét Hy-lạp đã đánh bại nhiều tướng lĩnh của quân Tơ-roa. Cả nữ thần A-phrô-di-tơ và thần Chiến tranh A-rét cũng bị Di-ô-mét đánh bị thương. Trước tình hình nguy ngập đó, tướng Héc-to chỉ huy quân Tơ-roa ở ngoài chiến trường trở về nói với mẹ là Hê-cuyp, đem lễ vật đến cầu nữ thần A-tê-na giải nguy cho thành trì. Sau đó trước khi xuất trận, Héc-to gặp lại vợ là Ăng-đrô-mác và đưa con trai nhỏ là A-xchi-a-nắc ở cổng thành Xkê. Cuộc gặp gỡ trước lúc "người lên ngựa, kẻ chia bào" này được nhà thơ

Hô-me-rơ miêu tả rất sâu sắc và tinh tế. Nó đã được coi là một áng thơ tuyệt diệu trong lịch sử văn học của nhân loại.

Đã đến lúc Dớt thực hiện lời hứa với nữ thần Thê-ti-xơ: Dớt ra lệnh cấm các vị thần tham chiến. Quân Hy-lạp lại vắng mặt dũng tướng A-khin. Tất cả những điều đó khiến cho quân Tơ-roa từ thế yếu chuyển sang thế mạnh, phản công dữ dội, giành được thắng lợi liên tiếp, đánh đuổi quân Hy-lạp ra tận bờ biển và hạ trại bao vây áp sát doanh trại quân Hy-lạp. Trước tình thế nguy kịch đó, chủ tướng A-ga-men-nông muốn từ bỏ cuộc chiến đấu, lui quân về Hy-lạp. Tướng Đì-ô-mét chống lại ngay ý định đó. Theo lời khuyên của ông già Ne-xto, A-ga-men-nông cử một đoàn sứ giả đi xin lỗi A-khin, hứa sẽ bồi thường rất hậu, kể cả việc trả lại nàng Bri-dê-ít để A-khin xuất trận giúp quân Hy-lạp. Song A-khin một mực cự tuyệt.

Mặc dù quân Hy-lạp ra sức chống đỡ cuộc phản công của quân Tơ-roa, nhiều dũng tướng Hy-lạp lập được nhiều chiến công lớn song tình thế vẫn không xoay chuyển. Lần lượt các tướng Hy-lạp A-ga-men-nông, Đì-ô-mét, Uy-li-xơ... đều bị thương. Tin chiến sự không vui bay về đến tai A-khin. A-khin bèn cử người bạn chiến đấu thân thiết nhất của mình là Pa-tơ-rô-clơ ra chiến trường quan sát thế trận.

Quân Tơ-roa vẫn tiếp tục vây ép thắng lợi. Tướng Xác-pê-đông và Héc-to chọc thủng được lũy thành, rồi

phá vỡ cổng thành, dẫn quân Tơ-roa tràn vào doanh trại quân Hy-lạp. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt ở ngay trong doanh trại quân Hy-lạp và bên các chiến thuyền.

Một lần nữa A-ga-men-nông lại nảy ra ý định lui quân nhưng bị các tướng Uy-li-xơ và Đi-ô-mét phản đối quyết liệt. Nữ thần Hê-ra nghĩ ra một kế để lừa Dớt, giúp quân Hy-lạp. Nàng mượn của nữ thần A-phrô-di-tơ chiếc thắt lưng quyến rũ người, làm cho thần Dớt say đắm tình dục, ngủ mê mết⁽¹⁾. Lợi dụng lúc đó, thần Pô-dê-i-đông lên xuống giúp quân Hy-lạp, đẩy lùi quân Tơ-roa ra ngoài doanh trại.

Tỉnh dậy, biết mưu kế của Hê-ra, Dớt bèn hạ lệnh gọi Pô-dê-i-đông về, và một lần nữa lại cấm các vị thần tham chiến. Tướng Héc-to vẫn chỉ huy quân Tơ-roa tiến công dữ dội và lần này lại tràn được vào doanh trại quân Hy-lạp đốt cháy một chiến thuyền.

Tình hình hết sức nguy ngập. Pa-tơ-rô-clơ từ chiến trường trở về thuật lại cho A-khin biết tình cảnh hiểm

(1) Nữ thần A-phrô-di-tơ có một chiếc thắt lưng kỳ diệu: ai mang chiếc thắt lưng đó trong người thì có khả năng chinh phục, làm say mê người khác. Vì thế trong văn học thế giới điển tích "Chiếc thắt lưng của Vê-nút" hoặc "Lấy được chiếc thắt lưng của Vê-nút" (La ceste de Vénus hoặc avoir dérobé la ceste de Vénus) chỉ một người nào đó (hoặc một vật gì, sự việc gì) có tài chinh phục làm say mê người khác. (Vê-nút là một tên khác của A-phrô-di-tơ).

nghèo của quân Hy-lạp và xin chàng cho mình cùng quân sĩ Miéc-mi-đông xuất trận. A-khin ưng thuận. Và Pa-tơ-rô-clơ xuất trận với bộ áo giáp và vũ khí mượn của A-khin. Chàng cùng với quân Hy-lạp phản công đánh đuổi quân Tơ-roa thắng lợi. Quá say mê với chiến công, Pa-tơ-rô-clơ đã truy đuổi quân Tơ-roa về tận chân thành. Nhưng quân Tơ-roa được thần A-pô-lông giúp đỡ quay lại bổ vây đánh bị thương Pa-tơ-rô-clơ và tiếp đó tướng Héc-to xông tới giết chết Pa-tơ-rô-clơ.

A-khin hết sức đau đớn về cái chết của người bạn chiến đấu của mình. Mặc dù mẹ chàng là nữ thần Thê-ti-xơ an ủi, can ngăn, chàng vẫn quyết tâm xung trận để tìm giết bằng được Héc-to, trả thù cho bạn. Nữ thần Thê-ti-xơ phải lên thiên đình nhờ thần thợ rèn Hê-pha-i-xốt rèn cho con mình bộ áo giáp và vũ khí mới. Và A-khin nguôi giận, hoà giải với A-ga-men-nông rồi xuất trận.

Cuộc chiến đấu đến đây trở nên vô cùng khốc liệt. Thần Dớt cho phép các vị thần được tự do tham chiến. A-khin tung hoành trên chiến trường chém giết quân Tơ-roa. Quân Tơ-roa một bộ phận chạy thoát về thành còn một bộ phận chạy ra sông Xăng-tơ thì bị A-khin đuổi theo tàn sát, xác chết ngập sông. Thần sông căm giận vì bị làm ô uế, tắc nghẽn, dâng nước lên đánh nhau với A-khin. Nhưng thần thợ rèn Hê-pha-i-xốt

tung lửa ra đánh nhau với thần Sông, buộc thần Sông phải thu nước về chịu thua, cứu nguy được cho A-khin.

Cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn giữa các thần. A-khin vẫn nóng lòng tìm giết Héc-to trả thù cho bạn. Chàng đuổi quân Tơ-roa đến sát chân thành và cuối cùng quân Tơ-roa chạy trốn hết vào trong thành, duy chỉ còn lại một mình Héc-to đứng lại, chờ đương đầu với A-khin. Mặc cho mẹ, cha kêu nài chàng lẫn trốn vào trong thành, nhưng vì danh dự của người chiến sĩ, Héc-to kiên quyết một phen tử chiến với A-khin. Nhưng khi A-khin hùng hổ lao tới, Héc-to sợ hãi bỏ chạy, và A-khin đuổi theo. Cuộc đuổi bắt diễn ra rất căng thẳng ba vòng dưới chân thành Tơ-roa. Thần Dốt bắc cân, cân số mệnh của hai người. Đĩa cân số mệnh Héc-to nặng. Và thế là thần A-pô-lông phải từ bỏ không được bảo hộ cho Héc-to nữa. Nữ thần A-tê-na giúp A-khin giết được Héc-to. Trong phút hấp hối Héc-to van xin A-khin trả xác mình lại cho gia đình và tiên đoán A-khin sau này sẽ bị chết về mũi tên của Pa-rít và thần A-pô-lông.

Giết xong Héc-to, A-khin buộc xác chàng vào chiến xa của mình và cho kéo lê đi khắp chiến trường để trả thù cho bạn trước tiếng kêu khóc thảm thiết của cha mẹ, vợ con và những người thân thích trong gia đình Héc-to. Các thần trên thiên đình bất bình về hành động của A-khin, ra lệnh buộc A-khin phải chấm

dứt ngay cái hành động dã man đó, và báo cho ông già Pri-am đến chuộc xác con.

Kết thúc thiên trường ca là lễ mai tách Héc-to.

Ô-ĐI-XÊ - "Ô-đi-xê" là bản trường ca về hành trình trở về của nhân vật Ô-đi-xê hay Uy-li-xơ gồm 12.110 câu thơ chia ra làm 24 khúc ca. Cũng như "I-li-át", nội dung cụ thể của bản trường ca được giới thiệu rõ ngay từ những câu thơ mở đầu:

"... Hỡi nữ thần Mui-dơ, xin nàng hãy kể cho ta nghe chuyện con Người có nghìn mưu trí sau khi đã cướp phá được thành Tơ-roa thần thánh, phải lang thang phiêu bạt khắp nơi. Con Người đó đã tới thăm thành bang của biết bao giống người và hiểu biết được tư tưởng của họ. Khi còn trên mặt biển đấu tranh để sống được và đưa anh em đồng đội trở về. Người đó đã trải qua bao nỗi khổ đau. Than ôi! cố gắng như vậy song tất cả lòng mong muốn của Người cũng không sao cứu được họ. Họ đã chết vì sự ngu dại của họ, những kẻ điên rồ đó đã ăn thịt đàn bò của thần Hê-li-ốt Hi-pê-ri-ông. Thế là thần không cho họ thấy ngày trở về nữa.

Xin nữ thần con của Dớt hãy kể cho ta nghe một vài chuyện của những chiến công đó..." (I, 1-10).

Như vậy ta có thể nói một cách khác "Ô-đi-xê" là câu chuyện về hành trình trở về quê hương Hy-lạp của nhân vật Uy-li-xơ và đồng đội. Hành trình đó phải

trải qua biết bao gian nan nguy hiểm và Uy-li-xơ là người độc nhất vượt qua được những khó khăn đó. Và trong cách nhìn của người Hy-lạp, của sử thi anh hùng, việc Uy-li-xơ vượt qua được những thử thách, khó khăn, gian nan, nguy hiểm ở dọc đường để trở về bằng được quê hương, đất nước là một chiến công lớn.

Tóm tắt câu chuyện như sau:

Đã mười năm trời kể từ ngày hạ được thành Tơ-roa mà Uy-li-xơ vẫn chưa trở về được quê hương là hòn đảo I-ta-cơ. Nguyên do là vì thần Pô-dê-i-đông tức giận Uy-li-xơ đã chọc mù mắt con trai mình là gã khổng lồ Pô-li-phem nên ngăn cản hành trình trở về của Uy-li-xơ. Chàng bị nàng tiên Ca-líp-xô giam lỏng ở hòn đảo Ô-ghi-di. Nữ thần A-tê-na, người bảo hộ cho Uy-li-xơ, đã lên thiên đình cầu xin với thần Dớt giải trừ tai hoạ cho người anh hùng. Lợi dụng lúc thần Pô-dê-i-đông đi vắng, các vị thần trên đỉnh Ô-lanh-pơ nhóm họp quyết định đưa Uy-li-xơ trở về quê hương.

Ở quê hương Uy-li-xơ, hòn đảo I-ta-cơ, vợ Uy-li-xơ là Pê-nê-lốp và con trai là Tê-lê-mác vẫn ngày đêm mong đợi. Lợi dụng lúc Uy-li-xơ vắng nhà, đảo I-ta-cơ không người cai quản, nhiều mà quý tộc đến xin cưới Pê-nê-lốp với hy vọng được thừa kế tài sản và địa vị cai trị. Có tới 108 nhà quý tộc đến cầu hôn, ngày ngày quấy nhiễu gia đình Uy-li-xơ, tổ chức tiệc tùng, ăn uống, thúc ép Pê-nê-lốp. Mặc dù đã tìm hết mưu này

kế khác⁽¹⁾ để trì hoãn việc trả nợ nhưng cuối cùng mưu kế của Pê-nê-lốp cũng bị bọn cầu hôn biết. Trước tình cảnh đó nữ thần A-tê-na giả dạng là Măng-to, một người bạn của Uy-li-xơ đến khích lệ Tê-lê-mác, gợi ý cho chàng nên đến tìm các bạn cũ của cha mình để hỏi tin tức. Bị bọn cầu hôn phá hoại, Tê-lê-mác không xin được nhân dân I-ta-cơ cấp thuyền cho đi tìm cha. Nhờ có nữ thần A-tê-na dưới hình dạng của Măng-to giúp đỡ đem thuyền đến, Tê-lê-mác mới vượt được biển. Tê-lê-mác đã tới Pi-lốt, quê hương của ông già Ne-xto hỏi thăm tin tức về Uy-li-xơ nhưng Ne-xto không biết. cụ khuyên Tê-lê-mác nên đến hỏi thăm Mê-nê-lát ở Xpác-tơ. Đến Xpác-tơ, Tê-lê-mác được Mê-nê-lát cho biết Uy-li-xơ có thể còn sống và đang bị nàng tiên Ca-líp-xô giữ lại ở hòn đảo Ô-ghi-di.

Theo quyết định của các thần, Ca-líp-xô buộc phải tha Uy-li-xơ để chàng trở về quê hương. Uy-li-xơ rời đảo Ô-ghi-di trên một chiếc bè. Mười bảy ngày xuôi buồm thuận gió nhưng đến ngày thứ mười tám chợt

(1) Pê-nê-lốp khát với bọn cầu hôn để cho mình dệt xong tám vải liệm cho bố chồng rồi sẽ trả lời. Ban ngày Pê-nê-lốp dệt nhưng ban đêm lại tháo ra. Nàng lừa bọn cầu hôn được ba năm nhưng đến năm thứ tư thì chúng biết về thúc ép Pê-nê-lốp. Trong văn học thế giới điển tích "Công việc của Pê-nê-lốp" (Le travail de Pénélope) hoặc "tám vải của Pê-nê-lốp" (La toile de Pénélope) chỉ một công việc làm kiên nhẫn hoặc một công việc làm kiên nhẫn nhưng vô ích không đem lại kết quả gì, giống như câu "dã tràng xe cát" trong văn học của chúng ta.

thần Pô-dê-i-đông bắt gặp liền cho nổi dông tố làm đắm bè mưu giết hại Uy-li-xơ. Nhờ có nàng tiên Lơ-cô-tê, còn có tên gọi I-nô, giúp đỡ, Uy-li-xơ thoát chết. Chàng trôi dạt vào đảo Xkê-ri thuộc xứ sở của người Phê-a-ki. Kiệt sức, chàng thiếp đi trong một bụi cây ở ven biển cửa sông. Do nữ thần A-tê-na đêm hôm trước đã báo mộng gợi ý nên sáng hôm sau công chúa Nô-di-ca con vua An-ki-nô-ốt cùng với nữ tỳ đánh xe chở vải vóc, lụa là ra bờ sông giặt. Uy-li-xơ vì thế đã gặp được Nô-di-ca, xin Nô-di-ca cứu giúp. Nô-di-ca đã chỉ dẫn cho chàng đường về đô thị để yết kiến hoàng hậu A-rê-tê và nhà vua An-ki-nô-ốt. Sau khi nghe Uy-li-xơ thuật lại những nỗi gian truân trong bảy năm trôi ở hòn đảo Ô-gghi-di cho tới khi bị trận bão vừa qua, vua An-ki-nô-ốt tỏ ý sẵn lòng giúp đỡ để Uy-li-xơ trở về được quê hương. Trong bữa tiệc tiễn khách, một nghệ nhân dân gian tên là Đê-mô-đô-cốt đã hát lên bài ca ca ngợi chiến công của Uy-li-xơ dùng mưu đưa con ngựa gỗ vào thành Tơ-roa, khiến Uy-li-xơ xúc động không cầm được nước mắt. Vua An-ki-nô-ốt ngạc nhiên bèn hỏi nguyên do và lúc này nhà vua mới biết tên tuổi và lai lịch vị khách của mình. Nhà vua ngỏ ý muốn Uy-li-xơ thuật lại hành trình từ sau khi hạ được thành Tơ-roa trở về.

Uy-li-xơ kể lại cho nhà vua nghe hành trình gian nan phiêu bạt của mình và anh em đồng đội từ sau khi họ được thành Tơ-roa. Đầu tiên là việc đi cướp phá đô thị Ki-cô-nơ ở Tơ-ra-xơ bị dân địa phương đánh

cho thua chạy rồi tiếp đến việc ba thủy thủ đến xứ Lô-tô-pha-giơ không kìm hãm được dục vọng đã ăn hoa lô-tốt của xứ này nên quên hết mọi việc trên đời, và biến thành người bản xứ. Ly kỳ hơn cả là chuyện Uy-li-xơ đến xứ sở của những người khổng lồ Ki-clốp bị gã khổng lồ Pô-li-phêm bắt ăn thịt mất sáu anh em. Với đầu óc mưu trí, thông minh, Uy-li-xơ đã chọc mù mắt tên khổng lồ vốn chỉ có một con mắt ở giữa trán đưa số anh em còn lại cùng với mình thoát khỏi hang. Tiếp là những chuyện gian nan, trắc trở khác như khi đoàn thuyền về gần đến quê hương I-ta-cơ thì một thủy thủ đã vô ý mở chiếc bình da nhốt các ngọn gió của thần Ê-ô-lơ trao cho Uy-li-xơ, khiến các ngọn gió được giải thoát, đẩy lùi con thuyền của Uy-li-xơ trở về chỗ cũ. Đoàn thuyền qua xứ sở của những người khổng lồ Lét-tơ-ri-gông: mười một thuyền chỉ còn sót lại một. - Tới đảo Ai-ai-e xứ sở của mụ phù thủy Kiếc-kê⁽¹⁾ một số anh em thủy thủ lại bị mụ phù thủy dùng thuốc độc và một chiếc đĩa ma thuật biến thành lợn.

Nhờ thần Héc mét giúp đỡ, Uy-li-xơ thoát khỏi tai nạn đó, lại còn buộc được mụ phù thủy Kiếc-kê trả anh em thủy thủ lại kiếp người. Sau một năm ăn ở với Kiếc-kê, Uy-li-xơ được mụ chỉ dẫn đường xuống thế giới âm phủ của thần Ha-đét, cầu hôn nhà tiên đoán mù Ti-dê-ri-át để hỏi cách gọi hồn người chết. Uy-li-xơ đã gặp được vong hồn mẹ mình là Ăng-ti-clê

(1) Trước đây phiên âm là Xiếc-xê, nay sửa lại.

và được hôn nói cho biết tình cảnh gia đình, vợ con ở quê hương. Uy-li-xơ lại còn gặp được vong hồn của một số bạn chiến đấu cũ như A-khin, A-giắc, A-ga-men-nông - Rời hòn đảo của Kiéc-kê, Uy-li-xơ và đồng đội phải vượt qua quãng bể của những nàng tiên nữ Xi-re-nơ mình người đuôi cá có tiếng hát mê hồn, ai đi qua nghe phải tiếng hát đó là bị đắm say, quyến rũ khiến phải nhảy xuống bể đi theo các tiên nữ. - Tiếp lại qua quãng eo biển có hai con quái vật hút nước biển là Ca-ríp-đơ và Xki-la. Trong khi mọi người chỉ chú ý để phòng Ca-ríp-đơ thì Xki-la bắt mất sáu thủy thủ⁽¹⁾. Cuối cùng, thuyền của Uy-li-xơ tới đảo Phri-na-ki. Vì không thuận gió, thuyền bị hãm một tháng ròng không đi được. Lương thực hết, anh em thủy thủ không tìm hãm được con dơi giầy vò, đã giết bò của thần Dớt do thần Mặt trời Hê-li-ốt Hy-pê-ri-ông chặn giữ, ăn thịt. Tức giận, Dớt giáng sấm sét làm đắm thuyền. Anh em thủy thủ chết hết. Chỉ một mình Uy-li-xơ sống sót, lênh đênh trên mặt biển chín ngày rồi trôi dạt đến đảo Ô-ghi-di của nữ thần Ca-líp-xô.

Nghe Uy-li-xơ thuật lại những nỗi gian truân của cuộc đời mình, những người Phê-a-ki rất cảm động. Họ ban cho chàng nhiều tặng phẩm. Chiều hôm sau,

(1) Trong văn học thế giới điển tích "Rời từ Ca-ríp-đơ đến Xkila" (Tomber de Charybde à Scylla) để chỉ cảnh ngộ không may, tránh tai họa này gặp tai họa khác như câu "tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa" trong văn học của chúng ta.

chàng từ biệt xứ Phê-a-ki lên đường về quê hương. Chưa trọn một đêm, lúc Uy-li-xơ còn đang ngủ, thuyền đã tới quê nhà. Các thủy thủ Phê-a-ki đưa Uy-li-xơ lên bờ, giấu vào một cái hang cùng với những tặng phẩm. Sáng hôm sau tỉnh dậy, chàng bàng hoàng. Đến khi nhận ra được quê nhà sau hai mươi năm trời xa cách, chàng xúc động cúi xuống hôn mảnh đất quê hương. Nữ thần A-tê-na luôn luôn theo dõi giúp đỡ Uy-li-xơ. Để giấu tung tích của chàng, nữ thần đã biến Uy-li-xơ thành một người hành khất già nua, rách rưới và đưa Uy-li-xơ đến hỏi thăm tin tức gia đình ở trại nuôi lợn của ông già Ơ-mê, người đầy tớ trung thành của chàng. Nữ thần còn tới La-kê-đê-môn báo mộng cho Tê-lê-mác biết phải mau về gặp cha. Tại đây trong lúc ông già Ơ-mê về báo tin cho Pê-nê-lốp biết Tê-lê-mác đã về, hai cha con Uy-li-xơ đã nhận ra nhau trong một khung cảnh đầy xúc động. Hai người đã bày mưu tính kế trừng trị bọn cầu hôn. Tê-lê-mác về nhà trước, báo tin cho mẹ biết Uy-li-xơ còn sống và đang trên đường trở về, sau đó Ơ-mê đưa Uy-li-xơ dưới hình dạng người hành khất trở về. Uy-li-xơ đã nhẫn nhục chịu đựng sự khinh thị của bọn cầu hôn và lũ gia nhân phản phản bội. Chàng cũng cố gắng nén xúc động, cầm nước mắt khi nói chuyện với Pê-nê-lốp về việc mình đã gặp và tiếp đãi Uy-li-xơ ở Cre-tơ. Khi người vú già Ơ-ri-clê xưa kia nuôi chàng, theo phong tục mến khách, rửa chân cho chàng, nhìn thấy vết sẹo ở cổ chân, đã nhận ra. Uy-li-xơ, nhưng Uy-li-xơ kịp thời

ngăn chặn không cho Ô-ri-clê tiết lộ điều bí mật. Còn bọn cầu hôn hôm sau vẫn tiếp tục đến chèn chèn, ăn uống ở gia đình Uy-li-xơ. Chúng mưu giết Tê-lê-mác, khuyên Tê-lê-mác mau thúc giục mẹ phải chọn lựa để kết hôn với một người trong bọn chúng.

Để trả lời bọn cầu hôn, hôm sau Pê-nê-lốp đưa chiếc cung của Uy-li-xơ ra trước bàn tiệc thách mọi người tỉ thí. Nếu ai giương được cung và bắn được một phát tên xuyên qua lỗ của mười hai chiếc rìu thì nàng sẽ lấy người đó⁽¹⁾. Bọn cầu hôn lần lượt tỉ thí nhưng thất bại. Ăng-ti-nô-ốt, kẻ cầm đầu bọn cầu hôn muốn kéo dài cuộc tỉ thí sang ngày hôm sau nhưng Uy-li-xơ xin cho mình được dự và chàng đã thành công. Tiếp phát tên thứ hai, Uy-li-xơ bắn kết liễu số phận Ăng-ti-nô-ốt. Thế là cuộc trả thù diễn ra đẫm máu. Nữ thần A-tê-na cũng xuống tham chiến giúp đỡ Uy-li-xơ. Bọn cầu hôn bị giết hết. Uy-li-xơ chỉ tha cho hai người: Mê-dông, người truyền lệnh và Phê-mi-ốt, nghệ nhân (a-e-đơ). Sau khi giết xong bọn cầu hôn, Uy-li-xơ và Tê-lê-mác trừng trị lũ gia nhân và nữ tỳ phản bội. Tiếp đến cảnh đoàn tụ của gia đình Uy-li-xơ trong đó có đoạn Pê-nê-lốp ngỡ ngàng, phải thử lại xem người hành khất mà nàng mới gặp ít phút trước đây có thật là chồng mình không. Tất nhiên Uy-li-xơ đã vượt qua được thử thách đó. Chàng nói cho Pê-nê-lốp biết chiếc giường mà nàng sai gia nhân khiêng ra khỏi phòng

(1) tendre là corde et, dans les douze haches, envoyer une flèche...

ngủ là điều không thể làm được. Xưa kia chính tay Uy-li-xơ đã đóng chiếc giường đặc biệt đó: một chân giường là một gốc cây. Và... hai vợ chồng đã nhận ra nhau sau hai mươi năm trời xa cách. Đây là một đoạn thơ hay cùng với đoạn Uy-li-xơ gặp Nô-di-ca ở bờ biển, được nền văn học thế giới ca ngợi.

Kết thúc thiên trường ca là việc nữ thần A-tê-na đứng ra hoà giải cuộc xung đột giữa những người thân thích của bọn cầu hôn với gia đình Uy-li-xơ.

NỘI DUNG I-LI-ÁT

NHÂN VẬT VÀ LÝ TUỞNG

"*I-li-át*" là bản trường ca thuật lại một giai đoạn ngắn trong năm thứ mười của cuộc chiến tranh Tơ-roa. Đọc "*I-li-át*", chúng ta như được sống lại với tuổi thơ ấu xưa kia của mình thường ham thích những câu chuyện đánh nhau hoang đường kỳ diệu. Chúng ta như được sống lại với cái không khí chiến trận nửa hư nửa thực của trí tuệ con người thời cổ xưa: đây những dũng sĩ có sức mạnh siêu phàm, kia những cuộc giao tranh rung trời chuyển đất, thế giới thần thánh và thế giới con người hoà trộn với nhau, thần cũng như người, hăng say chiến đấu, hăng say lập chiến công và giúp con người lập những chiến công rực rỡ, hào hùng.

"*I-li-át*" là bản anh hùng ca chiến trận - một bản anh hùng ca ca ngợi sức mạnh và lòng dũng cảm của

những người anh hùng bộ lạc trong chiến trận. Nó đề cao và biểu dương ý chí quyết tâm chiến đấu, khát vọng lập chiến công giành vinh quang của những người anh hùng bộ lạc trong chiến trận.

A-khin, nhân vật chính của bản trường ca là sự thể hiện tập trung nhất, cao đẹp nhất, cái quan niệm, cái lý tưởng về người anh hùng. Đó là một dũng tướng có sức mạnh phi thường mình đồng da sắt, toàn thân người chỉ có gót chân là nơi hiểm yếu. Sức mạnh phi thường của A-khin và những chiến công hiển hách của chàng đã đem lại cho chàng một uy danh lừng lẫy. Chàng đã triệt hạ mười hai thành bằng đường thủy và mười một thành bằng đường bộ quanh vùng đồng bằng phì nhiêu Tơ-roa-át. Trong khúc ca II, sau khi liệt kê các tướng lĩnh và dũng sĩ từng bộ lạc Đa-na-en (Hy-lạp) tham dự cuộc viễn chinh Tơ-roa, nhà thơ nêu câu hỏi:

"... Còn giờ đây, hỡi nữ thần Mui-dơ! Xin nàng nói cho ta rõ trong số những người và những chiến mã chạy nhanh đi theo những người con của A-tơ-rê, thì ai và chiến mã nào là ưu tú nhất?..."

Nhà thơ trả lời, chiến mã chạy nhanh, ưu tú nhất: đôi ngựa cái của Ô-me-lơ, dũng sĩ ưu tú nhất: A-giắc con của Tê-la-mông, để rồi đi đến một kết luận khác:

"... Nhưng A-khin thực ra lại còn hơn chàng (A-giắc-N.V.K) nhiều. Còn những chiến mã chạy

nhANH mà người con của Pê-lê không chê trách được thường cười cũng vậy..." (II, 760-765)

Việc A-khin rời bỏ chiến trường, không tham chiến trở thành một sự kiện lớn, hết sức quan trọng. Thần A-pô-lông đã kịp thời loan báo tin này cho quân Tơ-roa lúc đang thua chạy; để động viên khích lệ tinh thần chiến đấu của họ.

"... Hồi những người Tơ-roa kẻ luyện thuần ngựa cái! Đừng bỏ trận địa lại cho người Ác-gốt! Da chúng không phải là đá cũng chẳng phải là sắt để chống đỡ được đồng rạch da xé thịt khi chúng bị đâm. Và A-khin con trai của Thê-ti-xơ có mái tóc đẹp, A-khin không chiến đấu. Hắn đang ngồi bên những con thuyền để nung nấu một mối giận hờn độc ác trong dạ..." (IV, 509-514).

Sự kiện này được nhắc đi nhắc lại trong bản trường ca bằng những câu thơ *"... Chàng A-khin thần thánh có đôi chân không mỏi ngồi nghỉ ở giữa những con thuyền của mình..."*. *"... Nhưng A-khin ngồi nghỉ ở giữa những con thuyền của mình, những con thuyền cong tốt đẹp..."*. Còn quân Tơ-roa dù ngay trong lúc thắng thế, đã đánh vào doanh trại quân Hy-lạp vẫn phải tính đến cá khả năng A-khin xuất trận! Trong khúc ca XIII sau một đợt tiến công vào doanh trại quân Hy-lạp không thắng lợi, một vị tướng bên quân Tơ-roa, dũng sĩ Pô-li-đa-mát, đã khuyên Héc-to nên cho lệnh

lui quân và tập hợp các chiến sĩ lại. Pô-li-đa-mát bày tỏ mối lo ngại:

"... Tôi e rằng những người A-kê-en có thể bắt chúng ta trả món nợ ngày hôm qua, bởi vì bên những con thuyền của họ một dũng sĩ không hề chán ngấy cảnh chiến tranh vẫn còn ngồi đó. Và tôi tin rằng chàng sẽ không từ bỏ vinh viễn cuộc giao tranh..." (XIII, 745 - 749).

Chiến thắng của quân Tơ-roa, của người anh hùng Héc-to được giải thích bằng việc A-khin không xuất trận. Ở khúc ca XIV, thần Pô-dê-i-đông lợi dụng lúc Dớt bị Hê-ra lừa, đã lên xuống giúp quân Hy-lạp. Thần động viên quân Hy-lạp, giải thích chiến công của Héc-to:

"... Hỡi những người Ác-gốt! Liệu chúng ta lần này có bỏ chiến thắng lại cho Héc-to con của Pri-am để hắn cướp lấy chiến thuyền của chúng ta và đoạt lấy vinh quang không? Nếu hắn nói năng và khoe khoang như hắn đã hành động thì đó hoàn toàn chỉ vì A-khin vẫn ngồi nghỉ bên những con thuyền trũng, lòng đầy tức giận..." (XIV, 363 - 368).

Sự vắng mặt của A-khin trên chiến trường đã làm cho quân Tơ-roa thay đổi được tình thế. Quân Tơ-roa chuyển sang tấn công và liên tiếp giành được những thắng lợi hết sức to lớn, đẩy quân Hy-lạp vào một tình cảnh hết sức nguy ngập.

Pa-tơ-rô-clơ chết. A-khin nguôi giận, xuất trận. Cục

diện đảo ngược lại ngay. Nhưng khi chưa xuất trận chỉ với một tiếng thét của lòng căm thù, A-khin cũng đã gieo sự khùng khiếp ghê gớm xuống hàng ngũ quân Tơ-roa. Nhà thơ Hô-me-rơ đã kể lại như sau:

"... Nói rồi nữ thần I-rít có đôi chân nhẹ ra đi và chàng A-khin thân thiết với Dớt đứng dậy. Trên đôi vai kiêu hãnh của chàng, nữ thần A-tê-na tới khoác vào một chiếc khiên có tua rủ. Nàng còn tô điểm vầng trán của chàng bằng một vầng hào quang vàng rực và làm cho thân thể chàng toả ra một ngọn lửa chói ngời. Đôi khi ta nhìn thấy một ngọn khói bốc lên từ một đô thị và khói bay lên tận trời cao. Đô thị ở xa, trong một hòn đảo bị địch quân vây hãm. Suốt ngày, người người từ nơi cao trong đô thị bị dùng làm trọng tài cho thần Chiến tranh A-rét tàn bạo. Nhưng phút chốc mặt trời lặn, họ đốt lên những tín hiệu lửa. Tín hiệu này nối tiếp nhau mọc lên và nhanh chóng ánh lửa toả lên khá cao để nhân dân các vùng lân cận nhìn thấy. Những người này liệu có thể tới trên những con thuyền để ngăn ngừa cho nhân dân ở đô thị một thảm hoạ được không? Cũng vậy từ vầng trán cao của A-khin, một vầng ánh sáng toả lên đến tận trời cao. Vượt qua bức tường, người anh hùng dừng lại ở bên hào, không hoà mình vào đám quân A-kê-en: chàng hết sức tôn trọng lời dặn dò sáng suốt của mẹ mình. Chàng dừng lại, đứng ở đó thét lên - và nữ thần A-tê-na đứng bên chàng, nghe rõ tiếng chàng thét. Và

tức thời chàng gây ra trong hàng ngũ quân Tô-roa một sự nhao nhác khôn tả. Tiếng thét nghe tưởng chừng như tiếng kèn đồng vang chói cất lên trong những ngày địch quân, kẻ huỷ hoại đời sống con người, bao vây một đô thị. Tiếng của Ê-a-xi-đơ⁽¹⁾ cất lên cũng chói vang như vậy. Còn quân Tô-roa vừa mới nghe thấy tiếng thét đồng của Ê-a-xi-đơ là lòng dạ rối bời. Những con ngựa có bờm đẹp chạy nhanh ở những cổ chiến xa quay ngay đầu lại: tim chúng thất lại vì đau đớn quá chừng! Những chiến binh cầm cương ngựa liền hoá điên hoá dại khi nhìn thấy ngọn lửa rực rỡ cháy bùng bùng ghê gớm trên vầng trán của người con của Pê-lê-oai phong lẫm liệt, và cái ngọn lửa cháy sáng ấy là của nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục A-tê-na. Ba lần trên bờ hào, chàng A-khin thần thánh gieo xuống một tiếng thét lớn; ba lần chàng làm đảo lộn hàng ngũ quân Tô-roa và các quân bạn đồng minh danh tiếng của họ. Tại đây lại còn mười hai dũng sĩ ưu tú bị chết dưới chiến xa của chính họ hoặc chết vì những ngọn lao của chính họ..." (XV III 202 - 231).

Đó là khi A-khin chưa xuất trận! Còn khi A-khin xuất trận thì:

"... Một nỗi kinh hoàng ghê gớm lan khắp quân Tô-roa: chúng sợ hãi rụng rời khi nhìn thấy người con của Pê-lê có đôi chân nhanh xuất hiện, khiên giáp

(1) A-khin.

sáng ngời, sánh ngang thần A-rét tai hoạ của loài người..." (XX, 41-43)⁽¹⁾.

A-khin lao vào quân Tơ roa" với khát vọng trước hết là phải thọc sâu vào đám quân đông đảo để đương đầu với Héc-to con của Pri-am". Bằng tất cả sức mạnh của mình "A-khin như một vị thần tung mình nhảy vào chiến trận, lao tới chém giết quân Tơ-roa khiến cho đất đen ngập máu...". Chàng giống như "một đám cháy thần kỳ lồng lộn qua những thung lũng sâu của một ngọn núi khô: rừng sậy cháy và gió thổi rất mạnh vào rừng làm ngọn lửa cháy quay cuồng xoáy lốc..." Nhưng không phải chỉ có thế. Sức mạnh của A-khin còn được miêu tả so sánh với một cảnh sinh hoạt rất đầm ấm thanh bình: "... Giống như khi người ta thắng những con bò trán rộng để xéo lúa mạch trắng trong sân lúa khéo làm và hạt lúa mau chóng rụng dưới bước đi của những con bò đang rống: cũng thế dưới bàn tay của chàng A-khin oai phong lẫm liệt những con ngựa có móng to xéo bẹp cùng một lúc cả người chết lẫn khiên. Còn trục xe dưới hòm và tay vịn thành xe xung quanh đều nhuộm đầm máu; trục xe quay làm bắn tung toé bùn lên, dưới móng ngựa và vành bánh xe bùn cũng bắn lên tung toé. Người con trai của Pé-lê lòng sục sôi giành lấy vinh quang, một lượt

(1) I-li-át, Nxb Văn học, Hà - nội, 1966, tr. 98

bụi máu nhuộm đẫm những bàn tay ghê gớm của chàng..." (XX, 490 - 495)⁽¹⁾

A-khin đuổi giết quân Tơ-roa đến bờ sông Xăng-tơ. Đến đây A-khin cắt quân địch làm hai. Chàng đuổi một nửa về phía cánh đồng lồi đi về thành bang. Còn nửa kia "bị chàng dồn ép tới dòng sông sâu cuộn cuộn sóng bạc. Chúng lao xuống sông ầm ầm khiến những dòng nước sâu ào ào náo động, còn những tảng đá lờm chờm xung quanh bờ sông thì găm lên không khiếp. Giữa những tiếng kêu la, chúng bơi lội lóp ngóp đó đây và bị cuốn vào những xoáy nước. Quân Tơ-roa thật chẳng khác chi những đàn châu chấu bị một đám cháy đuổi theo, dốc sức bay để chạy trốn về phía một con sông: một ngọn lửa cháy bùng bùng bất chợt lao tới; ngọn lửa đây rồi, thiêu cháy châu chấu; đàn châu chấu tìm nơi ẩn náu dưới nước sông. Cũng vậy dưới sức dồn ép của A-khin dòng sông Xăng-tơ có những xoáy nước sâu tràn đầy tiếng ầm ầm của những chiến xa và người cùng một lúc rơi xuống..." (XXI, 1-17) ⁽²⁾

Dùng lao giết quân địch chán, A-khin chuyển sang dùng kiếm "Chàng lao vào dòng sông như một vị thần. Chàng chỉ có một thanh kiếm trong tay. Trái tim chàng chỉ nghĩ đến chuyện chém giết. Chàng chém vung tứ phía và từ những thân người bị lưỡi kiếm của A-khin chém cắt lên một tiếng kêu la ghê sợ. Nước

(1) I-li-át, Nxb Văn học 1966, tr.104

(2) I-li-át, Nxb Văn học 1966, tr.105.

sông đỏ ngầu những máu. Đôi khi người ta thấy trước một con cá heo to lớn, lũ cá con chạy trốn và dồn đẩy vào đáy của một cửa biển an toàn: lũ cá con rất sợ hãi! con nào bị bắt chắc chắn bị ăn thịt. Quân Tơ-roa cũng vậy, cũng tìm một chỗ ẩn náu dưới bờ dốc đứng dọc theo sông khủng khiếp..." (XXI, 21-25)⁽¹⁾.

Sức mạnh của A-khin, ngay chủ tướng A-ga-men-nông đã phải thừa nhận, chỉ mình A-khin thôi đã "sức dư trăm người" (IX, 115). Còn Héc-to thì đánh giá A-khin "là một tai hoạ ghê gớm nhất đối với quân Tơ-roa" và nếu A-khin chết đi thì cuộc chiến tranh sẽ đỡ tàn khốc đối với người Tơ-roa. (XXII, 287-289).

Từ khi xuất trận cho đến khi giết được Héc-to, A-khin đã giết tất cả 24 danh tướng của quân Tơ-roa cùng với rất nhiều binh sĩ. Chàng chém giết quân Tơ-roa không chút xót thương, dồn chúng xuống dòng sông Xăng-tơ khiến dòng sông đầy xác chết, bị tắc nghẽn không chảy được. Thần sông Xea-măng-đơ nổi giận, dâng nước lên đánh nhau với A-khin. Thần thợ rèn Hê-pha-i-xốt đem lửa tới giúp đánh bại thần Sông. Cuối cùng quân Tơ-roa chạy hết vào thành, chỉ còn một mình Héc-to là dám đứng lại chờ A-khin tới giao đấu. Để bảo vệ Héc-to, thần A-pô-lông đã lừa A-khin, nhử chàng ra xa trận địa. Nhưng đến khi A-khin biết thì:

(1) I-li-át, Nxb Văn hoá 1966. tr.105

"... Chàng hiên ngang tiến về thành. Chàng phóng mình chạy như một con ngựa chiến thắng trong cuộc đua với cỗ xe của nó, vươn mình chạy thoải mái nhẹ nhàng trên đồng nội..." "... Chàng băng mình trong cánh đồng rực sáng như một ngôi sao mọc lúc cuối thu mà những ánh lửa chói lọi toả ra ngời ngời giữa muôn vàn các vì sao trong lòng đêm tối. Người ta gọi ngôi sao đó là con chó của Ô-ri-ông và ánh sáng của nó thì chẳng gì sánh bằng. Nhưng đó chỉ là một điểm gở vì nó đem lại nhiều bệnh hoạn cho loài người khôn khổ! Quanh ngực của A-khin đang chạy, đồng cũng toả ra một ánh sáng như vậy..." (XXII, 22 - 29)⁽¹⁾.

Trước khi thế bát núi ngăn sông của A-khin đang xông tới, Héc-to hoảng sợ bỏ chạy. A-khin đuổi theo. Cuộc đuổi bắt được nhà thơ miêu tả bằng những hình tượng sinh động nhiều sức thuyết phục:

"... Như con chim ưng trên các dãy núi, giống chim nhanh nhất trong các loài chim, lao xuống dễ dàng vào một con bồ câu nhút nhát. Bồ câu bỏ chạy lẩn trốn. Chim ưng với tiếng kêu the the hồi hã bám sát chim câu: nó muốn bắt cho kỳ được chim câu. Cũng vậy, A-khin nóng lòng lao mình như bay về phía Héc-to, còn Héc-to hoảng sợ, nhanh chân chạy miết về ẩn nấp dưới chân thành..." (XXII, 139 - 143)⁽²⁾

.....

(1) I-li-át, Nxb Văn học, 1966, tr. 120

(2) I-li-át Nxb Văn học, 1966, tr. 125

"... Tuy vậy chàng A-khin chạy nhanh vẫn đuổi riết theo Héc-to. Khi một con chó trong núi săn đuổi theo một con nai con, nai con phải bỏ hang chạy qua các thung lũng khúc khuỷu. Nai kia dù có thoát khỏi mắt chó, nép mình dưới bụi bờ thì chó cũng rượt theo bên gan tìm kiếm cho đến khi bắt được mới thôi. Héc-to cũng vậy chàng không thể nào thoát khỏi con mắt của người con trai của Pê-lê nhanh nhẹn..." (XXII, 189 - 193)⁽¹⁾.

Và cuối cùng Héc-to bị A-khin giết chết.

Sức mạnh của người anh hùng quả là siêu phàm, quả là phi thường hết mức! Nhưng vũ khí của người anh hùng cũng không kém. Ngọn lao của A-khin được miêu tả... "nặng, dài và mạnh đến nỗi không một ai trong những người A-kê-en giương lên được ngoài A-khin là người duy nhất. Ngọn lao làm bằng gỗ của cây rừng Pê-li-ông do thần Ki-rông lên tận đỉnh núi lấy gỗ về. Thần làm để tặng cha của A-khin, để Người đem cái chết lại cho các anh hùng..."⁽²⁾. Còn những vũ khí của thần thợ rèn Hê-pha-i-xtốt làm cho A-khin thì: "không một người Miéc-mi-đông nào mà lại không rùng mình sợ hãi. Chẳng một ai khi đánh bạo nhìn vào những vũ khí đó mà lại không rùng mình run sợ...". Chiếc khiên của A-khin thì... ánh sáng toả lên đến tận

(1) I-li-át Nxb. Văn học 1966 tr. 127

(2) XVI, 140 - 144, Thần Xăng-to Ki-rông tặng ngọn lao mừng đám cưới Pê-lê - Thê-ti-xơ.

trời cao..." mũ thì "... sáng ngời như một ngôi sao...". Đôi ngựa của A-khin, Xăng-tốt và Ba-li-ốt là do thần mã Hác-pi Pô-đác-giơ sinh ra cho thần gió Dê-phia. Thần gió Dê-phia đã nuôi nấng dạy dỗ đôi ngựa cho nên chúng chạy nhanh như gió không đôi chiến mã nào sánh kịp. Trong cuộc giao tranh giữa Pa-tơ-rô-clơ và quân Tơ-roa, khi người dũng sĩ đánh xe bị Héc-to giết, đôi ngựa đứng sững sờ với cỗ xe, đầu cúi gục sát đất, nước mắt nóng hổi trào ra, không chịu tuân theo lệnh của ai cả. Chỉ đến khi thần Dớt thấy, động lòng trắc ẩn, cất lời khuyên nhủ chúng mới chịu tuân theo lệnh của người đánh xe mới. Trước lúc A-khin xuất trận, đôi ngựa còn bằng tiếng người tiên đoán cho A-khin biết số mệnh ngắn ngủi của mình.

Sự giúp đỡ của thần thánh đối với người anh hùng cũng thật là đặc biệt. Thần Dớt đã vì người anh hùng mà chấp nhận lời cầu xin trừng phạt quân Hy-lạp. Nữ thần Hê-ra và A-tê-na luôn luôn theo dõi và giúp đỡ người anh hùng trong suốt cuộc chiến tranh. Kkì A-khin xuất trận, Hê-ra đã triệu các thần lại hội họp quanh mình và ra lệnh cho hai thần Pô-dê-i-đông và A-tê-na phải... "giúp đỡ A-khin và làm cho chàng giành được một thắng lợi lớn. Phải làm sao cho trái tim chàng không biết đến sự khiếp nhược. Phải làm cho chàng hiểu rằng những vị thần yêu mến chàng là những vị thần bậc nhất trong hàng ngũ các thần. Còn những vị thần bấy lâu vốn che chở cho quân Tơ-roa khỏi bị tàn sát thật không đáng kể...". (Iliade, XX, 119

- 124). Nữ thần A-tê-na đã lo toan hết sức chu đáo cho A-khin. Nàng nhỏ rượu thánh và thần đơn vào ngực A-khin để... *"con đời tàn bạo không làm A-khin quy gối..."*

Trong chiến công cuối cùng đánh bại Héc-to, nữ thần A-tê-na đã góp phần rất quan trọng: nữ thần giả dạng làm Đê-i-phô-bơ (em của Héc-to) để đánh lừa Héc-to. A-tê-na còn trả lại cho A-khin ngọn lao sau khi chàng phóng trượt Héc-to. Thần Hê-pha-i-xốt rèn vũ khí cho người anh hùng, đem lửa giao chiến với thần sông Xca-măng-đơ cứu người anh hùng khỏi cơn nguy hiểm...

*

* *

Tuy nhiên tất cả những điều miêu tả trên dù sao cũng chỉ mới giới thiệu cho chúng ta nhiều nhất về cái sức mạnh vật chất, về cái sức mạnh bên ngoài của A-khin. Người anh hùng dù là người anh hùng bộ lạc không thể không mang trong mình một sức mạnh tinh thần. Chính cái sức mạnh tinh thần, cái sức mạnh bên trong ấy, mới là cội nguồn của chiến công. Nhà thơ Hô-me-rơ đã thể hiện được cái sức mạnh này khá sâu sắc. Và đây là một trong những nguyên nhân khiến cho tác phẩm của ông được đánh giá cao.

Sức mạnh của người anh hùng A-khin là sức mạnh của tinh thần tập thể, là sức mạnh của mối quan hệ thống nhất gắn bó giữa các thành viên của chế độ công

xã thị tộc. A-khin bất mãn vì bị đối xử bất công và chàng phản đối bằng cách không tham gia chiến đấu cùng với khối liên minh các bộ lạc Hy-lạp. Mặc dù sau này A-ga-men-nông có phái các danh tướng đến thuyết phục A-khin xuất trận, hứa sẽ trả lại nàng Bri-dê-ít và đền bù nhiều của cải gấp bội, A-khin vẫn không nguôi mối oán hận trong lòng. Người anh hùng A-khin lúc này đã nghĩ về cuộc sống như sau, khi trả lời Uy-li-xơ:

... Ở Hen-lát và Phơ-ti không thiếu gì những phụ nữ A-kê-en con gái của các vị thủ lĩnh, những người bảo vệ các đô thành và trong số các cô gái đó ta muốn lấy ai ta sẽ cưới người đó về làm vợ. Trái tim cao cả của ta thường thúc giục ta về chuyện đó, chọn một người bạn gái xứng hợp với dòng dõi của mình, cưới làm vợ chính thức và sau đó ta sẽ sống an nhàn hưởng gia tài của lão vương Pê-lê để lại. Vì đối với ta không gì quý bằng cuộc sống..."

... "Người ta có thể cướp đoạt những con bò và cừu béo mập, người ta có thể mua những cái giá ba chân⁽¹⁾ và những con ngựa có bờm màu hung, nhưng cuộc sống của một con người thì không sao trở về lại được. Cái ngày mà cuộc sống ra đi khỏi hàng rào của răng người⁽²⁾ thì chẳng bao giờ nó để cho cướp lại được, giữ lại được..." (IX, 395 - 410)⁽³⁾.

(1) trépiéd (có thể dịch là "kiềng")

(2) Sortie de l'enclos de ses dents.

(3) I-li-át. Nxb Văn học, 1966, tr. 78-79.

Cuộc đời của A-khin vốn đứng trước hai con đường: một là ở lại chiến đấu trên đất Tơ-roa thì sẽ lập được chiến công, vinh quang, danh tiếng đời đời bất diệt nhưng không có ngày về; hai là từ bỏ cuộc chiến đấu, "đào ngũ" trở về quê hương thì sẽ sống lâu nhưng chẳng còn danh dự, tiếng tăm gì hết. Trước đây A-khin đã chọn con đường thứ nhất. Nhưng từ khi bất mãn với A-ga-men-nông, A-khin gần như đã chọn con đường thứ hai.

Cái chết của Pa-tơ-rô-clơ đã làm A-khin hồi tỉnh lại. Nỗi đau đớn có thể làm con người ta mất trí nhưng cũng có thể làm con người ta tỉnh táo hơn lên, dám dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Chính cái sức mạnh của sự thức tỉnh trong tâm hồn A-khin, cái ý thức trách nhiệm về tình chiến hữu, về vị trí và tác dụng của một vị tướng trong cuộc chiến tranh của khối liên minh bộ lạc Hy-lạp, đã đưa A-khin trở lại chiến trường. Chàng đã trả lời mẹ rất dứt khoát như sau: (khi bà cho biết số mệnh chàng nếu chọn con đường tìm giết Héc-to thì sẽ rất ngắn ngủi).

"... Thôi thì con chết ngay đi cũng phải, bởi vì con nghe thấy mọi người nói rằng con chẳng giúp đỡ được gì cho bạn con trước cái chết. Bạn con đã bỏ mình nơi quê người đất khách và con khi ấy đã không ở bên chàng để ngăn ngừa tai họa xảy đến với chàng. Giờ đây thật đã rõ ràng, con sẽ không trở về quê hương nữa, con cũng chẳng là ánh sáng của sự cứu khốn phò

nguy đôi với Pa-tơ-rô-clơ cũng như đôi với một ai trong số những bạn chiến đấu của con đã gục ngã hàng trăm người dưới bàn tay của Héc-to thần thánh. Ngược lại trong khi các bạn con chết thì con ngồi đây im lìm bên những con thuyền làm một gánh nặng vô ích cho đất đen mà không một người A-kê-en mặc áo giáp nào tài sánh bằng con trong chiến trận..." (XVIII, 97-105)⁽¹⁾

Và chàng sẵn sàng đón nhận nỗi bất hạnh:

"... Nếu một số phận như vậy (giống như Hê-ra-clét đã chết - N.V.K) đã định cho con thì khi cái chết đến với con, người ta sẽ thấy đến lần con nằm phơi thây trên mặt đất"⁽²⁾

Đối với chàng lúc này chỉ có khát vọng trả thù. Chàng nói với mẹ:

"... Vì nếu với cây lao này Héc-to không bị giết và bị đền tội đã giết chết Pa-tơ-rô-clơ con trai của Mê-nê-xi-ốt thì lòng con chẳng thiết sống làm gì nữa, chẳng thiết ở với người đời làm gì nữa..."⁽³⁾

Với A-khin trước kia cuộc sống là đáng quý, nhưng giờ đây cuộc sống có lý tưởng còn đáng quý hơn nhiều. Chàng nói với mẹ:

"... Nhưng giờ đây con chỉ mong sao cho được lấy

(1) I-li-át, Nxb Văn học, Hà nội 1966. tr. 84

(2) nt tr. 83

(3) nt tr. 83

lừng danh thơm", "... Dù mẹ yêu con, xin mẹ đừng tìm cách giữ con ở ngoài cuộc chiến đấu..."⁽¹⁾.

Trước lúc xuất trận, con ngựa Xăng-tốt của A-khin bằng tiếng nói của loài người, báo trước cho A-khin biết cái ngày số phận của chàng bị một người trần và một vị thần quyết định không còn xa nữa. Nhưng A-khin nổi giận mắng Xăng-tốt:

"... Xăng tốt! Tại sao mi lại đến để báo trước cho ta biết cái chết? Đây có phải là công việc của mi đâu. Mi chẳng báo ta cũng biết rõ điều đó: Số phận ta là chết ở đây, xa cha xa mẹ. Song điều ta quan tâm là chừng nào mà ta chưa đánh cho quân To-roa té liệt thì ta sẽ không thôi chiến đấu..."(XIX, 416-421)

Như vậy cuối cùng là tư tưởng vì tập thể bộ lạc, ý thức trách nhiệm của một người cầm đầu một bộ lạc - một thủ lĩnh quân sự có tài năng kiệt xuất - trong cuộc chiến tranh đã chiến thắng nổi bất bình chính đáng song nhỏ mọn trong con người của A-khin. A-khin xuất trận có nghĩa là phẩm chất anh hùng "chết vinh hơn sống nhục" chiến thắng, khát vọng trả thù cho đồng đội, khát vọng lập chiến công để được vinh quang muôn thuở chiến thắng. Lối sống tâm thường, hèn nhát, xa rời lý tưởng của tập thể bộ lạc, không tôn trọng danh dự của người dũng sĩ là một điều không thể dung thứ được đối với thời đại Hô-me-rơ. Và tác

(1) nt tr. 84-85

giả, nhà thơ, mặc dù đứng ở ngưỡng cửa của thời đại văn minh vẫn không vì thế mà phủ nhận cái tính ưu việt của chủ nghĩa tập thể, của chế độ công xã thị tộc.

"A-khin là một tổng thể những sức mạnh ưu tú của nhân dân"⁽¹⁾. "A-khin - đó là sự thần thánh hoá nước Hy-lạp anh hùng bằng nghệ thuật..."⁽²⁾. Nhà lý luận của phong trào cách mạng - dân chủ Nga, Bi-ê-lin-xki, đã nhận xét về A-khin như vậy.

*

* *

Nhưng không phải chỉ có A-khin! "*Sức mạnh ưu tú của nhân dân*", "*sự thần thánh hoá bằng nghệ thuật nước Hy-lạp anh hùng*" còn được thể hiện ở nhiều dũng tướng khác của quân Hy-lạp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau của diễn biến chiến trận.

Như chúng ta đã biết, cuộc tấn công của quân Tơ-roa có lúc đã dồn quân Hy-lạp vào tình cảnh hết sức nguy khốn. Đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt, chủ tướng A-ga-men-nông lòng vô cùng buồn bã vội cho triệu tập ngay trong đêm tối một cuộc họp quân sĩ.

(1) V.G. Biê-lin-xki, Tuyển tập gồm ba tập, tập 2, tr. 37 dẫn trong "Trường ca của Hô-me-rơ" của K.P. Pa-lôn-xkai-a, tr. 24. Nxb Đại học Mat-xơ-va, , 1961, (tiếng Nga).

(2) V.G. Biê-lin-xki, Toàn tập, tập 5, tr. 39, 1954, dẫn trong "Lịch sử văn học cổ đại" của Rát-si-gơ, tr. 65. Nxb Đại học Mat-xơ-va, 1962 (tiếng Nga).

Trong phút nguy nan vị tổng chỉ huy đã dao động "... nước mắt tuôn rơi như một con suối đục từ một hòn đá dốc cao trút dòng nước đen xuống..." và nêu ra trước ba quân ý định bãi binh, đưa quân đội Hy-lạp trở về quê hương. Nhưng dũng tướng Hy-lạp Di-ô-mét đã kịp thời đấu tranh lại với tư tưởng đầu hàng đó:

"... Này hỡi người con của A-tơ-rê kia! Ta thì ta đánh nhà ngươi trước tiên đây và đánh cả sự điên dại của nhà ngươi! Điều này trong hội nghị là chuyện bình thường, xin chủ tướng đừng giận! Nhà ngươi là người đầu tiên đã lãng nhục lòng dũng cảm của ta trước mặt những người Đa-na-en vì nhà ngươi đã nói với ta những điều mềm yếu và hèn nhát. Tuy nhiên những người Đa-na-en trẻ cũng như già đều hiểu rõ sự thật. Người con trai của Crô-nốt kẻ xảo quyệt, đã cân nhắc rất chặt chẽ về những tặng vật của mình. Thần đã ban cho nhà ngươi cái vinh dự được nhận cây vương trượng có sức mạnh toàn năng nhưng lòng dũng cảm thì thần lại không ban cho nhà ngươi. Và đây mới là cái sức mạnh tối cao. Đồ điên dại khốn khổ! ngươi tưởng rằng những người con trai của những người A-kê-en cũng yếu đuối và hèn nhát hay sao mà ngươi dám nói với họ như vậy? Có phải lòng ngươi luôn nghĩ đến, luôn thèm khát trở về không? Thế thì về đi! đường đây trước mặt ngươi và thuyền kia, những con thuyền bao giờ cũng ở gần biển, những con thuyền đã theo ngươi lũ lượt từ Mi-ken đến đây. Còn những người khác, những người A-ken-en tóc rậm sẽ ở lại đây cho

đến ngày phá được thành Tơ-roa. Và nếu họ cũng muốn chạy trốn thì họ cứ chạy đi với con thuyền của họ để trở về quê hương xứ sở. Ta và Xtê-nê-lôt, chỉ hai người thôi sẽ ở lại đây chiến đấu cho đến khi chúng ta thấy được ngày quyết định cho số phận thành Tơ-roa. Nếu chúng ta ở lại đây thì đó là ý muốn của Trời..."(IX, 34-48).

Lần thứ hai trong một tình thế hiểm nghèo hơn nữa, quân Tơ-roa có thể tiến công tiêu huỷ các chiến thuyền, Ga-ga-men-nông lại ra lệnh rút lui. Lần này dũng tướng Uy-li-xơ đứng lên phản đối:

"... Này hỡi con trai của A-tơ-rê-kia! người nói gì mà lạ lùng như vậy? Đồ tồi, Nhẽ ra người chỉ đáng chỉ huy những đội quân khác, những đội quân không có danh tiếng gì hơn là làm thủ lĩnh của chúng ta. Còn chúng ta là người mà thần Dớt đã trao cho cái số mệnh kể từ những năm tuổi còn trẻ nhất cho đến những năm tuổi già là phải kéo hết sợi chỉ của những cuộc chiến tranh đau khổ cho tới lúc mà mỗi một người chúng ta phải chết. Thế nào, người lại muốn từ bỏ cái đô thị rộng lớn của người Tơ-roa, cái đô thị mà chúng ta đã vì nó mà phải chịu đựng biết bao nỗi khổ cực ư? Thôi này, người hãy im đi, người phải biết sợ nhờ ra có một người A-kê-en nào khác nghe thấy những lời lẽ ấy chứ!" (XIV, 83-90).

Sự phản nộ đối với thái độ dao động, dẫu hàng trước những khó khăn nguy hiểm là một biểu hiện của phẩm

chất kiên định vững vàng của những người anh hùng bộ lạc.

Đương nhiên không phải lúc nào A-ga-men-nông cũng biểu lộ một thái độ không xứng đáng như vậy. Trong nhiều cuộc giao tranh, chàng đã tỏ ra là một vị tướng dũng cảm, lập được nhiều chiến công vẻ vang rực rỡ.

Trong hàng ngũ các danh tướng Hy-lạp, sau A-khin là chàng A-giắc con của Tê-la-mông cầm đầu bộ lạc Xa-la-min. Chàng được coi là *"bức tường thành của quân A-kê-en"* đã giết chết chín danh tướng của quân Tơ-roa và đánh bị thương sáu danh tướng khác trong đó có Héc-to bị thương hai lần (VII và XIV) A-giắc đã từng đánh lui nhiều đợt tiến công của quân Tơ-roa đặc biệt chỉ một mình chàng, không ai chi viện, đã đánh bật được quân Tơ-roa ra ngoài khu vực doanh trại quân Hy-lạp, bảo vệ được các chiến thuyền. Chính vì lẽ đó mà A-ga-men-nông sau khi giết súc vật làm lễ tế thần mở đầu bữa tiệc, đã dành cho A-giắc *"cái vinh dự được nhận những miếng thịt thần dai"* (VII). A-giắc còn giúp đỡ Pa-tơ-rô-clơ trong chiến đấu (XVI) và chiến đấu bảo vệ thi hài của Pa-tơ-rô-clơ khỏi bị quân Tơ-roa cướp (XVII). Chàng cũng là người luôn luôn đứng mũi chịu sào, gánh vác những nhiệm vụ nặng nề khó khăn nhất và dường như chỉ mình chàng mới có thể đảm đương nổi và hoàn thành được. Trong chiến đấu chàng lại là vị tướng luôn luôn gần gũi binh sĩ, luôn luôn cổ

vũ động viên họ, giúp đỡ họ lúc khó khăn. Đoạn trích dưới đây đã cho ta thấy rõ phẩm chất của A-giắc:

"... A-giắc về phần mình, kêu gọi những binh sĩ của mình:

"... Hỡi những người Ác-gốt! Thật là một điều sỉ nhục với các bạn. Giờ đây chỉ còn có con đường hoặc là chết hay là sống an toàn và đẩy lùi nỗi bất hạnh của những chiến thuyền. Liệu các bạn có mong đợi một ngày nào đây tên Héc-to đội mũ lông lánh sẽ cướp mất chiến thuyền của các bạn không? Và các bạn có mong đợi mỗi người sẽ trở về đất nước mình bằng đôi chân đi bộ không? Có phải các bạn không nghe thấy tên Héc-to kia đang khích lệ toàn bộ quân sĩ của hắn đấy chứ? Hắn muốn bằng mọi cách đốt sạch chiến thuyền của các bạn đấy! Đây không phải là một cuộc nháy múa để hắn mời những người của hắn đến dự đâu, mà là chiến tranh đấy! Đối với chúng ta, không có chủ trương, mưu kế nào, không có cách bày binh bố trận nào tốt hơn việc xông vào giáp chiến, đem nỗi căm giận của chúng ta, đem cánh tay của chúng ta vật lộn với kẻ thù. Nếu chỉ trong phút giây chốc lát mà chúng ta hiểu được chúng ta phải sống hay là chết thì thật là tốt hơn việc chúng ta bỏ lỡ thời cơ như thế này để chẳng làm gì trong cảnh chém giết bạo tàn ở giữa những chiến thuyền, dưới những đòn tiến công của các chiến binh Tơ-roa mà đối với chúng ta, chúng chẳng xứng đáng gì..." (XV, 50-1 - 514).

hoặc:

*"... Hỡi các bạn! Hãy xứng đáng là bậc nam nhi!
Hãy thức tỉnh trong lòng sự liêm sỉ! Hãy làm cho nhau
biết liêm sỉ trong suốt cuộc hỗn chiến bạo tàn! Khi
những chiến binh biết liêm sỉ thì trong hàng ngũ họ
sẽ có nhiều người được cứu nguy hơn là bị giết chết.
Nếu họ bỏ chạy thì ngược lại, chẳng có một vinh quang
nào đến với họ và ngay đến một sự chi viện cũng
không..." (XV, 560 - 564).*

Chúng ta không thể giới thiệu hết được sức mạnh
phi thường của những anh hùng, dũng sĩ khác trong
bản trường ca như ông già Ne-xto, chủ tướng
A-ga-men-nông, dũng tướng Đì-ô-mét...

CHIẾN TRANH VÀ CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO DÃ MAN VÀ VĂN MINH

Có một vấn đề khá phức tạp đặt ra khi chúng ta nghiên cứu bản trường ca "*I-li-át*": vì sao Hô-me-rô lại lấy đề tài ở cuộc chiến tranh Tơ-roa - một cuộc chiến tranh xảy ra vào thế kỷ XII trước công nguyên - để phản ánh thời đại của ông là thời đại của mấy trăm năm đầu thuộc thiên niên kỷ I trước công nguyên? - nghĩa là sau cuộc chiến tranh Tơ-roa, ít nhất ba thế kỷ. Thái độ Hô-me-rô đối với cuộc chiến tranh này như thế nào? Ông ca ngợi quân Hy-lạp hay quân Tơ-roa? Đó là những vấn đề chúng ta không thể bỏ qua được khi nghiên cứu bản trường ca "*I-li-át*".

Chiến tranh Tơ-roa xảy ra vào giai đoạn cuối của nền văn hoá Mi-ken. Đây là thời kỳ trên đất Hy-lạp đã phát triển nền văn minh cung điện khá rực rỡ. Nhà nước Mi-ken, trung tâm của nền văn minh cung điện trong quá trình phát triển đã tiến hành nhiều cuộc chinh phạt, cướp bóc khắp khu vực Đông Nam Địa Trung Hải. Cuộc viễn chinh Tơ-roa là một trong những chiến công của những người A-kê-en còn lưu dấu lại trong truyền thuyết. Nhưng nền văn minh Mi-ken đã

bị cuộc di cư của những người Đô-riêng thế kỷ XI trước công nguyên phá huỷ. Xã hội Hy-lạp bị kéo lùi lại chế độ công xã thị tộc.

Tuy nhiên lịch sử phát triển theo quy luật của nó sớm muộn nó cũng phải đi cái bước đi tất yếu của nó. Xã hội Hy-lạp sau một thời gian ngừng trệ, lại tung mình bay vào cái quỹ đạo tiến hoá mà lịch sử đã vạch ra cho nó. Chế độ công xã thị tộc được phục hồi trên hoang tàn của nền văn minh Mi-ken, sau một chặng đường phát triển đã nhanh chóng bộc lộ những dấu hiệu suy yếu, tan rã. Không còn nhà nước Mi-ken với những cuộc viễn chinh nữa nhưng chiến tranh cướp bóc giữa các liên minh bộ lạc lại ngày càng phát triển và trở thành một sinh hoạt bình thường trong đời sống nhân dân. Không còn nền thương nghiệp đã phát triển khá rộng rãi với các quốc gia chiếm hữu nô lệ ở vùng Đông Nam Địa Trung Hải như trong thời cực thịnh của nền văn minh Mi-ken nữa nhưng lại nảy sinh những nhu cầu trao đổi với thế giới bên ngoài ngày càng lớn của chế độ công xã thị tộc đã phát triển đến đỉnh cao của nó. Vì thế mà vẫn cần phải có người anh hùng trong chiến trận, vẫn cần phải có người anh hùng trong công cuộc vượt biển để thám hiểm, chinh phục. Và thế là những dũng tướng anh hùng của truyền thuyết về cuộc chiến tranh To-roa xưa kia, cái sự nghiệp chính phạt của tổ tiên anh hùng ba, bốn trăm năm trước lại được hồi sinh với khí thế hào hùng

chưa từng thấy. Thật đúng như Mác nói: "... Con người làm ra lịch sử của mình... theo những điều kiện trực tiếp, nhất định, sẵn có do quá khứ để lại..."⁽¹⁾. Truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa trong gia tài sử thi truyền thống của những a-e-đơ chính là cái điều kiện trực tiếp, nhất định, sẵn có do quá khứ để lại để Hô-me-rơ làm ra hai bộ sử thi anh hùng của thời đại mình. Và chỉ có thể là truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa chứ không phải là truyền thuyết về một cuộc chiến tranh nào khác, bởi vì như En-ghe-nơ cho biết: "... Chính bản thân người Hy-lạp cũng chỉ còn nhớ được cái quá khứ của họ kể từ thời đại anh hùng trở đi mà thôi..."⁽²⁾.

"I-li-át" là bộ sử thi ca ngợi sự nghiệp anh hùng có tính chất toàn dân của người Hy-lạp trong chiến trận. Đó là một sự thật hiển nhiên, nổi bật của tác phẩm mà chúng ta ai nấy đều thấy. Tuy nhiên đọc tác phẩm chúng ta không khỏi băn khoăn trước hai sự thật khác cũng hiển nhiên và không kém phần nổi bật đó là:

1 - Bên bức tranh rộng lớn của chủ nghĩa anh hùng có tính toàn dân của những liên minh bộ lạc trong cuộc chiến tranh còn có một bức tranh miêu tả những nỗi đau thương mất mát cùng với những cảnh tàn khốc, khủng khiếp do chiến tranh gây ra. Và bức tranh

(1) Các-mác - Ngày 18 - tháng Sương Mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ, trang 13, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961

(2) En-ghe-nơ - Nguồn gốc của gia đình... tr. 153

này đã để lại trong cảm xúc và trí nhớ người xem một ấn tượng khá mạnh mẽ và sâu sắc. Thật vậy, nếu như chúng ta nhớ mãi hình ảnh người dũng sĩ A-khin có sức mạnh phi thường, có trái tim cuồng nhiệt thì chúng ta cũng không sao quên được những giọt nước mắt cay đắng của ông già Pri-am phải hôn tay một người đã giết con ông. Chúng ta vô cùng khâm phục tinh thần dũng cảm, lòng tự trọng, ý thức về danh dự của người chiến sĩ Héc-to, song chúng ta cũng vô cùng thương cảm, xúc động trước cảnh những thân nhân của chàng khóc than đau đớn khi được tin chàng tử trận. Nói một cách khác, theo cách nói của những nhà mỹ học, thì bên việc miêu tả cái cao cả, cái anh hùng trong chiến tranh, Hô-me-rơ còn miêu tả cái bi thảm trong chiến tranh.

2 - Trong khi miêu tả và đề cao sự nghiệp, lý tưởng anh hùng của người Hy-lạp, tác giả dường như không biểu lộ một thái độ thù địch căm ghét người Tơ-roa. Tác giả cũng không thể hiện họ thành những kẻ tầm thường, thấp hèn, đáng khinh bỉ và đáng phải tiêu diệt. Ngược lại, tác giả còn thể hiện họ như là những người anh hùng đáng kính trọng, là nạn nhân đáng thương của cuộc chiến tranh, xứng đáng được sự khâm phục và thương xót của mọi người. Thật vậy, có thể nào chúng ta chỉ thấy cái khí thế "trúc chẻ, ngói tan" của A-khin mà chúng ta quên mất cái dáng đứng hiên ngang "đơn thương độc mã" của Héc-to dưới chân thành Tơ-roa, sẵn sàng chấp nhận cuộc giờitanh quyết

tử? Bên lòng quyết tâm trả thù cho bạn của A-khin, ta còn thấy cái ý chí sẵn sàng xả thân vì quê hương, vì đất nước của Héc-to. Người Hy-lạp trong cuộc vây đánh thành Tơ-roa đã tỏ ra rất mực anh hùng thì người Tơ-roa trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành trì của mình cũng tỏ ra anh hùng không kém.

Những sự thật trên đây của tác phẩm đã đặt ra một số vấn đề đòi hỏi chúng ta phải giải quyết: Việc thể hiện cái bi thảm trong chiến tranh có phá hoại mất cái cao cả, cái anh hùng không? Có thể như một số nhà nghiên cứu đã từng nhận định rằng chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc và rộng lớn trong trường ca "*I-li-át*" của Hô-me-rơ mang tư tưởng lên án chiến tranh, ca ngợi hoà bình là một sự nghiệp mà nhân loại bất kỳ thời đại nào cũng quý trọng không? Vì sao tác giả lại biểu lộ một mối thiện cảm như vậy đối với quân Tơ-roa?

Trước hết cần phải nói ngay rằng cái khuynh hướng nhấn mạnh một chiều đến chủ nghĩa nhân đạo trong trường ca của Hô-me-rơ đã vô hình trung hạ thấp và làm mờ nhạt chủ đề chân chính, đích thực của tác phẩm. Mặt khác cách hiểu chủ nghĩa nhân đạo trong trường ca "*I-li-át*" của Hô-me-rơ như là một biểu hiện của thái độ chống chiến tranh cũng không đúng. Nó đã làm méo mó lịch sử và có khuynh hướng minh hoạ một cách gò ép cho trào lưu tư tưởng chính trị hoà bình chủ nghĩa xuất hiện trong những năm năm mươi

của thế kỷ chúng ta. Nếu chấp nhận cách hiểu này thì A-khin và những phẩm chất anh hùng của chàng phải bị phê phán, và cái chủ nghĩa anh hùng có tính toàn dân của người Hy-lạp sẽ bị coi là một sản phẩm mù quáng của tư tưởng hiếu chiến!

Nhưng A-khin đã và mãi mãi là một biểu tượng đẹp đẽ của chủ nghĩa anh hùng có tính toàn dân của người Hy-lạp cổ xưa đang vươn mình từ thời đại dã man để bước sang thời đại văn minh, và như En-ghe-nơ đã chỉ rõ: "... họ đã ở ngưỡng cửa của thời đại văn minh..."⁽¹⁾. Chính vì thế cho nên sức mạnh của A-khin là sức mạnh của lịch sử, bước đi của A-khin là bước đi của lịch sử. Nhưng éo le thay cái bước đi của lịch sử trong giai đoạn "ngưỡng cửa" ấy! Để bước sang thời đại văn minh, nhân loại phải trả giá bằng những cuộc chiến tranh đẫm máu. Để có được một cuộc sống vật chất và tinh thần tiến bộ hơn, có tổ chức hơn quốc gia và nhà nước ra đời, khoa học và nghệ thuật nảy sinh và phát triển, nhân loại phải mất đi cái cuộc sống chất phác và giản dị của mình, cái cuộc sống bình đẳng và bình quyền trong cảnh nghèo nàn, chật hẹp, tối tăm của chế độ thị tộc. Hô-me-rơ đã sống và sáng tác trong các giai đoạn lịch sử đó. Nhưng ông làm sao có thể giải thích được những hiện tượng xã hội phức tạp trong các giai đoạn chuyển mình ấy. Nỗi đau đớn của bà mẹ Lịch sử trở dạ dội vào ông và biểu hiện ra trong thế

(1) En-ghe-nơ - *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 146.

giới của những nhân vật sử thi. Chiến tranh đối với ông là một hiện tượng không giải thích được, hay chỉ có thể giải thích được bằng thần thoại, truyền thuyết. Chúng ta thấy điều này khá rõ trong tác phẩm Nhìn chung cả quân Tơ-roa và quân Hy-lạp đều coi cuộc chiến tranh Tơ-roa là do thần thánh gây ra, do thần Dớt điều khiển. Nhìn riêng trong từng trường hợp lại có những cách giải thích khác nhau.

Những vị tướng của thành Tơ-roa coi Hê-len, sắc đẹp của nàng là nguồn gốc của cuộc xung đột:

"...Thôi thì mong sao cho nàng xuống thuyền và bước đi cho rảnh! Mong sao cho người ta đừng giữ nàng ở lại đây để là tai họa cho chúng ta và con cái chúng ta sau này..." (III, 158 - 161).

Với Pri-am thì không phải như thế:

"... Đối với ta, con (Hê-len, N.V.K) chẳng phải là người gây nên chuyện. Chỉ có các vị thần mới là người gây nên mọi chuyện trên đời. Chính các thần cùng với những người A-kê-en là người đã gây ra cuộc chiến tranh muôn vàn đau xót này..." (III, 165 - 167).

Và Hê-len trong khi nói chuyện với Héc-to, nàng cũng có những ý nghĩ tương tự như Pri-am:

"... Dớt đã bắt chúng ta phải chịu đựng một số phận nghiệt ngã để sau này người đời ca ngợi chúng ta..." (VI, 357 - 358).

Nhưng với một số chiến sĩ khác, qua lời Héc-to

thuật lại cho Pa-rit biết, thì họ lại cho Pa-rit là nguyên nhân của tai hoạ. Và chính bản thân Héc-to, chàng cũng cho Pa-rit là nguyên nhân của tai hoạ (III, 87) (XXII, 113)⁽¹⁾.

Còn với A-khin, khi chàng trả lời mẹ, thì nguồn gốc cuộc chiến tranh Tơ-roa lại là hai cuộc xung đột: một là giữa thế giới của các vị thần, hai là giữa thế giới của loài người (XVIII, 107)⁽²⁾.

Đọc những câu thơ mở đầu của bản trường ca, chúng ta được biết chiến tranh là do ý định của thần Dớt. Nhưng dưới con mắt của thần Dớt và một số thần khác thì sự việc lại hoàn toàn không phải là như vậy. Qua lời thần Dớt mắng thần Chiến tranh A-rét, (con trai của thần Dớt bị dũng tướng Di-ô-mét bên quân Hy-lạp đánh cho bị thương phải chạy về thiên đình cầu cứu) chúng ta thấy nguồn gốc cuộc chiến tranh Tơ-roa được giải thích bằng tính khí ngang ngược của A-rét:

"... Này hỡi cái đồ nông nổi kia, đừng có đến đây mà rên la dưới chân ta nữa. Trong hết thấy các vị thần sống trên đỉnh Ô-lanh-pơ, đối với ta, mi là ghê tởm nhất. Bao giờ cũng vậy, niềm vui thú của mi chỉ là chuyện xô xát, chiến tranh và những trận giao đấu. Chà! mi khéo học được cái máu tam bành, không biết

(1) *I-li-át*. Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 124.

(2) *I-li-át*. Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, trang. 84

nhịn nhường, không lúc nào nguôi của mẹ mi, cái mẹ Hê-ra mà ta phải khổ sở lắm mới nạt được bằng lời lẽ. Chỉ tại nghe theo lời răn dạy của mẹ nên mi mới bị đau như thế. Nhưng thôi ta không muốn để mi chịu đau hơn nữa, mi là con ta, vì ta mà mẹ mi đẻ ra mi. Nhưng nếu mi là con của một vị thần nào khác mà nó lại là đứa phá hoại như mi thì nó đã bị tống xuống ở một nơi còn thấp hơn những đứa con trai của Trời từ lâu rồi..." (V.888 - 899).

Nguồn gốc của chiến tranh được tác giả giải thích như vậy. Còn thắng bại trong chiến tranh thì đương nhiên cũng được giải thích bằng ý muốn của thần thánh và trước hết là của thần Dớt. Nhưng chính Dớt cũng không phải là sức mạnh toàn năng, toàn diện tối cao. Trên Dớt còn có một sức mạnh khác có quyền lực cao hơn nhiều. Đó là Số mệnh. Số mệnh đã bắt quân A-kê-en thua từ lúc thần Dớt cấm các thần tham chiến, vì thế khi chiếc cân vàng được thần Dớt nâng lên, đĩa cân số mệnh của những người A-kê-en nặng nghiêng xuống dưới (VIII, 68 - 77). Số mệnh của tướng Xác-pê-đông (quân Tơ-roa) là phải chết vì tay Pa-tơ-rô-clơ. Dớt mặc dù là người đã sinh ra Xác-pê-đông và muốn cứu chàng cũng không cứu được (XVI, 430 - 460). Và chính Số mệnh đã quyết định Héc-to phải chết như A-khin sau này phải chết, thành Tơ-roa sụp đổ...

Như vậy nguồn gốc cuộc chiến tranh Tơ-roa xét về mặt xã hội - chính trị, xét theo quan điểm của Lê-nin: *chiến tranh là sự tiếp tục chính trị bằng phương pháp bạo lực*⁽¹⁾ không thể nào tìm được sự giải thích trong trường ca của Hô-me-rơ. Đó là vì khi giai cấp và Nhà nước chưa ra đời, thì cũng chưa có quân đội với tư cách là một công cụ chuyên môn để tiến hành chiến tranh với ý nghĩa đích thực của nó, nghĩa là một cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức vì mục đích chính trị. Hơn nữa và đây mới là điều chủ yếu, thế giới quan thần thoại không thể nào đem lại cho con người một cách nhìn nhận đúng và giải thích đúng về thế giới xung quanh. Thế giới quan này đã tạo ra hệ tư tưởng của sử thi là bao giờ cũng nâng các sự kiện, các biến cố kể từ điều nhỏ nhất đến việc to lớn lên tầm thước vũ trụ và lịch sử. Vì lẽ đó chiến tranh, cuộc chiến tranh Tơ-roa theo sự giải thích méo mó của thần thoại, sự biểu hiện của sử thi, là một quy luật tất yếu của toàn thể vũ trụ hoặc của toàn bộ lịch sử, liên quan đến cả thế giới thần thánh và có cội nguồn sâu xa từ việc loài người phát triển quá đông, quá nhiều gây ra một gánh nặng cho thần Mẹ - Đất.

Khi một cuộc chiến tranh không được giải thích bằng quan điểm xã hội - chính trị là quan điểm cơ

(1) Lê-nin - *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh* - Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1971, tr, 11

bản phản ánh được bản chất của sự việc thì tất nhiên nó phải được giải thích bằng cách khác. Và ở đây cuộc chiến tranh Tơ-roa đã được giải thích bằng quan điểm luân lý đạo đức của chế độ thị tộc, của cái tập thể "chúng ta" đối lập với cái tập thể "chúng nó"⁽¹⁾. Những bộ lạc Hy-lạp coi việc đem quân đến đánh thành Tơ-roa để đòi lại nàng Hê-len và lấy lại những của cải bị Pa-rít cướp mất là một việc làm hết sức chính đáng. Hơn nữa nó còn nhằm khôi phục và bảo vệ danh dự cho người Hy-lạp, gìn giữ những truyền thống đạo đức về lòng tự tôn, tự trọng, lòng trung thực và sự tin cậy lẫn nhau trong quan hệ giao thiệp vốn là những quy tắc sinh hoạt và chuẩn mực đạo đức của thế giới công xã thị tộc.

Mê-nê-lát trước khi chấp nhận định ước đấu tay đôi đã đòi Pri-am phải đích thân tới làm lễ cam kết trước thần Đất, thần Mặt trời, thần Dớt, bởi vì, theo Mê-nê-lát, "*những người con trai của Pri-am thường kiêu ngạo và không trung thực*" (III, 105 - 107).

Trong trận giao đấu tay đôi với Pa-rít, trước khi phóng lao, Mê-nê-lát đã cầu khẩn thần Dớt như sau:

"... Hỡi thần Dớt! Xin người hãy cho phép tôi trừng phạt A-lếch-dăng-đrơ thần thánh, là kẻ đầu tiên đã xúc phạm đến tôi và xin thần hãy bắt hắn phải chết dưới tay tôi. Có như vậy thì từ nay trở đi mỗi người,

(1) Gor-ki - *Bản về văn học* - tập I. tr. 58. Nxb Văn học, Hà-nội, 1965.

từ người lớn đến trẻ nhỏ mới sinh, mới biết ghê tởm cái hành động xúc phạm đến chủ nhà là người đã đối đãi với hân bằng mỗi tình bằng hữu..." (III, 351 - 355)⁽¹⁾.

Với người Tơ-roa thì họ lại càng coi việc mình chiến đấu chống lại sự bao vây cướp phá của quân Hy-lạp là một việc làm chính đáng hơn nữa. Héc-to trong trận chiến đấu quyết liệt bên các chiến thuyền đã kêu gọi các chiến sĩ của mình:

"... Hỡi những người Tơ-roa, những người Li-kiêng và người Đác-đa-niêng giỏi đánh giáp lá cà! Hãy xứng đáng là bậc nam nhi, các bạn! Hãy nhớ lại khí thế bừng bừng của các bạn trong trận đánh ở giữa những chiến thuyền trùng!...

... Toàn thể anh em hãy xông lên chiến đấu, tiến sát vào những chiến thuyền! Nếu có một ai trong các bạn từ xa bị thương hoặc ở gần bị đánh ngã và rồi ra sẽ chết và đi tới hạn kỳ của số phận mình thì người đó cứ yên tâm mà chết! Đối với người chết vì bảo vệ quê hương thì chẳng có gì mà xấu hổ cả. Vợ con người đó sẽ được yên hàn, nhà cửa, tài sản người đó sẽ được nguyên vẹn, ngày mà những người A-kê-en phải ra đi trên những chiến thuyền để về tổ quốc của họ". (XV, 487 - 499).

Trong khúc ca XII, Pô-li-đa-mát, một vị tướng bên

(1) I-li-át, Nxb Văn học, Hà nội, 1966, tr. 60

quân Tơ-roa thấy một con chim đại bàng tha một con rắn đỏ rồi bỗng rơi xuống đất, Pô-li-đa-mát coi đó là một điềm gở báo trước cuộc tiến công của quân Tơ-roa sẽ thất bại, bèn can ngăn Héc-to. Nhưng Héc-to nổi giận mắng Pô-li-đa-mát:

"... Chúng ta chỉ nên đặt niềm tin của chúng ta vào ý chí của thần Dớt vĩ đại là vị thần cai quản mọi người trần và các vị thần. Chỉ có một sự thật, một điềm báo tốt lành là hãy bảo vệ quê hương của mình. Còn người, tại sao người lại sợ chiến tranh và cảnh chém giết? Chúng ta rồi ra có thể tất cả đều bị giết chết bên cạnh những chiến thuyền của những người Ác-gốt: Lúc đó người chẳng còn gì để lo sợ cho cuộc sống của người nữa vì trái tim người không thể chịu đựng được đến mức như thế cảnh chém giết và chiến trận! Đây người hãy thử tìm cách lánh xa cuộc chém giết đi hoặc lung lạc những người khác bằng lời lẽ để họ từ bỏ cuộc chiến đấu đi! Tức khắc ta sẽ đánh người ngay, người sẽ bị giết chết ngay!..." (XII, 240 - 250).

Như vậy rõ ràng là trong cuộc chiến tranh Tơ-roa mỗi bên tham chiến đều coi cuộc chiến đấu của mình là chính đáng. Đây không phải là "lý luận" của tầng lớp trên bịa đặt ra để lôi kéo quần chúng. Đây là lý tưởng của toàn dân trong cái tập thể "chúng ta" của cuộc chiến tranh cướp bóc thời kỳ bộ lạc.

Nhân đây chúng ta nói thêm một vài nét về nhân vật Héc-to:

Là một dũng tướng cầm đầu quân Tơ-roa trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, thành trì, Héc-to là người tượng trưng, người tiêu biểu cho lý tưởng chiến đấu của quân Tơ-roa. Qua hai dẫn chứng kể trên, ta thấy Héc-to là một vị tướng đã hơn ai hết biết gắn bó cái riêng của mọi người, vợ con, gia đình, nhà cửa, tài sản vào cái chung của cuộc chiến đấu. Cũng với tinh thần gắn bó cái riêng vào cái chung như vậy, Héc-to đã khước từ những lời khuyên nhủ yếu đuối của vợ mình, nàng Ăng-đrô-mác, bằng những lời lẽ đạt lý thấu tình:

"... Tất cả những điều đó, như nàng, ta đây đã nghĩ tới. Nhưng nếu như một thằng hèn nhất ta lẫn trốn không ra trận thì ta thật vô cùng xấu hổ trước mặt những người đàn ông và đàn bà Tơ-roa mặc áo dài tha thướt. Và chẳng trái tim ta cũng không muốn thúc đẩy ta làm như vậy vì ta đã quen bao giờ cũng anh dũng chiến đấu ở hàng đầu quân Tơ-roa để giành được một vinh quang vô tận cho cha ta và cho bản thân ta. Chính ta đây, từ trong tâm hồn và trái tim, ta cũng biết chắc chắn một ngày kia thành I-li-ông thần thánh và Pri-am cùng với thần dân của Pri-am có ngọn lao tốt, thế nào cũng sẽ bị tiêu diệt. Nhưng điều khiến ta lo ngại nhiều nhất sau này không phải là lo cho người Tơ-roa, cho ngay cả Hê-cuýp và lão vương Pri-am cùng với đàn em trai của ta rồi đây sẽ anh dũng ngã xuống la liệt trong cái bụi dưới mũi lao của quân thù. Ta chỉ lo ngại nhất cho nàng sẽ có ngày nàng bị một người

A-kê-en nào đó mặc áo giáp đồng giải đi, nước mắt đầm đìa, tước đoạt mất của nàng cuộc đời tự do.

Có thể rồi đây ở Ác-gốt nàng sẽ phải dệt vải cho người khác, có thể nàng sẽ phải đi lấy nước ở sông Mét-xê-ít hoặc Hi-pê-rê, chịu đựng muôn vàn nỗi cơ cực bởi vì một số mệnh tàn nhẫn đã đè nặng lên cuộc đời nàng. Và rồi một ngày nào đó thì thấy nàng than khóc, người ta sẽ bảo, "Vợ của Héc-to đấy! Hồi còn đánh nhau ở thành I-li-ông anh ta là người chiến sĩ lấy lòng nhất trong những người To-roa luyện thuần ngựa cái, đấy!"⁽¹⁾ Người ta sẽ nói như vậy và đó là một nỗi đau xót mới đối với nàng bởi vì nàng đã mất đi một người hơn ai hết có thể bảo vệ cho nàng thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Ôi! Thà ta chết đi còn hơn! Mong sao cho đất đen trải khắp và phủ kín trên mình ta trước khi tai ta nghe thấy tiếng nàng kêu khóc và mắt nhìn thấy nàng bị bắt làm nô lệ và bị áp giải đi!..." (VI, 440 - 466)⁽²⁾

Trước khi bước vào trận chiến đấu một mất một còn với A-khin, Héc-to có lúc đã do dự và có ảo tưởng vào thiện chí của A-khin. Nhưng chàng đã kịp thời xoá bỏ ý nghĩ ấy (Hô-me-rơ đã diễn tả tâm trạng của Héc-to đoạn này như một nhà văn hiện đại miêu tả nội tâm của nhân vật trong hình thức đối thoại):

"... Nhưng sao ta lại nghĩ đi nghĩ lại như vậy nhỉ?

(1) dompteurs de cavales.

(2) I-li-át, Nxb Văn học Hà-nội, tr. 66 - 67, 1966.

Ta không nên van xin hắn, hắn sẽ không thương xót ta mà cũng chẳng kính nể gì ta. Nếu ta rời bỏ khí giới thì hắn sẽ giết ta như giết một mục đàn bà. Bây giờ không phải là lúc nói với hắn những chuyện từ đời xưa đời xưa, từ đời cây sồi và hòn đá như các chàng trai và các cô gái trò chuyện với nhau - như các chàng trai và cô gái trò chuyện với nhau⁽¹⁾. Tốt hơn hết là hãy thanh toán cuộc xung đột này bằng cách mau gặp nhau đọ sức..." (XXII, 120 - 129)⁽²⁾.

Cuối cùng Héc-to "đọ sức với A-khin" và "Chết vinh quang trước cổng thành". Chàng đã làm tròn nghĩa vụ của một người chiến sĩ, một vị tướng trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước. Hec-to là người anh hùng của nhân dân, tiêu biểu cho lòng yêu quê hương đất nước, cho tinh thần biết xả thân vì nghĩa lớn, vì lợi ích chung. Nếu A-khin đã được Biê-lin-xki nhận định là, "một tổng thể những sức mạnh ưu tú của nhân dân", thì chúng ta cũng có thể mượn lời của Biê-lin-xki để nhận định về Héc-to như vậy.

*

* *

Chiến tranh dưới con mắt của Hô-me-rơ là như vậy. Cũng như các nghệ nhân dân gian của thời đại, ông

(1) Đây là một phong cách của sử thi Hy-lạp gọi là "e-pa-na-lép-dơ" tức "láy lại".

(2) I-li-át, Nxb Văn học, Hà nội, tr. 123-124, 1966.

thừa nhận chiến tranh Tư-roa như một điều tiền định, tất yếu, đồng thời ông cũng thừa nhận chủ nghĩa anh hùng, tinh chính đáng, hợp đạo lý của cả hai bên tham chiến là tất yếu. Như vậy còn lại là vấn đề chủ nghĩa nhân đạo. Khi một cuộc chiến tranh không được phân tích bằng quan điểm xã hội - chính trị, nghĩa là không có ánh sáng của một cách nhìn khoa học để tìm ra động cơ và mục đích của những bên tham chiến đang phân biệt được tính chất chính nghĩa hay phi nghĩa của chiến tranh thì đương nhiên chủ nghĩa nhân đạo vốn vừa là phương tiện, vừa là nội dung, mục đích của văn học sẽ không có mục tiêu chính trị cụ thể. Nói một cách khác, chủ nghĩa nhân đạo trong trường hợp này sẽ thay thế mục tiêu chính trị, lý tưởng chính trị. Và như vậy nó sẽ là chủ nghĩa nhân đạo chung chung, trừu tượng. Trong trường hợp này nó không còn con đường nào khác là đem đối lập đơn thuần cuộc sống và cái chết về mặt thể xác, đối lập cái bi với cái cao cả, cái anh hùng trong chiến tranh một cách giản đơn, không biện chứng, đối lập giữa được và mất trong chiến tranh một cách hẹp hòi và thiên cận. Tóm lại nó sẽ dẫn người ta đến kết luận: Chiến tranh nói chung là đối lập với chủ nghĩa nhân đạo, là bài trừ chủ nghĩa nhân đạo. Thế thì chủ nghĩa nhân đạo trong trường ca "I-li-át" có dẫn chúng ta đi đến cái kết luận chống chiến tranh nói chung không?

Một số nhà nghiên cứu coi chủ nghĩa nhân đạo của Hô-me-rơ như là một thái độ chống chiến tranh nói

chung, thường căn cứ vào những đoạn nhà thơ miêu tả những cảnh chết chóc bi thảm, hoặc những đoạn miêu tả những nỗi tiếc thương đau xót đối với những chiến sĩ tử trận coi đó là những bằng chứng có nhiều sức thuyết phục nhất cho ý kiến mình. Những đoạn thơ thường được trích ra để minh hoạ là cảnh Héc-to từ giã vợ và con, cảnh gia đình Hec-to than khóc khi được tin chàng tử trận v.v...

Chiến tranh đương nhiên là có những đau thương mất mát. Nhưng không phải bất cứ sự thể hiện nỗi đau thương mất mát nào trong chiến tranh cũng có ý nghĩa chống chiến tranh. Trong đoạn thơ miêu tả cảnh Héc-to từ giã vợ và con ở khúc ca VI rõ ràng không phải chỉ có nỗi lo lắng rất thường tình của một người vợ và còn có nỗi lo lắng rất cao cả, rất anh hùng của một người chồng - chiến sĩ, là một vị tướng đảm đương một trách nhiệm lớn đối với quân đội và thắng bại của cuộc chiến tranh. Và như chúng ta đã biết, Hec-to đã không nghe theo lời khuyên nhủ yếu đuối của Ăng-đrô-mác, ở lại trong thành. Chàng đã không như Từ Hải:

"Nghe lời nàng nói mặn mà

Thế công Từ mới trở ra thế hàng".

Chàng ra chiến trường với một sự hiểu biết rõ ràng về mục đích của mình, với đầy đủ ý thức trách nhiệm của mình. Nếu chúng ta so sánh những tác phẩm văn học chống chiến tranh đế quốc như cuốn tiểu thuyết

"*Khói lửa*" của nhà văn Pháp Hăng-ri Béc-buy-xơ hay cuốn "*Phía Tây không có gì lạ*" của nhà văn Tây Đức Rơ-nê Mác với trường ca "*I-li-át*" thì chúng ta thấy nổi bật lên một điều: các nhà văn đó có dụng ý miêu tả, tô đậm những cái bi thảm, những nỗi khủng khiếp của chiến tranh cùng với tâm trạng chán chường, không hiểu rõ mục đích của cuộc chiến tranh hoặc sự cảm thấy tính chất vô nghĩa của nó trong tâm hồn những người lính. Trong những cuốn tiểu thuyết đó chỉ có cái bi mà không có cái cao cả, cái anh hùng, chỉ có chủ nghĩa nhân đạo mà không có chủ nghĩa anh hùng. Ngược lại ở "*I-li-át*" chúng ta thấy nổi bật lên một chủ nghĩa anh hùng toàn dân, chủ nghĩa anh hùng tập thể của cả hai bên tham chiến. Những người To-roa hay những người Hy-lạp đều hiểu rất rõ mục đích cuộc chiến đấu của mình.

Những đoạn miêu tả nỗi đau thương và tổn thất trong chiến tranh ở bản trường ca "*I-li-át*" với nội dung nhân đạo của nó còn gắn với một vấn đề thuộc về kỹ thuật của truyền thống sử thi. Rõ ràng là không phải chỉ có những đoạn đó tác giả mới miêu tả tỉ mỉ cụ thể khiến người đọc có ấn tượng mạnh mẽ và xúc động sâu sắc mà nói chung toàn bộ cách miêu tả của sử thi là như thế, là tỉ mỉ và cụ thể. Vì miêu tả tỉ mỉ, cụ thể như thế cho nên đương nhiên là những đoạn miêu tả tỉ mỉ, cụ thể về những nỗi đau đớn, xót thương, tổn thất của con người, về cái chết của con người làm chúng ta - con người - xúc động. Chúng ta cho rằng đây là vấn đề truyền thống và đặc điểm của kỹ thuật

sáng tác sử thi chứ không phải là vấn đề khuynh hướng tư tưởng (vì có tư tưởng chống chiến tranh nên mới miêu tả cái bi trong chiến tranh tỉ mỉ, cụ thể như thế).

Cũng nằm trong vấn đề truyền thống và đặc điểm của kỹ thuật sáng tác sử thi là các bài than ca tang lễ mà tiếng Hy-lạp gọi là *tơ-rê-nốt* (threnos)⁽¹⁾. Đây là những bài than khóc hoặc kể lể nỗi đau thương mất mát được sử dụng trong lễ tang bên thi hài người quá cố. Do nhu cầu của nghi thức lễ tang này nên ở Hy-lạp đời xưa đã hình thành những người chuyên làm nghề "khóc thuê". Chúng ta có thể thấy dấu vết của phong tục này trong lễ tang Héc-to:

"... Họ đưa Héc-to vào trong cung điện lộng lẫy của chàng. Họ đặt chàng nằm trên một chiếc giường chạm trổ. Chung quanh giường họ sắp xếp những ca sĩ⁽²⁾, những ca sĩ hát gọi rất thành thạo bài than ca tang lễ (tơ-rê-nốt) và chính họ với giọng xót thương ai oán cất lên tiếng ca, trong khi đó những người phụ nữ đáp lại họ bằng những tiếng khóc nức nở. Tiếp theo là nàng Ăng-đrô-mác có cánh tay trắng muốt trong đám phụ nữ đến lần mình cất tiếng khóc than. Nàng ôm lấy đầu Héc-to kẻ sát nhân, kẻ lể..."(XXIV, 720 - 724)⁽³⁾

(1) Tiếng Pháp và tiếng Nga có trường hợp phiên âm là "Tơ-ren" (thrène).

(2) Chanteur, aède.

(3) I-li-át, nxb. Văn học Hà nội, tr. 166-167

Những tư-rê-nốt hình thành từ lâu trong đời sống nhân dân, trải qua một quá trình phát triển đã được cố định hóa, phân loại hóa thành từng bài với nội dung riêng biệt. Nó tồn tại như một thể loại riêng biệt của folklore cho đến thế kỷ thứ VI trước công nguyên nó trở thành một thể loại văn học độc lập như thể thơ ô-đơ hoặc ê-lê-gi v.v... Thể loại tư-rê-nốt này hiện nay chúng ta chỉ còn lưu giữ được một số đoạn rời rạc do nhà thơ Panh-đa-rơ sáng tác.

Anh hùng ca đã thu nạp tư-rê-nốt vào mà không phải tuyển lựa khó khăn gì nhiều lắm. Những công trình folklore- học so sánh của các nhà nghiên cứu trên thế giới đã chỉ cho chúng ta thấy sự gắn gũi giữa những bài thán ca tang lễ, bài khóc, bài kể, (với tư cách là một thể loại riêng biệt) với những đoạn than khóc kể lễ của các nhân vật anh hùng ca. Một trong những mô-típ chung rất phổ biến ở các bài thán ca tang lễ mà các nhà nghiên cứu đã chỉ ra là mô-típ đưa trẻ mồ côi đói khát bị đuổi khỏi bàn tiệc của những người thân thích. Chúng ta thấy mô-típ này trong lời than khóc của Ăng-đrô-mác khi được tin Héc-to tử trận (XII, 490-498). Ngay cả trong đoạn Ăng-đrô-mác khuyên chồng ở khúc ca VI, chúng ta cũng thấy dấu vết của những mô-típ vốn có của những bài thán ca tang lễ.

Trong trường ca "I-li-at" trừ cảnh ông già Pri-am xin chuộc xác con thì có thể nói những đoạn gây xúc động mạnh nhất tới người đọc là cảnh gia đình Héc-to

khóc than khi được tin chàng tử trận (XII, 405 - 515) và cảnh khóc than trong lễ tang của Héc-to (XXIV, 708 - 780). Chắc chắn là từng đoạn, từng bài khóc than của mỗi nhân vật là những *tơ-rê-nốt* được lắp ghép vào. Việc lắp ghép này như đã nói ở chương trên vốn là đặc điểm của kỹ thuật biểu diễn - ứng tác sử thi của những nghệ nhân dân gian a-e-đơ. Vì thế, nếu không chú ý tới đặc điểm này vốn là một việc làm có phần nào máy móc của kỹ thuật biểu diễn - ứng tác sử thi và kết luận rằng những cảnh khóc than bi thảm, ai oán trong trường ca "*I-li-át*" chứa đựng một nội dung tư tưởng lên án chiến tranh nói chung thì có lẽ chưa đủ sức thuyết phục khoa học.

Chính do kỹ thuật lắp ghép có tính chất máy móc nói trên cho nên người đọc chúng ta ngày nay cũng như các nhà phê bình cổ đại thời trước đều cảm thấy cái số phận của đứa trẻ mồ côi A-xchi-a-nắc, con của Héc-to, mà Ăng-đrô-mác đã kể lể ra trong khi khóc chồng có điều gì không hợp, không thật⁽¹⁾.

(1)... Và chàng chẳng phải là nơi nương tựa cho nó, Héc-to chàng ơi! giờ đây chàng chẳng còn nữa và nó cũng sẽ chẳng là nơi nương tựa của chàng. Nếu nó thoát khỏi cuộc chiến tranh suốt nguồn của nước mắt mà những người A-kê-en đã gây ra cho chúng ta thì tương lai của nó cũng sẽ chỉ là khổ đau và ảm đạm. Người ta sẽ cướp đất đai của nó. Ngày mà một đứa bé trở thành mồ côi thì cũng là ngày mà nó mất cả bạn bè cùng tuổi. Đứng trước mọi người, nó cúi đầu nhìn xuống, đôi má ướt đầm nước mắt. Vì đói khát, nó phải tìm đến những bạn bè của cha nó, kéo áo khoác người này, giật áo choàng người nọ... (XXII, 485 - 500) (*I-li-át*). Nxb Văn học, Hà-nội 1966), tr. 139 - 140.

Có thể nào một đứa bé, con của một nhà quý tộc, cháu của một vị vua, lại rơi vào một số phận cô đơn tủi nhục đến như thế! Điều này lại càng xác nhận hơn nữa đặc điểm của kỹ thuật biểu diễn - ứng tác sử thi là kỹ thuật lắp ghép các "câu kiện" có sẵn, lại càng xác nhận hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa "I-li-át" với folklore. Đúng như lời I.M. Tơ-rôn-xki nhận xét: *"I-li-át rất gần gũi với thơ ca dân gian và nó còn lưu giữ được những mô-típ của các bài thần ca tang lễ trong truyền thống nghi lễ..."*⁽¹⁾

Chúng ta tiếp tục phân tích một sự kiện nữa để thấy rõ vấn đề hơn:

Trong khúc ca II có đoạn thuật lại việc a-ga-men-nông muốn thử tình thân binh sĩ, vờ ra lệnh bãi bỏ cuộc vây đánh thành Tơ-roa cho quân sĩ về nước. Không ngờ quân Hy-lạp tưởng thật hò reo mừng rỡ, âm âm kéo thuyền xuống biển. Nữ thần A-tê-na phải cấp báo ngay cho Uy-li-xơ biết tin này và Uy-li-xơ đã kịp thời ngăn cản cái hành động không xứng đáng ấy của quân Hy-lạp. Toàn quân Hy-lạp nghe theo lời Uy-li-xơ trở lại hội nghị. Lúc này chỉ còn Têc-di-tét là mất trật tự. Y đứng lên đả kích A-ga-men-nông, vạch trần tính tham lam độc ác của vị chủ tướng, rồi kêu gọi mọi người hồi hương phản chiến. Đoạn này ta thấy hình như những lời lẽ tố cáo, đả kích của

(1) I.M. Tơ-rôn-xki. *Lịch sử văn học cổ đại*, tr. 33, Nxb Lê-nin-grát 1957 (tiếng Nga).

Téc-di-tét là đúng sự thật và việc Téc-di-tét kêu gọi mọi người hồi hương phản chiến xem ra rất hợp lý, hợp tình. Song Téc-di-tét không được ai hưởng ứng và lại bị Uy-li-xơ trấn áp ngay tức khắc và toàn quân Hy-lạp biểu lộ một thái độ vui mừng, đồng tình với hành động của Uy-li-xơ.

Sau khi đánh Téc-di-tét, bắt hẳn phải im, Uy-li-xơ kêu gọi toàn thể binh sĩ. A-kê-en tiếp tục chiến đấu cho đến khi hạ được thành Tơ-roa. Lời kêu gọi được toàn thể quân sĩ đồng thanh hô lớn, nhất trí tán thưởng.

Như vậy qua những dẫn chứng kể trên, ta có thể kết luận chắc chắn rằng, nội dung của "*I-li-át*" không hề mang tư tưởng chống chiến tranh nói chung, lên án chiến tranh nói chung. Việc miêu tả Téc-di-tét có một hình dáng quái dị⁽¹⁾ Lung gù chân thọt càng cho chúng ta thấy rõ hơn nữa ý định của tác giả cũng như khuynh hướng tư tưởng của tác phẩm⁽²⁾.

Nghiên cứu bản trường ca "*I-li-át*", khẳng định có một chủ nghĩa nhân đạo, tinh thần nhân đạo thấm nhuần trong tác phẩm, chúng ta mới chỉ rút ra được một cái kết luận giản đơn nhất, tối thiểu nhất. Nhưng vấn đề không phải và không thể dừng lại ở đó. Điều chủ yếu và quan trọng hơn, cần thiết hơn, đối với

(1) Ngay cái tên Téc-di-tét cũng là một cái tên xấu. Theo tiếng Hy-lạp "Téc-di-tét" nghĩa là "trơ tráo" "vô liêm sỉ"

(2) *I-li-át*. Nxb Văn học. Hà-nội, 1966, tr.47 - 52

chúng ta là xác định nội dung của chủ nghĩa nhân đạo đó, tìm ra cái gì là điều chủ yếu, cái gì là điều cơ bản không thể không nói đến, không thể không đề cập đến nó ở hàng đầu.

Khẳng định chủ nghĩa nhân đạo trong "*I-li-át*" trước hết là khẳng định cái khát vọng, cái ý chí của con người - nhân loại - muốn thoát khỏi thời đại dã man để bước sang thời đại văn minh. Và cái khát vọng này, cái ý chí này đã được thể hiện bằng chủ nghĩa anh hùng toàn dân, tập thể trong cuộc viễn chinh cướp phá thành Tơ-roa của những liên minh bộ lạc Hy-lạp. Tuy nhiên và đây là điều rất quan trọng, trong khi thể hiện cuộc chiến tranh, đứng trên mảnh đất của thế giới quan thần thoại của chế độ công xã thị tộc, Hô-me-rơ một mặt thừa nhận tính tất yếu định mệnh của cuộc chiến tranh, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng tập thể, toàn dân của người Hy-lạp; một mặt phê phán thói dã man của chủ nghĩa anh hùng đó đồng thời vạch ra một cách không tự giác những mầm mống, những nhân tố sẽ làm tan rã cái chủ nghĩa anh hùng tập thể, toàn dân đó. Đọc trường ca "*I-li-át*", chúng ta hẳn không thể nào đồng tình với hành động trả thù rất dã man của A-khin và quân A-kê-en đối với thi hài Héc-to ⁽¹⁾. Hành động trả thù đó là cái bản năng

(1).. Nói xong A-khin rút cây lao đồng ra khỏi xác Héc-to đặt sang bên rồi tước bỏ vũ khí đầm máu ra khỏi vai chàng. Những người con trai của những người A-kê-en từ khắp nơi chạy đến. Họ ngắm

thú vật tàn bạo của những con người thuộc thời đại dã man. Bản năng đó đến giai đoạn này, giai đoạn ngưỡng cửa của thời đại văn minh, đã bị con người,

Hô-me-rơ, nhân loại, phát hiện ra, nhìn thấy như là một điều gì xấu xa, không xứng hợp với đạo đức. Điều phát hiện này quả là một bước tiến bộ lớn của con người. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là sự thức tỉnh của tâm hồn con người, sự chiến thắng của tính người đối với thú tính, sự chiến thắng của văn minh đối với dã man, của nhân đạo đối với tàn bạo. Thật là thú vị và đầy ý nghĩa biết bao khi cái thi hài của Héc-to trở thành một "vấn đề", trở thành "quả táo của sự bất hoà" đối với các vị thần trên đỉnh Ô-lanh-pơ, khiến các vị thần phải tranh cãi, và tranh cãi đến chín

nghĩa thân hình và vẻ đẹp đáng mong muốn của chàng Héc-to. Không một ai trong họ đến gần mà không đâm cho chàng một nhát rồi nhìn người bên cạnh mà nói... (XXII, 370 - 372) (*I-li-át*, Nxb Văn học. Hà-nội 1961, tr. 135) A-khin nói vậy và chàng tính toán một số phận nhục nhã đối với Héc-to thần thánh. Chàng chọc thủng những dây gân ở phía sau chân Héc-to quăng giữa gót và mắt cá; xỏ dây da vào đấy, buộc vào chiến xa, còn để đầu kéo lê dưới đất. Thế rồi chàng cầm lấy những vũ khí danh tiếng bước lên xe quất ngựa chạy và những con ngựa sung sức hăng hái phóng như bay. Một đám mây bụi bốc lên quanh xác chết bị kéo lê, mai tóc đen của Héc-to xoã xuống, đầu bị dằm trong cát bụi - cái đầu xưa kia rất đáng yêu mà giờ đây bị Dớt trao vào tay những kẻ thù của Héc-to để chúng thả sức làm nhục nó trên mảnh đất của quê hương Héc-to (XXII, 395 - 405) (*I-li-át*, Nhà xuất bản, Văn học. Hà Nội, 1966 tr. 136).

ngày trời! Cuối cùng phải đích thân "Ngọc hoàng thượng đế!" - Dớt đứng ra giải quyết: triệu nữ thần Thê-ti-xơ, mẹ A-khin tới, ra lệnh cho Thê-ti-xơ phải bảo A-khin chấm dứt ngay cái hành động trả thù man rợ đó, cái hành động đã khiến các vị thần trên thiên đình nổi giận, và chính Dớt là vị thần phần nọ hơn hết.

Cảnh ông già Pri-am đến doanh trại A-khin xin chuộc xác con thật đáng cay và đau xót. Nhưng cũng thật sâu sắc và đầy ý nghĩa biết bao khi A-khin trước nỗi bất hạnh của ông già Pri-am, xúc động khóc nhớ thương cha mình, bạn mình. Ở cái con người mà chúng ta tưởng chừng như chỉ biết có chém giết và trả thù, trái tim rần lạnh không còn chút xót thương, ngờ đâu lại có thể xúc động, thông cảm với cảnh ngộ éo le và cay đắng của một ông già, một ông già thuộc tập thể "chúng nó"! một lần nữa tính người lại chiến thắng thú tính, văn minh lại chiến thắng dã man, nhân đạo lại chiến thắng bạo tàn. Lần trước trên thiên đình, lần này dưới trần thế.

Cái gì đã là nguyên nhân dẫn đến sự chiến thắng đó của văn minh, của chủ nghĩa nhân đạo? Đó là lợi ích vật chất. En-ghen đã viết về những cuộc chiến tranh bộ lạc như sau: *"... người ta tiến hành chiến tranh với một mức độ tàn bạo khiến cho con người khác các động vật khác, và chỉ sau này sự tàn bạo đó*

mới được lợi ích vật chất làm cho dịu bớt đi...⁽¹⁾. Chính vì lợi ích vật chất, nghĩa là sản xuất của xã hội thị tộc đã phát triển đến một mức độ nào đó, để có một số của cải dư thừa, thì mới có thể trong chiến tranh, kẻ thắng trận không giết tù binh nữa mà nuôi để sử dụng sức lao động hoặc đổi lấy của chuộc; còn kẻ bại trận thì cũng có của để đem đi chuộc lại những thành viên của mình. Thật chẳng phải ngẫu nhiên mà mở đầu thiên trường ca "I-li-át" là chuyện ông già tư tế Cri-dét xin chuộc người con gái Cri-dê-ít bị A-g-men-nông bắt làm nữ tỳ và kết thúc thiên trường ca là chuyện ông già Pri-am xin chuộc xác con. Ngay đến thần Dớt cũng rất quan tâm đến lợi ích vật chất! Thần đã bày tỏ ý mình một cách rất chất phác và thành thực với Hê-ra: Héc-to là người được thần mến yêu nhất vì Héc-to không bao giờ quên dâng cúng những lễ vật mà thần ưa thích! Thần cũng như người trong xã hội thị tộc chưa biết đến cái thói giả dối, đạo đức giả, vốn là sản phẩm của nền văn minh tư hữu và có giai cấp sau này.

Tuy nhiên không phải tất cả chỉ là lợi ích vật chất. Trong quá trình lao động tập thể, đấu tranh tập thể để sinh tồn, con người ngày càng tách mình khỏi cái lốt thú của nó, ngày càng có những mối liên hệ với

(1) En-ghen - *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 144.

đồng loại phong phú hơn, tốt đẹp hơn, do đó phát triển được cái bản chất người, cái tính người của mình.

Lợi ích vật chất đã làm cho con người bớt dã man đi nhưng lợi ích vật chất cũng làm cho con người mắc phải những thói dã man mới. *"Những của cải của những kẻ láng giềng - Engchen viết - kêu gọi lòng tham lam của các bộ tộc, trong đó việc chiếm được của cải tuồng như đã trở thành một trong những mục đích quan trọng của cuộc sống. Đó là những người dã man: cướp bóc đối với họ hình như dễ dàng hơn, và thậm chí còn vinh dự hơn là lao động sáng tạo..."*⁽¹⁾. Ở đây cái mặt trái của lợi ích vật chất đã như một dung dịch a-xít ăn mòn, làm lỏng lẻo dần cái tổ chức thị tộc. Trong cái ánh sáng ban mai mờ nhạt của thời đại văn minh, chúng ta đã thấy thấp thoáng những biểu hiện đầu tiên của những thói dã man mới ấy mà sau này nó ngày càng phát triển đến nỗi một nhà viết hài kịch ở La-mã cổ đại phải kêu lên rằng: *"Người là chó sói đối với người..."*⁽²⁾

Vì lợi ích vật chất nên đã xảy ra câu chuyện bất hoà giữa A-khin và A-ga-men-nông. Vì lợi ích vật chất nên đã xuất hiện bên *"A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình"* *"A-ga-men-nông người chặn dắt mọi người"* những tiếng mới: *"... Đồ có trái tim đầy vô liêm sỉ chỉ biết có hám lợi mà thôi!"* hoặc.. *"đồ ăn thịt dân..."* hoặc *"tham lam quá độ"*. Và cũng vì lợi ích vật

(1) En-ghen - *Nguồn gốc gia đình...* tr. 248.

(2) Prô-tơ, hài kịch *"Con lừa"* (A-da-na-ri-a).

chất nên đã xảy ra cái tình trạng nhà tiên tri Can-cát không dám nói thẳng sự thật ra ngay, mà phải đòi A-khin thể hứa che chở, bảo vệ cho mình trước đã, bởi lẽ:

"... Nói ra, tôi (Can-cát - N.V.K) e sẽ làm tức giận một người có quyền thế hơn cả trong những người Ac-gốt, một người được binh sĩ A-kê-en răm rắp tuân theo. Khi một vị vua nổi giận với một kẻ hèn mọn⁽¹⁾ thì bao giờ nhà vua cũng giành phần thắng. Dù ngày hôm ấy vua có nuốt giận làm lành thì trong thâm tâm nhà vua cũng găm giữ mối thù cho đến khi nào trả được mới thôi..." (II, 78 - 81)⁽²⁾.

Bên cái cảnh "trong bữa tiệc bình đẳng không ai thiếu phần vui hết thấy" lại có cảnh "kẻ ở lại doanh trại với người mang tất cả tâm hồn của mình ra chiến đấu cũng được chia phần bằng nhau, kẻ hèn nhất với người anh dũng cũng được đánh giá như nhau..." hoặc "bao nhiêu của cải thu được, hấn (A-ga-men-nông - N.V.K) chia ra thì ít mà giữ lại thì nhiều...".

Những hiện tượng trên đây là những vết nứt rạn đầu tiên của chế độ công xã thị tộc. Trong lòng xã hội thị tộc đã hình thành một quan hệ bất bình đẳng, một quan hệ phân phối mới không công bằng, không đúng với truyền thống đạo đức của chế độ thị tộc. A-khin nổi giận bất bình không phải vì tình yêu của chàng

(1) Vilain.

(2) I-li-át, Nxb. Văn học, Hà-nội, 1966, tr 19.

với người nữ tỳ Bri-dê-ít bị A-ge-men-nông phá hoại, cướp đoạt. Nếu hiểu như thế thì hiện đại hoá quá mức! A-khin nổi giận vì A-khin đã không được đối xử đúng như luật lệ của truyền thống thị tộc. Ở đây ta thấy xuất hiện ý thức về cái "tôi" trong cái tập thể "chúng ta". Chính cái "tôi" đã đẩy A-ga-men-nông đến việc tước đoạt nàng Bri-dê-ít của A-khin và cũng chính cái "tôi" đã xúi giục A-khin phản kháng và tách biệt khỏi cái tập thể "chúng ta" đang chiến đấu. Cái "tôi" còn phát biểu nguyện vọng của nó một cách lộ liễu hơn, tàn nhẫn hơn trong trường hợp A-khin can đảm Pa-tơ-rô-clơ trước khi xuất trận:

"... Khi bạn đã đuổi quân địch chạy xa khỏi các chiến thuyền thì bạn hãy quay trở về ngay và nếu như người chống uy danh lừng lẫy của Hê-ra có cho bạn giành tiếp được một vinh quang khác nữa thì bạn phải dẹp đi cái khát vọng chiến đấu không có ta tham dự chống lại quân To-roa hiếu chiến: điều đó sẽ làm giảm bớt vinh quang của ta..." (XVI, 85 - 90).

và trong lời A-khin cầu khẩn thần thánh:

"... Ôi hỡi phụ vương Dớt! Hỡi nữ thần A-tê-na! Thần A-pô-lông! Xin trời hãy phù hộ cho không một người To-roa nào, dù cho họ đông đúc đến bao nhiêu chẳng nữa thoát chết, không cả một người Ác-gốt nào nữa thoát chết. Và phù hộ cho chỉ có hai chúng tôi thôi sống sót trong cảnh hoang tàn, để chỉ có hai chúng

tôi thôi kéo giắt tấm khăn thần thánh phủ trùm trên vầng trán của thành To-roa...⁽¹⁾ (XVI, 97 - 100)

Cái "tôi" đã hình thành trong cuộc xung đột giữa tập thể "chúng ta" và tập thể "chúng nó", và ở đây qua những trường hợp kể trên ta thấy nó, như lời nhận xét của Gor-ki, "biệt lập với những sức mạnh tinh thần của tập thể. Đó là lúc - Gorki nói tiếp - khởi đầu sự phát triển của cá tính và cái ý thức bản ngã mới, đó chính là màn đầu của tấn bi kịch của chủ nghĩa cá nhân..."⁽²⁾

*

* *

Lợi ích vật chất đã làm cho con người bớt dã man đi nhưng lợi ích vật chất cũng làm cho con người mắc phải những thói dã man mới, làm cho con người mâu thuẫn, chia rẽ, gây ra những hiện tượng không thật gần bó, đồng tâm nhất trí trong nội bộ thị tộc, bộ lạc. Nhưng lúc này đây mọi việc đều được giải quyết êm thấm theo truyền thống đạo đức của thị tộc và tinh thần hoà giải. Cầm tức A-ga-men-nông, A-khin đã rút kiếm ra khỏi vỏ, những toan lầy máu rửa hờn thì kịp thời nữ thần A-tê-na đến can ngăn. Và nữ thần chẳng

(1) Những nhà thơ Hy-lạp thường ví những bức tường thành như cái mũ giữ tấm khăn trùm đầu của người phụ nữ.

(2) M. Gor-ki - *Bàn về văn học*, tập I, tr. 59. Nxb Văn học, Hà-nội, 1965.

phải tốn công mất sức gì cho lắm mới bảo được chàng dũng sĩ của chúng ta tra kiếm vào vỏ! Còn A-ga-men-nông sau đó ít lâu, khi quân Hy-lạp bị thua, đã chân thành nhận lầm lỗi của mình trước mặt ông già Ne-xto và nghe theo lời khuyên của ông, cử đoàn sứ giả đi thuyết phục A-khin. Thật là dân chủ và đầy tinh thần phục thiện! Chế độ thị tộc giải quyết mâu thuẫn nội bộ mới dễ dàng và êm đẹp làm sao! Có lẽ cái biện pháp chuyên chính đối nội ghê gớm nhất của thời đại dã man này là cái hành động bạo lực mà Uy-li-xơ áp dụng đối với Téc-di-tét: nện cho một cây vương trượng! Và cũng chỉ có một đòn vương trượng ấy thôi là giải quyết xong một khuynh hướng tư tưởng chống đối! Cái "ưu việt" của thời đại dã man, của chế độ thị tộc cũng là ở chỗ đó. Nhưng rồi chỉ hai ba thế kỷ sau mọi mâu thuẫn, mọi xung đột không còn được giải quyết dễ dàng, êm đẹp trong cái không khí anh hùng ca nữa. Thời đại mới, thời đại văn minh của chế độ tư hữu tài sản, của những đối kháng giai cấp và của "con đĩ - đồng tiền" mọi mâu thuẫn xung đột phải giải quyết bằng những cuộc đấu tranh căng thẳng, phức tạp đầy tính bi kịch.

Như vậy, trong khi khẳng định những giá trị nhân đạo của bản trường ca "*I-li-át*", chúng ta không nên quá nhấn mạnh và đề cao những tình cảm xót xa thương tiếc, thông cảm của tác giả đối với những người chiến sĩ tử trận và cảnh ngộ bất hạnh của những thân nhân của họ để đem đối lập hoặc vô hình trung đối

lập nó với cuộc chiến tranh và chủ nghĩa anh hùng tập thể, toàn dân của những liên minh bộ lạc Hy-lạp. Làm như thế, chúng ta sẽ rơi vào một mâu thuẫn không thể nào giải quyết nổi. Có thể nào tìm được sự nhất quán trong việc một mặt chúng ta vừa ngợi ca, biểu dương nhân vật A-khin và những lý tưởng anh hùng trong cuộc chiến tranh, còn một mặt thì chúng ta lại coi những nỗi đau thương mất mát trong chiến tranh là một sự tố cáo, lên án chiến tranh nói chung?

Tất cả những hiện tượng như chúng ta đã biết, như việc A-ga-men-nông cướp đoạt người nữ tỳ Bri-dê-it của A-khin... A-khin từ bỏ cuộc chiến đấu... Téc-di-tét kêu gọi mọi người hồi hương phản chiến, tố cáo A-ga-men-nông tham lam... chỉ nói lên một điều là nhà thơ đã phản ánh trung thành hiện thực và biểu lộ một thái độ phê phán đối với tầng lớp thủ lĩnh quân sự đang ngày càng biến chất từ *"người đẩy tớ ban đầu biến dần thành người chủ"* đang lợi dụng chức vụ và sự tín nhiệm của tập thể để *"ăn cắp của chung làm của riêng"*, đang *"biệt lập với những sức mạnh tinh thần của tập thể"*.

Tuy nhiên những hiện tượng đó trong bản trường ca chỉ là thứ yếu hoặc đã bị phủ định (A-ga-men-nông nhận ra lầm lỗi, A-khin trở lại chiến trường, Téc-di-tét bị đánh và bị chế nhạo...) Nó hoàn toàn không thể nào che lấp được dòng thác hùng vĩ, đẹp đẽ tuyệt vời của chủ nghĩa anh hùng tập thể, toàn dân của chế độ công

xã thị tộc. Bởi vì đây mới chỉ là màn đầu của tấn bi kịch của chủ nghĩa cá nhân và như En-ghe-nơ nói, chế độ thị tộc tuy đã tan rã nhưng sức sống của nó còn mạnh mẽ⁽¹⁾.

*

* *

Trong cuộc chiến tranh Tơ-roa mỗi bên tham chiến đều giải thích lý do chiến đấu của mình bằng quan điểm luân lý của cái tập thể "chúng ta" đối lập với tập thể "chúng nó", và rõ ràng là nhà thơ Hô-me-rơ đứng về phía những người A-kê-en: quân A-kê-en chỉ bị chết có 53 dũng sĩ, còn quân Tơ-roa thì bị chết 183 người. Quân A-kê-en không hề bị mất một danh tướng kiệt xuất nào (Pa-tơ-rô-clơ là không đáng kể) còn quân Tơ-roa bị một tổn thất to lớn: dũng tướng Héc-to, vị anh hùng cầm đầu quân đội Tơ-roa bị A-khin giết.

Những dẫn chứng đó mặc dù phản ánh tình cảm của nhà thơ đối với quân Hy-lạp nhưng sự thật khách quan của tác phẩm vô hình trung lại hướng tình cảm của người đọc chúng ta ngày nay về phía quân Tơ-roa, gợi lên trong chúng ta mối đồng cảm, niềm xót thương, và lòng khâm phục đối với quân Tơ-roa mà tiêu biểu là dũng tướng Héc-to. Những hành động xấu xa, vô đạo đức của Pa-rít như thế nào, điều đó thuộc về quá khứ, tác phẩm không miêu tả, chúng ta biết nhưng chúng ta không cảm xúc do đó không có gì gợi lên

(1) En-ghe-nơ Nguồn gốc của gia đình... tr, 159.

trong tình cảm chúng ta một thái độ căm ghét hoặc khinh bỉ để đi đến thái độ đồng tình với cuộc viễn chinh trừng phạt của quân Hy-lạp nhằm đòi lại nàng Hê-len và khôi phục danh dự đã bị xúc phạm. Trước mắt chúng ta, cụ thể, lúc này đây trong tác phẩm chỉ là một thành trì bị vây hãm, chỉ là một quân đội đang chiến đấu để bảo vệ đất nước của mình - một quân đội dưới sự chỉ huy của một vị tướng - Héc-to - dũng cảm kiên cường, tận trung với xứ sở, một con người biết thương vợ, yêu con, có thái độ cư xử dịu dàng, tế nhị. Trước mắt chúng ta quân Hy-lạp vô hình trung chỉ là những kẻ cướp bóc, xâm lược và A-khin mặc dù là người anh hùng có những phẩm chất tốt đẹp, đã đánh thắng Héc-to vẫn không được người đọc yêu thương và kính trọng bằng Héc-to.

Nhà Hy-lạp học người Thụy sĩ Ăng-đrê Bon-na đã có một nhận xét về sự đối lập giữa hai nhân vật A-khin và Héc-to. Ông viết với một sự suy nghĩ khái quát đầy ý nghĩa:

"... Sự đối lập giữa A-khin và Héc-to không chỉ ở hai tính nết con người mà còn ở hai trình độ phát triển của nhân loại.

Tâm thức cao cả của A-khin được soi sáng bằng ánh lửa của một thời đại đang bốc cháy và nó dường như đang phải mai một đi, cái thời đại A-kê-en đó, thời đại của chiến tranh và cướp phá. Nhưng cái thời đại này liệu nó đã chết hẳn hay chưa và nó có còn sống lại trong thời đại của chúng ta không?

Héc-to báo trước cho thời đại của những thành bang, những cộng đồng bảo vệ đất đai và quyền lực của mình. Chẳng là đầu óc khôn ngoan của những hiệp ước⁽¹⁾, chẳng là tình cảm yêu thương gia đình báo trước cho một tình hữu nghị rộng lớn hơn giữa con người...⁽²⁾

Chúng ta có thể suy nghĩ tiếp:

Nhưng cái thời đại của tình hữu nghị rộng lớn hơn giữa con người còn bị những thế lực phản động nào phá hoại?...

*

* *

Cuối cùng chúng ta có thể tìm thấy cái giá trị cao nhất, khái quát nhất của chủ nghĩa nhân đạo trong trường ca "*I-li-át*" cũng như trong "*Ô-đi-xé*" là cái xu thế chiến thắng của một thế giới quan khẳng định vai trò và vị trí của con người trong cuộc sống. Thật không phải ngẫu nhiên và vô lý khi ba vị nữ thần "cao cấp" của đỉnh Ô-lanh-pơ trong đó có Hê-ra là vợ Dớt lại tranh nhau cái quả táo vàng "Tặng người đẹp nhất". Và cũng rất lạ kỳ nhưng không phải vô nghĩa khi Pa-rít có nghĩa là Con Người lại được quyền đứng ra phân xử, chấm giải hoa khôi cho các vị nữ thần.

(1) la sagesse des pactes

(2) André Bonnard - *La civilisation grecque*. Edition de Clairefontaine, Lausanne, 1959.

Trong trường ca "*I-li-át*" cũng như trong "*Ô-di-xê*" Số mệnh và Thần thánh có một tác động lớn gần như quyết định đối với thế giới con người. Thần thánh can thiệp vào nhiều công việc của con người, đưa đường chỉ lối, dắt dẫn từ lời ăn tiếng nói đến tình cảm, hành động. Biết bao nhiêu việc từ nguyên nhân của cuộc chiến tranh đến thắng bại của mỗi bên tham chiến, từ việc A-khin dần lòng tra kiếm vào vỏ không giết A-ga-men-nông đến việc giết Héc-to; từ việc Păng-đa-rơ bắn một phát tên vào đùi Mê-nê-lát phá hoại định ước đấu tay đôi đến việc ông già Pri-am đến doanh trại A-khin chuộc xác Héc-to... đều có sự can thiệp của thần thánh.

Tuy nhiên đó chỉ là một mặt. Và nếu chúng ta chỉ thấy mặt này không thôi thì con người dường như chỉ là công cụ mù quáng nằm trong bàn tay chỉ phối của Số mệnh và Thần thánh. Nhưng Số mệnh và Thần thánh trong trường ca của Hô-me-rơ là cái gì? Phải chăng đó là sự khái quát những tình cảm, tính nết của con người, ý chí và hành động của con người, một cách lệch lạc? Phải chăng đó là sự không hiểu biết, ngu dốt, của con người trong một chặng đường nhận thức và giải thích thế giới khách quan và bản thân mình?

Nhưng điều đáng chú ý và đầy ý nghĩa là ở chỗ, nếu như Số mệnh và Thần thánh có áp đặt cho con người những hành vi, hành động này khác, những cách

giải quyết này khác thì tất cả những cái đó lại do con người thực hiện và hoàn thành nó như là kết quả của ý chí tự do của mình và sự quyết định độc lập của chính bản thân mình, và nhiều khi cái ý chí tự do đó, cái quyết định độc lập đó đã diễn ra trong tâm hồn, tư tưởng con người khá sâu sắc. Ý chí và quyết định của Số mệnh, của Thần thánh nhiều khi chỉ giữ vai trò như một cái cốt, cái khung cho hành động của con người, xác định cái tất yếu của một sự việc, và rõ ràng là không sinh động, không nhiều sức thuyết phục bằng hành động hiển nhiên của con người. Trước khi nữ thần A-tê-na xuống can ngăn A-khin thì trong tâm trí A-khin đã lường lự, phân vân không biết có nên giết A-ga-men-nông hay nên dẫn lòng nuốt hận. Trước khi bà mẹ A-khin là nữ thần Thê-ti-xơ bảo con phải thôi hẳn đi đừng tham dự chiến tranh để tỏ lòng tức giận cho quân A-kê-en biết thì chính A-khin trong cuộc cãi nhau với A-ga-men-nông đã bộc lộ ra ý định trả thù quân A-kê-en để cho *"quân A-kê-en bị tàn sát hàng đàn hàng lũ dưới bàn tay đẫm máu của Héc-to"* vì lẽ họ đã không biết tôn trọng một người A-kê-en lỗi lạc nhất. Đúng là thần Dớt và các vị thần khác trên thiên đình quyết định A-khin phải chấm dứt cái hành động dã man, trả thù vào cái thi hài Héc-to và giao cho vị thần thông tin liên lạc Héc-mét đến dẫn đường cho ông già Pri-am đến doanh trại A-khin xin chuộc xác con. Nhưng những lời cầu xin của ông già Pri-am bất hạnh thì không vị thần nào trên thiên đình quy định.

Và còn sự diễn biến của tâm hồn A-khin trước những lời cầu xin đó, mối đồng cảm với một cảnh ngộ quá éo le, cay đắng của một ông già thì không một Dớt, không một Thê-ti-xơ nào sắp đặt, dự kiến cho A-khin. Chúng ta đọc đoạn này trong bản trường ca không hề cảm thấy sự diễn biến trong tâm hồn A-khin như là một kết quả máy móc của ý định thần thánh, của những điều tiên định của thế giới thần thánh. Chúng ta xúc động trước cảnh ngộ bất hạnh của ông già cũng như A-khin xúc động trước cảnh ngộ bất hạnh của ông già và chúng ta không hề cảm thấy tâm hồn, tư tưởng của A-khin (trong hoàn cảnh này) có điều gì vô lý, không thật, không thể có được. Rõ ràng cái lô gích của tâm lý, tâm hồn nhân vật là kết quả của hoàn cảnh khách quan cụ thể, có nghĩa là, trong cái hoàn cảnh khách quan, cụ thể ấy, thì sự diễn biến trong tâm hồn của A-khin như thế ấy, là một điều tất yếu. Điều tiên định của thế giới thần thánh ở đây bị mờ hẳn đi và xét đến cùng nó là cái gì, nếu không phải là kết quả của tư tưởng văn minh, nhân đạo? Chúng ta cũng thấy ở bản trường ca "Ô-đi-xê" nhiều dẫn chứng như vậy. Uy-li-xơ thoát khỏi sự giam cầm của tiên nữ Ca-lip-xô hẳn rằng không phải chỉ vì "quyết định bất di bất dịch" của cuộc hội nghị các vị thần trên thiên đình mà chính vì, trước khi có cái quyết định ấy, chàng Uy-li-xơ, người anh hùng kiên định, đã tự đặt ra cho mình một "quyết định bất di bất dịch" là phải trở về bằng được quê nhà. Uy-li-xơ đã quyết định điều đó ít ra là bảy năm

trước khi có cái quyết định bất di bất dịch của các thần vào năm thứ tám. Ngay cả khi có quyết định của các thần rồi, nàng tiên nguy hiểm có mái tóc đẹp. Ca-líp-xô còn thuyết phục Uy-li-xơ ở lại với mình, đúng hơn là vừa thuyết phục dụ dỗ, vừa đe dọa, nhưng Uy-li-xơ đã trả lời nàng, từ chối tình yêu của nàng một cách hết sức tế nhị, khéo léo song không kém phần kiên định, khôn ngoan. Cũng như trường hợp A-khin nói trên, chúng ta hoàn toàn không thấy tâm hồn, tư tưởng của Uy-li-xơ trong đoạn này có chút gì là máy móc. Thế là ý chí, tâm hồn, tư tưởng của con người có trước rồi mới đem gán cho thần thánh và thật là mâu thuẫn khi chính bản thân con người lại coi những điều quyết định của mình như một cái gì từ bên ngoài đưa lại. A-ga-men-nông giải thích hành động xúc phạm đến A-khin của mình là do nữ thần Lầm lẫn nhưng lại không phải nữ thần Lầm lẫn nhận lỗi và cử đoàn sứ giả đi thuyết phục A-khin! và v.v...

Chúng ta cũng không quên trong cuộc giao tranh ở Tơ-roa, tầm thuốc, vẻ đẹp, sức mạnh của con người thường được đánh giá *"sánh ngang thần thánh"*. Nhưng không phải chỉ *"sánh ngang thần thánh"* mà thôi. Nhiều trường hợp con người lại còn tấn công thần thánh nữa! Dũng tướng Di-ô-mét đã đánh cho nữ thần A-phrô-di-tơ bị thương khiến nữ thần phải mượn ngựa của thần Chiến tranh A-rét để về trời. Nữ thần than thở:

"Người con trai của Ti-đê hôm nay có dễ hấn đánh nhau với cả phụ vương Dót nữa đấy chứ chẳng phải vừa đâu". (V, 362).

"... Có lẽ từ nay trở đi chẳng phải chỉ giữa người Tơ-roa và người A-kê-en lao vào cuộc hỗn chiến bạo tàn: Những người Đa-na-en giờ đây còn đánh nhau cả với thần thánh nữa..." (V, 379 - 381).

Thần thánh trong tác phẩm đúng là có quyền phán truyền số mệnh, ban bố những điều tiền định nhưng dường như con người không quan tâm nhiều đến Số mệnh và những điều tiền định, con người như muốn cưỡng lại, chống lại Số mệnh. Số mệnh cho A-khin biết rõ, nếu chọn con đường chiến đấu ở Tơ-roa thì cuộc đời A-khin sẽ ngắn ngủi nhưng A-khin đã hành động theo ý mình bất kể đến những điều tiền định đó. Héc-to cũng vậy, biết số mệnh thành Tơ-roa là thế nào cũng sẽ bị tiêu diệt, biết đương đầu với A-khin là lành ít dữ nhiều nhưng Héc-to vẫn dũng cảm lao vào cuộc chiến đấu, chấp nhận thử thách.

Đối với cuộc sống của con người. Số mệnh và thần thánh hiện ra như một lực lượng thù địch: Số mệnh là cái gì, Thần thánh là cái gì?... tại sao lại gây ra cuộc chiến tranh Tơ-roa gieo bao nỗi bất hạnh xuống cho con người? Tại sao " ... Sống đau buồn là số phận thần linh dành cho loài người khốn khổ... "? Và vì sao "... chỉ có thần linh mới thoát khỏi buồn lo. ..." Trong ý nghĩa này Số mệnh và Thần thánh là một nguyên

nhân trầu tượng, mơ hồ - thì những hành động của con người cưỡng lại Số mệnh và Thần thánh, than vãn, oán trách Số mệnh và Thần thánh là thể hiện cái khát vọng được tự do suy nghĩ, tự do hành động và dấu sao nó cũng bao hàm một ý nghĩa, một thái độ chống đối lại Số mệnh, Thần thánh và những điều tiền định. Nói một cách khác nó chống lại tính tất yếu mù quáng, tính tất yếu chưa được nhận thức. Thật là trái ngược nhưng cũng đầy ý nghĩa khi chính Dốt là vị thần đã gây nên biết bao nỗi bất hạnh cho con người lại có lúc thốt lên những lời lẽ đầy tính trầm tư triết học như kiểu suy nghĩ của một nhà triết học nhân bản chủ nghĩa ở những thế kỷ sau này:

"... Trong hết thảy mọi sinh vật biết thở và biết đi trên trái đất chẳng có giống nào cực khổ như giống người". (XVII, 445).

và thần A-pô-lông cũng trở thành một "triết gia" như thế:

"... Giống người khôn khổ giống như chiếc lá trên cành khi sống mơn mớn tươi xanh, ăn hoa quả trái đất thoát cái đã héo tàn rơi vào cõi hư không..." (XXI, 464 - 465).

Đáng ngạc nhiên và cảm phục hơn nữa là cái nhìn của chủ nghĩa duy vật chất phác của người Hy-lạp cổ đã so sánh cuộc sống của con người như cuộc sống của tự nhiên - sinh tử theo quy luật của tự nhiên - điều mà các nhà triết học duy vật của thế kỷ XV - XVI

phải đổi bằng tính mạng của mình: "... Người con trai vinh quang của Hip-pô-lô-cơ đáp: "Hỡi người con trai cao quý của Ti-đê⁽¹⁾ tại sao ngươi lại hỏi ta, ai đã sinh ra ta? Lá cây sinh ra như thế nào thì con người cũng sinh ra như thế ấy. gió thổi rụng lá cây, gieo rắc lá ra trên mặt đất, khi những ngày xuân đến, rừng xanh sinh nở lá cây và lá cây cứ kế tiếp lần lượt như vậy. Con người cũng thế: một thế hệ này sinh ra thì cùng lúc đó một thế hệ khác mất đi..." (VI, 145 - 150).

Tất cả những điều trên đây lại một lần nữa cho chúng ta thấy, mặc dù còn những hạn chế của thế giới quan thần thoại, đã xuất hiện những nhân tố tiến bộ của một thế giới quan mới khoẻ mạnh hơn. Thế giới quan này hướng vào con người, khẳng định vai trò và vị trí của con người trong cuộc sống, đang trở thành một xu thế phát triển tất yếu của sự phát triển tư tưởng văn học - nghệ thuật. "I-li-át" là cái tiếng nói áp úng, bập bề, thơ ngây của cái xu thế tiến bộ tất yếu đó, của cái chủ nghĩa nhân đạo trong thế giới quan thần thoại đó. Đến "Ô-đi-xê" tiếng nói ấy cất lên đã sôi hơn, khôn hơn và rành rõ hơn.

(1) Di-ô-mét.

NỘI DUNG "Ô-ĐI-XÊ"

TỪ NGƯỜI ANH HÙNG CHIẾN TRẬN ĐẾN NGƯỜI ANH HÙNG TRÊN MẶT BIỂN

"Ô-di-xê" là bản trường ca thuật lại hành trình trở về quê hương Hy-lạp của người anh hùng Ô-di-xê mà chúng ta thường quen gọi là Uy-li-xơ, sau khi cuộc chiến tranh Tơ-roa kết thúc. Khác với "*I-li-át*", bản trường ca "*Ô-di-xê*" đưa chúng ta vào một thế giới yên bình hơn. Ở đây không có tiếng gươm khua, tiếng ngựa hí, không có cảnh những đoàn quân giáp trận, sôi sục hận thù. Thế giới thần thánh cũng không còn náo động tất cả, ngược xuôi, bận tâm đến số mệnh và thắng bại của cuộc chiến tranh của thế giới loài người đến nỗi xảy ra bất hoà, chia phe phái, tranh cãi. Ở đây chỉ có một vị thần, nữ thần A-tê-na, quan tâm đến số phận con người, nhưng chỉ quan tâm đến số phận một con người là Uy-li-xơ và gia đình của người đó mà thôi.

Qua hành trình trở về quê hương Hy-lạp của Uy-li-xơ, bản trường ca "*Ô-di-xê*" ca ngợi sức mạnh của ý chí và nghị lực của con người trước những gian nan, hiểm nguy, trắc trở. Bản trường ca đề cao và biểu

dương lòng yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, của Uy-li-xơ, coi đó là một lý tưởng thiêng liêng cao quý mà con người cần phải có và cần phải bảo vệ. Chiến trường ở đây là đại dương mênh mông với sóng cả gió to, với những xứ sở xa lạ đầy sức quyến rũ hoặc muôn vàn nguy hiểm. Chiến công ở đây không phải ở trong các trận giao đấu đánh ngã được địch thủ, tước được vũ khí đồng và áo giáp đồng. Chiến công ở đây là ở chỗ con người phải vượt qua được mọi khó khăn nguy hiểm hoặc cảm dỗ trong hành trình trên mặt biển để trở về bằng được với quê hương, gia đình. Vũ khí ở đây trong cuộc "giao đấu" này, con người chỉ có trái tim và khối óc, và trước hết là trái tim và khối óc.

Uy-li-xơ nhân vật chính của bản trường ca là sự thể hiện tập trung nhất, cao đẹp nhất, cái lý tưởng nói trên, cái quan niệm nói trên về chiến công và người anh hùng. Đó là một con người, như lời mở đầu bản trường ca cho biết, có nghìn mưu trí, đã phải lang thang phiêu bạt khắp góc biển chân trời, chịu nhiều đau khổ nhưng hiểu biết được nhiều xứ sở xa lạ và cuối cùng trở về được với quê hương, đoàn tụ được với gia đình.

Trong truyền thuyết, Uy-li-xơ vốn đã là một con người thông minh, nhiều mưu sảo kế. Chàng là người nghĩ ra cách giải quyết êm đẹp nhất, ổn thoả nhất cho cái khó khăn: 99 vị tướng Hy-lạp đến xin cầu hôn với

nàng Hê-len⁽¹⁾. Khi cuộc chiến tranh Tơ-roa bắt đầu, chàng là người dùng mưu tìm ra được dũng sĩ A-khin cải trang thành một thiếu nữ sống ở đảo Xki-rốt⁽²⁾. Uy-li-xơ còn là người đã từng tranh cãi với A-khin về cách giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Tơ-roa: Uy-li-xơ chủ trương dùng mưu, A-khin chủ trương dùng sức⁽³⁾. Chính nhờ thắng lợi của chủ trương dùng mưu của Uy-li-xơ mới có cái kế "con ngựa gỗ" quyết định số phận thành Tơ-roa, làm cho danh tiếng Uy-li-xơ lẫy lừng, vang dội.

Trong trường ca "*I-li-át*", Uy-li-xơ cầm đầu một đội quân với mười hai chiến thuyền, so với quân đội của các tướng lĩnh khác thì quả là ít ỏi, tuy chưa phải là ít nhất. Nhưng đội quân của mười hai chiến thuyền này, như bản trường ca giới thiệu, lại "*có vị tướng là Uy-li-xơ mà trí tuệ sánh ngang thần Dớt*" (*Iliade II 638*).

Thật ra thì cái "*trí tuệ sánh ngang thần Dớt*" của Uy-li-xơ chưa có biểu hiện gì nổi bật trong trường ca "*I-li-át*". Ông già Ne-xto mới là người xuất chúng về trí tuệ và những lời khuyên nhủ khôn ngoan. Tuy nhiên "*I-li-át*" cũng đã ít nhiều giới thiệu cho chúng ta biết cái sức mạnh ẩn giấu ấy của chàng. Trong khúc

(1), (2) Xem *Thần thoại Hy-lạp*. Nxb Giáo dục - Hà nội 1963 - *Thần thoại Hy-lạp* - Nhà xuất bản Văn học Hà-nội 1966

(3) *Odyssée* - VII, 73 - 82.

ca III trước cảnh hai đoàn quân Hy-lạp và Tơ-roa ngừng chiến, hạ khí giới làm lễ thể nguyên chuẩn bị cho cuộc đấu tay đôi giữa Mê-nê-lát và Pa-rít; Hê-len đứng trên thành Tơ-roa đã giới thiệu cho Pri-am biết về Uy-li-xơ như sau:

"... Người ấy là con trai của La-éc-tơ, chàng Uy-li-xơ khôn khéo. Chàng lớn lên trên xứ I-ta-cơ, một nơi đất đai cằn cỗi. Chàng là người có tài sử dụng mưu trí đủ loại cũng như có tài sử dụng những tư tưởng tinh khôn..." (III, 200 - 203).

Rồi Ăng-tê-no, một vị tướng của quân Tơ-roa giới thiệu tiếp về Uy-li-xơ:

"... Chàng vừa mới từ lồng ngực trút ra những tiếng nói sang sảng với những lời lẽ tuôn rơi như búi tuyết mùa đông mà không một người trần thế nào có thể sánh đọ với Uy-li-xơ" (III, 220 - 224).

Tài ăn nói với "những lời lẽ tuôn rơi như những búi tuyết mùa đông" của Uy-li-xơ mà không một người trần thế nào có thể sánh đợc, đã thể hiện ở hành động Uy-li-xơ kịp thời ngăn chặn quân A-kê-en kéo thuyền xuống biển về nước khi A-ga-men-nông vờ ra lệnh bãi binh để thử lòng binh sĩ. Trong hội nghị toàn quân, sau khi trấn áp Túc-di-tét, lập lại trật tự Uy-li-xơ đã thuyết phục thành công mọi người ở lại chiến đấu cho đến ngày hạ được thành Tơ-roa. Tiếp sau này chàng được đóng vai một "thuyết khách" trong

đoàn sứ giả đi khuyên nhủ, thuyết phục A-khin nguôi giận, xuất trận giúp quân Hy-lạp.

Có lẽ cái tài "sử dụng mưu trí đủ loại" của Uy-li-xơ đã thể hiện ra trong hành động hỏi cung tên thám báo Đô-lông, Uy-li-xơ dụ dỗ Đô-lông để khai thác tin tức:

"Đừng sợ! Đừng để cái chết ám ảnh tâm hồn người! Nào hãy trả lời cho ta rõ và không được nói quanh co, úp mở, vì sao người lại tới đây có một mình, đi tách xa khỏi quân đội của người, đến chiến thuyền của chúng ta vào lúc đêm hôm khuya khoắt như thế này, khi mọi người đang ngủ? Phải chăng người muốn lấy về thi hài một người nào đó? Có phải Héc-to phái người đi đến bên những chiến thuyền trũng để dò xét tình hình không?..." (X, 382 - 389).

Tuân lời Uy-li-xơ, Đô-lông đã khai hết sự thật.

Nhưng cuối cùng cái chết không còn ám ảnh tâm hồn Đô-lông nữa. Cái chết đến thẳng với Đô-lông, Uy-li-xơ không giết Đô-lông nhưng Di-ô-mét giết!

Trong trường ca "I-li-át" có một chi tiết có lẽ nổi bật nhất và khá thú vị, phản ánh được sự đối lập giữa tính cách của hai nhân vật: A-khin và Uy-li-xơ. Sau khi Pa-tơ-rô-clơ chết, A-khin nguôi giận. Chàng hết sức nóng lòng muốn lao ngay vào cuộc chiến đấu để trả thù cho bạn, không muốn chậm trễ một phút một giây. Thấy vậy Uy-li-xơ can ngăn chàng:

"... Hỡi A-khin sánh tựa thần linh! Dù chàng có anh

dừng đến đâu chẳng nữa, ta cũng xin chàng đừng xuất trận, xin chàng đừng huy động những người con trai của những người A-kê-en tiến đến thành I-li-ông để giao chiến với quân Tơ-roa trước khi họ được ăn uống! Chiến cuộc sẽ không kéo dài là bao một khi các đạo quân giáp trận và một khi các vị thần thổi bùng lên trong tâm can hai đạo quân lòng cuồng nhiệt. Xin chàng hãy ra lệnh ngay cho những người A-kê-en đến nhận phần bánh mì và rượu vang bên cạnh các chiến thuyền thon nhẹ. Sự cuồng nhiệt và lòng dũng cảm là ở đó! Nếu không được ăn uống no nê thì không một chiến binh nào lại có thể chiến đấu suốt một ngày cho đến khi mặt trời lặn. Nỗi khát vọng nóng bỏng được giao chiến của chàng sẽ trở nên vô ích vì chàng không biết chân tay họ tê mỏi, nặng nề, cái đói và cái khát thấm sâu vào họ khiến đầu gối họ rã rời khi tiến bước. Ngược lại khi con người được ăn uống rượu thịt no nê thì có thể chiến đấu suốt ngày đêm với quân địch. Họ giữ vững trong lồng ngực một trái tim ngoan cường, tay chân họ không hề mỏi mệt trước khi mọi người đồng ý cho ngừng trận đánh. Xin chàng hãy cho giải tán quân ngũ và ra lệnh cho họ chuẩn bị bữa ăn (XIX, 155 - 171).

Nhưng A-khin vẫn muốn xông ra chiến đấu để lui bữa ăn lại cho đến khi giành được chiến thắng, A-khin nói:

"... Ta muốn lúc này ra lệnh cho những người con

trai của những người A-kê-en bước vào chiến đấu ngay, nhìn đói, trước mọi bữa ăn. Chỉ đến lúc mặt trời lặn, một khi chúng ta đã rửa được mỗi nhục, họ mới dọn một bữa ăn thịnh soạn vào buổi tối..." (XIX, 207 - 210).

Và A-khin quyết không ăn uống gì cho đến khi giết được Héc-to trả thù cho Pa-tơ-rô-clơ!

Uy-li-xơ đáp lại:

"... Hỡi A-khin, con của Pê-lê, người giỏi nhất trong những người A-kê-en! Đúng là chàng khỏe mạnh hơn ta và chàng vượt xa ta về tài phóng lao nhưng ngược lại ta hơn chàng nhiều về lý lẽ⁽¹⁾ bởi vì ta là người hơn tuổi chàng và ta hiểu biết lý lẽ hơn chàng..." (XIX 215 - 219).

Uy-li-xơ đã tỏ ra là một nhà chỉ huy rất thực tế, một người đã hiểu được cái chân lý "thực túc binh cường"⁽²⁾ "ăn no đánh thắng", một con người có đầu óc tỉnh táo, đầu óc "lạnh" như chúng ta thường nói ngày nay. Thế nhưng lý lẽ của chàng lại không thuyết phục được A-khin. Và A-khin vẫn cứ nhìn đói cùng với quân A-kê-en xông ra trận!

Trong trường ca "I-li-át", Uy-li-xơ trước hết vẫn là một vị tướng dũng cảm, có uy tín, một nhà hùng biện một nhà "ngoại giao". Cái đầu óc thông minh phi thường của chàng, cái tinh hoa trí tuệ sánh ngang

(1) la raison

(2) lương thực dồi dào, quân đội hùng mạnh.

thần Dớt của chàng chưa "phát tiết ra ngoài", chưa có dịp bộc lộ. Trong "I-li-át" cái "mưu" của chàng Uy-li-xơ - Gia Cát, phải nhường bước cho cái "trái tim nóng", cho cái "dũng" sôi động, nảy lửa của chàng A-khin - Trương Phi.

Nhưng đến trường ca "Ô-đi-xê" thì khác hẳn. Đến đây cái trí tuệ sánh ngang thần Dớt của Uy-li-xơ mới bộc lộ ra với tất cả cái sức mạnh thần thánh của nó, cái sức mạnh, mà nói như Mác, không một vị thần linh nào sánh bằng.

Sức mạnh đó bắt nguồn trước hết ở lý tưởng của Uy-li-xơ. Đó là lòng yêu quê hương, yêu gia đình tha thiết. Đó là mối tình chung thủy sắt son với quê hương, với gia đình, vợ con. Uy-li-xơ đã kể cho nhà vua An-ki-nô-ốt nghe về quê hương của mình và tình cảm của mình đối với quê hương như sau:

"... Nhà tôi ở I-ta-cơ như một tổ chim nằm dưới chân núi Nê-ri-tơ có rừng cây xào xạc, có hình thế đẹp đẽ. Chung quanh là những hòn đảo Du-lu-ki-ông và Xa-mê, và đảo Dăng-tơ rừng cây rậm rạp, quây quần. Nhưng ở cuối chân trời giữa hướng đông và hướng bắc, trên mặt biển, hòn đảo I-ta-cơ của tôi là nơi thấp nhất, các đảo khác nằm ở hướng đông và hướng nam. I-ta-cơ của tôi toàn là núi đá nhưng nó đã nuôi dưỡng những chàng trai cường tráng. Ôi, mảnh đất ấy đối với tôi chẳng còn nơi đâu êm đềm hơn được! Nữ thần Ca-líp-xô đã giam giữ tôi trong những hang động sâu

thăm của nàng, và nàng khát khao muốn cùng tôi kết nghĩa trăm năm. Cũng vậy ở đảo Ai-ai-e mù phù thủy Kiếc-kê đầy mưu ma chước quỷ cũng muốn giữ tôi lại để lấy tôi! Nhưng chẳng bao giờ lòng tôi ưng thuận. Chao ôi! Không gì ám cúng hơn nơi quê cha đất tổ với họ hàng thân thiết! Dẫu có được ở nơi lầu son gác tía nhưng sống với những người không quen biết, xa quê hương, xa họ hàng thân thiết thì cũng chẳng sung sướng nổi gì!..." (IX, 20 - 35)⁽¹⁾.

Suốt bảy năm trời bị nữ thần Ca-líp-xô, con của thần Át-lát giam giữ, dù dỗi nhưng Uy-li-xơ vẫn không sao quên được gia đình, quê hương. Mặc cho đảo Ô-ghi-di là nơi đất lành cảnh đẹp, Ca-líp-xô là nữ thần bất tử, trẻ đẹp suốt đời, thiết tha yêu mến chàng và muốn cùng chàng kết nghĩa trăm năm nhưng Uy-li-xơ vẫn trước sau như một chỉ, mong muốn được trở về với quê hương gia đình. "*chỉ mong muốn một ngày kia được nhìn thấy những làn khói bốc lên từ mảnh đất quê hương*". Trong những ngày bị nữ thần Ca-líp-xô giam giữ ở đảo Ô-ghi-di, chàng, như bản trường ca miêu tả, "*bỏ mặc cuộc đời êm dịu mất đi trong những than khóc vì không trở lại được quê nhà*". Hình ảnh chàng, người anh hùng Uy-li-xơ nhớ quê hương, gia đình, day dứt "*ngồi trên những tảng ở bờ biển, đắm chiêu nhìn biển khơi không sinh nở mà nước mắt tuôn trào*" thật là cảm động và đẹp đẽ!

(1) Ô-di-xê, Nxb Văn học. Hà-nội, 1966, tr. 68.

Và càng cảm động và đẹp đẽ hơn nữa khi người anh hùng chịu nhiều đau khổ ấy về đến quê hương:

"... Nói xong nữ thần A-tê-na làm tan đám mây mù: quê hương hiện ra. Nói sao được hết nỗi vui mừng trong lòng người anh hùng kiên định! Chàng Uy-li-xơ thần thánh sung sướng khi nhìn thấy quê nhà. Quê hương đây! Chàng cúi xuống hôn mảnh đất mẹ hiền yêu dấu rồi giơ tay lên trời cầu khẩn các tiên nữ Nanh-phơ: "Ôi, hỡi các tiên nữ Nanh-phơ con của Dớt! Ôi, hỡi các nàng Na-i-a-đơ: Ta những tưởng chẳng bao giờ được gặp lại các nàng! Xin gửi tới các nàng lời chào kính trọng!..." (XIII, 351 - 357).

Trong suốt cuộc hành trình lênh đênh, phiêu bạt trên mặt biển, sức mạnh của cái *"trí tuệ sáng ngang thần Dớt"* của Uy-li-xơ biểu hiện ra như là sức mạnh của một ý chí kiên định, một đầu óc sáng suốt, tinh khôn và một nghị lực khác thường. Chính cái sức mạnh của trí tuệ, của ý chí, của nghị lực đó đã thay cho đôi thần mã Xăng-tốt và Ba-li-ốt, đã thay cho bộ áo giáp, vũ khí và chiếc khiên của thần thợ rèn Hê-pha-i-xtốt để cho chàng dũng sĩ Uy-li-xơ chiến thắng mọi kẻ thù trong cuộc hành trình trở về quê hương. Chiến công của Uy-li-xơ thoát khỏi hang của gã khổng lồ Pô-li-phem là chiến công của trí tuệ, của sự khôn ngoan mưu trí - điều mà chúng ta không thể tìm thấy trong nhân vật A-khinh. Qua cách đối đãi lúc đầu của Pô-li-phem, Uy-li-xơ đã đề phòng ngay. Chàng

nói dối Pô-li-phem thuyên mình bị gió bão làm vỡ. Kể đến khi Pô-li-phem bắt hai thuỷ thủ của Uy-li-xơ ăn thịt hì lòng chàng vừa hoang mang vừa căm giận chỉ muốn nhân lúc Pô-li-phem ngủ, tới đâm chết hắn cho hả lòng hả dạ. Song giết Pô-li-phem để làm gì? Nếu giết Pô-li-phem mà tảng đá lớn chặn cửa hang không vắn ra được thì chẳng khác chi tự giết mình! Hành động thế, hành động cho hả lòng hả dạ mà không tính toán trước sau, hơn thiệt, là nóng nảy, ngu xuẩn, manh động! Vấn đề không phải là giết Pô-li-phem mà phải là ra thoát khỏi hang. Nhưng bằng cách nào? Giết Pô-li-phem không được rồi. Bài toán thật khó giải. Nhưng chàng Uy-li-xơ - Pi-ta-go-rơ đã giải được.

Mấu chốt, then chốt của bài toán "Vượt hang" là cái cửa hang. Ai mở được cửa hang? - Pô-li-phem! Nếu Pô-li-phem chết tất không mở được cửa hang. Nếu Pô-li-phem sống tất mở được cửa hang nhưng làm sao ra thoát?... Phải tìm cách... cách gì?... cách nào thoát ra khỏi cửa hang mà Pô-li-phem không biết?... Cách ấy Uy-li-xơ đã nghĩ ra. Có lẽ còn tài tình hơn việc xưa kia đưa "*con ngựa gỗ*" vào thành Tơ-roa. Điều kiện để giải bài toán này là Pô-li-phem hàng ngày phải mở cửa hang để đi chăn cừu. Dựa vào điều kiện này, Uy-li-xơ đã đi đến một chủ trương hết sức táo bạo, có tính chất quyết định là: chọc mù mắt tên khổng lồ. Chỉ có cách này mới có thể đưa Uy-li-xơ và số anh em thuỷ thủ còn lại ra khỏi hang. Chàng đã thực hiện chủ trương đó của mình qua những mưu kế thâm

hiếm, tinh khôn hết sức. Dùng kế "dâng rượu nho", chàng khiến tên khổng lồ ngủ say mê mết, do đó thực hiện được việc chọc mù mắt hắn một cách dễ dàng. Uy-li-xơ kể lại chuyện đó như sau:

"... Nói xong, hắn ngã vật xuống, ngựa bụng lên trời. Tức thời chúng tôi thấy hắn ngoẹo cái cổ to lớn sang một bên và giấc ngủ kẻ chinh phục vô địch, bắt hắn khuất phục. Nhưng từ cổ họng hắn mưa ra rượu vang và thịt ngựa, và hắn, đồ say rượu, nôn ọ!

Tôi lấy cái cốc nhọn đốt nóng nó lên dưới tro dày: tôi khích lệ anh em, e rằng có một ai trong bọn họ sợ hãi, bỏ mặc tôi!

Cái cốc nhọn ô-li-vơ tuy còn tươi nhưng đã bắt đầu cháy và ta nhìn thấy ánh sáng ghê rợn của nó, tôi bèn kéo nó ra khỏi đống lửa; tôi vừa ôm nó vừa chạy đến chỗ tên khổng lồ. Anh em đừng vây lấy quanh tôi vì một vị thần đã làm cho họ hăng hái lên bằng một sự gan dạ mới. Họ nâng cốc lên và ấn đầu nhọn vào một góc con mắt của hắn. Còn tôi thì từ cái cốc nhọn từ trên xuống và ra sức xoay nó... Các bạn thấy đấy, khi ta khoan lỗ cây dầm cho một con thuyền, người thì kéo đi kéo lại cái dây khoan, người thì từ trên cao xuống, còn mũi khoan thì xoay đi xoay lại ở nguyên một chỗ; cũng vậy chúng tôi cầm và xoay chiếc cốc nhọn đang cháy vào con mắt của hắn, và máu sôi bùng lên quanh chiếc cốc nóng bỏng khiến cho mí mắt và lông mày không phải là hơi khói của con người mất

đang cháy nữa. Trong khi mắt và lông mày khô cứng lại thì những rễ dây của mắt cũng cháy. Khi một người thợ rèn nhúng một chiếc rìu lớn hay một chiếc bươm vào trong nước lạnh để tắm - nước này tôi kim khí - thì sắt kêu rít lên và rèn rỉ; cũng vậy chiếc cốc ô-li-vơ của chúng tôi rít lên trong con mắt của gã khổng lồ...

Gã khổng lồ hét lên một tiếng man rợ. Núi xa dội vang lên còn chúng tôi hãi hùng vội chạy trốn ra xa.

Gã khổng lồ nhỏ cái cốc đâm máu ra khỏi con mắt. Từ đôi tay điên dại của mình hắn ném chiếc cốc ra xa, hắn gào lên gọi hàng xóm láng giềng của hắn, những tên khổng lồ Ki-clốp là những kẻ, trong gió của những dãy núi đá lởm chởm ở bờ biển, có hang động của mình. Bọn chúng nghe rõ tiếng kêu của hắn. Từ khắp nơi chúng vội chạy đến... (IX, 370 - 400).

Thật muôn phần nguy hiểm! Tính mệnh của Uy-li-xơ và anh em thủy thủ sẽ ra sao, nếu bọn khổng lồ ùa vào hang của Pô-li-phem thăm hỏi? Nhưng không, Uy-li-xơ đã tính trước cái "nước cờ" này. Dùng kế giấu tên thật, bịa ra cái tên giả là "Chẳng có ai" (khi Pô-li-phem được Uy-li-xơ dâng rượu cho uống, hỏi tên chàng) Uy-li-xơ đã thoát khỏi cái giây phút cực kỳ kiếm nghèo đó.

"... Từ khắp nơi chúng vội chạy bỏ đến. Chúng đứng vây quanh hang hỏi Pô-li-phem, vì sao hắn lại kêu la như vậy.

- Pô-li-phem! Vì sao anh lại la hét đau đớn thế?...

Vì sao anh lại gọi chúng tôi dậy giữa đêm khuya thần thánh thế này? Phải chăng có một người trần thế nào đến cướp đoạt bấy gia súc của anh?... hay anh bị một kẻ nào dùng mưu hay dùng sức giết anh?...

Bằng tiếng nói hết sức to, từ cuối hang Pô-li-phe-mét hét lên:

- Dùng mưu, các bạn ơi!... dùng mưu! không phải dùng sức... Ai giết tôi ư? ... "Chẳng có ai" đấy! (IX, 400 - 408).

Thế là bọn khổng lồ Ki-clốp bỏ ra về (chẳng có ai dùng mưu hay dùng sức giết Pô-li-phe-mét thì đi về chứ còn ở lại làm gì nữa!...). Đầu óc, trí tuệ của Uy-li-xơ mới nhìn xa thấy rộng làm sao? Nghĩ ra cái kế dâng rượu nho để chọc mù mắt tên khổng lồ Pô-li-phe-mét đã là một việc kỳ tài rồi. Nhưng lại còn dự tính trước, cảnh giác đề phòng khi Pô-li-phe-mét bị thương sẽ la hét và họ hàng của hắn sẽ kéo đến hỏi thăm mà chuẩn bị đối phó, mà bịa ra cái tên "Chẳng có ai" thì quả thật là trí tuệ của Uy-li-xơ không vị thần nào sánh kịp!

Cuối cùng Uy-li-xơ cùng đồng đội thoát khỏi hang Ki-clốp Pô-li-phe-mét bằng cách:- theo lời Uy-li-xơ kể:

"... Thằng Pô-li-phe-mét đau quá vừa rên la vừa đưa tay sờ soạng nhấc tảng đá ở cửa ra, rồi đến chắn ngang lối ra vào, dang hai tay để tóm bắt chúng tôi nếu chúng tôi định ra khỏi hang đi lẫn trong đàn cừu của hắn. Hắn trông chờ tôi sẽ hành động một cách ngậy

thơ như thế! Còn tôi, tôi nghĩ cách để giải thoát tất cả anh em và tôi, khỏi cái chết. Mọi mưu kế, dự định, tôi đều nghiền ngẫm, tính toán hết thấy, bởi vì cuộc sống của chúng tôi tùy thuộc vào đó; bởi vì thảm họa kể bên... Và đây là cái kế mà tôi cho là khôn ngoan nhất. Những con cừu ở đây, những con cừu được chăn nuôi tốt, lông rất dày. Hết sức nhẹ nhàng, tôi lấy dây miên liễu buộc lại, - thứ dây mà con quỳ kia dùng để nằm. Tôi buộc những con cừu lại, cứ ba con làm một: con đi giữa thò một người, còn hai con hai bên đỡ cho con đi giữa và để che kín cho anh em tôi mà sức nặng trút vào con đi giữa. Phần tôi có một con cừu to khỏe hơn cả. Tôi ôm vòng lấy lưng nó, nép mình vào dưới bụng nó, duỗi người nằm trong bộ lông của nó và tôi cứ treo mình như thế, nắm chặt, nắm đầy tay bộ lông của nó và không gì làm tôi nao núng. ...". (IX, 415 - 435)⁽¹⁾

Trí tuệ của Uy-li-xơ còn giúp chàng vượt qua được hòn đảo của những nàng tiên Xi-re-nơ. Đây là những nàng tiên nửa người nửa cá ngồi trong một đồng cỏ, xung quanh chất đống những xương người trắng xóa và da thịt người hôi thối. Xi-re-nơ có tiếng hát mê hồn quyến rũ. Ai nghe phải tiếng hát này là lao đầu xuống biển bơi vào đảo, vợ con người ấy sẽ vĩnh viễn không được thấy ngày người chồng, người cha thân yêu của mình trở về với gia đình. Đối phó với tiếng hát quyến

(1) Ô-đi-xê Nxb Văn học, Hà-nội 1966, trang. 80.

rủ nguy hiểm này, Uy-li-xơ lấy sáp ong gắn vào tai anh em thuỷ thủ, còn mình ra lệnh cho anh em trói chặt vào cột buồm, nhờ thế, thuyền của Uy-li-xơ vượt qua đảo Xi-re-nơ an toàn và Uy-li-xơ vẫn được nghe tiếng hát tuyệt diệu của Xi-re-nơ.

Thuyền của Uy-li-xơ đi vào eo biển có hai con quái vật: Ca-ríp-đơ và Xki-la. Ca-ríp-đơ ở dưới một ngọn núi đá không cao lắm, trên xoè ra như tán lá của một cây vả. Ngày ngày Ca-ríp-đơ ba lần cuộn hút nước vào bụng rồi lại khạc nhổ ra. Khi Ca-ríp-đơ khạc nhổ ra thì *"biển khơi đều sôi lên và réo vang như nước trong chảo đặt trên một bếp lửa hồng; bọt nước phun lên cao rồi rơi xuống phủ trùm lên hai quả núi"*. Còn khi Ca-ríp-đơ nuốt nước mặn vào thì *"trong miệng nó biển sùng sục cuộn lên, vách đá chung quanh kêu réo lên ghê sợ và đáy biển lộ ra với mặt cát xanh..."* (XII, 236 - 243)⁽¹⁾.

Xki-la ở trong hang của một ngọn núi đá cao ngất, vách đá thẳng đứng nhẵn bóng, dù ai có đến hai chục tay, hai chục chân cũng không thể nào trèo được. Xki-la còn có sáu đầu, sáu cổ nom rất ghê sợ, chân thì mười hai chiếc dị dạng, dị hình. Sáu miệng đen ngòm có ba hàm răng sít. Xki-la ở trong hang thò đầu ra ngoài để rình bắt cá heo, hải cẩu. Chưa từng một thuỷ thủ nào dám tự hào đã đưa con thuyền của mình vượt qua Xki-la an toàn, vô sự.

(1) *Ô-di-xê*, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 99.

Thuyền của Uy-li-xơ phải đi vào giữa hai con quái vật này. Đi thế nào đây cho thoát khỏi tai hoạ? Uy-li-xơ theo lời Kiéc-kê dặn, cho thuyền đi nánh về bên Xki-la. Vẫn không thoát khỏi tai hoạ! Xki-la bắt mất sáu thuỷ thủ ăn thịt ngay ở cửa hang. Nhưng mất sáu người với Xki-la còn hơn mất cả thuyền với Ca-ríp-đơ. Trong hai cái toạ hoạ tất yếu phải xảy ra, chọn và chịu đựng cái nào ít tổn thất nhất, dầu rằng, nói như một câu tục ngữ Hy-lạp "Tránh khỏi lại rơi vào lửa" thì cũng vẫn cứ là điều tốt. Đó chính là chiến công của Uy-li-xơ, một thuyền trưởng dặn dày kinh nghiệm. Đoàn thuyền về đến đảo *Tơ-ri-na-ki-ê*⁽¹⁾, nơi có những đàn bò, đàn cừu béo mập của thần Hê-li-ốt. Ở đây có bảy đàn bò, bảy đàn cừu, mỗi đàn gồm năm chục con. Hai tiên nữ Nanh-phơ con của thần Hê-li-ốt, và nữ thần Nê-e-rơ là Pha-thu-da và Lam-pê-xi ngày ngày chăn nuôi đàn súc vật bất tử đó. Nhưng một điều không may xảy ra, trời nổi bão, suốt một tháng rông thuyền của Uy-li-xơ không đi được. Lương thực hết, anh em thuỷ thủ phải câu cá, săn bắt chim muông để sống. Một hôm, nhân lúc Uy-li-xơ rời thuyền lên đảo cầu khẩn thần, anh em thuỷ thủ không kìm hãm được cơn đói giãy vò, đã không tuân theo lời căn dặn của Uy-li-xơ, bắt giết bò của thần Hê-li-ốt ăn. Thế là tai hoạ xảy đến. Khi thuyền thuận gió rời đảo đi chưa được bao xa thì - Uy-li-xơ kể: "... Dớt treo lơ lửng một

(1) *Tơ-ri-na-ki-ê*, dịch nghĩa: "Ba răng".

đám mây đen nghịt trên con thuyền mà lúc này nó chẳng còn đi nhanh được như trước nữa. Còn biển dưới con thuyền cũng trở nên đen thẫm. Phút chốc một cơn gió Đê-phia⁽¹⁾ hung dữ gào rít lên với một cơn bão lốc. Gió bão dồn dập quật gậy ngay một lúc hai cây cột chống làm đổ luôn cột buồm và cột văng xuống tận cuối thuyền cùng với những dây rợ, buồm, cọc. Cột buồm đổ nện vào đầu người thủy thủ lái thuyền, làm vỡ sọ anh ta. Và anh ta từ trên ghế ngã lộn xuống như một người đâm nhào xuống biển. Linh hồn quả cảm của anh rời bỏ xương cốt của mình. Cùng lúc đó thân Dớt giáng sấm sét xuống con thuyền. Anh em thủy thủ của tôi bị sóng cuốn hết cả. Họ bơi quanh con thuyền đen giống như những con quạ, và một vị thần đã không cho họ ngày trở về... Tôi chạy từ đầu tới cuối con thuyền, cho đến khi một tảng sóng ủa tới, xé tan con thuyền ra thành từng mảnh. Cây xà dọc văng ra xa và bị sóng cuốn đi. Nhưng cột buồm bị gãy trôi nổi bập bênh, chặn cây xà lại và tôi thấy một vòng dây bằng da bò còn mắc lại ở đó; tôi dùng vòng dây này để buộc cột buồm và cây xà dọc lại với nhau rồi ngồi lên trên đó. Gió hung dữ đưa tôi trôi đi.

Thế rồi gió Đê-phia ngừng thổi, bão dịu đi. Nhưng gió Nô-tốt⁽²⁾ lại kéo tới làm cho tôi xiết bao buồn lo, bởi vì gió sẽ đưa tôi trôi về cái vực nước của Ca-ríp-đơ.

(1) Đê-phia: gió tây.

(2) Nô-tốt: gió nam.

Tôi bị trôi đi suốt đêm cho đến khi mặt trời mọc, tôi thấy mình đã ở trước Ca-ríp-đơ dữ tợn và Xki-la.

Lúc này Ca-ríp-đơ đang hút sóng biển mặn chát vào. Tôi bèn đứng lên trên mặt nước và tung mình nhảy lên bám vào cành vả cao, và tôi cứ bám chặt vào cây vả như một con dơi. Nhưng tôi không có cách gì để đặt chân xuống và cũng chẳng có cách gì để trèo vào thân cây bởi vì những rễ cây ở rất xa và cây vả xum xuê vươn những cành dài nhánh to để trùm bóng mát cho Ca-ríp-đơ. ..

Không nản chí, tôi cứ bám chặt vào cây vả cho đến khi Ca-ríp-đơ khạc nhổ nước ra trả lại cho tôi cây cột buồm và cây xà dọc, đúng như điều mong ước của tôi.

Khi tôi thấy lại được cái bè gỗ của tôi từ miệng Ca-ríp-đơ lao ra thì đó là lúc thời gian đã muộn, là lúc mà quan toà sau khi đã xử biết bao vụ kiện giữa người này, người khác từ quảng trường trở về để ăn bữa tối. Tôi buông mình cho rơi xuống chiếc bè. Tôi rơi xuống lọt vào giữa những cây gỗ của tôi... tôi trèo lên và dùng hai tay bơi thay mái chèo. Đấng phụ vương của các vị thần và những người trần thế này giúp tôi thoát khỏi con mắt của Xki-la, nếu không, tôi hẳn là bị chết. Tôi bị trôi đi suốt chín ngày trời tới đêm thứ mười các vị thần đưa tôi tới hòn đảo ở đại dương này, nơi ở của nàng tiên có mái tóc quăn, một nữ thần ghê gớm biết tiếng nói của loài người, nàng Ca-líp-xô đã đón tiếp tôi và đối xử với tôi bằng mối tình bạn bè thân thiết..." (XII, 407 - 450).

Thế là từ lúc ở thành Tư-roa trở về, đoàn thuyền

của Uy-li-xơ mất dần mất mòn cho đến cuối cùng chỉ còn một mình Uy-li-xơ sống sót trôi dạt vào hòn đảo Ô-ghi-di của tiên nữ Ca-líp-xô.

Nhưng tai hoạ chưa chấm dứt. Sau bảy năm trời bị giam cầm ở đảo, đến năm thứ tám được Ca-líp-xô tha cho về, Uy-li-xơ lại một lần nữa rơi vào cảnh ngộ cũ. Bè của Uy-li-xơ lênh đênh trên mặt biển mười bảy ngày ròng rã, đến ngày thứ mười tám thì thần Pô-dê-i-đông bắt gặp. Thần liền dôn mây và cầm đỉnh ba đảo lộn biển lên và: "... một con sóng to cuộn dâng đổ xuống Uy-li-xơ; một sự va chạm khủng khiếp! Chiếc bè bị lật: Uy-li-xơ bị văng ra khỏi sàn bè, tay lái tuột khỏi tay chàng. Và những cơn gió điên cuồng đổ dôn, hoà trộn vào nhau làm thành gió lốc bẻ cột buồm gãy làm đôi, cuốn buồm và cây sào ngang đỡ buồm ra tận biển khơi xa tít. Uy-li-xơ bị chìm xuống nước khá lâu, chàng không sao ngoi lên được vì sóng to cứ đua nhau đổ tới và cũng vì áo quần của tiên nữ Ca-líp-xô ban cho chàng làm người chàng thêm nặng. Nhưng rồi chàng cũng nhô người lên khỏi mặt nước, miệng nhô ra nước biển mặn chát, đầu chảy xuống nào bọt, nào nước ròng ròng. Song dù bị cùng cực đến như vậy, chàng vẫn nhớ đến chiếc bè. Chàng vượt sóng bơi lên ôm lại được nó, và chàng trèo lên ngồi vào giữa bè để tránh cái chết mặc cho những con sóng đưa đẩy chiếc bè trôi nổi đó đây theo dòng nước của chúng. Như cơn gió Bô-rê⁽¹⁾ của mùa thu thổi cuốn đi những cây gai

(1) Bô-rê: gió bắc.

trên đồng ruộng, những cây gai này mắc chằng vào nhau thành một bó; cũng vậy, những cơn gió đưa đẩy chiếc bè trôi nổi khắp đó đây trên vực thẳm, và khi thì gió Nô-tốt ném nó cho gió Bô-rê, khi thì gió Ô-rốt⁽¹⁾ lại nhường nó cho gió Dê-phia đuổi..." (V, 314-332).

Nữ thần I-nô, con gái của Cát-mốt, thấy cảnh ngộ của Uy-li-xơ như vậy, động lòng thương cảm bèn biến thành một con chim hải âu bay đậu vào bè, khuyên nhủ Uy-li-xơ. Nữ thần cho Uy-li-xơ một chiếc khăn thần để chàng có thể vượt sóng to gió cả bơi vào đất liền.

Nhưng Uy-li-xơ không tin ngay vào lời khuyên nhủ của thần. Chàng suy nghĩ:

Thật bất hạnh cho ta! Lại một cạm bẫy nữa mà một vị thần nào đã chăng ra khi bảo ta phải rời bỏ chiếc bè này. Không! Không! ta chưa muốn nghe lời thần vội vì mảnh đất mà theo lời thần bảo sẽ cứu ta, trông hãy còn xa lắm... Ta nghĩ tốt nhất cứ làm như thế này là khôn ngoan hơn cả: chừng nào mà những cây gổ này còn gấn bó với nhau bằng những chốt thì ta vẫn cứ ngồi lại trên bè, kiên trì và chịu đựng, còn chốc nữa rủi mà sóng biển có làm vỡ bè thì ta lại bơi. Lúc đó đối với ta chẳng còn gì tốt hơn là hy vọng.

Trong lúc trí tuệ và trái tim của chàng chỉ biết suy tính và làm theo như vậy thì vị thần Lay chuyển mặt đất dâng lên một đợt sóng khủng khiếp chống lại

(1) Ô-rốt: gió đông.

chàng. Dợt sóng cao cuộn thành một cái vòm của cái chết đổ ụp xuống đầu chàng... Như một cơn gió mạnh ào ào thổi vào một đồng rơm làm rơm tan tác bay đi tứ phía khắp cánh đồng: biển đã ném tung những cây gỗ dài đi như vậy. Uy-li-xơ trèo lên một cây gỗ và cười lên nó như cười lên một con ngựa đua, rồi chàng cởi bỏ tất cả những quần áo mà nữ thần Ca-líp-xô đã ban cho chàng. Chàng căng ngay chiếc khăn (của I-nô cho - N.V.K) lên ngực, đầu cúi về phía trước lao xuống biển, rồi dang hay tay ra để bơi..." (V, 355 - 375)⁽¹⁾.

Và Uy-li-xơ đã bơi hai đêm, hai ngày như thế cho đến ngày thứ ba biển sóng lặng, khi nữ thần Rạng đông có những búp tóc quần xinh đẹp hiện ra thì cũng là lúc Uy-li-xơ nhìn thấy đất liền.

Thế là hai lần Uy-li-xơ chiến thắng đông tố, chiến thắng thiên nhiên trong một hoàn cảnh đơn độc, cái chết cầm chắc trong tay, cái sống chỉ còn là niềm hy vọng mong manh, le lói. Thế nhưng niềm hy vọng mong manh, le lói ấy lại trở thành ánh bình minh tươi sáng của chàng. Nhà triết học và nhà văn Pháp Pa-xcan của thế kỷ thứ XVII có nói: "... Con người chỉ là một cây sậy bầy yếu nhất của tự nhiên nhưng là một cây sậy suy nghĩ..."⁽²⁾. Thật vậy, trước biển khơi mênh mông, sóng gió ngút ngàn, Uy-li-xơ chỉ là một cây sậy bầy yếu, quá bầy yếu. Nhưng cái cây sậy này

(1) Ô-di-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 44-45

(2) Pascal - *Pensées*.

lại không bị tự nhiên đè bẹp bởi vì một lẽ giản dị nhưng rất kỳ diệu: nó là Con Người, là Uy-li-xơ, là cây sậy suy nghĩ. Gần ba nghìn năm trước, nhân loại đã phát hiện ra cái chân lý ấy trong hình tượng nhân vật Uy-li-xơ. Ba nghìn năm sau Uy-li-xơ, chúng ta chứng minh cái chân lý ấy bằng những Ga-ga-rin, Tê-rét-scô-va... chiến thắng cái đại dương mệnh mông vô cùng vô tận của vũ trụ.

Lý trí và nghị lực, đầu óc thông minh, sáng suốt và tình cảm tha thiết, sắt son đã cứu sống Uy-li-xơ trong suốt cuộc hành trình trở về trên mặt biển. Những cái đó tiếp tục giúp Uy-li-xơ chiến thắng trong cuộc đấu tranh cuối cùng với bọn cầu hôn để đoàn tụ được với gia đình, xây dựng lại hạnh phúc, khôi phục quyền thế và trật tự của mình ở đảo I-ta-cơ.

Cuộc đấu tranh với bọn cầu hôn quả là không cân sức. Nếu kể cả hai người đầy tớ trung thành - ông già chăn lợn O-mê và người chăn bò Phi-lê-xi-ốt - đến lúc gần nổ ra cuộc xung đột mới được Uy-li-xơ cho biết và sử dụng vào cuộc giao chiến thì đây là cuộc giao chiến của 4 (Uy-li-xơ, Tê-lê-mác, hai người đầy tớ) chọi với 108. Thật chẳng khác gì cuộc đọ sức xưa kia giữa Uy-li-xơ với tên khổng lồ Pô-li-phem. Và cũng như xưa kia, một cuộc đọ sức quá chênh lệch về lực lượng như vậy muốn giành được thắng lợi chỉ có thể và phải dùng mưu. Uy-li-xơ đương nhiên hiểu rõ điều này ngay từ khi đặt chân tới quê nhà. Chính vì thế nên chàng trá

hình làm người hành khất, giấu kín tung tích. Làm sao mà lại không trá hình, không giấu kín tung tích được một khi Tê-lê-mác chỉ xin nhân dân I-ta-cơ cấp thuyền cho đi tìm cha cũng đã bị bọn cầu hôn phá hoại, cản trở?, rồi sau này khi trở về còn bị chúng mưu toan ám hại?

Chúng ta có thể, một cách ước lệ, tách biệt hành động của Uy-li-xơ ra, để thấy chàng đã thực hiện ý đồ của mình qua từng bước sau đây:

1. Giấu kín tung tích - Uy-li-xơ trá hình làm một ông lão hành khất bịa ra cho mình một cuộc đời đầy gian truân, khổ cực (nào quê ở đảo Cre-tơ, nào mẹ là một nô lệ được mua về làm nàng hầu, v.v...).

2. Điều tra tình hình: Uy-li-xơ về trại nuôi lợn của ông già O-mê để tìm hiểu tình cảnh gia đình mình và thăm dò thái độ của ông già (còn trung thành hay phản bội?... có tin Uy-li-xơ còn sống và sẽ trở về không?).

Bản trường ca thuật lại trong khi Uy-li-xơ được ông già O-mê vì lòng thương người và mến khách cho Uy-li-xơ ăn uống và kể cho Uy-li-xơ nghe hành động những người của bọn cầu hôn thì Uy-li-xơ im lặng "ăn thật và uống rượu vang, vừa ăn, chàng vừa suy tính việc giáng tai hoạ xuống bọn cầu hôn..."

3. Gây hy vọng và niềm tin: Biết được lòng ông già O-mê còn trung thành với chủ song không tin chủ còn sống mà trở về, Uy-li-xơ bịa ra chuyện về cuộc đời

gian truân của mình kể cho ông già nghe (như đã nói trên). Trong chuyện có đoạn kể, chàng (người hành khất ở đảo Cre-tơ) lạc bước đến xứ Thét-prô-xơ được nhà vua xứ này tên là Phê-đông tiếp đãi nồng hậu. Ở đây chàng được nghe nhà vua kể chuyện về Uy-li-xơ, rằng Uy-li-xơ trên đường về quê hương đã dừng chân ở Thét-prô-xơ và được nhà vua tiếp đãi như một người bạn chí thân; nhà vua đã cho chàng (người hành khất) xem sổ của cải mà Uy-li-xơ tích lũy được - số này nhiều vô kể, có thể nuôi hai người sống mười đời!; rằng hiện Uy-li-xơ đi Đô-đô-nơ để xin Cây Sồi lớn của Dớt một lời chỉ dẫn xem sau nhiều năm xa vắng, nên về quê hương bằng cách nào? Về công khai hay về bí mật?; rằng nhà vua đã cho chuẩn bị sẵn thuyền bè, thủy thủ để chờ Uy-li-xơ ở Đô-đô-nơ về là đưa Uy-li-xơ về quê hương...

Kể cho Ô-mê nghe chuyện xong, Uy-li-xơ - người hành khất, nói cho ông già biết, việc ông tin Uy-li-xơ đã chết là một điều hồ đồ, không có căn cứ. Uy-li-xơ - người hành khất, còn viện thần thánh ra mà thề, nếu người chủ của Ô-mê không trở về thì chàng xin chịu tội ném từ núi cao xuống vực. Có như vậy thì mới răn đe được những kẻ hành khất thường hay kiếm câu chuyện làm quà, nói dối để xin được cơm ăn, áo mặc.

Sau này khi Uy-li-xơ - người hành khất, được Ô-mê đưa về nhà, chàng đã kể lại câu chuyện bịa này cho

Pê-nê-lốp nghe nhưng tỉ mỉ hơn, nào chàng đã gặp Uy-li-xơ ở đảo Cre-tơ và biếu người những tặng phẩm để tỏ lòng hiếu khách, nào đã dẫn Uy-li-xơ về nhà, mời Người nghỉ lại, nào y phục của Uy-li-xơ như thế nào...⁽¹⁾

Việc làm này của Uy-li-xơ một lần nữa lại chứng tỏ chàng là người hết sức khôn ngoan. Bởi vì, Uy-li-xơ có trở về được với gia đình hay không, có đoàn tụ được với gia đình hay không, điều này, trước hết tùy thuộc vào Pê-nê-lốp, vợ chàng, có tin chàng còn sống và sẽ trở về hay không? - kể cả một, hai người gia nhân trung thành sẽ làm nhiệm vụ "*con ngựa thành Tro-roa*". Tác phẩm cho chúng ta biết mặc dù Pê-nê-lốp đã kiên trì chờ đợi chồng, nhưng không phải không có lúc nghiêng ngả, dao động bởi lẽ lòng kiên trì đó không dựa trên một niềm tin chắc chắn rằng Uy-li-xơ còn sống, Uy-li-xơ nhất định sẽ trở về. Pê-nê-lốp đã từng kể lại cho Uy-li-xơ - người hành khất, nghe nỗi lòng của mình:

"... Vì vậy mà trái tim tôi bị giằng xé, phân vân đôi ngả: liệu tôi có nên ở vậy, nuôi con, cai quản gia đình, gìn giữ của cải và những nữ tỳ của tôi cùng với cái dinh cơ có mái to này, chỉ lo nghĩ đến quyền phép của chồng tôi và sự tín nhiệm của nhân dân, hay tôi phải chọn lựa và đi theo một người A-kê-en nào đó mà của cải, lễ vật của anh ta đưa tới dinh cơ này nhiều không

(1) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 115

kể xiết, và anh ta là người tài hoa nhất, xứng đáng nhất trong việc cầu hôn?..." (XIX, 525 - 529).

Chính vì Uy-li-xơ thấu hiểu và nắm được cái tâm trạng này cho nên chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi Uy-li-xơ phải viện thần thánh ra mà thề với ông già Ô-mê để cho ông tin vào câu chuyện của chàng kể. Bằng cách gây hy vọng và niềm tin, Uy-li-xơ đã củng cố lòng chung thủy của vợ mình và những người đầy tớ. Người anh hùng của những chiến công bằng mưu trí, tư tưởng lẽ nào lại không quan tâm đến tư tưởng, không biết "làm công tác tư tưởng"! Chúng ta sẽ thấy Uy-li-xơ "làm công tác tư tưởng" trong nhiều trường hợp khác nữa.

4. Bày mưu giết bọn cầu hôn: Cũng ở trại nuôi lợn của ông già Ô-mê, hai cha con Uy-li-xơ - Tê-lê-mác đã gặp nhau và nhận ra nhau. Sau khi kể qua cho con biết, mình được những người Phê-a-ki giúp đỡ cho thuyền trở về quê hương, Uy-li-xơ hỏi con về tình hình bọn cầu hôn và bày mưu trừng phạt chúng (Tê-lê-mác rất đổi băn khoăn: *"làm sao có thể với hai người địch lại với một số đông như vậy?"*).

"... Ngày mai khi trời vừa sáng, con hãy trở về và gặp lũ cầu hôn điên dại đó ở nhà. Một lúc sau Ô-mê sẽ dẫn cha vào trong thành. Cha sẽ ăn mặc rách rưới như một lão già hành khất khốn khổ. Nếu bọn cầu hôn có lăng nhục cha tại nhà như thế nào thì con hãy dằn lòng chịu đựng, nhìn chúng bạc đãi cha. Dẫu con

có thấy chúng cầm chân cha kéo qua căn phòng lớn vứt cha ra ngoài hay chúng có đánh đập cha thì mặc chúng! Con cứ để chúng hành động hoặc giả con có muốn làm giảm nổi điên cuồng của chúng thì con phải dùng những lời lẽ dịu dàng nhất khuyên can chúng. Nhưng chúng sẽ chẳng nghe theo con đâu bởi vì ngày định đoạt số phận chúng đã đến gần! Con hãy nghe đây một điều nữa và ghi nhớ kỹ trong lòng. Theo ý đồ của nữ thần A-tê-na người khuyên nhủ tốt, con sẽ thấy cha gặt đầu ra hiệu. Thấy vậy, lập tức con thu thập hết mọi binh khí ở trong phòng lớn xếp vào tận cuối nhà kho cao. Nếu bọn cầu hôn không thấy vũ khí, thắc mắc hỏi han, thì con hãy dùng những lời lẽ ngọt ngào trả nhời chúng rằng "... Tôi đem cất nó đi để khỏi bị ám khói.

Cứ để thế này thì còn ai nhận ra được đây là những binh khí mà Uy-li-xơ để lại nhà khi lên đường sang Tơ-roa! Hơi lửa của lò sưởi đã làm chúng gỉ hết cả! "Rồi thần Dớt lại đặt vào đầu cha một ý nghĩ khác: cha sợ rằng bị rượu vang kích thích sẽ xảy ra một cuộc xung đột giữa con với bọn chúng, gây ra chuyện đổ máu thương tích và sẽ làm nhor bữa tiệc và chuyện cưới hỏi sau này, vì lẽ sát thu hút người. Con chỉ để lại cho chúng ta hai thanh kiếm, hai ngọn lao và hai cái lá chắn bằng da trâu, loại lá chắn cầm tay. Khi nữ thần Pan-lát A-tê-na và Dớt người đồng tình với chúng ta, làm mù mắt bọn cầu hôn thì chúng ta lao vào chúng để trừng trị chúng. Còn một điều nữa

cha dặn, con phải ghi lòng tạc dạ. Nếu con quả thật là dòng máu của cha thì con phải giấu kín để tuyệt không một ai biết được Uy-li-xơ đã về., La-éc-tơ, không cho biết; ông già chăn lợn, cũng không; và mọi đầy tớ trong nhà cũng vậy, cả đến mẹ con; Pê-nê-lốp, cũng không được biết. Chỉ có chúng ta, cha và con là, phải tìm hiểu tư tưởng của bọn nữ tỳ và các gia nhân để xem ai là người trong bọn chúng thật tâm kính trọng và thật tâm biết sợ chúng ta, ai là kẻ chẳng đếm xỉa gì đến chúng ta và tỏ vẻ khinh miệt cảnh ngộ khốn khổ của con?" (XVI, 270 - 306).

Như thế là Uy-li-xơ bày mưu hãm kẻ thù vào một thế bất lợi nhất: không có vũ khí. Đông người mà không có vũ khí thì chắc chắn, cái số đông ấy nếu không rơi vào tình cảnh "vô kế khả thi" như cáo mắc bẫy thì cũng không phát huy được ưu thế về số lượng.

Đây chỉ là câu chuyện trong văn học. Nhưng chỉ mấy thế kỷ sau một câu chuyện thật, tương tự như thế đã xảy ra trong lịch sử Hy-lạp: trận thủy chiến Xa-la-min. Ngày 27 tháng 9 năm 480 trước công nguyên, hạm đội hùng mạnh của quân xâm lược Ba-tư đã bị hạm đội Hy-lạp giáng cho một đòn quyết định như đòn của Ngô Quyền đánh quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng. Quân Hy-lạp dùng mưu dụ hạm đội Ba-tư vào vịnh Xa-la-min rồi bất ngờ tiến công. Vùng biển hẹp, chiến thuyền Ba-tư lại to lớn và nhiều nên rất khó xoay trở, cơ động, do đó không địch lại nổi những

chiến thuyền thon nhẹ của quân Hy-lạp. Quân Hy-lạp đã thắng một trận hết sức oanh liệt. Với một lực lượng từ 350 đến 380 chiến thuyền, quân Hy-lạp đã đánh tan hạm đội Ba-tư gồm hơn 800 chiến thuyền⁽¹⁾ nhấn chìm 200 chiếc trong số đó xuống biển sâu. Quân Hy-lạp chỉ bị thiệt hại 40 chiếc.

Hẳn rằng nhà chỉ huy trận thủy chiến oanh liệt đó, Thê-mi-xtô-clét cũng như mọi công dân Hy-lạp đều thuộc lòng trường ca của Hô-me-rơ và, (chúng ta có thể suy luận rằng) hơn ai hết Thê-mi-xtô-clét là người thấy rõ được bài học về cái "mưu" trong đấu tranh ở nhân vật Uy-li-xơ!

*

* *

Là người anh hùng trí tuệ, Uy-li-xơ bao giờ cũng suy nghĩ, tính toán, dự kiến trước khi hành động. Chàng là một con người hành động có ý thức, một con người đã triệt để sử dụng đầu óc vào việc chỉ huy, điều khiển hành động. Tính năng động của Uy-li-xơ khác rất xa với tính năng động của A-khin. Nó là kết quả của lý trí chứ không phải của bản năng, của tình cảm bột phát.

Bị bão đắm bè, được nàng tiên I-nô giúp đỡ, cho một chiếc khăn thần và chỉ bảo, khuyên nhủ, nhưng

(1) Theo vở bi kịch "Quân Ba-tư" của Êt-khin thì hạm đội Ba-tư có 1207 chiến thuyền. Quân Hy-lạp có 310 chiến thuyền.

Uy-li-xơ không nghe theo ngay lời thần. Chàng suy nghĩ, tính toán và quyết định chỉ khi nào chiếc bè bị vỡ chàng mới chịu rời nó và bơi vào bờ.

Khi bơi được vào bờ, nằm giữa đám lau, Uy-li-xơ suy nghĩ:

"Thật bất hạnh cho ta! Ta còn phải chịu những đau khổ gì nữa?... Tai hoạ cuối cùng này là gì đây nữa?. Nếu ta ở bên con sông này thức suốt đêm thì đêm nay mới cơ cực làm sao! Và khi cái rét buốt của buổi sớm mai với sương đêm thấm đẫm vào người thì ta đến chết mất! Ta tránh sao cho khỏi kiệt sức làm người ta tái nhợt đi và tìm ta ngừng đập. Gần sáng lại có gió lạnh từ bờ sông thổi lên nữa. Nhưng leo lên đồi đi vào rừng rậm để tìm một chỗ nằm ở giữa các bụi cây thì ta lại sợ rằng được nằm ấm thoải mái, buông mình theo giấc ngủ dịu hiền ta có thể trở thành món ăn và mồi ngon cho thú dữ...

Tính toán hết mọi đường mọi nẻo như vậy, Uy-li-xơ thấy tốt nhất là đi vào cánh rừng cao trên con sông...". (V, 465 - 473)⁽¹⁾.

Gặp Nô-di-ca, Uy-li-xơ suy nghĩ: "Liệu ta có nên đến sờ vào đầu gối người thiếu nữ xinh đẹp này để cầu xin nàng không?... hay ta cứ đứng đây và dùng những lời cầu xin dịu dàng để hỏi đường về kinh thành và xin quần áo mặc"? và Uy-li-xơ đã: "suy nghĩ, tính toán

(1) Ô-di-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 48 - 49.

hết mọi đường mọi nẻo và thấy tốt nhất là cứ đứng xa nàng và dùng những lời cầu xin dịu dàng, còn nếu đi đến sờ vào đầu gối nàng e có thể làm nàng tức giận". (VI, 142 - 148)⁽¹⁾.

Vì luôn luôn dự kiến tình hình, cân nhắc lợi hại, suy tính thiệt hơn cho nên Uy-li-xơ là một con người hết sức thận trọng, hết sức cảnh giác, biết đề phòng sau trước, mọi nẻo mọi đường. Tinh thần cảnh giác của Uy-li-xơ đã làm cho chúng ta kinh ngạc, khâm phục trong chuyện cái tên bịa "Chẳng có ai". Nhưng chưa phải là biểu hiện tuyệt đỉnh của trí tuệ Uy-li-xơ. Đây mới là một biểu hiện "đáng mặt anh tài" hơn: Uy-li-xơ sau khi giết bọn cầu hôn, trước sự lạnh nhạt của vợ (vì Pê-nê-lốp chưa nhận ra được đích thực người chồng của mình) đã bảo Tê-lê-mác như sau:

"... Tê-lê-mác hỡi! Hãy để chuyện đó lại! Mẹ con còn muốn thử thách cha con ở ngôi nhà này!... Sớm muộn rồi mẹ cũng sẽ nhận ra cha và chắc chắn như vậy. Con thấy đấy, hiện giờ người cha thì bẩn, áo quần rách rưới khiến mẹ con khinh bỉ. Sự khinh bỉ đã níu giữ mẹ con lại không cho mẹ con nhìn thấy được Uy-li-xơ ở trong ta! Nhưng về phần cha con ta, chúng ta hãy bàn bạc xem nên xử trí thế nào để cho có được thành công tốt đẹp nhất. Nếu khi có một ai chỉ giết một người ở trong xứ sở và người chết dù chẳng có ai báo thù cho mình thì kẻ giết người cũng đã phải rời

(1) nt tr. 55.

bỏ xứ sở và những người thân thích mà ra đi! Còn chúng ta, chúng ta đã hạ cả thành lũy của đô thị là những người con trai quyền quý nhất của hòn đảo, thế thì con nghĩ thế nào về việc đó, con hãy nói cho cha biết? ..." (XXIII, 113 - 125)⁽¹⁾.

Đó, cái "đầu óc lạnh" của Uy-li-xơ là như thế. Trước cảnh vợ chồng gặp lại nhau sau hai mươi năm trời xa cách "Hai mươi năm ấy bây giờ là đây", mà vợ không nhận, Uy-li-xơ cũng không hề nôn nóng, dù chỉ nôn nóng như đứa con trai của mình. Uy-li-xơ lo nghĩ trước hết đến cách đối phó với gia đình của những tên cầu hôn bị giết. Tinh thần cảnh giác của chàng đã vượt xa nữ thần A-tê-na, bởi vì sau này khi gia đình bọn cầu hôn nổi dậy đòi trả thù, A-tê-na đã không biết nên giải quyết thế nào, phải bay về trời xin Dớt ban cho một lời chỉ dẫn!

Đầu óc cảnh giác, tính toán đề phòng của Uy-li-xơ đã có lần khiến nữ thần A-tê-na phát bực, phát cáu mà kêu lên rằng: (khi Uy-li-xơ nói dối A-tê-na quê mình ở đảo Cre-tơ).

"... Rõ đồ xảo quyết! đồ đầu trộm đuôi cướp! Phải là một vị thần thì mới vượt người được về mọi thứ mưu kế!... Người là đồ khốn nạn, chuyên môn bịa chuyện! Lúc nào cũng thèm khát mưu mô!... Người đã về đến quê hương rồi mà vẫn chỉ nghĩ đến những

(1) Ô-đi-xê. Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 146.

chuyện kể của bọn ăn cướp, đến những lời ăn nói dối trá vốn thân thiết với người từ thời thơ ấu... Hãy thôi ngay những cái trò đó đi!..." (XII, 291 - 296).

Lời nói đầy tức giận của nữ thần A-tê-na đã phản ánh khái quát tính cách của nhân vật Uy-li-xơ. "*Uy-li-xơ là sự thần thánh hoá đầu óc khôn ngoan của con người*" - Biê-lin-xki đã nhận xét như vậy⁽¹⁾.

Vì sao lại có, lại nảy sinh ra cái phẩm chất "đa mưu túc kế" đó, và nó lại là phẩm chất của người anh hùng? Hoàn cảnh lịch sử của thế giới Hy-lạp, thời đại anh hùng sau những cuộc chiến tranh giữa các liên minh bộ lạc đã giải thích cho chúng ta điều đó. Đây là thời kỳ những người Hy-lạp tiến hành công cuộc tìm hiểu thế giới chung quanh, mở rộng tầm mắt và địa bàn hoạt động. Trong sự nghiệp chinh phục thế giới đó, phẩm chất dũng cảm kiên định và đầu óc khôn ngoan, mưu trí là rất cần thiết, Uy-li-xơ chính là con người mang những phẩm chất ấy. Đó là sự lý tưởng hoá cái sức mạnh kỳ diệu của trí tuệ con người. A-khin là sự lý tưởng hoá cái sức mạnh thể chất, cái sức mạnh sôi động, cái "dũng" của con người với nhiều nét mà ngày nay chúng ta thấy là hết sức hoang đường và thô thiển. Uy-li-xơ cũng tương tự như vậy. Công cuộc chinh phục thế giới của người Hy-lạp, việc thám hiểm những con

(1). V.G.Biê-lin-xki- *toàn tập*, tập V. Sự phân chia thơ ca thành loại hình và loại thể. 1954, tr. 34 - Chuyển dẫn từ "*Lịch sử văn học cổ đại Hy-lạp*" của S.I. Rát-si-gơ, 1969 (tiếng Nga).

đường biển mới, khám phá những vùng đất đai mới, đòi hỏi con người phải có nghị lực và lý trí, đòi hỏi con người phải có đầu óc sáng suốt và sự mưu mẹo, khôn ngoan. Đó chính là cái cơ sở lịch sử - xã hội đã đòi hỏi và làm nảy sinh ra ở người Hy-lạp những phẩm chất anh hùng mới khác với phẩm chất anh hùng của chàng A-khin.

KHÁT VỌNG TÌM HIỂU THẾ GIỚI XUNG QUANH VÀ NIỀM MƠ ƯỚC MỘT CUỘC SỐNG VĂN MINH HOÀ BÌNH VÀ HẠNH PHÚC

Trường ca "*Ô-di-xê*", qua cuộc hành trình phiêu bạt của nhân vật Uy-li-xơ còn giới thiệu cho chúng ta một mặt khác của niềm mơ ước và khát vọng của con người Hy-lạp thời cổ muốn thoát khỏi thời đại dã man để bước sang thời đại văn minh. Nếu như trong "*I-li-át*" ước mơ và khát vọng đó là chiến trận và chiến công, cướp bóc và chiến lợi phẩm thì trong "*Ô-di-xê*" ước mơ và khát vọng đó là một cuộc sống văn minh trong hoà bình và lao động; trong hạnh phúc của cải vật chất dồi dào mà tình nghĩa giữa người với người lại càng nồng thắm.

Hành trình phiêu bạt của Uy-li-xơ không phải đơn thuần chỉ là hành trình trở về, từ thành Tơ-roa trở về quê hương I-ta-cơ. Nó còn là một cuộc hành trình phiêu bạt của một con người khát khao hiểu biết thế giới xung quanh. Vì lẽ đó những nỗi đau khổ của người anh hùng chịu nhiều đau khổ không phải hoàn toàn do Số mệnh, Thần thánh, những tai hoạ do thiên nhiên gây ra, mà còn do chính lòng khát khao hiểu biết của

người anh hùng gây ra. Vì sao Uy-li-xơ lại sa vào hang của tên khổng lồ Pô-li-phem? Vì ai mà xảy ra tai hoạ mười hai thủy thủ can đảm nhất ra đi chỉ còn lại sáu trở về? Vì sao mà xảy ra cái cơ sự như lời nguyên rủa của Pô-li-phem: "hắn (Uy-li-xơ - N.V.K) phải chịu một chuỗi dài tai hoạ mất hết các bạn đường rồi mới trở về được nhà trên một con thuyền đi mượn để rồi lại gặp tai hoạ ở nhà!..."

Đây là câu trả lời:

"... Đất ở của những người một mắt tròn⁽¹⁾ (Ki-clốp - N.V.K) đây kia rồi, gần lắm! Chúng tôi nhìn thấy khói của họ bốc lên và nghe rõ cả tiếng người nói và tiếng dê kêu. Khi mặt trời lặn, hoàng hôn buông xuống, mọi người nằm ngủ trên bờ biển.

Chẳng mấy chốc, trong cái nôi sương mù của mình. Rạng đông có những ngón tay hồng hiện ra, tôi liền gọi tất cả mọi người lại họp và bảo:

"... Hỡi các bạn hữu trung thành! Đoàn thuyền của chúng ta đậu lại đây gần hết! Nhưng còn ta, ta sẽ ra đi với con thuyền của ta và những người ta chọn để thăm dò và tìm hiểu xem những người ở đây là thế nào, là những kẻ cướp không biết đến công lý, một giống người man rợ hay những người niềm nở mến khách có lòng tôn kính các thần linh?...". (IX, 166 - 176).

(1) L'oeil rond.

Trước khi đến xứ sở của những người mặt tròn, đoàn thuyền của Uy-li-xơ đã dừng lại ở xứ sở của những người Lô-tô-pha-giơ - những người sống bằng hoa Lô-tốt. Uy-li-xơ đã cử ba người (hai thủy thủ và một người truyền lệnh) lên đất liền để *"tìm hiểu xem những người ăn bánh mì nào làm chủ mảnh đất này..."*. Vì thế tai họa đã xảy ra. Những người Lô-tô-pha-giơ cho ba người ăn hoa Lô-tốt - hoa sen, và thế là ba người quên hết mọi việc trên đời chỉ muốn ở lại với những người Lô-tô-pha-giơ để ăn hoa Lô-tốt. May thay Uy-li-xơ cứu thoát được họ.

Đoàn thuyền của Uy-li-xơ tới xứ sở của những người Lét-tơ-ri-gông và lần này cũng như lần đến xứ sở của những người Lô-tô-pha-giơ, Uy-li-xơ lại cử ba người đi để *"tìm hiểu xem những người ăn bánh mì nào làm chủ mảnh đất này..."* Cũng như lần trước, tai họa lại xảy ra và lần này lớn hơn lần trước: họ gặp những người khổng lồ cao như núi ăn thịt người, Lét-tơ-ri-gông. Gặp người lạ, tên Ăng-ti-pa-tét, vua của những tên khổng lồ kêu gọi tất cả con dân của chúng ra, từ các núi đá kéo nhau ra, vác từng tảng đá lớn ném xuống đoàn thuyền của Uy-li-xơ và xiên những anh em của Uy-li-xơ như xiên cá đem về làm món ăn. Mười một thuyền bị đá ném vỡ tan tành, anh em thủy thủ bị chết hết chỉ còn sót lại một chiếc thuyền của Uy-li-xơ với một số anh em.

Đến đảo của mù phù thủy Kiếc-kê cũng thế. Uy-li-xơ

muốn biết xem địa lý của mảnh đất này, đâu là nơi mặt trời mọc, đâu là nơi mặt trời lặn. Lần này Uy-li-xơ chia anh em thuỷ thủ làm hai, Uy-li-xơ cầm đầu một toán và Ô-ri-lô-cơ cầm đầu một toán rồi dùng hình thức rút thăm để xem ai sẽ là người đi thám hiểm hòn đảo. Tai hoạ lại xảy ra! Anh em thuỷ thủ do Ô-ri-lô-cơ cầm đầu bị Kiéc-kê biến thành lợn. Và cũng lại Uy-li-xơ cứu thoát anh em, hơn nữa chàng lại còn được Kiéc-kê chỉ đường đi xuống thế giới âm phủ để gọi hồn, nói chuyện với những người thân thích đã chết!

Khát vọng hiểu biết của con người thật là một sức mạnh không gì ngăn cản nổi. Nó như ngọn lửa luôn luôn nung nấu thiêu đốt tâm can con người. Nó cuốn hút, quyến rũ con người, làm say mê con người như một ma lực. Uy-li-xơ, rõ ràng đã gặp phải biết bao tai hoạ song vẫn không sao "chừa" được, đúng hơn, vẫn quyết không "chừa" cái khát vọng hiểu biết nung nấu trong lòng mình. Qua vùng biển nguy hiểm của Xi-re-nơ, Uy-li-xơ lại nghĩ ra cách đút nút sáo ong vào tai anh em thuỷ thủ, còn mình, bảo anh em trói chặt vào cột buồm để... chỉ để... nghe được tiếng hát du dương và náo nức lòng người của các tiên nữ Xi-re-nơ!

Truyện cổ mới kỳ lạ làm sao! - nhưng chắc rằng không đến nỗi khó hiểu. Đó là cái kỳ lạ như tiếng reo sáng khoái "Ô-rê-ka" của nhà vật lý học Ác-ki-mét; cái kỳ lạ của "quả táo Niu-tơn"; cái kỳ lạ của chàng thanh

niên Pê-scốp ngồi trên mái nhà giờ trang sách ra soi dưới ánh sáng chiếu để tìm hiểu điều bí ẩn của sự xúc động nghệ thuật; và như cái kỳ lạ của anh Ba, người phụ bếp của tàu "Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin" viết chữ vào tay để vừa rửa bát vừa học!

Đó chính là cái kỳ lạ của bản chất con người, cái kỳ lạ đã tạo ra nhân loại và ngày càng đưa nhân loại tiến tới một cuộc sống văn minh thực sự.

Như vậy hành trình trở về của Uy-li-xơ đã phản ánh cái khát vọng hiểu biết của thời đại, cái nhu cầu hiểu biết của người Hy-lạp cổ đối với mặt biển, đúng hơn, một vùng biển phía Tây Hy-lạp: vùng biển Tây Địa-Trung-Hải. Việc nghiên cứu những địa danh trong bản trường ca đã cho phép những nhà Hy-lạp học kết luận chắc chắn như vậy.

Trường ca "*I-li-át*" phản ánh cuộc viễn chinh sang thành Tô-roa như là đã phản ánh sự am hiểu của người Hy-lạp trên vùng biển Ê-giê tức là vùng biển phía Đông Địa-Trung-Hải.

Thời đại của những cuộc chinh phạt của nhà nước Mi-ken vào cuối thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên đã là cơ sở lịch sử của những truyền thuyết sử thi. Trên cơ sở đó, "*I-li-át*" được hình thành với một kết cấu tập trung xoay quanh "Cơn giận của A-khin". Còn với "*Ô-đi-xê*" thì lại phản ánh một giai đoạn muộn hơn, khi mà thế giới Hy-lạp ở hai bên bờ biển Ê-giê không còn bị khuấy đảo vì những cuộc chiến tranh cướp bóc

nữa. Đây là thời kỳ của những nhu cầu tìm hiểu thế giới xung quanh gắn liền với sự phát triển của thương nghiệp, thời kỳ những người Hy-lạp mở rộng tầm mắt sang phía Tây Địa-Trung-Hải. Đối với người Hy-lạp trong giai đoạn này, phía Tây quả có nhiều điều bí hiểm, kỳ lạ. Giống như thời đại của các cuộc chiến tranh cướp bóc đã làm nảy sinh ra hàng loạt các bài ca anh hùng, các bài sử thi chiến trận, thời đại của thương nghiệp và nghề ăn cướp biển, mở rộng địa bàn hoạt động cũng tạo ra một thế giới phong phú các truyện thần thoại truyền thuyết, truyện cổ tích về những cuộc hành trình phiêu lưu, ly kỳ trên mặt biển và những xứ sở xa lạ, kỳ diệu mà con người đã thấy được, gặp phải trong cuộc hành trình. Những chuyện phiêu lưu, ly kỳ này có nguồn gốc rất khác nhau và chắc chắn rằng không phải nó chỉ nảy sinh trong thời đại Hô-me-rơ. Nhiều chuyện có nguồn gốc rất cổ xưa mà khoa folklore-học mặc dù đã có nhiều cố gắng song cũng không sao chiếu rọi ánh sáng qua được bức màn đêm dày đặc của quá khứ tiền sử.

Trong những nhu cầu của sự phát triển xã hội Hy-lạp thời đại Hô-me-rơ, nhu cầu về luyện kim - thanh đồng có ý nghĩa hàng đầu. Sắt đã được sử dụng ở Hy-lạp song chưa phổ biến và vẫn là một thứ kim loại từ ngoài đưa vào; mặc dù thanh kiếm sắt từ cuộc di cư của những người Đô-riêng đã hạ uy thế của con dao đồng nhưng vẫn chưa thay thế được nó trong gia tài vũ khí của người Hy-lạp. Đồng vẫn là một kim loại

chủ yếu trong công nghiệp làm vũ khí của người Hy-lạp, Để luyện được thanh đồng cần có thiếc, một nguyên liệu hiếm và quý thời đó. Nhưng tìm ở đâu ra thứ nguyên liệu "chiến lược" này? - Có hai con đường, con đường gần nhất, quen thuộc nhất, dễ dàng nhất là tìm ở các đô thị ven bờ Hắc-Hải hoặc phía Đông biển Ê-giê như Côn-ki-đơ, Mi-lê... Con đường thứ hai xa hơn, nguy hiểm hơn và hầu như chưa quen thuộc, am hiểu là đi về phía Tây Địa Trung Hải đến những vùng biển không có đảo hoặc đến vùng eo biển Mét-si-nơ, vùng bờ biển nước Ý...

Uy-li-xơ là người đã đi theo con đường thứ hai đó. Chàng chính là người đã đi tìm hiểu cái thế giới phía Tây Địa-Trung-Hải xa lạ và đầy nguy hiểm đó, mặc dù trường ca "Ô-đi-xê" không hề phản ánh và kể lại cho chúng ta nghe chuyện đi tìm kiếm thiếc và cũng không phải là bản anh hùng ca ca ngợi chiến công lịch sử tìm thiếc của người Hy-lạp. Ở đây cũng như quy luật chung của sự hình thành sử thi dân gian ở bất cứ dân tộc nào, hiện tại bị đẩy vào quá khứ, những sự khám phá, phát hiện đầy gian khổ nhưng cũng tràn ngập niềm vui mừng và kinh ngạc của một con người khát khao hiểu biết, dạn dày kinh nghiệm, năng động và kiên định bị trùm lên một tấm khăn rực rỡ dệt hết sức khéo léo bằng những sợi dọc là quá khứ và sợi ngang là thần thoại.

Uy-li-xơ đã phát hiện ra nhiều chuyện lạ trong cuộc

hành trình trở về phiêu bạt của mình. Xứ sở của những người Ki-clốp hiện ra trước mắt chàng như là xứ sở của những người mông muội, dã man, vô tổ chức:

"... Chúng tôi đến xứ sở của những người Ki-clốp man rợ, pháp luật chẳng có mà thờ cúng cũng không. Họ sống y lại vào Thần linh nên chẳng tay cày bừa, trồng trọt gì cả. Họ cũng chẳng có hội nghị để cùng nhau bàn bạc hoặc phán xét công việc. Họ ở tận đỉnh cao của những trái núi lớn, sống trong hang động của mình và mỗi người tự đặt ra pháp luật cho vợ con mình, chẳng ai quan tâm đến ai hết cả.

Trước mắt cửa biển không gần mà cũng không xa chỗ ở của người Ki-clốp là Đảo Bé.

Đây là một hòn đảo rừng cây rậm rạp, dẽ hoang nhiều vô tận, không hề có một bước chân người đặt tới đây khiến cho dẽ phải sợ. Chẳng có những người đi săn lặn lội vất vả, vượt núi xuyên rừng tới đây để săn đuổi chúng. Vì thế đất đai trên đảo quanh năm ngày tháng chẳng cày bừa, gieo trồng gì hết. Không có người ở nên hòn đảo chỉ là một bãi hoang cho loài dẽ kêu be be sinh sống.

Người Ki-clốp không có lấy một chiếc thuyền có đôi má ửng hồng và cũng chẳng có lấy một người thợ mộc⁽¹⁾ để đóng cho họ một đoàn thuyền. Bởi vì nếu họ có những con thuyền tốt có mái chèo để đi lại, vượt

(1) charpentier.

biển, từ đô thị này đến đô thị khác thì họ tìm kiếm được biết bao sản phẩm mà con người thường trao đổi với nhau. Chà... như thế có lẽ đảo này của họ sẽ có một đô thị tuyệt đẹp! Mọi hoa quả rồi sẽ đổ về đây cả. Đất đai của họ rất tốt. Gần những lớp sóng ngẫu bọt trên bờ là những đồng cỏ ẩm ướt, đất xốp, mà ta có thể trồng nho quanh năm. Cày cấy thì thật dễ biết bao, ta có thể làm ăn mỗi năm một vụ hè bội thu!..." (IX, 116 - 135)⁽¹⁾.

Đó là cái nhìn của Uy-li-xơ đối với xứ sở của những người Ki-clốp, một cái nhìn của một con người văn minh của một nền văn minh nông nghiệp sớm phát triển. Nhưng Uy-li-xơ còn là một thủy thủ, một thuyền trưởng nữa, một con người của nghề hàng hải nữa, do đó chàng cũng không quên nhìn bằng con mắt "chuyên môn" của mình:

"... Đảo này ở ngoài bến còn có những nơi che khuất hết sức thuận tiện cho ta đỗ thuyền chẳng phải neo, buộc gì cả. Thuyền đỗ lại ta có thể yên tâm cho đến khi nào lòng ta quyết định lên đường hay khi gặp trời nổi gió..." (IX, 136 - 138).

Đất ở mà hoang dại như thế thì chủ nó hẳn là chẳng đỡ hoang dại hơn. Pô-li-phem chỉ là "một quái vật hình người, sống một mình chẵn cừu không giao thiệp với ai..." và "chỉ nghĩ đến tội ác". Đó là "một tên khổng lồ

(1) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, tr.1966, 69 - 71.

khủng khiếp, chẳng phải, một người ăn bánh mì, không phải là một con người". Pô-li-phem "không biết đến Dớt và các vị thần, không phải là kẻ có lòng mến khách..." Chính vì thế nên sáu anh em thuỷ thủ của Uy-li-xơ đã bị Pô-li-phem bắt ăn thịt!

Đối lập lại với xứ sở của Pô-li-phem là hòn đảo Xkê-ri của người Phê-a-ki do nhà vua An-ki-nô-ốt cai quản, một xứ sở sống trong hoà bình và hạnh phúc, có một trình độ văn minh cao và đặc biệt là trên dưới rất hoà thuận, bình đẳng.

Thành tựu văn minh cao nhất, niềm tự hào lớn nhất của dân tộc Phê-a-ki là nghề hàng hải - những con thuyền. Đó là "những con thuyền có lý trí chẳng cần người cầm lái và không có bánh lái như những con thuyền khác. Chúng lại còn biết đoán được những điều mong muốn và ý nghĩ của con người. Chúng biết rõ cả những đô thị và những vùng đồng bằng phì nhiêu ở khắp mọi nơi trên trái đất. Chúng đưa con người vượt qua các vực sâu của biển cả không hề sợ bị hư hỏng hay bị mất tích trong những màn sương mù và mây dày bao phủ trên chúng..." (XI, 555-563).

Thật là những con thuyền hết sức kỳ diệu! Nhưng kỳ diệu hơn cả chính là thái độ lý tưởng hoá những thành quả lao động của mình và niềm mơ ước chinh phục biển cả bằng tri tưởng tượng vô cùng mỹ lệ và phong phú. Đúng là một niềm mơ ước có tinh chất của tự động hoá, của điều khiển học và của những bộ óc điện tử thế kỷ XXI!

Một trong những con thuyền đó đã đưa Uy-li-xơ trở về quê hương I-ta-cơ:

"... Như trước một cỗ xe ta thấy bốn con ngựa giống phóng như bay trong cánh đồng cùng in dấu chân xuống đường và cùng nuốt con đường dưới những làn roi quất; cũng vậy mũi thuyền in dấu trên biển và trong những làn sóng sục sôi của nước bị rẽ ra, biển âm âm cuộn chảy về sau. Con thuyền chạy không trông tránh, không xảy ra tai biến đến nỗi điều hâu, con chim bay nhanh nhất trong các loài chim cũng không sao theo kịp được thuyền..." (XIII, 80 - 87).

Có được những thành tựu kiệt xuất như thế là vì:

"Đừng có nói với những người Phê-a-ki về ống đựng tên, cũng đừng nói đến cung mà hãy nói đến cột buồm và mái chèo và những con thuyền thon nhẹ để đưa họ đi, vui vẻ, trên biển khơi ngầu bọt..." (VI, 270 - 272).

Vua An-ki-nô-ốt rất đỗi tự hào về dân tộc và đất nước của mình. Trong bữa tiệc tiễn đưa vị khách bất hạnh, nhà vua đã nói:

"... Sau đây khi ngài trở về được với vợ với con, bên bàn ăn, ngài sẽ phải tiếp một vị anh hùng muốn hiểu rõ những thành tựu của chúng tôi. Lúc ấy ngài phải nói cho vị đó biết, Dớt đã ban truyền và gìn giữ cho chúng tôi những nghề nghiệp⁽¹⁾ gì từ đời cha đến đời con, đời cháu. Không! Chúng tôi chẳng hơn ai về võ

(1) les travaux

nghe cơn quýt! Chúng tôi là những người chạy nhanh và những thủy thủ ưu tú. Nhưng với chúng tôi bất kể lúc nào, chẳng gì bằng yến tiệc, hội hè, ca múa, có nước nóng tắm, áo quần mới sạch sẽ và tình yêu..."

Tiếp đó nhà vua phấn khởi kêu gọi dân chúng của mình:

"... Nào hãy bước vào cuộc vui đi! Hỡi các bạn tham dự vũ hội tài giỏi người Phê-a-ki chúng ta! Ta những muốn rằng, rồi đây khi trở về đến nhà, vị khách của chúng ta có thể nói với những người thân yêu của mình rằng, về mái chèo và chạy thi, về hát và múa, chúng ta không có đối thủ..."(VII, 241 - 254).

Giới thiệu đất nước Phê-a-ki có những con thuyền có lý trí và không cần người cầm lái mà quên không giới thiệu cung điện của vua An-ki-nô-ốt thì là một thiếu sót lớn. Đây là một công trình lao động của trí tuệ và sức lực của con người, của nhân dân, phản ánh một trình độ hiểu biết và thẩm mỹ rất cao của nền văn minh thời cổ. Thần thoại Hy-lạp đã từng giới thiệu cho chúng ta biết những cung điện, lâu đài nguy nga đồ sộ nhưng không miêu tả. Ở đây Hô-me-rơ đã miêu tả cho chúng ta biết khá tỉ mỉ về một cung điện - cung điện của vua An-ki-nô-ốt mà nhiều nhà nghiên cứu coi đó là dấu vết của cung điện của Mi-nốt ở Cre-tơ.

"... Uy-li-xơ đi về phía chỗ ở sang trọng của nhà vua An-ki-nô-ốt. Chàng phải dừng lại một lát. Đứng trước ngưỡng cửa bằng đồng, trái tim chàng hồi hộp

xiết bao! Bởi vì đứng dưới những trần nhà cao của vua An-ki-nô-ốt hào hiệp thật như đứng dưới ánh mặt trời và mặt trăng! Từ ngưỡng cửa cho đến tận cuối nhà, hai bức tường đồng chạy suốt hai bên, trên có đường viền bằng men xanh. Những cửa vàng mở rộng trong các bức tường dày, bọc đi trên ngưỡng cửa đồng làm bằng bạc. Dưới mí cửa bạc là vòng móc bằng vàng, lại có hai con chó ở dưới đều bằng vàng bằng bạc do nghệ thuật hết sức khéo léo của thần Hê-pha-i-xốt sáng tạo ra để giữ nhà cho vua An-ki-nô-ốt hào hiệp.

Ở hai bên tường kê những ghế bành theo một hàng dài từ ngưỡng cửa chạy vào cho đến cuối phòng. Bọc trên mặt ghế là những tấm lụa mỏng do bàn tay những nữ tỳ dệt. Đó là nơi các vị bô lão Phê-a-ki thường tới ngồi họp.

Đứng trên những bệ đá là tượng những thanh niên trai tráng bằng vàng, tay cầm đuốc để ban đêm rọi sáng cho căn phòng và những vị khách dự tiệc. Năm chục nữ tỳ sống trong cung điện, kẻ thì xay lúa mì vàng trong cối, kẻ thì dệt vải hay quay xa kéo sợi giống như chiếc lá của một cây bạch dương cao quay. Dầu nhỏ giọt và chảy ra trong những tấm vải đang dệt. Nếu những người đàn ông Phê-a-ki tài giỏi hơn mọi người về lái thuyền trên sóng nước chùng nào thì những người đàn bà Phê-a-ki cũng tài giỏi hơn mọi người trong công việc dệt vải chùng ấy; bởi vì trong hết thấy mọi người, nữ thần A-tê-na đã ban cho những

người phụ nữ Phê-a-ki một trái tim đoan chính và một bàn tay khéo léo. Cảnh sân là một khu vườn lớn rộng bốn ác-păng, chung quanh rào kín. Đây là một khu vườn trồng cây ăn quả mà cành lá to lớn của những cây lê, cây lựu, cây táo có quả vàng, và những cây ô-li-vơ bẽ thế, những cây và nhà đèo bông những quả của mình chẳng hề biết mệt, chẳng hề ngại, nghỉ lúc nào. Mùa đông cũng như mùa hè quanh năm, chúng đều ra quả. Hơi thở của Dê-phia thổi suốt năm làm nảy nụ những cây này cây khác, lê mới sinh ra bên lê cũ, táo tiếp táo, nho tiếp nho, và tiếp vả. Xa hơn là một vườn nho trĩu quả mà một nửa vườn chẳng bị bóng râm trùm xuống, đang được nung nóng dưới mặt trời, và người người đang hái nho, người người đang đập nho. Còn nửa vườn kia, nho có chỗ hãy còn xanh nên rụng hoa hoặc có chỗ đang chín đỏ. Sau cùng là những rặng nho bao bọc lấy những luống rau được chăm bón tốt nhất. Đây là nơi có đầy đủ nhất mọi thứ rau trong những vườn cây, rau ở đây xanh tốt quanh năm. Ở đó có hai dòng suối, một dòng là của khu vườn tưới nước cho mọi nơi, còn một dòng ở ngay dưới lối vào sân chảy ngoặt về phía trước nhà cao. Mọi người trong thành đều đến đây lấy nước. Đó là những ân huệ long lấy của các vị thần ban cho nhà vua An-ki-nô-ôt". (VII, 83 - 132)⁽¹⁾.

Tuy nhiên điều đáng cảm phục và ngợi ca hơn hết,

(1) Ô-di-xê, Nxb Văn học. Hà nội, 1966, tr. 63 - 64.

hơn tất cả mọi thứ, là đất nước Phê-a-ki đã sản sinh ra được những con người nhân hậu và trung thực, những con người trọng nghĩa và chí tình.

Bị sóng gió của đại dương ném vào bờ bể xứ Phê-a-ki, người đầu tiên Uy-li-xơ gặp được là công chúa Nô-di-ca. Với thân hình bần thiêu, nhem nhuốc, áo quần chẳng có, phải bẻ một cành lá để che thân, Uy-li-xơ đã làm cho các nữ tỳ của Nô-di-ca hoảng sợ, bỏ chạy. Nhưng Nô-di-ca, chỉ có một mình Nô-di-ca dám đứng lại tiếp chuyện với con người có hình dáng thô lỗ, ghê sợ đó. Nghe Uy-li-xơ cầu xin, biết rõ tình cảnh bất hạnh của Uy-li-xơ, nàng nói:

"... Nhưng bây giờ anh đã đến đô thành và đất ở của chúng tôi, anh sẽ không sợ phải thiếu áo quần và thiếu bất cứ một thứ gì mà chúng tôi có bốn phận phải ban cho anh trong cuộc gặp gỡ như thế này, như đối với một người cầu xin cùng khốn..." (VI, 190 - 193).

Sau khi quở mắng các nữ tỳ đã chạy trốn, nàng ra lệnh cho họ:

"... Trước các em chỉ là một con người khốn khổ bị dẫm bẹp. Anh ta đã đến với chúng ta, anh ta phải được chúng ta chăm sóc vì khách lạ và những người hành khất tất cả đều từ Dớt đưa đến. Thôi nào, hỡi các em! Của bố thí nhỏ mọn nhưng niềm vui lại lớn. Các em hãy cho người khách lạ này một cái khăn choàng, một tấm áo dài trong số quần áo đã giặt của chúng ta rồi

đưa anh ta ra sông, tắm cho anh ta ở nơi kín gió..."
(VI, 205 - 210).

Nô-di-ca còn chỉ dẫn rất tận tình cho Uy-li-xơ đường về thành, lối vào lâu đài của vua cha An-ki-nô-ốt và cách cầu xin sự giúp đỡ.

Không phải chỉ có Nô-di-ca, một thiếu nữ, mới có một tâm hồn ngay thẳng, đẹp đẽ, và giàu lòng thương người như vậy. Người anh hùng Ê-kê-nốt, "một con người nhiều tuổi nhất trong những người anh hùng của xứ sở Phê-a-ki, một con người biết rất nhiều, rất nhiều những chuyện từ đời xưa và cũng là người nói năng hùng hồn và duyên dáng nhất..." cũng có tấm lòng nhân hậu như thế. Ông bảo An-ki-nô-ốt: (lúc này Uy-li-xơ đã đến bên bếp lửa, quỳ xuống cầu xin A-rê-tê, vợ vua An-ki-nô-ốt).

"... Hỡi An-ki-nô-ốt, thật là không phải đạo nếu chúng ta để một vị khách ngồi dưới đất trong đông tro, bên bếp lửa như thế này! Nếu mọi người chúng tôi không cất tiếng mời thì chính là để nhường ông mời đấy. Ông hãy đỡ vị khách đứng dậy, đưa khách vào ngồi trong một chiếc ghế bành có đỉnh bạc và ra lệnh cho các gia nhân pha rượu vang để chúng ta uống chúc mừng thần Dớt người giáng sấm sét, đã đưa đến và gửi gắm vào lòng tôn trọng của chúng ta những người hành khất! Và xin ông hãy ra lệnh cho đầu bếp mang thức ăn ra để mời khách!" (VII, 160 - 166).

An-ki-nô-ốt lập tức thực hiện đúng như lời người anh hùng Ê-kê-nốt nói. Sau đó nhà vua kêu gọi

"... Hỡi các vị thủ lĩnh và các vị cố vấn của đất nước Phê-a-ki! Đây là điều mà trái tim trong lồng ngực ta, bảo ta. Bữa tiệc đã tàn, xin mời mọi người về nhà ngủ! Nhưng rạng đông ngày mai, xin mời các vị bô lão của chúng ta đến đông hơn nữa. Ta muốn ở toà nhà này sẽ tổ chức tiệc mừng vị khách lạ. Chúng ta sẽ dâng thần thánh những con vật hiến tế đẹp đẽ và chúng ta sẽ lo liệu cho hành trình trở về của vị khách. Ta muốn rằng sự săn sóc của chúng ta sẽ làm cho vị khách không còn đau buồn và mệt nhọc nữa. Và vị khách sẽ trở về đến nhà một mạch, vui vẻ, dù cho quê hương của vị khách có xa đến đâu chẳng nữa thì trong suốt dọc đường, vị khách của chúng ta cũng không phải chịu đựng một nỗi bất hạnh nào, hay một nỗi đau khổ nào cho đến khi đặt chân lên mảnh đất chôn rau cắt rốn..."(VII, 186 - 195).

Sau đó là cuộc trao đổi, trò chuyện giữa Uy-li-xơ với A-rê-tê và An-ki-nô-ốt. Uy-li-xơ kể lại vắn tắt cuộc đời của mình trong những năm tháng sống ở đảo Ô-gi-ê với nữ thần Ca-líp-xô. Từ đó chàng ra đi, bị bão đắm bè và trôi giạt đến đây. Ở bãi biển, chàng gặp Nô-di-ca và được Nô-di-ca giúp đỡ, - chàng kể:

"... Tôi cầu xin nàng: nàng đã cư xử đúng đắn và cao thượng biết bao! Với độ tuổi của nàng tôi không hề mong muốn có được một sự tiếp đãi như thế bởi vì

tuổi trẻ, đầu óc thường là còn vụng dại lắm!... Nhưng nàng đã ban cho tôi mọi thứ cần thiết, nào rượu vang màu lửa đỏ sẫm, nào bánh mì, nào cho đi tắm ở sông, nào cho quần áo mặc như đây... Đó là tất cả sự thật mà mặc dù lòng tôi đang phiền muộn, tôi cũng cố gắng kể ra với ngài...".

Nghe Uy-li-xơ kể như vậy, nhà vua A-ki-nô-ốt có ý giận con gái mình:

"... Hỡi vị khách của ta! Con gái ta đã quên mất một nghĩa vụ rồi! Tại sao nó không dẫn ngài về nhà chúng ta cùng với những nữ tỳ, vì chính nó là người đầu tiên ngài đến cầu khẩn cơ mà...?"

Nhưng Uy-li-xơ khôn ngoan đáp lại, "đỡ" khéo cho Nô-di-ca:

"... Thưa lão vương, về chuyện này con gái ngài chẳng có gì đáng trách. Xin ngài đừng quở mắng nàng! Nàng đã bảo tôi đi theo những nữ tỳ của nàng nhưng tôi đã khước từ bởi vì tôi trộm nghĩ, điều đó làm ngài giận dữ, còn tôi thì sợ hãi và xấu hổ. Trên đời này sự ghen tị là chuyện thường tình của loài người chúng ta..."

Nhà vua An-ki-nô-ốt vội vã thanh minh:

"Không, không hỡi vị khách của ta! Trái tim ta chẳng bao giờ tiếp nhận những nỗi giận dữ vô ích như vậy. Hơn cả mọi thứ trên đời, bao giờ ta cũng đặt công lý lên trên..."

Và rất chân thành, nhà vua bày tỏ lòng quý mến người khách bất hạnh:

"... Khi ta thấy anh rất đẹp và suy nghĩ giống như ta, ta những muốn,... hỡi Dót đáng phụ vương! hỡi A-tê-na! hỡi A-pô-lông!... ta những muốn gả con gái ta cho anh và giữ anh ở lại đây làm con rể... Nếu anh ở lại đây, ta sẽ ban cho anh nhà cửa và của cải... Nhưng nếu anh muốn đi thì không một người Phê-a-ki nào ép buộc anh, giữ anh ở lại, bởi vì Dót đáng phụ vương ngăn cấm chúng ta việc đó. Ta quyết định trong chiều nay ngày ra đi của anh, anh nhớ lấy: đó là ngày mai..." (VII, 292 - 317).

Và ngày mai khi các bộ lão, thủ lĩnh và cố vấn tới họp đông đủ, An-ki-nô-ốt lên tiếng:

"... Hỡi các vị thủ lĩnh và cố vấn của đất nước Phê-a-ki, đây là điều trái tim trong ngực ta bảo ta! Ta có một vị khách trong nhà mà ta không biết tên. Khách đến với ta sau khi bị đắm thuyền. Chẳng rõ khách thuộc những dân tộc ở rặng đông hay thuộc những dân tộc từ hoàng hôn tới?... Khách cầu xin chúng ta giúp đỡ đưa về quê hương và muốn điều đó được chúng ta mau quyết định. Còn chúng ta như thường lệ, chúng ta hãy mau mau đưa khách về! Không bao giờ, tuyệt không bao giờ lại có người đến nhà ta để sống trong phiền muộn, để chờ đợi vô kỳ vô hạn ngày trở về. Nào! Hãy mau mau! Kéo ngay xuống sông biển thần thánh một con thuyền đã chuẩn bị cho cuộc hành trình đầu

tiên của nó! Hãy chọn lấy trong dân, năm mươi hai tay chèo dùng cầm đã từng trải! Mỗi người sẽ buộc mái chèo vào ghế ngồi của mình, sau đó lên bờ trở về nhà ta, chúng ta mau mau dọn ngay một bữa tiệc. Ta sẽ khoản đãi tất cả các bạn..." (VII, 26 - 39).

Thế là lại yến tiệc, hội hè, thi đấu các môn thể thao, võ nghệ, nghe a-e-đơ đàn hát. Và cũng chỉ tới lúc này, khi Uy-li-xơ nghe bài ca của a-e-đơ Đê-mô-đô-cốt, xúc động không cầm được nước mắt, bấy giờ An-ki-nô-ốt mới ra lệnh ngừng cuộc vui và hỏi lai lịch khách, và cũng chỉ lúc này mới biết tên khách!

Lòng tin vào con người, quý trọng con người của xã hội thời cổ mới đáng yêu, đáng quý làm sao, mới tự nhiên và dung dị làm sao!

Chẳng phải riêng xứ sở Phê-a-ki mới quý người, trọng khách như vậy. Tê-lê-mác trong cuộc hành trình đi tìm cha, tới đâu cũng được tiếp đãi ân cần, niềm nở. Tới Pi-lốt, đô thị của lão vương Ne-xto, bước vào nhà gặp lúc Ne-xto và các con trai đang dọn tiệc. Thế là Tê-lê-mác được mời vào dự tiệc, được dành cho chỗ ngồi danh dự ngay cạnh lão vương. Và chủ nhà chỉ hỏi tên họ của khách *"khi các vị khách đã ăn uống no say rồi..."*

Đến dinh thự của Mê-nê-lát ở đô thị Xpác-tơ xứ La-kê-đê-môn, trong khi Tê-lê-mác dừng ngựa chờ ở ngoài cổng thì một gia nhân của Mê-nê-lát trông thấy

chạy vào, trình báo. Không ngờ Mê-nê-lát nổi giận mắng:

"... Hồi Ê-tê-nô-ốt con trai của Bô-ê-tốt kia! Từ xưa đến nay mi có phải là một đứa ngu ngốc đâu mà bây giờ mi nói năng hàm hồ như trẻ con làm vậy! Biết bao lần, trước khi trở về được đến nhà, đến cửa, chúng ta, cả hai chẳng phải đã được ăn bánh mì của những người khác sao?... Thôi hãy ra tháo ngựa khỏi xe của khách và đưa khách vào đây dự tiệc!...". Và đến khi khách muốn ra về thì chủ cũng không "khách sáo" giữ khách lại. Sự tôn trọng con người không phải ở những lời lẽ bề ngoài mà ở tình cảm chân thành, thật thà từ đáy lòng, từ trái tim:

"... Ê-lê-mác con! Ta không thể giữ con ở lại đây lâu hơn được nữa, bởi vì con muốn về. Đối với một người tiếp đãi khách quá vốn vã, cũng như một người tiếp đãi khách quá lạnh nhạt, ta đều chê trách cả. Hơn tất cả mọi điều, ta thích sự mực thước. Khi khách muốn ở lại chơi mà lại tiễn khách ra về thì thật là sai. Còn khi khách muốn ra về mà lại cứ giữ khách ở lại thì cũng không đúng. Vậy đối với khách phải thế nào? Phải tiếp đãi khách niềm nở nếu khách ở lại nhà mình và tiễn khách ra về khi khách muốn..." (XV, 68 - 74).

Mê-nê-lát đã bày tỏ tình cảm của mình với vị khách Ê-lê-mác và đồng thời trình bày cái chuẩn mực đạo đức, cái mà ngày nay chúng ta gọi là "có văn hoá", như thế đó!

Cảnh tiễn khách ra về cũng hết sức lưu luyến, nồng thắm. Nào tiệc tiễn khách linh đình, lễ hiến tế giết súc vật cầu thần linh trọng thể, nào những lời chúc tụng chân thành và những tặng phẩm quý giá, rồi những lời từ biệt, cảm ơn nghĩa nặng tình sâu... Hơn bất cứ ở đâu hết, trước mắt chúng ta hiện ra một xã hội với những con người biết coi: *"Một ngày là nghĩa, chuyến đò nên quen"*

Thật là một thế giới sống trong niềm hạnh phúc tràn trề của sự giàu có: giàu có về của cải vật chất và giàu có cả về của cải tinh thần tình người, đạo lý nhân nghĩa, thủy chung; một thế giới đã thực hiện cái nguyên lý "bốn bể là nhà", "bốn phương là anh em". Một thế giới hài hoà như thế trong thời đại Hô-me-rơ, của cải vật chất phong phú, dồi dào mà quan hệ giữa người với người lại vô cùng tốt đẹp là điều không thể có được, là một điều mơ ước không tưởng. Một thế giới tuyệt diệu như thế cho đến hết thiên niên kỷ thứ hai sau công nguyên cũng đang còn là niềm mơ ước của chúng ta, nhưng khác xưa là niềm mơ ước hiện thực. Cuộc sống bình đẳng, hữu ái, chân thành như cuộc sống của xã hội Phê-a-ki và... vốn là sản phẩm của một chế độ chưa biết đến cảnh người bóc lột người tàn khốc, dã man. Nhưng thật ra cái cuộc sống ấy gắn bó với người bạn đường: "Nghèo nàn và lạc hậu". Nó bắt buộc phải rời khỏi lịch sử để bước sang một cuộc sống văn minh hơn, có tổ chức cao hơn.

Đất nước Phê-a-ki của nhà vua An-ki-nô-ốt hoà bình

hạnh phúc, yên ấm bao nhiêu thì quê hương I-ta-cơ của chàng Uy-li-xơ lộn xộn, rắc rối, bận bịu bấy nhiêu. Kia là một cuộc sống bình thản, vô tư, trong sạch thì đây là một cuộc sống xáo động, vẩn đục, lo âu. Kia là một cuộc sống thâm tình trọn nghĩa bao nhiêu thì đây là một cuộc sống cạn tình bạc nghĩa bấy nhiêu! Vì sao lại xảy ra cái tình trạng như thế ở quê hương của người anh hùng có nghìn mưu trí? Vì sao mà sinh ra biết bao nhiêu chuyện rắc rối, nào 108 vị quý tộc đến cầu hôn với nàng Pê-nê-lốp, thúc ép nàng phải mau mau chọn lựa, quyết định, rồi những chuyện mưu toan ám hại Tê-lê-mác, và cuối cùng là cảnh chém giết, tàn sát vô cùng man rợ và khủng khiếp?

Cuộc đối đáp giữa Tê-lê-mác và bọn cầu hôn giải đáp cho chúng ta điều đó:

"... Thế rồi, Ăng-ti-nô-ốt, một trong những người con trai của O-pi-lét, nói:

- Chà! Tê-lê-mác! Hẳn là thần linh đã dạy người những lời lẽ, hùng hồn và táo bạo như thế! Nhưng người đòi trị vì trên cái đảo I-ta-cơ nằm giữa hai biển này ư? Mong rằng người con trai của Crô-nốt tước bỏ cái quyền ấy của người đi, dẫu cho quyền đó có được truyền lại theo huyết thống!

Với vẻ cứng cỏi, Tê-lê-mác nhìn hấn, nói:

- Hỡi Ăng-ti-nô-ốt! Hãy nghe đây! Điều ta sắp nói đây có thể làm người tức giận đó! Vương triều này nếu Dớt ban cho ta, ta sẵn sàng tiếp nhận nó! Người tưởng rằng trị vì thiên hạ là số phận xấu xa nhất

trong mọi số phận hay sao?... Không, trị vì thiên hạ không phải là một điều xấu. Theo ta nghĩ, làm vua thì tức khắc nhà cửa giàu có, còn mình thì được mọi người tôn kính. Nhưng trong số những người A-kê-en chúng ta, các chàng trai cũng như các vị bô lão sẽ có một người được bầu làm vua đảo I-ta-cơ của chúng ta nằm giữa hai biển mênh mông sóng nước, nếu đích thật Uy-li-xơ thần thánh của chúng ta, Người đã chết rồi. Dù sao thì ta cũng sẽ là người cai quản nhà ta và những người đầy tớ mà Uy-li-xơ trong những cuộc hành trình thám hiểm đã đem về cho ta..." (I, 385 - 398)⁽¹⁾.

Pê-nê-lốp trong câu chuyện nói với người hành khất Uy-li-xơ, càng cho chúng ta biết rõ thêm sự thật. Đó là quyền thế và của cải. Quyền thế cai quản, trị vì đảo I-ta-cơ và của cải ở cái "dinh cơ có mái to" của Uy-li-xơ.

Rõ ràng hơn nữa là lời tố cáo của Ô-ri-mác một trong số những tên cầu hôn, sau khi thấy Ăng-ti-nô-ốt bị Uy-li-xơ giết chết, sợ hãi, xin tha tội.

"... Nhưng nó nằm chết đây rồi, nó là kẻ gây ra mọi tội lỗi gớm ghê! Chính cái tên Ăng-ti-nô-ốt này đã làm cho mọi thứ ngã nghiêng, nghiêng ngửa. Chẳng phải vì cuộc hôn nhân mà lòng dạ thêm khát của hắn mơ tưởng đâu! Hắn có những ý đồ khác cơ, mà người con trai của Crô-nốt không cho phép hắn thực hiện. Hắn nghĩ đến việc trị vì xứ sở I-ta-cơ của ngài và trị vì đó

(1) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà nội 1966. tr. 27.

thị đẹp đẻ của ngài khi mà hắn đã thực hiện được mưu đồ phản phúc là giết chết được con trai của ngài..." (X, 47 - 53)⁽¹⁾.

Và với Uy-li-xơ thì cũng không có gì khác. Lòng yêu mến, nhớ thương gia đình của người anh hùng gần bó chặt chẽ với lòng yêu mến cái địa vị cai trị đảo I-ta-cơ và gia sản của mình. Đây là lời người anh hùng hỏi thăm vong hồn của mẹ ở dưới âm phủ:

"... Mẹ nói cho con biết tin cha con và đứa con trai con để lại nhà!... Quyền thế của con có còn trong tay hai ông cháu không?... hay đã vào tay những kẻ khác khi mọi người không còn tin tưởng con sẽ trở về? Và mẹ nói cho con biết vợ con suy nghĩ, định liệu thế nào? Nàng còn ở với đứa con của con không? Nàng có biết giữ gìn, cai quản tất cả tài sản của con không? ... hay nàng đã chọn một người A-kê-en quyền quý nào đó để lấy làm chồng?..." (XI, 175 - 178)⁽²⁾.

Thế là của cải vật chất đã một lần nữa là nguyên nhân, là động lực của văn minh. Việc Uy-li-xơ sau nhiều năm phiêu bạt vẫn giữ vững tình yêu chung thủy, sắt son với gia đình, quyết tâm trở về bằng được với gia đình, phản ánh sự hình thành một kiểu gia đình mới: gia đình một vợ một chồng. Gia đình này như En-ghe-nơ nói: "... nảy sinh từ gia đình đối ngẫu lúc giao thời giữa hai giai đoạn giữa và cao của thời đại dã man..." và "thắng lợi cuối cùng của gia đình ấy

(1) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà nội, 1966, tr. 123.

(2) nt tr. 93

là một trong những dấu hiệu của buổi đầu của thời đại văn minh...⁽¹⁾

Nhưng cái thời đại văn minh này, như chúng ta đã thấy trong "I-li-át", cũng đồng thời đem lại cho con người những thói dã man mới, mà thời đại dã man, chế độ công xã thị tộc không hề biết đến.

Đọc những đoạn trích dẫn trên, chúng ta hẳn là không khỏi mỉm cười khi thấy nhân vật Tê-lê-mác lý luận, giải thích, bàn về cái tốt của việc được làm vua! Chúng ta cũng không thể không băn khoăn đặt một câu hỏi về Uy-li-xơ, rằng người anh hùng này yêu mến, nhớ thương gia đình hay yêu mến nhớ thương cái địa vị quyền thế và tài sản của mình? Có một cái gì không rõ ràng, lẫn lộn ở đâu đây. Vì sao những tình cảm nhân tính vốn rất tự nhiên của những người trong gia đình Uy-li-xơ, kể từ người bà nội cho đến đứa cháu mới trưởng thành lại quy tụ vào, lại vướng víu vào cái chuyện quyền thế và của cải như thế? Đó chính là vì gia đình một vợ một chồng ra đời *không căn cứ vào các điều kiện tự nhiên mà căn cứ vào các điều kiện kinh tế*, và thắng lợi của hình thái gia đình này là *"thắng lợi của chế độ tư hữu với chế độ công hữu nguyên thủy và tự phát"*⁽²⁾.

Như vậy là thắng lợi của gia đình một vợ một chồng và chế độ tư hữu mở đầu cho thời đại văn minh. Và với thắng lợi này, từ đây lịch sử nhân loại mở sang

(1) En-ghe-nơ: Nguồn gốc của gia đình... tr. 88.

(2) nt tr. 93

trang mới với đầy rẫy những chuyện ly kỳ, khủng khiếp, tàn nhẫn, xảo quyết, nơ bẩn, lối bịch, hèn hạ, dè tiện, ngu xấu, lẩn cảm của chế độ tư hữu và của chủ nghĩa cá nhân. Khi giá trị con người là do địa vị quyền thế, của cải quyết định - nói như lời Tê-lê-mác: *"Làm vua thì tức khắc nhà cửa giàu có và còn mình thì được mọi người tôn kính"* - và con người trong cuộc sống ra sức chạy đua, theo đuổi cái gọi là "giá trị" đó để được "giá trị" hơn nữa, hơn lên mãi, nhiều lên mãi thì tất cả mọi quan hệ giữa người với người cùng với mọi tình cảm đều bị đầu độc, ô nhiễm: gia đình lẫn lộn với gia tài, sự thừa kế những truyền thống tốt đẹp của những giá trị tinh thần, đạo đức lẫn lộn với sự thừa kế của cải vật chất và truyền thống "ăn trên ngồi trốc" của dòng họ, của đẳng cấp. Rồi cứ thế mỗi ngày một xa, sự lẫn lộn cũng mỗi ngày một lớn lên theo với các hình thái của chế độ tư hữu tài sản: lòng yêu nước lẫn lộn với sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa sô-vanh, tự do lẫn lộn với chủ nghĩa cá nhân cực đoan, vô chính phủ; chủ nghĩa nhân đạo biến thành sự dối trá, lừa bịp để che đậy cho mưu đồ xâm lược, ách áp bức, bóc lột tàn nhẫn, bất công; hoặc nếu khá hơn cũng chỉ là cái nhãn mũi khó chịu của sự phản nộ tôn giáo hay cơn mưa bóng mây của lòng từ thiện, nhỏ xuống cái sa mạc nóng bỏng, mênh mông của một xã hội mà lẽ sống của nó là dối trá và làm điều ác. Và cuối cùng là những chuẩn mực của cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ trong đời sống xã hội bị lu

mờ, bị bóp méo, bị xuyên tạc và trở thành một công cụ của chủ nghĩa thực dụng. Lịch sử văn học thế giới đã chẳng cung cấp cho chúng ta quá nhiều những bằng chứng về những cái gọi là "cười trong nước mắt", "khóc trong tiếng cười", "*Kẻ ngoài cười nụ, người trong khóc thầm*" quanh những chuyện thừa kế tài sản, của hồi môn, lợi tức đồng niên, tình - tiền và v.v... đó sao!

Ta thấy toàn bộ mối lo lắng của gia đình Uy-li-xơ là vấn đề quyền thế, của cải và sự thừa kế những cái đó. Nữ thần A-tê-na, vị thần của Trí tuệ, giờ đây cũng tập trung toàn bộ trí tuệ của mình vào cái việc "thiênց liêng" đó. Há chẳng phải là một sự lẫn lộn "tự nhiên" sao, mà thần thánh cũng không tránh khỏi, khi A-tê-na nhắc nhở Tê-lê-mác phải có ý thức thừa kế truyền thống anh hùng của người cha bằng việc đi hỏi thăm tin tức của cha, và nếu không may người cha đó đã chết thì Tê-lê-mác phải nghĩ cách giết bọn cầu hôn! Há chẳng phải là một sự lẫn lộn "tự nhiên" sao, khi nữ thần A-tê-na đưa tấm gương anh hùng của nhân vật O-re-xơ đã giết Ê-gi-xơ, kẻ tư thông với mẹ mình và giết cha mình, để giáo dục Tê-lê-mác ý thức trả thù và khôi phục lại quyền thế và tài sản!⁽¹⁾ Chà, cái "công tác giáo dục tư tưởng" của thần thánh mới sắc bén và sâu sát với con người làm sao! mới phục vụ đắc lực cho cái tế bào của xã hội văn minh, của chế độ tư hữu là gia đình một vợ một chồng làm sao! Hèn gì mà sau

(1) Ô-di-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 23.

này trong thế kỷ XVI, thời đại tích lũy ban đầu của chủ nghĩa tư bản, Can-vanh, một lãnh tụ của giáo phái "Chống đối" tức Đạo Tin lành, tuyên bố: "... Sự giàu có là biểu hiện lòng thương của Thượng đế đối với loài người"!

Ta hãy đọc đoạn nữ thần A-tê-na "dạy bảo", "giáo dục" Tê-lê-mác sau đây để thấy hết được sự lo xa của thần thánh:

"... Tê-lê-mác con! Con ở lại đây quá lâu như thế, xa nhà xa cửa, lại bỏ cửa cái ở nhà vào tay bọn ăn cướp ấy như thế thì còn gì! Chúng sẽ đến ăn tàn phá hại, rồi lại chia nhau hết thôi, trong khi đó thì con bị mất hết thời gian vào cuộc hành trình này. Hãy mau mau đến xin Mê-nê-lát người hét to, cho con ra về để gặp lại người mẹ không thể chê trách được của con ở tại gia đình. Ông ngoại con và các cậu con đã thúc ép mẹ con phải lấy O-ri-mác. Hắn là kẻ, trong số những tên cầu hôn, mang đến nhiều lễ vật hơn cả và hắn lại còn hứa sẽ đem đến lễ nhà gái nhiều của cải hơn nữa. Nay, con hãy để ý đấy, có thể con không biết đâu, không khéo thì mẹ con khuân của ở nhà con đi đấy! Con không biết lòng dạ đàn bà thế nào à? Bao giờ thì người ta cũng thu vén về đằng nhà người chồng mới. Những đứa con trai của người chồng trước, người chồng thời son trẻ, chẳng làm người ta quan tâm nữa đâu. Chết là hết!..." (XV, 10-24).

Nữ thần A-tê-na đã dạy chàng thanh niên hai mươi

tuổi Tê-lê-mác như vậy đấy! Nữ thần có biết đâu chính những lời lẽ tâm huyết của nữ thần đã nhuộm đen tâm hồn của Tê-lê-mác, đã là "bụi đời dơ" làm "vẩn đục hồn non", phá hoại tình mẫu tử thiêng liêng, cao quý! Ngày nay chúng ta phải đọc những lời răn dạy như thế này, quả thật là phải chịu đựng một cực hình! Ta tưởng như đâu đó là lời nói của một con mụ phù thủy ma quái nào đang phù chú để làm cho con người mất trí, hư hỏng, tội lỗi. Thật vừa ghê sợ, vừa tức giận, vừa kinh tởm! Phải chăng nữ thần A-tê-na đã hoá thân vào nữ thần Tự do của nước Mỹ? - Và có lẽ vị nữ thần Tự do ấy cũng đã dạy con cháu mình những lời lẽ "khôn ngoan", đảo đố như thế hay hơn thế cho nên nước Mỹ ngày nay, thành trì ngoan cố nhất của chế độ tư hữu, biến thành quê hương của tội ác và sa đoạ.

Hơn thế nữa, nữ thần A-tê-na còn tích cực nhúng tay vào cuộc tàn sát đẫm máu của cha con Uy-li-xơ để khẳng định cho thắng lợi của việc khôi phục lại quyền thế và của cải của gia đình một vợ một chồng.

Người mẹ của Tê-lê-mác thì sao? - Bà ta đã cho chúng ta thấy một quan niệm "mới" về nhân cách, phẩm chất của một con người. Đây là lời bà mẹ biểu lộ lòng tự hào về đứa con trai của mình:

"... Giờ đây tôi không biết làm thế nào để trốn tránh cuộc hôn nhân đó! Tôi đã nghĩ hết cách rồi. Cha mẹ tôi làm tôi rối ruột rối gan về chuyện chọn một người

chồng. Con trai tôi thì tức giận khi thấy tài sản của mình bị bọn cầu hôn sử dụng. Nó hiểu cả đấy. Nó đúng là một người lớn chừng chặc rồi đấy!⁽¹⁾ Nó đã đến tuổi lớn khôn để cai quản lấy nhà cửa của nó. Nhờ ơn thần Dớt rồi ra nó sẽ có danh tiếng"⁽²⁾ (XIX, 156 - 163)⁽³⁾.

Không còn mảy may một chút nghi ngờ gì nữa, ở đây rõ ràng ý thức về sự thừa kế và cai quản tài sản của gia đình chứ không phải của tập thể thị tộc được người mẹ coi một là biểu hiện, một tiêu chuẩn trước tiên, chắc chắn nhất, hợp đạo lý nhất để tỏ ra "đáng mặt làm người".

Còn với người anh hùng Uy-li-xơ thì chẳng cần phải giới thiệu dài dòng, phẩm chất "văn minh" của chàng được dịp bộc lộ ra với tất cả cái sức mạnh "đang xuân" của nó trong hành động trả thù bọn cầu hôn và những gia nhân. Nếu như xưa kia A-khin có vì khát vọng trả thù cho một thành viên trong bộ lạc của mình mà trở nên một con người khát máu, dã man, không còn một chút vị tha, từ tâm, thậm chí trả thù cả vào cái xác Héc-to thì giờ đây Uy-li-xơ cũng dã man không kém. Chàng đã không chấp nhận lời cầu xin tha tội và lời hứa đền bù tài sản của Ô-ri-mác, thay mặt cho bọn cầu hôn. Và như thế chàng đã đẩy bọn cầu hôn đến

(1) C' est un homme.

(2) il se ferait un nom par la grâce du Zeus

(3) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà-nội 1966, tr. 114.

bước đường cùng, buộc chúng phải đương đầu với chàng. Cái đầu óc sáng suốt, mưu trí của người anh hùng lúc này ở đâu mà lại để cho lòng căm thù bùng lên dữ dội như thế? Phải chăng quyền tư hữu tài sản, gia đình một vợ một chồng của quyền tư hữu tài sản muốn khẳng định chiến thắng của mình bằng một trận "tiêu diệt", một trận "quyết chiến chiến lược" hơn là bằng một sự hoà giải, nhân nhượng?

Đúng như thế! 108 tên cầu hôn bị giết, kể cả viên tư tế, người làm nghề tôn giáo. Một cuộc tàn sát đẫm máu! Viên tư tế Li-ô-đét van xin Uy-li-xơ tha tội và thanh minh. Nhưng Uy-li-xơ đáp lại:

"... Thì đây, chính mày đã tự lấy làm vinh dự được là viên tư tế cho bọn cầu hôn.⁽¹⁾ Vậy thì ở nhà này mày vẫn thường cầu nguyện sao cho nỗi êm dịu của ngày trở về xa lánh khỏi ta và cầu nguyện cho có ngày lấy được vợ ta và sinh con đẻ cái với vợ ta! Hừ! Không! Không có thương xót gì hết! Không thoát khỏi đâu! Mày phải chết...!" (XXII, 312 - 319).⁽²⁾

Và Uy-li-xơ chặt đầu viên tư tế Li-ô-đét. Chàng không hề tin ở lời thanh minh - thể thốt, cam đoan "chưa bao giờ xúc phạm đến một thị nữ nào của cái nhà này..." hoặc "bao giờ cũng cố gắng can ngăn bọn cầu hôn..." của viên tư tế Li-ô-đét. Chàng cũng không cho công việc cầu nguyện của Li-ô-đét là "làm điều

(1) C'est toi qui t'honorais d'être leur haruspice!

(2) Ô-di-xê Nxb Văn học, Hà-nội 1966, tr. 134.

lành⁽¹⁾. Tóm lại chàng không tin ở sự "vô tư", ở sự "trong sạch" của Li-ô-đét. Bởi vì, một điều rất giản dị, đứng vào hàng ngũ với bọn cầu hôn, cùng "hội cùng thuyền" với chúng, Li-ô-đét chắc chắn không cầu nguyện cho Uy-li-xơ mau trở về để trừng trị bọn chúng. Chà! cái nhìn của Uy-li-xơ mới sắc sảo làm sao! Vì lợi ích của gia đình mình trong cuộc đấu tranh với bọn cầu hôn, người anh hùng có nghìn mưu trí đã một cách khách quan và vô ý thức phát hiện cho chúng ta thấy chỗ đứng của tôn giáo. Chúng ta tin chắc rằng sau khi chiến thắng bọn cầu hôn sẽ có không ít Li-ô-đét cầu nguyện cho hạnh phúc của gia đình Uy-li-xơ! Nhưng chưa đủ hả lòng phần nộ của cha con Uy-li-xơ. Mười hai nữ tỳ trong số năm mươi can tội ăn nằm với bọn cầu hôn bị Tê-lê-mác đưa ra hành quyết. Tê-lê-mác không làm như lời cha dặn "*lấy kiếm nhọn mà đâm cho chúng chết hết không trừ một tên nào...*", mà chàng thực hiện theo cách riêng của chàng, "xuất sắc" hơn: "*... Chàng lấy dây chèo của một chiếc thuyền mũi xanh buộc lên một cái cột ở xung quanh nhà để sao cho chân bọn nữ tỳ không chạm được xuống đất. Như những con chim họa mi cánh rộng hay chim bồ câu đang muốn bay về tổ thì bị sa vào chiếc lưới chăng ra trên bụi cây, và thế là chúng nằm xuống trong giấc ngủ của cái chết...; cũng vậy, đầu bọn nữ tỳ bị treo lên thành một hàng dài và dây thòng lọng quấn quanh*

(1) bien agi.

cổ chúng. Chúng phải chịu một cái chết kinh khủng nhất: chân chúng gãy giữa một hồi nhưng chẳng được bao lâu...⁽¹⁾ (XXII, 463 - 473). Và đây là một sự thực hiện công lý nữa đối với một gia nhân:

"... Sau đó, họ dẫn Mê-lăng-xi-ốt ra sân. Ở ngay lối vào, họ, trước tiên xẻo mũi, xẻo tai hắn bằng thanh kiếm đồng không chút xót thương, rồi cắt bộ phận sinh dục, còn đâm máu tươi của hắn, vứt cho lũ chó tranh cướp. Và với một trái tim giận dữ người ta chặt cả tay, chặt cả chân hắn..." (XXII, 474 - 478).

Đâu rồi, chàng Uy-li-xơ, người anh hùng của trí tuệ, của sự khôn ngoan? Đâu rồi, chàng Uy-li-xơ tế nhị, giàu tình cảm, dễ xúc động, rất đáng yêu, rất đáng khâm phục của những ngày lênh đênh trên mặt biển, của những ngày ở đất nước Phê-a-ki, đã từng là niềm mơ ước của cô thiếu nữ Nô-di-ca?

Sự khác nhau giữa A-khin với Uy-li-xơ là sự khác nhau giữa cái dã man của thời đại dã man với cái dã man của thời đại văn minh. Nếu như chúng ta qua cuộc tàn sát, trừng phạt, "khủng bố trắng" của Uy-li-xơ mà rút ra kết luận: bạo lực đã đóng vai trò bà đỡ cho sự ra đời một hình thức sở hữu mới, chế độ tư hữu, thì điều đó hẳn không có gì là khiên cưỡng, gò ép.

Nhưng chưa hết, thân nhân, gia đình của bọn cầu

(1) Dây thông lọng trông vào cổ bọn thị tỳ và buộc lên dây chèo căng từ cột qua mái nhà kho. (Chú thích của Phan Thị Miến "Ô-đi-xê", Nxb Văn học, Hà-nội 1966, tr. 140).

hôn bị giết đòi trả thù. Người cầm đầu là ông già O-pi-tét, cha của tên cầu hôn bị giết, Ăng-ti-nô-ốt. Thế là tình hình lại khó khăn thêm lên, rắc rối thêm lên. Tiếp tục đánh nhau nữa hay hoà giải? Thật khó giải quyết! Nữ thần A-tê-na phải xin Dớt ban cho một lời chỉ dẫn. Và đây là lời phán truyền của Dớt:

"... Bọn cầu hôn đã bị Uy-li-xơ thần thánh trừng phạt rồi, thế thì tại sao ta không niêm giữ ⁽¹⁾ đôi bên lại bằng những lời thề hứa trung thành? Uy-li-xơ vẫn giữ cây vương trượng. Còn đối với những người có con em bị giết chúng ta hãy trút xuống sự lãng quên và làm cho tình bằng hữu xưa cũ gần bó mọi người lại với nhau, và rồi ra mọi người sẽ thấy sự phồn vinh và cảnh thái bình đâm chồi nảy lộc...". (XXIV, 482 - 486).

Thi hành lời phán truyền của Dớt, nữ thần A-tê-na bắt hai bên phải *"từ bỏ cuộc giao chiến ngay lập tức"* và *"không được để máu đổ thêm nữa..."*. Thần Dớt còn giáng sét đẩy khói mù xuống để cho lời nói của nữ thần A-tê-na thêm phần hiệu lực. Cuối cùng, Uy-li-xơ phải chấm dứt *"cuộc giao tranh bất phân thắng bại"*⁽²⁾ và *"... một sự hoà hiếu giữa đôi bên được niêm giữ lại bởi người con gái của Dớt kẻ bảo hộ, là nữ thần A-tê-na..."*

(1) Sceller

(2) Lutte indécise.

Bản trường ca "Ô-đi-xê" đã kết thúc như thế.

*

* *

Ba nghìn năm đã trôi qua kể từ lúc nhân loại ước mơ và thực hiện cái khát vọng thoát khỏi thời đại dã man để bước sang thời đại văn minh. Từ đó đến nay, khoa học và kỹ thuật, nền văn minh vật chất, đã tiến những bước khổng lồ làm thay đổi hẳn bộ mặt của cuộc sống loài người. Nhưng cái ước mơ xưa kia của nhân loại muốn có một cuộc sống hài hoà: của cái vật chất thật dồi dào, phong phú mà quan hệ giữa người với người lại thật sự bình đẳng, thắm thiết nghĩa tình, vẫn chưa thực hiện được. Xứ sở Phê-a-ki thiên đường, bị thần Pô-dê-i-đông trừng phạt vì tội giàu lòng nhân nghĩa với người đời và nhà vua An-ki-nô-ốt đã phải ra lệnh cho nhân dân của mình từ nay trở đi không được đón tiếp một người sa cơ lỡ bước nào và đưa họ trở về quê hương! Nhưng nếu như thần Pô-dê-i-đông không trừng phạt cái xứ sở ấy - cho một quả núi mọc lên trước đô thị của họ, dường như muốn xoá nó đi khỏi ký ức của nhân loại, - thì cái xứ sở ấy cũng tự xoá cái hình ảnh thiên đường của mình đi. Bởi vì cái thiên đường ấy lại có dưới quyền của nhà vua An-ki-nô-ốt năm chục nữ tỳ! Và như thế, nó, tất yếu, phải tiến lên con đường văn minh như quê hương I-ta-cơ của người anh hùng Uy-li-xơ. Nhưng cái nền văn minh này không thể thực hiện được lời phán

truyền của Dốt là *"trút sự lãng quên xuống con em những người bị giết và làm cho tình bằng hữu xưa cũ gần bó mọi người lại với nhau..."*. Trái đất của chúng ta sau ba nghìn năm vẫn chưa có *"... sự phồn vinh và cảnh thái bình đậm chồi nảy lộc"* như lời chỉ dẫn của Dốt!

Dốt, nhà "triết học nhân bản" trong trường ca *"I-li-át"* đã từng than thở, xót thương cho số phận của con người, giờ đây lại trở thành một nhà "nhân văn chủ nghĩa không tưởng và trừu tượng" có chút gì gần gũi với lý luận của nhà triết học Phơ-bách! Nhưng chẳng phải chỉ riêng có Dốt mới mắc phải cái thiếu sót "không tưởng" và "trừu tượng". Trong những thế kỷ sau này, nhiều nhà tư tưởng lớn của nhân loại cũng mắc phải cái thiếu sót đó. Vì tư hữu và thực sự văn minh - nghĩa là tự do, bình đẳng và hạnh phúc cho tất cả mọi người, nghĩa là người với người dù ở bốn phương, dù xa bốn bể cũng đều là anh em, - là hai cái không thể dung hoà với nhau được. Thời đại văn minh của quyền tư hữu tài sản là thời đại chia rẽ loài người ra thành những giai cấp khác nhau và *"cái mà người này cho là phúc lợi thì đối với người kia nhất định phải là tai họa..."* và *"mỗi sự giải phóng mới của một giai cấp này đều là một sự áp bức mới đối với một giai cấp khác"*⁽¹⁾.

Dúng như vậy, nền văn minh vật chất, chỉ riêng sự

(1) En-ghen - Nguồn gốc của gia đình... tr. 269.

tiến bộ của nền văn minh vật chất khoa học và kỹ thuật không thôi, tách khỏi vấn đề phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất, mục đích sản xuất, chế độ chính trị - xã hội hoàn toàn không thể đem lại tự do, hạnh phúc cho con người. Và chế độ tư hữu ra đời đối với thời đại Hô-me-rơ đúng là một tiến bộ, một tiến bộ tất yếu của lịch sử thì ngày nay đã là một tất yếu lạc hậu, một tất yếu phải phê phán bằng cách mạng xã hội.

Vì những lẽ đó chúng ta sẽ thực hiện cái khát vọng và mơ ước của nhân loại thời đại Hô-me-rơ trong một ý nghĩa cao hơn, toàn diện hơn, triệt để hơn. Chúng ta sẽ xây dựng lại cái thiên đường đã mất - xứ sở Phê-a-ki - bằng việc thực hiện chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ nghĩa cộng sản văn minh. Những chàng Uy-li-xơ mới chắc chắn sẽ không phải là những người anh hùng đem hầu hết tinh lực của đời mình vào chuyện thu vén, xây đắp cho gia đình và lo lắng đến quyền thừa kế tài sản của gia đình. Những người anh hùng ấy lo lắng đến một việc lớn hơn và vô cùng cao quý: đào tạo những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Hẳn rằng thần Dớt - nếu quả thật ông ta tồn tại - sẽ rất vui mừng vì công việc này của loài người chúng ta và có thể thần sẽ cùng với cả thế giới thần thánh rời bỏ đỉnh núi Ô-lanh-pơ cao ngất xuống chung sống với thế giới loài người!

XÃ HỘI HÊ-ME-RO

"*I-li-át* và "*Ô-di-xê*" là những tác phẩm đầu tiên của nền văn học có chữ viết của lịch sử văn học Hy-lạp cổ đại. Là hai bộ sử thi cho nên "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" cũng đồng thời là hai pho sử đầu tiên của người Hy-lạp khi khoa học lịch sử chưa phát triển đến trình độ tách ra thành một khoa học độc lập. Thế giới sử thi rộng lớn được Hô-me-rơ miêu tả, phản ánh trong hai bản trường ca rõ ràng đã cung cấp một số cứ liệu đáng tin cậy cho Hen-rích Sli-ê-man tiến hành những công cuộc khai quật khảo cổ học đầu tiên, đặt cơ sở cho việc tìm hiểu những nền văn minh cổ ở vùng Đông - Nam Địa-Trung- Hải, trong đó có việc tìm hiểu xã hội Hô-me-rơ.

Lịch sử công cuộc nghiên cứu tìm hiểu xã hội Hô-me-rơ ghi lại năm 1884 như một bước ngoặt đáng ghi nhớ. Đó là, người bốn năm sau cuộc khai quật khảo cổ học đầu tiên của Hen-rích Sli-ê-man, năm mà cuốn "*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*" của Ph. En-ghe-nơ ra đời. Ngay những ngày ấy cuốn sách của Ph. En-ghe-nơ đã gây chấn động lớn trong các giới khoa học, thu hút sự chú ý của nhiều nhà sử học, xã hội học, dân tộc học. Trong vòng bảy

năm cuốn sách đã phải tái bản tới bốn lần và có lần sách in ra chỉ trong vòng sáu tháng đã hết.

Tác phẩm *"Nguồn gốc của gia đình..."* là một cống hiến lớn lao đối với khoa học xã hội. Nhiều vấn đề xã hội học, sử học trước đó vốn bị giam cầm trong cái mê cung - La-bi-ranh-tơ - của quan điểm duy tâm đến lúc này nhờ tác phẩm *"Nguồn gốc của gia đình..."* của Ph. En-ghe-nơ - giống như sợi chỉ của A-ri-an - mà giải thoát được. Vấn đề xã hội Hô-me-rơ do đó trở nên rõ ràng hơn.

Tuy nhiên nói như thế không có nghĩa là tác phẩm *"Nguồn gốc của gia đình"* .. đã giải quyết hết mọi vấn đề về xã hội Hy-lạp thời đại Hô-me-rơ. Thực tế phức tạp hơn nhiều vì lẽ sử thi của Hô-me-rơ hình thành trên cơ sở những sáng tác dân gian truyền miệng trải qua một quá trình lịch sử lâu dài; hơn nữa lại là những sáng tác nghệ thuật - không tự giác cho nên bản thân nó không mang tính chính xác như một tác phẩm khoa học, nó không đặt cho mình nhiệm vụ phản ánh chính xác xã hội, lịch sử.

Một tình hình nữa khiến chúng ta không thể không chú ý. Tác phẩm *"Xã hội cổ đại"* của Moóc-gan mà En-ghe-nơ đánh giá rất cao, dùng làm cơ sở cho cuốn *"Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của Nhà nước"* của mình, ra đời vào năm 1877, nghĩa là sau cuộc khai quật thành Tơ-roa của Sli-ê-man 7 năm. Đương nhiên vào thời gian ấy những kết luận về nền

văn minh Cre-tơ - Mi-ken như ngày nay chúng ta được biết, chưa có. Công cuộc tìm hiểu nền văn minh cổ ở khu vực Đông-Nam Địa-Trung-Hải mới chỉ bắt đầu. Do đó tác phẩm của Moóc-gan không tránh khỏi có những hạn chế dưới ánh sáng của những dữ kiện mới, những nguồn thông tin mới của thời đại ngày nay.

Trong tác phẩm của Hô-me-rơ các nhà nghiên cứu đã tìm "bóc" ra được những "lớp" sớm hơn nền văn hoá Mi-ken, nhưng cũng lại tìm ra được những yếu tố, những chi tiết muộn hơn. Thí dụ, việc miêu tả hòn đảo Xkê-ri của người Phê-a-ki, lâu đài của nhà vua An-ki-nô-ốt với sinh hoạt phong phú và trình độ văn minh cao như trong bản trường ca "*Ô-đi-xê*" là, theo một số nhà nghiên cứu, thuộc vào thời kỳ nền văn hoá Cre-tơ. Việc miêu tả hoàng hậu A-rê-tê (vợ vua An-ki-nô-ốt) với địa vị nổi bật như thế mang những đặc điểm của thời kỳ mẫu quyền hơn là thời kỳ phụ quyền. Nhưng cũng có nhiều nét trong sinh hoạt và đời sống của những người Phê-a-ki, các nhà nghiên cứu lại cho rằng chúng phản ánh cuộc sống của các đô thị thương nghiệp I-ô-ni, nghĩa là ở vào một thời kỳ muộn hơn sau này.

Vì thế vấn đề đặt ra với các nhà nghiên cứu là khảo sát xem những bản trường ca của Hô-me-rơ phản ánh xã hội Hy-lạp chân thực đến chừng mực nào. Ở đây nổi lên mấy vấn đề phức tạp cần phân biệt:

- một là: thời gian sáng tác hai bản trường ca.

- hai là: thời gian hai bản trường ca phản ánh.

- ba là: thời gian hai bản trường ca được ghi lại bằng văn tự.

Sau nhiều công phu nghiên cứu, các nhà Hy-lạp học gần như nhất trí nhận định rằng xã hội Hy-lạp trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ thuộc vào thời kỳ nền văn hoá Mi-ken nhưng chủ yếu là từ thời gian sau cuộc di cư của người Đô-riêng, nghĩa là trong quãng thời gian từ thế kỷ XI đến thế kỷ IX hoặc VIII trước công nguyên.

Nghiên cứu tác phẩm *"Nguồn gốc của gia đình..."* của Ph. En-ghe-n, tổng hợp những ý kiến của ông về xã hội Hô-me-rơ, ta thấy ông đã chỉ bản chất xã hội đó bằng những khái niệm sau: theo En-ghe-n, xã hội Hô-me-rơ thuộc vào *"thời kỳ thịnh vượng nhất của giai đoạn cao trong thời đại dã man..."*⁽¹⁾. Ông còn gọi xã hội Hô-me-rơ là *"thời đại anh hùng"*, thuộc vào *"thời đại anh hùng"*⁽²⁾. Trong chương IV, *"Thị tộc Hy-lạp"*, khi trình bày về tổ chức của các bộ lạc và bộ tộc nhỏ gồm có Hội đồng, Đại hội Nhân dân và Thủ lĩnh quân sự, En-ghe-n đã gọi ba tổ chức này là nền dân chủ quân sự, chế độ dân chủ quân sự⁽³⁾. Cuối cùng En-ghe-n

(1) En-ghe-n: *Nguồn gốc của gia đình*. tr. 37

(2) En-ghe-n. *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 36, 82, 89, 90, 153, 159, 161, 191, 245.

(3) En-ghe-n. *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 158, 248, 191.

kết luận về thời đại anh hùng: *"tổ chức thị tộc cũ đang sống thật là mạnh mẽ nhưng (...) đã bắt đầu tan rã"*⁽¹⁾.

Như vậy căn cứ vào những ý kiến của En-ghe-nơ chúng ta có thể gọi xã hội Hô-me-rơ là giai đoạn cao của thời đại dã man = thời đại anh hùng = chế độ dân chủ quân sự = chế độ thị tộc đã bắt đầu tan rã. Xã hội đó có những đặc điểm sau đây:

KINH TẾ - En-ghe-nơ viết: "... Thời kỳ thịnh vượng nhất của giai đoạn cao trong thời đại dã man được diễn tả trong những bài thơ của Hô-me-rơ, nhất là trong tập "I-li-át". Các công cụ tinh xảo bằng sắt, chiếc bễ để thổi lò, chiếc cối xay tay, chiếc bàn quay của người làm đồ gốm, việc sản xuất dầu và rượu vang, việc chế tạo đồ kim khí phát triển lên thành nghề làm đồ mỹ nghệ, chiếc xe bốn bánh và chiến xa, việc chế tạo tàu thủy bằng các ván và khung, bước đầu của nghệ thuật kiến trúc, những thành phố bao bọc bởi những thành quách và vọng lâu và lỗ châu mai, anh hùng ca Hô-me-rơ và toàn bộ thần thoại - đó là những di sản chủ yếu mà người Hy-lạp đã đưa từ thời đại dã man sang thời đại văn minh"⁽²⁾

Đó là bức tranh chung của trình độ kinh tế - kỹ thuật xã hội Hô-me-rơ.

Tuy nhiên có một vấn đề đặt ra đối với các nhà nghiên cứu. Kim khí, kim loại gì giữ vị trí chủ yếu

(1) En-ghe-nơ. *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 159.

(2) En-ghe-nơ. *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 37.

trong xã hội Hô-me-rơ? Sắt, đồng hay thanh đồng? Các nhà nghiên cứu đã thống kê và so sánh trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ thấy thanh đồng được nói đến nhiều hơn sắt, từ đó kết hợp với những tài liệu lịch sử khác đi đến kết luận rằng xã hội Hô-me-rơ đang ở giai đoạn đầu của bước quá độ chuyển từ công cụ bằng thanh đồng sang công cụ bằng sắt. Thật ra vấn đề kim loại gì giữ vị trí chủ yếu trong xã hội Hô-me-rơ vẫn đang còn tranh luận. Song ý kiến nói trên hiện nay được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận.

Đọc tác phẩm của Hô-me-rơ, chúng ta thường thấy những cảnh yến tiệc linh đình trong đó miêu tả thịt như là thức ăn chính của người Hy-lạp. Như vậy trong xã hội Hô-me-rơ trông trọng giữ vị trí chủ yếu hay chăn nuôi? Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng trong xã hội Hô-me-rơ trông trọng vẫn giữ vị trí chủ yếu. Chăn nuôi mặc dù đã phát triển song không thể là nguồn cung cấp thức ăn chính cho xã hội. Việc chúng ta thấy thịt giữ vị trí chủ yếu trong các bữa ăn của thời đại Hô-me-rơ như hai bản trường ca miêu tả, thật ra không phải trong bữa ăn thường ngày mà trong những bữa tiệc. Hơn nữa ở đây còn có vấn đề lý tưởng hoá, cường điệu, vấn đề *"khắc phục, khống chế và tạo thành các lực lượng của tự nhiên trong tưởng tượng và nhờ trí tưởng tượng"* (Mác). Trong điều kiện và trình độ của xã hội công xã nguyên thủy, mặc dù có những bộ lạc chăn nuôi, nguồn thức ăn chủ yếu của bữa ăn hàng ngày của người Hy-lạp thời đại Hô-me-rơ vẫn là chất

bột, ngoài ra trong một chừng mực nào đó là cá. Chúng ta vẫn nhớ, một trong những tiêu chuẩn mà chàng Uy-li-xơ dùng để đánh giá trình độ văn minh của những vùng đất mới mà chàng gặp trong cuộc hành trình phiêu bạt của mình là "*ăn bánh mì*" xem xem "*những người ăn bánh mì nào làm chủ mảnh đất này*". Những người Lô-tô-pha-giơ ăn hoa Lô-tốt, hoa sen để sống; man rợ; những người Lét-tơ-ri-gông ăn thịt người, xiên người như xiên cá; man rợ; tên khổng lồ Pô-li-phem mặc dù biết ăn sữa, ăn pho mát, ăn thịt cừu, thịt dê nhưng chẳng phải một người "*ăn bánh mì*", không biết cày cấy, trồng trọt; man rợ.

Ruộng đất trong thời đại Hô-me-rơ nhìn chung là thuộc quyền sở hữu của công xã. Công xã chia ruộng đất cho các thành viên của mình canh tác bằng cách rút thăm. Tiếng Hy-lạp gọi loại ruộng rút thăm này là "*clê-ra*". Ngoài loại ruộng rút thăm này còn có một hình thức sở hữu khác là ruộng thưởng công cho những đại biểu của tầng lớp quý tộc vì thành tích trong chiến tranh của họ⁽¹⁾. Công xã chia những ruộng này ra thành từng mảnh, thường là có diện tích lớn hơn loại

(1) "... Đây hơi Glô-cốt vì sao ở Li-ki người ta ban cho chúng ta biết bao sự ưu đãi, nào chỗ ngồi danh dự, nào thịt, nào những cốc rượu tràn đầy? Vì sao mọi người ở đây suy tôn chúng ta như thần thánh? Vì sao trên đôi bờ của dòng sông Xăng-tơ chúng ta được hưởng một khu đất rộng lớn một khu đất đẹp đẽ như đất của một vườn cây ăn quả cũng như đất để trồng mi?... " (*Iliade*, XII, 310 - 315).

ruộng rút thăm rồi mới đem chia. Ngoài ra công xã cũng dành ruộng này cho việc thờ cúng thần thánh. Tiếng Hy-lạp gọi loại ruộng này là "tê-mê-nốt". Những tầng lớp quý tộc trong công xã đã lợi dụng quyền hành của mình để biến phần ruộng rút thăm và ruộng thưởng này thành của tư hữu. Cuối cùng là loại ruộng hoang nằm trong phạm vi của công xã được dùng làm bãi chăn nuôi hay để làm quỹ dự trữ.

Chúng ta không tìm thấy những dẫn chứng nói về việc mua, bán ruộng đất trong xã hội Hô-me-rơ. Nhưng có thấy nói đến việc cho thuê đất, chuyển giao đất cho người thừa kế và chia đất giữa những người thừa kế⁽¹⁾.

Nghề chăn nuôi trong xã hội Hô-me-rơ tuy vậy cũng đã phát triển khá (qua việc miêu tả đàn gia súc của Pô-li-phem và...) Đáng chú ý hơn nữa là xã hội Hô-me-rơ ngoài việc chăn nuôi dê, cừu, bò đã biết chăn nuôi lợn (chuồng lợn của mục phu thuỷ Kiếc-kê, trại nuôi lợn của gia đình Uy-li-xơ...).

Nghề thủ công trong xã hội Hô-me-rơ đang trong quá trình chuyên môn hoá. Những người thợ thủ công như trên đã nói, tiếng Hy-lạp gọi là "đê-mi-uóc-gơ" nghĩa là "những người làm việc cho nhân dân" bao

(1) ... Nhưng những nữ thần Pác-cơ của cái chết đã bắt ông ta đi và đem ông ta xuống những ngôi nhà của thần Ha-đét và những người con trai quá đồi kiêu căng của ông *chia nhau tái sản, họ chia bằng cách rút thăm*. Con tôi, ngoài một ngôi nhà người ta cho thì tôi chẳng được gì nhiều, (*Odyssée*, IV, 207 - 209).

gồm các loại người làm nghề thầy thuốc, thợ mộc, nghề sĩ, thầy bói. Bước đầu của việc chuyên môn hoá là "đê-mi-uốc-gơ" tách khỏi lao động nông nghiệp và chăn nuôi, sống bằng nghề của mình. Quá trình này chỉ có thể diễn ra đồng thời với quá trình suy yếu của tổ chức thị tộc, sự hình thành đẳng cấp, tệ nạn lợi dụng chức vụ (thủ lĩnh quân sự) ăn cắp của chung làm của riêng, hình thành mâu thuẫn giữa kẻ giàu và người nghèo và cái hậu quả tất yếu của nó là những thành viên của thị tộc bị mất một phần hoặc toàn bộ phần ruộng được chia của mình, phải đi làm thuê hoặc phải đi ăn xin thậm chí bị rơi vào địa vị nô lệ. Ph. En-ghe-nơ đã viết về tình hình đó như sau:

"... Từ khi xuất hiện tình trạng chênh lệch về của cải vật chất, nghĩa là kể từ giai đoạn cao của thời đại dã man, thì lao động làm thuê cũng đã xuất hiện lẻ tẻ bên cạnh lao động nô lệ, và đồng thời nghề mãi dâm của những phụ nữ tự do cũng xuất hiện như là bạn đường tất nhiên của lao động làm thuê bên cạnh việc phụ nữ nô lệ bắt buộc phải hiến thân..."⁽¹⁾.

Thương nghiệp trong xã hội Hô-me-rơ tuy đã phát triển song vẫn ở một trình độ hết sức thấp, vẫn nằm trong khuôn khổ của tính chất trao đổi tự nhiên, vốn là sản phẩm của một nền kinh tế tự nhiên chứ chưa phải là tính chất trao đổi của một nền kinh tế hàng hoá. Thước đo giá trị trao đổi là gia súc, bê, bò, cừu

(1) En-ghe-nơ. *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 96.

hoặc các vũ khí và vật dụng cướp bóc được. Trong xã hội Hô-me-rơ, người ta chưa tiến đến cái quan niệm "phi thương bất phú" cho nên nhân vật "thương nhân" rất bị coi thường, khinh bỉ. Ô-ri-a-lơ, một quý tộc ở xứ sở Phê-a-ki trong bữa tiệc tiền Uy-li-xơ đã mời chàng thi đấu thể thao, quyền thuật. Nhưng Uy-li-xơ từ chối. Thế là Ô-ri-a-lơ "giã" ngay cho vị khách quý một câu rất "đau":

"... Hỡi vị khách của ta, xem ra ông chẳng biết chơi một môn thể thao hoặc quyền thuật gì cả, vốn là những thứ mà mọi người đàn ông đều biết. Nếu ông có bước lên cái ghế dài của một con thuyền thì chỉ là để chỉ huy những người thủy thủ đi buôn đi bán, để ghi nhớ hàng họ hoặc lo toan đến những phí tổn thuê mướn và những lợi lộc của đồ ăn cướp. Còn là một lực sĩ thi đấu thì chắc hẳn ông chưa bao giờ biết đến..."
(*Odyssee*, VII, 159 - 164).

Trình độ thương nghiệp trao đổi tự nhiên như thế tương ứng với trình độ phát triển yếu ớt của nghề thủ công, đúng hơn là kết quả tất yếu của trình độ phát triển đó. Chính vì lẽ đó nguồn làm giàu trong xã hội Hô-me-rơ không phải là sản xuất và thương nghiệp mà là chiến tranh cướp bóc và nghề ăn cướp biển.

Việc bản trường ca "Ô-đi-xê" miêu tả xứ Phê-a-ki như một thành phố cảng của một nền thương nghiệp đã phát triển, theo các nhà nghiên cứu phản ánh nhiều nét của các đô thị thương nghiệp ở ven biển Tiểu Á ở

vào cuối thời đại Hô-me-rơ hơn là những đô thị Hy-lạp trong thời kỳ nền văn hoá Mi-ken.

ĐẲNG CẤP VÀ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ GIA TRƯỞNG

- *"Ngay trong những thời đại anh hùng, nước Hy-lạp đã bước vào lịch sử với sự phân chia thành đẳng cấp..."* Ph. En-ghe-nơ đã nhận xét như vậy⁽¹⁾. Sự ra đời của đẳng cấp diễn ra trong quá trình các bộ lạc hoặc các liên minh bộ lạc tiến hành thường xuyên những cuộc chiến tranh cướp bóc. Những thủ lĩnh quân sự lợi dụng chức vụ, quyền hành của mình, đặc biệt là trong thời kỳ chiến tranh quyền hành đó được tăng lên rất nhiều, để *"ăn cắp của chung làm của riêng"* để chiến lợi phẩm *"chia ra thì ít mà giữ lại phần mình thì nhiều"*, và cuối cùng biến chất thành một tầng lớp quý tộc trong lòng thị tộc. Việc lựa chọn những người kế tục chức vụ thủ lĩnh quân sự vì thế trở thành một việc làm vì mục đích lợi lộc cá nhân, gia đình, hơn là một việc làm vì lợi ích của tập thể thị tộc. Và thế là ra đời chế độ thế tập, cha truyền con nối, rồi cuối cùng là tranh giành, cướp đoạt.

Tù binh bắt được trong các cuộc chiến tranh bị biến thành nô lệ. Lao động của nô lệ ngày càng làm tăng thêm của cải vật chất cho những gia đình quý tộc và cứ thế xã hội tiến đến chế độ nô lệ.

Trong xã hội Hô-me-rơ, chúng ta thấy đã sử dụng

(1) En-ghe-nơ - *Chống Duy-rinh* - Nxb Sự-thật, Hà-nội 1976, tr. 286.

lao động nô lệ song mới chỉ ở trong khuôn khổ của gia đình gia trưởng (gia đình Uy-li-xơ, An-ki-nô-ốt). Ông già Ơ-mê trong gia đình Uy-li-xơ vốn là một đứa bé bị những người Phê-ni-ki bắt, đem bán. Mẹ Uy-li-xơ đã mua về, nuôi và dùng Ơ-mê vào việc chăn nuôi lợn. Các nữ tỳ trong gia đình An-ki-nô-ốt làm công việc nội trợ như xay bột, kéo sợi, dệt vải... Ở cả hai gia đình An-ki-nô-ốt và Uy-li-xơ, chúng ta thấy số nữ nô lệ nhiều hơn nam nô lệ. Điều này càng chứng tỏ sự thật là xã hội Hô-me-rơ vẫn đang ở vào buổi đầu của việc sử dụng sức lao động của nô lệ. Nhìn chung giữa lao động tự do của người sản xuất với lao động của nô lệ chưa có sự phân biệt sâu sắc.

Đối với những thủ lĩnh quân sự, những gia đình quý tộc, lao động vẫn chưa bị coi là một điều xấu xa, nhục nhã. Pê-nê-lốp vẫn dệt vải, kéo sợi. A-rê-tê (vợ An-ki-nô-ốt) vẫn *"cùng các nữ tỳ ngồi bên bếp kéo len đỏ thắm"*. Còn Nô-di-ca, khi được cha cho phép đem áo quần đi giặt thì nàng cùng với nữ tỳ *"đem áo quần óng ánh từ trong nhà ra chất lên xe nhãn bóng"*. La-éc-tơ, cha của Uy-li-xơ, mặc dù trong nhà có gia nhân, nô bộc nhưng vẫn tự tay đào đất làm vườn.

Do quan hệ xã hội - kinh tế của chế độ nô lệ mới hình thành và phát triển yếu ớt như vậy, hạn chế trong khuôn khổ gia đình gia trưởng cho nên chúng ta không thấy giữa chủ - tớ có mâu thuẫn sâu sắc, đối kháng, ngược lại chúng ta lại thấy có hiện tượng lý

tưởng hoá quan hệ đó, ca ngợi quan hệ đó: ông già Ơ-mê đã ca ngợi ông chủ Uy-li-xơ của mình, và rất trung thành với chủ. Tuy nhiên nếu như trong "*I-li-át*" chúng ta không tìm thấy một vết rạn nứt gì về quan hệ chủ - tớ thì trong "*Ô-đi-xê*" chúng ta đã thấy vết rạn nứt đó khá rõ. Nó như báo hiệu cho mọi người thấy rằng bản chất của cái xã hội mới đang đến sẽ chẳng êm dịu, ngọt ngào gì. Uy-li-xơ trở về gia đình chỉ còn hai người đầy tớ trung thành. Hành động trừng phạt tàn nhẫn và hết sức khắt nghiệt của chàng đối với các gia nhân chỉ nói lên một điều rằng, cái quan hệ chủ-tớ chẳng có gì đáng ca ngợi cả và trong thực tế ông chủ là người có toàn quyền chi phối, điều khiển cuộc sống của người đầy tớ - nô lệ của mình, kể cả quyền sinh sát. Chính bản thân ông già Ơ-mê đã nói lên sự thật bản chất của cái quan hệ chủ - tớ, cái quan hệ mà ông đã từng lý tưởng hoá, ca ngợi:

"... Tôi tớ hễ không có chủ ở nhà cai quản là chúng chẳng thiết tha gì với công việc *Dớt có tiếng nói âm vang khi bắt một người trở thành nô lệ thì đồng thời cũng lấy đi của người ấy một nửa giá trị...*" (*Odyssee*, XVII, 320 - 323).

TỔ CHỨC XÃ HỘI - Tổ chức xã hội Hô-me-rơ của các bộ lạc và bộ tộc nhỏ, gồm có:

1. Hội đồng các vị bô lão (bu-lê)

Đây là một cơ quan quyền lực thường trực lúc đầu gồm có các trưởng thị tộc rồi về sau khi con số những

trưởng thị tộc này trở nên đông quá thì lại gồm một số người được bầu ra, do đó mà có cơ hội cho thành phần quý tộc phát triển và được củng cố. Trong trường ca của Hô-me-rơ ta thường thấy Hội đồng xuất hiện ở các bữa tiệc. Hội đồng có chức năng quản trị và xét xử. Nó gắn bó chặt chẽ với các thủ lĩnh quân sự. Trong "I-li-át", ông già Ne-xto khuyên A-ga-men-nông cho dọn tiệc mời các vị bô lão đến dự để được nghe những ý kiến khuyên bảo hay (IX, 67 - 77). Trong "Ô-đi-xê" vua An-ki-nô-ốt đã tổ chức tiệc mời các vị bô lão đến dự để tiễn người khách quý Uy-li-xơ ra về (VIII, 95 - 99). Trước bữa tiệc, An-ki-nô-ốt đã triệu tập các vị bô lão hội họp ở quảng trường để nghe báo cáo về việc có một người khách lạ bước đến xứ sở Phê-a-ki cầu xin sự giúp đỡ và v.v...

Thực ra như trên đã nói, Hội đồng các bô lão vốn có một quyền lực lớn hơn nhưng đến giai đoạn này nó đã bị hạ thấp vai trò xuống gần như chức năng của một tổ chức cố vấn. Ta thấy những dấu hiệu suy yếu của tổ chức này trong trường ca của Hô-me-rơ. A-khin đã triệu tập Đại hội Nhân dân vào ngày thứ mười của tai hoạ do vị thần bắn tên xa muôn dặm A-pô-lông giáng xuống mà không cần qua Hội đồng các vị bô lão (*Iliade* I, 54). Trong "Ô-đi-xê", khi Tê-lê-mác đến xứ sở Pi-lốt của lão vương Ne-xto hỏi thăm tin tức về người cha yêu quý của mình, Tê-lê-mác đã được Ne-xto kể lại về sự chia rẽ trong quân đội Hy-lạp sau khi hạ được thành Tơ-roa. Theo Ne-xto kể, sau khi hạ được

thành Tư-roa, thần Dớt đã dành sẵn cho những người A-ke-en trên đường về một số phận bi thảm. Nguyên do nữ thần A-tê-na nổi giận, đã gieo mối bất hoà xuống hai người con của A-tơ-rê (A-ga-men-nông và Mê-nê-lát). Vì bất hoà, hai vị tướng này cho triệu tập Đại hội Nhân dân ngay vào lúc mặt trời lặn, lúc mà những người A-kê-en đến dự hội nghị còn chuyênh chóng hơi men. Hai vị tướng trình bày lý do hội họp. Mê-nê-lát chủ trương cho quân sĩ xuống thuyền trở về Hy-lạp ngay. Còn A-ga-men-nông lại muốn giữ quân đội ở lại để làm lễ hiến tế cầu xin nữ thần A-tê-na nguôi giận. "... Hai vị vua tranh cãi, lời *qua tiếng lại nặng nề, còn những người A-kê-en quẩn xà cạp đứng cả dậy với tiếng thét kinh hồn chia thành hai phái...*" (Odyssee, III, 137 - 150) Ở đây cũng vậy các thủ lĩnh quân sự trực tiếp triệu tập Đại hội Nhân dân không qua Hội đồng bộ lão, hơn nữa kết thúc Đại hội bằng một sự chia rẽ, phân biệt, sâu sắc. Ta có thể nhận xét rằng vai trò của các thủ lĩnh quân sự có khuynh hướng lấn át, đối lập với Hội đồng và không tôn trọng các nguyên tắc và thể chế của truyền thống thị tộc. Sau này khi Nhà nước ra đời thì Hội đồng biến thành Viện Nguyên lão.

2. Đại hội nhân dân (a-gô-ra)

Đại hội Nhân dân là tổ chức có quyền lực tối cao có quyền tối hậu quyết định công việc. Mỗi khi cần quyết định một chủ trương, một công việc gì quan trọng thì Hội đồng bộ lão triệu tập Đại hội Nhân dân.

Trong Đại hội, mọi thành viên đều được quyền phát biểu ý kiến. Mỗi khi cần bày tỏ thái độ tán thành hay phản đối thì mọi thành viên biểu lộ bằng cách giơ tay hay reo to lên. Trong trường ca của Hô-me-rơ, ta thấy có những dấu hiệu chứng tỏ vai trò của Đại hội Nhân dân bị suy yếu và không được rõ ràng. Nhà thơ miêu tả Đại hội Nhân dân như là một tổ chức hỗn loạn, vô tổ chức. Khi mọi người đến dự Đại hội phải có *"chín người truyền lệnh ra sức gào thét để dẹp họ, hòng dập tắt những tiếng reo hò để cho các vua dòng dõi của Dớt nói..."* (Iliade, II, 97 - 100) và *"khó khăn lắm mọi người mới ngồi xuống và ngồi yên chỗ, không gào thét nữa..."*.

Trong "Ô-đi-xê" từ khi Uy-li-xơ rời quê hương tham dự cuộc viễn chinh Tơ-roa cho đến lúc Tê-lê-mác triệu tập Đại hội Nhân dân để xin cấp thuyền thì chưa lần nào Đại Hội được triệu tập, nghĩa là hai mươi năm trời không có Đại Hội!

Mặc dù có những biểu hiện tiêu cực như thế song nhìn chung Đại hội Nhân dân vẫn là sự thể hiện cao nhất của ý chí và quyền lực của nhân dân. Bởi vì, trong thời kỳ này nếu một chủ trương, một công việc gì không được nhân dân đồng ý, tán thành thì không thể tiến hành được. Nhà nước chưa ra đời nghĩa là chưa có một cơ quan, một tổ chức, một biện pháp nào để cưỡng bức, ép buộc nhân dân phải tuân theo ý chí của một cá nhân hay của một nhóm người nào. Những

cái gì đi ngược lại với quyền lợi và nguyện vọng nhân dân đều bị phủ định ngay. Tét-di-tét đưa ra chủ trương phản chiến, hồi hương liền bị Đại hội Nhân dân phản đối. A-ga-men-nông đưa ra chủ trương bãi binh, hồi hương thì *"mọi người lặng im không nói một lời, những người con trai của những người A-kê-en ngồi nguyên đấy, im thít buồn rầu"*. Nhưng khi Di-ô-mét mắng A-ga-men-nông và biểu lộ quyết tâm chiến đấu đến cùng, chiến đấu cho đến khi hạ được thành Tơ-roa mới thôi, thì *"những người con trai của những người A-kê-en đồng thanh hét lên một tiếng tán thưởng, mọi người đều khoái chí với những lời lẽ của Di-ô-mét kẻ luyện thuần chiến mã..."* (Iliade, IX, 29 - 55).

En-ghen kết luận về địa vị và vai trò của Đại Hội Nhân dân như sau: *"... Thật vậy ở thời đại ấy, thời đại mà mỗi thành viên nam giới của bộ lạc đến tuổi thành niên đều là những chiến binh, thì vẫn chưa có một quyền lực công cộng tách riêng khỏi nhân dân và có thể đứng đối lập với nhân dân. Nền dân chủ nguyên thủy còn toàn thịnh và chúng ta phải xuất phát từ điều đó mà phán đoán về quyền lực và địa vị của Hội đồng cũng như của basileus..."*⁽¹⁾

3. Thủ lĩnh quân sự (ba-di-lót)

Thủ lĩnh quân sự là một chức vụ do nhân dân bầu lên hoặc ít nhất cũng phải được những cơ quan chính

(1) En-ghen *Nguồn gốc của gia đình...* trang 156.

thức của nhân dân xác nhận (Hội đồng hoặc Đại hội Nhân dân). Ngoài chức năng chỉ huy về quân sự, thủ lĩnh quân sự còn có chức năng tế lễ và xét xử. Trong chiến tranh, thủ lĩnh quân sự là người chỉ huy tối cao của bộ lạc hoặc của liên minh bộ lạc⁽¹⁾. Thủ lĩnh quân sự đồng thời còn là một thành viên của Hội đồng.

Bên cạnh hình thức bầu chức vụ thủ lĩnh quân sự, ta thấy có hình thức thừa kế, nghĩa là chức vụ thủ lĩnh quân sự được trao cho một người thân thích trong gia đình. Tuy nhiên việc thừa kế này, mặc dù dưới ảnh hưởng của chế độ phụ quyền vẫn không vượt qua được những phép tắc của tổ chức thị tộc. Người thừa kế chức vụ vẫn phải thông qua một cuộc bầu cử của nhân dân để hợp pháp hoá địa vị của mình. Tuyệt đối chưa có hình thức thừa kế chức vụ mà không cần phải qua nhân dân bầu cử. Chúng ta có thể tìm thấy trong "Ô-đi-xê" một dẫn chứng. Trong khi Ăng-ti-nô-cốt nói: *"... Nhưng người đòi trị vì trên cái đảo I-ta-cơ nằm giữa hai biển này ư? Mong rằng người con trai của Crô-nốt tước bỏ cái quyền ấy của người đi, dẫu cho quyền đó có được truyền lại theo huyết thống"* (N.V.K. nhấn mạnh) thì Tê-lê-mác lại trả lời: *"... Nhưng trong số những người A-kê-en chúng ta, các chàng trai cũng như các vị bô lão sẽ có một người được bầu làm vua đảo I-ta-cơ của chúng ta nằm giữa hai biển mênh mông"*

(1) A-ga-men-nông được coi là thủ lĩnh tối cao ("... tu es le plus roi de nous tous..." - *Iliade*, IX, 69).

sống nước, nếu đích thật Uy-li-xơ thần thánh của chúng ta Người đã chết rồi. Dù sao thì ta cũng sẽ là người cai quản nhà ta và những người đầy tớ mà Uy-li-xơ trong những cuộc hành trình thám hiểm đã đem về cho ta...". Như vậy là Tê-lê-mác không có ý thức, không có tham vọng thừa kế chức vụ thủ lĩnh quân sự của cha mình ở đảo I-ta-cơ mà chỉ có ý thức về việc thừa kế tài sản và cai quản tài sản của gia đình mình, mặc dù như Ăng-ti-nô-ốt nói, chức vụ thủ lĩnh quân sự có được truyền lại theo huyết thống. Tê-lê-mác tỏ ra là người vẫn còn tôn trọng truyền thống luật lệ của tổ chức thị tộc: chức vụ thủ lĩnh quân sự phải được Đại hội Nhân dân bầu. Còn Đại hội Nhân dân nhẽ ra phải và có quyền bầu một thủ lĩnh khác thay Uy-li-xơ, nhưng Đại hội không làm điều đó chỉ vì mỗi một lý do, như lời Tê-lê-mác nói, chưa biết rõ đích thực Uy-li-xơ còn sống hay đã chết.

Nhưng câu chuyện rối ren ở hòn đảo I-ta-cơ không phải chỉ là việc thừa kế chức vụ thủ lĩnh quân sự. Nó còn là việc cầu hôn với nàng Pê-nê-lốp, nghĩa là thừa kế cái chức vụ "chồng". Vì sao lại xảy ra tới 108 vị cầu hôn, nghĩa là 108 vị quý tộc muốn thừa kế cái chức vụ "chồng" Pê-nê-lốp? Đó là vì tài sản, của cải vật chất. Gia đình mới, gia đình một vợ một chồng của chế độ phụ quyền đương nhiên theo quy luật của nó sẽ thi hành các luật lệ "xuất giá tòng phu" nghĩa là tài sản của một người phụ nữ giàu có như Pê-nê-lốp, sẽ có thể do việc "đi bước nữa" của nàng mà chuyển

về tay người chồng (mới). Chính vì lẽ đó mới xảy ra những chuyện rối ren và những mưu đồ đẫm máu của bọn cầu hôn. Bởi vì muốn thực hiện được cái nguyên tắc thừa kế tài sản của chế độ phụ quyền thì bọn cầu hôn phải thực hiện được hai việc: ép buộc được Pê-nê-lốp kết hôn và giết được Tê-lê-mác. Chúng ta đã có dịp thấy rõ ý đồ này của tên cầu hôn Ăng-ti-nô-ốt ở chương trên.

Với gia đình mới, một vợ một chồng của chế độ phụ quyền, việc thừa kế chức vụ theo huyết thống ban đầu phải thông qua Đại hội Nhân dân bầu cử mới được coi là hợp pháp. Nhưng sau này khi Đại hội Nhân dân ngày càng bị suy yếu đi thì việc thừa kế trở thành cha truyền con nối và do đó tạo thành một dòng họ quý tộc. Và đó là mầm mống của chế độ quân chủ.

Trong trường ca của Hô-me-rơ, chúng ta không thấy miêu tả một cuộc bầu cử thủ lĩnh quân sự nào của Đại hội nhân dân ngoài mấy lời nói của Tê-lê-mác như vừa dẫn. Song chúng ta cũng không thấy miêu tả thủ lĩnh quân sự như là một vị "vua" theo cái nghĩa phong kiến của từ này, nghĩa là thủ lĩnh quân sự không phải là một người nắm toàn bộ quyền hành, độc tài, chuyên chế, có quyền cai trị, Trường ca của Hô-me-rơ cho chúng ta biết ở Ăc-gốt có 3 thủ lĩnh quân sự, ở Ê-li-đơ có 4, ở Xkê-ri có 12.

Mặc dù thủ lĩnh quân sự không phải là "vua", song điều đó không có nghĩa là xã hội Hô-me-rơ không có

đẳng cấp và những thủ lĩnh quân sự tuy chưa phải là một tầng lớp đối địch với nhân dân nhưng cũng chẳng phải là những người có một cuộc sống bình đẳng, bình quyền với nhân dân.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ QUÂN SỰ - Chế độ dân chủ quân sự hay nền dân chủ quân sự là một thuật ngữ mà nhà sử học Mỹ Moóc-gan (1818 - 1881) dùng để chỉ giai đoạn trung gian giữa xã hội thị tộc và xã hội có giai cấp. Mác và En-ghe-nơ đã nghiên cứu sâu thêm về vấn đề này để xác định bản chất và đặc điểm của giai đoạn trung gian đó.

Mác đã nói về chế độ dân chủ quân sự như sau:

"Basiléia" - chữ mà các nhà văn Hy-lạp dùng để chỉ quyền lực của vua thời đại Hô-me-rơ (bởi vì đặc điểm chủ yếu của nó - là sự cầm đầu về quân sự) bao gồm Hội đồng các thủ lĩnh và Hội Nghị Nhân dân, là sự biến dạng của chế độ dân chủ quân sự⁽¹⁾.

En-ghe-nơ trong *"Nguồn gốc của gia đình..."* phát triển thêm những ý kiến của Mác:

"Tóm lại tiếng basiléia mà các nhà văn Hy-lạp dùng để chỉ cái gọi là vương quyền trong thơ của Hô-me-rơ

(1) Tài liệu lưu trữ của Mác và En-ghe-nơ, tập I, 1941 trang 145 (tiếng Nga) - trích trong *"Những vấn đề lịch sử xã hội nguyên thủy"* Nxb Giáo dục, Hà-nội, 1963 trang 8-9 "biến dạng": *raznovidnost'* - variété; theo chúng tôi có lẽ dịch là "một trong những dạng khác nhau" thì sát nghĩa hơn.

(bởi vì quyền chỉ huy quân đội là cái dấu hiệu chủ yếu để nhận ra cái gọi là vương quyền đó) cái vương quyền có kèm theo Hội đồng và Đại hội Nhân dân, tiếng đó chỉ có nghĩa là nền dân chủ quân sự mà thôi (Mác)⁽¹⁾.

"... Thủ lĩnh quân sự, Hội đồng, Đại hội Nhân dân, đó là những cơ quan của cái xã hội thị tộc đã phát triển để trở thành một xã hội theo chế độ dân chủ quân sự. Nói là quân sự vì chiến tranh và cái tổ chức để tiến hành chiến tranh bây giờ đã trở thành những chức năng thường xuyên trong sinh hoạt nhân dân..."⁽²⁾

Nhà nghiên cứu xô viết M.O. Côt-sven dựa vào những nhận xét kinh điển của Mác- En-ghe-nơ đã xác định chế độ dân chủ quân sự bắt đầu từ chế độ phụ quyền và kết thúc là bước quá độ chuyển sang chế độ có giai cấp trong lịch sử. Đặc điểm chủ yếu của chế độ dân chủ quân sự là sự phát triển nhất định của lực lượng sản xuất, sự phát triển này là nhờ vào sự xuất hiện của thuật luyện kim: quặng đồng, thanh đồng và sắt và việc sử dụng những công cụ sản xuất bằng kim loại đó trong sản xuất đã có tác dụng như là một cuộc cách mạng kỹ thuật; do đấy gây nên những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội và hình thái xã hội.

(1) En-ghe-nơ *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 158.

(2) En-ghe-nơ *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 248

Những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội và hình thái xã hội đã được En-ghe-nơ vạch ra một cách tóm tắt như sau:

"... Như vậy trong chế độ Hy-lạp ở thời đại anh hùng, chúng ta thấy tổ chức thị tộc cũ đang sống thật là mạnh mẽ nhưng chúng ta cũng thấy chế độ ấy bắt đầu tan rã: chế độ phụ quyền với việc để lại tài sản cho con cái, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tích lũy của cải trong gia đình trở thành một thế lực chống đối với thị tộc; sự chênh lệch về tài sản tác động trở lại chế độ xã hội mà tạo ra những mầm mống đầu tiên của quý tộc thế lập và vương quyền thế tập; chế độ nô lệ, lúc đầu chỉ thi hành đối với tù binh, đã mở ra cái triển vọng nô dịch ngay cả những thành viên cùng một bộ lạc và thậm chí cả những thành viên của chính ngay thị tộc mình nữa. Chiến tranh ngày xưa giữa bộ lạc với bộ lạc, từ thời kỳ này, đã biến chất thành cuộc cướp bóc có hệ thống trên đất liền và trên mặt biển để chiếm đoạt gia súc, nô lệ, của cải, tức là đã biến thành một cách kiếm lợi thông thường; tóm lại của cải được người ta tán dương và coi trọng như là một của báu tối cao và những thế lực cũ của thị tộc bị người ta bôi nhọ đi để biện hộ cho sự cướp đoạt của cải bằng bạo lực. Chỉ còn thiếu một cái thôi, đó là một cơ quan không những bảo vệ những của cải mà các tư nhân vừa mới có được, khỏi bị những truyền thống cộng sản chủ nghĩa của chế độ thị tộc xâm phạm; không những thần thánh hoá cái quyền tư hữu tài sản trước kia rất bị khinh rẻ, tuyên bố rằng sự thần thánh hoá đó là

mục đích tối cao của mọi xã hội loài người; mà nó lại còn làm cho những hình thức mới và phát triển kế tiếp nhau của việc thu được tài sản, hay nói một cách khác, của cải luôn luôn tăng lên nhanh chóng hơn, được xã hội nói chung thừa nhận; một cơ quan không những chỉ kéo dài mãi sự phân chia xã hội thành giai cấp, - sự phân chia này hiện mới chớm nở - mà còn kéo dài mãi quyền của giai cấp hữu sản bóc lột giai cấp không có của, và quyền thống trị của giai cấp hữu sản đối với giai cấp không có của. Và cơ quan đó xuất hiện. Nhà nước đã được phát minh ra⁽¹⁾

TÔN GIÁO - Tôn giáo trong xã hội Hô-me-rơ là đa thần giáo thần thoại. Thần thoại là ý thức xã hội của tập thể con người nguyên thủy trong bước đường nhận thức thế giới. Ý thức nguyên thủy này như chương trên đã nói mang tính phức hợp, hoặc hỗn đồng⁽²⁾, và thần thoại do đó cũng mang những thuộc tính của ý thức ấy. Đó là, như nhận xét của En-ghe-nơ, cách "... quan niệm giới tự nhiên là một chỉnh thể và đứng về mặt toàn bộ mặt xét chỉnh thể ấy..."⁽³⁾ hoặc như lời Gorki là "... tính toàn vẹn của tư duy tập thể..."⁽⁴⁾. Vì

(1) En-ghe-nơ *Nguồn gốc của gia đình...* tr. 159 - 160.

(2) hỗn đồng: syncrétisme, còn dịch là hỗn nguyên hoặc nguyên hợp.

(3) En-ghe-nơ *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 54.

(4) M. Gor-ki *Bản vẽ văn học*, tập I, Nxb Văn học, Hà-nội 1970 (Sự suy sụp của cá nhân).

thể trong thần thoại bên cạnh những yếu tố lành mạnh của cảm xúc thẩm mỹ, của tư tưởng duy vật ngây thơ cũng đồng thời chứa đựng những yếu tố thần bí, tôn giáo. Trong một nghi lễ nhảy múa thời nguyên thủy bao hàm một mặt là cảm xúc thẩm mỹ, là tư tưởng duy vật ngây thơ nhưng một mặt là sự sùng bái, thờ cúng và niềm tin tôn giáo. Biểu tượng về một vị thần nào đó, hoặc người anh hùng nào đó trong nghi lễ, nhảy múa, cúng tế, hội hè, một mặt là nhận thức về sức mạnh của vị thần, của người anh hùng đã lập nên được những chiến công "khổng lồ" thể hiện sức mạnh và năng lực của tập thể, là cảm xúc về cái đẹp, cái anh hùng, cái cao cả, cái bất diệt trong cuộc sống; nhưng một mặt là cảm xúc sợ hãi và sùng bái, tin tưởng vào những sức mạnh siêu tự nhiên và thần bí của vị thần, của người anh hùng, là sự sợ hãi, sùng bái, tin tưởng vào khả năng ban phúc, giáng hoạ, tiên đoán tương lai cuộc đời những người trần thế.

Bởi vậy thần thoại và những biểu tượng tôn giáo về thế giới thường liên hệ chặt chẽ với nhau, liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng không phải là những hiện tượng đồng nhất. S.A. Tô-ca-rép nói: "... *Thần thoại trở thành tôn giáo thật ra không phải vì bản thân nội dung của thần thoại mà đúng ra là vì mối liên hệ của thần thoại với những nghi lễ tôn giáo và hội hè...*"⁽¹⁾.

(1) S.A. Tô-ca-rép "Thần thoại là gì?" - *Những vấn đề lịch sử tôn giáo và chủ nghĩa vô thần*, tập 10, tr. 355 (tiếng Nga).

Nhưng những biểu tượng về các vị thần và niềm tin trong tôn giáo thần thoại của người Hy-lạp cổ khác rất xa với những biểu tượng và niềm tin trong các tôn giáo khác như Cơ-đốc giáo, Hồi giáo, Phật giáo ở những thời đại sau này.

Thần trong anh hùng ca của Hô-me-rơ là *"... tự nhiên và bản thân các hình thái xã hội được trí tưởng tượng dân gian chế biến đi một cách nghệ thuật - không tự giác..."* (Mác). Trí tưởng tượng này đã nhân hình hoá, nhân cách hoá thế giới xung quanh thành các vị thần. Ở đây chúng ta không thể không dẫn ra lời nhận xét hết sức tinh tế của Gor-ki: *"... Thần là hình tượng khái quát của những thành công trong lao động và cái "tư duy tôn giáo" của quần chúng lao động phải hiểu theo nghĩa bóng vì đó là một sáng tạo có tính chất thuần tuý nghệ thuật..."*

Tôn giáo thần thoại trong anh hùng ca của Hô-me-rơ hoàn toàn không giống với những thần thoại trong Kinh thánh hay trong các cuốn sách "thánh" khác. Nó không đòi hỏi con người phải có một đức tin mù quáng, một sự sùng bái cuồng tín. Mỗi người đều có thể tự do suy nghĩ, bình giá về các công việc của thần thánh và hơn nữa còn có thể theo óc tưởng tượng của mình sáng tạo, thêm thắt, biến đổi vào các câu truyện thần thoại.

Tôn giáo của người cổ Hy-lạp không có một hệ thống tín điều, giáo lý chặt chẽ ràng buộc con người. Các vị

thần của Hô-me-rơ là sản phẩm của một tư tưởng thế tục, của một trí tưởng tượng tự do chứ không phải là sản phẩm của một nền nghệ thuật tôn giáo. Thần chẳng có gì khác biệt với con người. Thần cũng có những khát vọng lý tưởng, những hành động cao quý cũng như có cả những thói hư, tật xấu, những dục vọng thấp hèn, tâm thường của con người, giống như con người. Tính chất "người" đó cùng với trí tưởng tượng nghệ thuật - không tự giác đã tạo cho nội dung tôn giáo thần thoại Hy-lạp một chiều hướng phát triển đặc biệt: Ở Hy-lạp không hình thành một tôn giáo với một hệ thống tín điều, giáo lý chặt chẽ, cũng không có một đẳng cấp những người truyền giảng đạo, những giáo sĩ, do đó cũng không có một tổ chức nghiêm ngặt, chặt chẽ như Giáo hội đạo Cơ đốc thời kỳ Trung cổ. Chính vì lẽ đó những tư tưởng triết học và vô thần trong thời cổ đại mới có điều kiện ra đời và phát triển⁽¹⁾.

Trường ca của Hô-me-rơ là nguồn tài liệu phong phú nhưng phức tạp, vừa chứa đựng những tài liệu

(1) Sau này khi Nhà nước chiếm hữu nô lệ ra đời, chúng ta vẫn thấy thái độ tự do đối với tôn giáo thần thoại trong các nhà viết bi kịch, đặc biệt là ở tác giả Ô-ri-pi-đơ. Thái độ tự do, phê phán tôn giáo thần thoại phát triển hết sức mạnh mẽ trong hài kịch. Chỉ cần dẫn một câu của Ê-pi-các-mơ, tác giả hài kịch sống vào thế kỷ thứ V trước công nguyên là chúng ta có thể thấy rõ: "Hãy tỉnh táo và biết cách không tin. Toàn bộ ý nghĩa của khoa học là ở trong đó".

thuộc về thời kỳ Mi-ken (còn gọi là thời đại A-kê-en) đồng thời lại vừa chứa đựng cả những tài liệu thuộc về thời đại anh hùng ở Hy-lạp, chủ yếu sau cuộc di cư của những bộ lạc người Đô-riêng. Vì thế chúng ta có thể tìm thấy trong thế giới các vị thần của đỉnh Ô-lanh-pơ những biểu tượng cổ xưa của tôn giáo tô tem, của việc thờ cúng đất đai, thờ cúng các nữ thần... Nhưng tất cả những biểu tượng tôn giáo cổ xưa ấy, ít ra là thuộc vào thời kỳ đồ đá mới, không phải là tôn giáo đích thực của xã hội Hô-me-rơ. Chúng chỉ là cái quá khứ còn lưu dấu lại và là cơ sở, cội nguồn của thế giới các vị thần trong anh hùng ca của Hô-me-rơ.

Giữa thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên, khi xã hội Hy-lạp đã diễn ra những biến chuyển lớn, nhà nước Mi-ken (nhà nước của hai nhóm bộ lạc A-kê-en và I-ô-niêng) ra đời thì thần thoại Hylạp cũng trải qua một thời kỳ lột xác. Một thần thoại mới được hình thành để phù hợp với lợi ích của tầng lớp quý tộc chủ nô. Khi ấy về mặt tự nhiên, những vị thần của đỉnh Ô-lanh-pơ được "người hoá" nhiều hơn và trở thành những vị thần của từng hiện tượng tự nhiên; còn về mặt xã hội thì thế giới thần thánh của Hô-me-rơ lại càng phản ánh rõ nét hơn nữa cái thế giới trần tục, cái thế giới của nhà nước A-kê-en với những mâu thuẫn trong buổi đầu của nó.

Xã hội Hy lạp là xã hội thị tộc thì tôn giáo thần thoại cũng phản ánh những quan hệ của xã hội đó

vào trong thế giới thần thánh của mình. Mỗi thị tộc, mỗi bộ lạc đều có vị thần bảo hộ của mình hoặc thờ cúng vị thần thủy tổ của mình. Các vị thần này cùng "chia ngọt sẻ bùi" với bộ lạc, cùng lao động, đấu tranh, gắn bó với bộ lạc. Khi xảy ra chiến tranh, các vị thần cùng với bộ lạc của mình đánh nhau với các vị thần của những bộ lạc thù địch và đánh nhau cả với những người trần của bộ lạc thù địch. Bản trường ca "I-li-át" là một cuộc hỗn chiến giữa thế giới thần thánh và thế giới loài người, phản ánh "tinh bộ lạc" của các vị thần. Sau này, vào quãng thế kỷ VIII - VII trước công nguyên, xã hội Hy-lạp bước vào chế độ chiếm hữu nô lệ, thời kỳ của những thành bang, thì mỗi vị thần trên đỉnh Ô-lanh-pơ cũng chuyển sang nhiệm vụ làm người bảo vệ cho các thành bang: nữ thần A-tê-na bảo hộ thành bang A-te-nơ, Hê-ra, thành bang Ác-gốt...

Con người trong xã hội thị tộc sống trong mối quan hệ huyết tộc, mọi người đều là bà con anh em thân thích thì cũng nhìn thế giới các vị thần trong quan hệ ấy. Đâu thì cũng từ "một giọt máu đào" mà sinh ra cả, đâu thì cũng là "cả cây dây cuốn" gần xa đều là anh em, họ hàng cả.

Xã hội biến chuyển, đẳng cấp và chế độ phụ quyền, gia trưởng ra đời thì thần Dớt cũng có nhiều quyền lực hơn, hách dịch hơn, khiến các vị thần phải nể vì, e sợ. Ngay cả nữ thần Hê-ra, vị nữ thần vốn có nhiều quyền lực đối với Dớt, giờ đây mỗi khi Dớt trừng mắt

doạ "vung đôi tay đáng sợ này lên đánh..." hoặc khi Dớt nổi cơn thịnh nộ nhắc lại cho Hê-ra nhớ... "cái ngày bị treo lơ lửng giữa trời (...) chân bị xiềng vào hai cái đe và tay bị một sợi xích vàng chẳng buộc (...), các thần khác không sao đến gần được, không sao cời trói cho Hê-ra được (...)"⁽¹⁾ thì Hê-ra cũng phải bót tai quái, đả đố đi, dịu giọng làm lành, "mất tính" trở lại, hoặc phải im lặng không dám dò hỏi, quấy rầy, không nhéo nữa.

Cũng giống như các vị vua người A-kê-en, Dớt sống trong cung điện ở trên đỉnh Ô-lanh-pơ, xung quanh là các vị thần tùy tùng, thân thuộc. Nữ thần I-rít xưa là chiếc cầu vồng thì giờ đây là người đưa tin của Dớt⁽²⁾. Héc-mét xưa là người bảo hộ cho những người chân cừu thì nay là con của Dớt. Dớt là vị thần có sức mạnh vô biên mà các vị thần khác không thể nào sánh được⁽³⁾. Dớt có thể ném các thần xuống chốn Tác-ta-rơ mù mịt, ở sâu dưới tận thế giới của Ha-đét trị vì. Dớt tự hào có thể kéo co với các vị thần bằng một sợi dây vàng nhưng đầu là Dớt, còn một đầu là tất cả các nam thần, nữ thần. Nhưng các thần dù có đông đến như thế cũng không sao kéo được Dớt và trời xuống đất⁽⁴⁾,

(1) *Iliade* (XV, 17 - 23)

(2) *I-li-át*, Nxb Văn học. Hà-nội, 1966 tr. 145 - 148.

(3) Xem lời A-khin nói với A xtê-rô-pê, *I-li-át*, Nxb Văn học, Hà-nội tr.111 (XXI, 190 - 199).

(4) Kéo co dọc (*Iliade*, VIII, 12 - 28).

ngược lại còn bị Dớt kéo tuột lên trời và Dớt kéo luôn theo cả đất cả biển lên nữa. Sau đó Dớt buộc sợi dây vào một mỏm đá ở đỉnh Ô-lanh-pơ, treo lủng lẳng các thần ở không trung. Vì thế cho nên các thần rất kính sợ Dớt. Khi Dớt từ núi Ô-lanh-pơ trở về cung điện thì *"tất cả các thần đều đứng dậy ra đón. Các thần đều đi đến trước mặt vị thần phụ vương, không một ai dám đứng yên tại chỗ đợi. Người đi tới. Khi Người đến, Người thấy tất cả các thần đã đứng đón trước mặt mình..."* (Iliade, I, 533 - 534)⁽¹⁾. Như vậy tôn giáo thần thoại đã phản ánh và minh họa cho cái thực tại xã hội Hy-lạp thời kỳ công xã thị tộc tan rã, Nhà nước ra đời, quyền lực đã tập trung vào trong tay một cá nhân: vua. Tuy nhiên trong trường ca của Hô-me-rơ, ta cũng tìm thấy những biểu tượng tôn giáo mâu thuẫn với tư tưởng nói trên, nghĩa là có những truyền thuyết nói về sức mạnh có hạn của Dớt, Dớt không phải là một đấng toàn năng có sức mạnh tuyệt đối. Thần Pô-dê-i-đông đã từng bình đẳng cùng với Dớt rút thăm để chia nhau gia tài thế giới của Crô-nốt để lại. Dớt được bầu trời, Pô-dê-i-đông: biển, Ha-đét: âm phủ, còn mặt đất và đỉnh Ô-lanh-pơ là của chung (Iliade, XV, 187 - 193)⁽²⁾. Thần Pô-dê-i-đông từng coi thường sức mạnh của Dớt, mưu đồ cùng với Hê-ra và A-tê-na một

(1) *I-li-át*, Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội 1966 tr. 38.

(2) Có một truyền thuyết có lẽ ra đời muộn hơn sau này nói Pê-dê-i-đông được chia cả mặt đất nữa.

cuộc lật đổ, "đảo chính" Dớt, bắt Dớt xiềng lại. May nhờ có nữ thần Thê-ti-xơ biết, kịp thời gọi con quỷ một trăm tay mà các thần gọi là Bri-a-rê, còn người trần gọi là Ê-giê-ông⁽¹⁾ đến ngồi bên Dớt, bảo vệ cho Dớt nên cuộc lật đổ không thành. Như vậy rõ ràng không phải Dớt là vị thần mạnh nhất. Sức mạnh hạn chế của Dớt phản ánh cái sức mạnh hạn chế của các vị "vua" trong bước chuyển biến quá độ của xã hội Hy-lạp.

Một nét đáng chú ý là các vị thần trong trường ca của Hô-me-rơ không lãnh nhiệm vụ bảo hộ cho nghề nông, công việc chăn nuôi hay nghề thủ công. Các thần không lao động. Sinh hoạt của các thần là tham gia chiến trận và tiệc tùng. Riêng có người thợ thủ công thợ rèn Hê-pha-i-xtốt là được lên đỉnh Ô-lanh-pơ sống cùng với các vị thần. Nhưng Hê-pha-i-xtốt làm gì? - làm vũ khí và trang trí cho cung điện của Dớt. Trường ca "*I-li-át*" miêu tả nhấn mạnh những nét hài hước trong vị thần thợ rèn này: chân thọt, đi lại lằng xằng rót rượu cho các vị thần, nom đến tức cười, khiến các vị thần cười mãi không thôi.

Nếu chúng ta so sánh thế giới các vị thần trong trường ca của Hô-me-rơ với thế giới của các vị thủ lĩnh quân sự thì rõ ràng có một nét khác biệt đáng chú ý: thế giới của người trần xem ra có vẻ "dân chủ" hơn thế giới của các vị thần. Trong thế giới của các vị thủ

(1) Tiếng Pháp phiên âm: Aegaeon, Egéon

linh quân sự, chúng ta không thấy có một vị nào lại oai phong lẫm liệt như đấng phụ vương Dốt. Những người anh hùng, dũng sĩ của Hô-me-rơ mặc dù có xu hướng lợi dụng, quyền hành, chức vụ, vi phạm những truyền thống dân chủ của chế độ thị tộc, song họ vẫn chưa phải là một ông vua như Dốt. Họ không hề tổ chức xã hội của họ thành một kiểu nhà nước quân chủ bởi vì họ chưa tiến đến sự phát triển đó. Họ không có khái niệm gì, biết gì đến một kiểu tổ chức xã hội như thế. Họ vẫn chưa nhiệm phải cái thói xấu khinh rẻ lao động chân tay. Vì sao lại có sự khác nhau giữa hai thế giới thần và người như thế? Đó là do tính phức tạp của anh hùng ca Hô-me-rơ: "lớp" thế giới các vị thần, một mặt mang dấu vết của thời kỳ công xã thị tộc, nhưng một mặt lại phản ánh thời kỳ nền văn hoá Mi-ken, nghĩa là thời kỳ đã ra đời một nhà nước chiếm hữu nô lệ, có tính chất quân chủ. Còn thế giới của con người, của các anh hùng, dũng sĩ lại được hình thành chủ yếu vào thời kỳ nền văn hoá Mi-ken đã suy tàn, nghĩa là sau cuộc di cư của những người Đô-riêng. Như vậy là thế giới của con người ở vào một trình độ phát triển thấp hơn thế giới các vị thần: chế độ thị tộc đang tan rã nhưng sức sống của nó còn mạnh mẽ, nhà nước chưa ra đời.

Cũng như mọi tôn giáo đều có những quan niệm, những cách giải thích về cái hạnh phúc và bất hạnh trong cuộc sống; tôn giáo thần thoại trong trường ca của Hô-me-rơ cũng giới thiệu cho chúng ta biết quan niệm và cách giải thích của nó về vấn đề đó. Điều

khác biệt là tôn giáo thần thoại trong Hô-me-rơ với tính chất tự do bẩm sinh của nó, không xây dựng được thành một hệ thống những quan niệm chặt chẽ. Cách giải quyết của tôn giáo thần thoại về vấn đề đó dường như thiên nhiều về mặt đạo đức tôn giáo, dấu vết của thời kỳ cổ xưa nhất của lịch sử.

Về nguồn gốc của cái bất hạnh, một vấn đề có tính chất "lâu dài và gian khổ" đối với nhiều hệ thống tư tưởng tôn giáo, triết học - chính trị, thần thoại Hy-lạp quy tội cho vị nữ thần Lầm lẫn - A-tê - dấu vết của một biểu tượng khá cổ xưa. Vì A-tê mà, theo thần thoại Hy-lạp, nhẽ ra Hê-ra-clét theo lời của Dớt phải được trị vì ở Ác-gốt thì lại bị làm đầy tớ cho Ở-ri-xtê, Dớt tức giận đã quăng A-tê xuống trần, ném cái "tai hoa" đó cho những người trần chúng ta. Vì A-tê mà nguyên vọng xây một thành Tơ-roa giàu mạnh, hùng cường, lưu danh muôn thuở của nhà vua I-lốt lại bị đảo ngược lại: thành Tơ-roa được lưu danh trong ký ức của nhân loại không phải để làm vinh quang cho người Tơ-roa mà lại là để làm rục rở, sáng chói chiến công của những người A-kê-en. Cũng vì nữ thần A-tê mà A-ga-men-nông đã "chơi xấu" với A-khin... Nữ thần A-tê làm cho con người mất trí, phạm phải những hành động mù quáng, làm cho con người đi chệch hướng, lờ bước sa cơ.

Một cách giải thích khác về nguyên nhân của cái bất hạnh trong cuộc sống là do thần Dớt. Dớt có toàn

quyền quy định số phận của con người. Dớt phân phát cho con người hạnh phúc hoặc bất hạnh lấy ra từ hai cái chum. Như vậy hạnh phúc và bất hạnh, ác và thiện, xấu và tốt trong cuộc sống là tùy thuộc vào ý chí của thần thánh. Thần thánh có thể làm cho con người thành ác hoặc thiện. Thần thánh có thể làm cho con người thành tham lam, hèn nhát, mê muội, lầm lẫn, cũng như có thể làm cho con người thành dũng cảm, cao thượng sáng suốt. Đọc trường ca của Hô-me-rơ chúng ta thường gặp những câu: "... vì A-tê-na đã cho nàng bạo dạn và khiến cho nàng không biết sợ là gì..." hoặc "thần thánh đã ban cho con người lòng nhân nhục..." và v. v...

Như vậy thì con người phải sống như thế nào, làm thế nào để được thần thánh ban cho ân huệ, để được hưởng hạnh phúc, tránh được điều bất hạnh? Thần thoại Hy-lạp không thuyết giáo về một sự sám hối hoặc từ thiện nào. Con người trong cuộc sống được hưởng hạnh phúc hay phải chịu những điều bất hạnh không phải vì bản thân con người xấu hay tốt, đạo đức hay không có đạo đức, mà vì thần thánh, hoàn toàn do ý chí của thần thánh quyết định. Dớt và các vị thần trên đỉnh Ô-lanh-pơ muốn, thích cho con người như thế nào thì con người được như thế ấy. Uy-li-xơ bị lênh đênh trên mặt biển là vì thần Pô-dê-i-đông trả thù, vì nữ thần Ca-líp-xô yêu mến chàng. Uy-li-xơ được nữ thần Ca-líp-xô thả cho về quê hương là vì Dớt muốn thế, Dớt ra lệnh cho Ca-líp-xô phải làm như thế...

những con cháu xứng đáng nhất của thần thánh, của Đót, của A-pô-lông, được Đót, được A-pô-lông ban cho cây vương trượng, trao cho quyền quyết định mọi việc. Thần thánh hoá, tôn giáo hoá quyền thống trị ở cõi trần của một cá nhân, của một giai cấp, vốn là một xu thế tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội cũ⁽¹⁾.

Việc quy tất cả vào ý chí của thần như vậy mang theo một mâu thuẫn với những khai niệm sơ đẳng về công lý mà chính thần thánh nhiều lúc lại đại diện cho công lý. Đường như trong thế giới của các vị thần không có một chuẩn mực đạo đức nào chỉ đạo cho hành vi, cho tư cách. Hơn nữa nó lại mâu thuẫn với nội dung nhân văn của thần thoại Hy-lạp. Chính vì lẽ đó cho nên chúng ta thấy ý chí của con người trong trường ca của Hô-me-rơ đã không cam chịu khuất phục ý chí của thần thánh. Nó có cuộc sống riêng của nó và đã từng nổi loạn, chứng minh tính độc lập tương đối của mình trước ý chí của thần.

Tôn giáo thần thoại trong Hô-me-rơ không hề có quan niệm về sự thưởng phạt sau khi chết. Người Hy-lạp cổ tin rằng người chết thì hồn còn và con người ta có thể xuống thế giới âm phủ gọi hồn người chết, nói chuyện với họ được. Những linh hồn này là những

(1) Quá trình của việc tách cá nhân ra khỏi tập thể, đặt cá nhân lên trên tập thể, M. Gor-ki đã nói rõ trong bài "Sự suy sụp của cá nhân".

bóng đen sống vật vờ trong vương quốc của thần Ha-dét, khi sống trên dương thế chúng làm gì, có quyền lực gì, lo âu, ân hận gì thì khi chết xuống dưới âm phủ chúng vẫn như vậy. Ti-rê-di-át dưới âm phủ vẫn là nhà tiên đoán, A-giác vẫn không nguôi mối oán hận với Uy-li-xơ về chuyện bộ áo giáp và vũ khí của A-khin... Tôn giáo thần thoại trong Hô-me-rơ không hề lý tưởng hoá cái "thế giới bên kia" không hề coi cõi đời ở thế giới bên kia là vĩnh viễn, là cực lạc. Uy-li-xơ gặp vong hồn A-khin, chàng tỏ lời khen ngợi người bạn chiến đấu của mình:

"... A-khin hỡi! Xưa cũng chẳng có ai và rồi ra trong tương lai cũng chẳng có ai là người sung sướng bằng bạn nữa! Khi bạn còn sống, chúng ta, tất cả những chiến sĩ của đất Ác-gôt kính trọng bạn như một vị thần, còn giờ đây dưới chốn âm phủ này, bạn vẫn tiếp tục chỉ huy những người chết. A-khin hỡi! Với bạn dù đã chết rồi bạn cũng chẳng có điều chi phiền muộn cả..."

Nhưng A-khin trả lời:

"... Hỡi Uy-li-xơ cao thượng của ta! Xin bạn đừng tô điểm cho cái chết!... Ta thích được làm đầy tớ cho bò⁽¹⁾ sống và làm thuê cho một lão chủ đất nghèo khó, phải kiếm miếng ăn vất vả, còn hơn là trị vì ở cái thế

(1) Valet de boeufs

giới của những người chết này, trị vì một cõi người đã tắt..." (Odyssée, XI, 483 - 491).

Cuộc sống là quý hơn cái chết. Cuộc sống ở cái thế giới trần tục này là hạnh phúc hơn, là đáng sống hơn cuộc sống ở cái thế giới hư ảo nào đó. Đây chính là cái thế giới quan khoẻ mạnh, duy vật, của người Hy-lạp cổ ngay trong hình thức duy tâm, tôn giáo của họ. En-ghe-nơ đã có một nhận xét hết sức sâu sắc về cái thế giới quan khoẻ mạnh đó:

"... Trong thời cổ đại đã phát triển hết sức mạnh mẽ chủ nghĩa duy vật tự phát. Để đánh giá cuộc sống trần thế vô cùng vô tận là cao hơn thế giới âm phủ, những người Hy-lạp đã coi cuộc sống ở cái thế giới bên kia là bất hạnh... ("Lịch sử đạo Cơ-đốc sơ kỳ").

Sau Hô-me-rơ, chúng ta thấy nhà kể chuyện ngụ ngôn Ê-dốp đã thể hiện cái quan niệm này trong truyện ngụ ngôn thứ hai mươi của ông mang tên là "Một kẻ bất hạnh gọi Thần Chết đến" và đến thế kỷ XVIII, chúng ta lại có dịp gặp lại quan niệm này trong bài thơ ngụ ngôn. "Thần Chết và người tiểu phụ" của nhà thơ Pháp La Phông Ten. Trong truyện "Liều trai chí dị" của nền văn học Trung quốc, chúng ta cũng lại thấy cái quan điểm khoẻ mạnh này biểu hiện ra trong nhiều cuộc tình duyên giữa người và ma, những con ma vẫn khát khao cuộc sống trần tục, vẫn biết đánh giá trong cuộc sống đâu là cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ, và đã sống, đã "phục sinh" lại vì những lý tưởng

đó trong một cuộc sống nồng nhiệt, say sưa đến nỗi được trở lại làm người!

*

* *

Nghiên cứu tôn giáo trong xã hội Hô-me-rơ, chúng ta có dịp chứng minh được quan điểm của chủ nghĩa duy vật: "Thế giới tôn giáo chỉ là phản ánh của thế giới thực tại"⁽¹⁾.

Thế giới thực tại trong xã hội Hô-me-rơ đang trong quá trình biến động từ một xã hội không có giai cấp sang một xã hội có giai cấp. Tôn giáo thần thoại trong xã hội Hô-me-rơ phản ánh xu thế lịch sử của sự biến động đó. Trong khi thể hiện thế giới của các vị thần, nhà thơ đã tuân theo những hình thức cổ xưa của những truyền thuyết, cố tích vốn gắn bó với những biểu tượng của một thời kỳ xa xôi hơn, do đó chúng ta thấy trong thế giới của các vị thần, có những nét rất cổ. Nhưng trong khi thể hiện thế giới của con người, nhà thơ lại ít bị phụ thuộc vào những truyền thuyết, thần thoại cổ mà lại xuất phát từ thực tại đương thời, từ những con người đương thời. Tuy nhiên sức sống của cái thực tại đương thời, cái hiện đại bao giờ cũng mạnh mẽ. Vì thế, thế giới thần thánh từ "I-li-át" đến "Ô-đi-xê" rõ ràng có một sự chuyển biến;

(1) Các-Mác - "Tư bản" - quyển I, tập I, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, tr. 114.

từ một thế giới rất đông đảo các vị nam thần nữ thần, một thế giới thần thánh nhưng lại sống rất trần tục, phạm tục chuyển sang một thế giới ít thần hơn, và các vị thần sống cũng bắt đầu cao đạo hơn, có tư cách hơn. Thần thánh trong "Ô-đi-xê" đã trở thành một biểu tượng của cán cân công lý; Dớt, A-tê-na, và các thần trên thiên đình là những người đã coi việc phải để Uy-li-xơ, giúp đỡ Uy-li-xơ, trở về quê hương là một việc làm công bằng, hợp đạo lý. Nhìn chung thần trong "Ô-đi-xê" trừu tượng hơn trong "I-li-át". Sự can thiệp của thần vào cuộc sống của con người không còn náo động, sôi sục như trong "I-li-át". Mối thù của thần Pô-dê-i-đông, của thần Hê-li-ốt Hi-pê-rê-ông đối với Uy-li-xơ, bản trường ca "Ô-đi-xê" không thể hiện cụ thể. Chúng ta không được chứng kiến những cảnh "đụng đầu", "giáp mặt" với thần như trong "I-li-át". Các thần, phải chăng đã bắt đầu cảm thấy cần phải có một khoảng cách nhất định với con người? Phải chăng vì thế mà sự can thiệp, dắt dẫn của thần thánh đối với con người trong "Ô-đi-xê" lại thiếu tự nhiên hơn, không gần gũi hữu cơ như trong "I-li-át"? - và nhiều khi có tính chất áp đặt, mâu thuẫn với nguyện vọng của con người.

Tôn giáo thần thoại trong xã hội Hô-me-rơ mặc dù có những lớp cổ xưa, giữ lại nhiều biểu tượng của một thời kỳ sớm hơn trước thời kỳ ra đời nhà nước Mi-ken và thời kỳ sau cuộc di cư của người Đô-riêng nhưng vẫn phản ánh đúng cái xu thế vận động của lịch sử.

Xã hội Hy-lạp sau cuộc di cư của những bộ lạc người Đô-riêng, tuy có bị kéo lùi lại thời kỳ thị tộc phụ quyền nhưng dù sao đó cũng chỉ là hiện tượng tạm thời. Và những gì mà nhà nước Mi-ken đã đạt được trong việc "lột xác" thần thoại tuy có khác xã hội Hy-lạp (sau cuộc di cư của người Đô-riêng) về trình độ thì lại rất giống nhau về xu thế. Chính vì thế chúng ta hiểu được vì sao cái thế giới thần thánh trên đỉnh Ô-lanh-pơ do đấng phụ vương Đốt cầm đầu, oai phong lẫm liệt như thế, lại có thể hoà hợp với thế giới của những thủ lĩnh quân sự Hy-lạp đang sống trong chế độ dân chủ thời xưa; vì các thủ lĩnh quân sự cũng đang muốn biến mình thành một vị thần của cõi trần.

NHỮNG VẤN ĐỀ NGHỆ THUẬT TRONG HAI BẢN TRƯỜNG CA CỦA HÔ-ME-RƠ.

Những bản trường ca của Hô-me-rơ như chúng ta đã biết, là những mẫu mực cổ điển của loại hình anh hùng ca, nghĩa là những bản trường ca - anh hùng xây dựng trực tiếp từ những truyền thuyết lịch sử và những áng sử thi dân gian. Vì thế, khi nghiên cứu nghệ thuật của hai bản trường ca anh hùng đó, chúng ta không thể không bắt đầu từ việc nghiên cứu trước hết những cơ sở lịch sử - xã hội đã làm nảy sinh ra loại hình anh hùng ca. Từ trên cơ sở đó, chúng ta mới tìm thấy tính quy định của loại hình này đối với phong cách nghệ thuật của nó, có nghĩa là tìm ra những đặc điểm nghệ thuật của phong cách sử thi, bản chất của phong cách sử thi.

Anh hùng ca là một loại hình như Mác đã chỉ ra: *"... không bao giờ có thể được sáng tạo ra dưới cái hình thức cổ điển lấy lòng một thời trong lịch sử thế giới, một khi mà sáng tác nghệ thuật đã bắt đầu với tư cách là sáng tác nghệ thuật..."*⁽¹⁾. Như vậy có nghĩa là

(1) Các-Mác - "Góp phần phê phán chính trị kinh tế học". Nxb Sự thật, Hà-nội 1971, tr. 312.

anh hùng ca chỉ có thể được sáng tạo ra khi sáng tác nghệ thuật xuất hiện với tư cách là sáng tác nghệ thuật - không tự giác. Thời đại của sáng tác nghệ thuật - không tự giác là thời đại công xã thị tộc, thời đại của những sáng tác dân gian, tập thể. Trình độ phát triển thấp kém của sức sản xuất và của lao động thời đại này đã ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của mọi mối quan hệ trong đời sống con người. Nhìn chung những mối quan hệ đó là hết sức đơn giản và chật hẹp. Cơ sở của những mối quan hệ đó là sự chưa trưởng thành của con người - cá thể, tức là con người mà lịch sử chưa cắt cái cuống nhau nối với công xã tự nhiên của một bộ lạc nguyên thủy⁽¹⁾. Nói một cách khác đây là con người của chủ nghĩa tập thể công xã, một chủ nghĩa tập thể vững chắc, nghiêm ngặt nhưng lại không phải được xây dựng trên sự trưởng thành, sự phát triển rộng rãi của những nguyện vọng và năng lực của con người - cá thể, là các thành viên của công xã. Xã hội thị tộc, xã hội chưa có quyền tư hữu tài sản, chưa có giai cấp, cũng đồng thời không có chỗ cho sự phát triển của những cái mà ngày nay ta gọi là cá tính, nhân cách cá nhân. Tất cả vì sự tồn tại của tập thể, tất cả cho cái chung của tập thể công xã thị tộc, bộ lạc. Cái chung, tuyệt đối bao giờ cũng đặt lên trên cái riêng. Tập thể, tuyệt đối bao giờ cũng đặt lên trên cá nhân.

(1) Các-Mác - Tư-bán - Nxb Sự thật, Hà-nội 1959, tr. 115.

Đó chính là đặc điểm của chế độ công xã thị tộc, cũng là nguyên tắc đạo đức trong sinh hoạt của xã hội thị tộc. Đặc điểm này, nguyên tắc này đương nhiên phải được phản ánh vào anh hùng ca, trở thành lý tưởng thẩm mỹ của anh hùng ca, trở thành tư tưởng nghệ thuật chủ đạo của anh hùng ca. Không có chủ nghĩa tập thể, không có sự khẳng định ca ngợi cái chung, cái mang ý nghĩa toàn dân thì không có anh hùng ca. Anh hùng ca là sự ca ngợi chủ nghĩa tập thể, ca ngợi sự nghiệp mang ý nghĩa toàn dân, của toàn dân. Linh hồn của anh hùng ca là chủ nghĩa tập thể, là sự nghiệp chung của toàn thể nhân dân trong thời kỳ công xã thị tộc.

Nói như thế không có nghĩa là anh hùng ca hoàn toàn không phản ánh cuộc sống của con người - cá thể. Tuy nhiên ngược lại, không phải bất cứ cuộc sống của con người - cá thể nào cũng đều có ý nghĩa, đều phù hợp với anh hùng ca.

Trong quá trình suy yếu của chế độ công xã thị tộc khi sự phân công dần dần hình thành thì con người - cá thể mới bắt đầu, và cũng chỉ mới bắt đầu thôi, tồn tại với tư cách là một con người - cá thể. Chỉ lúc đó khi mối liên hệ công xã thị tộc đã bắt đầu lỏng lẻo thì mới có hiện tượng, như lời nhân vật Uy-li-xơ nói: "... mỗi người đều có thú vui và nhiệm vụ của mình..." (*Odyssée*, XIV, 228)⁽¹⁾.

(1) "à chacun, n'est ce pas? son plaisir et sa tâche"

Nhưng cái thú vui và nhiệm vụ của mình ấy, của mỗi người ấy, dù cho nó có là "của mình" đến bao nhiêu chẳng nữa, dù cho nó có đem lại cho "cái ta - sử thi" nhiều biến động, nhiều màu sắc bao nhiêu chẳng nữa thì nó cũng chỉ là rất thứ yếu và tuyệt đối không đóng một vai trò quyết định đối với lý tưởng của "cái ta - sử thi". Trong anh hùng ca, cuộc sống của con người - cá thể chỉ có ý nghĩa, chỉ phù hợp với quy luật của tư tưởng - nghệ thuật anh hùng ca, khi nó là biểu hiện của sức mạnh, của ý chí tập thể.

Như vậy bản chất của phong cách sử thi (hay đặc điểm của nghệ thuật anh hùng ca) là chủ nghĩa tập thể, là cái chung có ý nghĩa toàn dân bao giờ cũng được đặt lên trên cái riêng, cái cá thể. Nói một cách khác là tính truyền thống lấn át sáng kiến cá nhân, hoặc là điển hình hoá lấn át cá thể hoá. Trong một ý nghĩa chặt chẽ, nghiêm ngặt, ta có thể nói là bản chất của phong cách sử thi là sự đồng nhất cái chung với cái riêng.

Từ đặc điểm bản chất này chúng ta có thể thấy hai nội dung tất yếu sau đây của anh hùng ca.

1. Chủ nghĩa anh hùng - Cuộc đấu tranh của những người nguyên thủy với thiên nhiên, thú dữ, với những tập thể người khác đã làm nảy sinh ra chủ nghĩa anh hùng. Chủ nghĩa anh hùng này đã được phản ánh trong những câu chuyện thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết về vị thần thủy tổ của bộ lạc,

về người anh hùng thủy tổ của bộ lạc hoặc những người anh hùng văn hoá có công khai sáng, truyền bá văn minh cho bộ lạc. Anh hùng ca cổ điển tiếp thu truyền thống đó và thể hiện lại trong một bối cảnh lịch sử - xã hội mới mang một ý nghĩa cao hơn, rộng lớn hơn. Nhân vật chính của anh hùng ca là người anh hùng mang lý tưởng của tập thể thị tộc, bộ lạc: lý tưởng của con người tràn đầy sức sống và nhiệt tình sôi nổi, khát khao hiểu biết và chinh phục thế giới, khát khao có một cuộc sống văn minh, tiến bộ. Đó là con người của chiến công và chiến thắng. Ra đời từ truyền thống thần thoại cổ xưa, truyền thuyết lịch sử và những truyện cổ tích về các dũng sĩ, vì thế người anh hùng của sử thi cổ điển ít nhiều điều lưu giữ lại tính chất cổ của những truyền thuyết đó - tính chất siêu tự nhiên, thần bí (A-khin được nữ thần A-tê-na nhỏ thần đơn và rượu thánh vào ngực để khỏi bị con dơi giày vò và...).

Người anh hùng của sử thi cổ điển là người có một sức mạnh thể chất siêu phàm, phi thường, nhưng sức mạnh này không phải là tuyệt đối, không phải là sức mạnh toàn năng, toàn diện tối cao như sức mạnh của các vị thần. Trong quá trình hình thành những tác phẩm sử thi, tương ứng với quá trình chuyển biến từ chế độ công xã thị tộc sang giai đoạn chế độ dân chủ quân sự, đã nảy sinh ra một xu thế tất yếu: phẩm chất dũng cảm, anh hùng, của người dũng sĩ ngày càng được đề cao và trở thành một đối tượng chủ yếu

để lý tưởng hoá. Phẩm chất dũng cảm này trong những giới hạn của nó, sẽ là cái sức mạnh bên trong - không phải là sức mạnh thể chất - để giúp cho người dũng sĩ sẵn sàng đương đầu với bất kỳ nỗi khó khăn nguy hiểm nào, sẵn sàng giao đấu với bất kỳ một địch thủ nào. Còn những sức mạnh đã được cường điệu hoá, phóng đại xưa kia thì bị giảm bớt đi, suy yếu đi. Nhân vật A-khin của truyền thuyết khác với A-khin của "I-li-át". Uy-li-xơ của những truyện cổ tích khác với Uy-li-xơ của "Ô-đi-xê". Đó là quy luật tất yếu của sự phát triển của sử thi anh hùng.

Người anh hùng là người có sức mạnh phi thường nhưng điều quan trọng hơn nữa, người anh hùng là người rất có ý thức về sức mạnh phi thường của mình, hiểu rõ cái ưu thế của mình so với những người khác. Phẩm chất dũng cảm, táo bạo, ngoan cường; nghị lực sắt đá, đầu óc mưu trí, tinh thần kiên định của người anh hùng thường được nhấn mạnh đến mức chúng ta nhiều khi cảm thấy như là thói xấu kiêu căng, quá tự tin, lừa lọc, xảo quyệt. Gắn bó với người anh hùng là những chiến công, những chiến công đối với kẻ thù và đối với cả thần thánh nữa, thể hiện sức mạnh của con người, của tập thể. Ý nghĩa chiến công của người anh hùng bao giờ cũng mang một tầm thước hết sức lớn lao và cao cả. Trong chiến tranh, chiến công của người anh hùng mang tính chất quyết định, chuyển bại thành thắng, thay đổi cục diện chiến trường. Trong hoà bình, chiến công của người anh hùng mang tính

chất khám phá, mở đường, soi sáng. Nhìn chung đó là những chiến công tạo ra thời thế, danh lưu muôn thuở, tiếng vọng ngàn thu. Dù là người chiến thắng hay kẻ chiến bại trong cuộc đấu tranh, dù mang nhiều hay ít, phong phú hay nghèo nàn sắc thái của con người - cá thể, người anh hùng bao giờ cũng gắn bó với tập thể của mình, cũng là một thể thống nhất với tổ chức bộ lạc của mình. Những quan hệ chặt hẹp đơn giản của xã hội thị tộc đã tạo ra cho người anh hùng một cuộc sống nội tâm cũng đơn giản, chặt hẹp. Anh hùng ca thường miêu tả nhiều những hành động, hành vi của con người, còn cuộc sống nội tâm, trạng thái tinh thần thì hầu như không được chú ý đến. Tuy nhiên ở đây chúng ta cần ghi nhận một điều là, phải đến thời kỳ những quan hệ công xã thị tộc đã bắt đầu tan rã, thời kỳ của chế độ dân chủ quân sự, trong xu thế hình thành quốc gia và dân tộc thời cổ thì mới có thể ra đời được những tác phẩm sử thi cổ điển, những bản trường ca - anh hùng, có một tầm khái quát rộng lớn, nghĩa là có một bối cảnh sử thi khổng lồ. Và cũng phải đến thời kỳ này, người anh hùng mới ít nhiều là một con người - cá thể với tính cách như là một cá nhân tự do.

Trong hình tượng người anh hùng, chúng ta thấy có hai mặt dường như đối lập với nhau. Một mặt là tính chất "dọc ngang nào biết trên đầu có ai"; tính chất này làm cho chúng ta cảm thấy người anh hùng như là một cá nhân tự do: tự do ý chí, tự do hành động, không chịu một sự kiểm chế nào, một kỷ luật

nào. Nhưng mặc khác trong tinh chất tự do, độc lập đó của người anh hùng, chúng ta lại thấy bao hàm một ý thức kỷ luật tự giác, rất tự nhiên, thoải mái. Chính với cái ý thức kỷ luật tự giác đó mà người anh hùng mới lập được những chiến công, mới trở thành người anh hùng của tập thể, thực hiện những nhiệm vụ của toàn thể nhân dân trong tập thể thị tộc, đấu tranh chống kẻ thù bên ngoài. Sự thống nhất của hai mặt đối lập này, sự thống nhất giữa cá nhân với xã hội, các nhà nghiên cứu gọi là "tính hài hoà sử thi", có một nguyên nhân xã hội cụ thể. Đó là hoàn cảnh của một xã hội chưa biết đến ách áp bức giai cấp, nhà nước, chưa biết đến sự cưỡng bức, sự phân biệt giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Một số nhà học giả phương Tây trong khi nghiên cứu về tinh thần anh hùng trong các tác phẩm sử thi, do thoát ly những cơ sở lịch sử - xã hội cụ thể, đã giải thích và đề cao khía cạnh "*độc ngang nào biết trên đầu có ai*" của người anh hùng như là một phẩm chất của chủ nghĩa anh hùng cá nhân, hoàn toàn không mang một ý nghĩa xã hội nào hết. Ở đây tính mục đích của những hành động anh hùng sử thi không được dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá. Những người anh hùng sử thi sở dĩ được gọi là người anh hùng, là vì họ đã có những hành động nổi loạn, phản kháng bất khuất⁽¹⁾. Đúng là trong tính cách

(1) Xem "*Về nguồn gốc của sử thi anh hùng*" của E.M. Mê-ti-lin-xki. Tạp chí Văn học số tháng 1-1974.

của người anh hùng sử thi, phẩm chất tự do, phóng khoáng là một điều kiện không thể thiếu được. Song tính chất này dù cho có những biểu hiện phức tạp này, khác thì nó cũng chỉ như những làn sóng dao động trên một đường trục ổn định là tính thống nhất của khối tập thể nhân dân công xã thị tộc. A-khin bất bình với A-ga-men-nông, từ bỏ cuộc chiến đấu là vì người anh hùng nhân dân không thể nào không bất bình khi bị xúc phạm, không thể nào không có một thái độ phản ứng mạnh mẽ, quyết liệt khi bất bình. *"Giữa đường đấu thấy bất bằng ma tha..."* - là một quan niệm, một lý tưởng của nhân dân về cái đẹp, cái cao cả của người anh hùng. Khác với những nhân vật của bi kịch, của tiểu thuyết phê phán xã hội sau này, những sự bất bình, những thái độ phản ứng của nhân vật diễn ra trong một mối xung đột ngày càng được mở rộng và chứa đựng nhiều kịch tính. Nhân vật càng tự do, phóng khoáng bao nhiêu thì càng đối kháng với xã hội bấy nhiêu: khi thì rơi vào những suy nghĩ chua chát, hằn học, tâm trạng cô đơn; khi thì vùng vẫy, phá phách, tuyệt vọng. Con người anh hùng của sử thi dù có bất bình, dù có phản ứng quyết liệt, vẫn không phải là một anh ghét đời, vẫn không trở thành một kẻ xa lạ, đứng ngoài xã hội. Người anh hùng sử thi dù trong hoàn cảnh nào, vẫn có mối liên hệ với thị tộc, vẫn có được cái ấm áp của tình nghĩa thị tộc bao quanh. Đó chính là cái đẹp, cái hay của anh hùng ca. Nhà nghiên cứu xô viết A. Ph. Lô-sép đã viết những lời nhận xét

sâu sắc sau đây để giải thích sức hấp dẫn của anh hùng ca:

"Hô-me-rơ đã nắm bắt lấy những gì tốt nhất ở trong cả hai hình thái (xã hội - N.V.K): đó là chủ nghĩa anh hùng của toàn dân không có thói dã man và nền văn minh không có chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Điều bí ẩn của sức hấp dẫn từ hàng nghìn năm nay của Hô-me-rơ chính là ở chỗ đó..."⁽¹⁾.

2. Tính đồ sộ - ⁽²⁾ Hình thành trên cơ sở thần thoại, truyền thuyết lịch sử và gia tài sử thi, truyện cổ tích vốn là những chất liệu đã trải qua một sự khái quát hoá nghệ thuật cho nên anh hùng ca cổ điển đương nhiên mang trong bản thân mình tính khái quát hiện thực lịch sử rộng lớn. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là anh hùng ca ra đời vào lúc mà con người trải qua một quá trình đấu tranh và phát triển, đã nhận thức được sức mạnh của mình, tự hào về sự nghiệp của mình, trong lòng tràn ngập một niềm khát khao muốn nhìn nhận, đánh giá lại bước đường đã qua và ca ngợi sự nghiệp, chiến công đã đạt được.

Sự nghiệp, chiến công là của tập thể, của nhân dân do chủ nghĩa anh hùng của tập thể, của nhân dân xây dựng lên, vì thế nó hết sức vĩ đại và bao giờ cũng vĩ

(1) A. Pháp. Lô-xép, Hô-me-rơ. (tiếng Nga) U-xpe-gi-đơ, 1960, tr. 61.

(2) monumental, còn dịch là "tính hoành tráng".

đại. Tính đồ sộ của anh hùng ca cổ điển bắt nguồn từ đó.

Anh hùng ca ra đời với nhiệm vụ của một cuốn lịch sử. Nó ôm vào lòng cả quá khứ lẫn hiện tại, dựng lại những bức tranh nhiều mặt về đời sống vật chất, tinh thần, phong tục, tập quán, đạo đức. Anh hùng ca kể cho chúng ta nghe, biết nhiều chuyện, nhiều người, nhiều sự việc với một thái độ khách quan, tỉ mỉ, trân trọng. Ở đây chúng ta không thấy dấu vết những cảm xúc chủ quan của nhà thơ. Đối với cái quá khứ hùng vĩ của thế giới sử thi rộng lớn do sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng tập thể, toàn dân, xây đắp lên, nhà thơ cảm thấy mình chỉ là một hiện tượng cát bụi, không đáng kể, và nhiệm vụ của mình là phải thể hiện lại, khôi phục lại cái quá khứ hùng vĩ đó của nhân dân một cách trung thành theo như truyền thống. Đọc anh hùng ca của Hô-me-rơ chúng ta thấy, nào đây, bảng thống kê các đội quân tham dự cuộc chiến tranh Tơ-roa với tên tuổi, lai lịch, phẩm chất, đặc tính của các tướng lĩnh cùng với số lượng chiến thuyền...; nào kia, trên chiếc khiên của A-khin, cảnh đám cưới, mùa gặt, chăn nuôi, hội hè... Chúng ta có thể biết được khá rõ về một buổi lễ giết súc vật hiến tế thần linh ra sao, cho đến việc tổ chức ma chay, tiệc tùng, tiếp đãi khách thế nào... Nhiều mặt sinh hoạt trong đời sống xã hội được anh hùng ca miêu tả tường tận, cặn kẽ, tỉ mỉ. Dường như đối với nhà thơ sử thi, nguồn cảm hứng miêu tả tỉ mỉ, trình bày cặn kẽ, liệt

kê đầy đủ những mặt này, mặt khác của đời sống là không bao giờ cạn.

Tính khái quát lịch sử trong anh hùng ca "*I-li-át*" dựa trên sự phát triển trực tiếp truyền thuyết lịch sử về cuộc chiến tranh Tơ-roa. Cuộc chiến tranh này là một sự kiện lớn, có ý nghĩa toàn dân đối với người Hy-lạp. Trong anh hùng ca "*I-li-át*" những mô-típ cổ, truyện cổ bị loại bỏ đi vì nó không phù hợp với quan niệm mới của anh hùng ca cổ điển về cái đẹp, (đôi khi nó có được nhắc đến nhưng chỉ lướt qua). Giữ lại cái hạt nhân lịch sử là cuộc chiến tranh có ý nghĩa toàn dân, anh hùng ca "*I-li-át*" đã không thể hiện cuộc chiến tranh đó trọn vẹn, đúng như trong truyền thuyết mà chỉ thể hiện một giai đoạn ngắn trong năm thứ mười, năm kết thúc của cuộc chiến tranh. Trong anh hùng ca "*I-li-át*", sự kiện lịch sử được kết bện với thần thoại, được những mô-típ thần thoại bổ sung để từ những chuyện rời rạc, riêng lẻ trở thành một bộ phận hữu cơ của toàn bộ câu chuyện xoay quanh "*Cơn giận của A-khin*" nhằm quy hợp được hai thành tố "*tính chất dân tộc*" (cuộc chiến tranh của người Hy-lạp nhằm đòi lại nàng Hê-len để bảo vệ danh dự) và "*tính chất vũ trụ*" (cuộc chiến tranh do thần thánh gây ra để làm giảm nhẹ gánh nặng loài người cho thần Mẹ - Đất). Tất nhiên sự quy hợp này chỉ có tính chất hình thức và chúng ta đã tìm thấy những mâu thuẫn của nó trong chính vị thần Dớt.

Cuộc chiến tranh Tơ-roa trong sử thi Hô-me-rơ đã khái quát một quá trình lịch sử khá dài xảy ra trên

đất Hy-lạp. Đó là thời đại anh hùng, thời đại của nền văn hoá Mi-ken với những nhà nước chiếm hữu nô lệ, mô phỏng theo kiểu những nhà nước chiếm hữu nô lệ quân chủ ở phương Đông, bị những cuộc di cư của người Đô-riêng phá huỷ, làm sụp đổ. Trong cái bối cảnh "hỗn mang", "đen tối" do cuộc di cư của những người Đô-riêng gây ra, thời đại Mi-ken của quá khứ được lý tưởng hoá như là một thời đại đầy chiến công anh hùng, đầy vinh quang chói lọi. Và cuộc chiến tranh Tơ-roa được anh hùng ca Hô-me-rơ phản ánh là cái chiến công vĩ đại cuối cùng của những người A-kê-en trong thời đại Mi-ken, trước khi rơi vào "thời kỳ trung cổ Hy-lạp" - thời kỳ của những cuộc di cư và chiến tranh mới mà những người A-kê-en không còn giữ được vai trò oanh liệt như xưa nữa. Thời đại anh hùng còn là thời kỳ đất nước Hy-lạp tiến vào một trào lưu phát triển mới: những thành bang ra đời như những trung tâm chính trị văn hoá mới, báo hiệu cho thời kỳ cổ điển.

Với "*Ô-di-xê*" thì vấn đề lại hoàn toàn khác. Trong "*Ô-di-xê*" rất nhiều yếu tố của những truyện cổ tích dân gian và truyện cổ tích ma quái cũng như những truyện cổ tích về hành trình phiêu lưu của một người anh hùng được kết bện với nhau để tạo nên một cốt truyện hoàn chỉnh có ý nghĩa khái quát. Đọc "*Ô-di-xê*" chúng ta không thấy cái cơ sở lịch sử, cái hạt nhân lịch sử nổi lên rõ ràng như trong "*I-li-át*". Uy-li-xơ là nhân vật của một truyện cổ tích không có quan hệ gì,

đính liú gì với nền văn hoá Mi-ken và truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa. Theo sự khảo sát của các nhà nghiên cứu, "truyện Uy-li-xơ" còn cổ hơn, còn ra đời vào một thời gian sớm hơn truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa rất nhiều. Các nhà nghiên cứu không tìm thấy Uy-li-xơ trong các nghi lễ thờ cúng. Người ta xếp truyện Uy-li-xơ vào loại thần thoại - cổ tích phiêu lưu tương tự như truyện những người thủy thủ Ác-gô-nô-tơ⁽¹⁾. Truyện Uy-li-xơ được xây dựng trên hai mô-típ cổ tích - hai mô-típ này có phổ biến ở nhiều truyện cổ tích của nhiều dân tộc trên thế giới:

- hành trình phiêu lưu của một người anh hùng qua các xứ sở kỳ lạ.

- sự trở về của người chồng⁽²⁾.

Ở những truyện cổ tích này chúng ta không hề thấy có tư tưởng yêu mến quê hương, đất nước, cũng không thấy nhấn mạnh đến một tình yêu chung thủy gắn bó với một quan hệ gia đình, không có sự nổi giận của

(1) xem *Thần thoại Hy-lạp* Nxb Giáo dục Hà-nội, 1963.

(2) Một người chồng xa nhà trong một thời gian dài, người vợ ở nhà có thủy chung chờ đợi hay không và khi chồng về có nhận ra được chồng hay không? - Đó là cái nút của loại truyện cổ tích này. (Chúng ta thấy nội dung này ở trong các truyện cổ tích Scăng-di-na-vơ (scaldes sacandinaves, trong trường ca "Ra-ma-y-a-na" của văn học Ấn-độ). Sau một thời gian xa nhà lâu ngày, người chồng trở về, đã già, hoặc cải trang về nhà. Người vợ chỉ nhận ra được chồng nhờ những dấu hiệu riêng biệt (tùy theo chuyện mà có các dấu hiệu khác nhau, trong "Ô-đi-xê" là ba dấu hiệu: vết sẹo ở chân, cây cung và chiếc giường cưới).

thần linh và cũng không có một người anh hùng đau khổ vì lý tưởng. Như vậy rõ ràng là truyện Uy-li-xơ mới được nhập vào truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa sau này. Nhà nghiên cứu xô viết Tơ-rôn-ski đã cho chúng ta thấy nguyên nhân của sự du nhập truyện Uy-li-xơ vào truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa:

"Thật hoàn toàn đúng khi nghĩ rằng hình tượng cổ xưa bị quên đi ý nghĩa thần thoại của nó. Nó bị mất đi mối liên hệ với sự thờ cúng để trở thành người anh hùng của những câu chuyện cổ tích và chỉ trong quá trình quần tụ thành một hệ sử thi (cyclisation) cùng với sự cô đúc của truyền thuyết, nó mới được đưa vào khối nhân vật truyền thuyết của thành Mi-ken để trở thành người tham gia vào cuộc chiến tranh Tơ-roa..."⁽¹⁾.

Nhưng thời đại Hô-me-rơ không thể vừa lòng với loại truyện thần thoại - cổ tích tuần túy phiêu lưu. Nó phải "giáo dục" "cải tạo", cách tân cổ tích. Một tư tưởng mới - lý tưởng của thời đại mới - được đưa vào truyện cũ: lòng yêu quê hương, đất nước, gia đình thiết tha, sâu sắc và ý chí kiên định đấu tranh để trở về bằng được với quê hương, đất nước, gia đình. Với lý tưởng đó của thời đại mới, trường ca "Ô-đi-xê" không còn là một câu chuyện cổ tích phiêu lưu tầm thường nữa, mà trở thành một bản anh hùng ca có một nội dung nhân văn sáng sủa, cao đẹp và một nội dung đạo

(1) I.M. Tơ-rôn-xki. Lời tựa cho bản dịch "Ô-đi-xê" của Hô-me-rơ (tiếng Nga). M.L. 1935, tr 21.

đức hợp thời, tiến bộ, phản ánh sự nghiệp khám phá và chinh phục vùng biển phía Tây Địa - Trung - Hải, thời kỳ phát triển các đô thị I-ô-ni, nghề thủ công và thương nghiệp.

Tính khái quát, tính đồ sộ, (tính hoành tráng) của hai bản anh hùng ca của Hô-me-rơ đã hình thành trong một hoàn cảnh và trong những điều kiện như thế. Vì lẽ đó, chúng ta hiểu được vì sao các nhà nghiên cứu gọi anh hùng ca là đài kỷ niệm của một dân tộc, và vì sao nhà nghiên cứu người Nga Gơ-nê-đi-sơ nói: *"tác phẩm của Hô-me-rơ là cuốn từ điển bách khoa hoàn thiện nhất của thời cổ đại..."*⁽¹⁾

NHỮNG BIỆN PHÁP KỸ THUẬT CỦA SỬ THI

- Anh hùng ca là một tác phẩm kể chuyện, phản ánh khái quát một giai đoạn lịch sử khá dài của một dân tộc. Nó kể lại những biến cố lịch sử có ý nghĩa lớn lao, quyết định đối với vận mệnh của toàn thể nhân dân, những biến cố xảy ra không phải trong một quá khứ gần gũi mới đây mà là trong một quá khứ khá xa có thời gian hàng thế kỷ. Nhà thơ trong khi kể chuyện một mặt dựa vào những chất liệu của truyền thống, tuân theo những quy tắc nghiêm ngặt, chặt chẽ của truyền thống, nhưng mặt khác lại không thể không có sự cải biên, sửa đổi. Vì thế quá trình kể chuyện của nhà thơ sử thi tiến hành cùng một lúc hai việc: vừa *làm cổ hoá* và vừa *hiện đại hoá* hiện thực. Do yêu cầu

(1) N.I. Gơ-nê-đi-sơ - *Thơ* - Lời tựa cho bản dịch I-li-át 1956, tr. 341, trích trong *"Lịch sử văn học cổ đại Hy-lạp"* của S.I, Rát-si-gơ.

và đặc tính của nghệ thuật kể chuyện trong hoàn cảnh lịch sử của chế độ công xã thị tộc đã hình thành biện pháp kỹ thuật của nghệ thuật sử thi:

Lối miêu tả chi tiết, tỉ mỉ, cụ thể.

Với lối miêu tả này nhà thơ sử thi đã vẽ ra được những bức tranh sinh động biểu hiện trước mắt chúng ta, gây cho chúng ta một sự xúc động nghệ thuật mạnh mẽ và những ấn tượng nghệ thuật sâu sắc.

Tả một cảnh đánh vật:

"... Khi hai người đã thắt chặt dây lưng lại, họ bèn tiến vào giữa bãi cát, và người nọ ôm chặt lấy người kia bằng đôi cánh tay gân guốc nom giống như những chiếc kéo của một thợ mộc danh tiếng đã lấp chặt vào trên một nóc nhà để chống đỡ với những cơn gió hung bạo. Lưng họ kêu răng rắc dưới đôi cánh tay ngoan cường, những đôi cánh tay đang vật mạnh những tấm lưng, mồ hôi trên người họ vã ra như tắm, u, bấu nổi lên, sườn và vai họ đỏ lôm nhồm máu. Cả hai người không nguôi nung nấu khát vọng chiến thắng để đoạt chiếc kiềng đẹp đẽ..." (Iliade - XXIII, 710 - 719).

Tả cái chết của tên cầu hôn Ăng-ti-nô-ốt:

"... Nói đoạn, Uy-li-xơ bắu một mũi tên đau buốt vào Ăng-ti-nô-ốt. Lúc đó Ăng-ti-nô-ốt đang sắp đưa hai tay nâng lên một cái cốc bằng vàng rất đẹp, có hai quai. Hắn đã cầm lấy hai quai của cốc rượu và sắp sửa uống. Đầu óc hắn chỉ biết có rượu chứ không hề tưởng tượng ra được cái chết đã kề bên. Thật vậy, ai

mà ngờ được trong một bữa tiệc giữa bao nhiêu khách lại có một người, dù cho anh ta có táo bạo đến đâu chẳng nữa, dám gieo cái chết xuống cho hắn! Nhưng Uy-li-xơ đã bắn mũi tên vào cổ họng Ăng-ti-nô-ốt. Mũi tên xuyên suốt qua cái cổ mềm của hắn ra tận đằng sau gáy. Hắn ngã ngựa ra, tay buông rơi cốc rượu. Từ mũi hắn, máu đổ ộc ra còn chân thì giãy giụa đập mạnh phải cái bàn làm cho thịt quay, bánh mì và những thức ăn khác lẫn rơi cả xuống đất trộn lẫn với bụi bẩn.

Thấy Ăng-ti-nô-ốt ngã lăn ra chết, bọn cầu hôn nháo nhác cả lên. Chúng đứng bật dậy khỏi ghế, chạy khắp trong phòng, đảo mắt khắp mọi nơi, mọi chỗ trên những bức tường kín mít hòng tìm lấy một chiếc khiên hay một ngọn lao mạnh chắc, nhưng vô ích..." (Odyssee. XXII, 15 - 25)⁽¹⁾

Một đứa bé cũng có tâm lý cụ thể của nó:

"... Chàng Héc-to danh tiếng nói vậy rồi chàng dang đôi tay ra trước đứa con trai. Nhưng đứa bé quay mặt đi và khóc thét lên trong lòng người vú em có chiếc thắt lưng xinh đẹp. Nó sợ dáng điệu của bố nó, đồng làm nó sợ, và cái ngù bằng đuôi ngựa mà nó thấy rung rinh trên đỉnh mũ cũng làm nó sợ. Bố nó phá lên cười và mẹ kính yêu của nó cũng cười. ..." (Iliade, VI, 466 - 470).⁽²⁾

Phải nói nếu không có một óc quan sát tinh tế, tài

(1) Ô-di-xê. Nxb Văn học, Hà-nội 1966, tr. 121 - 122.

(2) I-li-át Nxb Văn học, Hà-nội 1966, tr. 67.

giỏi thì không thể có những đoạn miêu tả sinh động, sáng sủa, đẹp đẽ như trên.

Một biến dạng của lối miêu tả chi tiết, tỉ mỉ, cụ thể là có những đoạn được miêu tả kéo dài làm thành một cảnh độc lập, làm chậm hẳn lại sự phát triển của hành động truyện, của dòng chính câu chuyện đang kể, gây cho người nghe và người đọc ngày nay rất ít hứng thú, nếu không phải là sự buồn chán, bão hoà. Trong trường ca "*I-li-át*" đoạn liệt kê tướng lĩnh và chiến thuyền của các bộ lạc Hy Lạp kéo dài tới 268 câu thơ (II, 493 - 760), đoạn miêu tả chiếc khiên của A-khin dài tới 130 câu thơ (XVIII, 481 - 610). Trong đoạn người vú già Ô-ri-clê rửa chân cho Uy-li-xơ thấy vết sẹo nhận ra được chủ mình, nhà thơ đã dừng lại kể chèn vào đó lại lịch vết sẹo tới 75 câu thơ (*Odyssée* XIX, 392 - 466) sau đó mới kể tiếp vào sự việc chính. Tuy nhiên có những đoạn xét về mặt kết cấu quả là không chặt chẽ, tách hẳn ra thành một cảnh độc lập nhưng lại được miêu tả với một sức truyền cảm nghệ thuật mạnh mẽ, sâu sắc: đoạn Héc-to từ chiến trường trở về gặp Ăng-đrô-mác dài tới 109 câu thơ, đi vào lịch sử văn học thế giới như là một mẫu mực tuyệt tác của nghệ thuật miêu tả, (*Iliade*, VI, 394 - 592).

Có những đoạn miêu tả phát triển chi tiết khá dài như trên đã nói, nhưng cũng có những đoạn ngắn như đoạn miêu tả cây vương trượng của A-ga-men-nông

(*Iliade*, II, 100 - 109) đoạn miêu tả chiếc cung của Uy-li-xơ (*Odyssée*, XXI, 11-41).

Nhìn chung lối miêu tả phát triển chi tiết thành những đoạn dài phá vỡ mất sự cân xứng, hài hoà của việc trình bày các sự kiện trong dòng truyện, trong hành động truyện. Nhưng rõ ràng là nhà thơ sử thi không quan tâm đến điều đó, không như chúng ta ngày nay thường phân bố các sự kiện, sự việc theo tầm quan trọng của nó, có cái chính cái phụ và dành cho chúng một vị trí thích đáng với địa vị của chúng trong mối tương quan chung để bảo đảm cho dòng truyện, hành động truyện phát triển liên tục không bị loãng nhạt, không bị ngưng đọng. Các nhà nghiên cứu gọi lối miêu tả phát triển chi tiết thành từng cảnh độc lập là lối *tri hoãn sử thi* (retardation épique). Đối với nhà thơ sử thi, dường như bất cứ một chi tiết nào cũng có thể miêu tả phát triển thành một đoạn độc lập dài hay ngắn đều được cả. Cách miêu tả như thế là mẫu mực điển hình của lối kể chuyện chậm rãi sử thi, một trong những đặc điểm của phong cách sử thi.

- Lối miêu tả không phù hợp với trật tự thời gian.

Trong cách miêu tả của sử thi chúng ta còn thấy một đặc điểm nữa: đó là lối miêu tả, kể chuyện không có phối cảnh, không tuân theo quy luật xa gần.

Nhà thơ trong khi miêu tả các sự kiện không kể chúng theo một trình tự nhất định của thời gian, trước,

sau tuần tự mà miêu tả tách sự việc ra thành từng đoạn độc lập hoàn chỉnh; do đó những sự việc xảy ra cùng một thời gian không được kể phối hợp. Lối kể chuyện, miêu tả như thế được gọi là lối miêu tả không có phối cảnh hay lối miêu tả không phù hợp với trật tự thời gian.

Thí dụ, trong cuộc giao đấu tay đôi giữa Mê-nê-lát và Pa-rít, Pa-rít bị thua, nữ thần A-phrô-di-tơ cứu Pa-rít thoát chết và đưa Pa-rít về phòng ngủ của chàng. Nhẽ ra sau đó là sự việc Mê-nê-lát tức giận đi tìm Pa-rít khắp chiến trường; nhưng nhà thơ không kể tiếp sự việc đó mà lại kể việc nữ thần A-phrô-di-tơ đi tìm Hê-len về cho Pa-rít, hai người đã nói chuyện với nhau như thế nào, rồi Hê-len về gặp Pa-rít ở phòng riêng như thế nào... Sau khi kể xong những chuyện đó, nhà thơ mới kể đến việc Mê-nê-lát đi tìm Pa-rít khắp chiến trường (*Iliade* III). Trong "*Ô-đi-xê*", đồng thời với sự việc Tê-lê-mác đi tìm hỏi tin tức người cha (xin thuyền, đến xứ sở Pi-lốt của ông già Ne-xto, đến xứ Xpác-tơ của Mê-nê-lát) là sự việc Uy-li-xơ rời đảo Ô-gghi-di ra đi và bị bão trôi dạt vào xứ sở Phê-a-ki và dừng lại ở đó ít ngày. Nhà thơ đã kể tách hai sự việc xảy ra đồng thời này làm hai đoạn độc lập, dường như hành trình của Uy-li-xơ xảy ra sau hành trình của Tê-lê-mác và chỉ đến khúc ca XV nhà thơ mới kể đến việc hai cha con gặp nhau.

- Lối so sánh mở rộng.

So sánh là một trong những biện pháp kỹ thuật

của nghệ thuật kể chuyện sử thi. Đọc trường ca của Hô-me-rơ, chúng ta thường thấy có những đoạn so sánh. Có những đoạn so sánh ngắn, bình thường. Ở những đoạn này, ta thấy nhà thơ tìm một sự vật, một hình ảnh tương ứng, gần gũi với hình thể, diện mạo bên ngoài hoặc có thể phản ánh được bản chất bên trong của đối tượng miêu tả, rồi so sánh để cho đối tượng miêu tả có sức truyền cảm mạnh hơn, cụ thể hơn. Thí dụ: "... Cuộc chiến đấu bùng bùng như lửa cháy..." "... Đất liền đã rất gần, đang úp tấm khiên của nó xuống sương mù của biển cả...", "... Như con bạch tuộc bị dớt ra khỏi hang, sỏi đá còn dính đầy ở vôi của nó; cũng vậy ở những cạnh đá sắc nhọn còn lại da của đôi bàn tay dùng cầm của Uy-li-xơ...", "... Đứa con trai yêu dấu của Héc-to giống như một ngôi sao xinh đẹp...", "... chính là nỗi nhớ thương con, chính là nỗi phiền muộn về con, ôi, Uy-li-xơ cao thượng của mẹ! chính cả đến lòng yêu thương của con đối với mẹ đã cướp đi của mẹ cuộc sống dịu ngọt như mật..."

Nhưng có những đoạn so sánh mở rộng làm thành một cảnh độc lập. Ở những đoạn so sánh mở rộng này, ta thấy nhà thơ tìm một sự việc, một hình ảnh tương ứng, gần gũi với đối tượng miêu tả của mình, rồi nhà thơ miêu tả sự việc đó, hình ảnh đó một đoạn khá dài, sau đó mới so sánh với đối tượng miêu tả. Ở đây đối tượng miêu tả được đem ra so sánh chỉ giống, chỉ tương ứng, gần gũi với sự việc nào đó, với hình ảnh nào đó một phần thôi, có thể là phần bản chất nhất. Nhà thơ

không so sánh mọi quan hệ của hình ảnh, của sự việc mình đã lựa chọn với đối tượng miêu tả, mà chỉ so sánh một nét cần thiết nhất⁽¹⁾. Thí dụ: "... Như một con rắn núi nằm trong hang rình người, chứa đầy nọc độc hiểm nguy, tràn ngập một nỗi giận hờn dữ tợn. Nó ngó nhìn bằng con mắt khủng khiếp, đảo mắt quanh hang; Héc-to cũng vậy lòng đầy sôi sục, đứng ở đó, không lùi bước, dựng chiếc khiên sáng loáng của mình lên trên một mấu tường thành..." (*Iliade*, XXII, 93 - 96)⁽²⁾.

Qua thí dụ này chúng ta thấy không phải Héc-to giống như con rắn, nhưng cái tư thế chờ đợi chuẩn bị sẵn sàng lao vào cuộc giao đấu thì giống như một con rắn đang rình người... Một thí dụ khác: "*Uy-li-xơ* nghe những lời nói đó (lời Pê-nê-lốp - N.V.K) bỗng thấy trong người nôn nao như muốn khóc. Và chàng đã khóc. Chàng ôm lấy người đàn bà của trái tim mình trong vòng tay, người bạn đời chung thủy của chàng. Dịu hiền thay đất liền đối với ước mong của những người bị đắm thuyền, vì thần Pô-dê-i-đông ở biển đã bẻ vụn tan con thuyền chắc chắn của họ dưới sóng cả gió to. Họ đến đây rồi, một vài người nhô lên khỏi đám bọt nước, bơi được tới đất liền, thân hình họ bám đầy cặn muối biển. Sung sướng biết bao, họ đã đặt chân

(1) Nhà văn Pháp Pe-rôn (Charles Perrault, 1628 - 1703) gọi lối so sánh mở rộng này là "lối so sánh có đuôi dài" (Com paraison à longue queue) ("*Dialogues*").

(2) *I-li-át*. Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 123

lên đất liền! Họ đã thoát khỏi thảm họa!... Cái nhìn của chồng đối với Pê-nê-lốp dường như cũng dịu hiền như vậy...⁽¹⁾ (Odyssee, "XXIII, 231 - 240).

Ở đoạn này, chúng ta thấy nhà thơ đã miêu tả khá tỉ mỉ quanh chuyện những người bị đắm thuyền sóng sót, thấy được đất liền, chỉ để lấy một chi tiết để so sánh: đất liền dịu hiền đối với ước mong của những người bị đắm thuyền = cái nhìn của chồng đối với Pê-nê-lốp.

Một biến dạng của lối so sánh mở rộng là lối so sánh chồng chất. Nhà thơ kể, miêu tả hết so sánh này đến so sánh khác, làm thành một chuỗi dài trong đó mỗi so sánh làm thành một cảnh độc lập:

"... Như thế với một khí thế bừng bừng và kiên định, những người A-kê-en mang cái thi hài ra khỏi cuộc chiến đấu đưa về những chiến thuyền trũng. Chống lại họ, một cuộc giao tranh tàn bạo đang lan rộng giống như một đám cháy đang áp đến, tràn vào một đô thị và phút chốc lửa cháy bùng bùng toả khắp mọi nơi, trong khi đó nhà cửa sập đổ dưới một vầng ánh sáng mênh mông và gió thét gào dữ dội; cũng vậy từ những bước đi của những chiến mã và chiến binh nổi lên tiếng rầm rập liên tiếp. Những chiến binh cất bước lúc này giống như những con la, những con la đang mặc trên mình chúng sự hung hăng, táo tợn, kéo từ núi xuống trên con đường đá lởm chởm một cây cột hay một cây xà to lớn của thuyền, lòng chúng khô kiệt

(1) Ô-đi-xê, Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 150.

đi cả sự cố gắng vì nỗi nhọc nhằn và mồ hôi; cũng vậy với khí thế bùng bùng kiên định, những người A-kê-en ra đi mang theo cái thi hài. Sau họ, hai tướng A-giắc vẫn đứng vững ở trận địa. Người ta tưởng chừng như thấy một ngọn đồi rừng cây rậm rạp nhô ra⁽¹⁾ cắt cánh đồng làm đôi và đứng vững vàng trước dòng nước lũ đang tràn ủa tới: ngọn đồi chặn đứng cơn lũ khốc hại của những dòng nước xiết và đột nhiên bẻ quặt những dòng nước xiết chảy về phía sau cánh đồng; cũng vậy, không chút nao núng, ở phía sau thi hài Pa-tơ-rô-clơ, hai chàng A-giắc ngăn chặn cuộc tấn công của quân Tơ-roa. Còn quân Tơ-roa thì đuổi theo, trong số họ trước hết là Ê-nê, con trai của Ăng-ki-dơ và Héc-to danh tiếng lẫy lừng. Giống như một đám mây chim, những chim gi, chim sẻ vừa bay vừa kêu rít lên ghé rợn khi thấy con diều hâu bay tới gần, con chim đem chết chóc đến cho những con chim nhỏ; cũng vậy những trai tráng A-kê-en bỏ chạy, kêu hét lên ghé rợn và quên mất đi khí thế chiến đấu sôi sục của mình, và hàng trăm vũ khí đẹp đẽ rơi xuống quanh hào trong cuộc rút chạy của những người Đa-na-en. Nhưng cuộc giao chiến không vì thế mà ngừng lại..." (Iliade, XVII, 735 - 759).

Những đoạn so sánh mở rộng, miêu tả dài, chồng chất hết so sánh này đến so sánh khác như vậy làm chậm lại hành động truyện, dòng truyện. Nó cũng góp phần tạo nên cái phong cách kể chuyện chậm rãi,

(1) Nguyên văn: éperon, bản tiếng Nga dịch là ngọn đồi.

trang trọng của sử thi - lối tri hoãn sử thi. Trong thí dụ trên, chúng ta thấy có 4 so sánh liên tiếp. Ở một đoạn khác trong "*I-li-át*", nhà thơ so sánh đoàn quân Hy-lạp với vũ khí sáng ngời bằng năm hình ảnh liên tiếp: lửa cháy trên đỉnh một ngọn núi thiêu đốt cả một quăng rừng rộng lớn, những đàn chim trong đồng cỏ, lá và hoa mùa xuân, những đàn ruồi bay qua một chuồng cừu..., những người chăn cừu... (*Iliade*. II, 455 - 476).

Nghiên cứu những so sánh trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ, các nhà nghiên cứu thấy, mặc dù bản trường ca "*I-li-át*" xây dựng trên một cốt truyện chiến tranh nhưng những so sánh trong bản trường ca lại phản ánh nhiều mặt của cuộc sống hoà bình như những cảnh đi săn, gặt lúa, chăn nuôi v.v... Nhà thơ đã lấy những chất liệu so sánh từ cuộc sống đương thời và không làm cổ hoá chúng đi như đã làm đối với hành động truyện của "*I-li-át*", do đó bản trường ca không mất mối liên hệ, gắn bó với thời đại nhà thơ sống. Trong "*Ô-đi-xê*" thì ngược lại, những so sánh, và nhất là những so sánh mở rộng ít hơn rất nhiều so với "*I-li-át*". Chúng ta hầu như không gặp những đoạn so sánh mở rộng, chồng chất như đã từng gặp trong "*I-li-át*". Những hình ảnh, sự việc được dùng để so sánh trong "*Ô-đi-xê*" - mặc dù cuộc sống trong tác phẩm không phải không có những xung đột đẫm máu,

đau thương tổn thất - đều lấy từ những sinh hoạt của một cuộc sống lao động hoà bình. Tất cả những điều đó cho phép chúng ta nhận định rằng nhà thơ Hô-me-rơ hoàn toàn không phải là nhà thơ của thế hệ những người A-kê-en cổ xưa, mà là nhà thơ của những người I-ô-ni đương thời, hiện tại, đang khát khao tìm hiểu thế giới xung quanh và say sưa với cuộc sống lao động hoà bình. Thời đại A-kê-en chỉ là một hồi ức xa xôi. Nhưng chủ nghĩa anh hùng của nó vẫn là một di sản quý báu đối với thời đại I-ô-ni; và cả hai thời đại cũng vẫn chỉ là một chỉnh thể của một quá trình lịch sử: sự tan rã của chế độ thị tộc và sự hình thành của chế độ chiếm hữu nô lệ.

Lối nhắc lại.

Một trong những yêu cầu của công chúng - những người nghe - cũng như yêu cầu của nghệ thuật kể chuyện là nhà thơ phải làm sao cho công chúng của mình biết được, nắm được dễ dàng nội dung chủ yếu của câu chuyện, và trong quá trình nghe kể, họ cũng đồng thời theo dõi được dễ dàng những diễn biến của các sự kiện và tình tiết của dòng chuyện. Lối kể lặp lại, nhắc lại, hình thành do yêu cầu đó. Trong trường ca của Hô-me-rơ có những đoạn lặp lại, nhắc lại toàn bộ nội dung của đoạn trước miêu tả về một hiện tượng hoặc một sự vật nào đó. Trong khúc ca I, "*I-li-át*", nhà thơ kể cho chúng ta biết về hành động của A-ga-men-nông, xúc phạm đến A-khin và gây ra cho A-khin sự giận dữ. Sau đó, nhà thơ lại nhắc lại câu

chuyện đó trong đoạn A-khin khóc, cầu khẩn mẹ ở bờ biển. Việc Pê-nê-lốp dùng kế dệt tám vải liệm cho bố chồng - ban ngày dệt nhưng ban đêm lại tháo ra - để trì hoãn ngày trả lời bọn cầu hôn, được nhà thơ kể ở khúc ca I- sau đó nhắc lại ở khúc ca XIX và khúc ca XXIV (*Odyssée*, II, 94 - XIX, 137 - XXIV, 128). Chúng ta còn có thể tìm thấy nhiều đoạn nhắc lại nữa như: đoạn A-ga-men-nông hứa sẽ bồi thường cho A-khin bằng những lễ vật như... được nhắc lại đến hai lần qua lời nhân vật Uy-li-xơ (*Iliade*, IX, 122-157 = 264-299, 243-246) và v.v... Có một số những câu thơ, hoặc một đoạn thơ được nhắc lại như là một công thức, như là một cấu kiện có sẵn dùng để thể hiện các hoàn cảnh, sự việc như: những bữa tiệc, vũ khí của những người anh hùng và v.v... một số nhà nghiên cứu đã thống kê thấy ở cả hai bản trường ca đã nhắc lại là 9253 lần câu thơ, như vậy có nghĩa là chiếm 1/3 tổng số. Nhìn chung, những câu thơ nhắc lại ở cả hai bản trường ca không phải chỉ là một việc làm máy móc, không phục vụ cho việc kể chuyện. Thực tế như chúng ta đã thấy, chúng góp phần vào việc kể chuyện, đem lại ít nhiều sự hứng thú và mới mẻ cho người nghe vốn chỉ được nghe từng đoạn.

Những định ngữ (épithète).

Gắn gũi với lối nhắc lại là những định ngữ. Thần thánh, người, anh hùng, dũng sĩ, đồ vật trong anh hùng ca của Hô-me-rơ đều được kể theo một định ngữ.

Những định ngữ này giúp cho người nghe nắm được đặc tính, thuộc tính của nhân vật hoặc của đồ vật. Một số những định ngữ này đã hình thành từ sớm, trước thời đại Hô-me-rơ. Thí dụ như "*A-khin có đôi chân nhanh*", "*A-ga-men-nông kẻ chặn dất mọi người*" hoặc "*A-ga-men-nông quyền thế*", "*Uy-li-xơ chịu nhiều đau khổ*", "*Uy-li-xơ mưu trí*", "*Hê-ra mất bò cái*", "*A-tê-na mất cú mèo*"... Người ta đã thống kê thấy A-khin có 46 định ngữ, Uy-li-xơ 45 định ngữ. Những định ngữ gắn liền với người, thần hoặc đồ vật, trở thành một thuộc tính của chúng, cho nên nó độc lập, không phụ thuộc vào nội dung cụ thể của văn cảnh. Chúng ta có thể gặp "*Dốt đồn mây mù*" lúc Dốt đang nói chuyện với các thần, "*Dốt gây sấm sét*" lúc Dốt trở về giường ngủ, hoặc "*A-khin có đôi chân nhanh*" lúc chàng ngồi bên những chiến thuyền, lúc chàng quắc mắt lườm A-ga-men-nông, hoặc "*Pri-am phóng lao điêu luyện*" mà trong suốt bản trường ca Pri-am không hề xuất trận v.v... Hiện tượng này mặc dù phổ biến song không phải là tất cả. Rất nhiều trường hợp, chúng ta thấy những định ngữ phù hợp với nội dung của văn cảnh: "*A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình*" trong lễ thề nguyện tôn trọng giao ước kết thúc chiến tranh bằng cuộc đấu tay đôi giữa Mê-nê-lát và Pa-rít, "*A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình*" khi chàng nghe theo lời khuyên của các tướng, phân tán quân sĩ ra các chiến thuyền, lập dàn lửa hoá táng cho Pa-tơ-rô-clơ, "*Uy-li-xơ tinh khôn*" trong lúc

trùng trị bọn cầu hôn, "*Pê-nê-lốp thân trọng và cao quý*" trong hoàn cảnh phải đối phó với bọn cầu hôn để giữ vững lòng chung thủy với chồng... Trong những trường hợp này, những định ngữ không phải hoàn toàn chỉ là một biện pháp kỹ thuật thuần túy chỉ có tính chất hình thức; mà thực ra nó chứa đựng một ý nghĩa tâm lý nào đó, hoặc phục vụ cho một mục đích thẩm mỹ. **Những đoạn thuyết lý** (discours)⁽¹⁾

Trường ca của Hô-me-rơ còn giới thiệu cho chúng ta biết một biện pháp kỹ thuật nữa của nghệ thuật sử thi: đó là những đoạn các nhân vật đối thoại với nhau nhưng tách riêng từng đoạn của từng nhân vật ra, chúng được gọi là những đoạn thuyết lý. Qua những đoạn này chúng ta biết được những lý lẽ và cách lập luận chất phác của con người thời cổ, phản ánh trình độ tư duy của thời đại. Những đoạn thuyết lý này thường là chậm rãi, trang trọng, kể lể chi tiết dài dòng nhưng rõ ràng và có một sức thuyết phục nhất định mặc dù về lý lẽ có phần đơn giản, thô sơ. Trong "*I-li-át*" những đoạn A-khin nói với ông già Can-cát (khúc ca I), Ăng-đrô-mác nói với Héc-tô (VI), Uy-li-xơ thuyết phục A-khin (IX); trong "*Ô-di-xê*" những đoạn Uy-li-xơ trả lời Ca-líp-xô, Uy-li-xơ cầu xin Nô-di-ca (VI) là những đoạn hay, phản ánh được khá sắc nét tính cách của nhân vật. Đặc điểm của những đoạn thuyết lý này là chúng thường được diễn tả dài

(1) Tiếng Nga: *rech'*

dòng, chậm rãi. Vì thế người ta có nhận xét các nhân vật của Hô-me-rơ thường đua nhau nói, nói dài, nói chậm ngay cả trong lúc tình thế khẩn trương, cấp bách, (những lúc các nhân vật bất hoà, cãi nhau, những khi đang chiến đấu).

NGHỆ THUẬT CỦA HAI BẢN TRƯỜNG CA - Hai bản trường ca của Hô-me-rơ là những bản anh hùng ca cổ điển của nền văn học thế giới, không những về mặt nội dung mà còn cả về hình thức, về nghệ thuật. Tính chất cổ điển (tức là mẫu mực) của nghệ thuật trong hai bản anh hùng ca thể hiện ra ở các mặt hành động truyện, kết cấu của tác phẩm, việc xây dựng nhân vật, sức biểu hiện nghệ thuật... Nhìn chung chúng ta có thể thấy hai bản trường ca của Hô-me-rơ đã được xây dựng khá công phu và có một trình độ nghệ thuật cao hơn những tác phẩm văn học dân gian thời kỳ sơ khai, nguyên thủy vốn sơ lược và đơn giản. Nội dung của mỗi bản trường ca là một câu chuyện vương vãn, gọn gàng, "có đầu có đuôi", "có mở có kết", nói như lời A-ri-xtốt trong cuốn "*Nghệ thuật sáng tác*" (Poétique), là Hô-me-rơ đã tập trung câu chuyện kể của mình vào một hành động, xoay quanh một hành động⁽¹⁾. Trong "*I-li-át*" là câu chuyện về "*Con giận của*

(1) Xem "*Nghệ thuật thơ ca*", A-ri-xtốt Nxb Văn hoá - nghệ thuật Hà-nội, 1964 (chương VIII) tr. 56 (chương XXVI) tr. 120. Nghệ thuật thơ ca. Nghệ thuật sáng tác, Thi pháp, là những cách dịch khác nhau tên cuốn sách "Poétique" của Aristote.

A-khin". Mọi biến cố, tình tiết của câu chuyện đều ít nhiều gắn bó, liên hệ với cái cốt truyện "Con giện" đó. "Con giện của A-khin" đã diễn ra trong một khoảng thời gian 50 ngày của năm thứ mười trong cuộc chiến tranh Tơ-roa. Chúng ta có thể chia "*I-li-át*" làm ba phần chính: 1) Nguyên nhân của cơn giện: A-khin bị A-ga-men-nông tước mất người nữ tỳ Bơ-đê-it. 2) Hậu quả của cơn giện: A-khin không tham chiến, quân Hy-lạp thua to, Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết. 3) A-khin nguôi giện: A-khin xuất trận giết Héc-to. tính thống nhất, gọn gàng, mạch lạc của hành động truyện trong "*I-li-át*" đã được nhà thơ La-mã Hô-ra-xơ nêu lên trong cuốn "*Nghệ thuật sáng tác*" (còn có tên gọi là "*Thư gửi cho anh em Pi-dông*") (*L'art poétique ou Epître aux Pisons*). Trong tác phẩm lý luận đó, Hô-ra-xơ đã khuyên anh em Pi-dông nên học Hô-me-rơ, biết cách chọn lọc, không nên tham lam. Nhà thơ nói, Hô-me-rơ có thể kể chuyện cuộc chiến tranh Tơ-roa từ "*ab ovo*", có nghĩa là "*từ chuyện quả trứng*" (quả trứng do nữ thần Lê-đa sinh ra và từ quả trứng này nở ra nàng Hê-len) nhưng Hô-me-rơ đã biết chọn lọc, chỉ rút ra trong truyền thuyết một sự kiện và thể hiện nó vào trường ca "*I-li-át*", đó là: "*Con giện của A-khin*"⁽¹⁾. Đương nhiên tính thống nhất của hành động truyện trong trường ca "*I-li-át*" dấu sao cũng có ý nghĩa tương

(1) Xem "*Nghệ thuật thơ ca*" A-ri-xtốt - Nxb, Văn hoá - nghệ thuật, Hà-nội, 1964, chương XXIII.

đối. Đọc trường ca "*I-li-át*" chúng ta thấy có một số khúc ca, một số đoạn tách khỏi dòng chính của câu chuyện, lạc đề, (khúc ca II: đoạn duyệt binh, khúc ca III: đoạn Hê-len đứng trên thành kể cho lão vương Pri-am nghe về từng tướng lĩnh trong quân đội Hy-lạp), nhiều đoạn hầu như không có một chút liên quan gì với cốt truyện (khúc ca V: đoạn nói về chiến công của Di-ô-mét, khúc ca VI: đoạn Héc-to gặp Ăng-đrô-mác, khúc ca X: đoạn Di-ô-mét và Uy-li-xơ đi tuần tra ban đêm và v.v...) Những thiếu sót như vậy ở trong một tác phẩm xây dựng trực tiếp từ vốn văn học dân gian, lại ở vào một thời đại cách chúng ta hàng nghìn năm, là một điều không có gì khó hiểu.

"*Ô-đi-xê*" là câu chuyện về hành trình phiêu bạt của người anh hùng Uy-li-xơ trên đường trở về quê hương. Toàn bộ thiên trường ca có thể chia ra làm ba phần chính: 1) Hành trình đi tìm cha của Tê-lê-mác, 2) Hành trình trở về của Uy-li-xơ - Uy-li-xơ lạc bước đến xứ Phê-a-ki của nhà vua An-ki-nô-ốt, 3) Uy-li-xơ trở về trả thù bọn cầu hôn - Gia đình đoàn tụ. Ở đây cũng tương tự như ở bản trường ca "*I-li-át*", hành động truyện chỉ diễn ra vào những ngày cuối cùng của cuộc hành trình phiêu bạt của Uy-li-xơ và đôi ba ngày đầu tiên khi Uy-li-xơ trở về đến quê hương; còn toàn bộ cuộc hành trình phiêu bạt của Uy-li-xơ từ sau khi hạ được thành Tơ-roa thì được kể lại dưới hình thức hồi ức. Biện pháp nghệ thuật này đánh dấu một bước phát triển mới, khéo léo hơn, tinh tế hơn của nghệ thuật

kể chuyện, đồng thời đây cũng là một trong những bằng chứng chỉ cho ta thấy "Ô-di-xê" được sáng tác sau "I-li-át". Cũng giống như "I-li-át", trong "Ô-di-xê" chúng ta cũng gặp phải những đoạn lạc đề hoặc không có liên quan mật thiết gì nhiều lắm với hành động truyện, (so với "I-li-át" thì "Ô-di-xê" ít hơn). Những thiếu sót đó của hai bản trường ca cùng với một số những sự lầm lẫn nhỏ nhất này khác, đã là cơ sở nảy sinh ra nhiều quan niệm khác nhau về nguồn gốc của hai thiên trường ca của Hô-me-rơ, hình thành cái gọi là "Vấn đề Hô-me-rơ" ⁽¹⁾. Đương nhiên, những thiếu sót đó không hề che lấp một sự thật lớn là: hai bản trường ca của Hô-me-rơ có một cốt truyện hoàn chỉnh, hành động truyện thống nhất. Những thiếu sót của hai bản trường ca như Hô-ra-xơ nói, chỉ là chuyện bình thường, "*Hô-me-rơ thiên tài đôi khi cũng ngủ gật*" (Nghệ thuật sáng tác, 359) (Le bon Homère sommeille quelquefois).

(1) Ta có thể dẫn ra một vài lầm lẫn. Thí dụ: trong khúc ca II, có việc Dớt báo mộng cho A-ga-men-nông hứa sẽ giúp A-ga-men-nông và quân Hy-lạp giành được thắng lợi nhưng mãi vẫn không thấy thực hiện lời hứa và kết quả là đã diễn ra cuộc đấu tay đôi bất phân thắng bại giữa Mê-nê-lát và Pa-rit. Trong khúc ca VII (337) có nói đến việc quân Hy-lạp xây dựng quanh doanh trại của mình một bức tường thành nhưng đến khúc ca XVI (369) không hề thấy miêu tả có bức tường thành mà chỉ có đường hào. Trong khúc ca V, (576 - 579) tướng Pi-lê-me-nơ đã bị Mê-nê-lát giết, nhưng đến khúc ca XIII (658) lại chính vị tướng này vẫn còn sống và khóc đứa con bị tử trận! Trong khúc ca XV. (515) Héc-to đã giết tướng Xkê-đi-ốt nhưng đến khúc ca XVII (306) ...

Về nhân vật, chúng ta thấy, ở cả hai thiên trường ca hành động truyện đều xoay quanh một nhân vật chính, tập trung vào nhân vật này. Ngoài hai nhân vật chính của hai bản trường ca, chúng ta còn được thấy nhiều nhân vật khác và mặc dù chúng không được xây dựng hoàn chỉnh, có quá trình trọn vẹn nhưng chỉ bằng một vài cảnh xuất hiện, một đôi đoạn miêu tả, chúng cũng in dấu lại trong tình cảm và trí nhớ của người đọc. Nàng Ăng-đrô-mác yếu đuối với nàng Hê-len bội bạc là những hình tượng đối lập lại với nàng Pê-nê-lốp chung thủy và kiên định. Pa-rít hèn nhát, A-ga-men-nông ích kỷ, độc đoán chuyên quyền, dễ hoang mang dao động là những hình tượng đối lập với tướng A-giắc và Đì-ô-mét dũng cảm, kiên

Héc-to lại giết chết vị tướng này một lần nữa! Những lăm lăm như thế trong "I-li-át", chúng ta có thể tìm thấy khá nhiều.

Trong "Ô-đi-xê", những lăm lăm như vậy có ít hơn so với "I-li-át", song chúng ta không phải khó khăn lắm mới tìm được. Thí dụ, bản trường ca mở đầu bằng cuộc hội nghị các thần với quyết nghị buộc nàng tiên Ca-líp-xô phải thả cho Uy-li-xơ về quê hương. Thế nhưng nữ thần A-tê-na sau khi dự cuộc hội nghị đó lại còn xuống khích lệ Tê-lê-mác đi tìm cha! Trong nhiều lời khuyên bảo của nữ thần A-tê-na với Pê-nê-lốp, với Tê-lê-mác, chúng ta cũng thấy có nhiều mâu thuẫn, khi thì khuyên Pê-nê-lốp về nhà cha mẹ đẻ ở I-ca-rơ nếu nàng muốn lấy chồng, khi thì lại phán truyền cho Tê-lê-mác biết, nếu Uy-li-xơ còn sống thì Tê-lê-mác phải chờ một năm nữa mới gặp được cha. Về hành trình của Tê-lê-mác, nếu xét kỹ chúng ta cũng thấy có nhiều điều mâu thuẫn.

định đã từng cứu cho quân Hy-lạp thoát khỏi nhiều cơn nguy khốn, hiểm nghèo.

Sự thành công của việc xây dựng nhân vật gắn liền với những tình thế và những hoàn cảnh mà nhà thơ đã tạo ra và đặt nhân vật vào đó, đồng thời cũng gắn liền với tài năng miêu tả rõ nét, mạnh mẽ, sâu sắc của nhà thơ. Đọc trường ca *"I-li-át"* và *"Ô-di-xê"*, chúng ta rung động trước cảnh *"chưa vui xum họp đã sầu chia phôi"* giữa Héc-to và Ăng-đrô-mác bao nhiêu thì chúng ta lại càng bồi hồi thông cảm với cái tâm trạng *"tắc lòng cố quốc tha hương"* của Uy-li-xơ bấy nhiêu, cái tâm trạng của một con người sống nơi *"góc bể chân trời"*, *"đau lòng lưu lạc"* khi thì *"nắng mưa thui thui quê người một thân"* khi thì *"góc trời thăm thẳm, đêm ngày dăm dăm"*. Cảnh đoàn tụ của gia đình Uy-li-xơ, Pê-nê-lốp nhận ra chồng sau hai mươi năm trời xa cách, mặc dù là của những con người ba nghìn năm trước nhưng vẫn làm chúng ta dạt dào xúc động và liên tưởng đến một cảnh đoàn tụ nào đó rất đổi gần gũi và gần bó với cuộc sống của dân tộc chúng ta:

"Tuồng bây giờ là bao giờ

Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao"

Tất cả những thành công đó của nghệ thuật của Hô-me-rơ chứng tỏ nhà thơ đã có một khả năng quan sát, một cái nhìn hết sức tinh tế, nhạy bén, đã chớp bắt được những tình thế, những hoàn cảnh giàu kịch tính, "tích điện", chứa đựng nhiều "năng lượng", mà

nghệ thuật miêu tả chính là khả năng khai thác những điều đó để tác động vào tình cảm của công chúng.

Nghệ thuật miêu tả của Hô-me-rơ từ lâu đã được coi là một nghệ thuật mẫu mực, hiện thực. Trong nền văn học thế giới đã hình thành khái niệm "lối miêu tả Hô-me-rơ (la description homérique)" để chỉ một phong cách miêu tả sinh động, giàu hình ảnh. Có thể nói không có gì là quá đáng rằng "lối miêu tả Hô-me-rơ" là đồng nghĩa với "hay", "đẹp", nói tóm lại là sự thành công trong nghệ thuật. Chúng ta đã được đọc những đoạn Hô-me-rơ miêu tả sự vật, như cảnh chiến đấu của các dũng sĩ, cảnh cơn bão v.v... chúng ta cũng đã được đọc những đoạn Hô-me-rơ miêu tả tâm lý như cảnh Héc-to gặp gỡ Ăng-đrô-mác, cảnh Uy-li-xơ trở về gia đình gặp con, gặp vợ v.v... tất cả đều toát lên một sức mạnh chinh phục, sức mạnh của lối miêu tả cụ thể, tỉ mỉ khiến cho người đọc tưởng chừng như thấy được đối tượng miêu tả đang ở ngay trước mắt. Một lối miêu tả làm cho người đọc bằng trí tưởng tượng của mình hình dung ra được toàn bộ khung cảnh và con người mà nhà thơ miêu tả, một lối miêu tả gây cho người đọc một ấn tượng như đang đứng trước một bức tranh; đó chính là "lối miêu tả Hô-me-rơ".

Đây là một đoạn miêu tả Uy-li-xơ và ông già Ne-xto đi kiểm tra quân đội Hy-lạp ban đêm:

"Hai người đi đến chỗ Di-ô-mét, con của Ti-đê. Họ

thấy Di-ô-mét nằm ở ngoài lều với vũ khí kề bên. Xung quanh Di-ô-mét là anh em chiến sĩ đang ngủ, đầu gối lên khiên, những ngọn lao dựng thẳng, đồng sáng loé lên như ánh chớp của thần Dớt phụ vương. Người anh hùng Di-ô-mét cũng ngủ, nằm trên một tấm da bò rừng, đầu gối lên một tấm thảm rực rỡ..." (Iliade, X, 150 - 158).

Sau khi đánh thức Di-ô-mét dậy, hai người đi đến một vị trí tiền tiêu:

"... Những viên tướng không ngủ, tất cả đều ở vị trí của mình, vũ khí cầm tay, tỉnh táo. Giống như trong một bãi chăn nuôi những con chó luôn chăm lo đến đàn cừu, chúng vừa nghe thấy tiếng thú dữ đi qua những ngọn núi tới cánh rừng; thế là một không khí náo động dấy lên, đó là giấc ngủ của tất cả người và chó; cũng vậy, giấc ngủ ngon lành đối với những đôi mắt của những chiến sĩ canh gác trong cái đêm tối căng thẳng này là như thế. Họ luôn luôn hướng về phía cánh đồng không chút lơ là, rình đón lắng nghe xem có thấy tiếng bước chân của quân Tơ-roa đi tới không..." (Iliade, X. 180 - 190).

Tả sắc đẹp của nàng Hê-len qua lời những người Tơ-roa: "... Thật không phải là một điều đáng trách những người Tơ-roa và người Hy-lạp có những bộ xà cạp đẹp, đã từ bao lâu phải chịu đựng tai họa vì người đàn bà này, bởi vì khuôn mặt nàng sao mà giống

khuôn mặt các vị thần bất tử như in như đúc..."
(*Iliade*, III, 155 - 160).

Tả cảnh ái ân của Thần Dớt với Hê-ra:

"Nói đoạn, người con trai của Crô-nốt ôm vợ vào lòng. Dưới họ mặt đất thần thánh mọc lên một lớp cỏ tóc tiên mềm mại, hoa sen tươi mát, cây hoa nghệ và hoa dạ hương mọc thành một tấm thảm dày, êm dịu: tấm thảm đã ngăn che cho họ khỏi hơi đất ẩm xông lên. Trên tấm thảm này họ nằm bên nhau, được một đám mây vàng đẹp đẽ bao phủ và từ đó những hạt sương óng ánh như ngọc trai từng giọt, từng giọt rơi xuống..." (*Iliade*, XIV, 345 - 350)

Một đoạn miêu tả ngắn, đẹp đẽ và thơ mộng, rất đáng cho chúng ta học tập để phân biệt được cái thực của nghệ thuật chân chính khác với cái thực của nghệ thuật tự nhiên chủ nghĩa. Chúng ta có thể thấy cách nhìn, cách miêu tả tế nhị như thế trong đoạn Uy-li-xơ gặp Nô-di-ca ở bờ biển.

Nhận xét về cách miêu tả của Hô-me-rơ, nhà nghiên cứu Nga N.I. Gơ-nê-đi-sơ viết: *"Hô-me-rơ không miêu tả sự vật mà dường như lại đem nó đặt trước mắt anh để anh nhìn thấy nó. Tính chất giản dị và sức mạnh của câu chuyện kể đã tạo ra sức hấp dẫn kỳ diệu ấy..."*⁽¹⁾. Cũng với ý kiến tương tự như Gơ-nê-đi-sơ,

(1) N. I. Gơ-nê-đi-sơ, *Thơ ca*, tr. 311, 1956, trích trong "Lịch sử văn học cổ đại Hy-lạp" của S.I. Rát-si-gơ M. 1969 (tiếng Nga)

nhà Hy-lạp học Ăng-đrê Bon-na viết: "... Để tạo ra một nhân vật có sức sống mà không phải miêu tả - ta có thể nói được rằng Hô-me-rơ không hề bao giờ miêu tả - đôi khi đối với tác giả "I-li-át" chỉ cần lấy ra từ nhân vật đó một dáng điệu, một lời nói thôi, là đủ. Một số lớn nhân vật bước vào bản trường ca là để chết ở trong đó. Thế mà bao giờ hoặc gần như bao giờ cũng vậy, cái dáng điệu đó cũng thể hiện ra một thái độ này, một tình cảm khác, đối với cái chết. Bằng cái dáng điệu đó, nhà thơ đã đem lại cuộc sống cho nó nhưng cũng ngay vào lúc đó nhà thơ lại lấy cuộc sống đó đi: "Và Di-ô-rét ngã ngửa người ra vật lưng xuống đất, dang đôi tay chơi với về phía các bạn chiến đấu của mình..."

Tạo ra một nhân vật chỉ bằng một tí chút chất liệu như thế và chỉ để sống trong khoảnh khắc, chúng ta đã thấy một nhà thơ nào làm như thế chưa? Tất cả chỉ có một dáng điệu, một dáng điệu thôi mà tác động đến tâm hồn chúng ta, làm chúng ta xúc động, đồng thời cũng nói cho chúng ta biết lòng yêu mến thiết tha cuộc sống của Di-ô-rét (...)

Cứ thế Hô-me-rơ đi thẳng vào con người. Bằng một dáng điệu, một thái độ rất đơn sơ của nhân vật, nhà thơ chỉ cho ta thấy, xác định cho ta biết, cái gì tạo ra chiều sâu của mỗi một con người...⁽¹⁾.

(1) André Bonnard, *La civilisation grecque*, p37 - 38.

Chúng ta không thể dẫn ra ở đây nhiều đoạn miêu tả hay, đẹp, thành công của Hô-me-rơ cũng như những lời đánh giá, nhận xét của các nhà nghiên cứu trên thế giới. Ảnh hưởng của nghệ thuật miêu tả của Hô-me-rơ đối với nền văn học thế giới thật quá rõ ràng. Trong lời tựa bản anh hùng ca *"La Phrăng-xi-át"*, nhà thơ Rông-sa của nước Pháp thế kỷ XVI đã khuyên mọi người nên học tập, bắt chước cách miêu tả của Hô-me-rơ⁽¹⁾. còn nhà văn La Bruy-e-rơ thế kỷ XVII thì khẳng định: "...Mô-i-dơ⁽²⁾, Hô-me-rơ, Pla-tông⁽³⁾, Vlêc-gi-lo⁽⁴⁾, Hô-ra-xơ sở dĩ được đánh giá cao hơn các nhà văn khác là vì cách biểu hiện của họ và những hình tượng của họ. Phải biểu hiện cái thật (*le vrai*) để viết tự nhiên, mạnh mẽ, tinh tế..." (*"Những tính cách"* - Bàn về những tác phẩm của trí tuệ - 14 -) ông còn nhấn mạnh thêm: "... Ta chỉ có thể hơn những người xưa bằng việc học tập họ..." (*"Những tính cách"* - Bàn về những tác phẩm của trí tuệ - 15 -). Việc học tập Hô-me-rơ đã là một điều kiện gần như không thể thiếu được đối với các nhà văn ở châu Âu. Ảnh hưởng

(1) Tu imiteras les effets de la Nature, en toutes les descriptions, suivant Homère.

(2) Mô-i-dơ (Moïse) một nhân vật trong Kinh Cựu ước được Thượng đế ban cho lời nói của Người.

(3) Platon (429-347, trước công nguyên) nhà triết học duy tâm Hy-lạp cổ đại.

(4) Virgile nhà thơ La-mã cổ đại, tác giả *"Ê-nê-i-đơ"* (70 - 19 trước công nguyên).

của Hô-me-rơ in dấu khá rõ trong những tác phẩm của họ đến nỗi Von-te-rơ⁽¹⁾ đã không ngần ngại gì mà kết luận: "Nếu người thầy của thơ ca này muốn đòi lại ở con cháu mình những gì mà họ đã vay mượn, thử hỏi chúng ta còn lại được những gì ở Ê-nê-i-đơ, ở Giê-ruy da-lem⁽²⁾, ở Rô-lăng⁽³⁾, ở Luy-di-át⁽⁴⁾ ở Hăng-ri-át và tất cả những gì mà người ta có thể coi là thuộc thể loại này?..."

Không riêng gì những nhà văn cổ điển thuộc những thế kỷ trước mà Von-te-rơ đã dẫn, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Hô-me-rơ. Những nhà văn lớn của thế kỷ XIX cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng của Hô-me-rơ. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy dấu vết của Hô-me-rơ trong những trang tiểu thuyết của L. Tôn-xtôi, Ph-lô-be, Đô-la, Giuyn Van-lét v.v... Trong việc giáo dục cho học sinh có một thị hiếu văn học tốt đẹp, tránh được cái tầm thường, vô vị, nhạt nhẽo, Hô-me-rơ là tác giả được các nhà sư phạm xếp hàng đầu. Trong việc rèn luyện cho học sinh, cho người muốn cầm bút viết văn, biết kể chuyện, biết miêu tả, các nhà văn, các nhà nghiên cứu, các nhà giáo đều trước hết lấy bài học từ

(1) Voltaire, (1694 - 1778), nhà văn, nhà triết học Pháp, tác giả bản trường ca "Lê Hăng-ri-át"

(2) "Giê-ruy-da-lem được giải phóng" trường ca của nhà thơ Ý. Tát-sô (Torquato Tasso 1544 - 1595).

(3) "Rô-lăng nổi giận" trường ca của nhà thơ Ý, A-ri-ô-xtô (Ludovico Ariosto 1474 - 1533).

(4) Luy-di-át, trường ca của nhà thơ Bồ-đào-nha Ca-mô-en (Louis de Camoens 1525 - 1580).

Hô-me-rơ. Thậm chí có những lời khuyên bảo cực đoan, coi Hô-me-rơ đầy đủ đến mức nếu cần có thể thay thế tất cả! Tuy nhiên có một sự thật là những nhà văn trên thế giới, không mấy ai là người không có vốn kiến thức về Hô-me-rơ, của Hô-me-rơ.

"... Sao nhăng những kiểu mẫu cũ này, É-t-khin, Hô-me-rơ là giết chết mình đấy..." - Phải chăng đây lại là một ý kiến cực đoan nữa? Không, đó là lời khuyên bảo chân thành của một nhà văn đã suốt đời khổ công học tập và lao động nghệ thuật: Go-tơ⁽¹⁾.

ANH HÙNG CA VÀ TIỂU THUYẾT - ANH HÙNG CA (ROMAN. ÉPOPÉE)

Anh hùng ca là một loại hình văn học, ra đời trong một hoàn cảnh nhất định của lịch sử. Đó là hoàn cảnh mà trình độ sản xuất của con người còn hết sức thấp kém, con người còn tin vào những sức mạnh siêu tự nhiên do trí tưởng tượng của chính mình sáng tạo ra thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tôn giáo. Trong thời đại ngày nay anh hùng ca không còn điều kiện để nảy sinh và phát triển nữa. Tuy nhiên anh hùng ca lại được tái sinh trong hoàn cảnh mới. Hê-ghe-n gọi tiểu thuyết là "anh hùng ca của thời đại tư sản" có nghĩa là tiểu thuyết và anh hùng ca đều

(1) Goethe, nhà văn lớn nước Đức (1749 - 1832) - "Négliger ces vieux modèles, Eschyle, Homère, c'est mourir" - xem *L'antiquité* - "Humanistes d'autrefois" - Sainte - Beuve.

có một cơ sở chung là cùng dùng biện pháp tự sự để phản ánh hiện thực, và khả năng phản ánh của anh hùng ca và tiểu thuyết là rộng lớn như nhau.

Tiểu thuyết - anh hùng ca là một thuật ngữ, một khái niệm để chỉ những bộ tiểu thuyết lớn phản ánh những biến cố, những sự kiện lớn lao trong lịch sử của một dân tộc, có thể nói đó là những bước ngoặt quan trọng, quyết định vận mệnh của toàn thể nhân dân, dân tộc. Chính trong những bước ngoặt quan trọng đó sức mạnh của nhân dân được biểu hiện ra như là động lực của lịch sử. Con người - nhân vật sống với tất cả những biến động vĩ đại, hào hùng, phức tạp, đau đớn của lịch sử đang vận động, cố gắng vươn mình để sống cùng với thời đại, theo kịp bước đi của thời đại để khẳng định cái lý tưởng cao nhất, đẹp đẽ nhất của nhân dân, của dân tộc. Chính trên một bối cảnh lịch sử rộng lớn về không gian và thời gian; sâu sắc, phong phú căng thẳng và quyết liệt về ý nghĩa đó mà mỗi người do hoàn cảnh riêng biệt, cụ thể của mình phải lựa chọn thái độ và con đường đi. Và cũng chính tất cả những cái đó tác động vào nhau để nhằm mục đích cuối cùng là khẳng định, ca ngợi chiến công kỳ diệu của con người, của nhân dân, của một dân tộc đã thúc đẩy lịch sử tiến lên và tiến lên cùng với lịch sử.

Như vậy, Lịch sử - Nhân dân - Chủ nghĩa anh hùng tập thể và Chiến công - Lý tưởng cao nhất của thời đại - Khát vọng của toàn thể nhân dân, vốn là nội

dung, là đối tượng miêu tả, là những yếu tố cấu thành anh hùng ca cổ điển được sống lại trong tiểu thuyết - anh hùng ca. Tuy nhiên thời đại đã thay đổi cho nên những yếu tố cấu thành nói trên cũng thay đổi, nghĩa là nội dung của chúng chứa đựng những vấn đề phong phú hơn, sâu sắc hơn, phức tạp hơn, và giàu ý nghĩa hơn.

Thời đại của anh hùng ca cổ điển ra đời là thời đại mà loài người chưa phân chia thành những giai cấp có những quyền lợi khác nhau và đối kháng với nhau. Cơ sở xã hội đó, chế độ công xã thị tộc, đã tạo ra tính toàn dân, tính thống nhất của anh hùng ca, tính toàn dân, tính thống nhất trong phạm vi chật hẹp của bộ lạc. Loài người bước vào thời đại văn minh của những đối kháng giai cấp, tính toàn dân của anh hùng ca cổ điển không còn nữa. Những bản trường ca sau này mô phỏng lại anh hùng ca của Hô-me-rơ, rõ ràng là không làm tái sinh lại được cái hơi thở ấm áp, tự nhiên của Nhân dân như là một khối thống nhất, đang quyết định số phận của mình cũng như bước đi của Lịch sử. Chúng ta thấy "cái gót chân A-khin" này trong bản trường ca "Ê-nê-i-đơ" của Viéc-gi-lơ. Ở Viéc-gi-lơ, người anh hùng Ê-nê không được thể hiện ra như là người anh hùng của nhân dân, lãnh đạo diu dắt nhân dân tiến hành một sự nghiệp mới, một sự nghiệp có ý nghĩa toàn dân, là lý tưởng của nhân dân. Ê-nê là một người anh hùng tượng trưng cho ý thức hệ chính thống của Đế chế La mã dưới triều đại Ô-guy-xơ, minh họa cho tính chất thần thánh, thiêng liêng của dòng họ

Ôc-ta-vi-út Ô-guy-xơ được "thế thiên hành đạo". Mặc dù về hình thức, bản trường ca nói đến người anh hùng Ê-nê hiếu thảo công bố, dắt con, dẫn nhân dân thoát khỏi thảm họa tiêu diệt, đi xây dựng một thành Tơ-roa mới, như là một sự nghiệp toàn dân, nhưng trong thực tế thể hiện, Ê-nê chỉ là người anh hùng tách khỏi nhân dân, tuân theo một cách thụ động những lời phán truyền của thần thánh. Còn thần thánh thì lại bị tách khỏi con người, mất đi cái tính người hồn nhiên, chất phác và mất đi luôn cả cái tính tập thể, toàn dân của công xã thị tộc, của anh hùng ca Hô-me-rơ để trở thành những những biểu tượng hoàn toàn trừu tượng, phán truyền những mệnh lệnh đầy tính chất triều đại, nhằm "tiến định hoá" "số mệnh hoá" nên độc tài của Ô-guy-xơ. Tất cả những điều trên đây cho chúng ta thấy nhân dân không còn là nội dung cơ bản của nghệ thuật anh hùng ca nữa. Nhà thơ quan tâm đến số phận của cá nhân, một cá nhân có quyền thế hơn là quan tâm đến số phận nhân dân. Trong hoàn cảnh của một xã hội có đối kháng giai cấp, việc muốn tìm một cơ sở toàn dân cho sự nghiệp của giai cấp thống trị, nhất là giai cấp chủ nô ở vào thời kỳ Đế chế là thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ đã khủng hoảng, suy tàn, rõ ràng không phải là một việc làm sáng suốt và có nhiều thuận lợi. Những bản anh hùng ca bác học sau này đều không vượt qua được cái khó khăn đó. Thật khó mà tìm được ý nghĩa toàn dân chân chính cho sự nghiệp Thập tự chinh của những người công giáo ở Tây Âu sang phương Đông vây đánh thành

Giê-ruy-da-lem dưới chiêu bài giải phóng nó khỏi tay quân tà đạo. Bản trường ca "*Giê-ruy-da-lem được giải phóng*" của Tát-xô đã "sử thi hoá" cuộc viễn chinh cướp bóc đồ của các lãnh chúa phong kiến trung thế kỷ. Mặc dù có đủ các thần thánh và quỷ sa tăng, mặc dù lời thơ có trau chuốt và bố cục tác phẩm có những ưu điểm này, khác, cũng vẫn chỉ là sử thi hoá về mặt hình thức. Còn bản trường ca "*Luy-di-át*" của Ca-mô-en thì lại sử thi hoá công cuộc khám phá ra Ấn-độ của Vát-xcô đơ Ga-ma. Lại xuất hiện những thần Số mệnh, Vê-nuyt, Méc-cuya-rơ... lại có những cuộc xung đột với những người dị giáo ở đảo Mô-dăm-bích... rồi bão tố, rồi phiêu bạt... đủ cả, nhưng chỉ thiếu một điều cơ bản là, ý nghĩa toàn dân của sử thi cổ điển. Việc khám phá ra Ấn độ của Vát-xcô đơ Ga-ma đánh dấu một bước tiến lớn trong lịch sử nhân loại. Nó gắn liền với thời kỳ tích lũy ban đầu của chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu. Ở thời kỳ này giai cấp tư sản mới ra đời tuy đóng một vai trò cách mạng và tiến bộ song cũng không thể cung cấp một ý nghĩa toàn dân cho sự nghiệp của Vát-xcô đơ Ga-ma, hay nói một cách khác nhà thơ Ca-mô-en khó có thể sử thi hoá cái sự nghiệp đó như sự nghiệp viễn chinh sang thành Tơ-roa và sự nghiệp khám phá miền Tây - Địa - Trung - Hải của người Hy-lạp thời đại Hô-me-rơ. Bởi vì: "... *thắng lợi quyết định đầu tiên của giai cấp tư sản đối với lớp quý tộc phong kiến ăn khớp với sự phản bội trắng trợn nhất chống lại nhân dân*"...⁽¹⁾

Chủ nghĩa tư bản ra đời đã giải phóng cá nhân khỏi

sự trói buộc vào ruộng đất, khỏi sự lệ thuộc vào lãnh chúa phong kiến, khỏi sự chi phối của chế độ phường hội để cá nhân có thể được tự do và trong một chừng mực nào đó làm chủ được bản thân mình. Nhưng sự giải phóng này thật ra chỉ là cái cảnh "Giám chua lại tội bằng ba lửa nồng". Những người được giải phóng này cũng đồng thời bị "giải phóng" khỏi tất cả những tư liệu sản xuất và những bảo đảm về sinh sống do chế độ cũ trước kia cung cấp. Từ người sản xuất, lao động độc lập và cá thể, là người chủ tự do của những tư liệu lao động do chính mình sử dụng, họ trở thành người tự do bán sức lao động của mình và họ bị bắt nờ ném vào thị trường lao động, bị lệ thuộc và chi phối bởi cái quy luật cung cầu của thị trường này. *"Lịch sử về sự tước đoạt họ (...) được ghi chép trong sử sách của nhân loại bằng những chữ máu và lửa không bao giờ phai"*⁽²⁾. *"Những phương pháp về tích lũy nguyên thủy có thể là bất cứ những cái gì khác, nhưng không phải là câu chuyện tình ca..."*⁽³⁾.

Chủ nghĩa tư bản đã giải phóng cá nhân nhưng cũng đồng thời lại ném cá nhân vào những hình thức áp bức mới, lệ thuộc mới. Với chế độ tư bản chủ nghĩa, vấn đề quyền sống của con người với ý nghĩa là một

(1) Các-Mác và Ph. En-ghe-nơ - *Công ty Tây Ấn, lịch sử và kết quả của nó* - Toàn tập, tập IX, tr. 353 (tiếng Nga) chuyển dẫn từ *Triết học thời tiền tư bản chủ nghĩa* (từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVIII) NXB. Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 229.

(2), (3) Các Mác - *Tư bản* - quyển I, tập III, xem phần "Tích lũy nguyên thủy" - Nxb Sự thật, Hà-nội 1960.

cá nhân và quan hệ của nó đối với xã hội đã trở thành một câu hỏi lớn đối với nghệ thuật, đặc biệt đối với những nhà viết tiểu thuyết. Trong một xã hội mà quy luật tồn tại của nó là "cá lớn nuốt cá bé", sự tồn tại và phát triển của giai cấp tư sản là sự bần cùng hoá đối với giai cấp nông dân, là mối đe dọa thường xuyên đối với điều kiện sống của những tầng lớp trung gian, là ách áp bức vô cùng tàn nhẫn đối với những người vô sản - những cá nhân tự do bán thứ hàng hoá sức lao động của mình để đổi lấy đồng lương vừa đủ duy trì cái cuộc sống nô lệ thảm hại của mình - thì vấn đề quyền sống của cá nhân trong mọi quan hệ với xã hội càng trở nên gay gắt, căng thẳng. Tính chất gay gắt, căng thẳng càng trở nên sâu sắc và chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn nữa khi trong thực tế đời sống, giai cấp tư sản "không để lại giữa người với người một mối quan hệ nào khác ngoài mối lợi lạnh lùng, và lối trả tiền ngay không tình nghĩa" (...) "Nó đã biến phẩm cách con người thành một giá trị trao đổi tầm thường; nó đã đem quyền tự do buôn bán độc nhất và tàn nhẫn thay cho nhiều quyền tự do đã giành được bằng một giá rất đắt"... "Giai cấp tư sản đã xé toang bức màn tình cảm phủ lên những quan hệ gia đình, và đã thu hẹp những quan hệ ấy lại thành ra chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần" (...). "Giai cấp tư sản đã tước hết hào quang thần thánh của hết thảy những nghề nghiệp cho đến bây giờ vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Y sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị

giai cấp tư sản thu nạp vào trong số lao động làm thuê" (...). "Giai cấp tư sản chỉ tồn tại với điều kiện là luôn luôn cách mạng công cụ lao động, nghĩa là cách mạng phương thức sản xuất, nghĩa là cách mạng hết thảy mọi quan hệ xã hội (...). Sự đảo lộn liên tiếp ấy của những phương thức sản xuất, sự rung chuyển không ngừng ấy của toàn bộ hệ thống xã hội, sự lay động và trạng thái không yên ổn không bao giờ dứt ấy, đó là những cái phân biệt thời đại tư sản với các thời đại trước..."⁽¹⁾.

Con người, đời sống cá nhân, đối tượng của tiểu thuyết, sống trong một bối cảnh xã hội như thế. Tiểu thuyết châu Âu thế kỷ XIX, của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực phê phán, đã phản ánh cá nhân trong những bi kịch muôn hình muôn vẻ của "sự rung chuyển không ngừng", "của sự lay động và trạng thái không yên ổn không bao giờ dứt ấy". Thông qua sự thể hiện tình cách, phân tích tâm lý, tâm trạng, cùng với những khát vọng và những ước mơ của nhân vật, nhà văn đã cho chúng ta thấy thế giới nội tâm của nhân vật bị giằng xé, đau đớn, khủng hoảng bởi những quan hệ xã hội bất nghĩa, bất nhân, giả dối, hoặc cho chúng ta thấy cảnh tượng con người, nhân vật, đã bị tha hoá, đã bị mất tính người như thế nào.

(1) Các-Mác và Ph. En-ghe-nơ Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - chương "Tư sản và Vô sản".

Tiểu thuyết châu Âu thế kỷ XIX chủ yếu là tiếng nói phủ định xã hội tư sản.

Như vậy chúng ta thấy từ anh hùng ca đến tiểu thuyết đã có một sự thay đổi, một sự khác nhau rất lớn.

Anh hùng ca phản ánh người anh hùng của nhân dân, của lịch sử với cảm hứng chủ đạo khẳng định sức mạnh của con người, của nhân dân, của xu thế tiến lên tất yếu của cuộc sống, của lịch sử. Còn tiểu thuyết phản ánh cá nhân trong mối quan hệ đối kháng với xã hội tư sản, hoặc cá nhân như là một yếu tố cấu thành đồng thời cũng là một nạn nhân của quan hệ tư sản. Anh hùng ca phản ánh khái quát, tổng hợp sự nghiệp của nhân dân với những nhân vật, những con người cá thể, chưa phát triển phong phú, đa dạng. còn tiểu thuyết phản ánh xã hội, một bức tranh khái quát về xã hội thông qua việc thể hiện từng cuộc đời nhân vật, đi sâu vào phân tích, phản ánh hành vi, tâm lý, tính cách của nhân vật; của những con người - cá thể trong mối quan hệ xã hội phong phú, phức tạp và đa dạng. Tiểu thuyết châu Âu thế kỷ XIX đã đạt được những thành tựu hết sức lớn trong việc phản ánh xã hội. Những tác phẩm của Ban-dắc, Đô-xtô-ép-xki được coi là đỉnh cao của nghệ thuật miêu tả tính cách và phân tích tâm lý. Tuy nhiên, về cơ bản, nhìn chung tiểu thuyết châu Âu thế kỷ XIX, từ chủ nghĩa lãng mạn đến chủ nghĩa hiện thực phê phán vẫn là một tiếng nói phủ định và bế tắc.

Đó là một vài nét chính rất sơ lược về sự biến chuyển của loại hình.

Tiểu thuyết - anh hùng ca ra đời làm nhiệm vụ tổng hợp và đổi mới những thành tựu của anh hùng ca và tiểu thuyết. Bộ *"Chiến tranh và hoà bình"* của L. Tôn-xtôi đánh dấu một chặng đường phát triển của tiểu thuyết châu Âu từ thế kỷ XVIII cho đến thế kỷ XIX, đồng thời mở ra một con đường mới cho sự phát triển của loại hình tiểu thuyết, đúng hơn, làm phong phú thêm thể loại tự sự bằng một loại hình mới: tiểu thuyết - anh hùng ca.

"Chiến tranh và hoà bình" với tư cách là bộ tiểu thuyết - anh hùng ca đã phản ánh cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc Nga năm 1812 chống lại sự xâm lược của Na-pô-lê-ông, như là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa toàn dân. Tầm khái quát lịch sử của bộ tiểu thuyết không chỉ giới hạn ở sự kiện chủ yếu và quan trọng đó. Tác giả mở rộng phạm vi miêu tả ngược dòng thời gian lên đến thời kỳ của những biến cố 1805. Chiến tranh bùng nổ. Những đạo quân của Na-pô-lê-ông vượt biên giới tiến vào nước Nga. Nước Nga trải qua một cuộc thử thách lịch sử vĩ đại. Cuộc kháng chiến chống Na-pô-lê-ông xâm lược đã diễn ra trên khắp nước Nga và cuối cùng kết thúc bằng chiến công huy hoàng của dân tộc Nga: Na-pô-lê-ông phải bỏ lại cả binh sĩ để chạy thoát lấy thân. Thắng lợi của cuộc kháng chiến là thắng lợi của lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nhưng xã hội Nga hồi đầu thế kỷ XIX vẫn còn là một xã hội phong kiến - nông nô, nghĩa là một xã hội hết

sức lạc hậu so với những xã hội ở Tây Âu lúc bấy giờ, điều làm cho nhiều thế hệ thanh niên quý tộc - trí thức tiến bộ, có tinh thần dân tộc, băn khoăn muốn tìm một con đường giải thoát. Chiến tranh xảy ra. Nước Nga đứng trước một thử thách hết sức lớn. Ai là người sẽ cứu nước Nga khỏi cái thảm họa nô dịch này? L. Tôn-xtôi đã trả lời: Nhân dân! Tôn-xtôi đã dựng lên trong bộ tiểu thuyết của mình hai khối nhân vật. Một khối, giống như phong cách của anh hùng ca cổ điển, là hình tượng nhân dân, những hình tượng về sức mạnh tập thể của nhân dân trong chiến tranh, những hình ảnh về những người thường dân, chất phác, giản dị và giàu lòng nhân ái, giàu đức hy sinh. Một khối, giống như phong cách của tiểu thuyết, là hình tượng những con người - cá thể, những cá nhân, của xã hội quý tộc. Hai khối nhân vật này phát triển theo hai chiều hướng khác nhau. Khối nhân vật của xã hội thượng lưu nổi bật lên ở bình diện thứ nhất, có những nhân vật có quá trình phát triển gắn bó hết sức chặt chẽ với cốt truyện. Khối nhân vật của "Nhân dân" ở bình diện thứ hai, nhìn chung, không có nhân vật nào có quá trình phát triển như một số nhân vật ở khối thứ nhất⁽¹⁾. Nhưng cái khối nhân vật ở bình diện thứ hai này đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong tác phẩm. L. Tôn-xtôi đã thể hiện khối nhân vật này với tất cả niềm tin và tấm lòng trân

(1) Việc L. Tôn-xtôi thể hiện "Nhân dân" ở bình diện thứ hai là do vốn sống của ông về mặt này bị hạn chế, ông đã viết trong "Hồi ký" như vậy.

trọng, yêu quý của mình. Nhân dân Nga, những người lính Nga, dưới ngòi bút của ông, hiện lên như là lực lượng quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến. Họ có một phẩm chất đạo đức trong sáng và đẹp đẽ. Họ biết chịu đựng, biết hy sinh vì dân tộc, vì tổ quốc mà không hề đòi hỏi, than phiền một điều gì. Lực lượng vĩ đại của nhân dân và đức hy sinh của họ đã tác động đến những người quý tộc trí thức, đến những tướng lĩnh trong cuộc chiến tranh, khiến cho những người này, mặc dù ở vào địa vị giai cấp thống trị, cũng phải thừa nhận một sự thật: Nhân dân thực là anh dũng, thực là kỳ diệu, thực là vô địch.

Đối lập lại với khối nhân vật "Nhân dân" là khối nhân vật của xã hội quý tộc thượng lưu. Ở đây, nhà văn đã biểu lộ một thái độ phủ định, ông vạch ra sự suy đồi, sự tan rã của cái xã hội đó, một xã hội sống xa hoa, đàng điếm và đứng dưng trước số phận của đất nước của nhân dân. Ở đây có những con người ích kỷ, đê tiện, ăn không ngồi rồi, chuyên tính toán những chuyện mua quan bán tước, tham gia vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc với động cơ danh vị, tiền tài, may mắn không có một chú lý tưởng. Chính cái xã hội vô đạo đó đã khiến những người quý tộc trí thức có lương tâm, có lý tưởng, chán ghét đến mức muốn đoạn tuyệt với nó, và tìm thấy lối thoát duy nhất là trở về sống với nhân dân (theo quan niệm của L. Tôn-xtôi là xa lánh kinh thành, trở về với điền trang, sống với

chế độ nông dân gia trưởng, cải thiện đời sống của nông nô, tu thiện).

Như vậy nhà văn vĩ đại L. Tôn-xtôi đã tổng hợp và đổi mới những thành tựu của anh hùng ca và tiểu thuyết vào trong tác phẩm đồ sộ của mình. Lịch sử và Nhân dân dưới ngòi bút của tác giả trở thành cái nền, cái bối cảnh của cuốn sách hơn nữa nó còn là mối liên hệ bên trong của tác phẩm. Những cuộc đời riêng, số phận riêng của những nhân vật này, khác đều có mối liên quan với Lịch sử và Nhân dân. Lịch sử đã diễn ra biến cố 1812, Na-pô-lê-ông xâm lược. Nhân dân đã giải quyết cái biến cố lịch sử đó, quyết định bước tiến lên của Lịch sử: chiến tranh xâm lược phải thất bại, chiến tranh yêu nước, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ dân tộc, thắng lợi. Tác phẩm của ông, bộ tiểu thuyết - anh hùng ca "*Chiến tranh và Hoà bình*" trong khi vẫn giữ lại cái "chất" phê phán, phủ định, của chủ nghĩa hiện thực phê phán (phê phán, phủ định xã hội quý tộc) đồng thời nâng cao và đổi mới lên một bước cái "chất" khẳng định, ca ngợi của anh hùng ca cổ điển (khẳng định, ca ngợi chiến công, chủ nghĩa anh hùng tập thể, nhân dân). Đương nhiên đây không phải chỉ là: anh hùng ca + tiểu thuyết. Điều mới mẻ của loại hình tiểu thuyết - anh hùng ca là, chủ yếu là, tiếng nói *khẳng định và ca ngợi*.

Trong khi thể hiện sự kiện lịch sử cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông như là một sự kiện có ý nghĩa toàn dân,

toàn dân tộc, nhà văn cũng đồng thời vạch ra những nhân tố phá hoại sự thống nhất toàn dân, toàn dân tộc đó. Trong một xã hội phân chia thành những giai cấp đối kháng, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là lý tưởng cao nhất có thể tập hợp, đoàn kết, mọi tầng lớp, mọi người lại được. Nhưng vì mỗi người lại là một con người của một giai cấp, của một tầng lớp cụ thể và sống trong những mối quan hệ xã hội, gia đình, giáo dục cụ thể, cho nên thái độ đối với tổ quốc, đối với dân tộc có khác nhau. Bộ tiểu thuyết - anh hùng ca "*Chiến tranh và hoà bình*" của L. Tôn-xtôi đã thể hiện sự thống nhất trong những mặt đối lập, và khác nhau đó. Do hạn chế của tư tưởng tu thiện, không dùng bạo lực để chống lại điều ác nên đã xảy ra một mâu thuẫn không thể dung hoà được giữa việc khẳng định sức mạnh của nhân dân, lòng yêu mến nhân dân của tác giả với thực tại xã hội phong kiến nông nô. Nhân dân Nga đã phải dùng bạo lực để chiến thắng Na-pô-lê-ông có lẽ nào nhân dân Nga có thể thay đổi số phận của mình, một số phận hết sức cực nhục, khốn khổ, tồi tệ của người nông nô, của người mu-gích, bằng tấm lòng tốt, nhân hậu, đầy tính chất cải lương chủ nghĩa của những người quý tộc - trí thức tiến bộ? Những người quý tộc - trí thức yêu nước, yêu nhân dân, đã cùng với nhân dân dùng bạo lực, dùng chiến tranh yêu nước để chống lại chiến tranh xâm lược lẽ nào họ có thể thay đổi được cái xã hội quý tộc xa hoa, đàng điếm, kiêu cách, đối trá bằng sự xa lánh kinh

thành và tu thiện của mình? Vấn đề "*số phận Dân tộc*" đã được giải quyết trong chiến tranh. Song vấn đề "*số phận Nhân dân*" vẫn chưa được giải quyết trong hoà bình. Cảnh đoàn viên sau khi hoà bình trở lại của những gia đình Pie Bê-du-khốp và Ni-cô-lai Rô-xtốp không giải quyết được một vấn đề mà tác phẩm đã đặt ra: vấn đề xã hội quý tộc, chế độ phong kiến - nông nô ở Nga, nguồn gốc của điều ác. Nước Nga vẫn còn kinh thành Pê-téc-bua với những tối tiếp tân, với "*những mẩu chuyện lật vạt vô nghĩa về cuộc khiêu vũ vừa qua và cuộc khiêu vũ sắp tới...*". Nước Nga vẫn còn những điền trang, những điền chủ và nông nô.

Ai sẽ giải quyết vấn đề "*Số phận Nhân dân*" mà bộ tiểu thuyết - anh hùng ca mẫu mực của L. Tôn-xtôi đã đặt ra? - Những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng, những bộ tiểu thuyết ra đời trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm cải tạo, thay đổi lại toàn bộ trật tự thế giới cũ, thế giới người bóc lột người. Trong lịch sử nhân loại, lần đầu tiên xuất hiện một giai cấp mà sự nghiệp giải phóng bản thân nó chỉ có thể thực hiện được với điều kiện giải phóng toàn thể nhân loại, giải phóng toàn thể xã hội: giải phóng những giai cấp bị áp bức, bóc lột và những tầng lớp trung gian, tạo điều kiện cho giai cấp tư sản và địa chủ thoát khỏi lối sống bóc lột thú vật của chúng, làm cho chúng trở thành những người lao động chân chính như những người lao động khác. Giai cấp vô sản không thay thế những hình thức áp bức cũ bằng những hình

thức áp bức mới. Nó xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột. Là lực lượng cách mạng nhất của dân tộc, lại thực hiện được sự liên minh với giai cấp nông dân và đoàn kết rộng rãi với mọi tầng lớp nhân dân có thể đoàn kết được, cho nên giai cấp vô sản cũng đồng thời đại diện cho dân tộc, là người trung thành nhất với lợi ích dân tộc. Sự nghiệp của giai cấp vô sản là sự nghiệp giải phóng loài người cho nên ánh sáng chính nghĩa của nó có khả năng thu hút và chinh phục một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị cũ đi theo giai cấp vô sản. Tất cả những vấn đề đó chỉ ra rằng, vấn đề "*số phận Nhân dân*" sẽ được giải quyết một cách triệt để nhất, sâu sắc nhất và phong phú nhất trong những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng. Bởi vì "*số phận Nhân dân*", "*số phận Dân tộc*", "*số phận Xã hội*" trong thời đại mới gắn liền với trào lưu cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Cuộc cách mạng của giai cấp vô sản do đội tiên phong của nó là chính đảng mác-xít-lê-nin-nít lãnh đạo là một cuộc cách mạng triệt để nhất do đó cũng là một cuộc cách mạng khó khăn nhất, gian khổ nhất trong lịch sử. Giai cấp vô sản trong quá trình đấu tranh cách mạng phải cải tạo bản thân mình và các giai cấp đồng minh khỏi những nếp sống cũ và nếp suy nghĩ cũ: tự do chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa, dân tộc chủ nghĩa, vốn là sản phẩm của xã hội tư hữu, cho nên những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng vẫn tiếp tục thừa kế truyền thống của tiểu thuyết hiện

thực phê phán, phản ánh sự tan vỡ, sự sụp đổ của nếp sống cũ, hệ tư tưởng cũ. Quá trình này diễn ra đồng thời với quá trình cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân tạo nên một ý nghĩa khẳng định tất yếu cho xu thế tiến lên của lịch sử. Và lịch sử đã diễn ra trong cuộc đấu tranh giai cấp hết sức quyết liệt. Kẻ thù của cách mạng, của nhân dân, phản công điên cuồng trên các mặt trật quân sự, chính trị, kinh tế, tư tưởng với một nghị lực cay cú, mù quáng để hòng giành lại cái thiên đường đã mất. Bằng các biện pháp hết sức dã man và thâm độc như dụ dỗ, mua chuộc, lừa bịp kết hợp với xuyên tạc, cường bức, chúng đã, trong từng hoàn cảnh, từng thời kỳ nhất định, lôi kéo được một bộ phận không nhỏ trong nhân dân đi theo chúng, làm cho những người này lầm tưởng rằng số phận của mình gắn bó với chúng. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra với tính chất cực kỳ đau xót, khốc liệt, phức tạp song cũng hết sức hùng tráng và giàu ý nghĩa. Nhưng lịch sử trước, sau vẫn tiến lên cùng với giai cấp vô sản, người đại diện cho tương lai, và cuối cùng chân lý vẫn là chân lý dù ném vào lửa, dù vứt xuống nước cũng không thể thiêu đốt được, nhấn chìm được. Nhân dân, giai cấp vô sản là người sáng tạo ra lịch sử.

Nền văn học xô viết với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa đã xây dựng được những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng phản ánh được bước ngoặt lịch sử - xã hội vô cùng phong phú, phức tạp và

sâu sắc của cuộc cách mạng tháng Mười vĩ đại và cuộc chiến tranh chống phát xít xâm lược, giải phóng châu Âu. Những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca "*Cuộc đời của Clim Săng-ghin*" của M.Gor-ki, "*Con đường đau khổ*" của A-léc-xây Tôn-xtôi, "*Sông Đông êm đềm*" của Sô-lô-khốp được coi là những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng thành công nhất. Người ta cũng còn kể đến những bộ "*Đội thanh niên cận vệ*" của Pha-đê-ép, "*Bão táp*" của I-li-a Ê-ranh-bua, "*Mùa hè kỳ lạ*" của K.Phê-đin và... như là những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca, tuy nhiên trong giới nghiên cứu xô viết cũng có ý kiến dè dặt, chưa nhất trí. Sự khác nhau trong cách đánh giá đó phản ánh sự khác nhau trong việc xác định những tiêu chuẩn của loại hình tiểu thuyết - anh hùng ca và cách vận dụng nó vào việc nghiên cứu tác phẩm.

Trong văn học Pháp, những tác phẩm "*Sự đổ vỡ*" (La Débâcle) của Ê-min Đô-la, "*Giăng Cri-xtôph*" của Rô-manh Rô-lăng được coi như là những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca đã kế thừa và đổi mới truyền thống cũ.

"*Những người cộng sản*" của nhà văn Lu-i A-ra-gông là bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng được sáng tác dưới ánh sáng của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Trong văn học Việt Nam chúng ta cũng thấy xuất hiện một khuynh hướng sáng tác muốn vượt tới tầm cỡ tiểu thuyết - anh hùng ca. Những bộ tiểu thuyết

như "Sóng gầm", "Cơn bão đã đến" "Thời kỳ đen tối" "Khi đưa con ra đời", của Nguyễn Hồng, "Vỡ bờ" của Nguyễn Đình Thi, "Phát" của Bùi Huy Phồn, "Những người thợ mỏ" của Võ Huy Tâm, "Bão biển" của Chu Văn... rõ ràng có khát vọng phản ánh khái quát một giai đoạn lịch sử - xã hội đầy những biến cố cách mạng và sức mạnh vĩ đại của nhân dân. Tuy nhiên những tác phẩm đó mặc dù có bối cảnh lịch sử - xã hội khá rộng lớn và giàu ý nghĩa song vẫn chưa đạt tới tầm thước của một bộ tiểu thuyết - anh hùng ca. Nhiều vấn đề về nội dung cũng như kết cấu nghệ thuật, số phận của nhân vật v.v... vẫn đang còn là một câu hỏi lớn đối với các nhà văn của chúng ta. Có thể tìm nguyên nhân của câu hỏi đó ở lời chỉ dẫn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng với các văn nghệ sĩ về vấn đề sáng tạo nghệ thuật: "vốn sống, vốn chính trị, vốn tri thức". Và trong trường hợp này nếu như chúng ta có nhấn mạnh hơn nữa đến vốn tri thức, những tri thức về nội dung và kết cấu nghệ thuật của tiểu thuyết - anh hùng ca mà các nhà nghiên cứu - lý luận đã tổng kết thì cũng không có nghĩa là chúng ta coi nhẹ vốn sống và vốn chính trị.

Thời đại chúng ta là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thời đại của ba dòng thác cách mạng vĩ đại với những mục tiêu dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa, chính là thời đại của những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca đồ sộ nhất, vĩ đại nhất và hùng tráng nhất. Bởi vì

chưa bao giờ trong lịch sử loài người, nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng cách mạng của nó lại có ý thức rõ ràng về sức mạnh của mình và sứ mệnh của mình ("số phận") như bây giờ. Bởi vì giai cấp vô sản dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là người có khả năng giải quyết vấn đề "*Số phận Nhân dân*", "*số phận Dân tộc*" một cách triệt để nhất, trong sáng nhất và hài hoà nhất bằng cách gắn bó nó, kết hợp nó với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bởi vì chưa bao giờ Nhân dân lại xuất hiện ra như một khối thống nhất vững chắc nhất và lập nên những chiến công kỳ diệu nhất như Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Trong ý nghĩa đó, chúng ta càng cảm thấy câu thơ của nhà văn Pháp Lu-i A-ra-gông thật là sâu sắc:

"Đảng đã trả lại cho tôi ý nghĩa của những thiên anh hùng ca"⁽¹⁾.

(1) Louis Aragon, nhà văn Pháp, đảng viên Đảng cộng sản Pháp. Câu thơ trên trích trong bài thơ "*Nhà thơ gửi Đảng*" (Du poète à son parti) (Mon parti m'a rendu le sens de l'épopée).

TÍNH NHÂN DÂN CỦA HAI BẢN TRƯỜNG CA

Hai bản trường ca của Hô-me-rơ là những tác phẩm xây dựng trực tiếp từ vốn văn học dân gian, vì thế đương nhiên nó mang trong bản thân mình tính nhân dân như một bộ phận hữu cơ, như một quy luật tất yếu. Tuy nhiên tính nhân dân của hai bản trường ca không phải chỉ ở chỗ đó, nghĩa là, chúng là kết quả của một quá trình sáng tác của nhân dân từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tính nhân dân của hai bản trường ca của Hô-me-rơ chủ yếu ở chỗ hai bản trường ca đã phản ánh được bước ngoặt lịch sử lớn lao của đất nước Hy-lạp từ chế độ công xã thị tộc chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ. Ra đời trong giai đoạn quá độ giữa hai hình thái xã hội, hai bản trường ca của Hô-me-rơ đã phản ánh được vấn đề chủ yếu nhất, bản chất nhất đang diễn ra trong hai hình thái xã hội đó. Những người anh hùng của bản trường ca, đặc biệt là hai nhân vật chính: A-khin và Uy-li-xơ, đã thể hiện đầy đủ, đẹp đẽ những lý tưởng của thời đại. Và đó cũng chính là lý tưởng của nhân dân, mơ ước và khát vọng của nhân dân. Cái dũng của người anh hùng trong chiến trận - A-khin - sự gắn bó của người anh hùng với tổ chức

thị tộc là ánh hoàng hôn của một chế độ đang sắp tắt. A-khin là con người của thời đại cũ. Nhưng cái mưu của người anh hùng trên mặt biển - Uy-li-xơ -, sự gắn bó của người anh hùng với gia đình, với quê hương và đất nước của mình lại là những tia nắng sớm của bình minh một chế độ mới, Uy-li-xơ là con người mới của thời đại mới. Tổng hợp cả hai hình tượng A-khin và Uy-li-xơ lại, chúng ta sẽ có một quan niệm toàn diện về chủ nghĩa anh hùng; anh hùng trong chiến tranh, anh hùng trong hoà bình; anh hùng bằng sức mạnh thể chất, sôi nổi, nồng nhiệt; anh hùng bằng sức mạnh tinh thần, mưu trí, kiên định, tỉnh táo. Đó là cái ý nghĩa khái quát mà trải qua bao năm tháng ấp ủ, lên men, trong lòng nhân dân mới chùng cất, chất lọc ra được "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xê*". Chính vì thế cho nên những hình tượng người anh hùng trong hai bản trường ca tuy nguồn gốc thuộc về thời đại cũ, xa xôi, nhưng đã biến đổi để phù hợp với hoàn cảnh mới. Nhân dân Hy-lạp của thời đại Hô-me-rơ không coi chúng là những câu chuyện chỉ kể lại quá khứ, mà còn nói đến cuộc sống sôi động hiện tại và báo trước tương lai. Chính cũng vì thế cho nên những bản trường ca của Hô-me-rơ chẳng những được nhân dân Hy-lạp thời đại Hô-me-rơ yêu thích, mà còn được nhân dân nhiều dân tộc khác thuộc những thế kỷ sau này yêu thích. Và cho đến bây giờ hai bản trường ca của Hô-me-rơ hẳn rằng cũng chưa mất sức hấp dẫn đối với chúng ta, vẫn chưa "cũ quá" đối với chúng ta.

Hai bản trường ca của Hô-me-rơ còn giới thiệu cho công chúng biết rất nhiều mặt trong đời sống nhân dân Hy-lạp, đời sống vật chất, trình độ văn minh, đời sống tinh thần, tình cảm, phong tục tập quán, quan niệm đạo đức, giáo dục, tôn giáo.

Đọc "*I-li-át*", bên không khí hào hùng sôi sục của chủ nghĩa anh hùng tập thể, của khát vọng lập chiến công, chúng ta còn được thấy tình cảm tự nhiên của nhân dân xót thương những người chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến đấu, xúc động trước nỗi đau đớn, tổn thất của con người:

"Thế rồi A-giắc, con của Tê-la-mông, đánh con của Ăng-tê-mi-ông, người chiến sĩ trẻ đang độ sung sức, Xi-mô-i-di-ốt, mà mẹ chàng từ đỉnh núi I-đa xuống đã sinh ra chàng trên bờ sông Xi-mô-ít. Nàng tới nơi này với cha mẹ để gìn giữ trông nom đàn gia súc, vì thế mà người ta gọi chàng là Xi-mô-i-di-ốt. Chàng không đền đáp được công ơn cha mẹ đã nuôi nấng, chăm sóc chàng: vì cuộc đời chàng quá ngắn ngủi; A-giắc oai hùng đã đánh gục chàng dưới ngọn lao..." (IV, 473 - 480).

"... Mê-ri-ông đánh Phê-re-clơ, con của Téc-tông và là con của Hác-mông⁽¹⁾ là người có đôi tay biết làm

(1) Theo truyền thống, nghệ nhân a-e-dơ thường sáng tạo cho các nhân vật của mình những tên phù hợp với nghề nghiệp của họ. Téc-tông nghĩa là "người thợ mộc làm cột kèo nhà" (charpentier) và Hác-mông nghĩa là "người thợ điều chỉnh" (dịch nghĩa đen chữ "ajusteur") có thể là người thợ cả ngày nay.

mọi đồ dùng tinh xảo các loại. Trong hết thấy mọi người, nữ thần Pan-lát A-tê-na yêu chàng hơn cả. Chính chàng là người đã đóng những con thuyền tốt đẹp cho A-lếch-dăng-đơ, kẻ gây biết bao nỗi bất hạnh, cái tai hoạ đối với hết thấy những người To-roa - nhưng cũng là tai hoạ đối với cả A-lếch-dăng-đơ nữa, bởi vì y không biết đến những quyết định của các thần! Mê-riông đuổi theo chàng, đuổi kịp, và phóng một mũi lao vào mông bên phải. Ngọn lao phóng đi thẳng tắp, xuyên ngọt qua bong đá dưới xương. Phê-re-clơ đổ sập xuống hai đầu gối, rên rĩ và cái chết trùm lấy chàng..." (Iliade, V, 60 - 69).

Thuật lại cái chết của Pa-tơ-rô-clơ:

"... Chàng nói xong, cái chết trùm xuống chàng. Linh hồn chàng rời bỏ hình hài và ra đi, bay xuống thế giới của thần Ha-dét, khóc than cho số phận của mình, mất đi sức mạnh và tuổi trẻ..." (Iliade, XVI, 857 - 859).

Chúng ta còn được thấy ở chỗ này, chỗ khác những lời giáo huấn của người già đối với người trẻ, những lời khuyên bảo của bạn bè, những kinh nghiệm của cuộc sống phản ánh trình độ nhận thức của nhân dân như là một quá trình đã được tổng kết, có giá trị như những câu châm ngôn. Đây là lời ông già Ne-xto khuyên con, trước khi con bước vào cuộc đua xe ngựa:

"... Ăng-ti-lô-cơ con! Con tuy còn trẻ, nhưng thần Dớt và thần Pô-dê-i-đông đã yêu mến con: các thần đã

dạy con biết mọi cách sử dụng ngựa. Vậy thì ở đây chẳng phải là nơi đến lần cha dạy con những điều đó. Con đã biết cách vượt qua khó khăn khá thành thạo. Nhưng ngược lại, những con ngựa của con thì lại chạy khá chậm đấy, và cha lo rằng có thể con rơi vào một tình cảnh không may đấy, vì anh em người ta có những con ngựa chạy nhanh hơn. Nhưng mặt khác, họ ít có sáng kiến hơn con. Vậy thì, hỡi con trai yêu quý của ta! con hãy cố gắng suy nghĩ để cho trong đầu óc có được nhiều sáng kiến chừng nào hay chừng ấy, nếu con không muốn giải thưởng về tay người khác. Chính là sáng kiến đã đẻ ra người tiểu phu giỏi chứ không phải là sức khoẻ. Chính nhờ sáng kiến mà người lái thuyền điều khiển được con thuyền nhanh trên mặt biển đỏ thắm màu rượu vang đang bị tròng trành vì những ngọn gió. Chính nhờ sáng kiến mà người đánh xe này đã thắng những người khác..."

(Iliade, XXIII, 306 - 320)

Tiếp sau đó là những kiến thức và những kinh nghiệm mưu trí của Ne-xto về đua xe ngựa.

Đây là lời ông già Mê-nê-xi-ốt, con trai của Ác-tô căn dặn con mình là Pa-tơ-rô-clơ:

"Hỡi con! A-khin về dòng dõi thì hơn con đấy! Nhưng con là anh hấn, dù rằng về sức mạnh hấn hơn con rất nhiều. Về phần con, con phải làm sao cho hấn lắng tai nghe những lời lẽ của lý trí, để khuyên nhủ

hắn, để dắt dẫn hắn. Hắn sẽ nghe con, vì đó là lợi ích của hắn.

(Iliade, XI, 783 - 789)

Và lời ông già Phê-ních khuyên A-khin nguôi giận:

"... Con cái gây ra khá nhiều điều xấu xa. Ôi! Thế mà vì chuyện con cái đấy mà ta đã khổ đau và buồn nản, lúc nào cũng nghĩ rằng các vị thần không muốn cho ta có một đứa con nữa! Và cũng vì con đấy, hồi A-khin sánh tựa thần linh! chính là con đấy mà ta những muốn nhận làm con nuôi để một ngày nào đó giúp ta tránh khỏi nỗi bất hạnh đáng nguyên rủa. Thôi nào! A-khin, hãy dần lòng bớt giận! Không, con chẳng phải là người có một tâm hồn không biết xúc động, xót thương khi mà ngay đến các vị thần cũng còn tỏ ra biết xúc động. Các vị thần chẳng phải đã có nhiều vinh quang, chiến công và sức mạnh hơn con sao? Thế mà những người trần còn có thể làm mềm lòng các vị với những lễ vật, những lời cầu nguyện êm ái, những rượu thiêng và khói đốt các súc vật hiến tế khi họ đến cầu khẩn các vị sau khi đã phạm phải một tội lỗi hay một sự nhầm lẫn! Đó là vì có những nữ thần Cầu khẩn, con gái của thần Dớt vĩ đại. Chân thọt, da nhăn nheo, mắt thì lác cả hai, các nữ thần này chạy hối hả nối gót theo nữ thần Lầm lẫn. Nữ thần Lầm lẫn người to khỏe, chân dẻo, chạy hết sức nhanh đến khắp mọi nơi và là vị thần đầu tiên đi khắp mọi nơi trên trái đất để gây ra những điều bất hạnh cho loài người. Nhưng nữ thần Cầu khẩn, chạy

theo sau nữ thần Lãm lãn cố gắng sửa chữa cái tai hoạ đó. Đối với ai biết kính trọng những người con gái của Dót, khi các nàng đến với anh ta, thì các nàng tận tình cứu giúp, chấp nhận những lời cầu xin. Còn đối với kẻ khước từ sự giúp đỡ của các nàng, lại thô bạo xua đuổi các nàng đi thì các nàng sẽ đến xin với Dót, người con của Crô-nốt, cho nữ thần Lãm lãn theo sát bước đi của hắn, để hắn phải chịu khổ đau và đền tội kiêu căng của mình. Thôi đi, A-khin con hỡi! đến lượt con chấp nhận cho những người con gái của Dót cái vinh dự đã theo đuổi các nàng và biết uốn nắn ý chí của các vị anh hùng khác..." (Iliade, IX, 496 - 514).

Có những kinh nghiệm, những châm ngôn phản ánh sự hiểu biết lệch lạc, duy tâm, thần bí về thế giới và đời sống nhưng cũng có những kinh nghiệm và những câu châm ngôn phản ánh sự hiểu biết thực tiễn, đầu óc thực dụng của nhân dân:... "ngày mà cuộc sống ra đi khỏi hàng rào của rừng người thì chẳng bao giờ nó để cho cướp lại được, giữ lại được"... hoặc... "các vị vua được Dót nuôi nấng nổi trận lôi đình thì ghê gớm lắm"... hoặc... "quyền chỉ huy thuộc nhiều người là không tốt...". Đáng chú ý và cũng đáng khâm phục là những kinh nghiệm, những câu châm ngôn thể hiện những quan niệm đạo đức, những tình cảm cao thượng đẹp đẽ của con người:... "Của bố thì nhỏ mọn, nhưng niềm vui lại lớn"... hoặc... "Không gì ấm cúng hơn nơi quê cha đất tổ với họ hàng thân thiết" hoặc... "Trong những tình cảm giữa vợ và chồng thật chẳng có gì tốt hơn, chẳng có gì quý hơn, sự hoà hợp..." "... Phải là

người chiến sĩ dũng cảm hơn hết, vượt lên mọi người để khỏi ô danh dòng dõi tổ tiên vốn bao giờ cũng là những người dũng cảm nhất..." v.v...

Phản ánh được vấn đề chủ yếu nhất, bản chất nhất của thời đại lịch sử, khẳng định lý tưởng và khát vọng của nhân dân, thể hiện những sinh hoạt, phong tục tập quán, quan niệm tôn giáo, đạo đức của nhân dân v.v... những tác phẩm của Hô-me-rơ cũng đồng thời phản ánh cả những mâu thuẫn gắn liền với thời đại, với giai đoạn lịch sử đó. Trong khi phản ánh những mâu thuẫn cơ sở tư tưởng, chuẩn mực tư tưởng được dùng để đánh giá sự kiện, hiện thực là tư tưởng nhân đạo, là tấm lòng yêu quý con người và cuộc sống của nhân dân. Chính vì thế cho nên Bi-ê-lin-xki đã nói, điều làm cho chúng ta đặc biệt kinh ngạc là cái thế giới quan cổ Hy-lạp - cái thế giới quan, như trên chúng ta đã thấy, khẳng định cuộc sống và vai trò của con người. Nếu như trong tác phẩm, chủ yếu ở bản trường ca "I-li-át" đôi khi chúng ta cảm thấy thoáng có một âm điệu bi đát, thể lương về những tổn thất của con người trong cuộc chiến tranh, về số phận ngắn ngủi của đời người thì tất cả những cái đó - cái nhìn có tính chất định mệnh chủ nghĩa - chỉ để khẳng định một điều tất yếu thứ hai là con người phải chiến đấu để lập được chiến công, để giành được vinh quang, để xứng đáng với danh hiệu người chiến sĩ. A-khin đã từng biết rõ số phận ngắn ngủi của đời mình nhưng

chàng không vì thế mà quên mất nghĩa vụ trả thù cho bạn. Còn đây một dẫn chứng nữa, lời dũng tướng Xác-pê-đông nói với bạn là Glô-cốt:

"Này hỡi, bạn hiền ơi! Nếu trốn thoát khỏi cuộc chiến tranh này và chúng ta sống được vĩnh viễn chẳng biết đến tuổi già, chẳng biết đến cái chết, thì chắc chắn rằng không phải ta là người chiến đấu ở hàng đầu và cũng chẳng phải ta là người cử bạn ra chiến trường, nơi mà con người giành được vinh quang. Nhưng hiển nhiên giờ đây các nữ thần của cái chết đã chờ sẵn, chẳng bấy, đông vô kể đến nỗi không một người trần thế nào có thể chạy trốn được, thoát được. Vậy thì, nào, hãy tiến lên để xem xem chúng ta có trao vinh quang cho người khác không, hay một kẻ nào đó sẽ trao vinh quang cho chúng ta?...". (Iliade, XII, 323 - 329).

Chính vì những lẽ đó mà trường ca của Hô-me-rơ được lưu truyền phổ biến trong nhân dân Hy-lạp. Theo truyền thuyết Li-quyết-gơ, nhà cầm quyền ở đất La-kê-đê-môn là người đã sưu tầm được thơ ca của Hô-me-rơ ở đảo Xa-mốt và đưa về phổ biến ở Xpác-tơ Hy-lạp⁽¹⁾ còn Xô-lông là người đưa thơ ca của Hô-me-rơ vào A-te-nơ. Ông quy định trong những ngày lễ Pa-na-tê-nê những nghệ nhân ráp-xô-đơ phải tổ chức

(1) Lycurgue, nhân vật truyền thuyết được coi là người lập pháp đầu tiên của đất Xpác-tơ, sống vào quãng thế kỷ IX trước công nguyên.

biểu diễn thơ ca của Hô-me-rơ từ đầu cho đến cuối, người này dừng lại ở đoạn nào thì người khác đọc tiếp theo⁽¹⁾. Tiếp Pi-dit-tơ-rát⁽²⁾ và con là Híp-pác-cơ đổi mới lại đạo luật đó, quy định các nghệ nhân ráp-xô-đơ phải thi đọc một mạch thơ ca của Hô-me-rơ. Khi nhà nước dân chủ nô lệ hình thành, thơ ca của Hô-me-rơ được đưa vào dạy ở các trường học. Học sinh từ nhỏ đến lớn đều phải học thuộc lòng trường ca của Hô-me-rơ (từng đoạn). Theo nhà sử học Xê-nô-phông⁽³⁾ khá nhiều người thuộc lòng cả hai bản trường ca. Ảnh hưởng của Hô-me-rơ lan rộng khắp toàn thế giới Hy-lạp đến nỗi Pla-tông nhà triết học duy tâm vốn không thừa nhận vai trò của văn học nghệ thuật đối với đời sống xã hội cũng phải khẳng định trong tác phẩm "*Nước Cộng hoà*" (République) của mình: "*Hô-me-rơ là người thầy giáo của đất nước Hy-lạp*" (IX, 7).

Tác phẩm của Hô-me-rơ được truyền bá vào Ba-tư

(1) Solon, (640 - 558 trước công nguyên), một trong bảy nhà thông thái của đất A-te-nơ vào quãng thế kỷ thứ VII, nhà cầm quyền ở A-te-nơ đã có những cải cách nhằm hạn chế việc làm giàu của lớp quý tộc ruộng đất, như xoá nợ, cấm dùng thủ đoạn cho vay nợ để biến công dân tự do thành nô lệ, phân chia đẳng cấp trong công dân theo tài sản v.v...

(2) Pisistratê, một tiềm vương ở A-te-nơ (quãng 600 - 527 trước công nguyên).

(3) Xê-nô-phôn, nhà triết học, nhà sử học và một vị tướng của A-te-nơ (427 - sau 355 trước công nguyên).

trong thời kỳ chiến tranh Hy-lạp - Ba-tư (500 - 449)⁽¹⁾ (guerre médiques) và vào Ai-cập trong quãng những năm 400 trước công nguyên. Trong thời đại Hy-lạp hoá, Hô-me-rơ được tôn thờ như một vị thần. Tướng A-lếch-dăng-đrô⁽²⁾ là người rất say mê thi ca Hô-me-rơ. Truyền thuyết kể lại ông là người đã ra lệnh xây đền thờ Hô-me-rơ. Đã có bảy đến mười một thành phố tranh nhau cái vinh dự được là quê hương của Hô-me-rơ⁽³⁾.

Đối với thế giới Hy-lạp cổ đại, Hô-me-rơ và những bản trường ca của ông là tượng trưng cho sức sống của dân tộc Hy-lạp, sự thống nhất của dân tộc Hy-lạp, là ngọn nguồn của trí thức, là nghệ thuật của mọi nghệ thuật, là đạo đức của mọi đạo đức. Nhà viết bi kịch, nhà viết hài kịch, nhà thơ trữ tình, nhà hùng biện đều có thể tìm thấy trong anh hùng ca của Hô-me-rơ những chất liệu và những bài học cho nghệ thuật của mình, bởi vì trong anh hùng ca của Hô-me-rơ đều có chứa đựng những cái bi, cái hài, cái cao cả, cái anh hùng, cái thấp hèn, cái xấu xa, tính trữ tình, tính hùng hồn, những xung đột có kịch tính giữa các tính

(1) Trong phần viết về Et-khin ở cuốn Lịch sử Văn học phương Tây và Lời giới thiệu ở Tuyển tập Bi kịch cổ đại (Nhà xuất bản giáo dục 1963) ghi chiến tranh Hy-lạp - Ba-tư (500 - 441 trước công nguyên).

(2) Alexandre le Grand, nhà quân sự nổi tiếng thời cổ đại, vua nước Ma-kê-đoan, người đã xây dựng lên một đế quốc rộng lớn trong thời cổ đại (356 - 323 trước công nguyên).

(3) Những thành phố đó là: Xmiéc-nơ, Ki-ốt, Cô-lô-phông, Pi-lốt, Ác-gốt, I-ta-cơ, A-te-nơ, Rô-đô-xơ, Xa-la-min, I-ốt, Ki-ma.

cách và trong tâm hồn. Nhà viết bi kịch Êt-khin, cha đẻ của bi kịch Hy-lạp, theo những người cổ đại thuật lại, đã gọi những tác phẩm của mình là "... *những miếng thức ăn thừa, vụn vặt từ bữa tiệc linh đình của Hô-me-rơ...*"⁽¹⁾ Còn Đi-ông Cri-dốt-tô-mơ, một nhà hùng biện Hy-lạp sống vào thế kỷ thứ I sau công nguyên đã đánh giá Hô-me-rơ và sự nghiệp của ông như sau: "... *Hô-me-rơ là mở đầu, là quãng giữa và là kết thúc cho tất cả trẻ em, người lớn, người già; bởi vì qua nội dung thơ ca của mình ông đã cung cấp cho mỗi người thức ăn mà họ cần phải có...*"⁽²⁾.

Giá trị phổ biến và lâu dài của thơ ca Hô-me-rơ ngày nay đối với chúng ta không phải là một điều gì khó hiểu, thần bí, không thể giải thích được. Nhân dân bao giờ cũng là một sức mạnh vô địch. Nhân dân là bất tử. Những tác phẩm sống trong lòng nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, nói lên ước mơ và khát vọng của nhân dân, giúp cho nhân dân thấy được sức mạnh của mình và cái đẹp, cái cao quý của cuộc sống trong một chặng đường lịch sử; những tác phẩm ấy cũng sẽ bất tử như nhân dân.

(1) "*Bữa tiệc của nhà hùng biện*" (VIII, 39) - tác phẩm của nhà văn Hy-lạp A-tê-nê (Athénée) sống vào thế kỷ thứ III sau công nguyên.

(2) "*Diễn văn*" (XVIII, 8) - tác phẩm của Dion Chrysostome nhà hùng biện Hy-lạp, người được gọi là "Cái miệng vàng" (30 - 117 sau công nguyên).

VẤN ĐỀ HÔ-ME-RƠ

Vấn đề Hô-me-rơ trong văn học là vấn đề nguồn gốc những tác phẩm của Hô-me-rơ, là vấn đề tác giả của những tác phẩm đó, thời gian sáng tác của những tác phẩm đó. Vấn đề Hô-me-rơ nảy sinh trong lịch sử văn học đã hàng thế kỷ nay, nhiều cuộc tranh luận kéo dài thu hút ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều nhà văn có tên tuổi trên thế giới nhưng cho đến nay vẫn chưa giải quyết được hoàn toàn và triệt để.

Vấn đề Hô-me-rơ trong thời cổ đại - Như trên đã giới thiệu, những bản trường ca của Hô-me-rơ đã được lưu truyền rất sớm ở Hy-lạp, trong giai đoạn nước Hy-lạp đang chuyển từ chế độ công xã thị tộc sang xã hội chiếm hữu nô lệ. Theo truyền thuyết, Li-quyéc-gơ đã đưa những bản trường ca của Hô-me-rơ vào Xpác-tơ trong thế kỷ thứ IX trước công nguyên, Xô-lông đưa vào A-te-nơ thế kỷ thứ VII và đầu thế kỷ thứ VI trước công nguyên các nghệ sĩ ráp-xô-đơ đã biểu diễn trong ngày lễ Pa-na-tê-nê. Vào quãng nửa sau thế kỷ thứ VI trước công nguyên, Pi-dít-tơ-rát, một tiếm vương ở A-te-nơ đã thành lập một "ban thư ký" gồm 40 người để ghi chép lại tác phẩm của Hô-me-rơ. Như vậy là

từ nửa sau thế kỷ thứ VI, tác phẩm của Hô-me-rơ đã được ghi thành văn bản. Tuy nhiên với trình độ "sưu tầm", "nghiên cứu" của những người thuộc thế kỷ đó tất nhiên không thể chú ý được đến tính phức tạp vốn có của sáng tác dân gian, truyền miệng. Chắc chắn rằng nhiều sáng tác dân gian có những nguồn gốc khác nhau, nhưng trong quá trình lưu truyền vô hình trung chúng được mang tên là của Hô-me-rơ, đã được "ban thư ký" ghi chép lại hết. Thời cổ đại để lại cho chúng ta chín bản tiểu sử của Hô-me-rơ, nhưng những bản tiểu sử đó mang nhiều tính chất truyền thuyết, cổ tích hơn là sự thật. Thật khó mà có thể rút ra được những kết luận khoa học từ những bản tiểu sử đó.

Về nơi sinh của nhà thơ, những bản tiểu sử nói trên cũng đưa ra những địa điểm khác nhau, tuy nhiên đa số những nơi đó đều thuộc đất I-ô-ni. Về thời gian nhà thơ sống và sáng tác, ý kiến cũng không thống nhất. Những nhà văn Hy-lạp kể thì cho Hô-me-rơ sống vào quãng thế kỷ thứ XII trước công nguyên, người thì thế kỷ thứ IX, thứ VIII, có người lại còn cho Hô-me-rơ sống vào quãng thế kỷ thứ VI trước công nguyên!

Trong thời kỳ Hy-lạp hoá, vấn đề Hô-me-rơ mới thực sự trở thành vấn đề của những nhà khoa học, nghĩa là nó được đối xử, được nghiên cứu như là một khoa học. Lúc này thành phố A-lếch-dăng-đri

(Ai-cáp)⁽¹⁾ đã trở thành một trung tâm văn hoá, khoa học của thế giới Hy-lạp. Thư viện của thành phố đã sưu tầm được rất nhiều văn bản của các nhà văn, nhà triết học. Khoa Ngữ - văn học đã có một trình độ phát triển khá cao. Trên cơ sở đó người ta bắt đầu nghiên cứu toàn diện những tác phẩm của Hô-me-rơ. Rất nhiều nhà bác học say mê lao vào công cuộc nghiên cứu này, trong số đó chúng ta phải kể đến ba nhà bác học đã có cống hiến lớn: Dê-nô-đô-tơ (quãng 325 - 260 trước công nguyên), A-ri-xtô-phan thành Bi-dăng-xơ (quãng 257 - 180 trước công nguyên), A-ri-xta-cơ (quãng 217 - 145 trước công nguyên). Những nhà bác học nói trên đã nghiên cứu những tác phẩm của Hô-me-rơ, san định văn bản, khảo dị, hiệu đính và dựng lại một văn bản hoàn chỉnh. Để tiện cho việc bảo quản, nhà nghiên cứu Dê-nô-đô-tơ đã chia mỗi bản trường ca của Hô-me-rơ ra làm 24 khúc ca, lúc đầu xếp thứ tự theo vần chữ cái Hy-lạp, sau sửa lại xếp theo thứ tự chữ số La-mã. A-ri-xtác là nhà nghiên cứu đặc biệt xuất sắc. Ông đã khảo sát văn bản của hai bản trường ca một cách hết sức cẩn thận, chú ý đến

(1) A-léc-dăng-đri được A-léc-dăng-đrơ đại đế thành lập, xây dựng vào năm 331 trước công nguyên. Đây là một thành phố cảng rất lớn của thế giới Hy-lạp hồi đó, đồng thời còn là trung tâm kinh tế, văn hoá thu hút rất nhiều nhà tri thức. A-lếch-dăng-đri nổi tiếng vì có ngọn đèn biển bằng đá cao hơn 100 mét và một thư viện rất phong phú có tới 20 vạn cuốn sách.

những câu thơ bị thiếu, đáng nghi vấn v.v... dựng lại được một văn bản hoàn thiện hơn những văn bản của những người trước. Văn bản của A-ri-xtác hiện nay vẫn được khoa Ngữ văn cổ Hy-lạp dùng làm cơ sở để nghiên cứu và dựng lại văn bản "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xê*". Cống hiến của ông đã được người đương thời đánh giá cao. Tên ông, cái tên A-ri-xtác trở thành đồng nghĩa với tác phong nghiên cứu cần cù, tỉ mỉ, thận trọng. "*Tác phong A-ri-xtác*", "*lối nghiên cứu A-ri-xtác*" v.v... là biểu tượng của một tấm gương sáng chói về nghị lực, về tinh thần nghiêm túc cho những nhà ngữ - văn học. Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX nhờ vào những thành tựu của khoa khảo cổ học, chúng ta đã có được gần 200 bản "*I-li-át*" viết trên giấy vỏ cây (pa-pi-ruýt) và chừng 70 bản "*Ô-đi-xê*" (tìm được ở Ai-cập). Những văn bản này cho chúng ta một khái niệm sơ lược về những dị bản của hai bản trường ca ở vào thời kỳ trước A-ri-xtác.

Các nhà bác học thời A-lếch-dăng-đri phần lớn đều cho rằng Hô-me-rơ là tác giả của hai bản trường ca "*I-li-át*" và "*Ô-đi-xê*" và chỉ là tác giả của hai bản trường ca này thôi. (A-ri-xtốt cho Hô-me-rơ còn là tác giả của bản trường ca "*Mac-ghi-tơ*" - *Nghệ thuật sáng tác*, VIII, 23). Một số nhỏ các nhà bác học trong khi nghiên cứu đã chú ý đến những điểm khác nhau cơ bản giữa hai bản trường ca, kết luận, hai bản trường ca không thể là do một tác giả sáng tác. Những nhà

ngiên cứu này được gọi tên là phái "Co-ri-dông-tơ" - có nghĩa là "phân chia". A-ri-xtác đã bác bỏ quan điểm trên, ông cho rằng "I-li-át" có lẽ Hô-me-rơ sáng tác thời còn trẻ, và "Ô-đi-xê" khi già. Ý kiến của A-ri-xtác được những người đương thời thừa nhận.

Những công trình nghiên cứu của các nhà bác học A-léch-dăng-đri phần lớn đều bị mai một. Chúng ta được biết là nhờ vào những scô-li (scholie) tức là những bản viết tay nội dung ghi lại những lời bình luận, những điều chú giải, khảo dị về tác phẩm của Hô-me-rơ từ một thời kỳ muộn hơn, thời kỳ của nền văn học Hy-lạp Bi-dăng-tanh. Trong số những scô-li lưu giữ được thì phần lớn là những scô-li của nhà nghiên cứu O-ta-thơ (Eustathe) sống vào thế kỷ XII sau công nguyên. Tuy nhiên scô-li có giá trị đặc biệt quan trọng là bản thảo Vơ-ni-dơ (Codex Vénétus) do nhà Hy-lạp học người Pháp Vin-loa-dông (Viloi-son 1753 - 1805) phát hiện ra vào năm 1788. Bản thảo Vơ-ni-dơ thuộc vào thế kỷ thứ X là một công trình nghiên cứu tổng hợp, tóm tắt những công việc phê bình, chú giải tác phẩm của Hô-me-rơ của nhiều nhà nghiên cứu từ thời kỳ A-léch-dăng-đri cho đến thời kỳ văn học La-mã dưới triều đại An-tô-nanh vào thế kỷ thứ I sau công nguyên. Nhờ vào những scô-li, chúng ta biết được việc nghiên cứu, chú giải (tác phẩm của Hô-me-rơ thời kỳ trước nền văn học A-léch-dăng-đri. Bản thảo Vơ-ni-dơ và những kết quả nghiên cứu của

Vin-loa-dông đã mở ra một hướng mới trong việc nghiên cứu tác phẩm Hô-me-rơ sau này.

Như vậy nhìn chung vấn đề Hô-me-rơ dường như không đặt ra đối với thời cổ đại. Hô-me-rơ là ai, ông ta sống vào thời gian nào, ông ta viết những gì, nói chung những người cổ đại không biết gì hết và họ cũng không quan tâm đến vấn đề đó nhiều lắm. Đối với những người cổ đại, Hô-me-rơ là một nhà thơ lớn, một ông già mù đã được thần thánh ban cho tài năng ca hát, ông đã đi khắp đó đây, sưu tầm và biểu diễn hai bản sử thi "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" cũng như nhiều tác phẩm sử thi khác. Nhưng như thế không phải là hình ảnh riêng của một nhà thơ Hy-lạp mà là hình ảnh chung về nhà thơ dân gian mà ta thấy có ở nhiều dân tộc.

Vấn đề Hô-me-rơ trong những thế kỷ sau - Người đầu tiên đặt lại vấn đề Hô-me-rơ là Ph-răng-xoa Đô-bi-nhắc (Francois d'Aubignac, 1604 - 1676) một giáo sĩ người Pháp. Năm 1664 ông viết một công trình nghiên cứu tên là "*Bàn về 'I-li-át'*", tác phẩm này mãi đến năm 1715 mới được xuất bản, đặt lại vấn đề tác giả của bản trường ca. Theo ông thì *"... hoàn toàn không có một người thật nào để ta phải công nhận là tác giả của những tác phẩm thơ ca đó, mà chỉ có những nhà thơ khác nhau sáng tác ra những tác phẩm thơ ca đó..."*. Hô-me-rơ không phải là một tác giả, với tư cách là một cá nhân, mà là một cái tên chung chỉ

"người mù" (Hô-me-rơ = người mù). "*I-li-át*" của Hô-me-rơ là "*sự tập hợp những bài ca của những người mù*". Vì lẽ đó cho nên, theo Đô-bi-nhắc, kết cấu của tác phẩm không chặt chẽ, thống nhất, không theo một quy tắc nào cả.

Nhà nghiên cứu người I-ta-li-a, Giăng Báp-ti-xơ Vi-cô (Jean Baptiste Vico, 1668 - 1744) tác giả cuốn sách nổi tiếng "*Khoa học mới*" (cuốn sách này được Mác đánh giá cao) là người đồng tình với quan điểm của Đô-bi-nhắc.

Trong chương III của cuốn sách, ông trình bày những ý kiến nói trên trong hệ thống quan điểm của ông về sự tiến triển của xã hội loài người và sự phát triển của sáng tác dân gian. Ông cho rằng: "*... Đó là tác phẩm của nhiều thế hệ gom góp lại...*"

Cuối thế kỷ XVIII trong không khí sôi động của cuộc cách mạng Pháp, vấn đề Hô-me-rơ được đặt trong phạm trù sáng tác dân gian. Ở Pháp Giăng Giắc Rút-sô là người đề cao sáng tác dân gian hết mức, Rút-xô đã lý tưởng hoá xã hội nguyên thủy và nghệ thuật dân gian của xã hội đó. Theo ông, nghệ thuật của xã hội này lành mạnh, có tác dụng tích cực đối với việc giáo dục con người và xã hội. Ở Đức, nhà thơ và nhà nghiên cứu Héc-đe (Jean Gottfried de Herder, 1744 - 1803) đã nghiên cứu khá công phu về những bài ca dân gian của nhiều dân tộc ở châu Âu, châu Á và châu Phi trong tác phẩm "*Tiếng nói của các dân*

tộc". Ông cũng là người nêu ra quan điểm lý luận về "tính chất tự phát của sáng tác dân gian" (involontaire, spontanéité) mà ngày nay chúng ta gọi là ứng tác.

Năm 1788, nhờ vào việc phát hiện ra bản thảo Vơ-ni-dơ (Codex Vénétus) các nhà nghiên cứu mới biết được những thành tựu nghiên cứu về Hô-me-rơ trong thời cổ đại. Điều này đã chuẩn bị cho việc nghiên cứu lại toàn bộ vấn đề Hô-me-rơ.

Người châm ngòi cho những cuộc tranh luận về vấn đề Hô-me-rơ sẽ diễn ra trong thế kỷ XIX là nhà ngữ văn học người Đức Phê-đê-rích Ô-guy-xơ Vôn-ph (Frédérich Auguste Wolf, 1759 - 1824). Công trình nghiên cứu của ông "Để tìm hiểu Hô-me-rơ" (Prolegomena ad Homerum) là phần "Lời nói đầu" viết cho tác phẩm của Hô-me-rơ được dựng lại bằng nguyên văn tiếng Hy-lạp, xuất bản năm 1795. Xuất phát từ tình trạng có rất nhiều di bản về tác phẩm của Hô-me-rơ, Vôn-ph kết luận rằng, trong thời cổ đại không có một văn bản thống nhất, do đó trường ca của Hô-me-rơ chỉ là sự kết hợp khiên cưỡng những bài ca nhỏ của những tác giả khác nhau, ở vào những thời kỳ khác nhau. Quan điểm của Vôn-ph cũng như quan điểm của Đô-bi-nhắc cho rằng, tính thống nhất trong tác phẩm của Hô-me-rơ chỉ là sự chỉnh lý của những người sau này. Tuy nhiên Vôn-ph có nhấn thêm là những bài ca của Hô-me-rơ giữ một vị trí cơ bản, nòng cốt trong khối những bài ca nhỏ khác được kết hợp

vào. Tóm lại, tác phẩm của Hô-me-rơ là sáng tác của nhiều người lắp ghép vào. Lập luận của Vôn-ph dựa trên những điều sau đây:

- So sánh với sự phát triển văn tự của người Hy-lạp sau này thì văn tự ở hai bản trường ca là thuộc vào thế kỷ VII - VI trước công nguyên.

- Tài liệu của thời cổ đại để lại cho biết hai bản trường ca của Hô-me-rơ chỉ được ghi lại dưới thời Pi-dít-tơ-rát (thế kỷ VI trước công nguyên).

- Nội dung của hai bản trường ca chứa đựng nhiều mâu thuẫn, kết cấu không chặt chẽ, thống nhất.

- Không thể sáng tạo được một tác phẩm lớn như tác phẩm của Hô-me-rơ mà lại không sử dụng văn tự. Trong thời đại Hô-me-rơ, thường thường người ta chỉ sáng tác và biểu diễn những bài ca ngắn, độc lập, riêng biệt.

Gần gũi với quan điểm của Vôn-ph là quan điểm của nhà nghiên cứu người Đức, Lác-man (Charles Lachman, 1793 - 1851). Ông cho trường ca của Hô-me-rơ là sự lắp ghép những bài ca nhỏ, độc lập, riêng biệt lại với nhau. Ông chia "*I-li-át*" ra làm 18 bài ca nhỏ, rời rạc và cho rằng như thế là đúng với tính chất của những truyền thuyết dân gian. Những truyền thuyết này vốn có một cốt truyện chung, một đề tài cố định, các nghệ nhân dân gian trong khi biểu diễn có thể muốn bắt đầu từ đâu và kết thúc ở chỗ

nào cũng được. Người ta gọi lý thuyết của Lác-man là "Lý thuyết những bài ca nhỏ" (1837).

Tác phẩm của Vôn-ph đã gây lên một làn sóng tranh luận dữ dội trên văn đàn. Ở đây cuộc chiến đấu trên mặt trận lý luận đã diễn ra những trận giao đấu ác liệt không kém những trận giao đấu dưới chân thành Tơ-roa. Và nhiều quan điểm lý luận cũng đã trải qua một cuộc hành trình phiêu bạt, không biết đâu là bờ là bến như hành trình phiêu bạt của Uy-li-xơ!

Các nhà văn, nhà thơ, các nhà bác học chia thành hai phái. Một phái mang tên là phái "thống nhất" (unitarisme) nghĩa là phái của những người chủ trương tác phẩm của Hô-me-rơ là một khối thống nhất do một người sáng tác. Một phái mang tên là phái "phân tách" (analytisme hoặc séparatisme) nghĩa là phái của những người chủ trương phân tách tác phẩm của Hô-me-rơ thành những đơn vị riêng biệt do nhiều tác giả sáng tác. Nhà triết học duy tâm cổ điển Đức Phi-stơ (Johann Gottlieb Fichte, 1762 - 1814), nhà ngữ - văn học Humbôn (Charles Guillaume baron de Humboldt, 1767 - 1835), nhà thơ và nhà nghiên cứu Sơ-lê-ghen (Frédérich Schélegel, 1772 - 1829) là những người hoàn toàn tán thành quan điểm của Vôn-ph. Sơ-lê-ghen trong khi phát triển lý luận của Héc-đe và Vôn-ph đã kết luận: "... *Anh hùng ca của Hô-me-rơ không phải là tác phẩm được (một người) thai nghén và sáng tác. Nó ra đời và lớn lên một cách tự nhiên...*

Ngược lại, nhà viết kịch Si-le (Frédérich Schiller, 1759 - 1805) và Phô-sơ, người dịch trường ca của Hô-me-rơ (1751 - 1826) chống lại kịch liệt. Tiếp đó nhà văn hào Gơ-tơ và nhà triết học Hê-ghe-n cũng lên tiếng phản đối.

Trong số những người chống lại phái "Phân tách" thì nhà nghiên cứu Ni-chơ (G.V. Nitzsch, 1790 - 1861) là người đã bác bỏ những luận điểm của Vôn-ph với đầy sức thuyết phục. Nhìn chung, về cơ bản, lý luận của ông không có điều gì mới nhưng nó được hệ thống hoá chặt chẽ và xây dựng với những chứng cứ khoa học. Trong công trình nghiên cứu mang tên là "*Khảo luận về lịch sử của Hô-me-rơ và đặc biệt về các văn bản của bản trường ca*" xuất bản những năm 1830 - 1837 và tiếp là tác phẩm "*Thơ ca của những truyền thuyết của người Hy-lạp*" (1852) và "*Những bài tiểu luận về lịch sử sử thi của người Hy-lạp*" (1862) và v.v... Ni-chơ đã đập tan cơ sở lý luận của Vôn-ph. Ông chứng minh:

- Văn tự ở Hy-lạp ra đời sớm hơn thế kỷ VII là thời gian Vôn-ph nêu ra. Những di vật của những cuộc khai quật khảo cổ học cho chúng ta những bằng chứng rõ ràng về điều đó.

- Cái dữ kiện Pi-dít-tơ-rát cho lập một "ban thư ký" để ghi lại trường ca của Hô-me-rơ vào thế kỷ thứ VI không có giá trị lịch sử và khoa học. Đó chỉ là truyền

thuyết, một sự phỏng đoán của các nhà trí thức Hy-lạp thời cổ đại.

- Quan trọng hơn, Ni-chơ đã chứng minh, những nghệ nhân dân gian không cần văn tự vẫn sáng tác được, và chẳng những sáng tác được mà còn sáng tác được những tác phẩm lớn. Nhà thơ trung thế kỷ người Đức Vôn-ph-ram đ'Et-sen-bác (Wolfram d'Eschenbach, 1170 - 1220) đã sáng tác bản anh hùng ca kỳ sĩ "*Pác-di-van*" (Parzival) dài tới 24.000 câu thơ là - như lời nhà thơ thú nhận - một người mù chữ.

- Những mâu thuẫn ở chỗ này, chỗ khác trong tác phẩm của Hô-me-rơ không phải là một chuyện lạ, không có gì đáng ngạc nhiên cả. Nó chỉ là những chi tiết, không giữ một vai trò quan trọng gì đối với cái toàn cục thống nhất của cốt truyện. Chẳng riêng gì Hô-me-rơ mới lâm lẩn trong tác phẩm, các nhà văn lớn ở những thế kỷ sau này cũng nhiều khi "ngủ gật" như Hô-me-rơ. Chúng ta có thể tìm thấy những thiếu sót, lâm lẩn ở chi tiết này, nhân vật khác trong "*Ê-nê-i-đơ*" của Viéc-gi-lơ, "*Phao-xơ*" của Gơ-tơ, "*Đông Các-lốt*" của Si-le... Như vậy việc một tác phẩm có những mâu thuẫn không có nghĩa là tác phẩm đó - trường ca của Hô-me-rơ - do nhiều người sáng tác. Ni-chơ cho rằng Hô-me-rơ là người đã sưu tầm, sử dụng những bài ca dân gian thời cổ để chỉnh lý lại, tổ chức lại trong một kết cấu nghệ thuật thống nhất.

Những ý kiến của Ni-chơ ngày nay, trong thời đại

chúng ta lại càng được chứng minh rõ ràng hơn nữa. Khoa Folklore - học đã cho chúng ta biết có rất nhiều nghệ nhân dân gian không hề dùng văn tự mà vẫn sáng tác được những tác phẩm dài, lớn như trường ca của Hô-me-rơ.

Ở Nga trong nửa đầu thế kỷ XIX, các nhà văn và nhà nghiên cứu N.I. Gơ-nê-đi-sơ, V.A. Giu-cốp-xki, A.S. Pu-skin, N.V. Gô-gôn, V.G. Biê-lin-xki và... đã là những người phản đối kịch liệt lý thuyết "những bài ca nhỏ".

Sự đối lập quyết liệt giữa phái "Thống nhất" với lý thuyết "những bài ca nhỏ" đã làm nảy sinh ra một lý thuyết mới, lý thuyết "hạt nhân cơ bản" (còn gọi là "hạt nhân đầu tiên"). Người đề xướng ra lý thuyết này là nhà ngữ - văn học người Đức, tên là Héc-man (Gottfried Herman, 1772 - 1848). Năm 1832, ông trình bày quan điểm của mình trong những bài tiểu luận *"Bàn về những đoạn thêm thắt vào trong tác phẩm của Hô-me-rơ"*, tiếp năm 1840 trong *"Bàn về những đoạn lặp lại trong Hô-me-rơ"*. Theo ông thì lúc đầu nhà thơ Hô-me-rơ chỉ sáng tác hai tác phẩm sử thi nhỏ mà ông gọi là *"Tiền I-li-át"* và *"Tiền Ô-đi-xê"*, sau này nó mới được mở rộng thêm ra, nhiều nhà thơ đã bổ sung sáng tác của mình vào đó, do đó nó vẫn giữ được sự thống nhất cơ bản của buổi đầu, song từng phần thì có chỗ lạc khỏi kết cấu thống nhất đó, thậm chí mâu thuẫn với kết cấu thống nhất đó. Ông cho

rằng hạt nhân cơ bản của "*I-li-át*" là "*Cơn giận của A-khin*", còn hạt nhân cơ bản của "*Ô-đi-xê*" là "*Hành trình trở về quê hương của Uy-li-xơ*". Tất cả những tình tiết khác chỉ là sự bổ sung, thêm thắt, lấp ghép vào sau này. Thực chất quan điểm của Héc-man là muốn giải quyết cái mâu thuẫn trong tác phẩm của Hô-me-rơ: một mặt nhìn chung về cơ bản kết cấu của những tác phẩm đó là thống nhất, hoàn chỉnh; nhưng mặt khác lại có nhiều đoạn tách khỏi cốt truyện, có nhiều lần lẩn.

Nhà sử học nổi tiếng người Anh, Gióc-giơ Grôt (Goer-ges Crott, 1794 - 1871) là người đã tiếp tục phát triển lý thuyết của Héc-man.

Chưa hết! Nhà nghiên cứu Kiếc-sốp (A. Kirchoff, 1826 - 1918) người Đức lại đưa ra một lý thuyết mới. Ông không thừa nhận quan điểm của phái "Thống nhất" nhưng ông cũng không tán thành lý thuyết "những bài ca nhỏ", đồng thời ông cũng chống lại luôn cả lý thuyết "hạt nhân cơ bản". Theo ông trường ca "*Ô-đi-xê*" là sự "nhuận sắc" lại bốn bản "sử thi nhỏ" riêng biệt, độc lập: một bản về hành trình của Tê-lê-mác, hai bản về hành trình phiêu bạt của Uy-li-xơ; một bản về hành trình trở về quê hương của Uy-li-xơ. "Sử thi nhỏ" là cái khâu trung gian nối liền những bài ca nhỏ với sử thi lớn (trường ca). Người ta gọi lý thuyết của Kiếc-sốp là thuyết "sưu tập" (théorie de compilation) hoặc "lấp ghép" (interpolation) vì theo

ông một bản trường ca là kết quả của sự sưu tập, bổ sung lấp ghép những "sử thi nhỏ" lại.

Vấn đề Hô-me-rơ với tất cả cái ấu trĩ và phức tạp của nó chuyển sang cho thế kỷ XX.

Vấn đề Hô-me-rơ trong thời đại chúng ta - Vấn đề Hô-me-rơ tiếp tục được các nhà nghiên cứu của thế kỷ XX tìm tòi, giải quyết. Lý thuyết của phái "Thống nhất" thu hút được nhiều nhà nghiên cứu thì lý thuyết của phái "Phân tách" cũng kết nạp thêm được nhiều nhà bác học không kém. Đầu thế kỷ XX, phái "Phân tách" có lúc đã giành được ưu thế trên chiến trường lý luận song thắng lợi đó chỉ có tính chất tạm thời và khá ngắn ngủi. Những tài liệu khảo cổ học phát hiện được vào hai chục năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX trên bán đảo Hy-lạp, ở vùng Tơ-roa, ở đảo Cre-tơ và nhiều nơi khác đã như những tia rơn-ghe-ni xuyên rọi vào lý luận, phương pháp của các nhà nghiên cứu thuộc phái "Phân tách" gây ra sự phân hoá trong hàng ngũ phái này. Một số nhà nghiên cứu trong khi tiếp tục tìm tòi nghiên cứu để bảo vệ cho quan điểm của mình cũng đã ít nhiều cảm thấy không thể nghiên cứu vấn đề Hô-me-rơ như cũ, nghĩa là phải thay đổi phương pháp, phải gắn nó với những vấn đề ngôn ngữ học, sử học, dân tộc học, folklore - học thì mới có thể giải quyết được những vấn đề tồn tại.

Trong phương pháp của những nhà nghiên cứu thuộc phái "Phân tách" chúng ta thấy bộc lộ ra tính

chất suy diễn chủ quan, thiếu cơ sở, bằng chứng khoa học. Mỗi người dựng lại, khôi phục lại một cái gọi là "văn bản cổ nhất" và rồi cũng mỗi người theo ý mình cho rằng chỗ này, chỗ khác là lớp sớm nhất, lớp muộn nhất. Trong hàng ngũ những người theo lý thuyết "Hạt nhân cơ bản" cũng xảy ra tình hình như thế. Mỗi người xác định hạt nhân cơ bản theo tiêu chuẩn do mình suy luật, đặt ra, cho nên số "hạt nhân cơ bản" cứ tăng theo với số người, và cái mà người này cho là "hạt nhân cơ bản" thì người khác lại bác bỏ. Kết cục là chẳng ai biết cái gì là "hạt nhân" và cũng chẳng còn cái gì là "cơ bản" nữa! Tình hình này cũng là tình hình của hàng ngũ những người theo lý thuyết "những bài ca nhỏ" và "sử thi nhỏ"⁽¹⁾.

Với sự bổ sung và phát triển của tư liệu, của khoa học, phái "Thống nhất" ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu tán thành, do đó lại ngày càng củng cố và

(1) Vi-la-mô-vits Môn-len-đéc-ph cho phần cơ bản của "*I-li-át*" là toàn bộ truyện (lịch sử) về A-khin nhưng có lẽ những đoạn thuật lại thời thơ ấu của chàng ở trong trường ca bị mất đi, ngoài ra có bổ sung thêm vào truyện Pa-tơ-rô-clơ chết và sự trả thù cho chàng. Còn phần cơ bản của "*Ô-di-xê*" là đoạn kể về đất nước Phê-a-ki. Nhà bác học Pháp M. Croa-dê cho hạt nhân cơ bản của "*I-li-át*" là chuyện các vị vua bất hoà, tranh cãi. E. Bit-tơ thì xác định "*I-li-át*" nguyên thủy chỉ có gần 1.500 câu thơ gồm mấy hồi như: Cuộc cãi nhau của các vị vua - Quân A-kê-en thua trận - Pa-tơ-rô-clơ chết - Nỗi đau khổ của A-khin. Nhà nghiên cứu P. Ma-dông (Pháp) thì cho rằng "*I-li-át*" gồm có 14 bài ca và v.v...

hoàn thiện thêm được lý luận của mình. Vấn đề đặt ra với các nhà lý luận của phái "Thống nhất" là phải giải thích được những mâu thuẫn, những đoạn lạc khỏi cốt truyện và... tất cả những gì mà phái "Phân tách" đã phân tách ra và kết luận trường ca của Hô-me-rơ là của nhiều tác giả.

Trong phái "Thống nhất" bộc lộ ra hai khuynh hướng. Một là khuynh hướng "Thống nhất giản đơn" hay "Thống nhất ngây thơ, ấu trĩ" (unitarisme naïf). Khuynh hướng này không giải thích được tất cả những vấn đề phức tạp của tác phẩm của Hô-me-rơ đặt ra, hay nói một cách khác nó chỉ giải thích giản đơn rằng tác phẩm của Hô-me-rơ là của một tác giả thiên tài. Với trí tưởng tượng kỳ diệu, phóng khoáng nhà thơ đã sáng tạo ra được hai thiên trường ca có cốt truyện thống nhất hoàn chỉnh, có nhân vật chính với tính cách thống nhất. Những thiếu sót này, khác là điều không đáng kể và không tránh khỏi.

Khuynh hướng thứ hai là "Thống nhất phê phán" (unitarisme critique). Khuynh hướng này sử dụng tất cả những thành tựu khoa học của phái "Phân tách" đã đạt được, thừa nhận đó là một vấn đề "gay cấn" song cố gắng giải thích tất cả những cái đó bằng những tài liệu của các ngành khoa học có liên quan, như: ngôn ngữ học, folklore - học, dân tộc học, sử học... Mặc dù hiện nay vấn đề Hô-me-rơ vẫn chưa giải quyết hoàn toàn và triệt để song những sự giải thích của khuynh

hướng "Thống nhất phê phán" tỏ ra có nhiều sức thuyết phục hơn, gần với chân lý hơn. Chính nhờ có sự giải thích của những nhà nghiên cứu thuộc khuynh hướng này mà chúng ta càng thấy không thể nghiên cứu và giải quyết những bản trường ca dân gian cũng như vấn đề tác giả của những bản trường ca ấy thoát ly khỏi đặc điểm dân gian của nó: quan hệ giữa vai trò của cá nhân và tập thể trong sáng tác biểu diễn là rất chặt chẽ, đến nỗi không thể nói đến cá nhân mà không thấy có một tập thể gắn bó với cá nhân đó, cũng như không thể nói đến vai trò của tập thể mà không thấy có một cá nhân biểu hiện cho sức mạnh và tài năng của tập thể đó. Chính những đặc điểm của vai trò và nghệ thuật biểu diễn của nghệ nhân dân gian, những đặc điểm của phong cách kể chuyện sử thi như là những biện pháp kỹ thuật gắn liền với hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ công xã nguyên thủy... đã giải thích cho chúng ta rõ những hiện tượng mâu thuẫn, lạc khỏi chủ đề... trong tác phẩm của Hô-me-rơ. Tuy nhiên trong vấn đề Hô-me-rơ rõ ràng không phải là khuynh hướng "Thống nhất phê phán" hay phái "Phân tách" có thể giải thích được tất cả hay gần như tất cả những gì đặt ra. Bởi vì "trường ca của Hô-me-rơ chứa đựng nhiều điều vay mượn của những nhà thơ tiền bối và những điều vay mượn đó không còn lại với chúng ta trong tình trạng nguyên vẹn của nó, cho nên

mặc dù có phân tách cũng không thể phát hiện ra điều gì chính xác được... (1).

Khuynh hướng "thống nhất giản đơn" gần gũi với khuynh hướng "thống nhất mới" (Néo-unitarisme) tách vấn đề Hô-me-rơ khỏi những đặc điểm cụ thể lịch sử của nó, đề cao "thiên tài", đề cao "sáng tác tự do", "*nhà thơ sáng tác không hề bị chi phối bởi truyền thống sử thi của quá khứ mà hoàn toàn do sự thụ cảm nghệ thuật độc lập, độc đáo của riêng mình*". Phải nói ngay rằng cách giải thích như vậy bộc lộ ra một khuynh hướng quá lộ liễu của chủ nghĩa hình thức, của quan điểm nghệ thuật thuần túy. Ở phương Tây nó là một khuynh hướng tư tưởng tư sản phản động.

Vấn đề còn lại đối với những nhà nghiên cứu theo khuynh hướng "thống nhất phê phán" cũng như đối với các nhà nghiên cứu nói chung là tiếp tục khảo sát để tìm xem trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ phần nào là của người xưa truyền lại, phần nào là của Hô-me-rơ sáng tác, trong hai bản trường ca có thể có những bài ca, những đoạn tách ra độc lập tồn tại trước đó không? .. Đương nhiên để giải quyết được những vấn đề đó một phần lớn phải trông cậy vào sự phát

(1) I.M. Tơ-rôn-ski. "Những vấn đề của anh hùng ca Hô-me-rơ" tr. 71, in trong bản dịch "I-li-át", Viện Hàn Lâm Khoa học Liên-xô, 1935 (tiếng Nga).

hiện của các ngành khoa học liên quan, đặc biệt là khảo cổ học.

Trong những ý kiến về vấn đề Hô-me-rơ, chúng ta nhận thấy, mặc dù thuộc vào thế kỷ trước, ý kiến của Biê-lin-ski đã giải quyết vấn đề đó một cách hết sức sâu sắc và đúng đắn. Theo ông, quan niệm cho tác phẩm của Hô-me-rơ chỉ là sự sưu tập những bài ca của những nghệ nhân dân gian ráp-xô-đơ là hoàn toàn không đúng. Biê-lin-ski đã nhìn thấy trong tác phẩm của Hô-me-rơ có một sự thống nhất khá nổi bật về kết cấu và phong cách nghệ thuật. Ông khẳng định nhà thơ Hy-lạp đã sử dụng những chất liệu sẵn có của truyền thống để xây dựng tác phẩm nghệ thuật của mình. *"Thiên tài nghệ thuật của Hô-me-rơ là một cái lò nung qua đó những tảng quặng thô sơ của truyền thuyết dân gian và thơ ca được nấu chảy ra thành những thỏi vàng nguyên chất..."*⁽¹⁾.

Đó là lời kết luận của nhà lý luận dân chủ - cách mạng Nga và cũng là lời kết luận của nhiều nhà nghiên cứu thuộc khuynh hướng "thống nhất phê phán" hiện nay⁽²⁾.

(1) Biê-lin-ski - Toàn tập - tập VII - tr. 404, 1955 (tiếng Nga) dẫn theo "Lịch sử văn học cổ đại" của Tơ-rôn-ski, tr.52, 1957

(2) Trong những nhà nghiên cứu theo khuynh hướng "thống nhất phê phán" nổi bật lên những tác giả sau đây. Mác-tanh Nin-son, nhà nghiên cứu Thụy Điển, E. Đơ-rê-ru-pơ (Đức). Kiéc-cơ (Anh), Uyt-man (Mỹ).

Về thời gian và địa điểm ra đời tác phẩm của Hô-me-rơ, cũng như vấn đề tác giả, chúng ta chỉ có thể xác định được trong một ý nghĩa hạn chế, tương đối mà thôi. Cơ sở của việc xác định này là những kết quả tổng hợp của các ngành khoa học có liên quan đã soi sáng được nhiều vấn đề của "thời đại anh hùng". Căn cứ vào việc phân tích và đối chiếu di tích của nền văn hoá vật chất được miêu tả trong hai bản trường ca, người ta thấy trong tác phẩm của Hô-me-rơ có những lớp khác nhau. Truyền thống sử thi lưu giữ lại nhiều đặc điểm của thời kỳ Mi-ken như việc các chiến binh được trang bị bằng những vũ khí đồng, khi giao chiến thì đi bộ hoặc đi xe... - nghĩa là những đặc điểm của thế kỷ XII trước công nguyên - trong khi đó vẫn nói đến sắt, vũ khí sắt⁽¹⁾ hoặc so sánh "*trái tim bằng sắt*", còn những cách ăn mặc của các nhân vật theo kiểu phương Đông là những đặc điểm của một thời kỳ muộn hơn sau này, chỉ du nhập vào vùng Tiểu Á và bán đảo Hy-lạp vào quãng thế kỷ IX - VIII trước công nguyên. Ngoài ra, chúng ta còn thấy nhiều chi tiết về phong tục tập quán, về đồ dùng thuộc vào thế kỷ IX - VIII trước công nguyên. Các nhà nghiên cứu xác định

(1) Trong "*I-li-át*" có hai lần vũ khí sắt được miêu tả với một giọng ca ngợi đặc biệt. Đó là đoạn miêu tả cây cung với mũi tên sắt nhọn do Păng-da-rơ bắn, vì phạm định ước đấu tay đôi (IV, 123) và đoạn miêu tả cây chùy sắt của A-rê-i-thô-xơ (VII, 141).

thời gian ra đời của hai bản trường ca của Hô-me-rơ là vào quãng thế kỷ IX - VIII trước công nguyên⁽¹⁾. Người ta cũng đồng thời xác định được một cách khoa học "Ô-di-xê" ra đời sau "I-li-át"⁽²⁾ và dựa vào những công trình khảo sát tỉ mỉ về ngôn ngữ - lịch sử, người ta đã có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng nơi, địa điểm ra đời của hai bản trường ca của Hô-me-rơ là vùng I-ô-ni (ven biển Tiểu Á).

(1) Ý kiến của các nhà nghiên cứu chưa thống nhất: Rát-si-gơ IX - VIII, Mác Êt-giê (Pháp) - IX - VIII, Pa-lôn-xkai-a, Bu-rô-khô-vits VIII, Tơ-rôn-ski VIII - VII, Lô-xép VIII - VII - VI và...

(2) Một trong những bằng chứng được các nhà nghiên cứu khảo sát cho ta thấy trong "Ô-di-xê" số những từ trừu tượng nhiều gấp đôi "I-li-át". Trong "I-li-át" có tới 218 đoạn so sánh mở rộng, "Ô-di-xê" chỉ có 53 - "I-li-át" 342 đoạn so sánh ngắn, "Ô-di-xê" 29. Sự khác nhau giữa số lượng những so sánh đương nhiên là do nội dung của tác phẩm quy định song cũng đồng thời là sự thể hiện, sự phản ánh một trình độ tư duy nhất định.

HÔ-ME-RƠ QUA CÁC THỜI ĐẠI

Trong lịch sử văn học thế giới, Hô-me-rơ là một trong những nhà thơ có một vị trí khá đặc biệt. Tác phẩm của ông có một sức sống mạnh mẽ, lâu dài hơn bất cứ một tác phẩm nào ra đời trong thời cổ đại. Cho đến nay gần ba nghìn năm đã trôi qua nhưng Hô-me-rơ vẫn chưa bị thời gian ném vào quên lãng, xoá khỏi ký ức của nhân loại. Hô-me-rơ vẫn chưa "cổ", chưa "cũ" như thời đại của ông.

Trong thời cổ đại như đã giới thiệu ở trên, Hô-me-rơ là nhà thơ được nhân dân Hy-lạp yêu mến, tôn sùng hơn hết. Tác phẩm của ông được biểu diễn trong những ngày hội lễ, là sách giáo khoa trong trường học, là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà bác học thời cổ. A-ri-xtốt, khối óc bách khoa của thời cổ đại (IV trước công nguyên) là người đã để nhiều tâm sức nghiên cứu Hô-me-rơ. Ông là người đầu tiên đặt cơ sở cho việc nghiên cứu Hô-me-rơ một cách khoa học. Các bản trường ca của Hô-me-rơ được người Hy-lạp coi như những bộ lịch sử chân chính. Các nhà viết sử Hê-rô-đô-tơ (V, trước công nguyên) và Tuy-xi-đi-đơ (IV trước công nguyên) đã tìm thấy trong Hô-me-rơ những cơ sở đầu tiên của lịch sử. Tuy nhiên Tuy-xi-đi-đơ cũng

đã biểu lộ thái độ phê phán đối với tác phẩm của Hô-me-rơ, cho rằng trong đó có những chỗ phóng đại quá đáng.

Từ cuối thế kỷ VI và đầu thế kỷ V trước công nguyên xuất hiện thái độ phê phán Hô-me-rơ. Nhà triết học kiêm nhà thơ Xê-nô-phan thành Cô-lô-phông, chê Hô-me-rơ đã miêu tả những hành động vô đạo của thần linh. Pla-tông cũng có quan điểm tương tự. Cả hai người hầu như phủ nhận giá trị tích cực của Hô-me-rơ và ảnh hưởng hết sức lớn rộng của Hô-me-rơ trong nhân dân⁽¹⁾ Người phê phán Hô-me-rơ gắt gao nhất, đả kích Hô-me-rơ dữ dội nhất là Dô-i-lơ (Zoile) sống vào thế kỷ thứ IV trước công nguyên. Ông viết một tác phẩm lấy tên là "*Quất vào Hô-me-rơ*" trong đó chê bai Hô-me-rơ hết mức. Tên ông, cái danh từ Dô-i-lơ trở thành "bất tử" như Hô-me-rơ, nhưng dùng để chỉ một thái độ phê bình xấu xa, có ác ý, thiếu trung thực và công bằng. Ngày nay "phê bình kiểu Dô-i-lơ" là phê bình có động cơ xấu, nhằm bôi nhọ, "hạ" người khác.

Trong thời cổ đại khi con người còn sống trong tình trạng tối tăm, lạc hậu, tác phẩm của Hô-me-rơ có lúc đã trở thành những lời sấm ngôn bói toán, những lời giải thích ám dụ, xa xôi về số mệnh, về sức mạnh huyền bí của thánh thần. Vào thế kỷ thứ III - VI sau

(1) Tuy vậy, Pla-tông có lúc đã phải thừa nhận "Hô-me-rơ là người thầy giáo của đất nước Hy-lạp".

công nguyên, trong thời kỳ suy vong của Đế quốc La-mã đã nảy ra một môn phái triết học "chủ nghĩa Pla-tông mới" chuyên sử dụng Hô-me-rơ để truyền bá những quan niệm đạo đức duy tâm chủ nghĩa và giải thích tượng trưng những quan điểm triết học về thần linh và ý niệm.

Trong thời kỳ Hy-lạp hoá (III - I trước công nguyên) các nhà nghiên cứu của thành A-lếch-dăng-đri đã nghiên cứu kỹ lưỡng văn bản của tác phẩm Hô-me-rơ, "xuất bản" lại chúng với những lời bình luận, chú giải. Hô-me-rơ đến thời kỳ này mới thật sự được nghiên cứu trước hết về mặt văn bản học. Mặc dù tiểu sử Hô-me-rơ không rõ ràng, các nhà nghiên cứu thời kỳ Hy-lạp hoá không biết chính xác về cuộc đời của nhà thơ mà mình nghiên cứu, nhưng không phải vì thế mà Hô-me-rơ bị tước mất vòng hoa nguyệt quế trên đầu. Ngược lại đã có từ 7 đến 11 thành phố tranh nhau cái vinh dự được là nơi chôn rau cắt rốn của nhà thơ. Hô-me-rơ vẫn là một mẫu mực tuyệt diệu đối với các nhà thơ trong một thời gian khá dài. Nhiều nhà thơ đã sáng tác những bản trường ca theo sát phong cách của Hô-me-rơ như A-pô-lô-ni-út thành Rô-đơ⁽¹⁾ trong thế kỷ thứ III trước công nguyên đã mở đầu với tập thơ "*Lé Dac-gô-nô-ti-co*" (*Les Argonautiques*) và sau này trong thế kỷ thứ V sau công nguyên, Nôn-nốt (Nonnos) kết thúc với tập trường ca "*Đi-ô-ni-di-ác*"

(1) Apollonius de Rhodes

(Dionysiaque) - một tập trường ca dài gấp đôi tập trường ca "*I-li-át*" thuật lại sự nghiệp của thần rượu nho Đi-ô-ni-dốt mở cuộc viễn chinh sang Ấn Độ và nhiều chuyện thần thoại linh tinh khác.

Trong thế kỷ thứ III - II trước công nguyên, đất nước Hy-lạp bị đế quốc La-mã chinh phục, nhưng Hô-me-rơ vẫn không bị rơi xuống địa vị một kẻ nô lệ nhục nhã. Bởi vì, như lời Hô-ra-xơ nói: "*... Nước Hy-lạp bị chinh phục đã chinh phục lại kẻ chiến thắng hung bạo của mình và đưa nghệ thuật tới tận trung tâm vùng La-xi-ôm quê mùa...*"⁽¹⁾. Hô-me-rơ đã góp phần vào việc hình thành nền văn học La-mã (Rô-ma). Li-vi-út Ăng-đrô-ni-cút (Livius Andronicus) người được lịch sử văn học La mã ghi lại như là một trong những người đầu tiên đã có công xây dựng những nền móng đầu tiên của nền văn học La-mã. Ông vốn là một nô lệ, người Hy-lạp, làm nhiệm vụ dạy học cho con cái ông chủ của mình. Sau khi được chủ giải phóng, Ăng-đrô-ni-cút mở trường dạy học và ông là người đầu tiên dịch "*Ô-đi-xê*" sang tiếng la-tinh. Sau ông, các nhà thơ La-mã Nê-vi-út và En-ni-út là những người chịu ảnh hưởng lớn của Hô-me-rơ, đã sáng tác những bản trường ca về lịch sử La-mã. Hô-ra-xơ gọi En-ni-út là Hô-me-rơ thứ hai⁽²⁾. Nhà hùng biện Xi-xê-rông (I trước công nguyên) là người hết sức ngưỡng mộ Hô-me-rơ⁽³⁾.

(1) Epitres, Livre II, Epitre I, À Auguste 155 - 160.

(2) Epitres, Livre II, Epitre I, À Auguste, 50.

(3) Cicéron (106 - 43 trước công nguyên).

Ảnh hưởng của Hô-me-rơ nổi bật nhất trong bản trường ca "*Ê-nê-i-đơ*" của Viéc-gi-lơ. Trong hoàn cảnh xã hội đã đổi thay không còn là thời đại của Hô-me-rơ nữa, văn học La-mã cũng không phải là một nền văn học giản dị, trong sáng và giàu tính nhân dân như thời đại Hô-me-rơ, song Hô-me-rơ vẫn được coi như là một kiểu mẫu hoàn thiện nhất.

Suốt trong thời kỳ trung cổ, Hô-me-rơ hoàn toàn bị quên lãng. Những thế kỷ của đạo Cơ-đốc không thể chấp nhận một tên tà đạo như Hô-me-rơ⁽¹⁾, chỉ đến thế kỷ XIII với Đăng-tơ⁽²⁾, Hô-me-rơ mới được "rửa tội", mới được "làm lễ chịu mình thánh". Đăng-tơ đã gọi Hô-me-rơ là nhà thơ "hơn hẳn mọi nhà thơ của mọi xứ sở", là "nhà thơ vĩ đại nhất", là "ông Hoàng của các nhà thơ"...

Thời đại Phục hưng cũng với trào lưu khôi phục giá trị và học tập vốn văn hoá cổ đại, Hô-me-rơ lại được "tái sinh" toả sáng ngời ngời trong những trái tim nóng bỏng của những nhà văn chủ nghĩa. Tác phẩm của Hô-me-rơ được nhiều người đọc và đánh giá cao nội dung trần thế, tự nhiên của nó. Chúng ta thấy, ảnh

(1) Trong bài "Hô-me-rơ với Ô-đi-xê" của Hoàng Thiếu Sơn, viết: "... trường ca của Hô-me-rơ (...) trong suốt thời thượng cổ và trung cổ và từ ngót ba mươi thế kỷ nay đã làm say mê biết bao thế hệ người thuộc đủ mọi dân tộc..." Nói thời trung cổ say mê Hô-me-rơ là không đúng.

(2) Alighieri Dante (1265 - 1321) tác giả bản trường ca nổi tiếng "Hài kịch thần thánh", người được coi là cha đẻ của thơ ca Ý.

hưởng của Hô-me-rơ trong bộ truyện "*Gác-găng-chuy-a và Păng-ta-gruy-en*" của nhà văn Pháp Ra-bơ-le⁽¹⁾. Nhà nhân văn chủ nghĩa Hà-lan, E-ra-xơ thành Rốt-téc-đam⁽²⁾, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh Tô-mát Mo-rơ⁽³⁾, nhà cải cách tôn giáo Đức, Mê-lăng-ton⁽⁴⁾ và... là những người đã nhìn thấy ý nghĩa sâu sắc mà tác phẩm Hô-me-rơ đem đến cho thời đại mới. Tuy vậy trong thời đại Phục hưng, Hô-me-rơ vẫn chưa được nghiên cứu cẩn thận và nghiêm túc.

Bước sang thế kỷ XVII, với sự ra đời của nền văn học của chủ nghĩa cổ điển, ở Tây Âu, chủ yếu là ở Pháp, đã nảy sinh những thị hiếu mới, những "gôut" thành thị và cung đình, Hô-me-rơ lại được nhìn nhận đánh giá lại. "*Cuộc tranh luận giữa những người theo những nhà văn cổ đại và những nhà văn hiện đại*" (Querelle des anciens et des modernes) phản ánh sự đổ vỡ của những quy tắc mỹ học cổ điển chủ nghĩa chống lại thói sùng bái những nhà văn cổ đại, bắt chước cổ đại một cách máy móc, giáo điều, vô hình trung đã hạ thấp Hô-me-rơ. Đã có người chê Hô-me-rơ quá thô lỗ và khen Viéc-gi-lơ tế nhị hơn. Pê-rôn⁽⁵⁾ trong khi khẳng định những nhà văn hiện đại thể hiện sự trưởng thành, chín chắn của tư tưởng nhân loại đã

(1) Francois Rabelais (1490 - 1553).

(2) Erasme de Rotterdam (1467 - 1536)

(3) Thomas More (1478 - 1535).

(4) Philippe Schwartzerd Melanchthon (1497 - 1560).

(5) Charles Perrault (1628 - 1705).

nhất loạt đề cao các nhà văn hiện đại hơn hẳn, vượt xa, các nhà văn cổ đại. Ông viết: "... Trong bộ tiểu thuyết Xi-rút⁽¹⁾ tinh thần sáng tạo cũng đã gấp mười trường ca "I-li-át"...". Boa-lô là người không tán thành Pe-rôn ngay từ đầu, ông nhìn Hô-me-rơ không bằng cái thị hiếu của thứ văn học phòng khách tao nhã, cầu kỳ mà nhìn bằng con mắt duy lý, chuẩn mực, hài hoà, cân đối của chủ nghĩa cổ điển. Do đó ông đã đánh giá cao Hô-me-rơ trong cuốn "Nghệ thuật sáng tác"⁽²⁾. Ông viết: "Ta có thể nói được rằng để có niềm khoái cảm, con người phải được giáo dục bởi tự nhiên.

Hô-me-rơ đã lấy được chiếc thắt lưng của nữ thần Vênuýt.

Tác phẩm của ông là một kho tàng phong phú những niềm khoái cảm.

Những gì ông đụng đến là những thứ đó biến thành vàng⁽³⁾.

(1) Xi-rút bộ tiểu thuyết của công nương Scuy-đê-ri (Mademoiselle de Scudéry 1607- 1701) còn có tên gọi là "Ac-ta-men hay Xi-rút vĩ đại" (Artamène ou le Grand Cyrus) xuất bản trong những năm 1648 - 1653, nội dung tương tự như tiểu thuyết kỳ si, người anh hùng trong tiểu thuyết được miêu tả với tinh thần hào hoa phong nhã của thị hiếu quý tộc thế kỷ XVII. Scuy-đê-ri được "công chúng" đương thời tán tụng là nàng "Sa-phô-mới", nàng Mui-dơ thứ mười".

(2) Boileau - Despréaux (1636 - 1711) nhà văn, nhà lý luận, viết "Nghệ thuật sáng tác" (L'Art poétique) năm 1669 - 1774.

(3) Theo thần thoại Hy-lạp. Mi-đát là một ông vua tham lam, Mi-đát xin với thần Đi-ô-ni-dốt làm cho mình có phép hễ cứ đụng vào cái gì thì cái đó hoá thành vàng. Kết quả là Mi-đát bị chết đói. Ở đây Boa-lô đã sử dụng điển tích này với một ý nghĩa tốt đẹp, ca ngợi.

Trong tay ông duyên sắc chúng muôn đời tươi thắm.

Chẳng mệt mỏi, ông đi khắp mọi nơi làm vui mọi người.

Những đoạn thuyết lý của ông được một hơi thở đầy nhiệt tình phả vào làm cho chúng tung bừng khi sắc.

Ông chẳng hề lạc bước vào những đoạn văn rối rắm, quanh co

Cũng chẳng gò những câu thơ trong một kỷ luật chặt chẽ.

Tự bản thân đề tài sẽ vận động hài hoà và biểu hiện ra.

Tất cả, chẳng tỏ vẻ gì sáng tác mà lại được biểu hiện ra một cách tự nhiên, thoải mái⁽¹⁾.

Mỗi câu, mỗi chữ đều xuôi chảy về dòng truyện chẳng lạc khỏi chủ đề.

Hãy yêu những tác phẩm của Hô-me-rơ bằng một tình yêu chân thành, quý trọng. Yêu là biết học và vận dụng bài học từ Hô-me-rơ hơn là chỉ biết thú vui với những trang tác phẩm (III, 295 - 308).

Đầu thế kỷ XVIII lại xảy ra một đợt tranh luận nữa quanh bản dịch cải biên tác phẩm của Hô-me-rơ của La Môt-tơ Hu-đa (La Motte - Houdard, 1672 - 1731). Hu-đa dịch tác phẩm của Hô-me-rơ và sửa chữa,

(1) Tout, sans faire d'appréts, s'y prépare aisément

cải biên thần thánh, anh hùng, những đoạn thuyết lý, nhắc lại... của Hô-me-rơ theo tinh thần của thế kỷ XVIII. Đa-xiê phu nhân (Madame Dacier) người đầu tiên dịch tác phẩm của Hô-me-rơ ở Pháp đã phê phán và tranh luận rất kịch liệt với Hu-đa về bản dịch đó. Ở Anh, Pô-pơ (Alexandre Pope, 1688 - 1744) cũng đã xử lý như vậy đối với tác phẩm của Hô-me-rơ.

Trong số những người khẳng định giá trị của Hô-me-rơ ở thế kỷ XVII, ta còn phải nhắc đến nhà thơ bi kịch Ra-xi-nơ (Racine 1639 - 1699). Trong lời tựa viết cho vở bi kịch "*I-phi-giê-ni*" của mình, nhà thơ đã coi "Hô-me-rơ là cha đẻ của các nhà thơ"⁽¹⁾.

Từ thế kỷ XVIII trở đi, Hô-me-rơ được coi như là một biểu tượng của nhân dân Hy-lạp, của thơ ca Hy-lạp. Và cũng với cái thế kỷ của triết học và ánh sáng đó, Hô-me-rơ mới được nghiên cứu, phân tích, tranh luận tỉ mỉ, sôi nổi chưa từng thấy (như đã nói trong chương "Vấn đề Hô-me-rơ"). Quá trình của những cuộc tranh luận về "Vấn đề Hô-me-rơ" ngoài những vấn đề về phương pháp xử lý văn bản, cách hiểu sai, đúng về mối quan hệ giữa sáng tác dân gian với sự hình thành sử thi cổ điển, chúng ta thấy nổi bật lên một khuynh hướng tiến bộ - khuynh hướng này gắn liền với nhiệt tình cách mạng của giai cấp tư

(1) Sau này Biê-lin-ski cũng gọi "Hô-me-rơ là cha đẻ của thơ ca Hy-lạp".

sản trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến - khẳng định dứt khoát tính nhân dân trong tác phẩm của Hô-me-rơ; ca ngợi cái thế giới quan chất phác, trong sáng, ngây thơ, giản dị của thời đại Hô-me-rơ; phát hiện ra tính chất ấu trĩ, trẻ thơ của những hình tượng trong tác phẩm của Hô-me-rơ; đồng thời nhấn mạnh Hô-me-rơ là một nhà thơ thiên tài, tác phẩm của ông là biểu hiện của sự cảm thụ về cái đẹp của thế giới, hài hoà, mực thước, mà ngày nay không thể nào mô phỏng, bắt chước được. Những quan điểm đó đã mở đầu cho trào lưu văn học của chủ nghĩa lãng mạn. Tuy nhiên với thực tế của xã hội tư sản cũng đồng thời nảy sinh ra khuynh hướng lãng mạn tiêu cực, lánh tránh những vấn đề xã hội - chính trị nóng hổi trước mắt, trốn vào cái thế giới văn học dân gian lý tưởng hoá. Khuynh hướng này phát triển vào nửa sau thế kỷ XIX.

Từ thế kỷ XIX đến nay, Hô-me-rơ vẫn tiếp tục được nghiên cứu và ngày càng được nghiên cứu sâu hơn, đúng đắn hơn. Những quan điểm tiến bộ của những nhà dân chủ - cách mạng Nga đặc biệt là của Biê-lin-xki đã tỏ ra tiếp cận với những quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Mác. Mặc dù Biê-lin-ski và Mác không viết một công trình chuyên khảo về Hô-me-rơ, nhưng những nhận xét của các ông viết ở những tác phẩm này, khác đã góp phần vào việc

nghiên cứu và đánh giá Hô-me-rơ nhiều ý kiến rất cơ bản và quý báu.

Giữa thế kỷ XIX với trào lưu triết học thực chứng luận, thực chứng luận - lô-gích trong khoa học⁽¹⁾ Hô-me-rơ được nghiên cứu trong quan điểm đi tìm thực chứng, miêu tả, do đó về khách quan Hô-me-rơ được nghiên cứu nhiều mặt, ngôn ngữ học, dân tộc học, khảo cổ học v.v... Rất nhiều vấn đề khá tỉ mỉ trong tác phẩm của Hô-me-rơ được đặt ra và khảo sát. Và từ đó cho đến nay số lượng những công trình nghiên cứu về Hô-me-rơ thật phong phú đến mức chúng ta chỉ có thể diễn đạt bằng từ "khổng lồ".

Anh hùng ca của Hô-me-rơ đã trải qua một tuổi thọ, đến nay là ba nghìn năm. Ba nghìn năm đã trôi qua, nhiều điều trong tác phẩm của Hô-me-rơ trở nên xa lạ đối với thời đại chúng ta. Những con người của thời đại nguyên tử và khám phá vũ trụ đọc tác phẩm của Hô-me-rơ, chắc rằng nhiều khi không tránh khỏi mỉm cười, cười cho cái ngây thơ của một thời đại mà con người còn mê tín và ngu dốt. Nhưng cũng có những điều làm cho chúng ta mỉm cười, cười vì sự thông minh, vì khát vọng và ước mơ cao quý của con người thời đại Hô-me-rơ sao mà nó quá gần gũi với chúng ta! Chính trong ý nghĩa đó mà Mac viết: "*Một người lớn không thể trở lại thành trẻ con mà không rơi vào*

(1) Thực chứng luận, thực chứng luận - lô-gích là một trong những trào lưu duy tâm của triết học tư sản. Xem từ điển triết học - Nxb Sự Thật. Hà-nội - 1957.

tính trẻ con. Nhưng lẽ nào người lớn lại không vui thích trước sự ngây thơ của trẻ con, và con người ta có phải chẳng còn mong muốn diễn lại, trên một mức độ cao hơn cái bản chất chân chính của mình hay sao? Trong bản chất của trẻ con, mỗi một thời kỳ đã chẳng trông thấy sống lại cái bản tính của mình trong cái sự thực tự nhiên của nó hay sao? Tại sao buổi niên thiếu của xã hội loài người, khi nó đạt tới một sự phát triển đẹp đẽ nhất, tại sao cái giai đoạn phát triển đã vĩnh viễn qua đó lại chẳng có một sức hấp dẫn mãi mãi đối với con người ta?...” Và cũng trong ý nghĩa đó mà Mác viết tiếp: "... anh hùng ca vẫn còn cho ta một sự thoả mãn về thẩm mỹ và về một số phương diện nào đó chúng còn được dùng làm tiêu chuẩn, làm cái mẫu mực mà chúng ta chưa đạt tới được..."⁽¹⁾.

Nếu lịch sử văn học là một khoa học, nghĩa là lịch sử của một quá trình nhận thức, cải tạo thế giới bằng cái Đẹp với ý nghĩa vừa là nội dung vừa là hình thức thì chúng ta có thể lấy lời nói sau đây của En-ghe-nơ để minh hoạ: "... Lịch sử các khoa học là lịch sử quá trình gạt bỏ một cách tuân tự sự ngu dốt đó⁽²⁾ tức là thay thế nó bằng một sự ngu dốt mới, nhưng ngày càng ít phi lý hơn..."⁽³⁾.

(1) Các-Mác, Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học - Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1971, tr. 313.

(2) Những nhận định sai lầm về tự nhiên, về sự cấu tạo ra bản thân con người... (En-ghe-nơ)

(3) Các Mác và Ph. En-ghe-nơ, Về văn học và nghệ thuật, Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1958. tr. 52.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay để xây dựng một Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa mà đặc điểm lớn nhất là từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta đã chẳng từng đấu tranh rất gian khổ để "đánh đổ từng bước, đánh lùi từng bộ phận" cái kẻ thù ngu dốt, nghèo nàn và lạc hậu sao? Như vậy khát vọng của người Hy-lạp ở buổi niên thiếu của xã hội loài người được biểu hiện trong anh hùng ca của Hô-me-rơ, muốn có một cuộc sống văn minh hơn, hạnh phúc hơn chắc hẳn không đến nỗi xa lạ đối với chúng ta.

Ở các nước châu Âu do chịu ảnh hưởng trực tiếp của nền văn hoá Hy-lạp cho nên anh hùng ca Hô-me-rơ được dịch và nghiên cứu từ sớm. Văn học cổ đại là một môn học bắt buộc đối với hệ giáo dục phổ thông cũng như ở các khoa Văn thuộc hệ giáo dục Cao đẳng và Đại học. Trong quãng thế kỷ XVII - XVIII, anh hùng ca Hô-me-rơ lần lượt được dịch ra ở các nước châu Âu: Pháp, Anh, Đức v.v... Ở Nga, Hô-me-rơ được dịch vào nửa sau thế kỷ XVIII. Ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, Hô-me-rơ chỉ là một tác giả nằm trong chương trình của một số ít trường trung học (Lycée) học theo chương trình của "mẫu quốc". Còn ở bậc Đại học, thực dân Pháp không mở khoa Văn cho nên Hô-me-rơ hoàn toàn không được biết đến. Với một nước bị nô lệ, 95% dân số mù chữ, độc lập bị mất, tự do không có, Hô-me-rơ quả là một "xa xỉ phẩm". Những

người tri thức, những nhà nghiên cứu yêu nước, yêu dân tộc trong hoàn cảnh đó chắc chắn dù có muốn nghiên cứu Hô-me-rơ để giới thiệu một tinh hoa của văn học thế giới cho nhân dân ta cũng đành phải gác lại để nghiên cứu một vấn đề quan trọng hơn: giải phóng dân tộc.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1946 - 1954) Hô-me-rơ bước vào trường Đại học Hà-nội với tư thế của một người chiến thắng. Từ đây Hô-me-rơ được giảng dạy bằng tiếng nói của một dân tộc đã giành được quyền làm chủ cuộc sống của mình. Tuy nhiên những giáo trình về Hô-me-rơ trong những năm đầu hoà bình đó (1955 - 1959) đương nhiên không thể tránh khỏi nhiều thiếu sót nghiêm trọng về tính khoa học học và tính tư tưởng. Thiếu sót nghiêm trọng nhất là khuynh hướng hiện đại hoá Hô-me-rơ, chứng minh Hô-me-rơ như là một nhà văn đã lên tiếng đấu tranh bảo vệ hoà bình, kết án chiến tranh. Quan điểm lịch sử - cụ thể của chủ nghĩa Mác không được dùng làm nguyên tắc chỉ đạo cho những giáo trình đó cho nên vô hình trung Hô-me-rơ bị hạ thấp. Cơ sở lịch sử xã hội, tính nhân dân trong những tác phẩm của Hô-me-rơ không được nghiên cứu và giới thiệu đúng đắn.

Từ 1960 cho đến nay, Hô-me-rơ không chỉ giới hạn trong chương trình của các trường Đại học nữa mà đã là một tác giả của chương trình phổ thông. Những giáo

trình về Hô-me-rơ đã khắc phục được những thiếu sót buổi đầu và nâng cao lên được nhiều về tư liệu và tính khoa học. Năm 1962, một bản trích dịch "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" (do Phan thị Miến dịch) của Nhà xuất bản Giáo dục ra đời nhằm phục vụ kịp thời cho việc học tập của sinh viên. Ngay trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, 1966 "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" vẫn được dịch lại (Phan Thị Miến dịch) và lần này được Nhà xuất bản Văn học xuất bản với cái tên là loại sách "văn học cổ điển thế giới" in khổ nhỏ với mục đích phổ cập cho công chúng⁽¹⁾. Hiện nay nhu cầu nghiên cứu và học tập của các trường Đại học ngày càng nhiều và ngày càng cao. Chúng ta không thể bằng lòng với tình trạng xuất bản, dịch thuật như trước nữa. Chúng ta mong muốn một ngày gần đây sẽ có chẳng những một bản dịch tốt hơn, kèm theo với những lời giới thiệu khiêm tốn giản dị, và trung thực nhằm phục vụ cho quảng đại quần chúng, mà còn có cả một bản dịch toàn vẹn tác phẩm của Hô-me-rơ để phục vụ cho một công chúng có yêu cầu cao hơn, những người đang học tập ở những khoa Văn, khoa Sử của các trường đại học. Chúng ta cũng mong muốn sẽ có một bản dịch tác phẩm của Hô-me-rơ phục vụ cho những người nghiên cứu với chú thích cẩn thận, tỉ mỉ và xa hơn nữa một bản dịch tác phẩm của Hô-me-rơ thành thơ

(1) Cả hai lần xuất bản, số lượng in mỗi tác phẩm được gần một vạn cuốn.

như nhiều nước trên thế giới đã làm. Đó chính là một công tác hết sức quan trọng và cần thiết của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá không phải chỉ riêng đối với tác phẩm của Hô-me-rơ mà còn là đối với toàn bộ di sản văn hoá của nhân loại. Trong hoàn cảnh một nước tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta càng thấy công tác đó chẳng những quan trọng, mà còn cần thiết biết nhường nào!

KẾT LUẬN

Chúng ta có thể kết luận về anh hùng ca của Hô-me-rơ trên mấy vấn đề sau:

1. Về mặt xã hội - lịch sử: Anh hùng ca của Hô-me-rơ phản ánh đúng bản chất một giai đoạn lịch sử của nhân loại. Đó là bước quá độ từ chế độ công xã nguyên thủy chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ, từ dã man sang văn minh, từ chế độ sở hữu tập thể thị tộc, công xã nguyên thủy chuyển sang chế độ tư hữu tài sản. Đó là bước chuyển biến tiến bộ tất yếu của lịch sử nhân loại.

Với chế độ tư hữu, loài người đã trải qua các hình thái xã hội: chiếm hữu nô lệ, phong kiến nông nô, tư bản chủ nghĩa. Đó là những hình thái xã hội khác nhau nhưng có một điểm giống nhau chung nhất, cơ bản nhất, là dựa trên một phương thức sản xuất và chiếm hữu đẻ ra những giai cấp đối kháng, đẻ ra cảnh bất bình đẳng và hiện tượng người bóc lột người. Với chế độ tư hữu loài người đã tiến được những bước rất lớn trong việc cải tạo và chinh phục thiên nhiên, trong việc tổ chức đời sống xã hội. Nhưng như lời En-ghe-nơ, chế độ tư hữu đã làm nên những việc đó bằng cách: *"kích thích những bản năng và những dục vọng hèn*

hạ nhất của con người (...) do đó đã làm tổn hại đến những năng khiếu khác của con người...⁽¹⁾ và "mỗi bước tiến (của chế độ tư hữu - N.V.K) đồng thời cũng là một bước lùi tương đối, vì hạnh phúc và sự phát triển của những người này là do sự đau khổ và bị áp chế của những người kia mà ra...⁽²⁾

Chế độ tư bản chủ nghĩa, quyền sở hữu tư sản là hình thái cuối cùng của chế độ tư hữu, là bước phát triển cao nhất, trọn vẹn nhất của áp bức, bóc lột, của suy đồi và hèn hạ, cũng như của đối kháng và đấu tranh. Chế độ đó đã bị lịch sử lên án và bị xoá bỏ trên một phần tư thế giới. Thay thế nó là chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ mà mục đích của nó là "... *thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hoá ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại...⁽³⁾*

Vì mục đích của chế độ xã hội chủ nghĩa là hạnh phúc về sự phát triển của toàn xã hội, chứ không phải cho cái "... *cá nhân riêng rẽ, nhỏ nhen...*" (En-ghe-n) cho nên chế độ xã hội chủ nghĩa có khả năng giải quyết được những mâu thuẫn cố hữu của chế độ tư

(1) En-ghe-n. Nguồn gốc của gia đình... tr. 258.

(2) En-ghe-n. Nguồn gốc của gia đình... tr. 94.

(3) Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Sự thật, Hà-nội 1977, tr. 24.

hữu tài sản như: mâu thuẫn giữa những lý tưởng cao quý và đẹp đẽ của nhân loại với tình trạng không thể nào thực hiện được trong đời sống hiện thực, mâu thuẫn giữa nền văn minh vật chất với nền văn minh tinh thần, mâu thuẫn giữa mức sống cao, phong phú với lối sống thấp kém, tầm thường, nghèo nàn, thú vật, mâu thuẫn giữa những khả năng rất lớn, rất khổng lồ của con người trong sự nghiệp chinh phục thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên với tình trạng con người không làm chủ được xã hội và bản thân mình... Chế độ xã hội chủ nghĩa thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa là quy luật tất yếu của lịch sử tiến hoá nhân loại. Sự vận động lịch sử đã diễn ra về mặt hình thức sở hữu:

Công hữu - tư hữu - CÔNG HỮU

2. Về mặt chính trị - tư tưởng: Với chế độ tư hữu ra đời chủ nghĩa cá nhân. Màn đầu của tấn bi kịch chủ nghĩa cá nhân diễn ra như thế nào, chúng ta đã được thấy trong "I-li-át" và "Ô-di-xê". Nhiệm vụ của thời đại chúng ta là phải hạ màn cho tấn bi kịch đó. Cuộc đấu tranh để hạ màn cho tấn bi kịch đó không đơn giản, không dễ dàng. Lê-nin đã từng chỉ ra cho chúng ta thấy điều đó: *"... Cái xác chết của xã hội tư sản ta không thể bỏ vào áo quan mà đem chôn nó đi được, cái xác của chủ nghĩa tư bản thối ra, tan ra giữa chúng ta, làm như bản bầu không khí chung quanh chúng ta, đầu độc cuộc sống của chúng ta bằng*

hàng nghìn sợi dây. Cái cũ, cái thối nát, cái đã chết bám vào cái mới, cái tươi tốt, cái trẻ trung, cái có sinh khí...⁽¹⁾. Và Hồ Chủ tịch cũng đã từng dạy chúng ta: "...vết tích rất xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là chủ nghĩa cá nhân...", "chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm", là "kẻ địch bên trong" là "giặc nội xâm..." "chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội..."⁽²⁾.

Là những người theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, chúng ta biết rằng cuộc sống tự do, bình đẳng, hữu ái của chế độ công xã thị tộc bắt buộc phải mất đi vì những nguyên nhân kinh tế khách quan của lịch sử. Tính ưu việt của chế độ công xã thị tộc gắn bó với một quan hệ xã hội chặt chẽ, nghèo nàn, lạc hậu, đơn giản, thô sơ. Do đó chúng ta càng nhận thức sâu sắc rằng, cuộc đấu tranh để hạ màn tán bi kịch của chủ nghĩa cá nhân gắn liền với cuộc đấu tranh *xoá bỏ chế độ tư hữu*, (nghĩa là *xoá bỏ áp bức bóc lột*), và cuộc đấu tranh *xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu*. Nói một cách khác, đó là cuộc đấu tranh cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, cuộc đấu tranh cho việc xây dựng, củng cố và

(1) V.I. Lê-nin, Thư gửi công nhân Mỹ (1918) Toàn tập. Nxb Sự thật Hà-nội, 1971, t. 28, tr. 78, 82 - 85, C.Mác, Ph. En-ghe-n. V.I. Lê-nin, Về văn học và nghệ thuật, Nxb Sự thật, Hà-nội 1977, tr. 240 - 241.

(2) Hồ Chí Minh. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1969.

hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong phạm vi từng nước. Chúng ta giành được thắng lợi trong lĩnh vực xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chừng nào thì chúng ta có khả năng hạ màn được tấn bi kịch của nghĩa cá nhân đến chừng ấy.

Là những người theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, chúng ta quyết không quên điều chỉ dẫn của En-ghe-n, rằng, chế độ thị tộc, quyền lực của công xã bị tan rã *"... bởi những ảnh hưởng mà thoát tiên chúng ta coi là một sự suy đồi, một bước sa ngã đầu tiên từ sự chất phác và đạo đức của chế độ thị tộc cũ xuống..."*⁽¹⁾ Biểu hiện của tình trạng suy đồi và sa ngã về đạo đức này là những hiện tượng: *"... tính tham lam tầm thường, lòng khao khát khoái lạc cuồng bạo, tính bủn xỉn hèn hạ, nạn ăn cắp của chung làm của riêng (...) trộm cắp, dùng bạo lực, xảo trá, phản bội..."*⁽²⁾ *"người đẩy tớ ban đầu biến dần thành người chủ..."*⁽³⁾ *"chế độ dân chủ nguyên thủy và tự phát biến thành một chế độ quý tộc ghê tởm..."*⁽⁴⁾.

Nói tóm lại, chủ nghĩa cá nhân đã phá vỡ chủ nghĩa tập thể của chế độ công xã thị tộc.

Như vậy không quên những điều chỉ dẫn của

(1) En-ghe-n, Nguồn gốc của gia đình... tr. 144.

(2) nt tr. 145

(3) En-ghe-n, chống Duy-rinh (chương IV, Lý luận về bạo lực). Nxb Sự thật, Hà-nôi, 1976, tr. 297.

(4) En-ghe-n, Nguồn gốc của gia đình... tr. 255.

En-ghe-n có nghĩa là, chúng ta, những người công tác trên mặt trận văn học càng nhận thức vai trò quan trọng của văn học hơn nữa trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới. "... Song con người mới không thể hình thành một cách tự phát mà phải trải qua quá trình xây dựng một cách tích cực chủ động. Hơn nữa hoàn cảnh nước ta đòi hỏi chúng ta và cho phép chúng ta xây dựng sớm, xây dựng từng bước con người mới không phải chờ đến khi đã có sự phát triển cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa..."⁽¹⁾.

Như vậy có nghĩa là, chúng ta có thể và cần phải sử dụng vũ khí văn học một cách tích cực và chủ động vào việc vạch trần bộ mặt xấu xa, bỉ ổi, đê tiện, ghê tởm của chủ nghĩa cá nhân và biểu dương những biểu hiện đẹp đẽ, cao thượng của chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, Hồ Chủ tịch đã dạy: "... thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân..."⁽²⁾ "... Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có con xã hội chủ nghĩa..."⁽³⁾.

Thời đại Hô-me-rơ là thời đại cáo chung của chủ nghĩa tập thể thị tộc và là màn đầu tấn bi kịch của

(1) Đảng Cộng Sản Việt Nam - Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1977, tr. 64.

(2) Hồ Chí Minh - Nâng cao đạo đức cách mạng.

(3) Hồ Chí Minh - về xây dựng Đảng - Nxb Sự Thật, Hà nội, 1970, tr. 13.

chủ nghĩa cá nhân. Thời đại đó đến nay đã quá lạc hậu. Chủ nghĩa xã hội ra đời mở đầu cho một nền văn minh mới trong lịch sử nhân loại, nền văn minh của "người với người là bạn, là đồng chí, là anh em" thay thế cho nền văn minh "người với người là chó sói" vốn là sản phẩm của chế độ tư hữu. Vì lẽ đó cho nên Gor-ki căn dặn chúng ta: "Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là cung cấp cho trẻ em những cuốn sách nói về nguồn gốc chế độ tư hữu và chỉ rõ vì sao ngày nay nó trở thành cái trở lực chính trên con đường tiến bộ của nhân loại..."⁽¹⁾

Nhận thức được như thế có nghĩa là chúng ta sẽ cố gắng lao động, học tập, rèn luyện mình để có được những phẩm chất và lối sống của con người mới xã hội chủ nghĩa, bởi vì, chủ nghĩa cá nhân và con đẻ của nó là lối sống trưởng giả đã làm cho chúng ta "từ thần Prô-mê-tê biến thành một tên du côn..."⁽²⁾.

Chúng ta sẽ thực hiện cái mơ ước của thời đại Hô-me-rơ bằng cách xây dựng một "đời sống văn minh và hạnh phúc"⁽³⁾. "một cuộc sống mới tốt đẹp toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần..."⁽⁴⁾ Cuộc sống đó chính là cuộc sống của chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ

(1) M. Gor-ki - Bàn về văn học, tập II, (Bàn về đề tài), Nxb Văn học, Hà-nội, 1965, tr. 192.

(2) M. Gor-ki - Bàn về văn học tập I, (Sự suy sụp của chủ nghĩa cá nhân) Nxb. Văn học, Hà-nội, tr. 136, 1965.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV - Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 30.

(4) Xã luận báo Nhân Dân ngày 28 tháng 1 năm 1973.

nghĩa cộng sản văn minh. Và như vậy sẽ là "một sự phục sinh - nhưng dưới một hình thức cao hơn - của tự do, bình đẳng và hữu ái của những thị tộc cổ đại. (Moóc-gan, Xã hội cổ đại)"⁽¹⁾ là "diễn lại trên một mức độ cao hơn cái bản chất chân chính của mình"⁽²⁾.

3. Về mặt văn học: Anh hùng ca của Hô-me-rơ đã thể hiện một chủ nghĩa nhân đạo khá phong phú và sâu sắc. Nội dung của chủ nghĩa nhân đạo đó đặt ra và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người với chiến tranh, con người với con người trong hoàn cảnh của một xã hội mà trình độ phát triển còn hết sức thấp kém. Mặc dù nhân loại trong những bước đi chập chững của mình trên bậc thang của lịch sử văn minh, còn rất ấu trĩ, còn ngu dốt, còn dă man, song ý chí vươn lên, niềm tin vào cuộc sống và sức mạnh của mình, khát vọng, ước mơ vào một ngày mai tươi đẹp, văn minh, hạnh phúc lại là những giá trị rất cơ bản, rất quý báu của nội dung chủ nghĩa nhân đạo đó. Điều làm chúng ta ngạc nhiên không phải ở chỗ những nhân vật của Hô-me-rơ còn bị thần thánh, số mệnh chi phối trong một mức độ quan trọng, nhiều ít như thế nào. Cũng không phải, trước hết, ở chỗ con người trong chiến tranh đã biểu lộ niềm xót thương đối với những tổn thất "rất sâu sắc, "rất người" như thế nào. (Đương nhiên việc thể

(1) En-ghen - Nguồn gốc của gia đình... tr. 271.

(2) Các-Mác - Góp phần phê phán... tr. 314

hiện những tình cảm đó cũng phản ánh một bước tiến của con người) Điều làm chúng ta ngạc nhiên là ở chỗ trong những mối quan hệ mà chủ nghĩa nhân đạo đó đặt ra và giải quyết thì con người và đời sống của nó, đời sống hiện thực, trần thế của nó, được đặt ra ở vị trí hàng đầu còn những sức mạnh của con người được thể hiện ra như là những vũ khí vô địch; rồi sự vươn lên của con người để chiến thắng những trở ngại, những đau thương, mất mát trong cuộc đời và niềm tin, niềm ước mơ vào một ngày mai văn minh, hạnh phúc hơn, lại xuất hiện ra như là xu thế tất yếu của đời sống, như là một bản chất *vốn có* và *cần phải có* của nhân loại.

Đó chính là cái nhìn trực giác thiên tài của người Hy-lạp cổ trong lãnh vực mà ngày nay chúng ta gọi là văn học.

Anh hùng ca của Hô-me-rơ và những vấn đề của nó còn có thể cung cấp cho chúng ta nhiều bài học và kinh nghiệm tốt. Chúng ta có thể nói đến những bài học về nghệ thuật miêu tả, về sự thừa kế những đặc điểm của anh hùng ca cổ đại đối với việc xây dựng những bộ tiểu thuyết - anh hùng ca cách mạng, về những đặc điểm của hình tượng người anh hùng trong sử thi dân gian v.v... Tuy nhiên có lẽ vấn đề lớn nhất mà chúng ta có thể tiếp thu được qua cuộc tranh luận về "Vấn đề Hô-me-rơ" là bài học về phương pháp luận. Qua cuộc tranh luận đó chúng ta thấy rõ hơn nữa tính

phức tạp của những sáng tác dân gian. Nó đòi hỏi một phương pháp nghiên cứu phải hết sức thận trọng và khách quan, phải chú ý đến những "tầng", những "lớp" được cấu kết với nhau không theo một trật tự thời gian nào, phải kinh qua những cuộc khảo sát hết sức tỉ mỉ, đối chiếu nhiều văn bản, so sánh mô típ. .. mới có thể đi đến những giả thuyết khoa học, những kết luận khoa học được.

Chắc rằng "Vấn đề Hô-me-rơ" không phải chỉ là vấn đề đối với những ai nghiên cứu Hô-me-rơ mà còn là vấn đề đối với những ai trong tương lai sẽ đi vào nghiên cứu vốn folklòre rất phong phú của các dân tộc trên đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

**NHỮNG Ý KIẾN CỦA CÁC NHÀ
NGHIÊN CỨU VỀ XÃ HỘI
CỔ ĐẠI, THÂN THOẠI, TRUYỀN
THUYẾT VÀ ANH HÙNG CA**

CÁC-MÁC VÀ PH. EN-GHEN.

"... Đối với nghệ thuật, người ta biết rằng những thời kỳ hưng thịnh nhất định của nghệ thuật hoàn toàn không tương ứng với sự phát triển chung của xã hội do đó cũng không tương ứng với sự phát triển của cơ sở vật chất của xã hội, của cái xương sống⁽¹⁾ của tổ chức xã hội. Ví dụ, so sánh người Hy-lạp với các dân tộc hiện đại, hay Sếch-spia cũng thế. Đối với một số hình thức nghệ thuật, ví như thể anh hùng ca, người ta lại còn nhận rằng: những hình thức đó không bao giờ có thể được sáng tạo ra dưới cái hình thức cổ điển lầy lùnh một thời trong lịch sử thế giới, một khi mà sáng tác nghệ thuật đã bắt đầu với tư cách là sáng tác nghệ thuật; như vậy người ta nhận rằng trong bản thân lĩnh vực nghệ thuật, một số hình thức nghệ thuật quan trọng chỉ có thể xuất hiện ở giai đoạn thấp của sự phát triển nghệ thuật. Nếu điều đó diễn ra trong giới hạn của nghệ thuật, trong mối quan hệ giữa các loại nghệ thuật khác nhau, thì không lấy gì làm lạ khi điều đó cũng đã diễn ra trong mối quan hệ giữa

(1) Tiếng Pháp: ossature, tiếng Nga: skelet. Trong cuốn "Về vấn đề nghệ thuật" (Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 100) dịch là: "cái cốt cách".

toàn bộ lĩnh vực nghệ thuật với toàn bộ sự phát triển của xã hội. Khó khăn chỉ là ở chỗ đưa ra được một công thức chung về các mâu thuẫn đó. Chỉ cần xác định tính chất đặc thù của các mâu thuẫn đó là có thể giải thích được những mâu thuẫn đó.

Ví dụ, chúng ta hãy lấy mối quan hệ của nghệ thuật Hy-lạp rồi sau đó hãy lấy mối quan hệ của Sếch-spia với thời đại của chúng ta. Ai cũng biết rằng thần thoại Hy-lạp không những cấu thành kho tàng của nghệ thuật Hy-lạp mà nó còn là miếng đất đã nuôi dưỡng nghệ thuật Hy-lạp. Có lẽ nào cái quan điểm đối với tự nhiên và các quan hệ xã hội, các quan điểm làm cơ sở cho trí tưởng tượng Hy-lạp, và do đó làm cơ sở cho (nghệ thuật) Hy-lạp lại có thể tồn tại với những cái *Selfactors* (máy dệt tự động), đường xe lửa, đầu máy xe lửa và điện tín? Thần Vuyn-canh còn có ý nghĩa gì bên cạnh Công ty Rô-be, thần Giu-pi-te bên cạnh ống thu lôi, và thần Héc-mét bên cạnh Crédit Mobilier (Ngân hàng động sản)? Bất kỳ một câu chuyện thần thoại nào cũng đều khắc phục, khống chế và tạo thành các lực lượng của tự nhiên trong tưởng tượng và nhờ trí tưởng tượng do đó, nó sẽ biến mất khi người ta thực sự khống chế được các lực lượng này. Bên cạnh *Printing House square*⁽¹⁾ thì thần Pha-ma⁽²⁾ sẽ ra sao? Tiền đề của nghệ thuật Hy-lạp

(1) Xưởng in của tờ "Thời báo" (B.T.)

(2) Nữ thần trong thần thoại Hy-lạp, tượng trưng cho những tin đồn đi rất nhanh. (B.T.)

là thần thoại Hy-lạp, tức là tự nhiên và bản thân các hình thái xã hội đã được tri tưởng tượng của dân gian chế biến đi một cách nghệ thuật - vô ý thức. Đó là những vật liệu của nghệ thuật Hy-lạp. Nhưng không phải bất cứ loại thần thoại nào, nghĩa là bất cứ công việc chế biến nào cũng có tính chất nghệ thuật và không có ý thức đối với tự nhiên (ở đây chữ tự nhiên bao hàm tất cả cái gì gọi là khách quan, vậy gồm cả xã hội). Thần thoại Ai-cập không bao giờ có thể là miếng đất làm nảy sinh ra nghệ thuật Hy-lạp. Nhưng dù sao cũng cần có một thứ thần thoại nào đó. Như vậy, quyết không phải là một sự phát triển xã hội gạt bỏ mọi quan hệ thần thoại đối với tự nhiên, mọi việc thần thoại, hoá tự nhiên, do đó sự thần thoại hoá này đòi hỏi người nghệ sĩ phải có một tri tưởng tượng độc lập đối với thần thoại?

Mặc khác, A-khin có tồn tại được nữa không bên cạnh thuốc súng và đạn chì? hay là nói chung trường ca "*I-li-át*" có thể tồn tại được nữa không bên cạnh bàn in hay hơn thế nữa bên cạnh máy in? Những bài ca, những điệu hát và những nài thơ do đó những tiền đề tất yếu của loại thơ anh hùng ca, đã chẳng biến đi một cách tất yếu khi chiếc bàn in xuất hiện, hay sao?

Nhưng cái khó không phải là ở chỗ hiểu được rằng nghệ thuật Hy-lạp và thể anh hùng ca gắn liền với những hình thái nhất định của sự phát triển xã hội. Điều khó hiểu là ở chỗ nghệ thuật Hy-lạp, thể anh

hùng ca, vẫn còn cho ta một sự thoả mãn về thẩm mỹ, và về một số phương diện nào đó, chúng còn được dùng làm tiêu chuẩn, làm cái mẫu mực mà chúng ta chưa đạt tới được.

Một người lớn không thể trở lại thành trẻ con mà không rơi vào tính trẻ con. Nhưng lẽ nào người lớn lại không vui thích trước sự ngây thơ của trẻ con, và con người ta có phải chẳng còn mong muốn diễn lại, trên một mức độ cao hơn, cái bản chất chân chính của mình hay sao? Trong bản chất của trẻ con, mỗi một thời kỳ đã chẳng trông thấy sống lại cái bản tính của mình trong cái sự thực tự nhiên của nó hay sao? Tại sao buổi niên thiếu của xã hội loài người, khi nó đạt tới một sự phát triển đẹp đẽ nhất, tại sao cái giai đoạn phát triển đã vĩnh viễn qua đó lại chẳng có một sức hấp dẫn mãi mãi đối với con người ta? Có những đứa trẻ giáo dỡng không tốt và những đứa trẻ khôn sớm như người lớn. Nhiều dân tộc cổ đại thuộc loại đó. Những người Hy Lạp là những đứa trẻ bình thường. Sức hấp dẫn của nghệ thuật Hy Lạp đối với chúng ta không mâu thuẫn với tính chất cổ xưa của cái xã hội đã sản sinh ra nghệ thuật đó. Ngược lại, sức hấp dẫn đó chính lại là sản phẩm của cái hoàn cảnh đó và nó gắn liền với sự kiện là những điều kiện xã hội chưa chín muồi đã sản sinh ra nghệ thuật đó, và chỉ có trong những điều kiện đó nó mới sản sinh ra được,

những điều kiện xã hội đó đã vĩnh viễn không bao giờ trở lại được nữa.

CÁC-MÁC

"Góp phần phê phán Chính trị - kinh tế học" (In lần thứ hai) tr. 312 - 314.

Nxb Sự thật - Hà-nội, 1971.

Trong thời cổ đại đã phát triển hết sức mạnh mẽ chủ nghĩa duy vật tự phát. Để đánh giá cuộc sống trần thế vô cùng vô tận là cao hơn thế giới âm phủ, những người Hy-lạp đã coi cuộc sống ở cái thế giới bên kia là bất hạnh.

PH. EN-GHEN

"Lịch sử đạo cơ đốc sơ kỳ"

Hình thức thứ nhất là triết học Hy-lạp. Trong triết học này tư duy biện chứng xuất hiện với tính chất thuần phác tự nhiên của nó, nó chưa bị khuấy đục bởi những trở ngại đáng yêu mà chính chủ nghĩa siêu hình của thế kỷ XVII và XVIII - Bê-cơn và Lôc-cơ ở Anh, Vôn-phơ ở Đức- đã tự tạo ra cho mình và dùng để ngăn chặn con đường của mình tiến từ sự hiểu biết cái cá thể đến sự hiểu biết cái toàn thể, đến sự thấu suốt mối liên hệ phổ biến của sự vật. Chính vì người Hy-lạp chưa đạt đến trình độ mổ xẻ, phân tích giới tự nhiên; cho nên họ hãy còn quan niệm giới tự nhiên như một chỉnh thể và đứng về mặt toàn bộ mà xét chỉnh thể ấy.

Mối liên hệ chung giữa các hiện tượng tự nhiên chưa được chứng minh về chi tiết; đối với họ mối liên hệ đó là kết quả của trực giác trực tiếp. Đó chính là thiếu sót của triết học Hy-lạp, do đó mà sau này, nó buộc phải nhường bước cho cách nhìn khác. Nhưng chính đó cũng là ưu điểm của nó so với tất cả các địch thủ siêu hình sau này của nó. Nếu về chi tiết, chủ nghĩa siêu hình là đúng hơn so với những người Hy-lạp thì về toàn thể, những người Hy-lạp lại đúng hơn so với chủ nghĩa siêu hình. Đó là một trong những lý do làm cho trong triết học cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, chúng ta phải luôn luôn trở lại với thành tựu của cái dân tộc nhỏ bé đó, mà năng lực và hoạt động toàn diện của nó đã tạo ra cho nó một địa vị mà không một dân tộc nào khác có thể mong muốn được trong lịch sử nhân loại. Nhưng lý do khác là ở chỗ từ các hình thức muôn hình nghìn vẻ của triết học Hy-lạp, đã có mầm mống, và đang nảy nở hầu hết tất cả các loại thể giới quan sau này...

PH. EN-GHEN.

"Biện chứng của tự nhiên"

Nxb, Sự -thật, Hà-nội, tr. 54-55, 1971.

Trước kia chế độ công hữu nguyên thủy về ruộng đất, một mặt thì thích ứng với giai đoạn phát triển của những con người mà tầm mắt, nói chung, không vượt khỏi những cái gần gũi nhất với họ, và mặt khác là dựa vào số thừa ra về đất đai bỏ không tức là cái

số đất đai đem lại một lối thoát nhất định khỏi những hậu quả tai hại có thể xảy ra trong nền kinh tế hoàn toàn nguyên thủy đó. Một khi mà số đất thừa ấy không còn nữa thì chế độ công hữu ấy cũng sẽ tan rã theo. Tất cả những hình thức sản xuất cao đều đưa đến chỗ phân chia dân cư ra thành những giai cấp khác nhau và, do đó đưa đến chỗ đối lập với các giai cấp bị áp bức; nhưng đồng thời, lợi ích của giai cấp thống trị lại trở thành yếu tố thúc đẩy sản xuất, khi mà sự sản xuất không chỉ hạn chế trong việc duy trì đời sống thảm hại của những người bị áp bức.

PH. EN-GHEN

"Biện chứng của tự nhiên"

Nxb. Sự-thật, Hà-nội, 1971 tr. 272.

Hình thức sở hữu đầu tiên là sở hữu bộ lạc. Nó phù hợp với giai đoạn chưa phát triển của sản xuất, khi người ta sống bằng săn bắn và đánh cá, bằng chăn nuôi, hay cao nhất là bằng trồng trọt. Trong trường hợp sau thì phải có một số lớn đất đai chưa khai khẩn. Trong giai đoạn ấy, sự phân công lao động còn rất ít phát triển và hạn chế ở chỗ mở rộng hơn nữa sự phân công lao động hình thành một cách tự nhiên trong gia đình. Do đó, kết cấu xã hội chỉ giới hạn ở sự mở rộng của gia đình: từ trưởng của bộ lạc với ở bên dưới họ, là những thành viên của bộ lạc và cuối cùng là những nô lệ. Chế độ nô lệ tiềm tàng trong gia đình chỉ phát triển dần dần cùng với sự tăng thêm của dân số và

của nhu cầu và cùng với việc mở rộng sự giao tiếp đối ngoại, dưới hình thức chiến tranh cũng như dưới hình thức trao đổi.

C.MÁC - PH. EN-GHEN.

Phoi-ơ-bắc

*Sự đối lập giữa quan điểm duy vật chủ nghĩa
và quan điểm duy tâm chủ nghĩa (Chương I
của "Hệ tư tưởng Đức")*

Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 20.

Ở trình độ thấp của thời kỳ dã man đã bắt đầu phát triển những đặc tính cao của con người. Phẩm giá riêng, tài hùng biện, tinh thần tin ngưỡng, thẳng thắn, dũng cảm, gan dạ ngày nay trở thành những nét chung về đặt tính, song đồng thời cũng xuất hiện tính tàn bạo, phản phúc và lòng tin mù quáng.

CÁC-MÁC

(Tài liệu lưu trữ của C.Mác
và Ph.En-ghen, t.9, 1941, tr. 45).

Cái hình thức gia đình mới đó (gia đình một vợ một chồng - N.V.K) xuất hiện ra, với tính chất hà khắc nhất của nó, trong dân Hy-lạp. Như Mác đã chỉ rõ, vai trò của các nữ thần trong thần thoại đã biểu thị một thời kỳ xưa hơn, được tôn trọng hơn; nhưng đến thời đại anh hùng, chúng ta thấy người đàn bà đã bị rẻ rúng trước ưu thế của người đàn ông và trước sự cạnh tranh của nữ nô lệ. Ta hãy đọc "Ô-đi-xê" thì thấy

Tê-lê-mác đã mắng mẹ và bắt mẹ phải im miệng như thế nào⁽¹⁾. Trong tác phẩm của Hô-me-rơ, những thiếu phụ bị bắt đều phải chịu đựng đủ trò xác thịt của kẻ chiến thắng; bọn cầm đầu lần lượt theo thứ tự cấp bậc mà chọn lấy những người đẹp nhất, ai nấy đều biết rằng toàn truyện "*I-li-át*" chỉ xoay quanh sự xích mích giữa A-khin và A-ga-men-nông vì tranh nhau một nữ nô lệ. Mỗi người anh hùng ít nhiều trọng yếu của Hô-me-rơ đều có một nữ tu binh trẻ tuổi cùng chung giường, chung giường. Kẻ chiến thắng mang các cô gái trẻ ấy về nước và về gia đình mình: như trong kịch của Êt-khin, A-ga-men-nông đem Cát-xăng-đơ về; những đứa con trai do các nữ nô lệ ấy sinh ra được hưởng một phần nhỏ gia tài của cha và được coi là những người tự do; như Tô-xe con trai không chính thức của Tê-lê-mông, vẫn có quyền lấy họ của cha mình. Còn người vợ chính thức thì người ta cho là phải chịu đựng tất cả những điều đó, nhưng đồng thời lại phải giữ trinh tiết và lòng trung thành với chồng một cách nghiêm cẩn nhất. Đành rằng người đàn bà Hy-lạp ở thời đại anh hùng được tôn trọng hơn trong thời đại văn minh, nhưng xét cho cùng thì đối với chồng, họ cũng chỉ là mẹ của những đứa con kế thừa chính thức của chồng, là người quản gia chính của nhà chồng và là người cai quản các nữ nô lệ mà người

(1) Xem "*Ô-di-xế*", Nxb Văn học, Hà-nội, 1966, tr. 25.

chồng có thể lấy và tùy ý lấy làm tỳ thiếp. Sự tồn tại của chế độ nô lệ bên cạnh chế độ một vợ một chồng, sự có mặt của những người nữ nô lệ trẻ, đẹp, thuộc về người đàn ông cả tâm hồn lẫn thể xác, điều đó ngay từ đầu, đã khiến cho chế độ một vợ một chồng có cái tính chất đặc biệt là: chỉ một vợ một chồng đối với đàn bà mà thôi, chứ không phải đối với đàn ông. Và đến nay chế độ một vợ một chồng vẫn còn giữ tính chất ấy...

PH. EN-GHEN

"Nguồn gốc của gia đình..." tr. 89 - 90

Nxb Sự thật - Hà nội - 1961.

Với tất cả cái tính chất phác và giản dị của nó, tổ chức thị tộc đó quả là một chế độ tốt đẹp thật! Không có quân đội, hiến binh, cũng không có cảnh sát, không có quý tộc, vua chúa, cũng không có tổng đốc, không có quan cai trị và cũng không có quan toà, không có nhà tù, không có kiện cáo, thế mà mọi việc đều trôi chảy cả. Mọi sự xích mích và mọi sự tranh chấp đều do tập thể của những người có liên quan đến vấn đề, tức là thị tộc hoặc bộ lạc, hoặc giữa các thị tộc với nhau, - tự giải quyết lấy; việc báo thù nọ máu có thể xảy ra, nhưng đó chỉ là một thủ đoạn cực đoan, rất ít khi dùng đến, và tội tử hình của chúng ta ngày nay chẳng qua chỉ là hình thức văn minh của việc báo thù đó mà thôi, một hình thức có tất cả những cái ưu điểm và những cái bất tiện của thời đại văn minh. Mặc dầu

những công việc chung thì bề bộn hơn nhiều so với những công việc đời nay, - trong một loạt nhiều gia đình, nền kinh tế gia đình vẫn là nền kinh tế chung và cộng sản chủ nghĩa; đất đai là tài sản của bộ lạc, chỉ có những mảnh vườn nhỏ bé mới tạm giao cho các gia đình sử dụng, - thế nhưng người ta cũng không cần một tý nào đến cái bộ máy cai trị công kênh và phức tạp của chúng ta. Mọi việc đều do những người hữu quan tự giải quyết lấy và trong đa số trường hợp thì mọi việc đều đã do một tập quán lâu đời giải quyết trước cả rồi. Ở đây không thể có nghèo khổ và thiếu thốn, - nền kinh tế gia đình cộng sản chủ nghĩa và thị tộc biết những nghĩa vụ của mình đối với những người già yếu, những người mắc bệnh tật, những thương binh. Tất cả đều bình đẳng và tự do, - kể cả phụ nữ. Ở đây, chưa có thể có nô lệ và nói chung cũng chưa thể có sự nô dịch những bộ lạc khác (...).

Trước khi có sự phân chia thành những giai cấp khác nhau thì con người và xã hội loài người trước đây là như vậy. Và nếu chúng ta đem so sánh tình cảm của họ với tình cảm của tối đại đa số những người văn minh ngày nay, thì giữa người vô sản hoặc người tiểu nông ngày nay với thành viên tự do của thị tộc ngày xưa, có sự khác nhau thật là lớn (...)

Đó là một mặt của vấn đề. Nhưng chúng ta không nên quên rằng tổ chức ấy nhất định phải đi đến chỗ diệt vong. Nó không phát triển vượt ra ngoài bộ lạc được; liên minh của những bộ lạc đã đánh dấu bước

đầu của sự suy tàn của những bộ lạc này, như sau này ta sẽ thấy (...) Cái gì ở ngoài bộ lạc là ở ngoài pháp luật. Ở chỗ nào không có một hoà ước rõ ràng thì ở đó chiến tranh xảy ra liên miên giữa các bộ lạc, và người ta tiến hành chiến tranh với một mức độ tàn bạo khiến cho con người khác các động vật khác, và chỉ về sau này, sự tàn bạo đó mới được lợi ích vật chất, làm cho dịu bớt đi. Tiền đề của chế độ thị tộc ở thời kỳ toàn thịnh của nó, như chúng ta thấy ở châu Mỹ là một nền sản xuất hoàn toàn phôi thai và do đó là một dân cư sống hết sức thưa thớt trên một khu vực rộng lớn, tức là tình trạng con người gần như hoàn toàn chịu sự chi phối của giới tự nhiên bên ngoài, - cái giới tự nhiên đang đứng sừng sững trước mặt họ như một kẻ xa lạ, giới tự nhiên mà con người không hiểu được, - tình trạng bị chi phối đó phản ánh vào những quan niệm tôn giáo ngây thơ của con người. Bộ lạc vẫn là một giới hạn đối với con người vô luận là đối với ở bộ lạc khác hoặc đối với bản thân mình thì cũng vậy: bộ lạc, thị tộc, và các chế độ của bộ lạc và thị tộc đều là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, đều là một quyền lực tối cao do tự nhiên cấp cho, quyền lực mà mỗi người phải hoàn toàn phục tùng, trong tình cảm, tư tưởng và hành động của mình. Chừng nào mà những người ở thời đại ấy còn tỏ ra uy nghiêm đối với chúng ta, chừng nào mà giữa họ không có gì khác nhau cả, thì như Mác nói, họ vẫn chưa rút ra khỏi cái cuống nhau của công xã nguyên thủy. Quyền lực của công xã nguyên thủy đó nhất định phải bị phá tan -

và nó đã bị phá tan rồi. Nhưng nó đã bị phá tan bởi những ảnh hưởng mà thoát tiên chúng ta coi là một sự suy đồi, một bước sa ngã đầu tiên từ sự chất phác và đạo đức của chế độ thị tộc cũ xuống. Chính những lợi ích hèn hạ nhất - tính tham lam tầm thường, lòng khao khát khoái lạc cuồng bạo, tính bủn xỉn hèn hạ, nạn ăn cắp của chung làm của riêng - là những lợi ích mở đầu cho xã hội văn minh mới, xã hội có giai cấp; chính những thủ đoạn bỉ ổi nhất - trộm cắp, dùng bạo lực, xảo trá, phản bội - là những thủ đoạn đã phá vỡ xã hội thị tộc không có giai cấp ngày xưa và đưa xã hội đó đến chỗ diệt vong. Và bản thân xã hội mới, trong hai nghìn năm trăm năm tồn tại, vẫn chỉ là sự phát triển của cái thiểu số nhỏ những người sống bám vào tuyệt đại đa số những người bị áp bức bóc lột, và ngày nay hơn bao giờ hết, cái xã hội mới đó vẫn là như vậy không có gì khác cả.

PH. EN-GHEN

"Nguồn gốc của gia đình..." tr. 141 - 145

Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1961.

Trong những thi ca của Hô-me-rơ, người ta thấy các bộ lạc Hy-lạp thường thường đã liên kết thành những bộ tộc nhỏ, nhưng trong đó, thị tộc, bào tộc và bộ lạc tuy vậy vẫn còn giữ được tính chất tự trị của nó. Những bộ tộc đó trước kia sống trong những thành thị xung quanh có thành quách bảo vệ; dân số tăng lên theo đà phát triển của nghề chăn nuôi, của nghề nông và của nghề thủ công mới chớm nở; đồng thời sự chênh

lệch về của cải ngày cũng tăng lên và cùng với những sự chênh lệch này, thì thành phần quý tộc trong nội bộ chế độ dân chủ thời xưa cũng tăng lên. Những bộ tộc nhỏ khác nhau tiến hành những cuộc chiến tranh liên miên với nhau để chiếm những vùng đất đai tốt nhất và có lẽ cũng là để thu chiến lợi phẩm; ngay từ thuở đó, việc bắt tù binh làm nô lệ là một chế độ được mọi người thừa nhận...

PH. EN-GHEN

"*Nguồn gốc của gia đình...*" tr. 154
NXb Sự thật, hà-nội. 1961.

Trong tập "*I-li-át*", A-ga-men-mông, người chỉ huy các chiến binh, không phải là một ông vua tối cao của người Hy-lạp, mà là một vị tổng tư lệnh của một quân đội liên minh, trước một thành thị bị bao vây. Và khi mối bất hoà xảy ra giữa người Hy-lạp, thì chính cái địa vị ấy đã được Uy-li-xơ nói đến trong đoạn văn nổi tiếng này: "*đồng người chỉ huy là điều không tốt; chỉ một người chỉ huy thôi...*" v.v...⁽¹⁾ (và câu thơ mà nhiều người đã biết, trong đó về vương quyền, là một câu về sau người ta thêm vào): ... Ở đây Uy-li-xơ không diễn thuyết về một hình thức thống trị; anh chỉ đòi người ta phải tuân theo lệnh của người có quyền chỉ huy tối cao trong chiến tranh. Đối với người Hy-lạp, chỉ khi

(1) "... Ở đây không thể nào tất cả mọi người A-kê-en chúng ta đều nắm quyền thống soái. Quyền chỉ huy thuộc nhiều người là không tốt. Chỉ cần một người chỉ huy, một ông vua là đủ..." (*I-li-át*, tr. 46, Nxb Văn học, 1966) (*Iliade*, II, 203-204).

đứng trước thành Tư-ra họ mới là quân đội, - thì mọi việc đều được giải quyết một cách khá dân chủ trong đại hội nhân dân. Khi nói về các "tặng phẩm", nghĩa là nói về việc phân chia chiến lợi phẩm, A-khin không uỷ thác việc phân phối đó cho A-ga-men-nông hoặc cho một thủ lĩnh quân sự nào khác, mà lại uỷ thác cho "con cháu người A-kê-en", nghĩa là cho nhân dân. Những biểu hiện như biểu hiện "do thần Dớt sinh ra", "do thần Dớt nuôi dưỡng" không chứng minh cái gì cả, vì rằng *mỗi thị tộc* đều là con cháu của một vị thần "cao quý hơn", - ở đây, là thần Dớt. Ngay cả những người không được hưởng quyền tự do cá nhân như anh chăn lợn Ở-mê chẳng hạn, cũng đều là thuộc dòng dõi thần cả (*diot et theioi*); và điều này có nói trong tập "Ô-đi-xê", tức là nói vào thời kỳ sau tập "I-li-át" rất lâu; cũng trong tập "Ô-đi-xê" đó, người ta còn đem gán cái danh hiệu anh hùng cho anh chàng truyền lệnh Mi-li-ốt, cũng như cho Đê-mô-đô-cốt, một người mù hát rong. Tóm lại tiếng *basileia* mà các nhà văn Hy-lạp dùng để chỉ cái gọi là vương quyền trong thơ Hô-me-rơ (bởi vì quyền chỉ huy quân đội là cái dấu hiệu chủ yếu để nhận ra cái gọi là vương quyền đó), cái vương quyền có kèm theo Hội đồng và đại hội nhân dân, tiếng đó chỉ có nghĩa là nền dân chủ quân sự mà thôi (Mác).

PH. EN-GHEN.

"Nguồn gốc của gia đình..." tr. 157 - 158

Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961.

... Thủ lĩnh quân sự, hội đồng, đại hội nhân dân,

đó là những cơ quan của cái xã hội thị tộc đã phát triển để trở thành một xã hội theo chế độ dân chủ quân sự. Nói là quân sự vì chiến tranh và cái tổ chức để tiến hành chiến tranh bây giờ đã trở thành những chức năng thường xuyên trong sinh hoạt của nhân dân. Những của cải của những kẻ lảng giềng khêu gợi lòng tham lam của các bộ tộc, trong đó việc chiếm được của cải tuồng như đã trở thành một trong những mục đích quan trọng của cuộc sống. Đó là những người dã man: cướp bóc đối với họ hình như dễ dàng hơn, và thậm chí còn vinh dự hơn là lao động sáng tạo. Ngày trước người ta tiến hành chiến tranh chỉ là để trả thù những vụ chiếm đoạt hoặc để mở rộng một lãnh thổ đã trở nên chật hẹp, thì bây giờ người ta tiến hành chiến tranh chỉ là nhằm mục đích cướp bóc và làm cho chiến tranh trở thành một ngành kinh doanh thường xuyên. Không phải bỗng dưng mà người ta lại dựng lên những bức thành đáng ghê sợ chung quanh những thành thị kiên cố mới; những hào sâu chung quanh thành là cái mồi của chế độ thị tộc và những vọng gác của thành đã đứng lên sừng sững trong thời đại văn minh. Ở bên trong thì cũng vậy. Những cuộc chiến tranh cướp bóc đều làm tăng thêm quyền lực của thủ lĩnh quân sự tối cao cũng như quyền lực của các thủ lĩnh tùy thuộc; việc lựa chọn một cách theo tập quán những người kế thừa các thủ lĩnh đó trong cùng một gia đình, dần dần trở thành, - đặc biệt là từ lúc có chế độ phụ quyền, - một chế độ thế tập, chế độ này lúc đầu, thì người ta dung thứ, về sau thì người

ta đòi hỏi và cuối cùng thì người ta tiếm đoạt lấy; cơ sở của vương quyền thế tập và của quý tộc thế tập đã được xác lập. Như vậy, những cơ quan của tổ chức thị tộc dần dần tách khỏi cái gốc rễ của chúng trong nhân dân, trong thị tộc, bầy tộc, bộ lạc, và toàn bộ cái chế độ thị tộc chuyển hoá thành cái đối lập với nó: từ một tổ chức bộ lạc có nhiệm vụ giải quyết tự do công việc của mình, nó đã trở thành một tổ chức để cướp bóc và áp bức láng giềng; và do đó, các cơ quan của nó, lúc đầu là công cụ của ý chí của nhân dân, đã trở thành những cơ quan độc lập thống trị và áp bức nhân dân dưới quyền của các cơ quan đó. Nhưng tình hình đó không bao giờ có thể xảy ra được, nếu lòng khát khao của cái không làm cho các thành viên thị tộc chia thành người giàu và kẻ nghèo, nếu "sự chênh lệch về tài sản trong nội bộ cùng một thị tộc không biến sự thống nhất về quyền lợi thành *đối kháng* giữa các thành viên của thị tộc" (Mác), và nếu sự phát triển rộng rãi của chế độ nô lệ chưa bắt đầu làm cho người ta quan niệm rằng sống bằng lao động của mình là một hoạt động chỉ xứng với những người nô lệ và nhục nhã hơn là đi cướp bóc.

PH. EN-GHEN

" *Nguồn gốc gia đình...*" tr. 248-249

Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1961

Với cái chế độ xã hội đó làm cơ sở, thời đại văn minh đã làm được những việc mà xã hội thị tộc cũ không tài nào làm nổi. Nhưng thời đại văn minh đã

làm nên những việc đó bằng cách kích thích những bản năng và những dục vọng hèn hạ nhất của con người và bằng cách phát triển những bản năng và những dục vọng ấy do đó đồng thời làm tổn hại đến tất cả những năng khiếu khác của con người. Lòng tham lam đề tiện là linh hồn của thời đại văn minh và từ lúc thời đại đó mới ra đời cho đến ngày nay: giàu có, giàu có nữa và luôn luôn giàu có thêm, không phải là sự giàu có của xã hội, mà là sự giàu có của cái cá nhân riêng rẽ nhỏ nhen kia, đó là mục tiêu duy nhất và quyết định của thời đại văn minh. Nếu như tình cờ mà thời đại văn minh đã từng có được sự phát triển ngày càng cao của khoa học và trong nhiều thời kỳ có sự đua nở huy hoàng nhất của nghệ thuật thì đó chỉ là vì, nếu không có khoa học và nghệ thuật, người ta không thể nào có được cái thành quả mỹ mãn trong việc tích lũy những của cải như của thời đại chúng ta hiện nay.

Vì cơ sở của thời đại văn minh là sự bóc lột của một giai cấp này đối với một giai cấp khác, cho nên toàn bộ sự phát triển của nó diễn ra trong một mối mâu thuẫn thường xuyên. Mỗi bước tiến của sản xuất đồng thời cũng đánh dấu một bước lùi trong tình cảnh của giai cấp bị áp bức, nghĩa là của đại đa số người. Cái mà người này cho là phúc lợi thì đối với người kia nhất định phải là tai họa, mỗi cuộc giải phóng mới của giai cấp này đều là một sự áp bức mới đối với một giai cấp khác. Việc dùng máy móc đem lại những hậu quả mà ngày nay ai ai cũng biết là một bằng chứng

nổi bật nhất về sự tình đó. Và như chúng ta đã thấy nếu những người đã man rất khó có thể phân biệt được rõ quyền lợi với nghĩa vụ, thì thời đại văn minh đã chỉ cho người ta, ngay cả người kém cỏi nhất, thấy rõ được sự khác nhau và sự đối lập giữa quyền lợi và nghĩa vụ khi nó đã thừa nhận cho một giai cấp này được hưởng hầu hết các quyền lợi, còn giai cấp kia thì trái lại phải gánh hầu hết các nghĩa vụ.

Nhưng không thể để có tình trạng như thế được. Cái gì tốt đối với giai cấp thống trị, phải là tốt đối với toàn thể xã hội và giai cấp thống trị với toàn thể xã hội chỉ là một. Bởi vậy, văn minh mà càng tiến lên thì nó càng buộc phải dùng cái áo từ thiện để che đậy cho những tai họa mà tất nhiên nó phải gây ra, buộc phải tô son điểm phấn cho những tai họa đó hoặc phải phủ nhận những tai họa đó, tóm lại, nó buộc phải tạo ra một sự giả dối chưa từng thấy trong những hình thái xã hội trước đây, cũng như trong những giai đoạn đầu của thời đại văn minh, sự giả dối mà cái đỉnh cao nhất là sự khẳng định này: giai cấp bóc lột tiến hành bóc lột giai cấp bị áp bức cũng chỉ là vì lợi ích của chính giai cấp bị bóc lột: và nếu giai cấp bị bóc lột không thấy điều đó, mà thậm chí còn đi đến chỗ phản kháng lại thì đó là điều vong ân bội nghĩa đê hèn nhất đối với những ân nhân của mình, tức là những kẻ bóc lột mình.

Và bây giờ để kết luận, xin trích ra đây một đoạn văn của Moóc-gan nhận định về thời đại văn minh: "Từ khi thời đại văn minh ra đời, của cải đã tăng lên

rất nhiều, hình thức của cải thì có rất nhiều vẻ, việc sử dụng của cải thì rất rộng rãi và sự quản lý của cải vì lợi ích của những kẻ có của thì rất khéo léo, nên đối với nhân dân, của cải đó đã *trở thành một lực lượng không sao khống chế nổi. Trí tuệ của loài người đứng phân vân bất lực, trước cái vật do chính mình sáng tạo ra.* Nhưng tuy vậy, cũng sẽ có ngày mà lý trí của loài người đủ mạnh để chi phối của cải, có ngày mà lý trí của loài người sẽ quy định những quan hệ giữa Nhà nước và tài sản mà nó bảo hộ, cũng như sẽ quy định cả phạm vi cho những quyền lợi của những người sở hữu. Lợi ích của xã hội tuyệt đối phải cao hơn lợi ích cá nhân và cả hai thứ lợi ích đó, phải cùng được xây dựng trong một quan hệ công bằng và cân đối. Nếu sự tiến bộ vẫn là quy luật của tương lai, cũng như nó đã từng là quy luật của quá khứ, thì việc chỉ đơn thuần tìm kiếm của cải không phải là mục đích cuối cùng của nhân loại. Thời gian đã trôi qua từ buổi bình minh của thời đại văn minh đến nay chỉ là một phần rất ngắn trong quãng đời của quá khứ nhân loại, chỉ là một phần rất ngắn của thời gian mà loài người sẽ phải trải qua. Sự tan rã của xã hội đang hiện lên từng từng trước mắt chúng ta, nó là sự kết thúc một thời kỳ lịch sử mà mục đích cuối cùng duy nhất là làm giàu; vì một thời kỳ lịch sử như thế chứa đựng những yếu tố làm cho nó tự tan rã. Dân chủ trong công việc quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi, giáo dục phổ cập, tất cả những thứ đó sẽ mở đầu cho giai đoạn cao sắp tới của xã hội, mà kinh

nghiệm, lý trí và khoa học đang không ngừng ra công xây dựng. Đó sẽ là một sự phục sinh - nhưng dưới một hình thức cao hơn - của tự do, bình đẳng và hữu ái của những thị tộc cổ đại. (Mooc-gan, Xã hội cổ đại, tr. 552).

PH. EN-GHEN

" Nguồn gốc của gia đình..." tr.268-271

Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1961

Mác đã thể hội được tính tất yếu của lịch sử, Mác hiểu rằng, bọn chiếm hữu nô lệ cổ đại, bọn quân chủ phong kiến trung cổ, với tư cách là động lực của tiến bộ loài người, là chính đáng đối với một thời kỳ có hạn nào đó của lịch sử. Do đó, việc bóc lột, tức là việc kẻ khác thừa hưởng thu hoạch lao động cũng được thừa nhận là có tính chính đáng lịch sử trong một thời kỳ nào đó. Nhưng đồng thời Mác cũng chứng minh rằng tính chính đáng lịch sử ấy hiện nay chẳng những đã mất đi, mà hơn nữa, sự bóc lột, dù là mang bất cứ hình thái nào, cũng không còn thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội nữa, trái lại ngày càng cản trở nó, lôi cuốn nó vào mâu thuẫn ngày càng kịch liệt.

PH. EN-GHEN

(Chủ nghĩa xã hội của nhà luật học, 1887)

*Các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác
bàn về khoa học lịch sử - Nxb Sự Thật -*

Hà-nội. 1963, tr. 314

M. GOR-KI

Truyền thuyết và thần thoại càng cổ xưa bao nhiêu thì trong đó càng vang lên mạnh mẽ sự chiến thắng rực rỡ của con người đối với các lực lượng thiên nhiên bấy nhiêu. Hầu hết trong các thần thoại cổ đại con người đã bị thần thánh trừng phạt vì đã phạm tội loài người: Prô-mê-tê bị trừng phạt vì ăn cắp lửa của Thượng đế; Tãng-ta-lơ vì đã ăn cắp thức ăn của các thần, thần đơn và rượu thánh; Si-di-phơ vì đã xiềng Thần Chết do Dốt phái đến, bởi vậy loài người tránh được cái chết (...)

Hình tượng là vật chứa đựng một số kinh nghiệm nhất định và được cảm thụ như một tư tưởng, tư tưởng này thúc tỉnh sức mạnh sáng tạo, bổ sung cho cái thiếu sót của cuộc sống thực bằng cái ước mong và cái có thể. Bởi vậy thần thoại không phải là trí tưởng tượng vô bổ mà trong cơ sở của nó là một chân lý có thực được bổ sung bằng trí tưởng tượng và được huy động ra để dắt dẫn cuộc sống của tập thể (...)

Những truyền thuyết đối với chúng ta còn có ý nghĩa hơn là thần thoại bởi vì trong đó quần chúng lao động được phản ánh phong phú hơn và sáng tỏ hơn. Đặc điểm tư duy của quần chúng với những ước

mơ và quan hệ của họ đối với lao động được biểu hiện một cách rõ ràng hơn. Cần phải đặc biệt chú ý rằng cái gọi là "sức mạnh không gì kìm hãm được của tưởng tượng" thực chất là sự khẳng định sức mạnh toàn năng của lao động đang làm thay đổi thế giới (...)

Chính vì vậy những vị thần của Hô-me-rơ - những vị thần của ngọn núi Ô-lanh-pơ thật giống như những con người trần tục vui vẻ, và đúng là những người thợ rèn tài năng, những người thợ làm đồ gốm, những ca sĩ, những nhạc sĩ, những người thợ dệt, những người nấu bếp, và tất cả những con người thực đã là chất liệu đầu tiên cho việc xây dựng nên những vị thần đó.

M. GOR-KI

Lời mở đầu cho đề cương biên soạn
cuốn Văn tuyển đăng ở báo Sự thật
số 167, 18-7-1939.

Chỉ có nhu cầu phải nhìn trước sự phát triển kỳ lạ của sức lực và khả năng của mình mới đưa họ (người nguyên thủy (N.V.K) tới chỗ sáng tạo ra thần thánh. Thừa nhận sự phát triển ấy, người nguyên thủy đã thấy đúng: họ quan niệm những thần thánh là những con người tài giỏi đã chiến thắng thiên nhiên, chiến thắng vật chất. Những truyền thuyết cổ đại không hề nói đến thần thánh ăn không ngồi rồi. Đây là những người thợ rèn, thợ săn, người chăn nuôi súc vật, thủy thủ, nhạc công, thợ mộc; ngay cả những vị nữ thần cũng làm đủ mọi nghề: quay sợi, nấu ăn, chữa bệnh.

Cái gọi là "sáng tác tôn giáo" của người nguyên thủy, thực chất chỉ là một sáng tác nghệ thuật không hề nhuộm chút màu sắc thần bí. Màu sắc thần bí này xuất hiện khi cá nhân, vì nguyên nhân này hay nguyên nhân khác mà xa rời tập thể bắt đầu hiểu rõ sự vô nghĩa của cuộc sống của mình, tự cảm thấy bất lực trước thiên nhiên, và nhất là trước quyền lực của tập thể đang đòi hỏi một cách chính đáng ở hần ta một sự đóng góp bình đẳng trong lao động. Thực ra người ta không thể quan niệm được rằng, gia đình hay thị tộc nguyên thủy lại có thể dung túng cho những hạng người lười biếng chỉ mong trốn tránh lao động tập thể nhằm bảo đảm lương ăn và bảo vệ an toàn cho cả nhóm; những hạng người như thế chắc chắn sẽ bị tập thể trừ khử.

M. GOR-KI

"Bàn về văn học" tập II (Bàn về đề tài)
Nxb Văn học, - Hà-nội, 1970.

Các nhà văn hoá sử nghiên cứu thời nguyên thủy tuyệt nhiên không nhắc đến những dấu hiệu hiển nhiên của lối tư duy duy vật đã nảy sinh một cách tất yếu do sự thúc đẩy của sinh hoạt xã hội của những người cổ đại. Những dấu hiệu đó đã lưu truyền cho đến ngày nay dưới hình thức những truyện cổ tích và những truyền thuyết, trong đó chúng ta nghe thấy những dư âm của cái thời mà con người bắt thú về nuôi làm gia súc, phát hiện những thứ thảo mộc dùng

để chữa bệnh, phát minh những công cụ lao động. Ngay từ thời tối cổ, con người đã mơ ước có thể bay trên không như ta có thể thấy qua chuyện Pha-ê-tôn⁽¹⁾, chuyện Ê-dan⁽²⁾ và con trai là I-ca-rơ cũng như chuyện tám trăm biết bay⁽³⁾. Họ mơ ước tìm cách di chuyển nhanh hơn trên mặt đất - truyện cổ tích đôi hài ngàn dặm - họ thuần phục giống ngựa, ý muốn di chuyển trên sông nhanh hơn dòng nước đã đưa đến chỗ phát minh ra chèo và buồm; ý muốn giết kẻ thù hay săn thú từ xa là nguyên do phát minh ra nỏ, cung, tên. Họ mơ tưởng có thể dệt xong trong một đêm một số vải vóc thật lớn, xây xong trong một đêm một ngôi nhà thật tốt hay thậm chí cả một toà "lâu đài", tức là một chỗ ở kiên cố có thể chống chọi với kẻ thù; họ sáng tạo ra sa quay sợi, một trong những công cụ lao động cổ xưa nhất, sáng tạo ra khung cửi dệt tay và sáng tạo ra truyện cổ tích về nàng Va-xi-li-xa khôn ngoan tuyệt trần⁽⁴⁾. Còn có thể dẫn thêm hàng chục bằng chứng cho thấy rõ tính chất thực tế của những truyện cổ tích và truyền thuyết, hàng chục bằng chứng cho thấy rõ khả năng nhìn xa thấy rộng của lối tư duy

(1) Pha-ê-tôn: nhân vật thần thoại Hy-lạp, con trai của A-pô-lông đã lấy trộm xe mặt trời của bố (BT).

(2) Nhân vật thần thoại Hy-lạp rất dôi dào óc phát minh đã dùng lông chim chấp thành cánh để bay (BT).

(3) Truyện cổ tích Ả-rập. Trong vốn truyện dân gian Nga cũng có truyện tương tự (B.T).

(4) Truyện dân gian Nga, (B.T).

hình tượng đầy tinh chất giả thiết, nhưng đã mang yếu tố công nghệ học, của những người nguyên thủy, đã nâng lên được đến tầm những giả thiết hiện đại, chẳng hạn như việc sử dụng lực quay của quả đất xung quanh trục của nó để làm tan những tảng băng ở Nam Bắc cực. Tất cả những truyền thuyết và truyện cổ tích cổ đại dường như kết tinh lại trong truyện Tăng-tan: Tăng-tan đứng dưới suối, nước lên đến cổ, khát bồng hòng mà không sao uống được⁽¹⁾ đó chính là hình ảnh của con người cổ đại đứng giữa những hiện tượng của ngoại giới mà không sao biết được nó.

Tôi không chút nghi ngờ rằng chúng ta đều biết những truyện cổ tích, truyền thuyết cổ đại, nhưng một điều rất đáng mong ước là làm sao hiểu sâu hơn nữa ý nghĩa của những truyện đó. Ý nghĩa đó chung quy là ước vọng của những người lao động thời cổ muốn cho lao động của mình được nhẹ nhàng hơn, muốn tăng năng suất lao động, muốn tự vệ trang để chống lại kẻ thù bốn chân và hai chân, và đồng thời muốn dùng sức mạnh của từ ngữ, dùng những câu "thần chú" để tác động đến những hiện tượng tự phát của thiên nhiên vốn thù địch với con người. Điều này đặc biệt quan trọng, vì nó cho thấy rõ con người ngày xưa đã tin tưởng sâu sắc như thế nào vào sức mạnh của lời nói, và sở dĩ họ tin tưởng như vậy là vì lời nói có

(1) Truyện thần thoại Hy-lạp. Theo truyện này Tăng-tan cúi xuống đến đâu thì nước lại hạ xuống đến đấy. (B.T).

một lợi ích rõ rệt và hoàn toàn thực tế: nó tổ chức các mối tương quan xã hội và các quá trình lao động của loài người. Người ta còn dùng những câu "thần chú" để hòng tác động đến thần linh nữa. Đó là lẽ hoàn toàn tự nhiên, vì tất cả các thần linh cổ đại đều sống trên quả đất, đều giống người về hình dạng cũng như cách xử sự: họ cũng có lòng khoan dung đối với những kẻ phục tùng, cũng có thái độ thù địch đối với những kẻ ương ngạnh, họ cũng hay ghen ghét, thù hằn, ưa chuộng hư vinh như loài người. Việc các thần linh cũng giống như người là một trong những bằng chứng xác nhận ý kiến cho rằng tư duy tôn giáo phát sinh không phải do việc chiêm ngưỡng các hiện tượng tự nhiên, mà phát sinh trên cơ sở của cuộc đấu tranh xã hội. Rất có thể ước đoán rằng nguyên liệu để chế tạo ra các thần linh chính là những người thuộc lớp "quý tộc" cổ đại - Héc-quyn "anh hùng lao động", "bậc thầy trong mọi nghề" cuối cùng đã được đưa lên Ô-lanh-pơ ngồi giữa các thần. Trong quan niệm của người cổ đại, thần linh không phải là một khái niệm trừu tượng, một vật hoang đường, mà là một vật hoàn toàn hiện thực, được vũ trang bằng một công cụ lao động nào đó. Thần là bậc thầy của một ngành sản xuất nào đó, là người dạy dỗ và giúp đỡ con người. Thần là hình tượng khái quát của những thành công trong lao động, và cái tư duy "tôn giáo" của quần chúng lao động phải hiểu theo nghĩa bóng, vì đó là một sáng tạo có tính chất thuần túy nghệ thuật. Trong khi lý tưởng hoá

các năng lực của con người và dường như tiên cảm sự phát triển mạnh mẽ của nó, thần thoại về căn bản có tính chất hiện thực chủ nghĩa. Ở phía dưới mỗi sự vươn lên của trí tưởng tượng cổ đại đều có thể dễ dàng tìm thấy động lực của nó mà cái động lực đó thì bao giờ cũng là ước vọng của loài người muốn làm cho lao động của mình được nhẹ nhàng hơn. Hoàn toàn hiển nhiên là ước vọng này đã được đưa vào cuộc sống do những người lao động chân tay. Cũng hoàn toàn hiển nhiên là giả sử thượng đế không có lợi thiết thân cho những kẻ thống trị quả đất, những kẻ bóc lột sức lao động như vậy thì thượng đế cũng không tồn tại lâu đến thế trong cuộc sống thường ngày của những người lao động.

M. GOR-KI

"Bàn về văn học" tập II (Văn học xô viết)
Nxb Văn học - Hà-nội - 1970.

Vào những buổi ấu thời, tuân theo bản năng tự tồn, trong khi tay không vật lộn với thiên nhiên, trong tâm trạng sợ hãi, ngạc nhiên và khâm phục trước tạo hoá, nhân dân đã sáng tạo ra tôn giáo vốn là thi ca của họ và bao gồm tất cả những tri thức của họ về những sức mạnh của thiên nhiên, tất cả cái vốn kinh nghiệm họ đã tích lũy được qua những cuộc xung đột với các lực lượng thù địch ở xung quanh họ. Những trận đấu chiến thắng thiên nhiên đã cho họ cảm biết được cái thế vững chãi của mình, khiến họ thấy tự hào, thấy

muốn giành thêm những thắng lợi mới, và cổ vũ họ sáng tạo một thiên sử thi anh hùng đã trở thành cái kho tàng chứa đựng những hiểu biết của nhân dân về bản thân họ, những yêu cầu của họ đối với bản thân. Về sau thần thoại và sử thi hoà hợp lại làm một, bởi vì nhân dân, trong khi xây dựng nhân vật sử thi, đã tập trung hết vào cái cá nhân anh hùng đó tất cả sức mạnh của tâm lý tập thể và đưa nó ra đối lập hay đặt ngang hàng với các thần linh.

Trong thần thoại và trong sử thi, cũng như trong ngôn ngữ, vốn là hoạt lực chủ yếu của thời đại, đều có thể thấy rõ công trình sáng tạo của tập thể, của toàn dân chứ không phải là hoạt động tư duy riêng rẽ của một con người (...)

Chỉ có thể lấy cái sức mạnh khổng lồ của tập thể mới cắt nghĩa được vẻ đẹp sâu xa của thần thoại và sử thi mà cho đến nay vẫn chưa có gì vượt nổi, một vẻ đẹp xây dựng trên sự hài hoà tuyệt đỉnh giữa tư tưởng và hình thức. Sự hài hoà này sở dĩ có được là do tính toàn vẹn của tư duy tập thể, trong đó hình thức bên ngoài là một bộ phận hữu cơ của tư tưởng sử thi, một từ bao giờ cũng là một biểu trưng, nghĩa là từ ngữ bao giờ cũng gọi lên trong trí tưởng tượng của dân gian cả một loạt những hình ảnh và biểu tượng sinh động trong đó họ gói ghém các khái niệm của họ (...)

Chỉ khi nào toàn dân tập hợp tư duy lại thành một

khối mới có thể sáng tạo được những sự khái quát hoá rộng lớn, những biểu tượng thiên tài như Prô-mê-tê, Sa-tăng, Hê-ra-clét, Svi-a-tô-go, I-li-a Mu-rô-mét, Mi-cu-la và hàng trăm hình tượng khổng lồ khác khái quát vốn kinh nghiệm sống của nhân dân. Bằng chứng rõ rệt nhất cho ta thấy sức mạnh của sáng tạo tập thể là qua hàng trăm thế kỷ, sự sáng tạo của cá nhân vẫn chưa xây dựng được một cái gì ngang hàng với "I-li-át" hay "Ca-lê-va-la" và thiên tài cá nhân chưa từng đưa ra được sự khái quát nào mà lại không bắt rễ từ sáng tác dân gian, chưa từng xây dựng được một điển hình thế giới nào mà trước kia lại chưa từng có trong các truyện cổ tích hay truyền thuyết dân gian(...)

Ta cứ lấy một thị tộc trong cuộc vật lộn không ngừng để giành lấy cuộc sống. Một nhóm người nhỏ bé, xung quanh đâu đâu cũng toàn là những hiện tượng thiên nhiên không sao hiểu nổi và nhiều khi thù địch, sống sát cánh bên nhau luôn luôn chung đụng với nhau; cuộc sống bên trong của mỗi thành viên trong nhóm mở rộng trước mắt mọi người, những cảm giác, những ý nghĩ, những điều ước đoán của mỗi người đều trở thành sở hữu của cả nhóm. Mỗi thành viên thị tộc tự bản năng đều có xu hướng tự thổ lộ đến cùng - sở dĩ như vậy là vì họ cảm thấy sức mình vô nghĩa lý trước những sức mạnh dữ dội của ác thú và núi rừng, của biển rộng và trời cao; của đêm tối và ánh nắng; sở dĩ như vậy cũng là do những cơn mộng mị và do sự sinh động kỳ dị của những bóng tối ban

đêm và bóng rợp ban ngày. Như vậy kinh nghiệm cá nhân lập tức hoà vào kinh nghiệm tập thể, và toàn bộ vốn kinh nghiệm tập thể đều trở thành sở hữu của mỗi thành viên trong nhóm.

Cá nhân là hiện thân của *một phần* sức mạnh thể chất của nhóm và của *tất cả* những tri thức của nhóm - của toàn bộ năng lực tinh thần của nhóm. Một cá thể mất đi, và bị thú dữ ăn thịt, bị sét đánh chết, bị cây đổ hay đá lở đè nát, bị bùn lầy của hồ ao hút xuống hoặc bị nước lũ cuốn đi - tất cả những trường hợp đó đều được thị tộc coi là sự thể hiện của những sức mạnh thù địch khác nhau đang rình đón con người trên khắp các nẻo đường của nó. Những tai nạn ấy gây nên trong thị tộc nỗi thương tiếc đối với cái phần năng lượng thể chất của mình đã mất đi, mối lo sợ trước những mất mát sẽ tới, ý muốn ngăn ngừa những mất mát đó, chống lại sức mạnh của cái chết bằng tất cả sức kháng cự của tập thể, một ý muốn tự nhiên đấu tranh với cái chết, trả thù cho đồng loại. Nhưng cảm xúc của tập thể do sự mất mát năng lượng thể chất gây nên, hoà hợp lại thành một nguyện vọng thống nhất, không tự giác nhưng tất yếu và khẩn trương muốn bù đắp lại sự tổn thất, làm sống lại người đã khuất, giữ người đó lại trong lòng tập thể. Và trong tang lễ cử hành cho người thân thuộc đã mất đi, thị tộc lần đầu tiên đã xây dựng nên trong lòng mình cái khái niệm cá nhân; để khích lệ mình và dường như để hăm dọa ai, thị tộc tập trung gán cho cái cá nhân

này tất cả sự khéo léo, sức mạnh, trí khôn và tất cả những phẩm chất *đã làm* cho cá nhân và tập thể vững hơn, mạnh hơn. Có thể là lúc ấy mỗi thành viên của thị tộc đều nhớ lại một kỷ công riêng nào của mình, một ý nghĩ hữu hiệu nào đó, một xét đoán có ích nào đó, nhưng vì không cảm thấy cái "tôi" của mình là một thực thể nào ở bên ngoài tập thể, họ đều đem tất cả nội dung của cái "tôi" đó, tất cả năng lực của nó hợp nhất với hình ảnh của người đã chết. Thế là ở bên trên tập thể xuất hiện một anh hùng, hiện thân của tất cả năng lực của tập thể đã được thể hiện trong những hành động và là phản ánh của tất cả sức mạnh của tinh thần thị tộc. Lúc bấy giờ chắc hẳn phải hình thành một môi trường tâm lý hoàn toàn đặc biệt: trong lòng các thành viên thị tộc nảy sinh ý chí sáng tạo, biến cái chết thành sự sống. Ý chí của mọi người, cùng đồng quy một cách mạnh mẽ ngang nhau vào kỷ niệm của người đã khuất, đã làm cho cái kỷ niệm ấy thành một trung tâm hội tụ và có lẽ tập thể lại còn cảm thấy trang anh hùng mà họ vừa sáng tạo nên đang có mặt giữa bọn họ. Tôi nghĩ rằng ở giai đoạn phát triển đã xuất hiện khái niệm "hắn" nhưng cái tôi vẫn chưa thể hình thành được vì tập thể chưa cần đến nó.

Các thị tộc liên kết lại thành bộ lạc - hình ảnh các anh hùng thị tộc hoà hợp lại thành hình ảnh của anh hùng bộ lạc và có thể là mười hai kỷ công của Héc-quyn biểu trưng cho sự liên minh của mười hai thị tộc.

Sau khi đã sáng tạo người anh hùng, nhân dân bắt đầu ngưỡng mộ và tự hào về sức mạnh và vẻ đẹp của người đó, và thấy cần phải đưa người đó vào các giới thần linh, tức là lấy cái năng lực tổ chức của mình mà đối lập với các lực lượng nhiều vô số của thiên nhiên vốn thù địch lẫn nhau và thù địch với loài người. Cuộc tranh chấp giữa con người và thần linh đã làm nảy sinh cái hình tượng hùng vĩ của Prô-mê-tê, vị thần của nhân loại, và ở đây sức sáng tạo của nhân dân ta đã bay lên ngang tầm một biểu trưng vĩ đại nhất của lòng tin, trong hình tượng đó nhân dân đã bộc lộ những mục đích cao cả của mình và bộc lộ cái ý thức biết mình ngang hàng với các thần linh.

Loài người sinh sôi ngày càng đông đúc, và quá trình đó dẫn đến sự xung đột giữa các thị tộc, bên cạnh cái tập thể "chúng ta" đã xuất hiện cái tập thể "chúng nó" và trong cuộc đấu tranh giữa hai thứ tập thể này đã xuất hiện cái "tôi". Quá trình hình thành của khái niệm "tôi" cũng tương tự như quá trình hình thành của nhân vật anh hùng sử thi, - tập thể cần đào tạo ra cá tính vì nó phải phân phối trong nội bộ những chức năng khác nhau của cuộc đấu tranh với "chúng nó" và với thiên nhiên, phải biết tiến lên con đường chuyên môn hoá, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thành viên - đó là lúc khởi đầu quá trình xé lẻ cái năng lực vốn toàn vẹn một khối của tập thể. Nhưng trong khi đưa từ hàng ngũ của mình ra một cá nhân để tôn nó lên làm thủ lĩnh hay thầy cúng, tập thể

cũng gán cho nó toàn bộ vốn kinh nghiệm của mình, dùng như đã dồn toàn khối cái năng lực tinh thần của mình vào hình tượng người anh hùng. Việc đào tạo thủ lĩnh, hay thầy cúng ắt phải có tính chất như một quá trình ám thị, thôi miên cái cá nhân được chọn để giao phó nhiệm vụ lãnh đạo; nhưng trong khi tạo ra cá tính, tập thể không mất cái ý thức hữu cơ về tính thống nhất của những sức mạnh của mình: quá trình huỷ hoại của ý thức này diễn ra trong tâm lý của cá nhân. Khi cái cá nhân được tập thể tuyển lựa đã đứng ra phía trước tập thể, bên cạnh tập thể, rồi sau đó là bên trên tập thể, thì ban đầu, trong khi lao động, nó thi hành cái nhiệm vụ phải đảm đương với tư cách là một bộ phận của tập thể, nhưng rồi sau khi đã phát triển tài năng và đã có được những sáng kiến riêng trong việc phối hợp vận dụng những tài liệu của vốn kinh nghiệm tập thể theo những cách thức mới, cá nhân nhận thức được mình là một lực lượng sáng tạo mới, độc lập với những sức mạnh tinh thần của tập thể.

Đó là lúc khởi đầu sự nảy nở của cá nhân, và cái ý thức bản ngã mới thành hình đó, là màn đầu của tấn bi kịch của chủ nghĩa cá nhân.

Khi đã đứng đầu tập thể, háo hức tận hưởng cái khoái cảm về sức mạnh của mình, thấy rõ tầm quan trọng của mình, lúc đầu cá nhân chưa hề cảm thấy có một khoảng trống quanh mình, vì năng lực tinh thần

của môi trường thân thuộc vẫn tiếp tục từ tập thể truyền vào cá nhân. Tập thể coi sự phát triển của cá nhân là một bằng chứng tỏ rõ sức mạnh của mình, tiếp tục dồn năng lực của mình vào cái "tôi" chưa trở thành thù địch với nó, chân thành hâm mộ cái trí tuệ sáng suốt, cái tài năng dồi dào của thủ lĩnh và đặt lên đầu hần những vòng nguyệt quế vinh quang. Trước mặt thủ lĩnh là hình ảnh những đấng anh hùng sử thi của bộ lạc, khích lệ hần vươn lên ngang những đấng anh hùng đó, tập thể có thể thông qua thủ lĩnh của mình mà sáng tạo một anh hùng mới, và cái khả năng đó vốn quan trọng một cách thiết thân đối với tập thể, vì uy danh của những chiến công của bộ lạc lúc bấy giờ cũng là một phương tiện phòng thủ vững vàng trước mặt kẻ thù, không kém gì giáo gươm và thành lũy.

Ban đầu cái "tôi" chưa mất cái cảm giác về mối liên hệ giữa mình và tập thể, nó cảm thấy mình là kẻ tiếp thu kinh nghiệm của bộ lạc, và trong khi tổ chức cái vốn kinh nghiệm này thành những tư tưởng, nó xúc tiến quá trình tích lũy và phát triển những sức mạnh mới.

Nhưng mang trong ký ức hình ảnh của các bậc anh hùng sau khi đã được ném cái lạc thú của uy quyền đối với những người khác, cá nhân bắt đầu tìm cách giữ riết lấy những quyền mà tập thể đã giao cho. Nó chỉ có thể làm được việc đó bằng cách biến cái do con

người tạo ra, cái khả biến, thành cái bất di bất dịch, biến những hình thái sinh hoạt đã khiến cho nó được đề cao lên thành một đạo luật cố định; ngoài ra nó không còn có cách tự khẳng định nào khác...

M. GOR-KI

"Bàn về văn học" tập I (Suy suy của cá nhân)
(in lần thứ hai), Nxb Văn học, Hà-nội, 1970.

Trong quá trình các "cá nhân" tăng thêm về số lượng, họ bắt đầu tranh chấp với nhau để tăng phạm vi quyền lực, bảo vệ quyền lợi của cái "tôi" ngày càng khát khao danh vọng; tập thể bị xé vụn ra, càng ngày càng ít lấy sức mình tiếp cho cá nhân, thì mỗi ngày một xanh xao, vàng vọt. Nó bắt đầu phải khư khư giữ lấy cái địa vị chiếm được, bất chấp ý muốn của bộ lạc, nó phải ngày càng cảnh giác, bảo vệ địa vị cá nhân, tài sản, vợ con của nó. Nhưng yêu cầu của cuộc sống, có tính chất tự tại của cá nhân trở nên phức tạp, nó đòi hỏi những cố gắng hết sức lớn; trong cuộc đấu tranh giành tự do cho cái "tôi" của mình, cá nhân hoàn toàn đoạn tuyệt với tập thể, và rơi vào một tình trạng trống rỗng khủng khiếp làm cho sức lực của nó tiêu hao đi rất nhanh. Bắt đầu một cuộc đấu tranh hỗn loạn giữa cá nhân với nhân dân: đó là cái quang cảnh mà lịch sử toàn thế giới bày ra trước mắt ta, nó đang trở thành một tình huống không sao chịu nổi đối với cái cá nhân đã hoàn toàn rã rời và bất lực của thời đại ngày nay.

Chế độ tư hữu có sức ly tán mọi vật phát triển lên, nó đầu độc những mối quan hệ giữa người và người và để ra những mâu thuẫn không sao hoà giải được. Con người phải dốc hết sức lực ra để tự vệ cho khỏi sa vào vực thẳm của nghèo đói, để giữ gìn quyền lực cá nhân của mình, dần dần mất liên hệ với bộ lạc, với nhà nước, với xã hội, và thậm chí, như bây giờ ta đã thấy, nó khó lòng chịu nổi kỷ luật của đảng nó, cho đến cả gia đình cũng làm cho nó thấy vương vít, khó chịu.

Ai nấy đều biết chế độ tư hữu đóng một vai trò như thế nào trong quá trình ly tán tập thể và hình thành cái "tôi" tự tại, tự mãn, nhưng trong quá trình này ta phải thấy rõ ngoài sự nô dịch hoá nhân dân về thể xác và tinh thần ra còn có cả sự sụp của năng lực quần chúng nhân dân, sự tiêu huỷ dần dà của cái tinh thần sáng tạo thi ca tự phát thiên tài của nhân dân đã cống hiến cho thế giới những mẫu mực cao nhất của sáng tác nghệ thuật...

M. GOR-KI

"Bản về văn học" - tập I (Sự suy sụp của cá nhân). Nxb Văn học, Hà-nội, 1970.

V.G. BIÊ-LIN-SKI VÀ MỘT SỐ TÁC GIẢ KHÁC

Thần thoại là sự biểu hiện cuộc sống của những người cổ đại và các thần không phải là những hình thức ám dụ, không phải là những hình ảnh tu từ mà là những khái niệm sinh động trong những hình tượng sinh động.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập VII, tr. 108, 1955

Như vậy nhân loại buổi nguyên sơ trong bộ mặt của người Hy-lạp với những sức mạnh tràn đầy, sôi sục; trong khí thế bùng bùng của tình cảm tươi mát, sinh động và trí tưởng tượng trẻ trung đang độ nở hoa đã giải thích những hiện tượng của thế giới tự nhiên bằng ảnh hưởng của sức mạnh cao siêu, thần bí.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập I, tr. 263, 1953.

Nghệ thuật Hy-lạp là sự giải phóng con người khỏi cái ách nặng của thiên nhiên. Nó là sự hoà giải của tâm hồn với thiên nhiên bằng cái đẹp mà trước đây vốn thù địch với nhau. Chính vì thế nghệ thuật Hy-lạp rất đổi cao quý, toả sáng ngời ngời và chứa chan tâm

trí. Tất cả đều là khuynh hướng tự nhiên của con người...

Mọi hình thái của thiên nhiên đều hoàn toàn đẹp với cái tâm hồn nghệ sĩ của người Hy-lạp; nhưng nó cũng cao quý biết bao đối với con thuyền của tinh thần - con người, khi qua vẻ đẹp ở những bức tường của nó, khi trong vẻ trang trọng, hào hoa phong nhã của hình thức của nó, ta thấy được niềm say mê và tự hào của con mắt sáng tạo của người Hy-lạp; và vẻ cao quý, sự vĩ đại và vẻ đẹp của những bức tượng con người cùng với hình thức của nó đã là những hình tượng bất tử của A-pô-lông ở Ben-vơ-đe-rơ và Vê-nút ở Mê-di-xi⁽¹⁾.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Tuyển tập, tập III, tr. 423-424, 1953.

Nhân vật của anh hùng ca phải là những người đại diện xứng đáng của tinh thần dân tộc, còn người anh hùng trước hết phải thể hiện trong con người mình toàn bộ sức mạnh phong phú của nhân dân, toàn bộ tính nghệ thuật của tinh thần ưu tú của nhân dân...

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập V, tr. 38, 1954.

(1) Ben-vơ-đe-rơ: tên một Viện Bảo tàng đặt trong khu vực Va-ti-căng, Rô-ma, I-ta-li-a.

Mê-di-xi: tên một Viện Bảo tàng ở Phlô-răng-xơ, I-ta-li-a.

Mỗi nhân vật của "I-li-át" đều thể hiện một khía cạnh nào đó của tinh thần dân tộc Hy-lạp.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, Tập V, tr. 39, 1954.

Trong thế giới cổ đại đã tồn tại một xã hội, một nhà nước, một nhân dân nhưng không tồn tại con người với tư cách là một con người cá thể độc lập. Do đó trong anh hùng ca của người Hy-lạp và trong kịch của người Hy-lạp cũng hoàn toàn giống như vậy. Ở đó chỉ có thể có vị trí cho những người đại biểu của nhân dân - những vị bán thần, những anh hùng, các ông vua.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập V, tr. 41 1954

Thế giới cổ đại là thế giới của cái bên ngoài, cái khách quan trong đó tất cả đều là có ý nghĩa đối với xã hội và không có ý nghĩa đối với con người. (cá thể độc lập - N.V.K.)

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập III, tr. 424. 1953

Trong tất cả những nhà thơ Hy-lạp thì Hô-me-rơ phải là đối tượng nghiên cứu đặc biệt, bởi vì, ông, như người ta thường nói là cha đẻ của thi ca Hy-lạp, đã thấm tẩm vào trong toàn bộ tác phẩm vĩ đại của mình toàn bộ bản chất thơ ca của nhân dân mình, đến mức mà tiếp theo "I-li-át" là sự phát triển của thơ ca trữ

tình và đặc biệt là kịch Hy-lạp. Những loại hình đó đã được phát triển trong "I-li-át" từ hình thái sơ khai và tự phát.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập III, tr. 308, 1953.

Như vậy nội dung của anh hùng ca phải thể hiện được bản chất của cuộc sống, những sức mạnh ưu tú của nhân dân, tình trạng đời sống và sinh hoạt của nhân dân vào lúc những cái đó còn chưa tách khỏi nguồn gốc cá thể của cuộc sống của mình. Bởi vậy tình dân tộc phải là một trong những điều kiện cơ bản của anh hùng ca, còn bản thân nhà thơ thì phải nhìn các sự kiện bằng con mắt của nhân dân mình, nhà thơ không tách rời mình khỏi sự kiện đó.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập V, tr. 37, 1954

Trong trường ca "I-li-át" không phải chỉ có những con người mà còn có những vị thần xung đột, cãi cọ với nhau, không phải chỉ có những vị anh hùng ưu tú như ở trong truyện của Gô-gôn⁽¹⁾. Thí dụ như trong khúc ca XXI thần Chiến tranh A-rét đã gọi nữ thần Pan-lát A-tê-na là "đồ bọ chó"⁽²⁾ và nữ thần Hê-ra gọi nữ thần Ác-tê-mít⁽³⁾ là "đồ chó cái vô liêm sỉ" hoặc nói

(1) Nhân vật trong truyện Ta-rát Bun-ba

(2) mouche à chien

(3) Còn có tên là thần Lê-tô

ngắn gọn hơn là "đồ chó cái". Có những người nói đó là những thiếu sót của thơ ca ở vào một thời đại thô thiển. Chà, câu nói mới cổ lỗ làm sao! Chưa hoàn thiện, đúng là như vậy, bởi vì đó là sự phản ánh hiện thực đương thời với những sinh hoạt và những trí thức của hiện thực đó.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập VII, tr. 41, 1955

Phải nói rằng cái sự kiện đã cấu thành truyền thuyết thơ mộng của ảo tưởng sinh động và lộng lẫy của nhân dân tuổi ấu thơ; phải nói rằng những anh hùng của những biến cố đã xuất hiện trong màn sương mù của quá trình khứ, nằm trong một viễn cảnh⁽¹⁾ xa xôi, đã làm lớn mạnh thêm lên từ thẳm thước tự nhiên của chúng (những anh hùng. N.V.K) cho đến kích thước đồ sộ của chúng. Tất cả những cái đó đã đặt chúng lên đôi hia cao⁽²⁾ đã tưới dội xuống chúng từ đầu đến chân những niềm vinh quang chói lọi và dường như nó che giấu đi bằng cái nhìn trầm tư toàn bộ sự không đồng đều và những chi tiết thô thiển đến mức rõ ràng và nổi bật gần như là của ngày nay.

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập V, tr. 35, 1954.

"... Có hai thời đại lớn trong cuộc sống của mỗi nhân

(1) perspective

(2) Cothurne: loại hia đế cao của sân khấu bi kịch Hy-lạp.

dân: thời đại của tính trực tiếp (hồn nhiên - N.D) về mặt thẩm mỹ hoặc thời thơ ấu, và thời đại sinh tồn có ý thức. Trong thời đại đầu của cuộc sống đó, tính đặc thù của mỗi nhân dân biểu hiện nổi bật hơn, và thời đó thì ca của nhân dân này chủ yếu là dân ca. Đứng ở quan điểm này mà nhận xét thì điều đáng chú ý là thi ca của mỗi nhân dân mang một tính đặc thù nổi bật, và vì vậy mà nó dễ hiểu hơn đối với toàn thể quần chúng trong đám họ và càng không dễ hiểu đối với nhân dân khác. Dân ca Nga tác động mạnh mẽ vào tâm hồn Nga và đối với một người nước ngoài thì nó là điều rất khó hiểu, và không thể nào phiên dịch nó qua bất cứ một thứ ngôn ngữ nào khác được. Trong thời đại thứ hai của cuộc sống của nhân dân, thi ca của họ ít phổ cập hơn đối với quần chúng trong đám họ và càng phổ cập hơn đối với tất cả các dân tộc khác..."

"... Thi ca có tính chất nghệ thuật bao giờ cũng cao hơn thi ca hồn nhiên, hoặc đặc thù của nhân dân. Thi ca này chỉ là lối nói năng bập bẹ, thơ ấu của nhân dân là thế giới của những dự cảm âm u, của những phỏng đoán mơ hồ; nó thường không tìm ra lời lẽ hoặc cách biểu hiện cho tư tưởng và phải vận dụng những hình thức ước lệ - những lối ngụ ý và tượng trưng; còn thi ca có tính nghệ thuật thì trái lại, là lời lẽ xác đáng của một ý thức gan dạ, là một hình thức chan hoà trong đó có tư tưởng được nhập vào, là thế giới của hiện thực tích cực; nó bao giờ cũng biểu hiện ý

niệm bằng những hình tượng rành mạch và chính xác, trong suốt, sáng tỏ và hoàn toàn thích ứng...".

V.G. BIÊ-LIN-SKI

Toàn tập, tập V, tr. 308, 1954

Trích trong *"Nguyên lý học Mác - Lê-nin"*,

Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô. Phần II. tr. 293,

Hoàng Xuân Nhị dịch, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962.

Biê-lin-ski hết sức không tán thành quan niệm khinh miệt vốn sáng tác dân gian. Ông thấy rõ những gì rất quý thuộc bản chất vốn sáng tác này, và ông vạch ra rằng sáng tác dân gian có giá trị của bản thân nó, mà nghệ thuật phát triển cao ("bác học") - N.D) không thể thay thế được. Ông viết: "... trong thi ca nhân dân hoặc thi ca hỗn nhiên, có những nhân tố mà thi ca có tính nghệ thuật không thể nào thay thế được..."

Giải thích về sức quyến rũ huyền bí của vốn sáng tác dân gian này, Biê-lin-ski nói rằng vốn sáng tác này phản ánh "thời thơ ấu" trong quá trình phát triển của nhân loại. Dù cho rằng nghệ thuật phát triển cao của những thi sĩ, nhạc sĩ v.v... xuất sắc, có rồi đấy - nghệ thuật này nảy sinh trong thời đại thành thực của nhân loại về mặt lịch sử, - thì công trình sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân cũng vẫn đem lại cho chúng ta sự thích thú thẩm mỹ. Sở dĩ như vậy là vì: "... thời thơ ấu là một giai đoạn thiết yếu và hợp lý trong quá trình tồn tại của chúng ta, một giai đoạn

chỉ xảy ra có một lần thôi trong cuộc sống và sẽ không bao giờ trở lại nữa... Đối với nhân dân cũng vậy: trong thời đại có ý thức xuất phát từ lý tính cũng như trong thời đại hãy còn cảm xúc trực tiếp, thì nhân dân bao giờ cũng là nhân dân; những cảm xúc trực tiếp của họ là miếng đất từ đó nảy sinh và phát triển những hoa quả của ý thức có lý tính của họ. Tất cả những gì xảy ra đều là kết quả của những gì đã từng xuất hiện từ trước: nhiều khi tư tưởng có lý tính chẳng qua chỉ là một truyền thuyết của thời cổ tối tăm nhưng đã biến thành một điều có ý thức, và nhiều khi nhận thức chẳng qua chỉ là dự cảm đã được giải thích; đất nước của những thần thoại và của những lời tiên tri huyền diệu là một đất nước đầy những điều rất hấp dẫn và rất kỳ lạ... Trong thi ca có tính nghệ thuật, tất cả các yếu tố của dân ca đều được lồng vào, và cao hơn điều đó còn có một yếu tố gì nữa mà chúng ta không tìm thấy được ở trong dân ca; tuy vậy dân ca vẫn có giá trị của nó đối với chúng ta, vì nó vẫn tồn tại với bản chất trong sáng, thuần khiết của nó, với hình thức giản dị, hồn nhiên và nhiều khi thô lỗ của nó...⁽¹⁾.

Trích trong "*Nguyên lý Mỹ học Mác - Lê-nin*"

Viện Hàn lâm khoa học Liên xô, Phần II,

trang 295, Hoàng Xuân Nhị dịch.

Nxb Sự-thật, Hà-nội, 1962.

(1) V.G. Biê-lin-ski. Toàn tập, tập V. tr. 309-310. Mát-scơ-va 1954.

Thuật ngữ ê-pô-xơ có hai nghĩa. Theo nghĩa lịch sử văn học người ta dùng chữ ê-pô-xơ (tức là sử thi - N.D) để gọi những truyện và những thiên trường ca dân gian (anh hùng ca dân gian Nga, anh hùng ca cổ đại v.v...)

Theo nghĩa có tính chất lý luận người ta gọi ê-pô-xơ (tức là loại kể chuyện - N.D) là loại văn mà đặc điểm căn bản là sự thể hiện một cách rộng rãi các tính cách con người. Từ đây trở đi chúng ta sẽ nói đến ê-pô-xơ với nghĩa thứ hai đó của nó⁽¹⁾.

Thuật ngữ kể chuyện là do chữ Hy-lạp ê-pô-xơ - "lời nói" - mà ra, nó khác trữ tình (tiếng Nga là lirik do chữ *lyra* là một nhạc cụ; thơ trữ tình ban đầu chính là bài ca, được hát lên có tiếng đàn *lyra* đệm theo) và kịch (chữ Hy-lạp *đrao* có nghĩa là "hành động"). Khác với thơ trữ tình phản ánh các tâm trạng, và kịch, trong đó các nhân vật trực tiếp hành động trên sân khấu, kể chuyện là một loại văn tự sự, thuật lại đời sống

(1) Người ta còn gặp một quan niệm thứ ba nữa về thuật ngữ đó, xuất phát từ Hê-ghen. Tính chất sử thi được xem như một kiểu đặc biệt của sự thể hiện con người trong mối thống nhất với quần chúng, với xã hội, với nhân dân, v.v... Cần nhận thấy rằng lối hiểu ấy rất mơ hồ, vô đoán và chẳng có lợi gì cả, ở đây chúng ta sẽ không dừng lại phân tích lối hiểu ấy. (chú thích của L.I. Ti-mô-phi-ép).

của con người, vạch ra những mối quan hệ tương hỗ giữa người và người.

L.I. TI-MÔ-PHI-ÉP

"Nguyên lý lý luận văn học"

tập II tr. 126 - 127.

Nxb Văn-hoá, Hà-nội 1962.

... Trong văn học cổ đại chúng ta không thấy có loại tiểu thuyết giống như tiểu thuyết thời kỳ tư sản, nhưng chúng ta lại thấy có anh hùng ca ("*I-li-át*", "*Ô-di-xê*"). Đối với thời đại ấy đây là loại kể chuyện hạng lớn, thể hiện một cách tổng hợp cuộc sống, tức là xét về ý nghĩa và về các đặc điểm kết cấu cơ bản, nó cũng giống với tiểu thuyết. Hê-ghe-nê đã nêu ra một cách có lý rằng tiểu thuyết là "anh hùng ca của thời kỳ tư sản", tức là tiểu thuyết là một hình thức đặc thù có tính chất lịch sử của cách thể hiện con người theo lối này hay theo lối khác. Cách thể hiện đó trong văn học cổ đại được bộc lộ dưới hình thức anh hùng ca, còn trong văn học tư sản thì dưới hình thức tiểu thuyết. Mặc dù về nội dung cụ thể, tiểu thuyết không có gì phù hợp với anh hùng ca (những hoàn cảnh sống khác, những đặc tính khác của con người do hoàn cảnh quyết định) nhưng xét về bản thân phương thức thể hiện con người thì cả tiểu thuyết, cả anh hùng ca đều là những biểu hiện riêng của một hình thức văn học có kết cấu chung do hoàn cảnh lịch sử quy định: hình thức kể chuyện cỡ lớn.

Cần nhận thấy rằng thuật ngữ "anh hùng ca" trong

thời đại chúng ta được hiểu với ý nghĩa khác. Người ta dùng nó để chỉ những tiểu thuyết có một bố cục mở rộng và phức tạp nhất, chứa đựng những tài liệu đặc biệt phong phú rút ra từ cuộc sống. Chẳng hạn chúng ta gọi "*Chiến tranh và Hoà bình*" của L. Tôn-xtôi là anh hùng ca cũng với ý nghĩa ấy. Gô-gôn viết rằng loại anh hùng ca đó "luôn luôn chọn một người quan trọng để làm nhân vật, người đó có những dây liên lạc, những mối quan hệ và có sự tiếp xúc với nhiều người khác, với nhiều hiện tượng và biến cố; xung quanh con người đó là cả một thời đại và cả thời kỳ mà người đó sống. Anh hùng ca bao gồm không phải một số nét mà bao gồm cả thời đại trong đó nhân vật hành động với lối suy nghĩ, với những tín ngưỡng và thậm chí cả với những hiểu biết mà nhân loại thời đó có. Toàn thể giới trong khoảng rộng lớn bao la được soi sáng xung quanh bản thân nhân vật..." (N.V. Gô-gôn - "*Bản về văn học*" - Nxb Văn học quốc gia - M. 1952 - trang 141 - 142). Đôi khi người ta còn gọi anh hùng ca là những tác phẩm đặt cho mình nhiệm vụ trình bày cả một phong trào quần chúng nhân dân nào đó, hơn là giới thiệu một con người cá biệt. Cho nên ta thường thấy một số nhà phê bình gọi "*Suối thép*" của A. Sê-ra-phi-mô-vits là anh hùng ca, nhưng vị tất đã có thể xem đó là một ý kiến đúng...

L.I. TI-MÔ-PHI-ÉP

"*Nguyên lý lý luận văn học*"

tập II, tr. 138 - 139,

Nxb Văn-hoá, Hà-nội - 1962.

ANH HÙNG CA

Trong buổi đầu của thời kỳ hình thành các bộ tộc và dân tộc ở nhiều nước đã ra đời những bài ca anh hùng kể lại những sự kiện vẻ vang nhất, quan trọng nhất trong lịch sử của nhân dân mình.

Khi đó đời sống vật chất và ý thức của nhân dân trong một mức độ lớn là thống nhất, là cộng đồng với lợi ích của những người cầm đầu. Đặc điểm này được biểu hiện trong những sáng tác dân gian. Đối tượng chủ yếu của các bài ca anh hùng là những hiện tượng và biến cố mang ý nghĩa toàn dân.

Trong thế giới cổ đại những bài ca anh hùng của nước Hy-lạp cổ đại đã đạt được một sức hấp dẫn mạnh mẽ và một tầm thước đặc biệt. Nghệ thuật Hy-lạp đã để lại một kỷ niệm sâu sắc trong bước đường phát triển của nhân loại. Trên cơ sở phát triển và quần tụ lại thành từng nhóm những bài ca đó, những tác phẩm vĩ đại của nền văn học cổ đại như "*I-li-át*" "*Ô-di-xê*" ra đời, mà sau này gọi là anh hùng ca.

Anh hùng ca cổ điển chỉ có thể ra đời và tồn tại trong một thời kỳ nhất định của lịch sử loài người. Nội dung của anh hùng ca gắn liền với những quan niệm thần thoại của những con người sống trong thời kỳ "niên thiếu của xã hội loài người", đồng thời nó cũng bị quy định bởi những quan hệ xã hội không phức tạp ấy - những quan hệ xã hội đã từng tồn tại lúc đó.

ĐỐI TƯỢNG VÀ NHÂN VẬT CỦA ANH HÙNG CA

Đối tượng của anh hùng ca là những sự kiện quan trọng đối với cuộc sống của toàn thể nhân dân. Tuy nhiên những sự kiện đó không xảy ra cùng một thời với người kể chuyện mà lại xảy ra trong một quá khứ lịch sử cách đó không lâu. Vì xảy ra không cùng một thời cho nên sự kiện đó như một truyền thuyết xa xưa vọng lại. Nó cho phép bỏ qua những chi tiết không cần thiết đối với việc hiểu biết cái chung, cái bản chất của sự kiện và trình bày tính chất anh hùng của những hành động đã hoàn thành tốt đẹp trong một dạng, một vẻ trong sáng nhất. Vì sự kiện vốn thuộc một quá khứ không lâu, chưa xa lắm cho nên nó không mất đi ý nghĩa sinh động trực tiếp của nó. Bởi vậy không ai nghi ngờ gì về tính hiện thực của cái toàn thể cũng như những chi tiết của sự kiện được truyền đạt lại. Cả người kể chuyện và những người nghe đều tin vào cái hiện thực được phản ánh là có thật và tin vào cách nhìn của mình đối với nó là đúng đắn. Cách nhìn này gần như không có gì khác với cách nhìn của những người đương thời đối với những sự kiện đó. Vì thế, Biê-lin-ski đã viết, Hô-me-rơ tuy không phải là người chứng kiến cuộc chiến tranh Tơ-roa nhưng tâm hồn ông vẫn dội vang tiếng âm âm náo động của cảnh

thành I-li-ông thần thánh sụp đổ. (trường ca *"I-li-át"* ra đời sau cuộc chiến tranh Tơ-roa hai trăm năm)⁽¹⁾.

Trong anh hùng ca dung lượng phản ánh, những đối tượng được ngợi ca, thật rộng lớn khác thường. Mọi mặt của cuộc sống nhân dân từ cái to lớn nhất cho đến cái bé nhỏ nhất đều được miêu tả trong mối liên hệ với những sự kiện của tác phẩm. Cùng với việc miêu tả các sự việc, các nhân vật, các biến cố, nhận thức của nhân dân được thể hiện ra khá đầy đủ, nhiều mặt. Từ việc A-khin than khóc người bạn thân Pa-tơ-rô-clơ tử trận đến việc miêu tả những trận giao đấu hào hùng; từ việc Héc-to từ già Ấng-đrô-mác đến việc tái hiện lại những cảnh chuẩn bị tiệc tùng... rồi cho đến cả những chi tiết nhỏ nhất nhất của một đồ vật nào đấy - đó là phạm vi rộng lớn của anh hùng ca.

Anh hùng ca thu hút vào lòng một số lớn nhân vật. Điều đó cần thiết cho việc tái hiện lại toàn bộ tính đa dạng của bản chất và phẩm chất của nhân dân. A-khin về cơ bản là tiêu biểu cho lý tưởng của người dũng sĩ trong chiến trận. Tình cha con được thể hiện trong

(1) Theo nhiều nhà nghiên cứu, trường ca Hô-me-rơ ra đời sau cuộc chiến tranh Tơ-roa ít nhất là ba trăm năm. Chiến tranh Tơ-roa xảy ra thế kỷ XII trước công nguyên. Trường ca *"I-li-át"* *"Ô-di-xê"* ra đời vào khoảng thế kỷ thứ IX đến VIII trước công nguyên (N.V.K).

ông già Pri-am, lòng mẹ ở Hê-quýp, tình nghĩa vợ chồng trong Ăng-đrô-mác.

Ý thức tự do hành động và ý thức trách nhiệm đối với mỗi hành động của mình trước tập thể nhân dân vốn là bản chất của các nhân vật tích cực trong anh hùng ca.

Nói như thế người ta có thể cho rằng ý thức đó (ý thức tự do hành động và ý thức trách nhiệm) mâu thuẫn với quan niệm số mệnh vốn có ở trong những người Hy-lạp cổ đại.

Nhưng không phải. Cảm giác về tính độc lập hành động của con người là kết quả tất yếu của những quan hệ xã hội đa dạng còn gắn gũi với chế độ thị tộc. Mỗi công dân tự do đều cảm thấy mình là một thành viên bình đẳng về quyền lợi trong xã hội, do đó họ quan tâm, gắn bó một cách máu thịt đối với số phận của xã hội ấy. Bởi thế niềm tin ngây thơ có một quyền lực tối cao thống trị số phận cuộc đời đã không loại bỏ tính tự do trong hành vi cá nhân. A-khin biết số mệnh sẽ bắt mình phải chết, rằng mình sẽ không được trở lại quê hương, nhưng A-khin không sợ chết, không sợ điều tất yếu đang chờ đợi mình, mà là sợ không vinh quang. Vì thế A-khin cho rằng cần phải làm tất cả mọi việc cần làm, cho niềm vinh quang chân chính của con người.

Những đặc điểm của anh hùng ca cổ điển là ngôn

ngữ trang trọng tràn đầy những ẩn dụ, những định ngữ và những so sánh phức tạp, âm điệu đều đều của thể thơ hécch-da-mét. Những đặc điểm này phù hợp với nội dung của anh hùng ca.

ANH HÙNG CA TRONG CÁC THỜI ĐẠI SAU

Trong quá trình phát triển sau này của nghệ thuật, anh hùng ca cổ điển với vẻ đẹp nhuần nhuyễn và tuyệt tác của nó đã từng xuất hiện ở nền nghệ thuật Hy-lạp cổ đại, không thể kéo dài sự tồn tại của nó lâu hơn được nữa. Bởi vì cái cơ sở, mảnh đất nảy sinh ra nó và nuôi dưỡng nó không còn nữa. (Ở các dân tộc khác trong thời kỳ thơ ấu cũng có anh hùng ca và những tác phẩm đó cũng đã đạt được những tầm thước lớn lao. Thí dụ: anh hùng ca của dân tộc Ấn Độ cổ đại được ghi lại trong bản trường ca "*Ma-ha-ba-ra-ta*" và "*Ra-ma-y-a-na*". Những bản trường ca này trong thế kỷ trước đã được giới thiệu từng phần với độc giả Nga qua tác phẩm "*Na-lem*" và "*Da-ma-yan-chi*" của Giu-cốp-ski).

Thật ra sau này trong suốt nhiều thế kỷ cũng đã có nhiều nhà văn sáng tác mô phỏng theo anh hùng ca Hô-me-rơ. Ý định mô phỏng đó cũng đạt được ít nhiều kết quả. Sở dĩ có hiện tượng này là do tính quy định của những đòi hỏi xã hội riêng biệt đối với mỗi hoàn cảnh riêng biệt.

Vào những năm 20 của thế kỷ thứ I trước công nguyên, nhà thơ La-mã Viéc-gi-lơ⁽¹⁾ sáng tác bản anh hùng ca "*Ê-nê-ít*" thuật lại chuyện người anh hùng Ê-nê của thành Tơ-roa. Viéc-gi-lơ sống trong thời kỳ thiết lập nền đế chế La-mã. Ông đã vận dụng những hình tượng thần thoại và những đặc điểm của kết cấu anh hùng ca cổ điển để cố gắng tái tạo lại tính chất toàn dân và tính toàn vẹn của thế giới quan trong anh hùng ca cổ điển. Nhưng việc khôi phục lại anh hùng ca cổ điển của ông thất bại. Khác với bản chất tư tưởng của anh hùng ca cổ điển là ca ngợi nhân dân trong tính thống nhất toàn thể của nó, anh hùng ca

(1) Viéc-gi-lơ (Virgile) (70 - 19 trước công nguyên) "*Ê-nê-ít*" là bản trường ca thuật lại sự nghiệp của Ê-nê, một người anh hùng của thành Tơ-roa, sau khi thành Tơ-roa bị thất thủ đã đưa những người Tơ-roa sống sót tới đất Ý để xây dựng lại một thành trì mới, một sự nghiệp mới. Đó là thành La-mã (Roma) và sự nghiệp của đế quốc La-mã sau này. Tác phẩm gồm 12 quyển (khúc ca); sáu quyển đầu là hành trình phiêu bạt của Ê-nê từ khi rời thành Tơ-roa trước khi đặt chân lên đất Ý; sáu quyển sau là những cuộc giao tranh và hoà giải của Ê-nê với các bộ tộc trên đất Ý, kết thúc bằng thắng lợi của Ê-nê. Xét về ý nghĩa phục vụ chính trị; ca ngợi Hoàng đế Ô-guy-xơ và đế quốc La-mã, thần thánh hoá tổ tiên người La-mã, giải thích những nhược điểm của người La-mã so với người Hy-lạp bằng ý thức về sứ mệnh cai trị thiên hạ... thì bản trường ca đã thành công lớn. Nhưng xét về mặt nghệ thuật, mặc dù bản trường ca kết cấu rất tinh vi, chặt chẽ, là tổng hợp của kết cấu "*I-li-át*" với "*Ô-di-xê*", "*Ê-nê-ít*" vẫn không thành công trong ý định muốn vượt người Hy-lạp, về loại hình anh hùng ca. Các vị thần và các nhân vật trong "*Ê-nê-ít*" chỉ là sự minh hoạ đơn giản cho một khuynh hướng tư tưởng và một chủ đề có sẵn do đó thiếu tự nhiên, đơn điệu, tính cách nhân vật mờ nhạt (N. V.K).

của Viéc-gi-lơ chủ yếu chỉ ca ngợi người cầm quyền và dòng dõi của người này. Những vị thần hoạt động trong *Ê-nê-ít* không còn là kết quả sinh động của niềm tin ngưỡng và quan niệm của toàn thể nhân dân mà chỉ còn là những hình ảnh tu từ. Sau nữa là hành động của những nhân vật trong *"Ê-nê-ít"* bị mất đi tính tự do bên trong và cái sức mạnh bên trong - cái sức mạnh đã từng là đặc điểm của những nhân vật trong anh hùng ca Hô-me-rơ. Thế là linh hồn của anh hùng ca cổ điển biến mất. Thay thế nó trong *"Ê-nê-ít"* là tính ước lệ và tính mô phỏng.

Sau này trong nhiều dân tộc sự mô phỏng anh hùng ca lại ngày càng khác xa với mẫu mực cổ điển của nó. Thí dụ như bản anh hùng ca *"Luy-di-át"* của nhà thơ Bồ đào nha Ca-mô-en (thế kỷ XVI) hay *"Giê-ruy-da-lem được giải phóng"* của nhà thơ Ý Tô-qua-tô Tát-sô (thế kỷ XVI), *"Mét-si-át"* của nhà thơ Đức Clốp-stốc (thế kỷ XVIII)⁽¹⁾ và nhiều tác phẩm khác. Tác giả của những

(1) Klopstock (1724 - 1803) nhà thơ Đức, tác giả bản trường ca *"La Mét-si-át"*. Nội dung gồm 20 khúc ca, thuật lại cuộc đời của Mét-si là người mang sứ mạng chuộc tội cho loài người. Bản trường ca mang một nhược điểm lớn là thiếu hành động và những biến động không chân thực. Đây là một bản trường ca khai thác đề tài và cốt truyện trong Kinh Thánh cho nên những hình tượng, biểu tượng của nó vốn đã thiếu tính sinh động. Tác giả cố gắng khắc phục nhược điểm này bằng tài năng miêu tả của mình song cũng không vì thế mà nâng được tác phẩm của mình lên xứng đáng với tầm thước của một bản anh hùng ca. Nhiều nhà phê bình đương thời không coi *"La Mét-si-át"* là một bản anh hùng ca. (N.V.K.)

(2) Dobrolioubov: nhà dân chủ cách mạng Nga (1836 - 1861).

tác phẩm đó cố gắng tạo cho tác phẩm của mình - tác phẩm sáng tác trong hoàn cảnh của xã hội có giai cấp đối kháng - có tính toàn dân. Họ đã khôi phục lại những hình tượng thần thoại khi mà những quan niệm thần thoại đã một đi không bao giờ trở lại nữa.

Các nhà lý luận của tư tưởng thẩm mỹ Nga như Biê-lin-ski, Đô-brô-li-u-bốp⁽²⁾ đã nói nhiều về việc làm không kết quả của cái ý định muốn khôi phục lại anh hùng ca cổ điển.

Sau này Mác có một nhận xét chiếm biếm về việc làm đó. Mác viết: "... Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thù địch với một vài ngành sản xuất tinh thần như nghệ thuật và thơ ca. Không hiểu điều đó thì người ta có thể sa vào ảo tưởng của những người Pháp hồi thế kỷ thứ XVIII mà Lét-sinh đã từng chế giễu cay độc. Vì rằng trong cơ học và v.v... chúng ta đã vượt xa những người cổ đại, thế thì tại sao chúng ta lại không thể có khả năng sáng tạo ra được một bản anh hùng ca? Và thế là "*La Hăng-ri-át*" ra đời thay cho "*I-li-át*"...⁽¹⁾.

(1) Xem Các Mác và Ph. En-ghe-nơ - Về văn học và nghệ thuật - Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958 - tr. 105 - 106.

"*La Henriade*": Bản trường ca của Von-te-rơ (1694 - 1778) một lãnh tụ, một nhà văn của thời kỳ chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789. Bản trường ca được sáng tác vào năm 1728 gồm 10 khúc ca, nội dung nhằm ca ngợi nhà vua Hăng-ri IV, một nhà vua anh minh của thế kỷ XVI đã có thái độ khoan dung tôn giáo. Bản trường ca thành công trong ý nghĩa phê phán tình trạng chiến tranh phong kiến, thói cuồng tín tôn giáo, đề cao tư tưởng khoan

Tuy nhiên, như vậy, không có nghĩa là anh hùng ca cổ điển không góp phần cống hiến của mình vào sự phát triển văn học sau này và cũng không có nghĩa là nhiều đặc điểm quan trọng của nó đã không và đang không được phát triển trên cơ sở mới, trong những biểu hiện mới phù hợp với hoàn cảnh xã hội của các thời đại sau. Ngược lại, những đặc điểm riêng biệt của anh hùng ca tất yếu phải xuất hiện ra trong những tác phẩm của các nhà văn vĩ đại, những nhà văn đã miêu tả những sự kiện quan trọng trong cuộc sống của nhân dân và nhìn nhận những sự kiện ấy bằng cách nhìn của nhân dân lao động đất nước mình.

dung tôn giáo của phong trào Ánh sáng thế kỷ XVIII. Nhưng mặt khác với ý nghĩa mô phỏng loại anh hùng ca cổ điển thì đã hoàn toàn không thành công. Tác giả đã mượn những hình ảnh của thần thoại Hy-lạp La mã xưa kia, chế biến đi, do đó làm cho bản trường ca trừu tượng, khô khan, nhạt nhẽo. Thí dụ tác giả đã tạo ra một nữ thần Bất hoà đi tìm nữ thần Chính trị ở Va-ti-căng, xúi giục Đại học Xoóc-bon-nơ chống lại pháp viện Pa-ri (khúc ca IV) khích động Clê-măng để Clê-măng ám sát vua Hăng-ri (khúc ca V). Thánh Lu-î từ trên trời bay xuống để ngăn cơn phẫn nộ của Hăng-ri IV vào lúc Hăng-ri sắp sửa đốt Pa-ri, và đưa Hăng-ri lên trời, xuống âm phủ và thăm lâu đài của Số Mệnh (khúc ca VI. VII) rồi những nữ thần Chân lý, nữ thần Cuồng tín và những lời tiên đoán và những... Mặc dù bản trường ca có nội dung tiến bộ song những nhược điểm của nó như bố cục thiếu chặt chẽ, không thống nhất, nhân vật thụ động, trừu tượng, tính cách nhân vật không khác nhau, hơn nữa lại không có những đoạn miêu tả thiên nhiên, cảnh biển khơi, đồng nội v.v... như "*I-li-át*", "*Ô-di-xê*" hoặc "*Ê-nê-ít*" nên không có sức hấp dẫn. Một nhà văn Pháp đã phê bình tính chất khô khan của "*La Hăng-ri-át*" như sau: "Ở bản trường ca đó đến cả cho ngựa ăn, nước cho ngựa uống cũng không có". (N.V.K).

Ta có thể lấy "*Chiến tranh và Hoà bình*" của L. Tôn-xtôi làm một thí dụ. Nhưng trong những trường hợp như thế thì đây không phải là sự mô phỏng giả tạo lại cái quá khứ như các thí dụ đã nêu ra ở trên mà là sự tái tạo lại đúng đắn cuộc sống và phong tục tập quán của nhân dân trong một giai đoạn phát triển nhất định.

Trong thời đại ngày nay, trường ca hiện đại là loại thơ ca gần gũi nhất với anh hùng ca.

G.L. A-BRA-MÔ-VÍT

"Văn học dẫn luận" tr. 229-232

Nxb. Sự phạm - 1956

NHỮNG QUAN NIỆM KHÔNG ĐÚNG VỀ PHONG CÁCH SỬ THI

Phong cách của anh hùng ca là phong cách sử thi. Nhưng có một đôi quan niệm cho chúng ta thấy khái niệm anh hùng ca không được hiểu một cách thật rõ ràng⁽¹⁾. Anh hùng ca bao giờ cũng ca ngợi tính ưu thắng của cái chung đối với cái riêng (cái cá thể, -

(1) Thí dụ như L. I. Ti-mô-phi-ép định nghĩa anh hùng ca là: "sự thể hiện một cách rộng rãi các tính cách con người..." (*Nguyên lý lý luận văn học* M. 1948, trang 340). Ở đây có hai điều không đúng. Sự thực là việc thể hiện một cách rộng rãi các tính cách con người không phải chỉ có trong anh hùng ca, mà còn có cả ở trong kịch nữa. Nếu như những tính cách con người được thể hiện trong anh hùng ca thì điều đó rõ ràng là không có gì phân biệt tính loại biệt của anh hùng ca đối với kịch. Điều thứ hai, nói về sự thể hiện

N.V.K). Điều này hoàn toàn phù hợp với hình thái xã hội công xã thị tộc đã làm nảy sinh ra anh hùng ca, hình thái xã hội mà trong đó tập thể bao giờ cũng giữ vị trí ưu thắng.

A. PH. LÔ-SÉP

"Hô-me-rơ" - Nxb Sư phạm
(Ux-pe-ghi-dơ) 1960, Phần II.

ANH HÙNG CA

(Dịch trong Đại từ điển bách khoa Liên Xô)

Anh hùng ca: tiếng Hy-lạp cổ là "ê-pô-pôi-a", do "ê-pô-xơ" là lời nói, kể chuyện, ngôn từ và "pôi-ê-in" là làm, sáng tạo.

1. Những hệ thơ ca rộng lớn đầu tiên trong thời cổ đại, những bài ca, truyện cổ tích, truyền thuyết, độc lập nhưng gần gũi với nhau trong đó phản ánh những sự kiện và những nhân vật. Hệ thơ ca này dần dần

rộng rãi những tính cách của con người cần được hiểu chẳng những bao hàm phương tiện phản ánh mà còn bao hàm cả đối tượng của sự phản ánh nữa. Còn như đối tượng của sự phản ánh có quan hệ như thế nào với phương tiện phản ánh và phải tìm vấn đề phong cách ở chỗ này như thế nào thì đó là vấn đề người ta chưa biết. G.L. A-bra-mô-vits gắn anh hùng ca với cuộc sống của toàn thể nhân dân (*Vấn học dẫn luận*, M. 1953, trang 264 và...) "... Khi đó đời sống vật chất và ý thức của nhân dân trong một mức độ lớn là thống nhất, là cộng đồng với lợi ích của những người cầm đầu... Bởi vậy đối tượng chủ yếu của những bài ca anh hùng là các hiện tượng và các biến cố, mang ý nghĩa toàn dân..."

hình thành một câu chuyện kể hoàn chỉnh với một nhân vật duy nhất, nhân vật này có quan hệ với sự phát triển chung của cốt truyện ("*I-li-át*", "*Ô-đi-xê*", "*Bài ca Ni-bơ-lun-ghen*" và v.v...)

2. Trong thời đại mới người ta gọi anh hùng ca là hình thức phức tạp nhất của lối kể chuyện sử thi, trong đó quá trình phát triển xã hội được phản ánh với một tầm thước rộng lớn nhất và đa dạng nhất; đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa toàn dân; phản ánh được những sự kiện lịch sử quan trọng. Những sự kiện đó được đặt trong mối liên hệ với nhân vật, và quy định số phận của các nhân vật anh hùng ca. Thí dụ như bộ tiểu thuyết "*Chiến tranh và hoà bình*" của L. N. Tôn-xtôi, "*Cuộc đời của Clim - Săng-ghin*" của Gor-ki, "*Sông Đông êm đềm*" của M.A. Sô-lô-khốp, "*Con đường đau khổ*" của A. N. Tôn-xtôi. Sự bao quát nhiều mặt khác nhau của hiện thực trong anh hùng ca đã quy định tính phức tạp trong bố cục của nó, như tính chất nhiều tuyến của cốt truyện, như số lượng nhân vật rất lớn (trong "*Chiến tranh và Hoà bình*" có 559

Tất cả những điều nói trên đây hoàn toàn đúng. Nhưng những tác phẩm dân gian của văn học không phải chỉ là anh hùng ca mà còn có trong lĩnh vực thơ trữ tình, trong kịch: ngoài ra đặc điểm nhân dân được xác định không phải chỉ ở hình thái chế độ công xã thị tộc, còn những nhà thơ nhân dân thì chúng ta có thể thấy và thường thấy có ở trong tất cả mọi hình thái xã hội khác, kể cả việc họ không nhất thiết phải là nhà thơ sử thi.

nhân vật, còn tính đa dạng của ngôn ngữ là do sự phát triển đặc biệt rộng lớn của những sự kiện trong thời đại mới.

THỂ LOẠI TỰ SỰ

(Dịch trong Đại từ điển bách khoa Liên xô)

Thể loại tự sự: (tiếng Hy-lạp: ê-pô-xơ, có nghĩa là lời nói, ngôn từ, kể chuyện, tự sự)

1. Thể loại tự sự của văn học, là một trong ba thể loại⁽¹⁾ cơ sở của văn học nghệ thuật cùng với thơ trữ tình và kịch. Những loại hình⁽²⁾ tự sự gồm có: trường ca - thơ tự sự (truyện thơ): ban-lát - truyện thơ với đề tài không rộng lớn lắm; truyện ngụ ngôn - văn xuôi tự sự hoặc thơ tự sự với cốt truyện⁽³⁾ phức tạp (giữa trường ca với tiểu thuyết bằng thơ không có một ranh giới rõ rệt cũng như giữa tiểu thuyết văn xuôi và truyện ngắn); truyện vừa⁽⁴⁾ - hình thức sử thi trung bình, hình thức tự sự này khác biệt với tiểu thuyết ở chỗ những chất liệu của cuộc sống được thể hiện trong một phạm vi hẹp hơn và không có cốt truyện phức tạp; truyện ngắn⁽⁵⁾ - hình thức sử thi nhỏ, hình thức

(1) tiếng Nga: род

(2) tiếng Nga; жанр

(3) tiếng Nga: сюжет

(4) tiếng Nga: повест

(5) tiếng Nga: рассказ

tự sự này không lớn, cốt truyện không phức tạp và số lượng nhân vật không nhiều; ký sự⁽¹⁾ - hình thức tự sự khối lượng bằng khối lượng của truyện ngắn nhưng không xây dựng trên hư cấu nghệ thuật mà trên sự phản ánh những sự kiện đang diễn biến thực và những nhân vật có thực. Tiểu thuyết hoặc trường ca nào phản ánh được những sự kiện lịch sử nào có ý nghĩa rộng lớn và soi sáng được cuộc sống của nhân dân trong toàn bộ tính đa dạng của nó thì gọi là anh hùng ca (épopée).

Cũng như các thể loại văn học khác, anh hùng ca ra đời vào thời kỳ thượng cổ của lịch sử nhân loại. Trong bước đầu của bản thân sự phát triển nghệ thuật, đặc điểm của nó là sự phân chia giữa các biểu hiện khác nhau của sáng tác nghệ thuật (đồng ca, đối thoại, nhảy múa, âm nhạc, kịch câm⁽²⁾). Vấn đề thể loại nghệ thuật nào tách ra trước nhất, hiện vẫn đang bàn cãi. Tuy nhiên có thể tất cả các thể loại đó tách ra cùng một lúc sau khi đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài và phức tạp. Trong những bản trường ca dân gian - anh hùng, trong những truyện kể ra đời vào thời kỳ phát triển và phân hoá của chế độ công xã nguyên thủy, hoặc thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ hay chế độ phong kiến thì trung tâm miêu tả là những sự kiện quan trọng của cuộc sống nhân dân. Ở những sáng tác đó ta chưa thấy có một sự miêu tả rõ nét cá

(1) tiếng Nga: ocherk

(2) tiếng Pháp: pantomime

tính của nhân vật. Nhà thơ trong những tác phẩm thuộc thể loại này, như Biê-lin-ski nói: "... vẫn còn nhìn sự kiện bằng cách nhìn của nhân dân, không tách sự kiện khỏi bản thân nhân vật..." (Biê-lin-ski - *Sự phân chia thể loại và loại hình nghệ thuật* - Tuyển tập, tập 2, trang 36, 1948). Trên cơ sở của những bài ca dân gian - anh hùng, qua công việc hệ thống hoá chúng lại và biên tập lại, đã xuất hiện những sáng tác phức tạp. Những bản trường ca - sử thi đồ sộ như những bản "*I-li-át*" và "*Ô-di-xê*" của nước Hy-lạp cổ đại chứa đựng một nội dung lạc quan yêu cuộc sống với những hình tượng toàn vẹn hoặc như hai bản anh hùng ca "*Ma-ha-ba-ra-ta*" và "*Ra-ma-y-a-na*" của nước Ấn Độ cổ đại. Cùng với những bài ca anh hùng (chant héroïque) và anh hùng ca (épopée) là loại hình sử thi (genre épique): truyện ngụ ngôn. Sự ra đời và phát triển của loại hình tiểu thuyết và truyện vừa gắn liền với cuộc sống xã hội phức tạp cùng với sự phát triển và phân chia các giai cấp trong xã hội. Lịch sử của những hình thức sử thi này mở đầu bằng cuốn tiểu thuyết của Hy-lạp và La-mã, xuất hiện vào thế kỷ I sau công nguyên. Khác với anh hùng ca, tiểu thuyết cổ đại miêu tả tính cách nhân vật không sâu sắc do đó không có ảnh hưởng gì mấy đến sự phát triển văn học của thời đại sau. Hình thức tiểu thuyết của tự sự được phát triển ngày càng mạnh hơn và đa dạng hơn trong thời kỳ chế độ phong kiến. Chính trong thời kỳ này đã ra đời thuật ngữ "tiểu thuyết" (roman).

Nội dung của tiểu thuyết thời kỳ Trung cổ từ thế

kỷ 13 đến thế kỷ 15 thường khai thác trong đời sống kỹ sĩ. Với nội dung đó, tiểu thuyết trung cổ bị giới hạn trong một phạm vi nhất định. So sánh tiểu thuyết kỹ sĩ với những bản trường ca phong kiến đương thời và của thời đại Phục hưng sau này, ta thấy chúng có một mối liên hệ chặt chẽ với truyền thống sử thi cổ đại. Những bản trường ca đó đã phản ánh những sự kiện có ý nghĩa toàn dân ("*Bài ca Rô-lăng*" - "*Bài ca về đạo quân I-go*" - "*Giê-ruy-da-lem được giải phóng*") của Tát-xô⁽¹⁾ - Luy-di-át của Ca-mô-en⁽²⁾. Bản trường ca "*Hài kịch thần thánh*" của nhà thơ Đăng-tơ⁽³⁾ ra đời vào giai đoạn quá độ từ cuối thời kỳ Trung cổ chuyển sang đầu thời kỳ Phục hưng đã được coi là cuốn từ điển bách khoa của thời đại. Phải trải qua nhiều thời gian để tiểu thuyết mới có điều kiện dần dần thay đổi hình thức của những bản trường ca sử thi - anh hùng cũng như phải có nhiều thời gian tiểu thuyết mới dần dần vươn tới một nghệ thuật có tính chất nhân dân rộng lớn. Sự phát triển của tiểu thuyết gắn liền với thời kỳ tan rã của những quan hệ phong kiến đồng thời cũng gắn liền với thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản. Tiểu thuyết và truyện ngắn kỹ sĩ - hoang đường trong những điều kiện lịch sử mới đã bộc lộ ra nhược điểm là không có tính xác thực về thời gian.

(1) Torquato Tasso, nhà thơ Ý (1544 - 1595).

(2) Louis de Camoens, nhà thơ Bồ Đào Nha (1525 - 1580).

(3) Alighieri Dante, nhà thơ Ý (1265 - 1321). Thần ca, Thần khúc, Hài kịch thiên thần, Hài kịch thần thánh đều là những cách dịch khác nhau tên tác phẩm của ông La Divine Comédie.

Thay thế chúng là những truyện ngắn châm biếm và hài hước về phong tục tập quán hoặc những bức tranh sử thi đồ sộ (như "Đông-ki-sốt", "Gác-găng-chuy-a và Păng-ta-gruy-en"). Nền văn học tự sự này đã chuẩn bị cho sự ra đời của tiểu thuyết hiện thực thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX. Đến thế kỷ XIX ở châu Âu, tiểu thuyết đã phát triển rực rỡ và trở thành loại hình sử thi chủ đạo. Trong thời kỳ này "khi toàn bộ những quan hệ của đời sống thị dân, xã hội, gia đình và quan hệ giữa con người nói chung trở nên vô cùng phức tạp và nhiều biến động; cuộc sống diễn biến trong chiều rộng và chiều sâu vô tận của muôn vàn những yếu tố". (Biê-lin-xki - *Sự phân chia thể loại và loại hình nghệ thuật* - Tuyển tập, tập 2, trang 39, 1948). Theo Ban-dắc⁽¹⁾ tiểu thuyết thế kỷ XIX có vươn tới "trình độ lịch sử triết học". Cùng với sự phát triển của tiểu thuyết là những loại truyện vừa và truyện ngắn. Ở Tây Âu và Mỹ các nhà văn Xtăng-đan⁽²⁾, Ban-dắc, Tác-cơ-rây⁽³⁾, Dích-ken⁽⁴⁾, Mác Tu-en⁽⁵⁾, Xti-ven-sơn⁽⁶⁾ và v.v... đã xây dựng được những tác phẩm nghệ thuật xuất sắc.

(1) Honoré de Balzac, nhà văn Pháp, bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực phê phán (1799 - 1850)

(2) Henri Beyle Stendhal, nhà văn Pháp (1783 - 1842)

(3) William Thackeray nhà văn Anh (1811-1863)

(4) Charles Dickens, nhà văn Anh (1812-1870)

(5) Mark Twain, nhà văn châm biếm Mỹ (1835-1910)

(6) Robert Louis Stevenson, nhà viết tiểu thuyết phiêu lưu Anh (1850 - 1894)

Trong nền văn học Nga tiểu thuyết đạt được thành công rực rỡ và khá sâu sắc (Li-ep Tôn-xtôi⁽¹⁾, Đô-xtô-ép-xki⁽²⁾, Tu-rơ-ghe-nhi-ép⁽³⁾, Gôn-tsa-rốp⁽⁴⁾, Tsê-khốp⁽⁵⁾ v.v...

Trong nền văn học xô viết những bộ tiểu thuyết "*Cuộc đời của Clim Săng-ghin*" của Gor-ki⁽⁶⁾, "*Sông Đông êm đềm*" của Sô-lô-khốp⁽⁷⁾, được coi là những bộ tiểu thuyết anh hùng ca kiểu mẫu. Từ khi loại hình anh hùng ca đã phát triển rộng rãi thì lý luận anh hùng ca mới ra đời và mới được nghiên cứu sâu sắc. Lý luận đó đã nhào nặn lại truyền thống cũ và xây dựng được những kiểu mẫu cổ điển cho sự sáng tạo nghệ thuật. Pla-tôn⁽⁸⁾ là người đã nêu vấn đề phân chia nghệ thuật ra các thể loại. Nhưng lý luận về nghệ thuật của ông mang tính chất trừu tượng, tự biện và duy tâm. Cuốn "*Nghệ thuật sáng tác*" của A-ri-xtốt là một bước tiến rất lớn trong đó tác giả nghiên cứu nghệ thuật là sự tái tạo, tái hiện lại cuộc sống thực tại.

(1) Lev Tolstoi, nhà đại văn hào Nga (1828 - 1910)

(2) Fedor Dostoievski, nhà văn Nga (1821-1881)

(3) Ivan Tourgueniev, nhà văn Nga (1818-1883)

(4) Ivan Gontcharov, nhà văn Nga (1812 - 1891)

(5) Anton Tchekhov, nhà văn Nga (1860-1904)

(6) Maxime Gorki, nhà văn lớn của nền văn học xô viết, người sáng lập ra nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa (1869-1936).

(7) Solokhov, nhà văn xô viết.

(8) Platon, nhà triết học của chủ nghĩa duy tâm khách quan thời cổ Hy-lạp (429-347) trước công nguyên).

A-ri-xtốt⁽¹⁾ coi sử thi là "truyện ngắn" tức là thể loại tự sự. A-ri-xtốt đánh giá những bản trường ca của Hô-me-rơ là kiểu mẫu cao nhất của anh hùng ca. Những quan điểm mỹ học của A-ri-xtốt đã ảnh hưởng tới tác phẩm "*Nghệ thuật sáng tác*" của Hô-ra-xơ⁽²⁾. Trong thế kỷ XVII, Boa-lô⁽³⁾, nhà lý luận của chủ nghĩa cổ điển Pháp đã đưa tính chất quý tộc vào lý luận và Héc-đe⁽⁴⁾ đã đấu tranh với truyền thống của chủ nghĩa cổ điển. Ông ra sức khôi phục lại quan niệm của A-ri-xtốt về anh hùng ca, coi anh hùng ca là sự tái hiện lại đời sống thực tại. Nếu như Lét-sinh⁽⁵⁾ trong khi phân tích anh hùng ca có phần nào trừu tượng nhưng lại chú ý nhiều đến việc so sánh sự khác nhau giữa hội họa và thơ ca thì Héc-đe đã đề ra những quy luật về sự phát triển lịch sử của các thể loại nghệ

(1) Aristote, nhà triết học lớn, khối óc bách khoa của xã hội cổ đại Hy-lạp (384-322 trước công nguyên). "*Thi pháp*" hoặc "*Nghệ thuật thơ ca*", "*Nghệ thuật sáng tác*" là những cách dịch khác nhau tên tác phẩm của ông: Poétique.

(2) Horace, nhà thơ cổ La-mã (65-8 trước công nguyên) "*Nghệ thuật sáng tác*" hoặc "*Thi pháp*" hay "*Thư gửi anh em Pi-dông*" là những cách gọi khác nhau tên tác phẩm của ông.

(3) Boileau, nhà lý luận, nhà thơ của chủ nghĩa cổ điển Pháp (1636-1711).

(4) Herder (phiên âm là Ghéc-đe hoặc Héc-đe) nhà triết học Đức thời kỳ cổ điển hoặc của phong trào Ánh sáng (1744-1803)

(5) Lessing, nhà triết học, nhà văn Đức thời kỳ cổ điển hoặc của phong trào Ánh sáng (1729-1781).

thuật, quy luật về sự liên hệ mật thiết của chúng - các thể loại nghệ thuật - với những nhân tố chính trị và tôn giáo. Héc-đe cho rằng nghệ thuật sử thi phải là tài sản của toàn thể nhân dân. Triết học cổ điển Đức đưa tính chất tư biện vào khái niệm "anh hùng ca", Hê-ghen⁽¹⁾ coi anh hùng ca là biểu tượng của sự thể hiện "ý niệm tuyệt đối". Mặt có giá trị trong quan niệm của Hê-ghen là anh hùng ca cũng như các hiện tượng nghệ thuật khác đều là sự phát triển của tư tưởng, đều là sự tìm tòi hình thức nghệ thuật trong quá trình hình thành những hình thức đó. Hê-ghen đã nghiên cứu tính chất phát triển chủ đạo của thể loại và loại hình nghệ thuật này hay thể loại và loại hình nghệ thuật khác trong mối liên hệ chặt chẽ với trình độ phát triển nhất định của lịch sử xã hội. Biê-lin-xki đã trình bày một quan niệm sâu sắc hơn và tinh tế hơn về anh hùng ca. Ông đã chỉ ra rằng vì nhu cầu của cuộc sống, loại hình sử thi mới đã ra đời tức là tiểu thuyết và tiểu thuyết là trình độ cao nhất của chủ nghĩa hiện thực.

Sau Biê-lin-xki, Tséc-nu-tsép-xki⁽²⁾ đã nghiên cứu anh hùng ca trong mối liên hệ với đời sống. Ông vạch ra phạm vi miêu tả của anh hùng ca (và của nghệ

(1) Hégel, nhà triết học vĩ đại của nền triết học cổ điển Đức (1770-1831).

(2) Tchernychevski, nhà dân chủ - cách mạng Nga (1828 - 1899).

thuật nói chung) không chỉ giới hạn ở cái đẹp mà còn ở tất cả những gì trong thiên nhiên và đời sống đã gây hứng thú cho con người.

Mác và En-ghe-nê nêu ra những nguyên tắc cơ bản cho vấn đề lý luận của anh hùng ca. Là những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, các ông đã nghiên cứu những tác phẩm anh hùng ca của các dân tộc và các thời đại khác nhau trong mối liên hệ với những hoàn cảnh kinh tế, chính trị và xã hội của đời sống. Việc làm đó đã tạo ra một khả năng để hiểu rõ tính độc đáo và một đi không trở lại của nhiều tác phẩm anh hùng ca cũng như hiểu rõ được tư tưởng và khuynh hướng của chúng. Mác và En-ghe-nê đã nghiên cứu sự ra đời của các tác phẩm anh hùng ca, phát hiện ý nghĩa thẩm mỹ của những tác phẩm đó. Mác và En-ghe-nê đã đưa ra những nhận xét kinh điển về anh hùng ca Hy-lạp và toàn bộ nghệ thuật Hy-lạp, về bản trường ca của nước Nga cổ đại "*Bài ca của đạo quân I-go*", về bản trường ca "*Hải kịch thần thánh*" của Đăng-tơ, về tiểu thuyết của Ban-dắc, của Dích-ken, O-gien Suy⁽¹⁾. Lý luận về phản ánh của Lê-nin có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hiểu anh hùng ca. Nó giúp ta hiểu sâu sắc hơn nữa mối quan hệ của văn

(1) Fugène Sue nhà văn phản động Pháp (1804-1857) tác giả cuốn tiểu thuyết "*Những bí mật của thành Pa-ri*" tuyên truyền cho lý thuyết cải lương xã hội. Mác và En-ghe-nê đã phê phán cuốn sách này tác phẩm "*Gia đình thần thánh*".

học với cuộc sống, với cuộc đấu tranh giai cấp, giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ của những tác phẩm văn học khác nhau. Những bài báo của Lê-nin về Tôn-xtôi là kiểu mẫu của sự phân tích mác xít những tác phẩm sử thi.

2. Người ta hiểu thể loại tự sự là những bài ca dân gian - anh hùng, những truyền thuyết và trường ca, là những tác phẩm phản ánh quá trình phát triển xã hội và các biến cố lịch sử. Trong khi mở rộng khái niệm tự sự (ê-pô-xơ), người ta đôi khi còn đưa vào khái niệm đó những truyện truyền miệng và những bài ca có nội dung tình ái - phiêu lưu. Hình thức tự sự rất đa dạng, có thể là văn xuôi và thơ, thường là sự phối hợp văn xuôi với thơ trong đó hành động được miêu tả thì trình bày bằng văn xuôi còn những văn thơ thì chủ yếu để truyền đạt những cảm xúc của nhân vật.

Nguồn gốc của thể loại tự sự ở vào thời kỳ xã hội loài người chưa phân chia giai cấp; thể loại tự sự ra đời trong xã hội thị tộc phản ánh sinh hoạt của xã hội thị tộc. Những sinh hoạt đó thể hiện những cảm xúc, quan niệm, tư tưởng của thời kỳ công xã nguyên thủy. Để tài các câu chuyện sử thi cổ đại phản ánh quan hệ thị tộc, những cuộc chinh chiến và đời sống hoà bình, những nghi lễ xã hội và tôn giáo v.v... Nông nghiệp phát triển, vai trò lao động của người phụ nữ ngày càng lớn do đó đã củng cố những quan hệ mẫu quyền. Điều đó đã dẫn đến một sự tách ra rất nổi bật

trong sử thi, hình tượng những người phụ nữ, thể hiện tính chất vĩnh viễn của cuộc sống và tính chất này bắt đầu từ người mẹ. Những hình tượng của chế độ mẫu hệ còn lưu giữ được trong anh hùng ca Nác-xơ-ki⁽¹⁾ của những người Ôt-se-tơ⁽²⁾ và Ap-kha-dsép⁽³⁾ và v.v...

Sự chuyển biến từ chế độ mẫu hệ sang chế độ phụ hệ đã đưa đến những nét mới trong sáng tác sử thi. Quá trình hình thành chế độ phụ hệ đã cung cấp đề tài cho những truyền thuyết phản ánh sự thay đổi quan hệ giữa các thành viên trong xã hội thị tộc (như truyền thuyết về O-re-xơ ngày nay không còn nhưng được diễn tả trong bộ ba bi kịch O-re-xti của Et-khin⁽⁴⁾). Một số nhà nghiên cứu cho rằng cũng trong giai đoạn này đã nảy sinh những cốt truyện về những cuộc gặp gỡ giữa cha và con trong đó phản ánh khát vọng củng cố mối liên hệ thị tộc theo dòng người cha (Anh hùng ca về Ru-chem và Dô-ráp và v.v...) Với sự biến đổi của sức sản xuất và quan hệ sản xuất trong lòng thị tộc gia đình đã xuất hiện như là một tế bào độc lập mâu thuẫn với thị tộc. Quá trình hình thành gia đình, tính chất mối quan hệ qua lại của nó với thị tộc đã là một trong những đề tài quan trọng của anh hùng ca. Sự

(1) Anh hùng ca Nác-xơ-ki: anh hùng ca, truyền thuyết cổ của những bộ lạc miền Bắc Cô-ca-dơ (Liên-xô).

(2) Ôt-se-tơ: một dân tộc ở vùng núi Cô-ca-dơ.

(3) An-kha-dsép: một dân tộc ở vùng bờ biển Đen (Liên xô).

(4) Eschyle, nhà viết bi kịch cổ đại Hy-lạp. Bộ ba vở bi kịch O-re-xti của ông kể lại chuyện O-re-xơ giết mẹ để trả thù cho bố mà không bị các thần trừng phạt. (525-456 tr.c.n.)

bảo toàn những mô-típ đó đặc biệt rõ trong những anh hùng ca của nhân dân miền Bắc Liên-xô. Chúng được ghi lại trong thế kỷ XIX và XX. Những mô-típ đó được trình bày rõ trong những Êt-đa⁽¹⁾ của xứ I-xơ-lan và trong anh hùng ca cổ đại Ấn độ và v.v...

Những cốt truyện phản ánh những quan hệ và những mối liên hệ thị tộc bị phức tạp hoá đi đã cho ta thấy những quan hệ đang hình thành trong quá trình xác lập gia đình. Đồng thời anh hùng ca còn phản ánh quá trình nhận thức thiên nhiên, thực tại đời sống, sự khám phá vĩ đại của con người (những khúc ca tán mỹ⁽²⁾ Vệ đà của Ấn độ rất gần với thể loại tự sự (ê-pô-xơ). Khát vọng nhận thức thế giới nảy sinh trong thần thoại cổ đại như truyện Prô-mê-tê⁽³⁾, trong những truyền thuyết Gru-di-a⁽⁴⁾, về Ôt-se-tơ về A-mi-ran⁽⁵⁾, trong truyền thuyết Ap-kha-ki và Áp-rơ-skin⁽⁶⁾ và v.v...

(1) Eddas: tên chỉ những bài ca, truyền thuyết, thần thoại của những dân tộc ở vùng bán đảo Scăng-di-na-vi.

(2) hymne.

(3) Prô-mê-tê: vị thần trong thần thoại Hy-lạp đã ăn cắp lửa của thần thiên đình đem xuống cho loài người.

(4) Gru-di-a: một dân tộc ở vùng bờ biển Đen, ngày nay là nước Cộng hoà Gru-di-a trong Liên bang Xô viết. (Tiếng Pháp phiên âm là Giê-ô-c-gi).

(5) A-mi-ra-nhi người anh hùng của anh hùng ca Gru-di-a cổ đại. A-mi-ra-nhi có nghĩa là "con của Mặt trời".

(6) Ap-rơ-skin: người anh hùng của truyền thuyết dân gian Ap-kha-dki mang những đặc điểm của truyền thuyết cổ đại Cô-ca-dơ về "Mặt trời anh hùng".

Đặc điểm của thể loại tự sự thời kỳ xã hội chưa có giai cấp là ở sức khái quát của hình tượng, mạnh mẽ, sâu sắc và rộng lớn. Mác đã chỉ ra rằng thời kỳ nảy sinh và phát triển rực rỡ của anh hùng ca vốn có đặc điểm là sản xuất vật chất và nghệ thuật phát triển theo một tỷ lệ không đều nhau. Trong anh hùng ca Hy-lạp ta thấy rất rõ sự không phù hợp giữa hình thức hoàn thiện cổ điển của nó so với trình độ thấp của sự phát triển xã hội trong đó anh hùng ca hình thành. Theo nhận xét của Gor-ki thì sự hài hoà giữa tư tưởng "... có được lại là do tính toàn vẹn của tư duy tập thể trong đó hình thức bên ngoài là bộ phận hữu cơ của tư tưởng sử thi, một từ bao giờ cũng là một biểu trưng, nghĩa là từ ngữ bao giờ cũng gọi lên trong trí tưởng tượng của dân gian cả một loạt những hình ảnh và biểu tượng sinh động trong đó họ gói ghém các khái niệm của họ... Chỉ khi nào toàn dân tập hợp tư duy lại thành một khối thì mới có thể sáng tạo được những sự khái quát hoá rộng lớn, những biểu tượng thiên tài như: Prô-mê-tê, Sa-tăng⁽¹⁾, Hê-ra-clét⁽²⁾, Xvi-a-tô-go⁽³⁾, I-li-a⁽⁴⁾ Mi-cu-la⁽⁵⁾ và hàng trăm hình

(1) Sa-tăng: con quý đầu đàn trong Kinh thánh (Tân ước)

(2) Hê-ra-clét: người anh hùng có sức mạnh phi thường trong thần thoại Hy-lạp, còn có tên gọi là Héc-quyn.

(3) Xvi-a-tô-go; nhân vật anh hùng trong anh hùng ca (bư-li-na) Nga, người dùng sĩ trước khi chết đã truyền lại sức mạnh cho I-li-a Mu-ru-mét.

(4) I-li-a Mu-ru-mét: người anh hùng trong anh hùng ca (bư-li-na) Ki-ép Nga.

(5) Mi-cu-la: người anh hùng trong lao động nông nghiệp trong anh hùng ca Nga.

tượng khổng lồ khác khái quát vốn kinh nghiệm sống của nhân dân..." (Gor-ki *Bàn về văn học* - 1953, tr. 48-49)⁽¹⁾.

Sự xuất hiện hình thức cổ điển của sáng tác sử thi chỉ có thể ở vào những thời kỳ ban đầu của sự phát triển xã hội và có trước khi ban đầu "sự sản sinh nghệ thuật thực sự" (Mác) tức là sự sáng tạo của cá nhân có ý thức. Trong anh hùng ca Hy-lạp cổ đại, thần thoại đóng một vai trò hết sức to lớn đối với việc hình thành một cách đặc biệt sự phản ánh bằng hình tượng đời sống thực tại. Theo nhận xét của Mác thì ở đó, ở thần thoại thiên nhiên và những hình thái xã hội đã được cải biên một cách nghệ thuật - không tự giác trong trí tưởng tượng của nhân dân (Mác - *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học* - tr. 224-226)⁽²⁾.

Trong những hình tượng các vị thần và các vị anh hùng đã cụ thể hoá sự cảm thụ của con người đối với đời sống thực tại xung quanh. Những biểu tượng tôn giáo cũng có tác động ảnh hưởng đến nghệ thuật - không tự giác của sáng tác sử thi. Vai trò to lớn của những biểu tượng và hình tượng tôn giáo không phải chỉ có ở trong văn bản tế tụng A-ve-xta⁽³⁾, trong kinh

(1) Xem Gor-ki - *Bàn về văn học*, tập I (Sự suy sụp của cá nhân) tr. 57-58, Nxb Văn học, Hà-nội 1970.

(2) Xem Các-Mác - *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học* tr. 312-314, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1964.

(3) A-ve-xta hoặc Den-A-ve-xta là một tác phẩm gồm nhiều những văn bản có tính chất tôn giáo của người Ba-tư cổ, nội dung kể về cuộc đời của nhà vua Dô-rô-a-xtơ-rơ.

Vệ đà ở Ấn độ cổ đại và những tác phẩm khác mà còn có cả ở trong anh hùng ca "*Ra-ma-y-a-na*", trong anh hùng ca Ba-bi-lon về Ghin-ga-me-sơ⁽¹⁾, trong hàng loạt thần thoại; trong những bài ca Êt-đa, trong nhiều bài ca ruy-nơ⁽²⁾ ca-rê-lô - Phần lan⁽³⁾ của thiên anh hùng ca "*Ka-lê-va-la*", trong các chương hồi của anh hùng ca I-a-cút a-lông-khô⁽⁴⁾ và v.v... Những tín ngưỡng đã tác động ảnh hưởng đến những hình tượng và các mô-típ của anh hùng ca và đồng thời cũng là một trong những thành phần của anh hùng ca. Ngay cả những hình thức đầu tiên của anh hùng ca ở mỗi một dân tộc đều có những nét đặc thù do đặc điểm cụ thể lịch sử của những quá trình hình thành dân tộc đó qui định. Sự ra đời và đặc điểm dân tộc của của anh hùng ca có mối liên hệ chặt chẽ với đặc điểm riêng biệt của gia tài thần thoại vốn là tiền đề của nghệ thuật.

Sáng tác sử thi của thời kỳ xã hội chưa có giai cấp được lưu giữ lại trong nhân dân và sau này ở bước chuyển biến lên một trình độ phát triển xã hội cao hơn. Cùng với thời gian đã diễn ra quá trình cải biên khá rõ ràng trong anh hùng ca cổ đại, đồng thời sáng

(1) Ghin-ga-me-sơ: nhân vật lịch sử - truyền thuyết, cầm đầu thành U-ra-ca (Nam Lưỡng hà) vào những năm 30 đến 20 của thiên niên kỷ thứ I trước công nguyên. Chiến công của Ghin-ga-me-sơ đã được nhân dân thần thánh hoá.

(2) Ruy-nơ: hay rô-nô (runes, ronots) bài ca cổ của người Phần lan phản ánh những quan niệm tôn giáo - thần thoại.

(3) Ca-rê-lô: (careli) tên một địa phương trong nước Phần Lan.

(4) A-lông-khô: tên gọi chung cho anh hùng ca I-a-cút.

tạo nên những truyện anh hùng ca mới ngay trong quá trình cải biên đó. Song song với anh hùng ca cổ đại được cải biên xuất hiện những tác phẩm mới dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến. Một số tác phẩm anh hùng ca được xây dựng trong xã hội có giai cấp nhằm ca ngợi chúa phong kiến, ủng hộ và khẳng định quyền lợi của một số ít tầng lớp nào đó trong xã hội. Anh hùng ca dân gian phản ánh một cách đúng đắn thực tại trong những hình tượng nghệ thuật. Nó đánh giá hiện thực trên lập trường quyền lợi của nhân dân, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng, tinh thần đấu tranh kiên quyết cho công lý xã hội, ca ngợi lòng yêu lao động và những tình cảm sâu sắc và trong sáng. Những loại truyện kể sử thi như vậy, bước vào gia tài văn học dân tộc này hay dân tộc khác, đến nay vẫn còn giữ được giá trị giáo dục và giá trị thẩm mỹ rất lớn. Những tác phẩm anh hùng ca chủ yếu nhất của xã hội có giai cấp miêu tả cuộc đấu tranh của nhân dân cho độc lập, cho việc củng cố nhà nước, đấu tranh chống bọn xâm lược nước ngoài. Nó còn phản ánh những cuộc khởi nghĩa của quần chúng chống bọn áp bức phong kiến. Trong khi phản ánh quá trình hình thành tính nhân dân và tính dân tộc, anh hùng ca có mối liên hệ hữu cơ với lịch sử dân tộc, lưu giữ lại những chiến công anh hùng của những người đại biểu ưu tú của nhân dân. Vì thế anh hùng ca được bảo tồn và được nhận thức như là một phần quan trọng trong toàn bộ lịch sử anh hùng của nhân dân, truyền lưu từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong khi giáo dục ý

thức dân tộc, anh hùng ca đã làm nổi bật những bước ngoặt trong lịch sử nhân dân, kể lại những biến cố lịch sử của dân tộc quan trọng nhất. Một số lớn tác phẩm sử thi vốn có một phong cách miêu tả đồ sộ với tinh chất phóng đại và kể chuyện chậm rãi, đều đặn cùng với sự miêu tả chi tiết và tuần tự hành động của cốt truyện.

Trong anh hùng ca của một số lớn dân tộc biểu hiện khuynh hướng quần tụ thành từng nhóm tác phẩm liên hoàn tức là thống nhất những cốt truyện kể riêng lẻ vào anh hùng ca (Thí dụ anh hùng ca Gru-di-a về Ta-ri-en⁽¹⁾, sự phát triển của anh hùng ca của Ru-xta-vê-li⁽²⁾, anh hùng ca dân gian Thổ nhĩ kỳ về Cô-ro O-glư và v.v...) Sự xuất hiện anh hùng ca phổ hệ⁽³⁾ kể lại chiến công của một vài thế hệ người anh hùng (thí dụ: bốn nhánh của anh hùng ca Ac-mê-ni về Đa-vit Sa-sun-ki, anh hùng ca Kiếc-ghi-dơ về Ma-na-xơ⁽⁴⁾, Sê-mê-te và Sây-me-cơ và...) Quá trình

(1) Ta-ri-en: một dũng sĩ, anh hùng.

(2) Ru-xta-vê-li: nhà thơ lớn của dân tộc Gru-di-a thời trung cổ, tác giả bản trường ca "Người dũng sĩ trong da hổ"

(3) Phổ hệ: *épopée généalogique*.

(4) Ma-na-xơ; bản anh hùng ca đồ sộ của dân tộc Kiếc-ghi-dơ thuật lại chiến công của người dũng sĩ Ma-na-xơ. Tiếp đến con của chàng là Sê-mê-te và cháu là Sây-me-cơ phản ánh lịch sử dân tộc Kiếc-ghi-dơ, cuộc đấu tranh với những người Can-mức - Oi-rốt-ski đến xâm chiếm lãnh thổ (thế kỷ XV-XVIII) và v.v... Ma-na-xơ có nhiều biến thể, dị bản, qua đó người ta thấy rõ dấu ấn của từng thời đại lịch sử: công xã thị tộc, phong kiến, tư sản. Bộ ba của thiên anh hùng ca này đã được những nhà nghiên cứu văn học dân gian thời đại Xô-viết sưu tập và ghi chép lại mang tên là "Ma-na-xchi" (N.V.K.)

quần tụ liên hoàn các truyền thuyết sử thi thể hiện khá rõ ràng ở nhiều dân tộc mặc dù quá trình đó không dẫn đến sự hình thành sử thi (thí dụ nhóm liên hoàn những bài ca miền Nam Sla-vơ về Cra-lê-vits Mác-cô⁽¹⁾, về những trận giao chiến của Ka-xô-vê-ca và v.v...). Trong những Bư-li-na Nga là nhóm liên hoàn Bư-li-na Ki-ép và trong bư-li-na Ki-ép là nhóm bư-li-na về I-li-a Mu-ru-mét, nhóm Ni-ki-tin nhân hậu và v.v...) Quy luật đó của sự phát triển sử thi không còn nghi ngờ gì nữa gắn liền với việc sử thi bao giờ cũng đề xuất ra những vấn đề có ý nghĩa dân tộc và toàn thể quốc gia, phản ánh cuộc đấu tranh của những lực lượng xã hội tiến bộ chống lại những hình thái lạc hậu của cuộc sống.

Trong anh hùng ca cũng thể hiện những hình thái văn hoá và sinh hoạt lạc hậu, những quan điểm bảo thủ và phản động. Khá nhiều những hiện tượng được lý tưởng hoá, những hiện tượng vốn già cỗi làm cản trở cho bước tiến của xã hội đã bộc lộ tác hại đối với ý thức của quảng đại quần chúng. (Thí dụ: anh hùng ca Nác-xơ-ki của người Ôt-se-tơ, những bài ca trữ tình - sử thi của nhân dân miền bắc Cô-ca-dơ, trong những truyền thuyết, sử thi của nhân dân miền Trung Á "Lê-vi-rát" thường có những xung đột đẫm máu về phong tục chuyển những người vợ của người chồng đã

(1) Cra-lê-vits Mác-cô: hình tượng trung tâm của anh hùng ca Bun-ga-ri (bài ca I-u-na-ski), một lãnh chúa phong kiến Ma-kê-đoan.

chết làm vợ của người anh hoặc của em chồng). Trong anh hùng ca của xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến, sự tố cáo các chế độ xã hội hiện hành mâu thuẫn với sự lý tưởng hoá mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực đã lỗi thời của chế độ công xã phụ hệ mà chế độ này đã bị phân hoá trong quá trình phát triển của chế độ phong kiến (thí dụ, điển hình là trong anh hùng ca của nhân dân Trung Á và của người Cô-dắc biểu lộ thái độ lên án thói độc đoán của Khan⁽¹⁾ với những thành kiến phụ hệ).

Trong anh hùng ca của chế độ phong kiến đã ra đời những hình tượng thể hiện những khái niệm về Nhà nước, về tính nhân dân đang trong quá trình thống nhất (thí dụ hình tượng thành Ki-ép được coi như sự tượng trưng của Nhà nước Nga cổ đại trong anh hùng ca (bư-li-na) (Nga). Đồng thời anh hùng ca đã xây dựng những hình tượng có ý nghĩa khái quát về những người cầm quyền - người cầm đầu nhà nước (thí dụ hình tượng Sác-lơ đại đế⁽²⁾ Vla-di-mia Xvi-a-tô-sla-vits⁽³⁾ và v.v...) Lý tưởng đấu tranh quên mình vì nền độc lập của đất nước thân yêu được thể hiện trong hình tượng những vị tướng những cuộc giao tranh chống lại với sức mạnh và lòng dũng cảm ghê gớm của kẻ

(1) Khan: lãnh chúa, vương chủ chỉ huy người Tác-ta, Ba-tư.

(2) Sác-lơ Đại đế (Charlemagne) vị vua, nhân vật trong anh hùng ca Pháp - "Bài ca Rô-lăng".

(3) Vla-di-mia Xvi-a-tô-sla-vits: tên một quốc vương trong anh hùng ca (bư-li-na) nga.

thù (thí dụ hình tượng những người anh hùng của anh hùng ca Đa-vít Sa-sun-ki⁽¹⁾, những người anh hùng Séc-bi và Bun-ga-ri trong những bài ca I-u-na-ski⁽²⁾ và những anh hùng ca Nga v.v...) Khẳng định tinh thần yêu nước, anh hùng ca phong kiến xây dựng những hình tượng tương phản giữa người dũng sĩ trung thành với kẻ phản bội nhân dân và tổ quốc thân yêu. (Thí dụ trong anh hùng ca miền Nam Sla-vơ, trong anh hùng ca Pháp hình tượng nhân vật Ga-nơ-lông và v.v...). Anh hùng ca đã thể hiện lòng trung thành của lãnh chúa là người cầm đầu nhà nước, tượng trưng cho sự thống nhất và sức mạnh của đất nước và nhân dân. Vì thế cần phải nghiên cứu sâu rộng cách giải thích những hình tượng người anh hùng - từ người tuý tượng trưng thành của nhà vua là Rô-lăng trong anh hùng ca Pháp đến những tráng sĩ, đến sự tố cáo một vương chủ và tất cả những gì phục vụ cho y trong anh hùng ca Nga.

Những hình tượng của anh hùng ca cổ đại đã khai thác ý nghĩa trong thần thoại thời kỳ nguyên thủy. Nhưng chúng chỉ giữ lại ở những hình tượng thơ ca cái diện mạo bề ngoài còn tính cách của kẻ thù thì

(1) Đa-vít Sa-sun-ki; tên một vị anh hùng trong anh hùng ca Ac-mê-ni đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống ách thống trị của người A-rập. Toàn bộ khối anh hùng ca này có bốn nhóm, Đa-vít Sa-sun-ki là nhóm thứ ba.

(2') I-u-na-ski: (tiếng Bun-ga-ri I-u-nác là người anh hùng thanh niên) anh hùng ca dân gian của dân tộc Bun-ga-ri thời Trung cổ.

lấy ngay những chi tiết quái dị vốn có của thần thoại. Dưới ảnh hưởng, tác động của những hình thái tôn giáo mới, một số những tình huống và hình tượng của cốt truyện cũ được giải thích theo một quan điểm mới. Trong ánh sáng của thần thoại Crit⁽¹⁾ hình tượng con Rắn (con Rồng và v.v...) được cảm thụ như là hình tượng dị giáo, còn truyện giao tranh với con Rắn thì được coi như sự phản ánh một cách tượng trưng cho việc truyền bá tôn giáo Crit (trong những sử thi miền Nam và miền Đông Sla-vơ và v.v...).

Những truyền thuyết sử thi dân gian được xây dựng trong điều kiện của những quan hệ phong kiến phát triển vào những năm thứ hai cho đến những năm thứ 20 của thế kỷ I đầu công nguyên đã đóng một vai trò to lớn trong việc hình thành nền văn học dân gian ở Tây Âu. Một trong những văn bản cổ nhất nổi tiếng của anh hùng ca ở châu Âu là bản trường ca Ăng-glô - Sác-xông Bê-ô-vun-ph⁽²⁾ (chỉnh biên vào thế kỷ VIII - IX những truyền thuyết dân gian ra đời vào nửa đầu thế kỷ VI). Bản trường ca thuật lại chiến công của người dũng sĩ của bộ lạc Ghit⁽³⁾ đã lãnh đạo bộ lạc và chết trong cuộc giao đấu với con Rồng để bảo vệ những người Ghit của mình. Vào thế kỷ XII đã có một tập hợp những bài ca ngắn, sử thi It-slăng, Êt-đa, (ngày

(1) Crit: Giê-su Crit của đạo Cơ-đốc.

(2) Bê-ô-vun-ph (Beowulf).

(3) Ghit (Geat) còn gọi là người Gốt (Goth) miền Nam Thụy điển.

nay chỉ còn một bản danh sách ở vào cuối thế kỷ XIII tên là "*Cô-đêx Rê-di-um*"⁽¹⁾. Ứt-đa gồm những bài ca trình bày những câu chuyện về các vị thần Scăng-đi-na-vơ, Gô-re, Ban-đre và v.v...) và về sự hiểu biết toàn diện về vị thần An-vit-se, nó kể lại chiến công của các vị anh hùng, lưu giữ các bài học, lời thề nguyện và luật lệ của cuộc sống. Vào thế kỷ thứ XII và đầu thế kỷ thứ XIII ở Pháp đã ra đời "*Bài ca Rô-lăng*"; nội dung ca ngợi lòng yêu nước, đức tính cao thượng, dũng cảm của người kỵ sĩ, người bồi thân trung thành với nhà vua, chết trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù của nước Pháp. Ở Đức có "*Bài ca Ni-bơ-lun-ghen*" cải biên từ thần thoại, truyền thuyết cũ, phần nào có mối liên hệ với sự sụp đổ của vương quốc Buốc-gun-đơ do những người Hun-xơ tấn công. Bài ca đối lập vẻ đẹp của con người cùng tính chất chinh chiến của Siê-dơ-phrít với những hành động độc đoán và gây gổ của những lãnh chúa phong kiến (những truyền thuyết It-xlam về Nhi-phơ-lung và Vôn-sung) vẫn gụi với "*Bài ca Ni-bơ-lun-ghen*"⁽²⁾.

Ở Tây ban nha "*Bài ca về chàng Xít của tôi*" thuật lại cuộc đấu tranh của Xít với Ma-bram, kết án những đứa con vua và nhà vua. Vào thế kỷ XII đến XIV đã xây dựng nhiều tiểu thuyết về Xít. Tính chất tự sự và

(1) Codex Regium.

(2) Xem "*Bài ca Ni-bơ-lun-ghen*, một bản anh hùng ca lớn của dân tộc Đức" của Đỗ Ngạn, Tạp chí Văn học số 1-1971.

những hình tượng của anh hùng ca nhân dân đã có tác động ảnh hưởng rất lớn vào văn học và trong nhiều trường hợp đã quy định tính chất của nhiều tác phẩm văn học. Cũng vậy tính độc đáo của "*Bài ca về đạo quân I-go*" về nhiều mặt chịu ảnh hưởng của anh hùng ca (bư-li-na) Nga.

Những hình thức cổ của sử thi anh hùng đã có một sức khái quát nghệ thuật rộng lớn những hiện tượng của cuộc sống, đồng thời sức khái quát đó không lưu giữ lại rõ ý định phản ánh chính xác những sự kiện lịch sử và ý định phác thảo một nhân vật riêng biệt với những đặc điểm trong tính cách của nó.

Sự xuất hiện loại anh hùng ca miêu tả những sự kiện lịch sử cụ thể và nhân vật lịch sử là hiện tượng sau này thuộc vào một thời gian muộn hơn, đó là hiện tượng tiêu biểu cho thời kỳ củng cố quyền chuyên chế trong điều kiện chế độ quân chủ phong kiến (thí dụ những truyền thuyết miền Tây Sla-vơ và những bài ca về nhà vua Mát-va, anh hùng ca lịch sử Nga về I-van Bạo chúa và v.v...) Trong những tác phẩm đó, thay thế cho lối kể chuyện đều đều truyền thống và sự khái quát hoá đồ sộ nhiều nhân tố của hiện thực, chúng ta thường gặp nổi bật lên một chương hồi chủ yếu trong sự kiện được kể. Chương hồi này bộc lộ rất sâu sắc xung đột và đánh giá hành vi của nhân vật lịch sử. Việc khai thác những mâu thuẫn giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp đã đem vào những tác phẩm sử thi đề tài về những cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Cuộc đấu tranh anh hùng chống bọn phong kiến bằng

bạo lực làm nổi bật lên hình tượng những người chiến sĩ đấu tranh cho quyền lợi của nhân dân. Một thí dụ kiểu mẫu về đặc điểm và tính độc đáo dân tộc của những tác phẩm đó là những ban-lát về Rô-banh Hút trong nền văn học Anh, những truyền thuyết về Vin-hem Ten trong văn học Thụy sĩ, những bài ca gai đúc⁽¹⁾ miền Nam Sla-vơ và vùng Môn-đa-vi, những bài sử ca Nga về cuộc khởi nghĩa của Stê-pan Ra-din⁽²⁾, những bài ca và những truyền thuyết về Da-nô-xích⁽³⁾ trong truyền thống Slô-vắc và v.v... Đặc điểm của những tác phẩm này là hình tượng người anh hùng tập thể - quần chúng nhân dân đứng dưới ngọn cờ lãnh đạo của những chiến sĩ tiên tiến của thời đại chống lại những kẻ thống trị trong nước và bọn cướp nước. Trong anh hùng ca của thời kỳ này những yếu tố trữ tình đã làm tăng thêm giá trị của tác phẩm. Với những đề tài miêu tả đời sống và lòng yêu thích miêu tả cái phi thường những tác phẩm đó đã được nhiều người ưa chuộng. Trong những truyền thuyết anh hùng đã miêu tả những mô-típ về sinh hoạt gia đình (thí dụ trong những bài sử ca Nga - những bài ca dưới hình thức than khóc trong lịch sử U-cren về

(1) Gai-đúc (*tiếng Pháp: heiduque*): tên của những nghĩa quân trong thế kỷ XVII - XIX đã nổi dậy chống lại ách áp bức Thổ nhĩ kỳ ở miền Nam Sla-vơ.

(2) Stê-pan Ra-din (? - 1671) lãnh tụ nông dân khởi nghĩa chống lại Nga hoàng.

(3) Da-nô-xích: tên một nhân vật anh hùng trong anh hùng ca của dân tộc Xlô-vắc.

cuộc đời tù ngục dưới ách Tác-ta và Thổ nhĩ kỳ) đã làm tăng sức hấp dẫn đối với truyền thuyết và truyện cổ.

Anh hùng ca ra đời trong xã hội chưa có giai cấp và có giai cấp (chế độ nô lệ, chế độ phong kiến) vẫn còn lưu giữ lại được dưới hình thức văn tự và một phần dưới hình thức truyền miệng trong thời gian sau đó.

Trong những điều kiện của xã hội tư bản những tác phẩm anh hùng ca dân gian truyền thống bị quên lãng và bị mai một. Với sự xuất hiện máy in "... những truyền thuyết, những bài ca và âm nhạc, rồi cả đến tiền đề tất yếu của sử thi cũng bắt buộc phải biến mất..." (Mác - *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học* - 1953 tr. 225)⁽¹⁾.

Anh hùng ca có tồn tại trong đời sống xã hội chủ nghĩa không? - đó là một vấn đề phức tạp. Đã có những thí nghiệm làm sống lại trong hoàn cảnh xã hội xô-viết một số những truyền thống cổ để phản ánh cuộc sống mới (thí dụ những bu-li-na và những nô-vi-na⁽²⁾ của những người kể chuyện Nga, một số tác phẩm trong hình thức anh hùng ca I-a-cút và một số những tác phẩm khác không thành công). Trong vốn văn học dân gian của các dân tộc ở Liên bang Xô viết đã xuất hiện

(1) Các-Mác - *Góp phần phê phán...* tr. 313. Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1964.

(2) Nô-vi-na: những tác phẩm dân gian truyền thống sáng tác trong thời đại xô viết kết hợp những đề tài hiện đại với hình thức cổ của anh hùng ca truyền thống.

những hình thái kể chuyện ngắn văn xuôi và thơ ca vận dụng truyền thống sáng tác sử thi dân gian (thí dụ bản trường ca dân gian Ác-mê-ni "*Lê-nin - lãnh tụ*", truyền thuyết Oi-rốt-ki⁽¹⁾ "*Bình minh vàng rực cháy*" về cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại và v.v...)

Trong những truyện kể của quần chúng nhân dân nổi bật lên khuynh hướng muốn miêu tả những nét điển hình của người anh hùng xô viết. Hình tượng này được miêu tả trong sự phát triển tự do, không phụ thuộc vào cốt truyện này hay cốt truyện khác của tác phẩm.

Lịch sử việc nghiên cứu anh hùng ca là một phần trong lịch sử chung của khoa Folklore-học.

(1) Oi-rốt-ki: một vùng thuộc nước Cộng hoà xã hội xô viết Liên bang nga ở khu núi An-tai miền Trung Á, giáp nước cộng hoà nhân dân Mông cổ ngày nay. Xưa kia Oi-rốt-ki đã từng là một Nhà nước liên minh giữa người Oi-rốt-ki với người Mông Cổ (Nhà nước Oi-rốt-ki - Đơ-đua-ga-ri). Sau cách mạng Tháng Mười Oi-rốt-ki là một khu tự trị mang tên là khu tự trị miền núi An-tai. Sáng tác dân gian của những bộ lạc An-tai (Oi-rốt-ki) rất phong phú, còn lưu truyền cho đến ngày nay. Từ khi gia nhập vào đại gia đình xô viết truyền thống sáng tác dân gian vẫn còn lưu giữ được. Đã có những sáng tác ca ngợi lãnh tụ Lê-nin, Sta-lin, cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại... (N.V.K.)

Oi-rốt-ki - Đơ-đua-ga-ri). Sau cách mạng Tháng Mười Oi-rốt-ki là một khu tự trị mang tên là khu tự trị miền núi An-tai. Sáng tác dân gian của những bộ lạc An-tai (Oi-rốt-ki) rất phong phú, còn lưu truyền cho đến ngày nay. Từ khi gia nhập vào đại gia đình xô viết truyền thống sáng tác dân gian vẫn còn lưu giữ được. Đã có những sáng tác ca ngợi lãnh tụ Lê-nin, Sta-lin, cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại... (N.V.K.)

HÔ-ME-RO'

"I-LI-ÁT" VÀ "Ô-ĐI-XÊ"

(Trích dịch)

"I-LI-ÁT"

KHÚC CA I - Cụ già Cri-dét, viên tư tế thờ phụng thần A-pô-lông, đem lễ vật đến xin A-ga-men-nông, tổng chỉ huy liên minh các bộ lạc Hy-lạp, cho chuộc lại con gái là thiếu nữ Cri-dê-ít (bị quân Hy-lạp bắt làm tù binh và thưởng cho A-ga-men-nông). A-ga-men-nông chẳng những không ưng thuận lại còn lảng nhục cụ già. Tức giận, cụ cầu xin thần A-pô-lông trừng phạt quân Hy-lạp. Thần A-pô-lông bèn bắn những mũi tên thần xuống quân Hy-lạp gây ra bệnh dịch làm chết nhiều binh sĩ. A-khin triệu tập ba quân họp để tìm cách giải trừ tai họa. Trong cuộc họp đã xảy ra mối bất hoà giữa A-khin và A-ga-men-nông.

Suốt chín ngày liền, những mũi tên của thần A-pô-lông bay vun vút xuống quân Hy-lạp. Đến ngày thứ mười, A-khin triệu tập mọi người đến họp. Nữ thần có cánh tay trắng muốt Hê-ra, đặt vào trái tim A-khin ý nghĩ ấy. Thấy những người Đa-na-en chết như vậy, nàng rất đau lòng. Và khi mọi người đã tụ họp đông đủ, hình thành hội nghị. A-khin có đôi chân nhanh, đứng lên và nói:

"- Hỡi những người con của A-tơ-rê, ta nghĩ, nếu như chúng ta thoát chết thì cũng chẳng mấy nữa mà

chúng ta bị đẩy lùi xa đích và trở về mất thôi, bởi vì chiến tranh và bệnh dịch cùng giáng xuống chúng ta và sẽ kết thúc bằng chiến thắng những người A-kê-en! Thôi, chúng ta hãy đi hỏi một nhà tiên đoán hay một viên tư tế hoặc một người giải thích mộng triệu nào đi⁽¹⁾ bởi vì giấc mộng cũng là một điềm báo của thần Dót. Chính người đó sẽ nói cho chúng ta biết vì sao mà thần Phoi-bốt A-pô-lông nổi cơn thịnh nộ gớm ghê. Liệu có phải thần trách cứ chúng ta vì đã sơ suất trong lễ cầu nguyện hay vì chúng ta quên một lễ hiến tế⁽²⁾ không? Chúng ta sẽ được biết, liệu thần có đoái hoài đến làn khói mờ thui cừu và dê không tì vết, mà vui lòng giải trừ tai hoạ cho chúng ta không?"

A-khin nói xong và ngồi xuống. Và Can-cát con của The-xto đứng dậy. Trong số những nhà tiên đoán, ông là người xuất sắc nhất. Ông biết mọi việc hiện tại, tương lai và quá khứ. Ông là người đã bằng tài nghệ tiên đoán của mình do thần A-pô-lông truyền dạy, hướng dẫn những con thuyền của những người A-kê-en đến thành I-li-ông. Rất đỗi khôn ngoan, ông cất tiếng nói:

(1) un interprète de songe - Có hai loại giải thích giấc mộng: một là giải thích những giấc mộng của những người khác hai là khán hỏi các vị thần bằng cách chiêm nghiệm những giấc mộng của các vị thần. A-khin nói đây là trường hợp thứ hai (chú thích của Paul Mazon).

(2) hécatombe: lễ hiến tế gồm một trăm súc vật.

- "Hỡi A-khin được Dót yêu quý! Anh muốn, tại đây ta giải thích cơn giận của A-pô-lông, vị chúa tể Người Xạ thủ ư?⁽¹⁾ Được ta sẽ nói. Nhưng xin anh hiểu cho ta và trước hết phải thể với ta rằng, anh sẽ che chở cho ta bằng lời nói và bằng hành động. Bởi vì nói ra ta e rằng sẽ làm tức giận một người có quyền thế lớn trong những người Ác-gốt, một người được binh sĩ A-kê-en răm rắp tuân theo. Khi một vị vua nổi giận với một kẻ chẳng có quyền thế gì thì bao giờ nhà vua cũng giành phần thắng. Dù ngày hôm ấy vua có nuốt giận làm lành thì trong thâm tâm cũng găm giữ mối thù cho đến khi nào trả được mới thôi. Vậy anh hãy nói cho ta biết anh có sẵn lòng bảo vệ ta không đã?".

A-khin có đôi chân nhanh, đáp lại lời cụ:

"- Xin cụ đừng lo ngại gì cả. Cụ biết điều phán quyết của thần như thế nào xin cụ cứ nói thẳng cho chúng ta biết. Được, ta xin thể với thần A-pô-lông được Dót yêu quý, với vị thần cụ hằng cầu khẩn, rằng, nếu cụ muốn cho những người Đa-na-en biết những điều phán quyết của thần thì chừng nào mà ta còn sống, chừng nào mà mắt ta còn mở thì không một ai có thể dùng những bàn tay to nặng đánh cụ bên những con thuyền trưng này; không một ai trong số những người Đa-na-en, dù người đó cụ có gọi đích danh là

(1) le seigneur Archer.

A-ga-men-nông, là kẻ giờ đây tự hào là người có nhiều quyền thế nhất trong quân đội⁽¹⁾."

Nhà tiên đoán không chê trách được, yên tâm, bèn lên tiếng nói:

"- Không phải thần trách cứ chúng ta về lễ cầu nguyện sơ suất hay đã quên một lễ hiến tế đâu! Thần trách cứ về chuyên viên tư tế của thần là người vừa mới đây đã bị A-ga-men-nông xúc phạm. A-ga-men-nông đã khước từ việc trao trả lại con gái cho viên tư tế của thần và không nhận của chuộc. Đó, vì thế mà Người Xạ thủ đã giáng xuống các anh những nỗi đau thương và sẽ còn giáng xuống nữa. Thần sẽ chẳng đẩy xa cái tai hoạ nhục nhã đó khỏi những người Đa-na-en trước khi họ trả lại người trinh nữ có đôi mắt sáng cho cha nàng mà không bắt mua, bắt chuộc, trước khi họ đưa đến cho Cri-dét một lễ hiến tế thiêng liêng. Chỉ đến ngày đó chúng ta mới có thể làm nguôi lòng thần và thuyết phục được thần".

Cụ nói như vậy và ngồi xuống. Và đây, người anh hùng, con của A-tơ-rê, vị vua quyền thế A-ga-men-nông, đứng dậy. Lòng đầy buồn bã, ruột gan nổi bùng lên một nỗi giận dữ đen ngòm, góm ghê, đôi mắt như một ngọn lửa sáng loé, vua quắc mắt nhìn chăm chặp vào Can-cát, nói:

" - Đồ tiên tri khốn nạn! chẳng bao giờ ngươi nói

(1) d'être de beaucoup le premier dans ce camp.

được điều gì làm ta vui lòng! Lúc nào trái tim người cũng chỉ tìm thấy niềm vui ở việc tiên đoán điều bất hạnh. Còn điều hay, điều lành chẳng bao giờ người báo cho ta, chẳng bao giờ người đem đến cho ta. Và giờ đây người lại còn nhân danh các vị thần, đến trước mặt những người Đa-na-en để tuyên bố rằng, nếu Người Xạ thủ đã gây ra cho họ những nỗi đau thương như thế là bởi vì ta, ta đây, đã khước từ lễ vật hậu hĩ xin chuộc người thiếu nữ đó, nàng Cri-dê-ít. Đúng là ta yêu nàng lắm, ta yêu nàng nhiều, và muốn giữ nàng ở lại với ta. Ta ưa thích nàng hơn cả Cli-tem-ne-xtơ-rơ, người vợ chính thức của ta. Không! nàng chẳng thua kém Cli-tem-ne-xtơ-rơ một tí gì về thân hình cũng như về phong thái, về trí tuệ cũng như về sự khéo léo. Nhưng thôi, mặc dù tất cả những điều đó, ta bằng lòng trả nàng lại, nếu điều đó là một cử chỉ hào hiệp. Bởi vì ta vô cùng ưa thích khi được nhìn thấy ba quân tai qua nạn khỏi hơn là nhìn thấy ba quân bị tiêu vong. Thế nhưng các người không được chậm trễ, phải lo liệu ngay cho ta một phần thưởng danh dự khác, để cho ta khỏi phải là người độc nhất trong những người Ác-gốt bị mất phần. Như vậy thật không hợp lý. Và như các người thấy đấy, phần của ta, thuộc ta, đã bị lấy đi".

A-khin thần thánh có đôi chân không mỏi, nói:

" - Hỡi người con trai danh tiếng của A-tơ-rê! Về lòng tham thì chẳng có ai sánh bằng người. Làm thế

nào mà những người A-kê-en cao thượng lại có thể ban cho người một phần thưởng danh dự giống như vậy? Theo như ta biết, chúng ta không có một kho tàng nào là của chung để dự trữ cả. Tất cả những gì chúng ta tước đoạt được của những đô thành đều đã chia hết. Bắt mọi người lại đem phần thưởng đến để chia lại, liệu như thế có phải không? Thôi, người hãy cứ trả người thiếu nữ ấy cho thần, còn chúng ta, những người A-kê-en, chúng ta sẽ đền người gấp ba, gấp bốn, nếu Dót một ngày kia cho chúng ta hạ được thành Tơ-roa có những bức tường kiên cố⁽¹⁾."

Đáp lại, vua A-ga-men-nông nói với A-khin:

"Không, không đâu! Hỡi A-khin sánh tựa thần linh! dù người có dùng cảm đến đâu chẳng nữa, thì người cũng không thể tìm cách dùng mưu trí lừa phỉnh ta được đâu! Ta sẽ không mắc mưu và không bị cám dỗ đâu! Người lại muốn phần chia của người thì người giữ riết lấy, còn ta thì để ta đợi chán chê mê mải⁽²⁾ mà không có phần à, bị mất phần à? Và có phải vì thế mà người mời ta đến đây để ta trả lại phần của ta không? Nếu những người A-kê-en cao thượng ban cho cướp phá mùa màng của đất Ph-ti màu mỡ nuôi dưỡng ta một phần thưởng danh dự vừa ý ta và tương xứng với phần ta bị mất, thì được! Nhưng nếu họ từ chối, thì ta, ta đây sẽ tước phần của người đấy hoặc của A-giắc hay của Uy-li-xơ; ta sẽ lấy và đem về. Rồi

(1) aux bonnes murailles.

(2) qu'ainsi je morfonde.

mọi người sẽ thấy nổi tức giận của kẻ mà ta sẽ đến tước phần, cho mà xem. Nhưng thôi, việc đó để sau đây chúng ta hãy tính đến. Còn bây giờ, hãy kéo mau xuống biển khơi thần thánh một con thuyền đen, chọn những tay chèo cho đủ một đôi rồi chắt xuống một trăm súc vật⁽¹⁾ và đưa nàng Cri-dê-ít xinh đẹp xuống thuyền. Chỉ huy con thuyền sẽ là một vị tướng chọn trong số những người có tiếng nói trong hội đồng⁽²⁾, A-giắc, I-đô-mê-nê, hoặc Uy-li-xơ thần thánh, hay là chính người, đích thân người, người con của Pê-lê, một người đáng sợ hơn hết mọi người, sẽ đảm đương việc hoàn thành lễ hiến tế⁽³⁾ để làm nguôi lòng vị thần Lo xa⁽⁴⁾”.

A-khin có đôi chân nhanh, mắt tối sẫm, nhìn A-ga-men-nông nói:

“... Chà! cái đồ có trái tim đầy vô liêm sỉ⁽⁵⁾ chỉ biết có hám lợi mà thôi! Thế thì làm sao mà người còn mong muốn được, sẽ có một người A-kê-en nào thật tâm tuân theo mệnh lệnh của người, nhận nhiệm vụ ra đi hoặc tiến vào cuộc giao tranh ác liệt! Bởi vì, thật ra chẳng phải vì những người To-roa hiếu chiến mà ta đến đây, ta chiến đấu ở đây. Họ chẳng gây chuyện gì với ta cả. Chẳng bao giờ họ cướp đoạt bò cái của ta hay ngựa cái của ta, chẳng bao giờ họ đến chúng ta.

(1) hécatombe.

(2) ceux qu'ont voix au conseil.

(3) sacrifice.

(4) le Préserveur.

(5) coeur vêtu d'effronterie.

Giữa chúng ta và họ có biết bao núi non rậm rạp và biển khơi sôi động⁽¹⁾. Chính người, đích thị người là đồ vô liêm sỉ mà chúng ta phải đi theo để vừa lòng người, để các người nhận được một phần thưởng đoạt được từ tay quân Tơ-roa. Thật các người, Mê-nê-lát và người, là đồ mặt chó! Thế mà người cũng chẳng để tâm nghĩ đến, cũng chẳng lo toan gì, người lại còn đến đây với chức vụ chủ tướng của người để dọa tước phần thưởng danh dự của ta, phần thưởng mà những người con của những người A-kê-en đã ban cho ta, mà ta phải đổi bằng bao gian khổ mới có được. Mỗi khi những người A-kê-en tàn phá một đô thị giàu có nào của người Tơ-roa thì chẳng bao giờ phần của ta được bằng phần của người cả. Trong cuộc giao chiến sục sôi, chính đôi tay ta gánh phần chính yếu. Nhưng lúc chia chiến lợi phẩm, phần nhiều, phần tốt, lại thuộc về người. Trái lại ta chỉ được phần ít. Dầu sao ta cũng nhận phần thua thiệt đó và đem về những con thuyền của ta sau khi đã quá mệt mỏi trong cuộc giao tranh. Nhưng lần này thì ta sẽ trở về Ph-ti thôi. Trở về quê hương ta với những con thuyền cong của ta là trăm lần hơn cả. Ta ở lại đây để thu vén của cải làm giàu cho người thật chẳng hay gì, lại bị coi thường nữa...".

A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình,⁽²⁾ đáp lại:

" - Được mà, nếu trái tim người muốn thì người cứ

(1) la mer sonore.

(2) Le protecteur de son peuple.

việc trốn về đi! Ta sẽ chẳng phải là người van xin mi ở lại đây để ta được hài lòng đâu! Ta có khối kẻ tôn kính ta và trước hết là thần Dớt, người thận trọng. Trong những vị vua do Dớt sinh ra, đối với ta, người là kẻ đáng ghét nhất. Bao giờ niềm vui thích của người cũng là chuyện cãi cọ, chiến tranh và những trận giao chiến. Thật ra người có sức mạnh thì chẳng qua là do Trời phú bẩm cho đấy thôi. Cút về nhà đi với những con thuyền của người, với những bạn hữu của người! Ta thì ta chẳng thêm bận tâm đến người và ta coi khinh cả mối thù oán của người. Hãy nghe đây, lời đe dọa của ta! Nếu thần Phoi-bốt A-pô-lông tước của ta nàng Cri-dê-ít thì ta sẽ tiễn đưa nàng đi bằng một con thuyền với những thuộc hạ của ta. Nhưng còn về phần ta, ta sẽ đích thân đến tận lều của người để dẫn nàng Bri-dê-ít xinh đẹp, phần của người, về lều ta, để cho người biết rằng ta còn mạnh hơn người biết chừng nào! Và cũng là để cho những người khác từ nay trở đi biết đắn đo khi nói với ta chứ không phải cứ nói năng như với kẻ bằng vai phải lứa và trước mặt ta dám tỏ vẻ ngang hàng".

A-ga-men-nông nói vậy. Một nỗi buồn xâm chiếm người con trai của Pê-lê. Trong lồng ngực cường tráng của chàng, trái tim dần đo giữa hai ý định. Liệu có nên rút thanh kiếm đeo dọc bên đùi ra không?... chỉ một nhát là tan hội nghị và giết chết A-ga-men-nông hay dần lòng nuốt giận? Trong khi trái tim chàng phân vân, lưỡng lự như vậy, và chàng đã rút thanh kiếm

ra khỏi vỏ thì nữ thần A-tê-na từ trời bay xuống. Nữ thần Hê-ra, vị nữ thần có cánh tay trắng muốt mà trái tim nàng mến yêu cả hai người và che chở cho cả hai người, đã giục A-tê-na đi. A-tê-na dừng lại sau người con của Pê-lê và đặt bàn tay lên mái tóc hung của A-khin, nữ thần chỉ để cho A-khin nhìn thấy mình, ngoài ra không một ai thấy được. A-khin kinh ngạc quay lại và chàng nhận ra ngay được nữ thần Pan-lát A-tê-na. Một luồng ánh sáng ghê sợ rực cháy trong đôi mắt của nữ thần. A-khin bèn nói với nàng những lời có cánh sau đây:

"... Hỡi người con gái của Dớt mang khiên da! nàng còn đến đây làm gì nữa? Có phải nàng đến để chứng kiến thói hống hách của A-ga-men-nông, người con trai của A-tơ-rê không? Thôi được! Ta xin tuyên bố với nàng, và điều này sẽ xảy ra thôi: thói xác xược của hần chỉ lát nữa thôi sẽ phải trả giá bằng mạng của hần!".

Nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục⁽¹⁾, A-tê-na, đáp lại:

"... Ta từ trời xuống đây để làm nguôi nổi tức giận của ngươi. Ngươi có muốn tuân lệnh của ta không? Nữ thần có cánh tay trắng muốt, Hê-ra, mà trái tim đều yêu mến và che chở cho cả hai người, đã phái ta đi. Thôi, hãy chấm dứt cuộc đấu khẩu này lại và đừng

(1) *la déesse aux yeux pers*

có đưa tay rút kiếm ra nữa! Người chỉ được dùng lời thôi để nhục mạ hắn, người chửi rủa hắn thế nào cũng được. Còn ta, ta tuyên bố cho người biết rồi đây việc này sẽ xảy ra: một ngày kia hắn phải đem dâng cho người những lễ vật lộng lẫy nhiều gấp ba lần để trả giá cho cái tội ngạo mạn đó của hắn. Vậy người hãy dần lòng và tuân lệnh của chúng ta...!".

A-khin có đôi chân nhanh, đáp lại lời nữ thần như sau:

"... Thưa nữ thần, lệnh của hai vị đã truyền ra như vậy, tôi xin tuân theo. Dù tức giận đến đâu tôi cũng phải nín giữ lại trong tim. Như vậy là phải. Kẻ nào biết tuân lệnh các vị thần ắt được các vị thần phù hộ...".

A-khin nói, đoạn nắm chặt bàn tay to nặng vào chuôi thanh kiếm bạc rồi đẩy thanh kiếm lớn vào trong vỏ. Còn nữ thần thì bay về đỉnh Ô-lanh-pơ, nơi cung điện của thần Dớt mang khiên da, sống bên các vị thần khác.

Tuy nhiên người con của Pê-lê một lần nữa vẫn hỏi người con của A-tơ-rê và bằng những câu nguyên rủa tuôn xả ra nổi tức giận của mình:

" - Đồ nguyền ngật! Đồ mất chó tìm nai! Chẳng bao giờ người dám dùng cảm tay gươm tay giáo, xông ra chiến trường cùng với anh em binh sĩ. Cũng chẳng bao giờ người đi phục kích cùng với những chiến binh ưu tú A-kê-en. Vì người coi làm những việc đó cùng với

anh em là chỉ có chết! Tất nhiên không rời bước đi xa khỏi doanh trại rộng lớn của những người A-kê-en, ở nhà để tước đoạt những phần thưởng của một ai dám nói thẳng với người, là một việc làm thuận lợi hơn nhiều. Chà! Cái đồ vua vô tích sự! đồ ăn thịt dân! người chỉ đáng chỉ huy những đồ hèn kém! Nếu không, thì con của A-tơ-rê ạ, ngày hôm nay là lần cuối cùng người được ăn nói xác xược đó. Nay, ta bảo cho người biết và điều này ta xin thề bằng những lời nguyên thề ghê gớm. Cây vương trượng⁽¹⁾ này làm chứng cho ta. Nó sẽ chẳng bao giờ còn đâm chồi nảy lộc và giờ đây khi nó đã lìa khỏi thân cây, là nơi nó bị chặt ở trên núi, sẽ chẳng bao giờ đâm cành xanh lá trở lại. Đồng đã chém trụi lá và lột vỏ nó, và giờ đây nó đang nằm trong tay những người con của những người A-kê-en là những người đã nhân danh thần Dớt đem lại công lý và gìn giữ pháp luật. Điều này đối với người sẽ là điều chắc chắn nhất trong những lời thề: một ngày tới, những người A-kê-en sẽ cảm thấy hối hận đối với A-khin; khi đó hàng trăm những người A-kê-en bị gục ngã dưới bàn tay⁽²⁾ của Héc-to kẻ sát nhân, khi đó mặc dù lòng người đau khổ cũng không thể giúp ích gì cho họ. Và rồi, thâm tâm người, người sẽ tự vò xé trái tim mình, vì trong nỗi tức giận người đã không còn một chút tôn trọng nào đối với một người dũng cảm nhất trong những người A-kê-en..."

Người con của Pê-lê nói như vậy và ném cây vương

(1) bâton.

(2) sous les coups.

trượng đóng đỉnh vàng, xuống đất, đoạn ngồi xuống. Về phần mình, A-tơ-ri-đơ lòng tràn đầy tức giận. Nhưng đây, Ne-xto đứng đây, Ne-xto có lời lẽ ngọt ngào, nhà hùng biện có tiếng nói vang vang của đất Pi-lốt, từ miệng ông lời lẽ bỗng trầm tuôn chảy ra còn dịu ngọt hơn cả mật ong. Ông đã từng chứng kiến hai thế hệ người trần, xưa kia, cùng sinh ra với ông và trưởng thành trên đất Pi-lốt thần thánh, và ông là người trị vì thế hệ thứ ba. Rất đôi khôn ngoan, ông nói:

"- Hỡi ôi! Thật là một cái tang lớn đối với đất nước của những người A-kê-en! Pri-am và con cái của ông ta thật hả lòng hả dạ xiết bao! Và đối với những người Tơ-roa khác, trái tim họ sẽ vui mừng khôn tả nếu họ biết tất cả những chuyện gì đã xảy ra trong cuộc xung đột này giữa các vị - , là những người đứng đầu những người Đa-na-en ở Hội đồng cũng như ở chiến trận. Thôi nào, cả hai anh hãy nghe ta: ta đấu sao cũng là người hơn tuổi các anh. Ta đã từng, chính ta, kết bạn với những người còn dũng cảm hơn chúng ta nhiều, và chẳng bao giờ họ tỏ vẻ khinh ta. Tuy nhiên, ta chẳng gặp lại và sẽ chẳng bao giờ gặp lại được nữa, những người như Pi-ri-thô-ốt hoặc Đri-át người chặn dất mọi người, Kê-nê và Ê-xa-di-ốt, Pô-li-phem thần thánh, hoặc Tê-dê con của Ê-giê, sánh tựa các vị thần Bất tử. Đó là những con người rất khỏe, khỏe hơn tất cả những ai lớn lên trên mảnh đất này, và khỏe hơn tất cả. Họ giao tranh với những địch thủ mạnh hơn

hết, những quái vật của núi non và họ đã tàn sát lũ chúng khủng khiếp. Kết giao với họ, ta đã phải rời Pi-lót, mảnh đất xa xôi. Họ đã gọi ta và ta đã chiến đấu cho lợi ích của ta. Chà! đối với những người này thì ngày nay trên mặt đất này chẳng ai có thể giao đấu với họ được. Ấy vậy mà những người này để tâm suy nghĩ về những ý kiến của ta và lắng nghe tiếng nói của ta. Vậy thì, các anh hãy lắng nghe ý kiến của ta! Ai nghe theo ta là được điều hay điều tốt đấy. Dù anh có dưng cảm đến đâu chẳng nữa thì cũng nên từ bỏ ý đồ tước đoạt người thiếu nữ của A-khin. Hãy để cô ta cho A-khin, vì đó là phần thưởng danh dự mà những người con của những người A-kê-en đã đồng thanh nhất trí ban cho A-khin. Còn anh, người con của Pê-lê, đừng có khăng khăng cãi cọ, mặt đối mặt với một vị vua, vì danh dự của một vị vua cầm cây vương trượng, người được Dớt ban cho vinh quang, thì không ai bằng. Anh có sức mạnh mẹ anh là một nữ thần, nhưng hẳn lại còn mạnh hơn anh, bởi vì hẳn chỉ huy biết bao người. Còn anh, con của A-tơ-rê, đừng giận nữa! Ta đây, đích thân ta, van xin anh hãy từ bỏ nỗi tức giận và hãy tôn trọng A-khin, vì những người A-kê-en không có một bức lũy thành nào vững chắc hơn để chống lại cuộc chiến tranh ác liệt".

Tiếp lời cụ, vua A-ga-men-nông đáp lại như sau:

"- Thưa cụ, những điều cụ vừa nói là rất hay rất phải. Nhưng cái tên kia cứ muốn đặt nó lên trên mọi người, là thầy của mọi người, là vua của mọi người,

ra lệnh cho mọi người. Tôi tin rằng không một ai tuân theo lời hấn đầu. Nếu những vị thần muôn đời sống mãi đã tạo cho hấn thành một chiến binh thì liệu các vị có ban cho hấn cái sứ mạng để vì thế mà buông ra những lời chửi rủa không?"

A-khin thần thánh, đáp lại tức thời:

"... Nay, mọi người sẽ bảo ta, đúng là một thằng hèn và một đồ vô dụng, nếu người vừa nói một lời ta đã vội nhất nhất tuân theo. Đi mà chỉ huy những kẻ khác theo cái lối như vậy. Và đừng có đến đây mà ra lệnh cho ta. Còn với ta thì ta nhất quyết rằng, từ ngày hôm nay ta không tuân theo lệnh của người nữa. Nhưng còn vài điều ta phải nói cho người rõ. Hãy ghi nhớ nó vào trong đầu! Người thiếu nữ đó, ta sẽ không dùng đôi tay này đánh lại người và cũng không đánh lại ai hết: các người đã ban nài cho ta thì các người lại tước đoạt lại, nài, của ta. Nhưng những gì còn lại, những gì ta có là của ta, bên con thuyền nhanh đen, người không được lấy gì hết, ngoài việc ức hiếp ta mà lấy đi người con gái đó. Còn nếu mà cứ thử dùng vào mà xem, mọi người sẽ thấy máu đen tức khắc tia vọt ra quanh ngọn lao của ta!"

Cuộc va chạm đó kết thúc bằng những lời đối đáp thô bạo. Họ, cả hai người đứng dậy, giải tán hội nghị bên những con thuyền của người A-kê-en và trong khi người con của Pê-lê trở về doanh trại với những con thuyền tốt của mình, đi cùng có người con của Mê-nê-i-ốt và các chiến hữu hộ tống, thì người con của

A-tơ-rê cho kéo xuống biển khơi một con thuyền thon nhẹ. Ông đưa xuống thuyền hai mươi tay chèo được lựa chọn, ông chắt xuống một lễ hiến tế gồm một trăm súc vật để dâng thần. Ông cũng dẫn xuống thuyền và thân chinh xếp chỗ cho nàng Cri-dê-ít xinh đẹp. Sau cùng, chàng Uy-li-xơ trí xảo lên thuyền nhận nhiệm vụ chỉ huy.

Họ xếp xuống thuyền như vậy và chẳng mấy chốc họ đã chèo thuyền trên những con đường ẩm ướt. Lúc này A-tơ-rít ra lệnh cho các chiến binh tẩy uế. Các chiến binh tắm rửa sạch sẽ rồi sau đó vứt những rác bẩn xuống sóng biển. Tiếp, họ giết một trăm súc vật không tì vết gồm bò mộng và dê, làm lễ hiến tế cho thần A-pô-lông ở bên bờ biển vô tận. Và mùi mỡ béo bốc lên trời trong những làn khói cuộn cuộn.

Binh sĩ lo toan dọn dẹp doanh trại như vậy, nhưng còn A-ga-men-nông thì vẫn không vì thế mà từ bỏ điều đe dọa vừa thế mới đây nói với A-khin. Ông truyền cho Tan-thi-bi-ốt và Ô-ri-bát là những người truyền lệnh và hầu cận mãi cán:

"Này, hai người hãy đến trại của A-khin con của Pê-lê, cầm lấy tay nàng Bri-dê-ít xinh đẹp dẫn về. Nếu hấn ta không chịu nộp, ta sẽ đích thân cùng với đông đảo anh em đến bắt nàng về. Và như vậy thật là một giá quá đắt đối với hấn".

Nói đoạn ông truyền cho họ lên đường. Với thái độ bạo ông thường ra lệnh như vậy. Còn hai người lính

ra đi dọc theo bờ cát của biển khơi vô tận với nỗi ân hận trong lòng. Họ đến doanh trại của những con thuyền của những người Miéc-mi-dông. Họ thấy A-khin ngồi bên lều và bên con thuyền đen. Cái nhìn của họ, những người truyền lệnh, chẳng làm A-khin vui được chút nào. Trước nhà vua, cả hai người lòng đầy sợ hãi và kính trọng, họ đứng lại không nói một lời, không hỏi một câu. Nhưng từ trong tâm hồn, A-khin đã hiểu rõ và chàng nói:

"Xin chào các vị truyền lệnh, những người đưa tin của thần Dớt và người trần! Các vị hãy lại gần đây! Đối với ta chẳng phải các người gây nên chuyện. Chỉ có một mình A-ga-men-nông gây ra thôi. Hẳn sai các vị đến để bắt Bri-dê-ít trẻ đẹp. Thôi nào! hỡi Pa-tơ-rô-clơ thần thánh, hãy dẫn người con gái đó ra và trao nàng cho họ, để họ dẫn nàng đi. Nhưng rồi chính bản thân họ, ngược lại, sẽ là những bằng chứng của ta trước các vị thần nơi Cực lạc và trước những người trần, và trước tên vua xấu chơi đó, nếu những người đó còn có lúc cần đến ta để đẩy lùi cho anh em binh sĩ các tai hoạ nhục nhã. Trái tim độc ác của hắn đang giận dữ sục sôi và hắn chẳng thể nhìn thấy được, từ quá khứ mà suy ra tương lai⁽¹⁾, vì sao mà những người A-kê-en có thể chiến đấu bên những con thuyền của mình mà không bị tổn thất".

A-khin nói vậy, Pa-tơ-rô-clơ tuân theo lời bạn.

(1) en rapprochant l'avenir du passée.

Chàng dẫn nàng Bri-dê-ít từ trong lều ra, chàng trao nàng cho hai người truyền lệnh để họ dẫn nàng đi. Và họ ra đi dọc theo những con thuyền của những người A-kê-en. Còn người thiếu nữ đi theo họ với nỗi luyến tiếc.

*

* *

KHÚC CA VI - Cuộc chiến đấu giữa quân Hy-lạp và quân Tơ-roa diễn ra ác liệt. Quân Hy-lạp giành được ưu thế trên chiến trường, đánh đuổi quân Tơ-roa về chân thành. Héc-to, nghe theo lời của Hê-lê-nốt, con trai của Pri-am, người tiên đoán xuất sắc nhất, trở về thành Tơ-roa nói với mẹ và gia nhân mau sắm sửa lễ vật, triệu tập các bô lão đến đền thờ nữ thần A-tê-na làm lễ cầu nguyện. Sau khi gặp mẹ, gặp Pa-rít, Héc-to về nhà tìm gặp vợ là Ăng-đrô-mác, song nàng đã bế con cùng với gia nhân ra đứng trên mặt thành chờ tin chồng. Héc-to tìm đến chỗ vợ.

Héc-to ra khỏi nhà, đi theo đường cũ, qua những phố đẹp. Chàng cũng đi qua đô thị rộng lớn và rồi chàng tới những cửa thành Xkê. Chính đây là nơi chàng thường phải đi qua để băng ra cánh đồng, và chính nơi đây chàng nhìn thấy người vợ mà xưa kia, chàng đã cưới về bằng biết bao lễ vật, nàng Ăng-đrô-mác, con gái của Ê-ê-xi-ông cao thượng. Ê-ê-xi-ông có dinh cơ ở dưới chân núi rừng Pla-cốt, ở

xứ Te-bơ dưới chân núi Pla-cốt. Cụ chỉ huy những người Ki-li-kiêng ở nơi đây, và Héc-to đội mũ đồng đã cưới con gái cụ làm vợ. Ăng-đrô-mác đến với chàng, sau nàng một người hầu gái bé trong lòng đưa con trai của nàng có trái tim non yếu⁽¹⁾, tuổi hầy còn thơ, đưa con trai yêu dấu của Héc-to, giống như một ngôi sao đẹp mà Héc-to gọi nó là Xca-măng-đri-ốt còn những người khác thì gọi nó là A-xchi-a-nắc, bởi vì Héc-to là người duy nhất bảo vệ thành Tơ-roa⁽²⁾. Héc-to thấy con, yên lặng mỉm cười. Nhưng Ăng-đrô-mác dừng lại bên chàng, khóc than: Nàng cầm lấy tay chàng, nàng nói với chàng, gọi chàng bằng tất cả mọi tên⁽³⁾:

" - Chàng thật là điên dại khốn khổ! Tính hung hăng của chàng đến làm chàng chết mất! Chàng chẳng thương đứa con trai bé bỏng, chẳng thương em, kẻ khốn khổ, chẳng mấy nữa mà thành người goá bụa ư? Bởi vì chẳng bao lâu nữa quân A-ke-en sẽ giết chàng, tất cả cùng lao vào chàng. Với em, khi đó nếu như không còn chàng nữa thì em chẳng thà xuống ở dưới đất đen⁽⁴⁾ còn hơn. Nếu chàng hoàn thành số phận của mình⁽⁵⁾ thì em chẳng còn gì là niềm an ủi và chẳng còn gì khác ngoài những nỗi khổ đau. Em đã chẳng

(1) son fils au tendre coeur.

(2) seul à protéger Troie.

(3) en l'appelant de tous ses noms.

(4) descendre sous la terre.

(5) tu accomplis ton destin.

còn cha và cũng chẳng còn ai là mẹ. Cha em đã bị A-khin thần thánh giết chết ngày hấn ta tàn phá đô thị đẹp đẽ⁽¹⁾ của những người Ki-ki-liêng, thành Te-bơ có cổng cao. Nhưng nếu hấn giết chết Ê-ê-xi-ông thì dù sao hấn cũng không tước đoạt vũ khí của Người, trái tim hấn có điều ngần ngại. Hấn thiêu thi hài của Người cùng với những vũ khí tinh xảo rồi đắp cho Người một nấm mồ⁽²⁾ và xung quanh nấm mồ các tiên nữ Nanh-phơ của núi non, những người con gái của Dốt mang khiên da, đã cho mọc quanh mồ những cây tiểu du.

Gia đình em có bảy anh em, và tất cả chỉ trong một ngày đều xuống giang sơn của thần Ha-đét, tất cả đều bị A-khin thần thánh có đôi chân không mỏi, giết chết bên những đàn bò có dáng đi vắn vẹo⁽³⁾ và bên những đàn cừ trắng của chúng ta. Mẹ em cũng vậy, đang trị vì dưới chân núi rừng Pla-cốt thì bị hấn giải về đây với tất cả của cải và hấn chỉ tha Người sau khi đã nhận được một khoản của chuộc rất lớn. Nhưng nữ thần Ác-tê-mít Người Xạ thủ⁽⁴⁾ đã bắn chết ở cung điện của thần phụ Người. Héc-to chàng ơi! Với em chàng là tất cả, là một người cha, một người mẹ kính

(1) là bonne cité.

(2) puis sur lui répandit la terre d'un tombeau.

(3) à la démarche torse.

(4) la Sagittaire.

yêu⁽¹⁾, với em chàng là một người anh cũng như một người chồng son trẻ. Hãy thôi đi chàng ơi! lần này hãy thương em, chàng ở lại đây trên mặt thành này để cho con chàng khỏi là đứa mồ côi và vợ chàng khỏi là người goá bụa. Chàng hãy cho quân sĩ dừng lại bên chỗ cây vả đại là nơi có thể dễ vào thành nhất, tường ở đó rất dễ bị phá vỡ. Chính ở chỗ này ba lần rồi, những vị tướng tài giỏi của quân thù đã thăm dò, hai anh em A-giắc, chàng I-đô-mê-nê danh tiếng, người con dũng cảm của Ti-đê hoặc có một ai mách bảo cho họ biết, mà người này vốn thông hiểu những điều phán quyết của Trời, hoặc do trái tim họ thúc đẩy họ và điều khiển họ".

Chàng Héc-to vĩ đại đội mũ sáng loáng⁽²⁾, đến lần mình đáp lại lời vợ:

"Tất cả những điều đó, như nàng, ta đây, đã nghĩ tới. Nhưng nếu như một thằng hèn nhất ta lần trốn không ra trận thì ta thật vô cùng xấu hổ trước mặt những người đàn ông và đàn bà Tơ-roa mặc áo dài tha thướt⁽³⁾. Và chẳng, trái tim ta cũng không muốn thúc đẩy ta làm như vậy vì ta đã quen bao giờ cũng anh dũng chiến đấu ở hàng đầu quân Tơ-roa để giành được một vinh quang vô tận cho cha ta và cho bản thân ta.

(1) une digne mère.

(2) au casque étincelant

(3) aux robes trainantes.

Chính ta đây, từ trong tâm hồn và trái tim⁽¹⁾, ta cũng biết chắc chắn một ngày kia thành I-li-ông thần thánh và Pri-am cùng với thần dân của Pri-am có ngọn lao tốt⁽²⁾, thế nào cũng sẽ bị tiêu diệt. Nhưng điều khiến ta lo ngại nhiều nhất sau này, không phải là lo cho người Tơ-roa, cho ngay cả Hê-cuýp và lão vương Pri-am cùng với đàn em trai của ta rồi đây sẽ anh dũng ngã xuống la liệt trong cát bụi dưới mũi lao của quân thù⁽³⁾. Ta chỉ lo ngại nhất cho nàng, sẽ có ngày, nàng bị một người A-kê-en nào đó, mặc áo giáp đồng giải đi, nước mắt đầm đìa, tước đoạt mất của nàng cuộc đời tự do. Có thể rồi đây ở Ác-gốt, nàng sẽ phải dệt vải cho người khác, có thể nàng sẽ phải đi lấy nước ở sông Mét-xê-ít hoặc Hy-pê-rê, chịu đựng muôn vàn nỗi cơ cực, bởi vì một số mệnh tàn nhẫn đã đè nặng lên cuộc đời nàng. Và rồi một ngày nào đó khi thấy nàng than khóc, người ta sẽ bảo: "... Vợ của Héc-to đây! Hồi còn đánh nhau ở thành I-li-ông, anh ta là người chiến sĩ lầy lùm nhất trong những người Tơ-roa luyện thuần ngựa cái⁽⁴⁾, đấy!". Người ta sẽ nói như vậy và đó là một nỗi đau xót mới đối với nàng bởi vì nàng đã mất đi một người hơn ai hết có thể bảo vệ cho nàng thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Ôi, thà ta chết đi còn hơn! Mong

(1) en mon âme et mon cœur

(2) à la bonne pique.

(3) sous les coups de nos ennemis.

(4) dompteurs de cavales.

sao cho đất đen trải khắp và phủ kín trên mình ta trước khi tai ta nghe thấy tiếng nàng kêu khóc và mắt nhìn thấy nàng bị bắt làm nô lệ và bị áp giải đi..!"

Chàng Héc-to danh tiếng nói vậy rồi chàng giang đôi tay ra trước đứa con trai. Nhưng đứa bé quay mặt đi và khóc thét lên trong lòng người vú em có chiếc thắt lưng xinh đẹp. Nó sợ dáng điệu của bố nó, đồng làm nó sợ, và cái ngù bằng đuôi ngựa mà nó thấy rung rinh trên đỉnh mũ cũng làm nó sợ. Bố nó phá lên cười và mẹ kính yêu của nó cũng cười. Lập tức chàng Héc-to danh tiếng, bỏ mũ ra. Chàng đặt cái mũ chúi lợi xuống đất. Sau đó chàng bế con, hôn nó và đưa nó trên tay rồi nói, vừa nói vừa cầu khẩn thần Dớt và các vị thần khác:

"... Hỡi thần Dớt và các chư vị thần linh! Xin hãy cho con tôi giống tôi, nổi danh trong những người Tơ-roa. Xin hãy ban cho nó sức mạnh như tôi và xin hãy cho nó được ngự trị oai hùng ở thành I-li-ông! Và một ngày kia, khi nó từ những trận giao chiến trở về, người ta sẽ nói về nó: "Chà! nó còn dũng cảm hơn bố nó". Xin các vị hãy phù hộ cho nó mang được những vũ khí đầm máu của kẻ thù bị giết về để cho trái tim mẹ nó mừng vui...".

Chàng nói vậy và đặt con vào tay vợ. Nàng ôm con vào lòng thơm ngát với một nụ cười đầm nước mắt. Chồng nàng thấy thế rất đổi cảm thương. Chàng đưa

tay vuốt ve nàng, chàng nói với nàng, gọi nàng bằng tất cả mọi tên:

"Nàng thật là điên dại khôn khéo⁽¹⁾! Hãy tin vào ta, trái tim nàng đừng nên buồn rầu như vậy! Không một người trần nào lại có thể ném ta làm thức ăn cho thần Ha-đét trước giờ đã định⁽²⁾. Ta nói để nàng hay, không có một người nào, dù hèn nhất dưng cảm, lại có thể thoát khỏi số phận của mình, số phận của ngày mà người đó sinh ra. Thôi! nàng hãy trở về nhà lo nghĩ đến công việc của nàng, đến việc dệt vải, quay sa kéo sợi⁽³⁾ và ra lệnh cho các nữ tỳ chăm nom đến công việc của họ. Còn việc chiến đấu, đàn ông phải lo toan. Đó là phận sự của những người đàn ông và trước hết là của ta, những người đã sinh ra ở thành I-li-ông..."

Chàng Héc-to danh tiếng nói vậy và chàng cầm lấy chiếc mũ có ngù bằng đuôi ngựa trong khi đó vợ chàng trở lại nhà, vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại, nước mắt tuôn rơi. Chẳng mấy chốc nàng đã về đến chỗ ở đẹp đẽ của Héc-to kẻ sát nhân. Nàng gặp ở nhà đông đủ những nữ tỳ của mình, gặp ở nhà tất cả.

Nàng nức nở khóc than khiến cho tất cả những nữ tỳ cũng nức nở theo. Mọi người khóc cho Héc-to đang còn sống ở ngay trong nhà mình. Họ không tin từ nay

(1) Pauvre folle.

(2) l'heure fixée.

(3) songe à tes travaux. au métier, à la quenouille.

chàng lại có thể thoát khỏi cơn cuồng nộ và bàn tay của những người A-kê-en để từ chiến trận trở về.

*

* *

KHÚC CA IX - *Thần Dớt, thực hiện ý định giúp quân Tơ-roa, ra lệnh cấm các vị thần không được tham chiến, do đó quân Tơ-roa giành được thắng lợi liên tiếp, hạ trại áp sát ngay trước doanh trại quân Hy-lạp (khúc ca VIII). Tình thế nguy ngập, A-ga-men-nông ngay đêm hôm đó cho triệu tập hội nghị. Trong hội nghị A-ga-men-nông đưa ra ý định rút lui. Di-ô-mét mắng A-ga-men-nông. Ông già Ne-xto đứng dậy khuyên Di-ô-mét và sau đó khuyên A-ga-men-nông.*

Người điều khiển chiến xa tài giỏi, Ne-xto, đứng dậy và nói:

"... Hỡi người con của Ti-đê! Trong các cuộc giao tranh anh là người mạnh hơn tất cả, trong Hội đồng với những người bằng tuổi, anh là người hơn cả anh em. Không một người A-kê-ne nào, dù họ là thế nào đi nữa, phê phán lời lẽ của anh. Không ai nói trái ý anh. Nhưng anh vẫn chưa nói hết. Anh còn trẻ, đúng vậy! anh có thể là con ta được đây, một đứa con trai để sau tất cả những đứa khác. Tuy vậy, anh ăn nói không kèm một người khôn ngoan⁽¹⁾ khi nói trước các

(1) homme de sens.

vị vua của những người Ác-gốt. Điều mà anh vừa nói, thật hay, thật phải. Nhưng xin anh hãy lắng nghe ta, bởi vì ta là người hơn tuổi anh rất nhiều. Ta sẽ nói hết mọi điều. Ta tin rằng không ai là người, kể cả vua A-ga-men-nông, coi thường ý kiến của ta. Không, không một thị tộc, một luật pháp, một gia đình nào⁽¹⁾ lại yêu thích cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn⁽²⁾, cuộc chiến tranh làm lạnh buốt trái tim. Nhưng thôi, lúc này hãy nghe theo đêm đen và chuẩn bị bữa ăn của chúng ta. Hãy cho từng toán quân canh ra đóng gần những hào rộng nhưng ở ngoài lũy thành. Ta ra lệnh này cho các chiến binh trẻ. Còn điều này ta nói với anh, người con của A-tơ-rê, người chỉ huy của chúng ta, vì anh là vị vua cao nhất của tất cả chúng ta⁽³⁾. Hãy mở tiệc mời các vị Bô lão⁽⁴⁾ vì đây là việc của anh và điều này không phải bàn cãi gì nữa. Lều của anh chứa đầy rượu vang do những con thuyền của những người A-kê-en vượt biển rộng mỗi ngày từ đất Tơ-ra-xơ đem đến. Để đón tiếp các vị Bô lão anh có đủ mọi thứ cần thiết. Anh có nhiều lính hầu. Khi các vị Bô lão đã đến họp đông đủ, anh hãy lắng nghe người

(1) ni clan, ni loi, ni foyer. *Bản của Leconte de Lisle* dịch: sans intelligence, sans justice, sans foyers domestiques.

(2) guerre intestine. *Leconte de Lisle*: les affreuses discordes intestines.

(3) tu es le plus roi de nous tous.

(4) Anciens

nào nói cho anh những ý kiến hay nhất. Liệu có phải những người A-kê-en hoàn toàn không cần một ý kiến tốt và chắc chắn không, vào lúc mà địch quân đã ở kề ngay đây, gần những chiến thuyền của chúng ta và đốt lên hàng nghìn đám lửa? Ai là người còn có thể vui trong tâm hồn lúc này. Đêm nay quân ta hoặc bị tiêu diệt hoặc thoát khỏi hiểm nghèo”.

Cụ nói vậy và mọi người đều lắng nghe và tuân theo lời cụ. Những đội quân canh cầm vũ khí ra đi, xếp hàng hoặc quanh người con của Ne-xto là Tơ-ra-đi-mét, người chặn dắt mọi người, hoặc xếp hàng quanh A-xca-la-phơ và I-a-me-nơ, con của A-rét, hoặc quanh Mê-ri-ông, A-pha-rê, Ê-i-pia-rơ hoặc quanh con của Crê-ông, nhà tiên đoán Li-cô-mét. Họ là bảy vị tướng chỉ huy những đội quân canh. Quanh mỗi vị tướng một trăm chiến binh trẻ tiến bước, tay cầm những ngọn lao dài. Họ ra đi đóng chốt ở giữa hào và bức tường thành và ở đó mỗi toán quân nhóm lửa nấu bữa ăn tối.

Còn A-tơ-ri-đơ lúc này dẫn những vị Bô lão của đất A-ca-i xếp thành hàng chặt chẽ tiến vào trong lều của mình. Chàng mời mọi người một bữa ăn thật ngon. Các vị Bô lão đưa hai tay ra đón lấy những phần thức ăn hảo hạng đã được dọn sẵn và dâng mời. Khi họ đã xua đuổi được cái khát và cái đói thì ông già Ne-xto là người đầu tiên trong số họ bắt đầu suy tính dự định

của mình với những đứa con⁽¹⁾ bởi vì ông là người có những ý kiến dường như bao giờ cũng hay nhất. Rất đôi khôn ngoan, ông cất tiếng nói như sau:

"Hỡi A-tơ-ri-đơ rất vinh quang! A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình⁽²⁾! Ta vì anh mà kết thúc cũng như vì anh mà bắt đầu. Anh là vị vua của hàng nghìn người và Dớt đã trao cho anh cây vương trượng và pháp luật để anh chỉ bảo cho họ. Vì thế hơn tất cả mọi người, anh phải biết nói và biết nghe. Và khi cần anh phải hành động theo ý kiến của một người nào đó mà trái tim họ đã thúc đẩy họ nói vì lợi ích của mọi người. Trong trường hợp này, ý kiến sẽ nói đây là nói cho anh đó. Thì đây! ta sẽ nói, ta nói điều mà ta cho là hay nhất. Không ai có một tư tưởng nào có giá trị bằng tư tưởng của ta kể từ ngày xưa cũng như hôm nay, kể từ cái ngày mà, hỡi ôi! con cháu của Dớt, anh tước đoạt người thiếu nữ Bri-dê-ít ở lều của A-khin làm A-khin nổi giận, hoàn toàn trái với ý của chúng ta; và ta đã nói với anh tha thiết biết chừng nào mà cũng không sao thuyết phục được anh! Nhưng anh đã nhượng bộ cái trái tim ngạo mạn của anh. Anh đã xúc phạm đến một con người dũng cảm, mà người đó vừa được các vị Thần ban thưởng vinh quang. Anh đã cướp của hắn, anh đã lấy lại của hắn

(1) commence à ourdir les fils de son projet.

(2) Agamemnon, protecteur de ton peuple

phần thưởng danh ự. Thôi, thôi! đã đến lúc các anh phải nghĩ cách làm dịu lòng hăn, thuyết phục hăn bằng những tặng vật hấp dẫn⁽¹⁾ và bằng những lời lẽ dịu dàng".

A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình, đáp lại lời cụ:

"Ôi! Cụ già ơi! cụ chẳng nói sai tí nào khi cụ kể ra những lầm lỗi của ta.

Những lầm lỗi đó ta chẳng chối cãi đâu. Hăn, chỉ mình hăn thôi đã sức dư trăm chiến sĩ. Hăn là người được trái tim Dốt yêu mến, Dốt đã làm cho hăn thành người và để ban cho hăn vinh quang, Dốt đã làm cho quân A-kê-en thất bại. Nhưng nếu ta đã phạm những lỗi lầm vì tuân theo những tư tưởng hiểm độc thì ta muốn đền bồi lại danh dự bằng cách dâng cho hăn một món của chuộc vô cùng lớn lao. Trước các vị ở đây ta xin liệt kê những lễ vật quý báu của ta; bảy cái giá ba chân chưa từng biết đến lửa với mười ta-lăng vàng, hai mươi cái châu sáng loáng, mười hai con ngựa chắc khỏe được rèn luyện cho chiến thắng⁽²⁾ mà vó ngựa đã từng đoạt giải trong các cuộc thi đấu. A-khin còn được phần hơn trong các cống vật. Hăn, có thể được một số vàng quý giá của người duy nhất đã giành được giải thưởng trong cuộc thi đấu mà những con ngựa có

(1) d'aimables dons.

(2) taillées pour la victoire.

bộ móng to đem lại, người ấy là ta. Và ta sẽ còn trao cho hần bảy người phụ nữ khéo tay trong những công việc hoàn hảo. Đó là những người phụ nữ Le-xbiên-nơ mà A-khin đã bắt được trong khi đánh chiếm đô thành đẹp đẽ Le-xbốt. Ta đã chọn những người phụ nữ đó cho ta bởi vì họ đẹp hơn tất cả những người phụ nữ khác. Ta đem họ trao lại cho A-khin và cùng với những người phụ nữ đó, A-khin còn được cả người thiếu nữ mà ta đã tước đoạt của hần, người con gái của Bri-dét. Và ta xin thế bằng một lời thề trịnh trọng rằng, chưa bao giờ ta vào giường của nàng, chưa bao giờ ta kết hôn với nàng. Đó là chuyện bình thường trong những người trần thế, giữa đàn ông và đàn bà. Tất cả những cái đó A-khin sẽ có ngay tức khắc. Ngoài ra nếu những vị thần cho chúng ta tàn phá được đô thị rộng lớn của Pri-am, nếu hần ta có mặt vào lúc chia các chiến lợi phẩm cho những người A-kê-en thì hần ta sẽ được chất đầy vàng và đồng xuống thuyền của hần. Hơn nữa, hần còn có thể tùy theo ý muốn, chọn hai mươi người đàn bà Tơ-roa, những người đẹp nhất, chỉ thua kém nàng Hê-len người Ác-gốt mà thôi. Và cuối cùng, nếu một ngày kia chúng ta trở về Ác-gốt của vùng A-ca-i, bầu vú của đất, thì hần có thể làm con rể ta và ta sẽ tôn trọng hần như O-re-xơ mà những người Ác-gốt ở nhà đã nuôi dưỡng nó cho ta với sự chăm sóc âu yếm, trong lòng một cuộc sống hết sức sung túc. Ta có ba

người con gái ở trong cung điện vững chãi của ta: Cri-dô-tê-mít, Lao-đi-xơ, I-phi-a-nát-xa⁽¹⁾. Thế đấy, hấn muốn cô nào thì hấn có thể đưa cô ấy về dinh cơ của Pê-lê và không phải dâng ta lễ vật. Ta sẽ lại còn cho vợ chồng hấn vô vàn của cải đến mức mà chưa từng có một người nào cho con gái nhiều đến như thế. Ta sẽ cho hấn bảy đô thị trong số các đô thị giàu đẹp của ta: Các-da-min, Ê-nốp, Hi-rê và những đồng cỏ của nó, Phe-rơ thân thánh và An-thê-i-a có những đồng cỏ phì nhiêu cùng với cả Ê-pê-i-a đẹp đẽ và Pê-đa-dơ với những ruộng nho. Tất cả đều gần bể, ở ngay đầu của đất Pi-lốt của những Bãi cát⁽²⁾. Những người dân ở đây có nhiều cừu, nhiều bò. Họ lấy làm vinh dự về của cải của họ như là một lễ vật để dâng hiến cho thần. Và dưới cây vương trượng của A-khin họ sẽ nhường cho chàng quyền thu cống vật. Đó là tất cả những gì ta sẵn sàng thực hiện đối với hấn, nếu hấn từ bỏ mối giận hờn. Mong sao cho hấn nguôi giận, vì

(1) Trong truyền thuyết về cuộc chiến tranh To-roa có chuyện A-ga-men-nông phải giết con gái là I-phi-giê-ni để tế thần, xin thần phù hộ cho đoàn thuyền Hy-lạp được thuận buồm xuôi gió vượt ra khỏi cảng Ô-li-đơ. I-phi-giê-ni với I-phi-a-nát-xa là một hay là hai người khác nhau? Một số nhà phê bình cổ đại cho là một và lấy dẫn chứng ở lời A-ga-men-nông mắng Can-cát (Đồ tiên tri khốn nạn, chẳng bao giờ người nói được điều gì làm ta vui lòng) A-ri-xtác cho rằng, Hô-me-rơ không biết câu chuyện về I-phi-giê-ni. Còn Lao-đi-xơ là Ê-léch-tơ-rơ troaajMbi kịch của Xô-phô-clơ và O-ri-pít.

(2) Pilos des Sables.

chỉ Ha-dét là người duy nhất không mềm lòng, không ngúi giận. Cũng vì thế mà trong các vị thần ông ta là vị thần bị người trần ghét nhất. Mong sao cho hắn nghe lời ta! bởi vì ta là vị vua lớn hơn hắn nhiều⁽¹⁾ và về tuổi tác, ta tự hào là hơn tuổi hắn".

Ông già điều khiển chiến xa, Ne-xto, đáp lại:

"... Hỡi A-tơ-ri-đơ rất đôi vinh quang, A-ga-men-nông người che chở nhân dân của mình! Lần này thật chẳng còn lý do gì để anh lại lấy lại những tặng vật mà anh đã ban cho vua A-khin như vậy. Nào, chúng ta hãy mau mau lựa chọn những người đi công cán để sao cho họ có thể đi nhanh nhất đến lều của A-khin, người con của Pê-lê. Thôi, những người mà ta sắp chỉ định ở đây hãy sẵn sàng tuân lệnh. Trước hết, cụ Phê-ních thân yêu của Dót, hãy lãnh việc chỉ huy. Nối gót theo chân là chàng A-giắc vĩ đại và Uy-li-xơ thần thánh cùng tiến bước. Và trong số những người truyền lệnh thì Ô-di-ốt và O-ri-bát sẽ đi theo hộ tống. Bây giờ phải mang nước đến để rửa tay rồi ra lệnh cho mọi người im lặng để cho những lời cầu khẩn của chúng ta đến tai thần Dót, người con của Crô-nốt, với niềm hy vọng thần sẽ đoái thương đến chúng ta".

Cụ nói vậy và lời lẽ của cụ làm vừa lòng tất cả mọi người. Không chậm trễ, các vị truyền lệnh dội nước xuống các bàn tay, những chàng trai lại kín đầy đến

(1) je suis plus grand roi que lui.

tận miệng bình nước, rồi mỗi người trong chiếc cốc của mình lại dội nước làm lễ vẩy nước tế thần. Lễ vẩy nước kết thúc và khi đã uống no, những sứ giả ra khỏi lều của A-ga-men-nông, người con của A-tơ-rê. Ông già hiền khiển chiến xa, Ne-xto, lại luôn miệng nói những lời tha thiết, rằng ông tin tưởng vào mỗi người và trước hết vào Uy-li-xơ. Bằng một cái chớp mắt đầy ý tứ ông những mong rằng, họ gắng sức thuyết phục bằng được Pê-lê-ít không chê trách được.

Đoàn tướng lĩnh đi thuyết phục A-khin nguôi giận, trở lại tham chiến cùng quân Hy-lạp, không đạt kết quả. Lần lượt Uy-li-xơ rồi cụ già Phê-ních, A-giắc dùng hết lời khuyên giải song A-khin vẫn một mực cự tuyệt. A-khin đã trả lời Uy-li-xơ như sau:

A-khin có đôi chân nhanh, trả lời:

"Hỡi người con thần thánh của La-éc-tơ, Uy-li-xơ tri xảo! Ta cần phải nói thẳng, không nể vì e ngại⁽¹⁾ cho các vị biết điều mà ta định làm, và điều đó sẽ được thực hiện ra sao, để cho các vị đừng ngồi đây bên cạnh ta lần lượt ngọt ngào tán thuyết ta nữa⁽²⁾ Kẽ nào mà trong trái tim giấu một điều mà trên môi lại có một điều khác thì kẻ đó đối với ta thật ghê sợ như cánh cửa của Ha-đét. Phải, ta, ta sẽ nói những điều ta thấy cần phải nói. Chà! Ta chưa lúc nào nghĩ rằng A-ga-men-nông, con của A-tơ-rê, lại thuyết phục được

(1) Je dois signifier brutalement la chose.

(2) roucouler.

ta, mà cả đến những người Đa-na-en cũng không làm gì hơn được nữa. Ta thấy quá rõ điều này: người chiến đấu với quân thù ngoan cường, bền bỉ chẳng hề được biết ơn; kẻ ở lại nhà với người mang tất cả tâm hồn ra chiến đấu cũng được chia phần như nhau; kẻ hèn nhát với người anh dũng cũng được đánh giá như nhau. Rút cục lại ta được cái gì sau khi trái tim ta đã chịu đựng bao nỗi nhọc nhằn, sau khi đời ta ngày ngày lặn lội trong chiến đấu? Như một con chim mẹ mớm cho lũ chim con chưa có cánh những gì mà nó kiếm được, mà nó phải vất vả lắm mới kiếm được, thì ta cũng vậy. Ta đã trải qua biết bao đêm không ngủ, ta đã trải qua những ngày đầm máu trong chiến đấu, trong giao tranh với những người khác để bắt phụ nữ về cho họ⁽¹⁾. Ta đã, với những con thuyền của ta, triệt hạ mười hai đô thị của loài người⁽²⁾. Trên mặt đất, ở vùng Tơ-roa-át phì nhiêu, ta đã chiếm được tới mười một đô thị. Ở mỗi đô thị ta đều cướp được mười kho của to lớn và quý báu. Tất cả những của cải đó, ta đều dâng cho A-ga-men-nông, con của A-tơ-rê. Còn hấn thì ở lại sau chiến trường, bên những con thuyền thon nhẹ, thu nhận của cải, nhưng chia ra thì ít mà giữ lại thì nhiều. Đối với các vị tướng, các vị vua, hấn cũng chia cho họ những phần thưởng danh dự, và họ, dù sao cũng vẫn giữ phần mình nguyên vẹn; nhưng còn ta, người duy nhất trong những người A-kê-en lại bị

(1) afin de leur prendre leurs femmes *Leconte de Lisle*: pour la cause de vos femmes.

(2) cités d'hommes. *Leconte de Lisle*: demeure des hommes.

hắn tước đoạt mất phần. Thế đấy, hắn lấy người vợ dịu hiền của ta! hắn ngủ bên nàng! hắn vui chơi với nàng thoả thích! Nhưng mà tại sao những người Ác-gốt phải đánh nhau với những người Tô-roa cơ chứ? Tại sao hắn, người con của A-tơ-rê, lại tập hợp và điều động đến đây một đạo quân? Chẳng phải chỉ vì nàng Hê-len có mái tóc đẹp hay sao? Có phải chỉ những người A-tơ-ri-đơ là những người trần thế độc nhất biết yêu mến vợ của họ? Tất cả những con người của trái tim và của lý trí⁽¹⁾ đều biết yêu vợ của mình và biết bảo vệ vợ của mình chứ! Còn về người thiếu nữ đó, từ đáy lòng ta, ta yêu nàng, dù nàng chỉ là một tù binh.

Hắn đã giết nàng khỏi tay ta, phần thưởng danh dự của ta. Hắn đã lừa dối ta, phần thưởng danh dự của ta. Hắn đã lừa dối ta. Hắn đừng hòng tìm cách thăm dò ta, một người đã hiểu hắn quá rõ, bởi vì ta không thèm nghe hắn đâu. Thôi, cùng với anh, Uy-li-xơ ạ, và với những vị vua khác, hắn hãy mau mau nghĩ đến việc tránh cho những con thuyền thoát khỏi ngọn lửa tàn phá là hơn! Hắn đã, không có ta mà làm được nhiều công việc. Đấy, hắn đã xây một bức tường và trước tường thành đào một con hào to, rộng, lại còn đóng cọc nữa! Biết bao thứ ấy lại không đủ để ngăn chặn sức mạnh của Héc-to kẻ sát nhân sao! Khi ta còn chiến đấu với những người A-kê-en, Héc-to không dám đưa cuộc giao tranh ra ngoài những bức tường

(1) homme de coeur et de sens.

thành. Hắn chỉ đôi khi tiến ra đến những cửa thành Xkê và chỗ cây sồi. Chính ở chỗ đó mà một hôm hắn đón đợi ta. Khi đó chỉ có mình ta thôi. Thế mà hắn phải vất vả lắm mới thoát khỏi tay ta. Thế đấy, từ nay trở đi ta từ bỏ giao đấu với Héc-to thần thánh. Ngày mai khi lễ hiến tế thần Dớt và các vị thần khác đã xong, khi mà những con thuyền của ta đã được kéo xuống biển và chở nặng, anh có thể thấy - nếu anh muốn và nếu điều đó làm anh vui thích - những con thuyền của ta từ sớm tinh mơ bơi trên biển Hen-le-xpông lăm cá và trong mỗi con thuyền là những tay chèo hăng hái. Nếu vị thần Lay chuyển mặt đất danh tiếng cho chúng ta được thuận buồm xuôi gió⁽¹⁾ thì ba ngày sau ta đã ở trên đất Ph-ti màu mỡ. Ta đã để lại ở đó bao nhiêu là của cải và ta đến đây vì nỗi bất hạnh của mình. Ta sẽ góp thêm vào đó nào vàng, nào đồng đỏ, nào những nữ tù binh có chiếc thắt lưng xinh đẹp, nào sắt xám mà ta đem theo đây và cả phần chia đã về tay ta - ta không nói đến phần danh dự, vì người ban cho ta phần đó, vua A-ga-me-nông, con của A-tơ-rê, để lảng nhục ta, đã lấy lại của ta rồi. Với hắn, anh hãy nói công khai tất cả mọi điều như ta đã truyền bảo⁽²⁾ để đến lần mình những người A-kê-en bày tỏ cho hắn biết ít nhiều sự bất bình, nếu hắn còn

(1) nous accorde bonne traversée

(2) comme je te l'ordonne.

mưu toan lừa lọc một người Đa-na-en nào nữa. Hấn lúc nào cũng đầy vẻ vô liêm sỉ, nhưng dù hấn có xác xược đến thế nào, hấn cũng không dám nhìn ta thẳng mặt. Ta chẳng giúp hấn đâu, từ lời khuyên bảo cho đến đôi cánh tay này. Hấn đã lừa phỉnh, xúc phạm ta quá nhiều. Hấn không thể lừa dối ta bằng những lời lẽ một lần nữa. Với hấn, xin quá đủ rồi! Cứ để cho hấn bình yên đi vào giờ bất hạnh. Thần Dớt thận trọng, đã lấy trí khôn của hấn đi rồi. Lễ vật của hấn làm ta ghê tởm, còn hấn thì ta coi như cái rơm, cái rác. Dù hấn có dâng cho ta mười lần, hai mươi lần tất cả những gì hấn có trong tay vào lúc này và tất cả những gì hấn sẽ có ngày mai; dù hấn có dâng cho ta tất cả của cải tuôn chảy về thành Oóc-khô-men hay thành Te-bơ của Ai-cập nữa, đô thành mà mỗi nhà đều cất giấu nhiều kho báu, đô thành có trăm cổng mà mỗi cổng có thể để hai trăm chiến binh cùng với ngựa và chiến xa đi qua được; dù cho hấn có dâng cho ta của cải nhiều bằng hà sa số như hạt cát, hạt bụi trên đời này, hấn, A-ga-men-nông, cũng không thuyết phục được trái tim ta trước khi hấn phải đền tội xúc phạm đến ta, làm tâm hồn ta đau đớn. Còn chuyện về người con gái của A-tơ-ri-đơ A-ga-men-nông thì không, không đâu, ta không có lấy cô ta đâu. Dù cô ta có thể ganh đua với sắc đẹp của nữ thần

A-phrô-di-tơ vàng⁽¹⁾ hoặc ganh đua với những công việc của nữ thần A-tê-na có đôi mắt sáng xanh lục, thì nhất định cũng không đâu, ta không lấy cô ta làm vợ đâu. Để cho hấn chọn một người A-kê-en nào khác là vị vua lớn hơn ta, xứng hợp với địa vị của hấn⁽²⁾. Còn nếu những vị thần che chở cho ta và nếu ta trở về đến quê hương ta, thì Pê-lê sẽ đích thân lo vợ cho ta.

Ở Hen-lát và Ph-ti chẳng thiếu gì những phụ nữ người A-kê-en, con gái của những vị thủ lĩnh, những người bảo vệ các đô thành. Và trong số những thiếu nữ đó ta sẽ lấy một người mà ta ưa thích để làm vợ. Trái tim cao cả của ta thường thúc giục ta về chuyện đó, chọn một người bạn gái xứng hợp với dòng dõi của mình, cưới làm vợ chính thức và sau đó ta sẽ sống an nhàn, hưởng gia tài của lão vương Pê-lê để lại. Vì đối với ta không gì quý bằng cuộc sống, ngay cả những của cải vừa mới đây mà thành I-li-ông chắt chứa được trong những ngày hoà bình, trước khi những người con của những người A-kê-en đến đây cũng thế; không, ngay cả những của cải ẩn giấu dưới ngưỡng cửa đá của thần Phoi-bốt A-pô-lông, Người bắn những mũi tên⁽³⁾ trong đền Pi-tô sỏi đá⁽⁴⁾, cũng thế. Người ta có thể cướp đoạt những con bò và cừu béo mập, người ta

(1) Aphrodite d'or.

(2) qui soit plus roi que moi.

(3) Le Décocheur de flèches.

(4) Pytho la Rocheuse.

có thể mua những cái giá ba chân⁽¹⁾ và những con ngựa bồm màu hung nhưng cuộc sống của con người thì không sao trở về lại được. Cái ngày mà cuộc sống ra đi khỏi hàng rào của răng người thì chẳng bao giờ nó để cho cướp lại được, giữ lại được. Mẹ ta, vị nữ thần có đôi chân bạc, Thê-ti-xơ, thường nói với ta rằng, có hai số phận sẽ đưa ta về cõi chết, chết là xong hết. Nếu ta ở đây chiến đấu quanh thành Tơ-roa thì ngày về của ta không có nữa; nhưng ngược lại một vinh quang bất tử chờ đợi ta. Còn nếu ta trở về với mảnh đất quê hương thì vinh quang cao cả của ta không có nữa; một cuộc sống dài lâu sẽ dành cho ta và cái chết, chết là xong hết, chỉ có thể đến với ta sau nhiều năm tháng. Vả chẳng với mọi người, ta cũng khuyên như thế, ta khuyên mọi người nên xuống thuyền trở về gia đình mình. Thật quá muộn rồi, các vị không thể được chứng kiến ngày kết thúc của thành I-li-ông đâu! Sự việc đúng là như thế này: Dớt có tiếng nói to⁽²⁾, đã đưa tay ra che chở cho thành I-li-ông và những chiến sĩ của nó đã khôi phục lại được niềm tin. Xin các vị hãy về thuật lại những lời kêu gọi của ta với các vị thủ lĩnh những người A-kê-en, vì đó là đặc quyền của những cụ già. Họ có thể suy tính trong trái tim của họ một dự định tốt hơn để mau mau cứu lấy những con thuyền của họ và quân đội A-kê-en, trước những con thuyền trũng của ta, bởi vì những gì mà họ đã sử

(1) Trepied.

(2) Trepied.(1) Zeus à la grande voix.

dụng ở đây đều tỏ ra không có hiệu quả gì hết, trong khi nổi tức giận của ta vẫn giữ ta ở xa họ..."

*

* *

KHÚC CA XXIV - A-khin vẫn không nguôi nổi thương nhớ người bạn chiến đấu thân thiết của mình đã tử trận là Pa-tơ-rô-clơ. Chàng cũng không nguôi mối căm thù đối với Héc-to, vị dũng tướng của thành Tơ-roa đã giết chết Pa-tơ-rô-clơ, mặc dù, Héc-to đã bị chàng bắt đến tội. Hàng ngày chàng buộc xác Héc-to vào sau chiến xa, và cho kéo lê xác Héc-to quanh mộ của Pa-tơ-rô-clơ ba lần rồi để phơi xác giữa cát bụi, không cho chôn cất.

Hội nghị⁽¹⁾ giải tán, mọi người tản ra và từng đội quân trở về những con thuyền thon nhẹ của mình. Mọi người đều nghĩ đến việc sẽ được hưởng một bữa ăn và được ngủ yên một giấc. Chỉ riêng A-khin là khóc: chàng nhớ tới người bạn thân thiết của mình. Giấc ngủ đã chinh phục mọi người nhưng vẫn không chinh phục được A-khin. Chàng trần trọc, chàng trần trở trong nỗi nhớ thương Pa-tơ-rô-clơ, nhớ thương sức mạnh và lòng cuồng nhiệt cao thượng của Pa-tơ-rô-clơ. Chàng nhớ những nỗi đau khổ mà hai người đã từng cùng nhau chịu đựng và vượt qua, những nỗi gian khổ

(1) Khúc ca XXIII thuật lại cảnh hội nghị quân Hy-lạp tổ chức lễ tang cho Pa-tơ-rô-clơ.

qua những cuộc giao tranh mà ở đó con người đụng độ với nhau, cũng như những nỗi gian khổ khi vượt qua những con sóng độc ác. Nhớ lại những kỷ niệm đó, chàng tuôn trào nước mắt, trở mình, khi nằm nghiêng, khi nằm ngửa, khi nằm sấp, úp mặt xuống đất⁽¹⁾, rồi chàng lại trở dậy rời khỏi giường của mình và bỏ đi lang thang, tâm hồn ngơ ngẩn, theo dọc những bãi cát của biển cả. Nhưng không ba giờ chàng để cho cái thời khắc mà rặng đông bắt đầu chiếu sáng trên biển và trên bãi cát, trôi qua. Khi đó chàng đóng những con ngựa chạy nhanh vào sau chiến xa của mình, còn ở phía sau thùng xe, chàng buộc Héc-to vào đó để kéo lê hắn dưới đất. Sau khi đã kéo liên tiếp ba lần quanh ngôi mộ mà nằm trong đó là thi thể của người con trai của Mê-nê-xi-ốt, chàng dừng xe lại và trở về lều của mình bỏ mặc Héc-to trong cát bụi, nằm sóng sượt, mặt úp xuống đất. Nhưng A-pô-lông đã ngăn ngừa mọi sự lãng nhục đối với da thịt⁽²⁾ của Héc-to. Thần thương xót con người, ngay cả đối với những người đã chết. Thần, bằng tấm khiên vàng, che kín khắp người Héc-to, sợ rằng A-khin, trong khi kéo lê Héc-to dưới đất, sẽ làm tuột da rách thịt Héc-to⁽³⁾.

Hành động dã man của A-khin đối với thi hài Héc-to khiến các thần động lòng thương xót. Các thần

(1) tantôt face au sol.

(2) sa chair.

(3) arrache toute la peau.

muốn cử thần Héc-mét đi đánh cắp thi hài của Héc-to nhưng các nữ thần Hê-ra, A-tê-na và thần Pô-dê-i-đông chống lại. Thần A-pô-lông tức giận trách móc các vị thần đã đối xử độc ác, vô ơn bạc nghĩa với Héc-to. Nữ thần Hê-ra nổi nóng, cãi nhau với thần A-pô-lông. Thế là xảy ra mối bất hoà giữa các vị thần và kéo dài chín ngày trời. Thần Dớt phân xử: sai nữ thần I-rít đi triệu nữ thần Thê-ti-xơ, mẹ của A-khin, ở dưới bể lên đỉnh Ô-lanh-pơ, thần ra lệnh cho Thê-ti-xơ phải đến doanh trại quân Hy-lạp, bắt A-khin chấm dứt ngay cái hành động trả thù man rợ đó, một hành động đã làm các vị thần tức giận và thần Dớt là người tức giận hơn cả.

Kế đó thần Dớt lại sai nữ thần I-rít đến thành Tơ-roa báo cho lão vương Pri-am sắm sửa lễ vật đem đến doanh trại của A-khin để xin chuộc xác con. Dớt giao cho Héc-mét nhiệm vụ dẫn đường cho cụ già Pri-am.

Cụ già vội vã bước lên chiếc xe của mình rồi đánh xe qua cửa ngoài⁽¹⁾ và cánh cửa vang động⁽²⁾. Đi trước là chiếc xe do những con la kéo, dưới bàn tay điều khiển của I-đê người khôn ngoan⁽³⁾. Đi sau là cỗ xe do Pri-am điều khiển và cụ dùng roi để thúc cho xe chạy nhanh qua đô thành. Tất cả họ hàng thân thiết của cụ đều đi theo xe của cụ và khóc cụ khôn nguôi,

(1) vestibule.

(2) le porche sonore.

(3) Idée le sage.

coi như cụ đang đi vào chỗ chết. Nhưng khi đi ra ngoài thành và tới đồng bằng thì tất cả những con trai và con rể của cụ đều quay lại và trở về thành I-li-ông. Chỉ có hai người là đi trên đồng bằng và họ không thoát khỏi cái nhìn của Dớt có tiếng nói to. Nhìn thấy cụ già, thần Dớt động lòng thương xót. Lập tức thần đưa mắt nhìn Héc-mét và bảo:

"... Héc-mét, trong mọi công việc con thích làm người bạn đường với một người trần, người nào làm con vừa lòng là con nghe theo họ. Vậy, đi đi, con! hãy dẫn cụ Pri-am đến chỗ những con thuyền của những người A-kê-en, dẫn sao cho không một người Đa-na-en nào trông thấy, hoặc bắt gặp cụ trước khi cụ đến chỗ người con của Pê-lê..."

Thần Dớt nói vậy, Người Truyền lệnh, Kẻ Giết thần Ác-gốt, liền tuân lệnh⁽¹⁾. Lập tức thần buộc ngay vào chân đôi dép đẹp, thần thánh, toàn bằng vàng của mình, đôi dép mà thần đi trên mặt biển và trên mặt đất vô tận với những hơi thở của gió. Thần cầm lấy chiếc đĩa, nhờ chiếc đĩa này thần có thể tùy theo ý muốn làm ngủ say mê mệt đôi mắt của những người trần hoặc đánh thức những ai đang ngủ. Chiếc đĩa cầm tay, vị thần uy quyền, Kẻ Giết thần Ác-gốt, tung mình bay và thoát cái đá tới Hen-lê-xpông ở vùng To-roa-át. Tới đây thần đi bộ, giả dạng làm một vị

(1) le Messenger, Tueur d' Argos n'a garde de dire non.

hoàng tử trẻ tuổi, một vị hoàng tử mới có chút ria mép⁽¹⁾ mà tuổi của chàng thật đáng yêu hơn hết.

Trong khi đó cụ già Pri-am và người đầy tớ đi qua ngôi mộ to lớn của I-li-ốt. Họ dừng lại ở bờ sông để cho la và ngựa uống nước. Bóng tối đổ xuống mặt đất. Vào lúc ấy người truyền lệnh⁽²⁾ đi rất gần Héc-mét và trông thấy vị thần. Ông ta liền cất tiếng nói với Pri-am: "... Hỡi người con của Đác-đa-nốt! xin người hãy cẩn thận, ở đây chúng ta phải thận trọng. Tôi vừa thấy có một người ở đây. Tôi e rằng hắn có thể phanh thây xé xác chúng ta mất. Thôi, thôi, chúng ta hãy lên xe chạy trốn đi hoặc là, chúng ta đến ôm lấy đầu gối hắn, cầu xin hắn rủ lòng thương xót chúng ta..."

Ông ta nói vậy và tâm hồn cụ già rối bời. Cụ sợ hãi quá chừng. Lông cụ dựng đứng cả lên trên tay chân xoắn vặn⁽³⁾. Cụ dừng lại, kinh hoàng. Nhưng vị thần Nhân đức đích thân đi đến gần, cầm lấy bàn tay già nua của cụ, và hỏi cụ:

"... Này, hỡi cha! cha đánh ngựa và la đi đâu trong đêm tối thần thánh vào giờ mà mọi người trần thế đều ngủ cả rồi? Cha không sợ những người A-kê-en hung hãn⁽⁴⁾ sao? Đó là những kẻ thù của cha đấy,

(1) chez qui commence à percer la moustache.

(2) le héraut.

(3) son poil se dresse sur les membres tordus. *Leconte de Lisle*: ses cheveux se tinrent droits sur la tête courbée.

(4) qui respirent la fureur.

những kẻ thù điên cuồng, chúng ở ngay đây, rất gần đây. Nếu một ai trong bọn chúng gặp cha trong đêm đen và nhanh, mang bao nhiêu là của cải như thế kia thì cha suy tính cách đối phó như thế nào? Cha không phải trai trẻ gì và đi theo cha cũng là một người già cả. Vậy thì làm sao có thể đánh đuổi được một người khoẻ mạnh khi nó xông vào đánh cha trước? Nhưng con không muốn làm hại cha đâu. Con sẽ bảo vệ cha chống lại bất cứ một ai. Gặp cụ, con thấy cụ hao hao giống cha con...".

Cụ già Pri-am sánh tựa các thần, đáp:

"... Phải, con ơi! sự thể quả đúng như con nói. Nhưng chắc rằng lúc này đã có một vị thần đưa cánh tay ra che chở cho ta nên thần mới xếp đặt trên đường ta đi một người bộ hành như con. Thật là một điềm báo quá tốt lành! Khi ta thấy con ở đây với thân hình và vẻ đẹp đáng ước ao, với trí tuệ khôn ngoan, ta những đoán hẳn rằng cha con là người giàu có..."

Người Truyền lệnh, Kẻ Giết thần Ác-gốt, đáp:

"... Cụ già ơi! Tất cả những điều cụ nói quả thật là đúng! Thôi nhé, cụ hãy cho con biết và đừng nói quanh co, có phải cụ gửi cho những người không thân thích một số của to lớn và quý báu thế kia là vì cụ muốn nó được gìn giữ nguyên vẹn không? Hay là vì cụ sợ hãi quá chừng vì con trai cụ, một chiến sĩ danh tiếng đã chết, người mà trong những cuộc giao tranh không

hề nhường bước quân A-kê-en, nên giờ đây cụ bỏ cả thành I-li-ông mà đi?"⁽¹⁾.

Cụ già Pri-am sánh tựa các thần, đáp:

"... Chẳng hay con là ai?, hồi đứa con cao thượng! Cha mẹ nào đã sinh ra con? Con nói đến số phận mà đứa con trai bất hạnh của ta phải gánh chịu với những lời lẽ tốt đẹp biết bao!"

Người Truyền lệnh, Kẻ Giết thần Ác-gốt, đến lượt mình đáp lại:

"... Cụ già ơi! cụ muốn thử con hay sao mà hỏi con về chuyện chàng Héc-to thần thánh? Biết bao lần chính mắt con trông thấy chàng trong chiến trận mà ở đó con người đoạt được vinh quang, và khi bên những con thuyền, chàng dồn ép, chàng tàn sát quân Ác-gốt, chặt chúng ra từng mảnh bằng thanh gươm nhọn của mình. Chúng con lúc đó đứng im ở ngoài xem, thêm khát trước cảnh tượng đó vì A-khin đã cấm không cho chúng con tham chiến trong khi anh ta còn giận A-tơ-ri-đơ. Khi đó con là lính hầu của A-khin. Cả hai người chúng con cùng đi chung một con thuyền vững chãi đến đây. Con ở trong hàng ngũ những người Miéc-mi-đông. Cha con là Pô-lích-to. Ông ta giàu có nhưng già rồi, và cũng già như cụ ấy. Ông còn sáu

(1) *Paul Mczon*: C'est le plus vaillant des hommes qui est mort avec ton fils. Au combat il n'était en rien inférieur aux Achéens. *Leconte de Lisle*: car un guerrier illustre est mort, ton fils, qui dans le combat ne le cédait point aux Akhaiens.

người con trai nữa, con là thứ bảy. Con rút thăm với các anh con và trúng thăm, đi theo quân đội. Con vừa rời chỗ những con thuyền để đi ra đồng bằng. Từ rạng đông ngày mai những người A-kê-en mắt sáng sẽ tiến đánh quanh thành của cụ. Họ tức giận vì không được chiến đấu, còn những vị vua A-kê-en không thể ngăn giữ họ được vì họ muốn được giao chiến ngay tức khắc..."

Cụ già Pri-am sánh tựa các thần, đáp:

"... Nếu con là linh hầu của A-khin, con của Pê-lê, thì con hãy nói cho ta biết rõ mọi sự thật. Con trai ta có phải lúc nào cũng ở bên những con thuyền không? Hay là A-khin đã chặt nó ra từng khúc và vứt làm thức ăn cho chó rồi?"

Người Truyền lệnh, Kẻ Giết thần Ác-gốt, đến lần mình đáp lại:

"... Không cụ ơi! Không chó, không chim nào ăn thịt chàng cả. Chàng lúc nào cũng ở bên con thuyền của A-khin cũng như ở trong lều của mình. Đến nay là bình minh thứ mười hai chàng ở đó, nằm phơi thây trên mặt đất, thịt da chàng vẫn không bị thối rữa, không bị dòi bọ nào đục khoét, lũ dòi bọ này thường ăn thịt những người trần bị tử trận. Đúng là A-khin mỗi ngày vào giờ rạng đông thần thánh hiện ra, đã tàn bạo kéo lê chàng xung quanh ngôi mộ người bạn thân thiết của hắn, nhưng không vì thế mà hắn huỷ hoại được chàng. Cụ đến gần chàng, cụ sẽ thấy tân

mắt, chàng vẫn nằm nguyên ở đấy, tươi tốt, máu chảy khắp người đã được rửa sạch, không một vết bẩn nào, các vết thương đã kín miệng, tất cả những vết thương mà chàng bị đâm, và có biết bao nhiêu chiến binh đã phóng lao đồng của họ vào chàng. Được như vậy là vì các vị thần nơi Cực Lạc đã sẵn sóc đến con của cụ ngay cả khi con cụ đã chết. Chàng thật là rất đổi thân thiết với trái tim các vị thần! ..".

Thần nói vậy khiến cụ già vui mừng khôn xiết. Cụ đáp lại:

"Ôi, này con! thật là có ích khi cúng dâng lễ vật cho các vị thần Bất tử. Con trai ta, - nếu đích thực là ta đã có một đứa con - , ở cung điện, nó chẳng bao giờ quên các vị thần, những người chủ của ngọn núi Ô-lanh-pơ. Vì vậy các thần đã nhớ đến nó ngay cả khi cái chết khủng khiếp đã đến với nó. Này con, hãy nhận lấy cho ta chiếc cốc đẹp này, để đáp lại, con hãy che chở cho ta, dẫn đường cho ta với sự phù hộ của các vị thần, để sao cho ta đến được lều của người con của Pê-lê".

Người Truyền lệnh, kẻ Giết thần Ác-gốt, đến lần mình nói:

"Có phải vì cụ thấy con còn trẻ nên cụ muốn thử con đấy ư? Cụ muốn con nhận lễ vật lúc A-khin không biết thì con chẳng tuân theo lời cụ đâu. Trong tâm hồn con, con rất sợ và rất ngại việc nhận lễ vật. Sau này có thể vì chuyện đó mà con phải trả một giá đắt.

Nhưng con sẵn sàng với lòng nhiệt thành dẫn đường cho cụ tới đất Ác-gốt danh tiếng trên một con thuyền nhanh cũng như cùng đi với cụ bằng đường bộ. Không một kẻ nào dám coi thường người dẫn đường của cụ đâu, cũng như dám liều lĩnh đánh cụ".

Vị thần Nhân đức nói vậy rồi nhảy lên chiếc xe ngựa, lập tức thần cầm lấy roi và dây cương, và cùng một lúc thần thổi một nhiệt tình cao thượng vào cả đám ngựa và la. Chúng đi tới bức tường và cái hào bao che cho những con thuyền. Quân canh đã nấu bữa ăn tối. Với họ, Người Truyền lệnh, Kẻ Giết thân Ác-gốt, bèn dội xuống họ một giấc ngủ. Không chậm trễ, thần gạt những gióng ngang ra, mở cửa. Và thần đưa cụ Pri-am với những lễ vật lộng lẫy chất trên xe, đi vào. Họ đi tới lầu của Pê-lê-i-đơ, cái lầu cao mà những người Miéc-mi-đông dựng cho chủ tướng của họ, bằng cách đeo những cây thông làm xà. Họ lợp mái bằng những cây sậy thu lượm được ở những cánh đồng ẩm ướt. Xung quanh, họ làm cho vị chủ tướng của mình một cái sân to, vây lại bằng những hàng cọc dây khít. Chỉ có một cái gióng ngang bằng cây thông giữ cửa. Đó là một then cửa khổng lồ, phải ba người A-kê-en mới đóng vào và ba người nữa mới tháo ra được. Trong khi đó chỉ mình A-khin là đóng vào được. Héc-mét, vị thần Nhân đức mở cửa cho cụ già, thần đưa những lễ vật quang vinh vào để dâng cho người con chạy nhanh của Pê-lê, và rồi từ trên xe nhảy xuống đất, thần nói:

"... Cụ già ơi! đúng là một vị thần Bất tử đã đến với cụ đây! Ta là Héc-mét. Cha ta đã đích thân giao cho ta nhiệm vụ ở gần bên cụ để dẫn đường cho cụ. Nhưng ta đi đây. Ta sẽ không xuất hiện ra trước mắt A-khin đâu, vì một vị thần Bất tử mà tỏ ra sùng ái người trần quá lộ liễu thì chẳng hay gì. Còn cụ, cụ cứ vào đi vào đến ôm lấy đầu gối người con của Pê-lê, nhân danh cha hấn và người mẹ có mái tóc đẹp của hấn và con trai của hấn mà cầu xin hấn, nếu cụ muốn làm xúc động trái tim hấn".

Nói xong, Héc-mét trở về đỉnh núi Ô-lanh-pơ cao ngất, trong khi Pri-am nhảy từ trên xe xuống đất. Cụ để I-đê lại để coi ngựa và la. Cụ già đi thẳng vào nhà, vào chỗ mà A-khin được Dớt yêu quý, ngồi. Cụ gặp hấn ngồi một mình, những chiến hữu của hấn ngồi ở xa. Chỉ có hai người trong số họ là, người anh hùng Ô-tô-mê-đông và An-ki-mơ, con cháu của thần A-rét, là đang hầu hạ bên hấn. Hấn vừa mới ăn uống xong, bàn ăn lúc nào cũng ở trước hấn. Không một ai thấy lão vương Pri-am vì đại đi vào. Cụ dừng bước gần A-khin, ôm lấy đầu gối hấn, hôn đôi bàn tay của hấn, những bàn tay ghê sợ, giết người này, những bàn tay đã giết của cụ biết bao người con. Như một sự nhầm lẫn nặng nề làm mỗi ngon cho một người trần thế, và người này sau khi trở thành kẻ giết người ở xứ sở mình, đã đặt chân đến một đất nước xa lạ, bước vào nhà một người giàu có, khiến cho những ai trông thấy đều kinh ngạc. Cũng vậy, A-khin thật kinh ngạc khi

nhìn thấy Pri-am giống tựa các thần, còn những người khác cũng kinh ngạc như thế, và tất cả đều đưa mắt nhìn nhau. Còn Pri-am thì van xin A-khin bằng những lời lẽ như sau:

"... Hỡi A-khin, sánh tựa các thần! Xin ngài hãy nhớ đến thân phụ ngài! Thân phụ ngài cũng trạc tuổi ta, và cụ, cũng như ta đã ở ngưỡng cửa ác nghiệt của tuổi già. Chắc rằng những kẻ lảng giềng đang bao vây cụ, quấy nhiễu cụ. Và chẳng một ai bên cụ để đẩy lùi nỗi bất hạnh và sự hiểm nguy cho cụ. Nhưng dù sao, cụ, cụ vẫn có một niềm vui này trong trái tim: đó là mọi người vẫn nói với cụ về ngài như là một người còn sống, và cụ mong đợi từng ngày để được nhìn thấy con trai cụ từ Tơ-roa trở về. Nhưng với ta nỗi bất hạnh thật hoàn toàn. Ta đã sinh ra những đứa con trai và chúng là những người dũng cảm trên đất Tơ-roa rộng lớn này, nhưng chẳng một đứa nào còn lại với ta. Ngày mà những người con của những người A-kê-en đến Tơ-roa, ta, lúc đó có năm mươi người con. Mười chín đứa do cùng một mẹ sinh ra, còn lại là do những người vợ khác ở cung điện của ta sinh ra cho ta. Phần lớn chúng đều bị thần A-rét đánh cho quy gối. Đứa duy nhất còn lại với ta để che chở cho đô thành và dân chúng thì, ngài, hôm vừa qua, đã giết nó của ta mất rồi, trong khi nó, Héc-to, bảo vệ xứ sở. Chính vì nó mà ta đến những con thuyền của những người A-kê-en để xin chuộc nó lại từ tay ngài. Ta mang đến đây một số của chuộc rất lớn. Hỡi A-khin! xin ngài hãy kính

trọng thân linh và nghĩ đến thân phụ ngài mà rủ lòng thương hại đến ta. Ta còn đáng thương hơn thân phụ ngài nhiều, bởi vì, ta đã dám làm một việc mà chưa bao giờ một người trần thế trên mặt đất này dám làm: ta đã hôn những bàn tay của người đã giết con ta...".

Cụ nói vậy, và làm nảy sinh trong A-khin lòng thương cha muốn khóc. Chàng cầm lấy bàn tay của cụ già và rồi khe khẽ đẩy ra. Cả hai người đều nhớ lại: một người đang quỳ dưới chân A-khin, khóc nhớ khôn nguôi chàng Héc-to kẻ sát nhân; còn A-khin lúc ấy khóc vì nhớ thương cha và cũng từng lúc khóc nhớ thương Pa-tơ-rô-clơ. Và tiếng khóc than của họ vang lên trong doanh trại. Nhưng đến lúc mà A-khin thần thánh khóc than đã đủ và muốn nổi đau thương đồng thời rời bỏ trái tim và thân thể mình. Thế là đột nhiên từ chỗ ngồi, chàng đứng dậy. Chàng cầm lấy tay cụ già và đỡ cụ đứng lên. Chàng thương vâng trán xoa tóc bạc trắng và thương chòm râu bạc của cụ. Tiếp đó chàng cất tiếng nói những lời có cánh sau đây:

"... Ôi, tội nghiệp thay! Cụ đã phải chịu đựng biết bao đau khổ trong trái tim. Làm sao mà cụ dám một mình đến đoàn thuyền của những người A-kê-en để giáp mặt với ta, một người đã giết của cụ bao nhiêu là đứa con rất dũng cảm. Trái tim của cụ đích thật là bằng sắt! Thôi nào, cụ hãy lại đây, ngồi xuống một chiếc ghế và dù nỗi phiền muộn của chúng ta có thể nào đi nữa thì chúng ta hãy để những nỗi đau khổ

ngủ yên trong tâm hồn chúng ta. Thật là chẳng được gì với những lời than khóc làm lạnh ngắt trái tim, bởi vì sống trong phiên muộn là số phận mà những vị thần đã sắp xếp cho những người trần khốn khổ. Còn các vị thần thì sống chẳng hề biết đến lo âu. Có hai cái chum của Dớt chôn ở dưới đất: một chứa những điều dữ, còn một, những điều lành. Dớt ban cho chúng ta cả hai cái chum đó. Ai mà được Dớt Gây Sấm Sét⁽¹⁾, trộn đều cả hai tặng vật của mình rồi ban cho, thì người ấy sẽ gặp ngày hôm nay nổi bất hạnh, ngày mai niềm hạnh phúc. Còn ai chỉ được Dớt ban cho sự cùng khổ thì Dớt làm cho anh ta bị mọi người khinh rẻ. Sự đói khát cào xé cứ theo đuổi anh ta trên khắp mặt đất bao la. Anh ta, anh ta đi lang thang, bị người trần và các vị thần khinh rẻ, Pê-lê cũng vậy, các vị thần đã ban cho Người những tặng phẩm lộng lẫy từ ngày Người ra đời. Người giàu có và hạnh phúc hơn mọi người khác, Người cầm đầu những người Miéc-mi-đông. Là một người trần, Người đã được Trời gả một vị nữ thần cho làm vợ. Nhưng ngay cả với Người, các vị thần cũng bắt phải chịu điều bất hạnh. Người chẳng sinh ra con đàn cháu đống ở trong cung điện của Người để chúng kế vị. Người chỉ sinh có được một đứa con và đứa ấy rồi đây cũng sẽ phải chết sớm. Còn ta, ta chẳng ở nhà để săn sóc tuổi già của Người; ta ở rất xa quê hương ta, ta ở đất Tơ-roa-át để gây

(1) Zeus Tonnant.

đau khổ cho cụ và cho đàn con của cụ! Còn cụ, hỡi cụ già! lẽ nào cụ không hiểu được ư? Cụ vừa mới đây là người hạnh phúc. Trong những xứ sở ở gần biển, Le-xbốt, nơi ở của Ma-ca, xa hơn nữa là đất Phri-gi và Hen-le-xpông bao la, cụ hơn cả mọi người về của cải và con cháu. Và giờ đây những người con của Trời đã đưa đến cho cụ điều bất hạnh. Khắp nơi quanh đô thành của cụ, đâu đâu cũng là cảnh giao tranh và giết chóc. Thôi cụ hãy chịu đựng số phận của mình đừng than khóc mãi trong tâm hồn nữa. Cụ chẳng được gì khi cứ khóc mãi đưa con trai. Cụ chẳng thể làm con cụ sống lại được đâu mà lại có thể chuộc thêm vào mình những nỗi bất hạnh mới"⁽¹⁾.

Cụ già Pri-am sánh tựa các thần, đáp:

"... Không, hỡi người con trai của Dớt! xin ngài đừng mời ta ngồi xuống ghế khi Héc-to vẫn còn nằm nguyên phoir mình trong lều của ngài, không một ai chăm sóc cả. Thôi, tốt hơn cả là xin ngài trao ngay nó cho ta, để ta nhìn thấy nó tận mắt. Về việc này, xin ngài hãy nhận lấy món của chuộc của chúng tôi đem đến dâng ngài. Cầu mong cho ngài được hưởng số của đó và trở về được đến quê hương của ngài!, vì ngài đã để cho ta sống và nhìn thấy ánh sáng mặt trời".

(1) *Paul Mazon*: tu risques au lieu de ressusciter, de t'attirer quelque nouveau malheur. *Leconte de Lisle*: Tu ne feras point revivre ton fils par tes gémissements. Crains plutôt de subir d'autres maux.

A-khin có đôi chân nhanh, mắt tối sẫm, nhìn cụ già nói:

"... Này cụ già ơi! cụ đừng làm ta nổi giận. Chính ta cũng đã nghĩ đến việc trao trả Héc-to lại cho cụ. Một vị nữ thần, người truyền tin của Dót, đã đến ta. Đó là người mẹ đã sinh ra ta, người con gái của vị thần Già của biển. Và lý trí của ta, cụ Pri-am ạ, giúp ta hiểu khá rõ - ta không hề bị nhầm lẫn đâu - rằng có một vị thần đã dẫn cụ đến những con thuyền nhanh của những người A-kê-en, vì không một người trần thế nào, dù có đầy sức mạnh, lại dám đến doanh trại của ta; không một ai lọt qua được đám quân canh của ta; không một ai có thể mở dễ dàng cái gióng cửa của ta. Thôi, cụ đừng có gây cho ta thêm giận nữa khi ta đang có tang. Nếu không, ta có thể không để cho cụ ở yên trong lều ta, dù cụ có là kẻ cầu xin, và như vậy ta đã vi phạm luật lệ của Dót..."

A-khin nói vậy, và cụ già nghe nói, sợ hãi, tuân theo. Bỗng người con của Pê-lê nhảy vọt một cái như một con sư tử ra khỏi lều. Chàng không đi một mình, hai người lính hầu đi theo chàng, người anh hùng Ô-tô-mê-đông và An-ki-mơ, là hai người được chàng yêu hơn cả trong đám quân sĩ dưới trướng từ sau khi Pa-tơ-rô-clơ chết. Họ đi theo ách ở ngựa và la ra, họ đưa vị truyền lệnh, người hét to của cụ già⁽¹⁾, vào lều và mời ngồi xuống ghế. Từ chiếc xe có những bánh

(1) le bon crieur.

tốt, họ khâu xuống số của chuộc rất lớn để đổi lấy Héc-to⁽¹⁾. Tuy vậy, họ để lại hai tấm vải gai và một cái áo dài dệt khéo, vì A-khin muốn dùng những thứ đó để bọc cho thi hài của Héc-to khi chàng trao trả, để cho người ta đưa thi hài Héc-to về gia đình. Chàng gọi những nữ tù binh tới, sai họ rửa ráy cho xác chết. Nhưng trước hết, chàng đưa thi hài ra một chỗ xa để cho Pri-am không thấy. Rất có thể trong trái tim tủi cực của mình, cụ già Pri-am không kìm được nổi căm giận khi nhìn thấy con mình, và A-khin trong tâm hồn có thể vì thế mà nổi giận, giết chết cụ già. Như vậy tất vi phạm luật lệ của Dớt. Khi những người nữ tù binh đã rửa ráy và xúc dầu cho xác chết xong, đã quấn xác vào trong tấm áo dài và một tấm vải gai đẹp xong, thì A-khin đến. Chàng tự tay bê xác Héc-to lên và đặt vào một cái giường để cho những bạn hữu của mình khiêng tiếp ra chiếc xe nhẵn bóng. Thế rồi A-khin khóc nức nở, chàng khấn người bạn thân thiết của mình:

"... Pa-tơ-rô-clơ bạn ơi! Nếu ở tận đáy sâu thế giới của thần Ha-đét, bạn biết ta đã trả lại Héc-to thần thánh cho cha của hắn vì cha hắn đã đem dâng ta một món của chuộc danh dự, thì xin bạn đừng giận ta".

A-khin thần thánh nói vậy rồi trở về lều của mình. Chàng ngồi lên chiếc ghế được làm khéo léo để tựa

(1) prévue pour la tête Hector.

vào bức tường rồi từ ghế đó chàng đứng lên và nói với Pri-am:

"Cụ già ơi! Con cụ sẽ được trao trả như cụ mong muốn. Chàng nằm trên một chiếc giường. Khi bình minh toả sáng cụ sẽ thấy chàng và đưa chàng về nhà. Còn giờ đây chúng ta hãy tính đến chuyện ăn bữa tối. Ngay nữ thần Ni-ô-bê, nữ thần Ni-ô-bê có mái tóc đẹp, cũng phải nghĩ đến ăn, dù nữ thần phải chứng kiến ở ngay nhà mình cái chết của mười hai đứa con, sáu trai, sáu gái, đang tuổi thanh xuân. Thần A-pô-lông vì tức giận với Ni-ô-bê, đã giết những đứa con trai của nàng bằng cây cung bạc, còn những đứa con gái thì bị nữ thần Ác-tê-mít Người Xạ thủ, giết; bởi vì Ni-ô-bê dám tự coi mình đẹp ngang nữ thần Lê-tô. Ni-ô-bê nói, nữ thần Lê-tô chỉ sinh được có hai đứa con, còn mình thì sinh được rất nhiều. Nhưng chính hai đứa con này của Lê-tô đã giết sạch đàn con của Ni-ô-bê. Suốt chín ngày trời, chúng nằm phơi thây trên mặt đất, máu chảy đầm đìa, chẳng có một ai tới để chôn cất cho chúng cả, bởi vì người con của Crô-nốt đã biến tất cả mọi người thành đá. Nhưng đến ngày thứ mười, chính tay các vị thần, con của Trời, chôn cất cho chúng. Và Ni-ô-bê lúc đó đã phải nghĩ đến ăn đến uống bởi vì nàng đã khóc đến chán rồi. Còn giờ đây trong những hang động ở giữa những ngọn núi thẳng đứng cô đơn trên dãy Xi-pi-lơ, nơi mà, theo người ta nói, là chỗ ở của những nàng Nanh-phơ thần thánh; những nàng tiên này lúc nào cũng nhảy múa bên bờ sông

A-kê-lô-ốt, nữ thần Ni-ô-bê dù bị biến thành đá theo như ý định của các vị thần, vẫn rấm rứt đau khổ. Thế đấy, còn chúng ta nữa, cụ già ơi! chúng ta hãy tính đến chuyện đi ăn đi! Khi cụ đã đưa con cụ về tới thành I-li-ông, cụ có thể khóc nó cũng được. Hấn sẽ làm cụ khóc khôn nguôi".

A-khin chạy nhanh, nói vậy và chàng lập tức đứng lên, chàng đi chọc tiết một con cừu trắng. Các bạn chàng thì lột da cừu và pha thịt theo như định lệ. Họ cắt ra thành từng miếng rất thành thạo rồi xiên thịt vào những que và quay, nướng hết sức cẩn thận. Cuối cùng, họ lấy những xiên thịt ra khỏi bếp lửa. Trong khi đó Ô-tô-mê-đông lấy bánh trong những lẵng đẹp ra, bày lên trên mặt bàn, còn A-khin thì chia thịt. Mọi người đều đưa hai tay ra lấy phần thức ăn hảo hạng đã được dọn sẵn và dâng mời. Và khi họ đã xua đuổi được cái khát và cái đói đi rồi thì người con của Đác-đa-nốt, Pri-am, mới ngẩng nhìn A-khin. Cụ thấy, chao ôi! Hấn mới to lớn và mới đẹp làm sao! Nhìn cứ như là một vị thần ấy! Đến lần mình, A-khin cũng ngẩng nhìn Pri-am, con của Đác-đa-nốt, chàng chiêm ngưỡng phong thái cao thượng của cụ, chàng lắng nghe tiếng nói của cụ. Và sau khi hai người đã ngẩng nhìn nhau khá lâu, cụ già Pri-am sánh tựa các thần, là người trước tiên, bèn cất tiếng nói:

"... Hỡi người con của Dốt! xin ngài, giờ đây hãy ban cho ta một chiếc giường để ta đi ngủ. Chúng ta,

cả hai người, sẽ chẳng mấy chốc mà được hưởng lạc thú của một giấc ngủ êm dịu. Từ ngày con ta bị mất cuộc sống vì tay ngài, mi mắt ta chưa bao giờ khép xuống. Ta than khóc khôn nguôi và rấm rứt trong trăm nghìn nỗi buồn đau. Chỉ đến ngày hôm nay ta mới ăn chút ít và hớp một chút rượu vang màu lửa sẫm. Còn trước đó ta chẳng ăn uống gì. .."

Cụ nói vậy và A-khin lập tức ra lệnh cho các bạn mình cũng như những nữ tù binh kê cho cụ một chiếc giường ở chỗ cửa ngăn, trải lên đó những tấm chăn đỏ rồi phủ những tấm thảm lên trên và trên cùng là những tấm áo khoác bằng len dày để có thể đắp trùm kín người được. Những nữ tù binh ra khỏi buồng, tay cầm một bó thuốc và vôi vàng dọn hai chiếc giường. A-khin có đôi chân nhanh, với một giọng cười mở⁽¹⁾ nói với Pri-am:

"... Cụ già thân mến ơi! cụ ngủ ở ngoài ấy khiến ta e rằng trong số những người A-kê-en có một ai đó là người có tiếng nói trong Hội đồng, đến chơi đây thăm hỏi ta, bắt gặp, vì thường thường là như thế. Nếu người đó gặp cụ trong đêm nhanh và đen, họ tức khắc đi nói cho A-ga-men-nông người chặn dất mọi người, biết. Và thế là việc trao trả thi hài cho cụ sẽ bị chậm lại. Nhưng thôi, cụ hãy trả lời ta, cụ cứ nói thẳng tuột ra xem cụ muốn làm lễ tang cho Héc-to thần thánh

(1) d'un ton railleur, *Leconte de Lisle*: dit avec bienveillance.

bao nhiêu ngày. Ta muốn trong thời gian đó nghỉ ngơi và duyệt lại quân binh cơ ngũ".

Cụ già Pri-am sánh tựa các thần, đáp:

"Hỡi A-khin! Nếu ngài ưng thuận cho ta một thời gian để hoàn tất lễ tang cho Héc-to thần thánh thì ta xin tuân theo ý định của ngài⁽¹⁾. Ngài biết rõ đấy, hiện nay chúng tôi đang bị vây hãm trong thành! Gỗ thì ở rất xa, phải lên tận núi lấy đưa về và như thế những người Tơ-roa rất sợ. Chúng tôi phải làm lễ khóc trong cung điện chín ngày, đến ngày thứ mười mới hoả táng, sau đó dân chúng tôi sẽ dự một bữa tiệc lễ tang⁽²⁾. Ngày thứ mười một chúng tôi đắp cho Héc-to một nấm mồ. Ngày thứ mười hai chúng tôi mới sẵn sàng giao chiến".

A-khin thần thánh có đôi chân không mỏi, đáp lại:"

"... Hỡi cụ già Pri-am! mọi việc sẽ thực hiện đúng như điều cụ thỉnh cầu. Ta sẽ cho đình chiến đúng như thời gian cụ xin".

Nói xong điều đó, chàng cầm lấy cổ tay cụ để cho trong tâm hồn cụ không còn sợ hãi. Và chẳng mấy chốc, trong tiền sảnh, Pri-am và người truyền lệnh của mình, ngủ say, không hề động đậy, những người chỉ

(1) Si tu consens que j' achève les funérailles du divin Hector, tu m'obligerais Achille, en faisant ainsi. *Leconte de Lisle*: Si tu veux que je rende de justes honneurs au divin Hector, en faisant cela, Akhilleus, tu exauceras mon voeu le plus cher.

(2) notre peuple s'assiérait au banquet funèbre.

có trong trái tim những tư tưởng khôn ngoan. A-khin ngủ ở mãi tận trong cùng cái lều vững chãi của mình, ở đó nàng Bri-dê-it xinh đẹp vừa đến nằm xuống bên chàng.

Các vị thần và những người trần có những chiến xa tốt, ngủ như vậy suốt đêm. Họ đã bị giấc ngủ êm đềm chinh phục. Chỉ có mình Héc-mét, vị thần Nhân đức là không làm mỗi ngon cho giấc ngủ. Thần suy tính trong trái tim, làm thế nào để dẫn lão vương Pri-am đi xa khỏi những con thuyền thoát khỏi mắt của những quân canh thiêng liêng. Thần đứng ở phía trên trán của Pri-am và nói:

"Cụ già ơi! Từ khi A-khin ra ân cho cụ, cụ nằm ngủ giữa đám quân thù như thế này mà không tính đến nỗi nguy hiểm sao! Bây giờ cụ đã chuộc lại được con trai cụ và chuộc bằng một giá khá đắt, nhưng nếu A-tơ-ri-đơ A-ga-men-nông biết được việc này và nếu tất cả những người A-kê-en cũng biết, họ sẽ bắt sống cụ ngay. Như vậy những người con còn lại của cụ sẽ phải trả một số của chuộc ít ra là nhiều gấp ba lần món của chuộc cũ thì mới cứu sống được cụ".

Thần nói vậy khiến cụ già sợ hãi và cụ đánh thức người truyền lệnh dậy. Héc-mét đóng ngựa và đóng la vào xe của họ. Nhanh chóng, thần tự tay đánh xe đi qua doanh trại quân A-kê-en và không để một ai thấy được.

Khi họ đã tới chỗ cạn của con sông đẹp, của sông

Xăng-tơ cuộn sóng mà Dớt Bất tử là cha đẻ của nó thì thần Héc-mét liền quay trở về đỉnh núi Ô-lanh-pơ cao ngất. Và khi mà Rạng đông có tấm áo dài vàng óng, trải ra khắp trên mặt đất thì họ đánh ngựa vào thành vừa đi vừa than khóc nức nở. Chiếc xe la chở thi hài. Không một người đàn ông nào, không một người đàn bà có chiếc thắt lưng xinh đẹp nào, nhìn thấy họ, chỉ trừ có một người là nàng Cát-xăng-đơ sánh tựa nữ thần A-phrô-di-tơ vàng. Nàng đã trèo lên thành cao⁽¹⁾, nàng trông thấy cha mình đứng trên xe và người truyền lệnh, người hét to của đô thành, nàng trông thấy cả Héc-to nằm trên giường ở chiếc xe la nữa. Nàng than khóc và kêu văng lên khắp thành:

"Hỡi những người đàn ông Tơ-roa, đàn bà Tơ-roa! Lại đây, lại đây, xem Héc-to! Hãy lại đây đi, nếu các người chưa từng bao giờ có niềm vui được thấy Héc-to từ chiến trận còn sống trở về, vì chàng là niềm vui lớn của đô thành, của dân chúng".

Nàng nói vậy và không một người đàn ông nào, không một người đàn bà nào ở lại trong thành, vì một nỗi đau xót không thể gì nên chịu được đã thấm sâu vào mọi người dân thành Tơ-roa. Họ gấp gáp cổng thành người đưa thi hài Héc-to về. Vợ và người mẹ kính yêu của chàng đã có mặt ở đây và đến đây trước tiên. Họ bứt tóc, họ vạt mình xuống chiếc xe có bánh tốt, họ sờ vào đầu người chết. Một đám đông người

(1) Acropole.

vây quanh họ khóc than. Nếu từ trên xen cao, cụ già Pri-am không nói với mọi người như sau, thì họ đã ở lại đó than khóc Héc-to và nức nở trước cổng thành suốt ngày cho đến lúc mặt trời lặn:

"... Các người hãy để cho ta đánh la đi. Khi nào ta đưa Héc-to về nhà, các người sẽ được thoả thuê than khóc".

Cụ nói vậy và mọi người giãn ra nhường lối cho xe đi. Họ đưa Héc-to vào trong cung điện lộng lẫy của chàng, họ đặt chàng nằm trên một chiếc giường chạm trổ. Chung quanh giường họ sắp xếp những ca sĩ, những ca sĩ hát gọi rất thành thạo bài thán ca tang lễ. Và chính họ, với giọng khóc thương ai oán, cất lên tiếng ca, trong khi đó những người phụ nữ đáp lại họ bằng những tiếng khóc nức nở. Tiếp theo là nàng Ăng-đrô-mác có cánh tay trắng muốt, trong đám phụ nữ đến lần mình, cất tiếng khóc than. Nàng ôm lấy đầu Héc-to, kẻ sát nhân, kẻ lễ:

"... Chàng ơi!⁽¹⁾ chàng qua đời và chết đi lúc đầu xanh tuổi trẻ để lại em goá bụa ở nhà. Còn đứa con trai của chàng và em, chúng ta đã sinh nó ra, ôi, thật chúng ta mới bất hạnh làm sao! Nó còn bé dại quá và em chẳng tin rằng nó sống được đến lúc lớn khôn vì thành Tơ-roa của chúng ta sẽ bị triệt hạ trước khi nó trưởng thành. Còn giờ đây, chàng, người bảo vệ cho đô thành, người bảo vệ cho những người vợ cao quý

(1) Époux

và những đứa trẻ thơ ngây, chàng đã chết rồi. Sớm muộn rồi những người phụ nữ đó sẽ bị giải xuống những con thuyền trũng và cả em nữa, sẽ cùng bị giải đi với họ. Còn con nữa, con ơi! con bé bỏng của mẹ, hoặc con sẽ đi với mẹ để cùng làm với mẹ những việc hèn hạ và làm việc khổ sai dưới con mắt giám sát của một tên chủ bạo tàn, hoặc một người A-kê-en nào đấy nắm lấy con và lẳng con từ bờ thành cao xuống đất. Than ôi! cái kết thúc khủng khiếp! vì họ căm thù Héc-to đã giết của họ một người anh, một người cha, một đứa con và có biết bao bao người A-kê-en gục ngã dưới bàn tay của Héc-to, nằm phơi thây trên mặt đất bao la, và cũng bởi vì trong suốt cuộc giao tranh khủng khiếp cha con chẳng phải là người hiền. Và cũng chính vì thế mà mọi người dân ở thành này khóc thương cha con. Héc-to chàng ơi! chàng chết đi để lại cho cha mẹ một nỗi tổn thất lớn lao và biết bao đau khổ. Còn với em, cuộc đời từ đây chẳng có gì khác ngoài những nỗi buồn tủi đau thương. Vì khi qua đời, chàng đã chẳng nằm trên giường của mình, giang đôi cánh tay hấp hối⁽¹⁾ ra với em, chàng đã chẳng dặn dò em một đôi lời nghĩa nặng tình sâu⁽²⁾ để sau này mỗi khi ngày và đêm khóc chàng, em còn có thể nhớ lại".

Ăng-đrô-mác kể lể và khóc than như vậy, còn những người phụ nữ đáp lại nàng bằng những tiếng khóc nức

(1) les bras mourants.

(2) dit un mot chargé de sens.

nở. Tiếp theo là Hê-quy-bơ, đến lần mình, cất tiếng khóc than⁽¹⁾:

"... Héc-to con ơi! trong tất cả những đứa con của mẹ thì con là đứa thân thiết nhất với trái tim của mẹ. Mẹ được biết khi còn sống, con đã từng được các vị thần sủng ái, còn khi cái chết định mệnh đến với con, các vị thần cũng quan tâm lo lắng đến con. Tất cả những đứa con trai khác của mẹ bị A-khin có đôi chân nhanh, bắt, đều bị hấn đưa đi qua biển khơi bao la, đưa tới Xa-mốt, tới Im-brốt, tới Lem-nốt đất Bốc khói⁽²⁾ đem bán. Còn con, sau khi kết liễu đời con bằng ngọn lao đồng có lưỡi dài, hấn đã kéo con trăm lần quanh ngôi mộ của Pa-tơ-rô-clơ, bạn thân của hấn, người mà con đã giết chết, nhưng chẳng phải vì thế mà hấn làm sống lại được bạn hấn đâu. Và còn con, thế đấy, con ơi! hôm nay con lại nằm trong nhà của con khi sắc tươi tốt, dường như cuộc sống vừa mới từ bỏ con, giống như một người vừa bị thần A-pô-lông bắn những mũi tên êm dịu xuống..."

Cụ kể lể và khóc than như vậy và cụ lại khơi lên những tiếng khóc than không dứt. Hê-len là người thứ ba đến lần mình cất tiếng khóc than⁽³⁾:

"... Héc-to anh ơi! trong những người anh chồng, anh là người thân thiết nhất với trái tim em. Em chẳng hề quên chồng em là chàng A-lếch-dăng-đrơ

(1) donne le signal d'une longue plainte.

(2) Lemnos la Fumante, *Leconte de Lisle*: la barbare Lemnos.

(3) donne le signal des plaintes.

sánh tựa các thần, đã đưa em tới đất Tơ-roa. Ôi, sao mà em chẳng sớm chết đi cho khỏi phải thấy cảnh này! Kể từ ngày em tới đất này, kể từ ngày em rời bỏ quê hương, đã hai mươi năm trôi rồi, nhưng chưa hề bao giờ em nghe thấy anh buông một lời nói độc ác và cay nghiệt đối với em. Ngược lại, nếu có ai trong cung điện này, trông số những anh chồng em hoặc các chị, hoặc những người đàn bà có chiếc khăn đẹp và ngay cả mẹ chồng em nữa, chê trách em. - còn bố chồng em thì đối xử với em dịu dàng như cha đẻ, - thì chính anh là người can ngăn họ, khuyên nhủ họ bằng những lời lẽ, bằng sự hiền từ, bằng những lời bảo ban ân cần. Em khóc cả cho số phận của em với một trái tim tủi cực sao mà cũng bất hạnh như anh! Từ nay trở đi, chẳng còn ai ở đất Tơ-roa-át rộng lớn này đối xử với em hiền từ và thân ái nữa, ai ai cũng tỏ ý ghét bỏ em".

Nàng kể lễ và than khóc như vậy và cả đám đông dân chúng đều than vãn theo. Tiếp đó, cụ già Pri-am nói với mọi người như sau:

"... Hỡi những người Tơ-roa! Giờ đây các người hãy đi lấy củi về thành! Trái tim các người đừng lo sợ một cuộc phục kích thâm độc của người Ác-gốt. A-khin khi từ già ta ở chỗ những con thuyền đen, đã cho ta biết, trước khi rạng đông thứ mười hai trở lại, hắn sẽ không làm điều gì xấu đối với chúng ta..."

Cụ nói vậy và mọi người đóng bò, đóng la vào xe rồi nhanh chóng tụ tập lại trước thành. Trong vòng chín ngày họ đưa củi về chất thành đống. Nhưng đến

khi rạng đông lần thứ mười xuất hiện, ngời sáng lên trong đôi mắt của những người trần thế, họ, nước mắt tuôn trào, đưa xe chở thi hài của Héc-to dũng cảm từ trong thành ra. Họ đặt Héc-to lên dàn củi rồi châm lửa.

Và sáng hôm sau, khi rạng đông có những ngón tay hồng, xuất hiện thì dân chúng đã đến tụ tập quanh dàn củi thiêu đốt thi hài Héc-to danh tiếng. Khi mọi người đã ở cả đó, hình thành hội nghị thì họ mới bắt đầu dập tắt ngọn lửa bằng rượu vang màu lửa sẫm, họ dập tắt ở bất cứ chỗ nào mà ngọn lửa hung tàn đã tung hoành. Tiếp đó, anh em và bạn bè đi theo lượm xương trắng. Mọi người đều khóc, những giọt nước mắt to của họ chảy giàn giụa trên má. Họ nhặt những xương đó bỏ vào một cái tiểu vàng rồi phủ lên những tấm vải mềm màu đỏ. Sau đó, không chậm trễ họ hạ tiểu xuống đáy huyết và dựng lên trên đó một chiếc giường ghép khít bằng những tảng đá rộng. Họ làm thật nhanh tay. Họ rải đất đắp một nấm mồ và cử quân lính gác quanh mồ vì e sợ rằng những người A-kê-en quân xạ cấp tốt, đến tấn công trước. Và khi đất rải ra và đắp lên đã thành một nấm mồ, họ trở về thành, tụ tập lại ngồi quanh bàn tiệc vẻ vang trong nhà Pri-am, vị vua do Dớt sinh ra.

Họ cử hành tang lễ cho Héc-to kẻ luyện thuần ngựa cái, là như vậy.

Ô-ĐI-XÊ

KHÚC CA I - Các vị thần trên núi Ô-lanh-phơ họp bàn về số phận của Uy-li-xơ. Nữ thần A-têna trách thần Dớt đã đối xử bất công đối với Uy-li-xơ. Thần Dớt quyết định cử thần Héc-mét xuống đảo Ô-gghi-di truyền cho nữ thần Ca-líp-xô phải thả Uy-li-xơ.

... Tất cả những người anh hùng khác, những ai đã bảo toàn được tính mạng, đã thoát khỏi chiến tranh và sóng cả thì đều đã ở nhà. Nhưng chỉ còn lại có một mình Uy-li-xơ là lúc nào cũng mong muốn được trở về quê hương và gặp lại người vợ của mình, bởi vì một nữ thần Nanh-phơ uy nghiêm đã giam giữ chàng trong một động sâu của những hang của mình, Ca-líp-xô, vị nữ thần rất mực thần thánh nóng lòng muốn được kết nghĩa vợ chồng với chàng.

Cả khi đến hạn đến kỳ, đến năm đến tháng⁽¹⁾, lúc mà các vị thần quyết định cho chàng trở lại gia đình, trở lại với quê hương I-ta-cơ của chàng trong vòng tay của những người thân thiết, đời chàng cũng không hết gian truân. Tất cả các vị thần đều ái ngại cho chàng, chỉ trừ có một vị thần, thần Pô-dê-i-đông, là vẫn để

(1) Même quand vint l'année du cycle révolu.

cho lòng căm ghét đeo đuổi chàng Uy-li-xơ thần thánh mãi cho đến tận khi chàng về tới mảnh đất quê hương.

Vào lúc thần Pô-dê-i-đông đi sang xứ sở của những người Da đen⁽¹⁾ xa lắc, những người Da đen ở tận nơi cùng trời cuối đất của loài người; họ sống phân thành hai vùng, một vùng ở tận nơi mặt trời lặn, còn một ở tận nơi rạng đông. Thần sang đó dự một lễ hiến tế gồm bò mộng và cừu non, vui vầy trong bàn tiệc. Nhưng các vị thần khác lại hội họp trong cung điện của thần Dớt. Trước các thần, vị chúa tể của ngọn núi Ô-lanh-pơ cất tiếng nói. Vị Cha của các thần và người trần thế nghĩ tới chàng Ê-gi-xơ lỗi lạc bị O-re-xơ giết chết. Chiến công đó của người con của A-ga-men-nông đã được mọi người ca ngợi. Nhớ lại tất cả những điều đó, Dớt nói với các vị thần Bất tử như sau:

"... Ôi, thật là khổ! Hãy nghe những người trần thế quy kết mọi nguyên do vào các vị thần! Họ bảo chính là tại chúng ta mà biết bao tai hoạ đã xảy ra với họ. Còn họ thì thật ra chỉ vì sự ngu ngốc của bản thân mình nên đã làm tăng thêm những nỗi bất hạnh mà số phận đã sắp xếp. Như cái tên Ê-gi-xơ kia đấy, hắn đã làm cho số phận hắn bất hạnh thêm vì hắn muốn lấy vợ của A-tơ-ri-đơ và giết người anh hùng ngay khi người đó vừa mới trở về. Cái chết đã đến với hắn, hắn

(1) *Victor Bérard dịch là les Nègres và chú thích: những người cổ đại gọi là Aithiopes, nghĩa là "Mặt Cháy nắng". (Visages Brulés). Léconte de Lisle: Aithiopiens.*

biết điều đó. Còn chúng ta, chúng ta đã báo trước cho hần, đã cử thần Héc-mét người dò la kiệt xuất⁽¹⁾, đến để ngăn chặn hành động quynh rũ vợ và giết vua, để báo trước cho hần biết A-tơ-ri-đơ sẽ trồng cây vào con trai để làm người trả thù, khi, sau này O-re-xơ lớn lên, nhớ đến quê hương. Héc-mét người khuyên nhủ tốt, nói y như lệnh của ta. Nhưng chẳng gì làm mềm yếu được những dục vọng của Ê-gi-xơ. Còn giờ đây chỉ một đòn thôi là hần đã phải đến tội...".

A-tê-na vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đáp lại:

"... Hỡi người con của Crô-nốt, cha của con, vị Vua tối cao! Tên Ê-gi-xơ chết là phải lắm! Còn kẻ nào muốn bắt chước hần thì cứ phải chết như hần! Nhưng còn con nếu con có trái tim bị rạn nứt thì đó chỉ là vì Uy-li-xơ, vì con người hiền minh đó đã bị số phận dập vùi, xa người thân thích, lại tiếp tục phải chịu đau khổ trong một hòn đảo có đôi bờ. Trên cái rốn⁽²⁾ này của những biển khơi, ở mảnh đất có cây cối đó, có một vị nữ thần ở, một người con gái của thần Át-lát, vị thần có tư tưởng độc ác, am hiểu tường tận những vực sâu của biển cả và chỉ có mình thần lo chống giữ bằng những cột cao để ngăn cách trời và đất. Người con gái của vị thần đã giam giữ chàng Uy-li-xơ bất hạnh đó

(1) un guetteur rayonnant, *Leconte de Lisle*: le vigilant tueur d'Argos.

(2) nombril.

khiến chàng phải than khóc. Nàng luôn luôn dùng những lời lẽ ăm ái, yêu đương với ý muốn trút xuống chàng niềm quên lãng đối với quê hương I-tác. Nhưng chàng, chàng chỉ mong muốn một ngày kia được nhìn thấy những làn khói bốc lên từ mảnh đất quê hương. Chàng chỉ còn mong cái chết... Cha ơi! trái tim của cha, vị vua của ngọn núi Ô-lanh-pơ, lẽ nào lại không xúc động? Chẳng phải đã có lúc Uy-li-xơ và những lễ vật của chàng, hồi ở vùng đồng bằng Tơ-roa bên những con thuyền của xứ Ác-gốt, đã được cha để mắt nhìn nhận. Vậy thì sao mà đến ngày hôm nay, cũng chàng Uy-li-xơ ấy lại bị cha ghét bỏ đến thế".

Dứt người đồn mây, đáp lại nữ thần A-tê-na như sau:

"... Con gái ta ơi! Lời lẽ nào mà lại thoát ra khỏi hàng rào của răng con như vậy⁽¹⁾. Làm sao mà ta lại có thể quên được chàng Uy-li-xơ thần thánh ấy, người mà trong hết thấy những người trần thế, hơn cả về trí tuệ và những lễ hiến tế mà chàng luôn luôn dâng cúng cho các vị thần, những người chủ của những cánh đồng của bầu trời⁽²⁾. Nhưng không, chính là thần Pô-dê-i-đông, người chủ của mặt đất, đấy. Thần tức giận điên cuồng vì muốn trả thù cho tên Ki-clốp, gã Pô-li-phem thần thánh, mà sức mạnh của hắn hơn hẳn những tên Ki-clốp khác, đã bị Uy-li-xơ chọc mù mắt.

(1) Quel mot s'est échappé de l'enclos de tes dents.

(2) des champs du ciel.

Mẹ gã Pô-li-phem là nàng Nanh-phơ Thô-ô-da, con gái của thần Phoóc-kit, một trong những vị thần - người khuyển nhũ⁽¹⁾ của biển khơi không sinh nở⁽²⁾. Nàng đã ái ân với thần Pô-dê-i-đông trong động sâu của những hang của mình và sinh ra Pô-le-phem. Từ ngày đó, Pô-dê-i-đông vị thần Lay chuyển mặt đất, không bắt Uy-li-xơ phải chết nhưng bắt chàng phải xa hòn đảo của chàng. Nhưng thôi, các vị thần đã ở đây, chúng ta hãy quyết định việc trở về của chàng! chúng ta hãy tìm cách giúp chàng! Pô-dê-i-đông sẽ phải kìm giữ mối hằn thù của mình lại, thần không thể đương đầu lại với những vị thần Bất tử, không thể một mình giao tranh với các vị thần, không thể làm ngược lại ý định của các thần..."

A-tê-na, nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đáp:

"... Hỡi người con của Crô-nốt, cha của con, vị vua tối cao!, nếu những vị thần nơi cực lạc giờ đây phán quyết cho Uy-li-xơ người khôn ngoan rất mực trở về gia đình chàng, thì chúng ta hãy không chậm trễ phải ngay Héc-mét, người truyền lệnh kiệt xuất của cha, tới hòn đảo ở đại dương. Thần sẽ đi thật nhanh tới đó nói cho nàng Nanh-phơ có mái tóc quăn biết lệnh bất di bất dịch của các vị thần là phải để cho Uy-li-xơ trở về và nói cho nữ thần biết vì sao mà trái tim lớn đó phải trở về. Còn con sẽ đến đảo I-ta-cơ tìm con trai

(1) un des dieux - conseillers.

(2) mer inféconde. *Leconte de Lisle*: mer sauvage.

của chàng và khích lệ nó. Con muốn đặt vào trái tim nó lòng mong muốn triệu tập những người A-kê-en tóc dài đến quảng trường, lòng mong muốn tuyên bố một lời⁽¹⁾ với bọn cầu hôn hàng ngày vẫn giết những đàn cừu và đàn bò sừng cong có dáng đi vạm vỡ, của nó. Tiếp đó con sẽ đưa nó đến Xpác-tơ, đến Pi-lốt của những bãi cát, để hỏi tin tức, nếu có thể được, về việc trở về của cha nó và làm cho nó cũng đạt được danh thơm trong những người trần thế...".

Nói xong, nữ thần buộc vào chân đôi dép đẹp nhất của mình và ra đi. Từ những đỉnh cao của núi Ô-lanh-pơ nàng lao xuống, rồi đi bộ trên đất I-ta-cơ đến trước cổng nhà Uy-li-xơ. Đứng ở ngưỡng cửa ngoài sân, tay cầm lao đồng, nữ thần giống như một vị khách. Mọi người có thể bảo đó là Măng-tét, vị thủ lĩnh⁽²⁾ của xứ Ta-phốt.

Nàng gặp bọn cầu hôn điên dại ở nơi đây. Chúng đang ngồi trước cửa đánh bạc trên tấm da những con bò mộng bị tay chúng giết. Trong khi đó những người đầy tớ⁽³⁾ đang chặt thịt hoặc đang hoà rượu vang với nước lã trong những cái bình hoặc rửa bàn bằng những miếng bọt biển có nghìn lỗ, để rồi kê bàn trước mặt khách.

Trước hết tất cả mọi người, Tê-lê-mác có khuôn mặt

(1) signifier un mot

(2) doge.

(3) servants-coureurs

của thần, là người trông thấy nữ thần. Chàng đang ngồi giữa bọn cầu hôn nhưng tâm hồn thì sầu não. Chàng nhìn thấy cha mình trong trái tim mình, người anh hùng!... nếu như Người có thể trở về, nắm lại trong tay quyền thế, cai quản trong ngôi nhà của mình. Tê-lê-mác mơ tưởng ở giữa bọn cầu hôn. Nhưng chàng trông thấy nữ thần A-tê-na và vội chạy thẳng ngay ra ngoài cổng. Chàng có vẻ khó chịu vì thấy để một người khách phải đứng đợi trước cửa lâu như thế. Đi đến gần nữ thần, chàng dừng lại, cầm lấy bàn tay phải nữ thần, đỡ lấy ngọn lao đồng và cất cao giọng nói những lời có cánh sau đây:

"... Hỡi vị khách của ta! xin kính chào ngài! Ngài đã đến nhà chúng tôi, ngài sẽ được tiếp đón. Trước hết xin mời ngài ăn bữa trưa, sau đó ngài sẽ cho chúng tôi biết sự cần thiết nào đã đưa ngài đến⁽¹⁾".

Chàng nói vậy và dẫn nữ thần đi. A-tê-na bèn đi theo chàng. Khi họ đã vào trong ngôi nhà cao to, chàng đi ra, đem cây lao dựng vào trong giá để vũ khí sáng loáng của một cây cột lớn, trên giá này đã từng để nhiều ngọn lao của chàng Uy-li-xơ dũng cảm. Chàng luôn luôn đưa dẫn nữ thần, chàng mời nữ thần ngồi xuống một chiếc ghế bành trên phủ một tấm vải mịn. Còn phần mình, chàng lấy một chiếc ghế màu sắc rực rỡ đặt ngồi xa bọn cầu hôn. Chàng lo ngại thái độ xác

(1) tu nous diras le besoin qui t'amène. *Leconte de Lisle*: tu nous diras ce qu'il te faut.

láo và sự ồn ào, những nhiễu của bọn cầu hôn có thể làm khó chịu vị khách của bữa tiệc.

Một nữ tỳ mang đến một chiếc bình bằng vàng, đẹp hết sức, dội nước cho họ rửa tay trong một cái chậu bạc rồi kê một chiếc bàn nhẵn bóng trước mặt họ. Một nữ quản gia phúc hậu đến, mang theo bánh mì và đặt bánh lên trước mặt họ, tiếp đến người đầu bếp - chặt thịt⁽¹⁾ bê những mâm thịt đủ loại, mời họ và đưa cho họ những cốc vàng. Một người truyền lệnh vội vã đi đến rót rượu mời họ uống.

Thế rồi đến bọn cầu hôn điên cuồng đi thành một hàng vào nhà. Chúng ngồi vào ghế bành về ghế nhỏ⁽²⁾ Những người truyền lệnh dội nước cho chúng rửa tay còn những người đàn bà thì chất bánh vào lẵng. Và mỗi người đưa tay ra nhận phần thức ăn hảo hạng đã được dọn sẵn và dâng mời.

Khi đã ăn uống no say, trái tim của bọn cầu hôn chẳng còn mong muốn gì khác ngoài chuyện ca hát và nhảy múa, những đồ trang sức của bữa tiệc. Người truyền lệnh đặt vào tay Phê-mi-ốt chiếc đàn ki-ta-rô đẹp nhất để cho ông hát trước bọn chúng, nhưng hát rất miễn cưỡng.

Sau một đoạn dạo nhạc, a-e-dơ mở đầu, cất tiếng hát véo von. Để cho không ai nghe thấy, Tê-lê-mác ghé

(1) le maitre - tranchant.

(2) siège.

đầu vào nữ thần Trinh tiết có đôi mắt sáng xanh lục⁽¹⁾, nói:

"... Hỡi quý khách thân mến! ta nói điều này ngài có giận ta không? Ngài xem bọn người này đây, chúng chỉ lo toan có thể, ca hát và đàn sáo! Điều ấy hẳn là thích hợp với chúng quá mà! Chúng sống vào tài sản của người khác, ăn uống bữa bãi lương thực của một người anh hùng mà xương trắng đã mục nát vì gió mưa, vương vãi ở bờ bến nào hay lăn lóc dưới làn sóng biển. Ôi! nếu ở quê hương I-ta-cơ của Người, bọn cầu hôn thấy Người trở về thì chúng sẽ đem cho đi tất cả những kho tàng nặng nhất, đầy vải vóc và bạc vàng để đổi lấy những đôi chân thật là nhanh, nhẹ. Nhưng đúng là Người đã chết rồi và chết khốn khổ. Ta chẳng còn hy vọng gì dù có một người nào trên thế gian này đến với ta, báo cho ta biết Người đang trở về... Ngày trở về! Không! với Người điều ấy không có nữa. Nhưng thôi, xin ngài hãy trả lời ta, không giấu giếm, từng điều một: tên ngài là gì? ngài thuộc dân tộc nào? đô thị nào? dòng giống nào? Có phải đây là lần đầu ngài tới đất nước của chúng tôi không? hay có lẽ đúng hơn ngài là khách của cha ta, phải không?, vì xưa kia đã có bao nhiêu vị khách lui tới nhà ta và bản thân Người, Người đã từng đi thăm đó đây, là khách của mọi người..."

A-tê-na vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đáp:

(1) la Vierge aux yeux pers.

"... Được, ta sẽ trả lời anh, chẳng hề giấu giếm. Ta tên gọi là Măng-tét, ta tự hào là con trai của Ăng-ki-la-ốt khôn ngoan, và ta là người cầm đầu những người chèo thuyền giỏi của đất Ta-phốt. Ta vừa mới đến đây như anh thấy đây, ta có con thuyền và bầu bạn đi theo. Trên những con sóng màu rượu vang, ta đi Tê-mê-xa, nơi mà người ở đó thuộc một tiếng nói khác, để đổi một chuyến hàng sắt sáng loáng lấy đồng. Thuyền của ta bỏ neo xa đô thành, ở tận cánh đồng dưới khu rừng của núi Nê-i-ông thuộc bến Ra-vin. Từ thuở xa xưa, chúng ta đều là khách của gia đình nhau, ai ai cũng là khách lẫn của nhau cả. Chúng ta có thể tự hào với nhau như thế. Anh có thể hỏi lão anh hùng La-éc-tơ về cuộc hành trình đầu tiên của cụ, thì biết rõ. Bởi vì người trong thành này bảo ta, cụ không bao giờ vào thành nữa. Cụ sống ở thôn quê trong cánh ẩn dật và nổi buồn phiền; một bà già lo cơm nước cho cụ khi tay chân cụ đã mỏi vì làm việc hồi lâu trên ruộng nho... Còn ta, ta đến đây vì ta nghe nói cha anh đã trở về rồi. Nhưng ta đoán chắc các vị thần đã cản trở đường về của Người chứ không phải Uy-li-xơ của chúng ta đã chết rồi đâu. Người vẫn ở thế giới này và đang còn sống, nhưng bị cầm tù ở tận đầu cùng của biển khơi trong một hòn đảo có đôi bờ hoặc trong tay một thổ dân độc ác và man rợ nào đó, đã dùng vũ lực giữ Người lại. Anh có muốn một vị thần nào gieo vào trái tim ta lời sấm truyền không? Ta chẳng phải một nhà tiên đoán cũng không phải người am hiểu các điềm báo. Nhưng Uy-li-xơ sẽ trở về quê hương của cha mẹ

mình dù Người có bị trói bằng một dây xiềng bằng sắt. Người sẽ trở về vì Người có biết bao mưu kế! Nhưng thôi, bây giờ đến lượt anh, anh hãy nói cho ta biết, không giấu giếm, nói từng điều một: có phải anh đích thực là con của Uy-li-xơ không. Ừ! Uy-li-xơ đã có con trai lớn thế này sao! Cứ như là Uy-li-xơ đang đứng ngay trước mặt ấy: từ cái đầu đến đôi mắt sáng, đẹp này, anh giống cha như hệt ấy! Bởi vì xưa kia, trước khi Người đổ bộ lên đất Tơ-roa cùng với các vị thủ lĩnh xứ Ác-gốt, ra đi trong lòng của những con thuyền của họ, thì chúng ta thường đi lại, lui tới thăm nhau. Nhưng từ ngày đó ta chẳng được gặp Uy-li-xơ và Người cũng chẳng gặp lại ta...".

Một cách chững chạc, Tê-lê-mắc nhìn nữ thần và nói:

"... Vâng, thưa quý khách, ta sẽ trả lời ngài không giấu giếm. Liệu ta có phải là con của Người không? ... Mẹ ta bảo, ta đúng là con của Người! Nhưng còn ta thì ta chẳng biết. Có một dấu hiệu gì đâu để cho một đứa con nhận ra cha của nó! Chao ôi! sao ta lại không là con của một người trần thế hạnh phúc nào đó, người này đang chờ đợi tuổi già trên gia sản của mình! Nhưng người bất hạnh nhất trong tất cả mọi người, trong tất cả những người trần thế, lại là, thế đấy, như mọi người thường nói, là cha ta, người mà ngài muốn biết...".

A-tê-na vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đáp:

"... Anh đừng có nghĩ rằng các vị thần đã khước từ một dấu hiệu cho dòng dõi nhà này, khi Pê-nê-lốp đã sinh ra một đứa con trai như thế!... Nhưng này, đến lần anh, anh hãy nói cho ta không giấu giếm, nói từng điều một: tại sao lại có bữa tiệc này? ... và vì sao mà đám người này đến đây? anh cần gì ở bọn họ? anh mời họ ăn bữa trưa ư? hay tiệc cưới? Rõ ràng chẳng phải là chuyện góp phần ăn tiệc. Nhưng ta xem ra thì bọn người này chèn chèn dưới mái nhà của anh coi bộ xác láo quá! Trước một cảnh quá quắt như vậy chỉ vừa mới gặp, liệu có người lịch thiệp⁽¹⁾ nào mà lại không nổi giận? ..."

Một cách chừng chạc, Tê-lê-mác nhìn nữ thần và nói:

"...Thưa quý khách, vì ngài muốn biết nên ngài mới hỏi ta, bởi vậy ta xin kể rõ: Xưa kia vào cái thời mà người anh hùng còn sống ở quê nhà thì nhà này còn giàu có và rất nền nếp. Ngày nay thật ngược đời, nghịch cảnh⁽²⁾, vì các vị thần đã phán quyết, các vị muốn chúng tôi phải lâm vào cảnh bất hạnh nên các vị đã làm cho Người trở thành kẻ biệt tăm biệt tích trong những người trần. Chao ôi! cái chết của Người, phải, cái chết đó sẽ bớt ác nghiệt hơn đối với ta, nếu như ta biết được Người đã chết cùng với anh em bạn hữu ở đất nước của người Tơ-roa. Bởi vì chết giữa

(1) homme de taci.

(2) quel revers.

những người Pa-na-kê-en, Người sẽ có được một năm mỗ và Người sẽ để lại cho con trai Người một vinh quang to lớn biết nhường nào! Nhưng ngài thấy đấy, những Hác-pi đã bắt Người đi và Người chẳng có vinh quang. Người đã ra đi vào cõi vô hình vô ảnh và biệt tích biệt tăm chỉ còn để lại cho ta nỗi đau thương và những dòng nước mắt. Còn khi ta than khóc thì chẳng phải chỉ than khóc cho số phận của Người vì các vị thần đã bày sẵn cho ta nhiều nỗi đau buồn thảm thương hơn nữa. Tất cả những thủ lĩnh vốn cai trị trên các đảo của chúng tôi ở Đu-lu-ki-ông, ở Xa-mê, ở Dăng-tơ có rừng cây⁽¹⁾ và tất cả những tiếm vương⁽²⁾ cai quản những ngọn núi của hòn đảo I-ta-cơ của chúng tôi, tất cả đều tán tỉnh mẹ ta và ăn uống ở nhà ta. Còn mẹ ta thì không khước từ nổi một cuộc hôn nhân mà bà kinh tởm nhưng cũng không dám đoạn tuyệt với tình cảnh đó. Ngài thấy bọn chúng đấy, chúng ăn xài phá phách tài sản của chúng tôi thật tàn tệ. Tình cảnh này rồi ra sớm muộn chúng cũng đến cần xé nốt cả cái thân ta nữa thôi!...".

A-tê-na, với một giọng đầy tức giận, đáp lại:

"... Ôi! thật khôn khổ! Chỉ vì việc Uy-li-xơ vắng nhà mà anh bị lâm vào cái cảnh rối ren này đây thôi. Nếu Người mà ở nhà, tự tay Người sẽ trị tội lão xược của bọn chúng. Ta tưởng như thấy Người, hôm nay đây,

(1) Zante la forestière.

(2) les tyranneaux.

trở về ngôi nhà này, đứng ở ngay ngưỡng cửa đầu tiên, mũ đội trên đầu, khiên và hai ngọn lao trong tay, giống như khi Người ở nhà ta, uống rượu, lòng đầy hoan hỉ; như hồi xưa khi Người gặp ta lần đầu lúc ở Ê-phia trở về. Thuở ấy, có một hôm trên chiếc thuyền của mình, Uy-li-xơ đến xin I-lốt, con trai của Méc-mê-rốt, một liều thuốc độc giết người vì Người muốn nhúng những mũi tên đồng của Người vào thuốc đó. Nhưng I-lốt từ chối, viện đến lòng kính trọng các vị thần muôn đời sống mãi. Nhưng cha ta rất mực yêu mến Người và cụ đã đem cho Người thuốc đó... Ước gì Người trở về, chàng Uy-li-xơ ấy, để nói chuyện với bọn cầu hôn! Bọn chúng, cuộc đời sẽ ngắn đi và sẽ được những đám cưới cay đắng. Nhưng thôi, chúng ta hãy để chuyện đó trên đầu gối các vị thần⁽¹⁾, những chuyện Người có trở về cung điện này không, có trả thù được không hay là bọn cầu hôn vẫn không bị trừng phạt... Còn ta, ta sẽ chỉ dẫn cho anh làm thế nào để anh đuổi được bọn cầu hôn đi khỏi nơi đây... Vì thế anh cần phải thấu hiểu và cân nhắc những lời nói của ta. Ngày mai anh sẽ triệu tập hội nghị những người A-kê-en, anh hãy nói với họ, với tất cả mọi người ý định của anh và viện các thần ra để chứng giám, rằng anh muốn tất cả bọn cầu hôn hãy trở về nhà của chúng, mỗi ngày hãy về nhà của mình. Còn mẹ anh, nếu trái tim bà thúc đẩy bà phải kết hôn thì xin bà hãy trở

(1) *laissons tout cela sur les genoux des dieux. Leconte de Lisle: Mais il appartient aux dieux de décider.*

về nhà cha đẻ. Cụ ở nhà có đủ của cải để đón mẹ anh. Còn anh, ta đã nghĩ kỹ, anh hãy lắng nghe lời khuyên của ta! Anh hãy lo liệu lấy một con thuyền tốt nhất có hai mươi tay chèo để đi dò hỏi tin tức về cha anh mà từ bấy lâu không còn tung tích. Anh hãy hỏi những người trần thế hoặc lượm lặt của thần Dót một trong những lời đồn đại vốn đầy dẫy ở thế gian này. Sau đó anh đến thăm nhà cụ Ne-xto thần thánh ở Pi-lốt rồi đến Xpác-tơ hỏi Mê-nê-lát tóc vàng. Ông ta là người cuối cùng trong số những người A-kê-en mặc áo giáp đồng, trở về đây!... Nếu đó đây người ta cho anh biết, cha anh còn sống và sẽ trở về, thì anh phải chờ đợi mất một năm nữa mặc dù anh đã cố gắng hết sức rồi. Nhưng nếu được tin cha anh đã mất, thì anh phải trở về ngay quê nhà để đáp cho Người một ngôi mộ với tất cả những lễ tang trọng thể xứng đáng với Người. Sau đó anh hãy cho mẹ anh đi lấy chồng... Làm xong những nghĩa vụ đó, anh sẽ thấy trong trái tim anh và tâm hồn anh việc phải giết bọn cầu hôn trong cung điện như thế nào, giết bằng mưu hay giết bằng sức? Hãy vứt bỏ đi những trò chơi của trẻ con! Tuổi của anh chẳng phải là tuổi của những thứ đó. Anh có biết không, trong những người trần thế có chàng O-re-xơ thần thánh, tiếng tăm lừng lẫy? Chàng nhân danh là con, đảm nhận nghĩa vụ trả thù, chàng đã giết cái tên Ê-gi-xơ giáo quyết đó, là kẻ đã giết người cha cao thượng nhất của chàng. Còn anh, chàng trai yêu dấu đẹp đẽ và cao lớn như thế này đây, hãy dũng cảm lên

để một ngày kia cũng có cháu chắt ca ngợi anh chứ! Nhưng thôi, ta phải đi đây, ta phải xuống thuyền đây! Bọn thuyền ta đang đợi ta và hẳn rằng đã phàn nàn, ca cẩm. Về phần anh, anh hãy suy nghĩ và cân nhắc những lời nói của ta..."

Một cách chừng chạc, Tê-lê-mác nhìn nữ thần và nói:

"... Thưa quý khách, những lời ngài vừa nói, ta xin coi đó là những tư tưởng của một người bạn thân thiết, của một người cha nói với con. Ta sẽ không bao giờ dám quên. Nhưng xin ngài hãy nán lại ở đây. Có việc chi mà ngài phải vội vàng đến thế? Ta sẽ mời ngài tắm, mời ngài vui chơi. Và để khi ngài trở về thuyền, tâm hồn thật sảng khoái, ta còn phải trao tặng ngài ít nhiều tặng phẩm quý giá, ít nhiều kỷ niệm đẹp đẽ như người ta vẫn thường trao tặng cho những vị khách mà người ta quý mến..."

A-tê-na vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đáp:

"... Không, đừng giữ ta ở lại! Ta phải vội ra đi. Còn tặng phẩm mà trái tim anh đã gọi cho anh để trao tặng ta, ta sẽ trở lại nhận sau và mang về nhà. Và cái kỷ niệm đẹp đẽ mà anh đã chọn cho ta sẽ được ta đền đáp lại xứng đáng".

Nói xong những lời đó, A-tê-na có đôi mắt sáng xanh lục, giống như một con chim biển biến mất vào không trung. Nữ thần đã thức tỉnh trong trái tim của Tê-lê-mác nghị lực và sự dũng cảm bằng cách khơi gợi

lại tư tưởng của người cha của nó. Trong tâm hồn của Tê-lê-mác, chàng hiểu cả và với trái tim ngạc nhiên chàng nhận ra vị thần.

*

* *

KHÚC CA V - Nữ thần A-tê-na lại trách thần Dớt đối xử bất công với Uy-li-xơ và đã làm ngơ trước việc bọn cầu hôn âm mưu đón đường ám hại Tê-lê-mác khi chàng ở Pi-lốt và Xpác-tơ trở về. Thần Dớt bèn phái thần Héc-mét xuống đảo Ô-gghi-di truyền cho nàng tiên Ca-líp-xô phải thả Uy-li-xơ.

Dớt người đồn mây, đáp lại lời nữ thần A-tê-na như sau:

"... Lời lẽ nào mà lại thoát ra khỏi hàng rào của răng con như vậy? Chẳng phải con ư? con gái của ta, là người vừa mới quyết định rằng Uy-li-xơ sẽ trở về để trừng phạt bọn người đó? Còn về Tê-lê-mác thì con đã dịu dặt y đấy rồi, lẽ nào con lại chẳng đủ sức mạnh để làm việc đó ư? Thôi, con hãy làm sao cho y trở về quê hương bình an vô sự và làm sao cho bọn cầu hôn phải xuống thuyền của chúng trở về, mà không đón gặp được y...".

Nói đoạn, thần quay sang nói với người con trai yêu quý là thần Héc-mét như sau:

"... Héc-mét! con là người mang lệnh của chúng ta,

con phải đi đi! Con đến báo cho nàng Nanh-phơ có mái tóc quăn, biết, lệnh bắt đi bắt dịch, truyền phải thả Uy-li-xơ về, và nói rõ tại sao trái tim lớn đó phải được trở về nhà nó. Không một sự phù trợ của các vị thần, cũng không của người trần thế, chỉ một mình trên một con bè ghép bằng những cây gỗ, hấn phải chịu đau khổ hai mươi ngày nữa trước khi tới đất Xkê-ri phì nhiêu, đất của những người Phê-a-ki, họ hàng gần gũi của các vị thần. Họ sẽ nhiệt liệt ca ngợi hấn như một vị thần, sẽ đưa hấn xuống một trong những con thuyền của họ và đưa hấn về xứ sở của cha mẹ hấn sau khi đã trao tặng hấn đầy vàng, đồng và vải vóc. Bởi vì số phận của hấn là được gặp lại những người thân thích, là được trở về dưới ngôi nhà có mái cao của hấn ở xứ sở của cha mẹ hấn...".

Thần Dớt nói vậy, Người Truyền lệnh toả ngời tia sáng⁽¹⁾, vội tuân theo. Thần buộc vào chân đôi dép thần thánh, đôi dép dát vàng đẹp mà thần thường đi trên những con sóng và trên mặt đất vô bờ, nhanh như gió, rồi lao vào không trung; băng qua Pê-ri, thần sà xuống mặt biển và chạy trên các ngọn sóng giống như một con chim hải âu thường bắt cá trong những vịnh, vũng của biển khơi không sinh nở và đắm trong

(1) Le Messenger aux rayons clairs, *Leconte de Lisle*: Le Messenger tueur d'Argos.

nước làm ướt bộ lông nặng của nó. Giống như con chim đó, Héc-mét lướt đi trên những lớp sóng trùng trùng.

Nhưng khi đã tới đầu cùng của thế giới, Héc-mét rời biển tím, dừng lại ở hòn đảo, lên bờ và đi đến cái động lớn, nơi ở của nàng Nanh-phơ có mái tóc quăn. Thần gặp nàng ở trong động đang ngồi bên bếp lửa cháy to. Từ xa đã ngửi thấy mùi gỗ bá hương và gỗ trắc bách đang cháy nổ tí tách, khói của nó toả hương thơm khắp đảo. Nữ thần đang ngồi trong động hát véo von và dệt vải bằng con thoi vàng. Quanh hang là một khu rừng già xanh tốt. Những cây trăn, cây bạch dương và trắc bá có hương thơm là nơi làm tổ của các loài chim có sải cánh dài như cú mèo, điều hâu và giống quạ kêu quang quác. Chúng sống và kiếm ăn ngoài biển.

Ở bên vòm động, một cây nho toả cành nhánh dọc ngang quả sai chi chít. Bốn con suối kể bên nhau thành một hàng, tuôn chảy sóng nước sáng trong, rồi lại toả đi các ngã qua những đồng cỏ mềm mại mà rau mùi và hoa tím đang lên xanh tốt. Đặt chân tới chốn này thật chẳng có một vị thần Bất tử nào mà lại mắt không nhìn ngắm say sưa, tâm hồn không ngây ngất.

Vị thần toả ngời tia sáng dừng chân, ngắm cảnh. Nhưng khi trái tim thần ngắm nhìn đã thoả, thần bèn vội đi vào trong động rộng lớn. Ngay khi thần vừa

hiện ra trước mắt Ca-lip-xô, vị nữ thần rất mực thần thánh này⁽¹⁾, nhận ra ngay được Héc-mét, bởi vì không bao giờ hai vị thần Bất tử lại không biết nhau, dù cho hai người có ở cách xa nhau đến đâu chăng nữa.

Héc-mét không thấy Uy-li-xơ ở trong hang. Chàng đang ngồi ở một mũi đất khóc than. Người anh hùng đang ngày ngày ngồi ở nơi đó để cho những dòng nước mắt, tiếng nức nở và những nỗi buồn lay động trái tim.

Ca-lip-xô mời Héc-mét ngồi xuống một chiếc ghế bành bóng nhoáng và vị nữ thần rất mực thần thánh này cất tiếng hỏi vị thần:

"... Ngài đến ta ư? hỡi Héc-mét có chiếc đĩa vàng! Và đến vì chuyện gì đó?

Ta mến yêu ngài và kính trọng ngài. Nhưng chẳng phải ta thường được gặp ngài ở đây. Xin ngài hãy bày tỏ ý muốn của ngài. Trái tim ta sẽ thực hiện nếu ta có thể làm tròn việc đó, nếu việc đó chẳng phải là điều không thể làm được".

Nói xong, Ca-lip-xô đưa đến một cái bàn trên bày thần đơn, tiếp đó nữ thần pha rượu thánh đỏ và Người Truyền lệnh của Dớt, vị thần toả ngời tia sáng, ăn uống đến no nê trái tim. Bữa ăn đã xong, Héc-mét bèn cất tiếng nói, trả lời nữ thần:

"... Tại sao ta lại đến đây, ta, một vị thần đến nàng,

(1) la toute divine.

một nữ thần? Ta nói thẳng cho nàng biết, ta mang lệnh đến cho nàng. Thần Dót đã buộc ta phải đến đây trái với ý muốn của ta vì có ai là người tìm thấy thú vui ở việc cứ chạy miết trên những ngọn sóng mênh mông, mặn chát?, bởi vì gần ngay nơi ở của nàng chẳng phải có một đô thành mà những người trần thế đang dâng cúng các lễ hiến tế hảo hạng cho các vị thần đây sao! Nhưng khi thần Dót mang khiên da, đã quyết định thì có một vị thần nào tìm cách đi ngược lại được hay tự ý bãi bỏ được? Dót muốn rằng, một người anh hùng ở đây, bên nàng, và chàng là người đáng thương hơn cả trong số những người đã tham gia chinh chiến dưới chân đô thành rộng lớn của Pri-am, hôm nay phải được thả về ngay, không chậm trễ. Thần Dót đã ra lệnh cho nàng như vậy, vì số phận của chàng không phải là chết ở hòn đảo này, xa người thân thích...".

Nghe nói, Ca-líp-xô run lên, nàng cất cao tiếng và vị nữ thần rất mực thần thánh này, nói với Héc-mét những lời có cánh sau đây:

"... Các vị thần là những kẻ ghen ty hơn ai hết. Mong sao cho các vị có được lòng nhân từ. Các vị đã khước từ quyền cho các nữ thần công khai ăn nằm với một người trần thế mà trái tim của họ đã chọn làm người bạn đời⁽¹⁾. Cũng vậy xưa kia nàng Rạng đông có những ngón tay hồng, đã bắt O-ri-ông. Thế là, ôi,

(1) ô vous qui refusez aux déesses le droit de prendre dans le lit au grand jour le mortel que le coeur a choisi pour compagnon de vie.

các vị thần mà cuộc đời vốn chỉ có sướng vui, mới nổi cơn thịnh nộ ghê gớm làm sao! Các vị đã bắt Ác-tê-mít, vị nữ thần trinh trắng, rời ngai vàng đến Đê-lốt để bắt những mũi tên êm dịu xuống chàng. Lần thứ hai khi I-a-di-ông được trái tim của Đê-mê-te, vị nữ thần có mái tóc quăn, yêu mến, và nữ thần đã hiến dâng tình yêu của mình cho chàng và ân ái với chàng⁽¹⁾ trên cánh đồng đã cày đến lần thứ ba, thì Dớt chẳng phải lâu la gì mới biết cái tin ấy. Thế là thần giáng sét xanh ngay sét xanh là xuống giết chết tươi chàng. Và hôm nay đến lần ta, hỡi các vị thần!, các vị ghen ghét với ta vì ta có bên ta một người thần thế. Người này ta đã cứu được ở trên một cây cột và chỉ có một mình anh ta. Chàng đã đến với ta vì bị Dớt giáng sét xanh là xuống làm vỡ con thuyền của chàng giữa biển khơi màu rượi vang. Bọn thuyền của chàng toàn là những người dưng cảm, đều chết cả. Nhưng sóng gió đã ném chàng vào bờ của đảo này, và ta đã đón được chàng, nuôi chàng, hứa làm cho chàng trở thành bất tử và trẻ mãi mãi. Nhưng thật là như vậy, khi Dớt mang khiên da đã quyết định thì có một vị thần nào lại tìm cách đi ngược lại được hay tự ý bãi bỏ được? Chàng sẽ ra đi thôi, vì Dớt muốn ném chàng vào biển khơi không sinh nở. Còn về việc đưa chàng đi, ta chẳng biết làm thế nào được. Ta chẳng có thuyền, có mái chèo, chẳng có người... Để bơi trên lưng của đồng bằng biển khơi⁽²⁾ ta chỉ có thể cho chàng những lời khuyên

(1) lui donna son amour et son lit.

(2) Pour voguer sur le dos de la plaine marine.

nhủ bạn bè, ta sẽ chẳng giấu giếm chàng những điều ta biết để chàng về tới xứ sở được yên lành...".

Người Truyền lệnh toả ngời tia sáng, đáp lại lời nữ thần như sau:

"... Xin nàng hãy thả cho hần đi như lời nàng nói. Nàng phải biết sợ cơn thịnh nộ của thần Dốt, bởi vì sự hần thù của thần một ngày kia có thể sinh chuyện với nàng...".

Nói xong, vị thần toả ngời tia sáng, vụt ra đi, biến mất.

Nàng Nanh-phơ uy nghiêm hoàn toàn tuân theo lệnh của thần Dốt, nàng đi đến trái tim lớn của Uy-li-xơ. Nàng gặp chàng lúc chàng đang ngồi ở mũi đất. Lúc nào chàng cũng ngồi đấy, lúc nào cũng đắm nước mắt, chàng bỏ mặc cuộc đời êm dịu mất đi trong những than khóc vì không trở lại được quê nhà. Chàng chẳng hưởng nữa tình yêu say đắm của nữ thần Nanh-phơ. Ban đêm, dù chàng phải trở về bên cạnh nàng ở trong động sâu của những hang của nàng, nhưng chỉ nàng muốn, mà chàng không muốn. Còn chàng đã sống những ngày ngồi trên những tảng đá ở bờ biển, đắm chiêu nhìn biển khơi không sinh nở, và nước mắt tuôn trào.

Đứng bên chàng vị nữ thần rất mực thần thánh này, cất tiếng nói:

"... Hỡi người bạn thân thiết khốn khổ! Ta chẳng muốn bạn tiêu phí ngày xanh ở đây trong những dòng

nước mắt. Ta đã sẵn sàng để chàng ra đi, từ biệt chàng. Chàng hãy lấy dao đồng chặt những cây gỗ dài, ghép chúng lại để rồi lát ván cho một tấm bè. Trên bè, chàng dựng một cái sàn cao để nó có thể đưa chàng đi trong sương mù của biển cả. Chính tay ta sẽ chắt xuống bè bánh mỳ, nước uống, rượu vang đỏ cùng với những đồ ngọt⁽¹⁾ để cho chàng khỏi đói. Ta sẽ cho chàng quần áo nữa và ta sẽ tạo ra một cơn gió nhẹ thổi ở phía sau để đưa chàng về tới quê hương được yên lành, nếu điều đó làm các vị thần Bất tử vui lòng, những người chủ của những cánh đồng của bầu trời, vì các vị thần là những người có quyền hơn ta để quyết định và hoàn thành công việc...

Nàng nói vậy. Người anh hùng của sự từng trải, run lên và chàng Uy-li-xơ thần thánh cất cao tiếng nói, đáp lại nữ thần bằng những lời có cánh sau đây:

"... Hỡi nữ thần! Chẳng phải nàng để cho ta về đâu! ta chắc rằng nàng đang suy tính một chuyện gì khác đây! Bởi vì nàng bảo ta với một tấm bè này ra đi, vượt qua vực sâu xoáy nước của biển cả, rồi lại còn những lúc hiểm nghèo, những khi giông bão khủng khiếp nữa! Ngay những con thuyền thon nhẹ nhất có sức chạy nhanh cũng không thể vượt qua được dẫu cho có được thần Dớt cho nổi gió thuận..."

Chàng nói vậy khiến Ca-líp-xô mỉm cười và vị nữ

(1) toutes les douceurs.

thần rất mực thần thánh này đưa tay vuốt ve chàng, rồi nói thẳng với chàng:

"... Chàng quả thật là đồ đầu trộm đuôi cướp". Chàng khá biết lo xa. Chàng cũng biết tìm lời lẽ để đối đáp với ta đấy chứ! Ta có trong tư tưởng điều gì, ta khuyên nhủ chàng điều ấy. Và đó là tất cả những điều ta có thể mong muốn và cho là cần thiết nhất. Ý nghĩa⁽¹⁾ của ta như chàng biết, chẳng phải là thâm hiểm. Trái tim ở trong ngực ta chẳng phải là bằng sắt⁽²⁾... Trái tim ta chỉ có lòng nhân từ...".

Nàng nói vậy và vị nữ thần rất mực thần thánh này, liền dẫn chàng đi theo một con đường ngắn nhất. Uy-li-xơ theo sau nàng và đi theo những dấu chân của nàng. Vị nữ thần và người trần thế, cùng trở về chiếc động vòm cong.

Chàng ngồi vào chiếc ghế bành mà Héc-mét vừa rời. Nàng Nanh-phơ dọn bữa cho chàng, những thức ăn và đồ uống mà những người trần thế bị dành cho cái chết,⁽³⁾ thường dùng. Nàng ngồi trước mặt Uy-li-xơ thần thánh, những người phụ nữ dâng lên cho nàng thần đơn và rượu thánh, tiếp đó chàng và nàng, hai người đưa tay ra đón nhận phần thức ăn hảo hạng đã được dọn sẵn và dâng mời.

(1) mon esprit.

(2) Ce n'est pas en mon sein qu'habite un coeur de fer.

(3) Les humains destinés à la mort.

Sau khi đã ăn uống no say rồi vị nữ thần rất mực thần thánh này, cất tiếng nói:

"... Hỡi người con của La-éc-tơ, con cháu của các vị thần, chàng Uy-li-xơ có nghìn mưu kế! Có thật là bây giờ chàng vẫn chỉ nghĩ đến chuyện ra đi để trở về ngôi nhà ở xứ sở của cha mẹ mình không? Ra đi ngay phải không? Từ già hết thấy! Nhưng nếu trái tim chàng mà biết được số phận còn trút xuống chàng biết bao nỗi đau khổ nữa, trước khi chàng về tới mảnh đất quê hương thì chàng sẽ muốn ở lại đây sống bên ta để gìn giữ nơi ở này và trở thành một vị thần, dù chàng có mong muốn được gặp lại người vợ mà ngày ngày ước nguyện của chàng đều đưa dẫn chàng về với nàng... Ta tự hào dấu sao về thân hình và vóc dáng cũng không đến nỗi kém đẹp hơn ai và ta chưa từng bao giờ thấy người ta có thể đem đua độ phụ nữ người trần với nữ thần về thân hình hay về khuôn mặt".

Uy-li-xơ tỉnh khôn⁽¹⁾, đáp lại lời nàng:

"... Hỡi nữ thần đáng kính! xin nàng hãy lắng nghe ta và thứ lỗi cho ta! Ta xin nói tất cả điều đó. Ta biết nếu đặt bên nàng thì Pê-nê-lốp dấu có khôn ngoan như bầm sinh vốn vậy cũng sẽ chẳng có gì là cao cả và đẹp dễ hết... vì vợ ta chỉ là một người trần còn nàng thì không biết đến tuổi già và cái chết... Tuy nhiên ước nguyện độc nhất của ta ngày ngày, là sao

(1) avisé.

cho ta ra đi khỏi nơi đây để được nhìn thấy ngôi nhà của ta trong ngày trở về. Nếu một trong những vị thần Bất tử nào còn muốn hành hạ ta trên sóng biển màu rượu vang, ta sẽ chấp nhận tất. Ta bao giờ cũng có trái tim đã từng trải qua mọi bất hạnh, ta đã từng chịu đựng biết bao đau khổ, ta đã từng chịu gian truân trên sóng biển và trong chiến tranh. Nếu còn biết bao gian truân xảy ra nữa thì được, cứ để cho nó đến".

Uy-li-xơ nói xong là lúc mặt trời lặn, hoàng hôn đến. Dưới vòm động hai người trở vào tận cuối hang sâu để âu yếm trong vòng tay của nhau.

Sáng hôm sau nữ thần Ca-lip-xô chỉ dẫn và giúp đỡ cho Uy-li-xơ vào rừng lấy gỗ đóng bè.

Trong vòng bốn ngày mọi việc đã làm xong. Đến ngày thứ năm, Ca-lip-xô cho Uy-li-xơ rời đảo. Nàng tắm rửa cho chàng và mặc cho chàng áo quần có hương thơm diu dịu. Nàng xếp xuống bè một bình da để rượu vang đen, một bình da dê rất to đựng nước uống và một túi bằng da trong đựng lương thực dùng cho lúc đi đường, ngoài ra không kể hết những thức ăn khác và rất nhiều đồ ngọt. Nàng lại cho nổi một cơn gió nhẹ ấm áp nhất, một cơn gió an toàn⁽¹⁾. Lòng đầy mừng rỡ, chàng Uy-li-xơ giương buồm.

Ngồi kê bên tay lái, chàng lái bè thành thạo và không bao giờ để cho một giấc ngủ rơi xuống mi mắt,

(1) un vent de tout repos.

mắt chàng gắn vào chòm sao Thất tinh⁽¹⁾ và sao Người chăn bò⁽²⁾, ngôi sao này lặn rất muộn, và sao Hùng tinh⁽³⁾ mà còn có tên gọi là sao Cỗ xe⁽⁴⁾, ngôi sao độc nhất trong các vì sao, không bao giờ lặn xuống tầm ở Đại dương chỉ quay nguyên tại chỗ, trong khi đó nó vẫn rời nhìn sao O-ri-ông. Theo lời căn dặn của nữ thần Ca-lip-xô, vị nữ thần rất mực thần thánh, thì khi bơi thuyền trên mặt biển rộng phải luôn luôn giữ cho sao Hùng tinh ở bên tay trái của mình.

Mười bảy ngày chàng bơi trên biển rộng, đến ngày thứ mười tám thì những núi non và rừng cây của đất Phê-a-ki đã hiện ra. Đất liền đã rất gần, đang úp tấm khiên của nó xuống sương mù của biển cả.

Khi đó từ xứ sở của những người Da đen⁽⁵⁾, vị thần Lay chuyển mặt đất ra về. Từ ngọn núi Xô-li-mơ cao ngất thần thấy, trên mặt biển, Uy-li-xơ hiện ra đang ngồi bơi trên con bè.

Tức giận khôn cùng, thần lắc đầu tự nói với trái tim mình:

"... Chà! thật tồi tệ! Thế đấy, khi ta ở chỗ người Da đen thì các vị thần đã thay đổi điều phán quyết đối với Uy-li-xơ. Hắn đã gần đến đất Phê-a-ki, nơi mà số

(1) les Pléiades.

(2) le Bouvier.

(3) l'Ourse.

(4) le Chariot

(5) les Noirs.

mệnh sẽ tước bỏ đi biết bao những nỗi khốn khổ giáng xuống đầu hắn. Nhưng ta cho rằng ta còn phải trút cái gánh nặng của những nỗi bất hạnh xuống hắn nữa thì mới được".

Vừa nói như vậy xong, thần bèn cầm lấy cây đinh ba và dón mây mù lại, thần dâng biển lên và khơi gió từ các hướng rồi thả chúng ra từng đợt. Dưới sương mù thần chìm bờ biển và những con sóng. Đêm đen từ trời đổ xuống. Gió Ô-rốt, gió Nô-tốt, gió Ê-phia gào thét và gió Bô-rê sinh ra từ bầu trời sáng láng, cuộn cuộn thổi từng cơn lớn và cùng quần thảo với nhau.

Uy-li-xơ cảm thấy như đầu gối và trái tim của mình rã rời ra hết cả. Chàng, từ trong tâm hồn dùng cảm của mình than vãn như sau:

"... Thật bất hạnh cho ta! Tai hoạ cuối cùng này là gì đây nữa?⁽¹⁾ Ta e rằng điều mà nữ thần Ca-lip-xô đã nói với ta như thế nào thì nay quả đúng là như vậy. Nàng bảo, biển khơi sẽ dành cho ta đầy dẫy những nỗi gian truân trước khi về tới được quê nhà. Và đây, điều đó đã xảy đến. Chao ôi! mây nào mà thần Dớt chăng ra trên cánh đồng của bầu trời thế này! Thần dâng biển lên làm cho gió từ các hướng giãy xéo lên nhau làm thành bão tố. Cái chết cầm chắc đang ở trên đầu ta đây rồi! Ôi, những người Đa-na-en thật sung sướng đến ba lần, bốn lần vì họ xưa kia trong

(1) quel est-ce dernier coup?

khi phục vụ cho anh em A-tơ-ri-đơ đã ngã xuống trên đồng bằng của thành Tơ-roa! Sao mà ta chẳng chết đi, chịu đựng cái số mệnh của ngày mà bên thi hài của A-khin, những người Tơ-roa phóng lao đồng của họ như mưa vào ta! Như vậy anh ta đã có được một năm mồ. Đất A-ca-i sẽ ca ngợi vinh quang của ta... Hỡi ôi! số phận đã bắt ta phải chết một cách thảm thương".

Chàng vừa nói như vậy thì một con sóng to cuộn dâng đổ xuống Uy-li-xơ: một sự va chạm khủng khiếp! Chiếc bè bị lật: Uy-li-xơ bị văng ra khỏi sàn bè, tay lái tuột khỏi tay chàng. Và những cơn gió điên cuồng hoà trộn vào nhau làm thành gió lốc bẻ cột buồm gãy làm đôi, cuốn buồm và cây sào ngang dờ buồm ra tận biển khơi xa tít. Uy-li-xơ bị chìm xuống nước khá lâu, chàng không sao ngoi lên được vì sóng to cứ đua nhau đổ tới và cũng vì áo quần của tiên nữ Ca-lip-xô ban cho làm người chàng thêm nặng. Nhưng rồi chàng cũng nhô người lên khỏi mặt nước, miệng nhổ ra nước biển mặn chát, đầu chảy xuống nào bọt, nào nước ròng ròng. Song dù bị cùng cực đến như vậy chàng vẫn nhớ đến chiếc bè. Chàng vượt sóng bơi lên ôm lại được nó và chàng trèo lên ngói vào giữa bè để tránh cái chết, mặc cho những con sóng đưa đẩy chiếc bè trôi nổi đó đây theo dòng nước của chúng. Như cơn gió Bô-rê của mùa thu thổi cuốn đi những cây gai trên đồng ruộng, những cây gai này mắc chằng vào nhau thành một bó; cũng vậy, những cơn gió đưa đẩy chiếc bè trôi nổi khắp

đó đây trên vực thẳm, và khi thì gió Nô-tốt ném nó cho gió Bô-rê, khi thì gió Ô-rốt lại nhường nó cho gió Dê-phia đuổi...

Nhưng I-nô đã bắt gặp chàng, người con gái của Cát-mốt có mắt cá chân đầy đặn⁽¹⁾. Nàng xưa kia là một phụ nữ bình thường, được ban cho tiếng nói, bây giờ trở thành tiên nữ Lơ-cô-tê sống ở dưới đáy biển sâu và được đứng vào hàng ngũ các vị thần. Nàng thương thay cho số phận những nỗi đau khổ của Uy-li-xơ bị sóng dập gió vùi. Biến thành một con hải âu, nàng bay lên khỏi mặt sóng và sà xuống đậu ở chiếc bè để nói với Uy-li-xơ:

"... Hỡi người bạn khổ khổ! Vì sao mà cơn giận của vị thần Lay chuyển mặt đất lại giáng xuống chàng?... và vì sao những nỗi bất hạnh cũng như lòng thù ghét của thần Pô-dê-i-đông lại trút xuống chàng? Tuy nhiên, xin chàng hãy bình tĩnh, dù thần có muốn thế nào đi nữa thì cũng không thể làm chết được chàng đâu! Nhưng xin chàng hãy nghe theo lời ta vì xem ra chàng cũng khá tỉnh khôn⁽²⁾. Chàng hãy vứt bỏ những quần áo này đi! hãy vứt bỏ tấm bè cho gió cuốn rồi lao mình xuống nước mà bơi! Chàng hãy gắng bơi bằng đôi tay của mình cho tới khi đến đất Phê-a-ki là nơi có sự cứu giúp đang chờ đón chàng. Chàng hãy cầm lấy tấm khăn thần này và căng nó ra trước ngực. Với

(1) aux chevilles bien prises. *Leconte de Lisle*: aux beaux talons.

(2) plein de sens.

tấm khăn này, chàng chẳng còn sợ gì đau khổ và cái chết nữa. Nhưng khi nào tay chàng đã chạm vào bờ, chàng hãy cởi khăn ra và ném nó vào sóng biển màu rượu vang, ném thật xa ra ngoài biển rồi quay đầu lại".

Nàng vừa nói vừa trao cho chàng chiếc khăn rồi nàng nhào xuống sóng biển ngẫu bọt giống như một con chim hải âu, và sóng đen đã trùm phủ lên vị nữ thần trắng tinh đó. Người anh hùng của sự từng trải, chàng Uy-li-xơ thần thánh còn suy nghĩ đã. Chàng thâm rên lên trong tâm hồn dũng cảm của mình:

"... Thật bất hạnh cho ta! Lại một cạm bẫy nữa mà một vị thần nào đã chăng ra khi bảo ta phải rời bỏ chiếc bè này! Không! Không! ta chưa muốn nghe lời thần vội vì mảnh đất sẽ cứu ta như lời thần bảo trông hãy còn xa lắm... ta nghĩ tốt nhất cứ làm như thế này là khôn ngoan hơn cả: chừng nào mà những cây gỗ này còn gắn bó với nhau bằng những chốt thì ta cứ ngồi trên bè, kiên trì và chịu đựng: còn chốc nữa rồi mà sóng biển có làm vỡ bè thì ta lại bơi. Lúc đó đối với ta chẳng còn gì tốt hơn là hy vọng..."

Trong lúc trí tuệ và trái tim của chàng chỉ biết định liệu như vậy thì vị thần Lay chuyển mặt đất dâng lên một đợt sóng khủng khiếp chống lại chàng. Đợt sóng cao cuộn thành một cái vòm của cái chết đổ ụp xuống đầu chàng... Như một cơn gió mạnh ào ào thổi vào một đồng rơm làm rơm tan tác bay đi từ phía khắp

cánh đồng: biển đã ném tung những cây gỗ dài đi như vậy. Uy-li-xơ trèo lên một cây gỗ và cười lên nó như cười lên một con ngựa đua, rồi chàng cởi bỏ tất cả những quần áo mà nữ thần Ca-líp-xô đã ban cho chàng. Chàng căng ngay chiếc khăn lên ngực, đầu cúi về phía trước rồi lao xuống biển, dang hai tay ra để bơi. Vị thần quyền thế Lay chuyển mặt đất nhìn thấy chàng bèn gật đầu nói với trái tim mình:

"Thế đấy, bây giờ ngươi sẽ bị chìm dưới gánh nặng của những nỗi bất hạnh của mình! Cứ thế, trôi nổi đó đây trước khi tới đất Phê-a-ki, được những con cháu của thần Dớt đón tiếp. Ta còn muốn ban cho ngươi nhiều nỗi bất hạnh nữa sao cho đến thoả lòng ngươi!".

Thần nói vậy và thúc những con ngựa có bờm dài phóng đi. Thần đi về Ê-giê và ngồi đền lộng lẫy của mình.

Nhưng nữ thần Pan-lát A-tê-na đã dự tính. Nàng chặn lại đường đi của những ngọn gió. Người con gái của thần Dớt ra lệnh cho chúng phải ngừng lại và ngủ yên. Tiếp đó nàng khơi lên một cơn gió Bô-rê rất mạnh⁽¹⁾ và đè bẹp sóng cả, để cho chàng Uy-li-xơ thần thánh có thể chạy thoát khỏi các nữ thần Pác-cơ và cái chết, để bơi được vào bờ biển của những người chèo lái giỏi, xứ Phê-a-ki.

(1) un alerte Borée.

Suốt hai ngày đêm Uy-li-xơ nổi trôi trên sóng cả. Biết bao lần chàng nhìn thấy trong trái tim mình cái chết đến. Nhưng đến ngày thứ ba, khi Rạng Đông có những búp tóc quần xinh, đẹp báo trước mình đến, thì bất chợt gió lặng, biển yên tĩnh trở lại, không một ngọn gió. Từ ngọn một con sóng to, do sóng dâng chàng lên, chàng đưa mắt tìm kiếm và chàng đã có thể trông thấy đất liền khá gần. Ôi! một đàn con mừng rỡ khi nhìn thấy cha sống lại sau một trận ốm dài, trận ốm đã hành hạ và làm kiệt sức con người bởi chứng sự tàn ác của một vị thần muốn bắt con người làm mồi ngon cho bệnh tật; nhưng may thay các vị thần khác đã kéo con người ra khỏi hiểm nghèo... Uy-li-xơ khi nhìn thấy đất liền và rừng cây cũng mừng rỡ như vậy. Chàng bơi, lao đi, để có thể mau đặt chân xuống đi được. Chỉ còn cách bờ khoảng chừng một tiếng hú nữa⁽¹⁾ thì chàng nhận ra được tiếng sóng dội vào những tảng đá vang lên ầm ầm, biển cả gầm lên trên những mồm mũi nhô ra ở ven bờ: một tiếng rầm rầm đáng sợ! Tất cả đều phủ đầy bụi nước, bọt nước. Chẳng có một bến nào, chẳng có một nơi trốn tránh, một chỗ để ẩn giấu nào! Chẳng có gì ngoài những mũi nhọn của những núi đá về những tảng đá ngầm. Cảm thấy đầu gối và trái tim mình rã rời, Uy-li-xơ bèn than vãn trong tâm hồn dưng cảm của mình như sau:

"... Thật khốn khổ cho ta! trái với mọi điều mong

(1) une portée de voix

ước, khi Dớt trả lại cho mắt ta đất liền, khi ta đã vượt được qua cái vực thẳm này thì lại chẳng nhìn thấy đâu là bến là bờ để ta có thể thoát khỏi được cái biển khơi đầy bọt nước này. Suốt dọc bờ biển chỉ toàn là núi đá nhọn và núi đá lởm chởm, xung quanh thì toàn là sóng biển dữ dội gào thét, phía sau là một dốc đá thẳng đứng trơn tuột, phía trước là biển sâu vô tận; không còn một nơi một chốn nào để ta có thể đứng chân xuống mà tránh cái chết.

Nếu ta thử bơi vào bờ thì có thể một con sóng hất ta lên và ném ta vào núi đá trơn; mọi cố gắng sẽ vô ích. Nhưng nếu ta cứ bơi tiếp, dọc theo bờ biển để tìm kiếm một dải bờ cát thoải thoải và những vùng biển nhỏ thì ta sợ rằng đông bão lại bắt ta, ném ta một lần nữa vào biển khơi lăm cá. Ôi chao! Lúc đó ta sẽ hoài hơi gào thét: thật sung sướng thay cho ta nếu một vị thần nào không ném ta xuống đáy biển để làm mồi cho một trong số những con quái vật khổng lồ mà nàng Ăng-phi-tơ-rít nuôi từng đàn!... Ta biết vị thần quang vinh Lay chuyển mặt đất, thù ghét ta biết chừng nào!".

Trong lúc trí tuệ và trái tim chàng chỉ biết định liệu như vậy thì một con sóng ném chàng vào một tảng đá của một mũi đá ở bờ. Nếu không có một ý nghĩ do A-tê-na, vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, đặt vào đầu chàng thì chàng đã bị tan xương nát thịt. Chàng bật tung người lên đưa hai tay ra bám vào tảng đá,

bám chặt vào đó, thở hổn hển mặc cho con sóng khổng lồ trùm lên người chàng. Chàng có thể chống đỡ được những con sóng dội trở ra, xô vào chàng, đập vào chàng, và lại đưa chàng ra ngoài biển. Như những vôi của một con bạch tuột bị dứt ra khỏi hang, sỏi đá còn dính đầy ở vôi của nó; cũng vậy ở những cạnh đá sắc nhọn còn lại da của đôi bàn tay dũng cảm của Uy-li-xơ. Sóng lại chìm chàng xuống. Nếu nữ thần A-tê-na có đôi mắt sáng xanh lục, không đặt vào tư tưởng chàng một ý nghĩ sáng suốt thì, thế là đã kết thúc cuộc đời chàng Uy-li-xơ bất hạnh. Chàng đi trước số mệnh⁽¹⁾. Khi chàng nổi lên thì bờ biển vẫn âm âm sóng dội. Chàng bơi dọc theo bờ biển, mắt nhìn về phía đất liền tìm một dải bờ cát thoải thoải và những vùng biển nhỏ. Chàng vẫn bơi và bơi tới cửa một con sông có những dòng nước đẹp chảy và đó là nơi chàng thấy tốt nhất. Không có núi đá, chỉ có một bãi cát kín gió, chàng tìm ra được lối vào và chàng bèn cầu khẩn trong tâm hồn mình như sau:

"... Hỡi ngài! vị thần mà ta không biết tên, xin ngài hãy lắng nghe ta! Ta đến với ngài vì ta đã từ lâu mong mỏi. Ta đến để thoát khỏi những con sóng của thần Pô-dê-i-đông và cơn giận điên cuồng của thần. Liệu những vị thần Bất tử có tỏ lòng tôn trọng một kẻ đắm bè khốn khổ trôi dạt đến như ngày hôm nay ta đến với dòng nước của ngài, cầu xin ngài sau bao nỗi bất

(1) "Il" devancait le sort.

hạnh không? Xin ngài hãy rủ lòng thương ta, hồi vị thần! mà ta là kẻ cầu xin ngài".

Chàng nói vậy và con sông liền ngừng chảy, vị thần sông hạ giải cát⁽¹⁾ của mình xuống và dẹp yên sóng trước người anh hùng. Thần chỉ cho chàng lối thoát trên bờ cát nhô ra phía trước. Hai đầu gối của Uy-li-xơ và đôi bàn tay dững cảm của chàng trở thành bất động. Những con sóng xô gió vật đã làm trái tim chàng kiệt hết hơi sức, da trên người chàng sưng rộp lên, biển lại tuôn nước vào mồm và mũi chàng, chàng nằm sóng suột cha thở và cũng chẳng nói được, gần như chết vì nổi mệt khủng khiếp. Nhưng rồi chàng hồi sức lại, trái tim tỉnh lại. Chàng tháo tấm khăn ở ngực mình ra, buông xuống dòng sông và những lớp sóng. Một con sóng lớn từ biển vào, nổi lên cuốn chiếc khăn theo dòng nước và tức khắc I-nô nhận được chiếc khăn trong đôi tay của mình.

Uy-li-xơ bỏ con sông đi. Chàng cúi xuống hôn mảnh đất nuôi người và chui vào nằm ngủ trong bụi cỏ. Chàng thắm rên trong tâm hồn dững cảm của mình:

"... Thật bất hạnh cho ta! Ta còn phải chịu những đau khổ gì nữa!... Tai hoạ cuối cùng này là gì đây nữa?... Nếu ta ở bên con sông này thức suốt đêm thì đêm nay mới cơ cực làm sao! Và khi cái rét buốt của buổi sớm mai với sương đêm thấm đẫm vào người thì

(1) laissant tomber sa barre.

ta đến chết mất! Ta tránh sao cho khỏi kiệt sức, làm người ta tái nhợt đi và tim ta ngừng đập. Gần sáng lại có gió lạnh từ bờ sông thổi lên nữa. Nhưng leo lên đồi đi vào rừng rậm để tìm một chỗ nằm ở giữa các bụi cây thì ta lại sợ rằng được nằm ấm, thoải mái, buông mình theo giấc ngủ dịu hiền ta có thể trở thành món ăn và mồi ngon cho thú dữ".

Tính toán hết đường hết nẻo như vậy, Uy-li-xơ thấy tốt nhất là đi vào cánh rừng cao trên con sông. Lên đến đỉnh đồi chàng chuôi vào dưới hai chồi của hai cây ô-liu, một của cây ô-liu ghép⁽¹⁾ và một của cây ô-liu mọc tự nhiên⁽²⁾. Chúng sinh ra từ một thân cây. Ở đó gió to đến đâu cũng chẳng lọt vào được, sương ẩm không thấm đến, mưa cũng chẳng len lách thấu qua, bởi vì có biết bao cành lá mọc giao nhau, quấn quít lấy nhau.

Uy-li-xơ đi vào trong đó. Chàng dồn lá ôm đầy vòng tay làm thành một cái giường rộng vì lá rụng trải trên mặt đất thành một lớp dày, đến hai ba người ngủ vẫn có thể phủ lá kín người, ngay cả vào lúc mùa đông rét buốt nhất. Trông thấy chiếc giường đó, trái tim người anh hùng của sự từng trải, mừng rỡ xiết bao! Nằm dài trên đồng lá, chàng Uy-li-xơ thần thánh còn vơ vào đắp cho thân mình một ôm lá nữa.

Ở nơi thôn dã xa xôi, nơi không có hàng xóm láng

(1) d'un olivier greffé.

(2) d'un olivier franc.

giếng bên cạnh, người ta thường ủ những que củi cháy dở dưới tro và than, để giữ lấy mỗi lửa, phòng khi không có khối phải đi xa tìm kiếm. Uy-li-xơ cũng vậy, ủ dưới lá cây và được nữ thần A-tê-na đội xuống đôi mắt một giấc ngủ. Nữ thần làm cho mi mắt chàng khép lại để xua đuổi mau đi nỗi mệt nhọc kiệt sức của chàng.

*

* *

KHÚC CA VI - Trong khi Uy-li-xơ ngủ thiếp đi ở dưới lá thì nữ thần A-tê-na biến mình giả dạng làm người con gái của Di-mát, đến xứ Phê-a-ki, đi vào cung điện của An-ki-nô-ốt. Nàng đến gần giường của Nô-di-ca, con gái của nhà vua, báo mộng, nhắc Nô-di-ca ngày mai phải cho xe la chở quần áo ra bờ biển, giặt, vì Nô-di-ca đã đến tuổi lấy chồng.

Hôm sau Nô-di-ca xin phép vua cha cho xe la chở quần áo ra bờ biển. Cùng đi với nàng có nhiều nữ tỳ theo hầu. Sau khi giặt xong, họ vui chơi ở bờ biển. Uy-li-xơ đã gặp Nô-di-ca ở nơi đây, được nàng giúp đỡ và chỉ đường cho về kinh thành tìm vào cung điện gặp vua cha An-ki-nô-ốt.

... Đã đến lúc phải gấp những quần áo đẹp lại, thàng la vào xe để trở về nhà, thì chính lúc đó A-tê-na, nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, có ý định đánh thức chàng dậy để chàng nhìn thấy người trinh nữ xinh

đẹp và được nàng dẫn đường về đô thành của những người Phê-a-ki. Nàng ném bóng cho một nữ tỳ, nhưng quả bóng không vào tay người đó mà rơi xuống một cái xoáy nước. Thế là những người thiếu nữ hét lên, và chàng Uy-li-xơ tỉnh giấc ngủ, ngồi dậy. Trí tuệ và trái tim chàng chỉ còn biết định liệu như sau:

"... Chao ôi! ta đã đến xứ sở nào thế này? đến với những người nào thế này? Ta nghe thấy tiếng gì ở quanh ta đây nhỉ? những tiếng nói trong trẻo của các cô gái ư?... Thôi! ta phải đi, đến nhìn tận mắt mới được..."

Và chàng Uy-li-xơ thần thánh chuôi ra khỏi bụi cây. Bàn tay mạnh khoẻ của chàng bẻ một cành lá rậm trong lùm cây xanh dày kín để che thân mình cho khỏi loã lồ⁽¹⁾. Chàng đi ra khỏi rừng. Như một con sư tử của núi rừng chỉ dựa vào sức mình, ra đi, mắt nấp lửa, trong mưa gió để lao xuống những con bò và cừu hoặc chạy đuổi riết những con nai rừng; đó chỉ vì bụng đói⁽²⁾. Uy-li-xơ cũng như vậy, với thân mình trần trụi, chàng phải lần ra phía những người thiếu nữ có mái tóc quăn. Sự cần thiết thúc đẩy chàng đi.

Khi cái dáng vẻ đáng sợ của thân hình chàng, đã bị biển cả làm xấu xa đi, hiện ra trước họ, thì họ sợ hãi rụng rời, bỏ chạy ra mãi tận bờ cát. Chỉ còn lại người con gái của An-ki-nô-ốt. Nữ thần A-tê-na đã đặt

(1) pour voiler à sa virilité.

(2) c'est le ventre qui parle.

vào trái tim nàng sự bạo dạn đó và không cho phép tay chân nàng được sợ. Đứng lại, nàng đối mặt với chàng.

Uy-li-xơ suy nghĩ: liệu ta có nên đến sờ vào đầu gối người thiếu nữ xinh đẹp này để cầu xin nàng không?... hay ta cứ đứng đây và dùng những lời cầu xin dịu dàng để hỏi đường về kinh thành và xin quần áo mặc? Chàng suy nghĩ, tính toán hết mọi đường mọi nẻo và thấy tốt nhất là cứ đứng xa nàng và dùng những lời cầu xin dịu dàng, còn nếu đi đến sờ vào đầu gối nàng e có thể làm nàng tức giận; và con người khôn khéo đó tức thời tìm được những lời lẽ xúc động và nói như sau:

"Hỡi nữ chúa! Ta cầu xin nàng dù nàng là một nữ thần hay một người trần thế. Nếu là nữ thần ở thế giới của các vị thần, người chủ của những cánh đồng của bầu trời, nàng phải là Ác-tê-mít, con gái của Dớt vĩ đại vì thân hình vẻ đẹp và vóc dáng của nàng đích thật là của Ác-tê-mít... Nếu nàng chỉ là một người trần sống ở thế giới của chúng ta thì cha nàng và người mẹ uy nghiêm hẳn cũng sung sướng đến ba lần. Các anh của nàng hẳn cũng sung sướng đến ba lần!... và mỗi khi có vũ hội nàng phải rót niềm vui vào trái tim say sưa của họ, vì họ thấy cái mầm non đẹp đẽ này của gia đình đi vào dự cuộc. Và tận đáy tâm hồn, hơn cả những người khác, thật hạnh phúc cho người trần thế nào mà những lễ vật đem đến dâng nàng trở thành

những kẻ chiến thắng và chúng sẽ đưa nàng về nhà người ấy. Mất ta chưa từng bao giờ được trông thấy một người đàn ông hoặc một người đàn bà nào giống nàng.

Sắc đẹp của nàng làm ta bối rối. Xưa kia ở Đê-lốt bên bàn thờ của thần A-pô-lông ta đã từng trông thấy một vẻ đẹp như thế: một cái mầm non của một cây cọ vươn thẳng lên trời. Ta đến hòn đảo ấy với một đội quân mới oai phong lẫm liệt làm sao! Đội quân này hộ tống ta đi trên con đường đó, con đường mà biết bao đau khổ đang chờ đón ta. Và khi trông thấy chồi cọ, thật giống như bây giờ, ta đứng ngây ngất vì chưa từng bao giờ thấy một chồi cọ từ đất mọc lên như thế. Hôm nay cũng vậy, trong niềm ngây ngất, hơi nữ chúa! ta thán phục nàng nhưng ta run sợ: ta sợ nếu đến sờ vào đầu gối nàng. Xin nàng hãy nghe cho biết những nỗi khổ đau cơ cực của ta! Đến hôm qua, sau hai mươi ngày trên sóng biển màu rượu vang ta mới thoát khỏi biển khơi. Hai mươi ngày không lúc nào ngừng cả, từ hòn đảo của đại dương, sóng gió ném vớt ta đi đó đây, dưới những đợt triều miên... Cuối cùng các vị thần vớt ta vào bờ biển nơi đây, liệu có phải để cho ta gặp những đau khổ mới nữa không? Ta chẳng thấy gì là đã kết thúc mọi đau khổ. Trời còn dành cho ta biết bao nỗi bất hạnh nữa! Ôi, hơi nữ chúa! xin hãy thương ta! nàng là người đầu tiên ta gặp ở đây sau biết bao nỗi bất hạnh. Trong những người dân của kinh thành này và ở mặt đất, ta chỉ biết có nàng. Xin nàng hãy

cho ta một mảnh vải rách để ta phủ lên tấm lưng của ta. Nàng có mang theo khi đến đây ít nhiều vải bọc đồ không? Cầu mong những ân huệ của các vị thần sẽ lấp đầy những ước vọng của nàng! Xin các vị thần ban cho nàng một người chồng, một gia đình, và sự gắn bó của những trái tim⁽¹⁾ và đó là điều đẹp đẽ nhất. Ở gia đình, trong những tình cảm giữa vợ và chồng thật chẳng có gì tốt hơn, chẳng có gì quý hơn sự hoà hợp. Nó là nỗi tức giận của những kẻ ghen tỵ, là niềm vui lớn của bạn bè và là hạnh phúc trọn vẹn của đôi vợ chồng đó".

Người trinh nữ có cánh tay trắng muốt, nhìn chàng và nói:

"Hỡi người khách lạ! ta xem ra anh không có vẻ mặt của một người ngu dốt, cũng không phải của một kẻ hèn hạ. Ta biết rõ là Dốt từ trên đỉnh núi Ô-lanh-pơ của mình đã phân chia hạnh phúc cho những kẻ hèn hạ cũng như đã phân chia cho những người cao thượng, tùy theo ý muốn của Dốt đối với mỗi người. Nếu Dốt đã ban cho anh những điều bất hạnh đó, thì anh cũng đành phải cam chịu nó mà thôi. Nhưng bây giờ anh đã đến đô thành và đất ở của chúng tôi, anh không sợ phải thiếu áo quần và thiếu bất cứ một thứ gì mà chúng tôi có bốn phần phải ban cho anh trong cuộc gặp gỡ như thế này, như đối với một người cầu xin cùng khốn. Ta sẽ chỉ đường cho anh về đô thị và

(1) union des coeurs.

ta sẽ nói cho anh biết tên gọi của dân xứ chúng tôi. Đô thành này và đất ở này là của người Phê-a-ki chúng tôi, và ta là con gái của An-ki-nô-ốt hào hiệp, vị vua nắm trong tay sức mạnh và quyền lực của xứ Phê-a-ki này”.

Rồi quay về phía những nữ tỳ có mái tóc quấn, nàng ra lệnh:

“... Hỡi các em! Hãy quay lại chỗ mà các em bỏ chạy khi trông thấy chỉ có mỗi một người đàn ông! Các em tưởng rằng đã gặp một trong những kẻ thù của chúng ta sao? Sấm sét đến để mang thảm họa cho xứ sở của những người Phê-a-ki còn chưa ra đời và nó sẽ không bao giờ được sinh ra, bởi vì các vị thần vô cùng yêu mến chúng ta. Chúng ta sống cách biệt ở cái biển cả đầy sóng này, cách biệt đến nỗi không một người trần thế nào giao thiệp với chúng ta. Đứng trước các em chỉ là một con người khốn khổ bị đắm bè. Anh ta đã đến với chúng ta, anh ta phải được chúng ta chăm sóc vì khách lạ và những người hành khất, tất cả đều từ Đốt đưa đến. Thôi nào, hỡi các em, của bố thí nhỏ mọn nhưng niềm vui lại lớn. Các em hãy cho người khách lạ một cái khăn choàng, một tấm áo dài trong đám quần áo đã giặt của chúng ta rồi đưa anh ta ra sông, tắm cho anh ta ở nơi kín gió...”.

Nàng nói vậy và các nữ tỳ lần lượt vừa gọi nhau vừa trở lại và lệnh ban được thi hành. Khi Uy-li-xơ đã được đưa ra chỗ kín gió, các nữ tỳ đặt bên chàng

một chiếc áo dài, một tấm khăn choàng để chàng có thể tự mặc lấy được, và một chiếc bình nhỏ bằng vàng đựng dầu trong. Họ mời chàng tắm trong những dòng nước sông.

Nhưng Uy-li-xơ thần thánh, nói với các nữ tỳ:

"... Hỡi các nữ tỳ! Các em đừng đứng gần đây quá như thế! Không có sự giúp đỡ của các em, ta cũng có thể tắm sạch những bọt biển này trên lưng ta và xoa thứ dầu này lên người mà từ khá lâu nay da ta chưa biết đến. Nhưng trước các em mà ta lại tắm ư?, ta thật xấu hổ khi để mình trần truồng trước những thiếu nữ có mái tóc quăn..."

Chàng nói vậy và những nữ tỳ tránh ra xa, họ đi về trình với công chúa.

Khi Uy-li-xơ thần thánh múc nước sông tắm sạch những bọt biển trát sít vào dưới sống lưng⁽¹⁾ và hai bả vai mình, khi chàng đã gội sạch nước mặn của biển khơi không sinh nở, trên đầu mình và khi chàng đã lao xuống ngụp lặn ở dưới sông rồi lên xoa dầu, chàng bèn mặc những quần áo mà người trinh nữ không có bạn tình⁽²⁾ đã ban cho chàng. Và đây là lúc nữ thần A-tê-na con gái của Dớt vĩ đại, làm cho chàng hiện ra trong một tư thế rất cao lớn, rất mạnh khoẻ. Từ vầng trán của chàng xoã xuống những búp tóc óng ánh sắc

(1) les reins.

(2) La vierge sans maitre.

xanh, tím. Khi chàng trở lại, ngồi xa xa, trên bãi cát thì vẻ duyên dáng và đẹp đẽ của người chàng ngồi ngồi hẳn lên.

Ngắm nhìn chàng, Nô-di-ca nói với những thiếu nữ có mái tóc quấn của mình:

"... Hỡi các nữ tỳ có cánh tay trắng muốt! Hãy để ta nói với các em điều này. Thật chẳng phải là không có một sự hoà hợp nhất trí giữa các vị thần, những người chủ của núi Ô-lanh-pơ, mà người đàn ông này đặt chân đến đất của những người Phê-a-ki thần thánh chúng ta. Ta thấy lúc này anh ta xem ra là kẻ tầm thường, thế mà giờ đây anh ta thật giống như các vị thần của những cánh đồng của bầu trời. Các em hãy đem chút gì ăn uống được lại cho anh ta đi!"

Nàng nói vậy, nghe tiếng nàng, những nữ tỳ vội vã đặt bên Uy-li-xơ những gì ăn uống được. Và thế là chàng, người anh hùng của sự từng trải, Uy-li-xơ thần thánh, uống rồi ăn nghiêng ngấu vì đã bao ngày chàng không có chút gì nuôi thân.

Nhưng nàng trinh nữ có cánh tay trắng muốt theo đuổi ý định của mình. Nàng ra lệnh chất lên chiếc xe đẹp tất cả những áo quần đã gấp rồi thặng những con la chân có móng chắc, vào xe. Nàng trèo lên xe, mời Uy-li-xơ, và nói thẳng với chàng như sau:

"Thôi nào, hãy đứng lên vị khách của ta! Ta phải trở về kinh thành. Ta sẽ dẫn anh về cung điện của cha ta: đó là một người hiểu biết và ở cung điện của

Người anh có thể thấy, hãy tin vào ta, bông hoa của những người Phê-a-ki. Nhưng hãy khá nghe ta, anh xem ra cũng khá tinh khôn đấy! Chừng nào mà chúng ta còn đi dọc theo cánh đồng và những vườn cây thì anh hãy rảo bước đi theo những nữ tỳ của ta, những con la và chiếc xe; ta sẽ chỉ đường cho anh. Khi chúng ta đã vào kinh thành anh sẽ thấy chiều cao của những bức tường và vẻ đẹp của bến rộng mở ở hai bên sườn và những lối đi hẹp của nó, rồi những sàn mũi, sàn lái của những con thuyền nằm bên đường để chứa lại, mỗi con thuyền đều nằm dưới mái che của nó và cũng ở nơi này có ngôi đền thờ Pô-dê-i-đông rất đẹp, quanh quảng trường⁽¹⁾ đều lát đá tảng lấy từ núi về và gần những con thuyền đen là những thợ làm các đồ nghề đi biển, làm buồm, bện dây chèo, những thợ đánh bóng mái chèo. Đừng có nói với những người Phê-a-ki về ống đựng tên, cũng đừng nói đến cung mà hãy nói đến cột buồm, mái chèo và những con thuyền thon nhẹ để đưa họ đi, vui vẻ trên biển khơi ngầu bọt. Anh cũng phải tránh cho ta những câu chuyện không dễ nghe của người dân vì chẳng thiếu gì những kẻ xác lảo trong dân chúng, họ thường chê trách sau lưng. Chỉ cần một kẻ độc ác gặp chúng ta cũng đủ rồi. Ôi chao! ta sẽ nghe thấy thế này: "... Vị khách cao lớn đẹp đẽ kia đi với Nô-di-ca là ai thế?... nàng đã gặp chàng ở đâu vậy?... liệu có phải là chồng của nàng không?... hay là

(1) agora.

một kẻ phiêu bạt mà nàng đã đón được trong một vụ đắm thuyền?... hần ở đâu đến nhỉ?... vì chúng ta không có lán giềng mà!... hay vị thần của sự chờ mong của nàng, thể theo lời cầu nguyện của nàng đã từ trời cao xuống lấy nàng làm vợ suốt đời? Thôi được, còn tốt hơn là cứ kén chọn mãi⁽¹⁾, rút cục nàng đã kiếm được ở đồng đất nước người⁽²⁾ một người chồng... nàng đã chê tất cả những chàng trai của đất Phê-a-ki đến cầu hôn với nàng, họ thật đông và là những người để cho nàng lựa chọn". Đây, người ta sẽ nói như thế và ta sẽ rất xấu hổ vì thế. Bản thân ta, ta cũng chê trách một người con gái nào có tư cách như thế: khi cha mẹ còn đó mà lại giấu cha giấu mẹ đi theo trai không đợi đến ngày làm lễ cưới... Hỡi vị khách của ta! anh đừng có ngại, anh hãy hiểu cho ta những điều ta phân giải⁽³⁾ nếu anh muốn được cha ta nhận lời giúp đỡ đưa anh trở về quê hương sớm sửa".

Trên bờ đường, chúng ta sẽ thấy một rừng bạch dương toàn những cây cao to.

Đó là khu rừng của A-tê-na, trong đó có một con suối chảy, bao quanh là một đồng cỏ. Cha ta có ở đó một vườn nho sai quả⁽⁴⁾. Chỗ ấy rất gần kinh thành, chỉ còn khoảng một tiếng hú... Anh hãy dừng lại ở chỗ

(1) tant mieux qu'en ses tournées.

(2) dehors.

(3) mes raisons.

(4) en plein rapport.

đó, ngồi ở đây đợi một khoảng thời gian để cho chúng ta đi qua đô thành về tới cung điện của cha ta. Sau đó khi anh áng chừng chúng tôi đã ở nhà thì anh hãy đi vào kinh thành và hỏi thăm những người Phê-a-ki, nhà của cha ta, và hỏi thăm những người Phê-a-ki, nhà của cha ta, An-ki-nô-ốt hào hiệp. Cũng dễ tìm thấy thôi, ngay một đứa bé cũng có thể chỉ dẫn cho anh, vì ở đất Phê-a-ki chúng tôi chẳng có ngôi nhà nào giống nhà của An-ki-nô-ốt, vị vua của chúng tôi. Anh hãy mau mau đi qua dãy tường và mảnh sân, đừng để mất một chút thời gian nào ở đó. Anh đi qua căn phòng lớn và đi thẳng tới chỗ mẹ ta. Trong ánh lửa, anh sẽ thấy bà đang ngồi bên bếp, lưng dựa vào cột, cuốn một mớ sợi màu đỏ của biển khơi, màu đỏ làm mất nhìn thích thú. Những nữ tỳ cũng ở ngay đó, ngồi sau mẹ ta, còn ở trong chiếc ghế bành, ngồi quay lưng về phía ánh lửa là cha ta. Người ngồi đó như một vị thần, nhấp từng hớp rượu vang. Anh cứ đi, đừng đứng lại và hãy đưa tay ra ôm lấy đầu gối của mẹ ta, nếu đôi mắt anh muốn nhìn thấy ngày trở về...".

Nàng nói vậy và vụt chiếc roi da bóng nhoáng thúc la chạy. Rất nhanh, họ rời khỏi lạch sông. La thì khi chạy nước kiệu, khi chạy bước dài. Nô-di-ca điều khiển xe la, không phải luôn tay dùng đến roi để cho những người đi bộ, Uy-li-xơ và những nữ tỳ, có thể theo kịp xe.

Khi mặt trời lặn, họ đã đi qua khu rừng quý giá,

thiên liêng của A-tê-na. Đó là lúc chàng Uy-li-xơ thần thánh dừng lại, cầu khẩn không chậm trễ, người con gái của Dớt vĩ đại:

"... Hỡi người con gái của Dớt mang khiên da! A-tơ-ri-rô-nê!, xin hãy chấp nhận lời cầu nguyện của ta! Đây là lúc nữ thần nghe ta, ôi chao! nàng đã từng làm ngơ⁽¹⁾ đi trước những tiếng kêu than về nỗi thảm hoạ của ta, khi ta chịu đựng những tai hoạ của vị vua vinh quang, Người Lay chuyển mặt đất. Xin nàng hãy làm cho những người Phê-a-ki đón tiếp ta như bạn thân thiết của họ và họ hãy rủ lòng thương đến ta".

Uy-li-xơ cầu khẩn như vậy và A-tê-na đã ưng chuẩn.

*

* *

KHÚC CA XXIII - Người nhũ mẫu Ô-ri-clê lên phòng ở trên gác cao của Pê-nê-lốp gọi nàng dậy báo tin cho nàng biết Uy-li-xơ, chồng nàng đã trở về, đã trừng trị bọn cầu hôn. Nhưng Pê-nê-lốp không tin...

Người phụ nữ khôn ngoan nhất trong những người phụ nữ, Pê-nê-lốp đáp lại:

"... Già ơi! xin già hãy nén lại niềm hân hoan và những nụ cười của mình! .. Trở lại nhà! Chao ôi!... già biết đấy, nếu thế thì tất cả chúng tôi, ta và nhất là đứa con trai mà chúng tôi đã sinh ra nó sẽ sung

(1) restas sourde.

sống xiết bao! Nhưng làm sao lại có thể tin ngay vào mấy lời của câu chuyện già vừa kể? Nếu có ai đã đến giết bọn cầu hôn quyền quý, thì đấy là một vị thần. Thói hung hăng của bọn cầu hôn và tội ác của chúng đã làm các vị thần tức giận, bọn này khi có một ai đến bên chúng, dù đó là người quyền quý hay kẻ hèn hạ, chúng đều khinh miệt tất, coi thường tất cả mọi người trên đời này. Đúng là sự điên dại của chúng đã bắt chúng phải đền bồi bằng cái số phận khủng khiếp đó. Nhưng ở xa A-ca-i, chàng Uy-ly-xơ của ta đã mất ngày trở về và mất luôn cả tính mạng của mình nữa rồi!..."

Nhũ mẫu O-ri-clê đáp lại nàng như sau:

"... Lời lẽ nào mà lại thoát ra khỏi hàng rào của răng con như vậy?... hỡi con gái của ta! Chàng đã ở đây! chàng đã ở ngay nhà của chàng, Người mà con tưởng rằng không bao giờ trở về ngôi nhà này nữa... Trái tim con lúc nào cũng ngờ vực. Thế thì đây, liệu có phải là một bằng chứng chắc chắn mà già cần phải nói cho con biết không?... Cái vết thương ngày xưa do con lợn rừng có răng trắng, húc chàng, sọc còn để lại, ta đã trông thấy khi rửa chân cho chàng. Ta toan nói cho con biết nhưng hai tay chàng nắm lấy cổ ta và chàng bịt mồm lại... chàng đã có ý đồ của mình... Đi đi con! theo ta!, ta sẽ đem cuộc sống của bản thân ta ra đảm bảo với con, nếu ta nói dối thì con cứ giết ta đi, bắt ta chết một cách tàn tệ nhất..."

Người phụ nữ khôn ngoan nhất trong những người phụ nữ, Pê-nê-lốp, đáp:

"... Già ơi! ta biết già vốn thận trọng lắm rồi! Nhưng già có thể nào làm đảo lộn được những sắp đặt của các vị thần Bất tử?... Dù sao thì chúng ta cũng phải đi tìm gặp con ta, ta muốn xem những tên cầu hôn quyền quý nếu chúng đã chết thì do ai giết...".

Nói xong từ gác cao, nữ chúa⁽¹⁾ đi xuống. Trái tim nàng mới xốn xang làm sao! Nàng tự hỏi mình không biết nên từ xa hỏi chàng hay đến gần chàng, ôm lấy đầu chàng và cầm lấy tay chàng mà hôn.

Nàng đi vào... nàng đã bước qua ngưỡng cửa đá, trong ánh lửa, nàng đi, lấy một chiếc ghế, ngồi xuống, đối diện với một bức tường khác, ngay trước mặt Uy-li-xơ. Dưới chiếc cột cao, mắt nhìn xuống, chàng chờ người vợ dũng cảm của mình, trông thấy mình, sẽ cất tiếng nói. Nhưng nàng im lặng, chôn chặt những nỗi ngạc nhiên. Nàng còn nhìn, còn ngắm chàng hồi lâu và khi thì đôi mắt nàng lần lần nhận ra những nét của Uy-li-xơ trên khuôn mặt, khi thì lại không nhận ra được chàng trong bộ quần áo rách mướp, bẩn thỉu.

Con trai nàng vừa trách móc nàng, vừa nói với nàng:

"... Mẹ ơi!... sao trái tim của mẹ lại quá tàn nhẫn

(1) la reine.

như thế! Ôi, người mẹ độc ác!... Tại sao mẹ lại ngồi xa cha con như vậy?... Sao mẹ không lại ngồi bên cha con, nói chuyện, hỏi han cha con? ... Thật chưa bao giờ có trái tim của một người đàn bà lại bưng bít đến như vậy!... một trái tim đã xa chồng mà nay sau hai mươi năm trời của những nỗi bất hạnh, triền miên và của biết bao thử thách, người chồng trở về nhưng trái tim ấy lại đối xử như thế. Ôi, trái tim của mẹ bao giờ cũng rắn hơn là đá!...".

Người phụ nữ khôn ngoan nhất trong những người phụ nữ, Pê-nê-lốp, đáp:

"... Con ơi! Sự ngạc nhiên đang nằm trong tim mẹ. Mẹ không thể nói được một lời, cũng không thể hỏi han, cũng không thể nhìn thẳng vào mặt Người. Nếu đúng thật là Uy-li-xơ đã trở về nhà thì cha con và mẹ sẽ nhận ra nhau dễ dàng thôi, vì giữa cha và mẹ có những dấu hiệu thâm kín mà những người khác không biết..."

Nghe những lời đó, Uy-li-xơ thần thánh, mỉm cười và tức khắc người anh hùng của sự từng trải nói với Tê-lê-mác những lời có cánh sau đây:

"... Tê-lê-mác ơi! Hãy để chuyện đó lại! Mẹ con còn muốn thử thách cha con ở ngôi nhà này... Sớm muộn rồi mẹ con cũng sẽ nhận ra cha và chắc chắn là như vậy. Con thấy đấy, hiện giờ người cha thì bẩn, áo quần rách rưới khiến mẹ con khinh bỉ. Sự khinh bỉ đã níu giữ mẹ con lại không cho mẹ con nhìn thấy Uy-li-xơ ở

trong ta. Nhưng về phần cha con ta, chúng ta hãy bàn bạc xem nên xử trí thế nào để cho có được thành công tốt đẹp nhất. Nếu khi có một ai chỉ giết một người ở trong xứ sở và người chết dù chẳng có ai báo thù cho mình thì kẻ giết người cũng đã phải rời bỏ xứ sở và những người thân thích mà ra đi. Còn chúng ta, chúng ta đã hạ cả thành lũy của đô thị, là những người con trai quyền quý nhất của hòn đảo, thế thì con nghĩ thế nào về việc đó, con hãy nói cho cha biết?"

Một cách chững chạc, Tê-lê-mác nhìn cha, nói:

"... Thưa cha, cha là người phải lo liệu việc đó. Trong những người trần thế, sự khôn ngoan của cha ở các hội nghị, như người ta thường nói, thật chẳng ai bằng, không có một người nào ở trên đời này lại có thể sánh độ với cha được..."

Uy-li-xơ tinh khôn, trả lời con như sau:

"... Ta sẽ nói cho con biết điều mà ta cho là tốt nhất. Trước hết mọi người phải tắm rửa và thay hết áo dài, sau đó cho những nữ tỳ mặc những quần áo không có vết bẩn. Còn con hãy mời a-e-dơ thần thánh đến để cho ông ta với cây đàn lia-rơ có tiếng ca trong trẻo của ông ta, dạo lên những điệu nhạc múa dòn dập. Ở ngoài có nghe thấy thì dù là đi ngoài phố hoặc ở gần xung quanh đây, ai ai cũng nói: "... Đám cưới đây!"; bởi vì chúng ta phải làm sao cho cái chết của những tên cầu hôn quyền quý chỉ được mọi người ở đô thành này biết sau khi chúng ta đã ra đi. Và khi đó, chúng ta đã ở vườn cây của chúng ta ở những cánh

đồng, ở đó chúng ta có thời gian để tìm xem Dốt có thể ban cho chúng ta một sự giúp đỡ như thế nào...".

Vốn là những người dễ bảo, khi nghe tiếng nói của chàng, mọi người tuân lệnh. Họ đi tắm rửa, họ thay quần áo, họ trang điểm cho các nữ tỳ, sau đó người ca sĩ cầm lấy cây đàn lia-rơ cong cong. Và khi ông ta và cây đàn đã đánh thức trong trái tim họ niềm khát vọng của âm nhạc du dương và những điệu nhảy tuyệt tác thì tức thời toà cung điện lớn dưới những bước chân của những người đàn ông và những người đàn bà có chiếc thắt lưng xinh đẹp, vang vang lên. Mọi người xung quanh nghe thấy đều nói: "... Một ông chồng nào đã đến cưới Pê-nê-lốp của chúng ta, cưới bà chúa⁽¹⁾ mà bao kẻ cầu hôn tán tỉnh! Người đàn bà bất hạnh! phải bỏ cái toà nhà cao to thế kia mà đi! .. không có trái tim để chờ đợi người chồng thời son trẻ của mình trở về!". Và người ta sẽ nói như vậy, không biết đến câu chuyện đã xảy ra. Nhưng Uy-li-xơ có trái tim lớn, đã nhập vào bản thân mình⁽²⁾. Bà quản gia Ô-ri-nô-mê của chàng đã tắm cho chàng, xoa dầu cho chàng, đã đưa cho chàng một cái áo dài và một cái khăn choàng đẹp. Còn nữ thần A-tê-na thì tươi gọi về đẹp lên đầu chàng. Khi ta thấy một người thợ khéo léo⁽³⁾ được Hê-pha-i-xốt và Pan-lát A-tê-na truyền dạy cho tất cả mọi tài nghệ của mình về chạm dát, vàng

(1) la reine courtesée.

(2) Mais Ulysse au grand coeur était entré chez lui.

(3) l'artiste habile, *Leconte de Lisle*: habile ouvrier.

trên bạc⁽¹⁾ để làm thành một công trình kiệt xuất của vẻ đẹp⁽²⁾ thì đây cũng vậy, A-tê-na đã làm cho vẻ đẹp tuôn chảy trên đầu chàng và nửa người chàng⁽³⁾. Và khi Uy-li-xơ ra khỏi nhà tắm thì chàng trở lại giống hoàn toàn như phong thái của những vị thần.

Chàng ngồi lại vào chiếc ghế bành trước mặt vợ mình mà chàng vừa đứng lên lúc nãy và nói với nàng những lời lẽ như sau:

"... Thật là một người đàn bà bất hạnh!... chưa bao giờ ở một người phụ nữ yếu đuối, những vị thần, kẻ ăn ở trong những cung điện của núi Ô-lanh-pơ, lại đặt vào ngực cô ta một trái tim quá lạnh lùng như vậy! Thôi được! già ơi! kê cho ta một chiếc giường, ta sẽ ngủ một mình, bởi vì đáng nhẽ có trái tim trong ngực, nàng lại chỉ có sắt..."

Người phụ nữ khôn ngoan nhất trong những người phụ nữ, Pê-nê-lốp, đáp lại:

"... Không! hỡi người đàn ông bất hạnh! ta chẳng khinh ai cũng chẳng ghét bỏ ai!, khi ta bình tâm lại ta sẽ nhận ra ở ông, người mà vào một ngày nào đó năm xưa đã ra đi trên con thuyền có những mái chèo dài, đi xa khỏi I-ta-cơ. Hãy nghe ta, hỡi O-ri-clê! già hãy vào trong buồng có những bức tường chắc của ta dọn cho ta chiếc giường mà tay chồng ta đã làm, già

(1) nieller, or sur argent. *Leconte de Lisle*: mêle l'or à l'argent.

(2) chef-d'oeuvre de grâce.

(3) sur sa tête et son buste, faisait couler la grâce.

hãy lắp khung giường vào và trải đệm lên đó cùng với da cừu, những bộ lông cừu và những tấm da có vân!...".

Đó là cách của Pê-nê-lốp thử chống mình. Nhưng Uy-li-xơ tức giận vì không biết ý định của người vợ chung thủy của mình. Chàng nói:

"... Hỡi nàng! nàng có biết những lời nàng nói vừa rồi đã làm đau khổ ta không? Ai là người đã rời chiếc giường của ta đi?... chiếc giường tinh tế nhất nếu không có sự giúp đỡ của một vị thần thì không thể nào rời đi được. Bởi vì thần sẽ làm việc đó dễ dàng thôi. Không một người trần nào đủ hấn đang sức trai và dẫu có muốn chẳng nữa cũng không thể khiêng nó đi chỗ khác được. Kiểu cách của chiếc giường đó là một điều rất bí mật của ta. Chỉ có mình ta làm chiếc giường này, không tay ai giúp. Ở giữa chu vi, một chồi cây ô-liu vươn cành toả lá xanh tươi, chồi này thật chắc và cỡ nó thì vừa độ dày của một cái chân giường. Ta xây quanh nó bằng những tảng đá ghép khít làm thành bốn bức tường của gian buồng mình, ta lợp mái cho nó và khi ta đã lắp một cánh cửa bằng những tấm gỗ dày không chút nứt nẻ thì đến lúc đó ta mới chặt ngọn cây ô-liu đi. Ta cố làm sao đẽo vuông được từ phần thân cây đã bị chặt cho đến gốc. Sau khi đã bào nhẵn và vạch đường nảy mực, ta lấy đoạn cây đó làm chân giường và đục lỗ những chỗ khác. Ta dùng cái chân giường đầu tiên này làm chỗ dựa cho cả chiếc giường, tiếp đó ta hoàn thành việc đóng lắp khung

giường. Khi ta đã khám vàng, bạc, ngà voi, ta căng lên những dải⁽¹⁾ của một tấm da đỏ rực rỡ... Đó là điều bí mật của chúng ta! Chúng cứ như thế đủ chưa nàng? Ta muốn biết liệu chiếc giường của ta có còn ở nguyên chỗ của nó không hay để kê nó ra chỗ khác người ta đã cắt cái thân cây ô-liu đi rồi?...".

Chàng nói vậy và Pê-nê-lốp cảm thấy bủn rủn cả đầu gối và trái tim. Nàng đã nhận đúng mọi dấu hiệu rành rõ mà Uy-li-xơ nói cho nàng biết. Nàng oà khóc và lao về phía chàng, sà cánh tay ra ôm lấy cổ chàng rồi hôn lên trán chàng, chàng Uy-li-xơ của nàng, và nói:

"... Uy-li-xơ chàng ơi! Hãy tha lỗi cho em! Em bao giờ cũng phải chịu nhận chàng là người khôn ngoan nhất trong tất cả mọi người. Chúng ta sống đầy đau khổ, các vị thần không muốn cho mỗi người trong chúng ta vui hưởng tuổi xuân và cùng chung bước với nhau tới ngưỡng cửa của tuổi già. Nhưng ngày hôm nay xin chàng hãy tha lỗi cho em và đừng tủi thân vì nỗi em đã chẳng mừng đón chàng vốn vã ngay lúc mới gặp chàng.

Tận đáy sâu trái tim em, lúc nào cũng nơm nớp nỗi lo sợ, lo sợ có một người đến lạm dụng lòng tin của em mà kể bịa ra các câu chuyện; hẳn là kẻ độc ác vô cùng, chỉ nghĩ đến lừa lọc.

(1) des courroies.

Ôi! người con gái của Dớt, nàng Hê-len đất Ác-gốt, nếu nàng đã từng lo ngại rằng sẽ có một ngày những người con trai của đất A-ca-i cũng như những người con trai của thần A-rét sẽ đi bắt nàng về, trả nàng về với gia đình nàng ở quê hương của cha mẹ nàng thì nàng đã chẳng bao giờ hiến dâng chiếc giường của mình cho một người khác. Nhưng một vị thần đã đưa đẩy nàng đến cái câu chuyện nhục nhã đó... trái tim nàng xưa kia chẳng bao giờ phạm phải cái tội lỗi đáng nguyên rủa đó... cái câu chuyện là nguyên nhân của bao nỗi khổ đối với cả chúng ta nữa.

Nhưng chàng đã làm em tin! bằng chứng không thể bác bỏ được! Chiếc giường của chúng ta đúng là như thế. Ngoài hai chúng ta ra thì chỉ có Ác-tô-rit, một trong những cô gái hầu phòng mà cha em đã ban cho em để về đây là biết chuyện đó. Chính Ác-tô-rit đã canh giữ lối vào căn phòng có những bức tường dày của chúng ta...

Chàng thấy đấy, trái tim em đã chịu khuất phục chàng rồi dù nó có tàn nhẫn... thế nào chẳng nữa...".

Uy-li-xơ nghe những lời nói đó bỗng thấy trong người nôn nao như muốn khóc. Và chàng đã khóc.

Chàng ôm lấy người đàn bà của trái tim mình, trong vòng tay, người bạn đời chung thủy của chàng.

Dịu hiền thay đất liền đối với ước mong của những người bị đắm thuyền vì thần Pô-dê-i-đông đã bẻ vụn tan con thuyền của họ dưới sóng cả gió to. Họ đến đây

rồi, một vài người nhô lên khỏi đám bọt nước, bơi được tới đất liền, thân hình của họ bám đầy cặn muối biển. Sung sướng biết bao! họ đã đặt chân tới đất liền, họ đã thoát khỏi thảm hoạ!... Cái nhìn của chồng đối với Pê-nê-lốp dường như cũng dịu hiền như vậy... đôi cánh tay trắng muốt của nàng không sao buông ra được khỏi cổ chàng.

Rạng đông có những ngón tay hồng, gặp họ đang khóc. Nếu không có ý định của A-tê-na, vị nữ thần có đôi mắt sáng xanh lục, kéo dài thêm đêm đen đang trùm phủ thế gian thì trời đã sáng. Nàng giữ nữ thần Rạng đông lại bên bờ Đại dương, gần ngay ngai vàng của nữ thần. A-tê-na không cho Rạng đông đặt ách lên những con ngựa chạy nhanh của nàng, những con ngựa non của Rạng đông, Lam-pốt và Pha-ê-tông...

THU MỤC

- C. Mác và Ph. En-ghe-n - *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* - Sự thật, Hà-nội, 1970.
- Ph. En-ghe-n - *Chống Duy-rinh* - Sự thật, Hà nội, 1976
- Ph. En-ghe-n - *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước* - Sự Thật, Hà-nội - 1961.
- C. Mác - *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học* - Sự Thật, Hà-nội 1971.
- *Các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác bàn về khoa học lịch sử* - Sự Thật, Hà-nội, 1963.
- *Mác, En-ghe-n, Lê-nin và Chính trị - kinh tế học* - Sự Thật, Hà-nội, 1962.
- C. Mác - *Những hình thức cổ trước sản xuất tư bản chủ nghĩa* - Sự Thật, Hà-nội, 1976.
- C. Mác, Ph. En-ghe-n, V.I. Lê-nin - *Bàn về các xã hội tiền tư bản* - Khoa học xã hội - 1975.
- Lê-nin - *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh* - Tiến bộ, Ma-xcơ-va 1971.
- Lê-nin - *Bút ký triết học* - Sự Thật, Hà-nội, 1963.
- Lê-nin - *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm - phê phán* - Sự Thật, Hà-nội, 1960.
- C. Mác và Ph. En-ghe-n - *Về văn học và nghệ thuật* - Sự Thật, Hà-nội, 1958.

- V.I. Lê-nin - *Bàn về văn học nghệ thuật* - Sự Thật, Hà-nội, 1960.
- C. Mác, Ph. En-ghe-n, V.I. Lê-nin - *Về văn học và nghệ thuật* - Sự Thật, Hà-nội, 1977.
- Lê-nin - *Bàn về văn hoá, văn học* - Văn học, Hà-nội, 1977.
- Hồ chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh - *Về văn hoá, văn nghệ* - (in lần thứ ba), Văn hoá, Hà-nội, 1972.
- Giăng Phơ-rê-vin - *Mác, En-ghe-n, Lê-nin và văn học nghệ thuật* - Sự Thật, Hà-nội, 1962.
- M. Gor-ki - *Bàn về văn học* (hai tập) in lần thứ hai, Văn học, Hà-nội, 1970.

XXX

- Viện Hàn Lâm khoa học Liên Xô, Viện Dân tộc - *Những vấn đề lịch sử xã hội nguyên thủy* - Đặng Công Lý dịch, Giáo dục, 1963.
- Viện Hàn Lâm khoa học Liên xô. Viện Triết học, Viện Lịch sử nghệ thuật - *Nguyên lý mỹ học Mác - Lê-nin* - Hoàng Xuân Nhị dịch (gồm bốn phần) Sự Thật, Hà-nội, 1961.
- *Lịch sử văn học phương Tây*, tập I - (Nhiều tác giả) Giáo dục, Hà-nội, 1963.
- Nguyễn Văn Khoa - *Thần thoại Hy-lạp* - Giáo dục, Hà-nội, 1963.
- Nhữ Thành - *Thần thoại Hy-lạp* - Văn học, Hà-nội, 1966.
- *I-li-át* - Phan Thị Miến trích dịch - Văn-học, Hà-nội, 1966.
- *Ô-đi-xê* - Phan Thị Miến Trích dịch - Văn-học, Hà-nội, 1966.
- La-côn - *"I-li-át bài ca hùng tráng, bài ca nhân đạo của người Hy-lạp cổ"* - Nghiên cứu văn học, số 9, 1962.

- La-côn - *Ô-đi-xê tiếng hát ca ngợi cuộc sống* - Nghiên cứu văn học số 5, 1963.

*

* *

- V. Diakob et S. Kovalev - *Histoire de l' Antiquité* - Manuel à l'usage des étudiants d' Instituts pédagogi - ques de L'U.R.S.S. Editions Ph. en-ghen langues étrangères Moscou.
- Pierre Grimal - *Pelite histoire de la mythologie et des dieux* - Fernand Nathan, Paris.
- Pierre Grimal - *Dictionnaire de la mythologie grecque et romain* - Presses universitaires de France, 1951.
- Alfred Croiset et Maurice Croiset - *Histoire de la littérature grecque* - Albert Fontemoing, Editeur 1896.
- Alexis Pierron - *Histoire de la littérature grecque* - Hachette, Paris.
- Max Egger - *Histoire de la littérature grecque* - Paul Delaplace, Paris.
- Jean-Pierre Vernant - *Les origines de la pensée grecque* - Presses Universitaires de France, Paris, 1962.
- André Bonnard - *La civilisation grecque* - Édition de Claire Fontaine Lausanne, 1954.
- V. de Magalhaes - Vilhema - *Progrès technique et blocage social dans la cilé antique* - La Pensée No 102, 4-1962.
- Jean Jacques Goblot - *L'avènement de la pensée rationnelle et le "Miracle grec"* - La Pensée No 104, 8-1962.
- Charles Parain - *Les caractères spécifiques de la lutte de classes dans l'Antiquité classique* - La Pensée No 108, 4-1963.

- George Thomson - *Marxisme et Poésie* - Recherches Internationales No 38, 1963.
- Victor Bérard - *La Résurrection d'Homère* - Bernard Grasset. Paris.
- Victor Bérard - *L' Odyssée* - (Collection des chefs d'oeuvre de la littérature expliquée) Mellotée. Paris, 1931.
- Victor Bérard - *Les Navigations d'Ulysse* - Armand Colin, Paris.
- Louis Moulinier - *Quelques hypothèses relatives à la géographie d' Homère dans l' Odyssée* - Aix en Provence, Orphys, 1958.

*

* *

- A.Ph. Losev - *Comer* - Uchpedgiz - M.1960.
- S.I. Radcig - *Istorijadrevnegrec cheskoj literatury* - izd, 3o, K.M. 1959.
- I.M. Tronskij - *Istori ja antichnoj literatury* - izd, 3o, L. 1957.
- V.G. Borukhovitch - *Istori ja drevnegrechskoj literatury* (klasicheskij period) Vysshaja. shkola M. 1962.
- K.P. Polonskaja, - *Poemy Gomera* - I.M.S. 1961.
- A.Ph. Losev i... - *Antichnaja literatura* - Uchebnik dlja pedinstitutov pod obshchej redakciej proph. A.A. Takho-Godi.
- I.I. Tolstoj - *Aedy, antichnaja tvorcy i nociteli drevnevo epoca* - (Ctat'i o phol' klore) Izdatels' tvo Nauka, Moskva - Leningrad, 1966.
- *Miphologhiceski j slovar'* - M.N. Botvinnik, M. A Kogan i... izd "Prosveshchenie", Moskva 1965.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu.....	5
Những cơ sở lịch sử xã hội của hai bản anh hùng ca của Hô-me-rơ.....	11
Những đặc điểm của tư duy thần thoại.....	30
Vai trò của những nghệ nhân dân gian A-e-đơ, Ráp-xô-đơ, Hô-mê-ri-đơ trong sự hình thành và lưu truyền anh hùng ca.....	43
Chống những quan điểm sai lầm về thơ ca dân gian và vai trò của những nghệ nhân dân gian A-e-đơ.....	57
Trường ca của Hô-me-rơ và truyền thuyết về cuộc chiến tranh Tơ-roa.....	85
Nội dung i-li-át.....	111
- Nhân vật và lý tưởng.....	111
- Chiến tranh và chủ nghĩa nhân đạo dã man và văn minh.....	134
Nội dung Ô-đi-xê.....	178
- Từ người anh hùng chiến trận đến người anh hùng trên mặt biển.....	178
- Khát vọng tìm hiểu thế giới xung quanh và niềm ước mơ một cuộc sống văn minh, hoà bình, hạnh phúc.....	213
Xã hội Hô-me-rơ.....	251

Những vấn đề nghệ thuật trong hai bản trường ca của Hô-me-rơ.....	293
Tính nhân dân của hai bản trường ca	355
Vấn đề Hô-me-rơ	367
Hô-me-rơ qua các thời đại	389
Kết luận.....	405
-Bản đồ Hy-lạp cổ đại	
- Bản đồ hành trình của Uy-li-xơ	
Những ý kiến của các nhà nghiên cứu về xã hội cổ đại, thần thoại, truyền thuyết và anh hùng ca	415
- Các Mác và Ph. En-ghe-nơ.....	416
- M. Gô-rơ-ki.....	437
- V.G. Biê-lin-xki và một số tác giả khác	453
I-li-át (trích dịch)	503
Ô-đi-xê (trích dịch)	570
Thư mục	630
Mục lục.....	634

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 8.294684 - 8.294685

Fax: 04 8 294 781

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN CỪ

Biếp tập:

Vẽ bìa:

Trình bày:

Sửa bản in:

In 1000 cuốn, khổ 13x19cm, tại Công ty in LĐXH

Giấy TNKHXB số: 196/VHGP ngày 23/5/2002.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2002.

ANH HÙNG CA CỦA HÔMERO



Sách phát hành tại
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ ĐỊNH LỄ
HÀ NỘI

Điện thoại: 8.261652